ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

BAMBOO CAPITAL

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 0311315789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 11 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 12 tháng 04 năm 2024)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số .....35...../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày .25 tháng 04... năm 2024)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL (BCG)

Trụ sở chính: 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 62.680.680 Fax: 028 62.99.11.88

Email: info@bamboocap.com.vn

Website: http://www.bamboocap.com.vn/

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SBS

Địa chỉ: 40 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: +84 28 6268 6868 **Fax:** +84 28 6255 5939

Website: www.sbsc.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Phạm Minh Tuấn

Chức vụ: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Số điện thoại: 028 62.680.680

SBS CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SBS

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311315789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Lần đầu ngày 07 tháng 11 năm 2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 12 tháng 04 năm 2024)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital

Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 266.733.811 cổ phiếu

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 2.667.338.110.000 đồng

1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84)28-3820 5944 - (+84)28-3820 5947 Fax: (+84)28-3820 5942

Website: https://nasce.com.vn/

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SBS

Địa chỉ: 40 Phạm Ngọc Thạch, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: +84 28 6268 6868 Fax: (+84) 28 62555 939

Website: www.sbsc.com.vn

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 8

1. Tổ chức phát hành 8

2. Tổ chức tư vấn 8

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 8

1. Rủi ro về kinh tế 8

2. Rủi ro về luật pháp 11

3. Rủi ro đặc thù 11

4. Rủi ro về đợt chào bán (việc chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán) 15

5. Rủi ro pha loãng 16

6. Rủi ro quản trị công ty 20

7. Rủi ro khác 20

III. CÁC KHÁI NIỆM 20

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 22

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành 22

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành 23

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành 23

4 Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành 26

5. Thông tin về công ty mẹ và công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối 33

6 Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành 46

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác 57

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành 57

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài 58

10. Hoạt động kinh doanh 58

11. Chính sách đối với người lao động 108

12 Chính sách cổ tức 112

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất 112

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành (nếu thông tin về các cam kết có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành như thông tin về các hợp đồng thuê sử dụng đất, trái phiếu chưa đáo hạn, các quyền chưa thực hiện của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi v.v) 113

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán 113

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích 113

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 113

1. Kết quả hoạt động kinh doanh 113

2. Tình hình tài chính 119

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành 137

4 Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức 143

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG 149

1. Thông tin về Cổ đông sáng lập 149

2. Thông tin về cổ đông lớn 149

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng 150

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN 198

1. Loại cổ phiếu 198

2. Mệnh giá cổ phiếu 198

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán 198

4 Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá 198

5. Giá chào bán dự kiến 198

6 Phương pháp tính giá 198

7 Phương thức phân phối 199

8. Đăng ký mua cổ phiếu 200

9 Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu 201

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu 202

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu 202

12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành (trường hợp Tổ chức phát hành thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền) 203

13. Hủy bỏ đợt chào bán 203

14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài 203

15. Các loại thuế có liên quan (thuế thu nhập và các thuế khác liên quan đến cổ phiếu chào bán) 203

16. Thông tin về các cam kết 205

17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt: 205

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN 205

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN 205

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN 212

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ: 213

XII. PHỤ LỤC 213

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. So sánh EPS năm 2024 trong trường hợp pha loãng thu nhập trên cổ phần 17
Bảng 2: Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/03/2024 của Công ty 18
Bảng 3: Ngành nghề kinh doanh chính 23
Bảng 4. Quá trình tăng vốn của Công ty 47
Bảng 5: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 26/03/2024 57
Bảng 6. Cơ cấu doanh thu của Công ty theo báo cáo tài chính công ty mẹ 87
Bảng 7: Cơ cấu doanh thu của Công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất 87
Bảng 8. Cơ cấu chi phí của Công ty theo báo cáo tài chính công ty mẹ 88
Bảng 9. Cơ cấu chi phí của Công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất 89
Bảng 10. Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty mẹ 89
Bảng 11. Cơ cấu lợi nhuận gộp theo BCTC hợp nhất 90
Bảng 12: Tài sản cố định của Công ty mẹ 90
Bảng 13: Tài sản cố định theo báo cáo hợp nhất 91
Bảng 14. Kết quả lợi nhuận từ đầu tư trực tiếp của Công ty 93
Bảng 15. Các hợp đồng lớn trong giai đoạn từ năm 2022 đến hiện tại 94
Bảng 16. Danh sách khách hàng, nhà cung cấp chính 96
Bảng 17. Cơ cấu lao động của Công ty 109
Bảng 18. Tình hình chi trả cổ tức các năm gần đây của Công ty 112
Bảng 19. Kết quả hoạt động kinh doanh công ty mẹ 114
Bảng 20. Kết quả hoạt động kinh doanh Hợp nhất 114
Bảng 21: Tình hình vốn điều lệ của Công ty 119
Bảng 22. Vốn kinh doanh của Công ty theo báo cáo tài chính Công ty mẹ 120
Bảng 23. Vốn kinh doanh của Công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất 120
Bảng 24. Tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Công ty 121
Bảng 25. Thời gian trích khấu hao tài sản cố định 122
Bảng 26. Mức lương bình quân của người lao động công ty 123
Bảng 27. Tình hình công nợ riêng và hợp nhất của Công ty 123
Bảng 28. Tình hình phải thu theo BCTC riêng 124
Bảng 29. Tình hình phải thu theo BCTC Hợp nhất 125
Bảng 30. Các khoản phải thu khác có giá trị lớn tại 31/03/2024 126
Bảng 31. Các khoản phải thu quá hạn báo cáo hợp nhất tại 31/03/2024 127
Bảng 32 Tình hình phải trả theo BCTC riêng lẻ 128
Bảng 33 Tình hình phải trả theo BCTC hợp nhất 128
Bảng 34. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty mẹ năm 2022 130

Bảng 35. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty mẹ năm 2023 130
Bảng 36. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty mẹ Quý I/2024 131
Bảng 37. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước Hợp nhất năm 2022 131
Bảng 38. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước Hợp nhất năm 2023 132
Bảng 39. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước Hợp nhất Quý I/2024 133
Bảng 40. Trích lập các quỹ Hợp nhất 133
Bảng 41. Chỉ tiêu tài chính báo cáo riêng 134
Bảng 42. Chỉ tiêu tài chính báo cáo hợp nhất 135
Bảng 43. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận 144
Bảng 44. Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận như sau: 144
Bảng 45. Dự án năng lượng đang triển khai 145
Bảng 46. Danh sách cổ đông lớn là cá nhân của Công ty 149
Bảng 47. Thành viên hội đồng quản trị 150
Bảng 48. Thành viên Ban kiểm soát 189
Bảng 49. Lịch trình dự kiến của đợt phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng 201

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

Ông Nguyễn Hồ Nam	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Tùng Lâm	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hữu Quốc	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SBS

Bà Lý Thị Thu Hà	Chức vụ: Giám đốc Khối Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp

(Giấy ủy quyền số 01/2024/QĐUQ-TGĐ ngày 05/03/2024 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán SBS)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty cổ phần Chứng khoán SBS tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số 10/2022/HĐ-NHĐT ngày 15/09/2022 với Công ty cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất v.v. chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

a. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng GDP là nhân tố vĩ mô quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam đã có nhiều khả quan, mức tăng trong giai đoạn 2015-2019 đều đạt trên 6%. Năm 2020 là năm khó khăn đối với nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng, do đó tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2020 đạt 2,91% và năm 2021

giảm nhẹ xuống 2,58%. GDP năm 2022 tăng cao đạt ở mức 8,02% và GDP năm 2023 ước tính đạt 5,05%.

Hình 1. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2010 - 2023 (%)

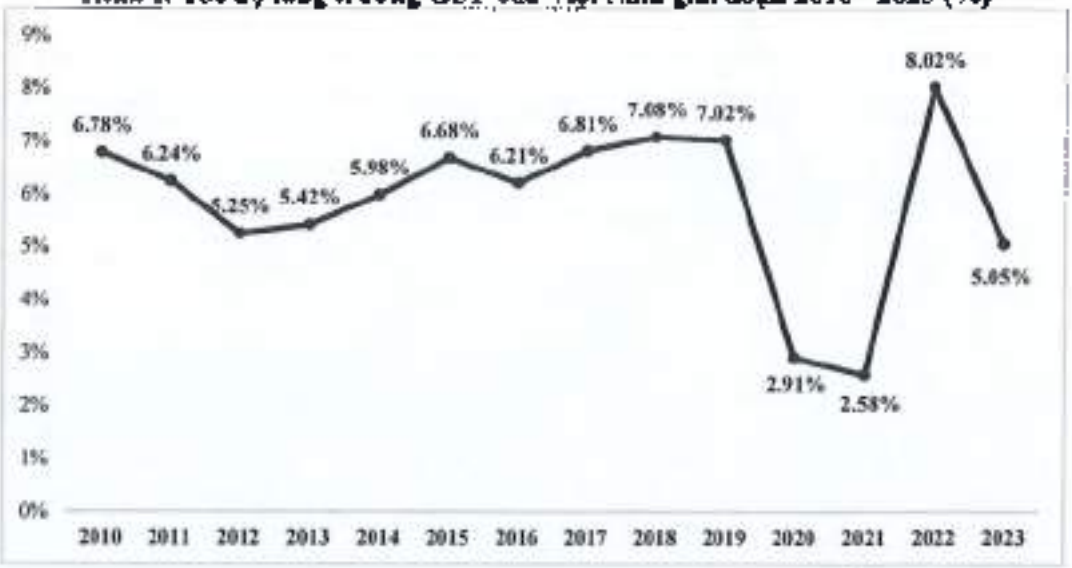

(Nguồn: Tổng Cục thống kê)

Dự kiến năm 2024, Quốc Hội tán thành, thông qua Nghị quyết đặt chỉ tiêu tăng trưởng GDP ở mức 6 - 6,5%, GDP bình quân đầu người đạt khoảng 4.700 - 4.730 đô la Mỹ. Cùng với đó, theo Báo cáo Triển vọng phát triển châu Á tháng 12/2023, dự báo của ADB tăng trưởng của Việt Nam vẫn giữ ở mức 6%. Dự báo của Ngân hàng Thế giới (WB), tăng trưởng GDP của Việt Nam được dự báo đạt khoảng 5,5% trong năm 2024. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) mới công bố dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam tăng 5,8%.

Do đó, ảnh hưởng từ dịch bệnh và chiến tranh sẽ có thể tiếp tục tác động đến nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng trong hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm nay và trong giai đoạn tới, nhận thức được những rủi ro về ảnh hưởng từ tăng trưởng kinh tế chung, Công ty đã chủ động chuẩn bị các phương án hoạt động kinh doanh và phương án tài chính cũng như nguồn lực cần thiết phù hợp theo những kịch bản khác nhau của nền kinh tế.

b. Lạm phát

Bên cạnh GDP, chỉ số lạm phát cũng là một yếu tố vĩ mô phản ánh thực trạng nền kinh tế. Lạm phát tăng sẽ dẫn đến gia tăng chi phí sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp trong khi giá hàng hóa lại bị ảnh hưởng bởi nhu cầu thị trường.

Theo Tổng cục Thống kê, năm 2023 lạm phát Việt Nam đạt mức 3,25% và đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Đây là mức tăng cao hơn của bình quân 5 năm gần đây nhưng thấp hơn khá nhiều so với mức tăng lạm phát bình quân của các năm trong giai đoạn 2010 – 2014.

Hình 2. Tốc độ lạm phát của Việt Nam giai đoạn 2010 - 2023

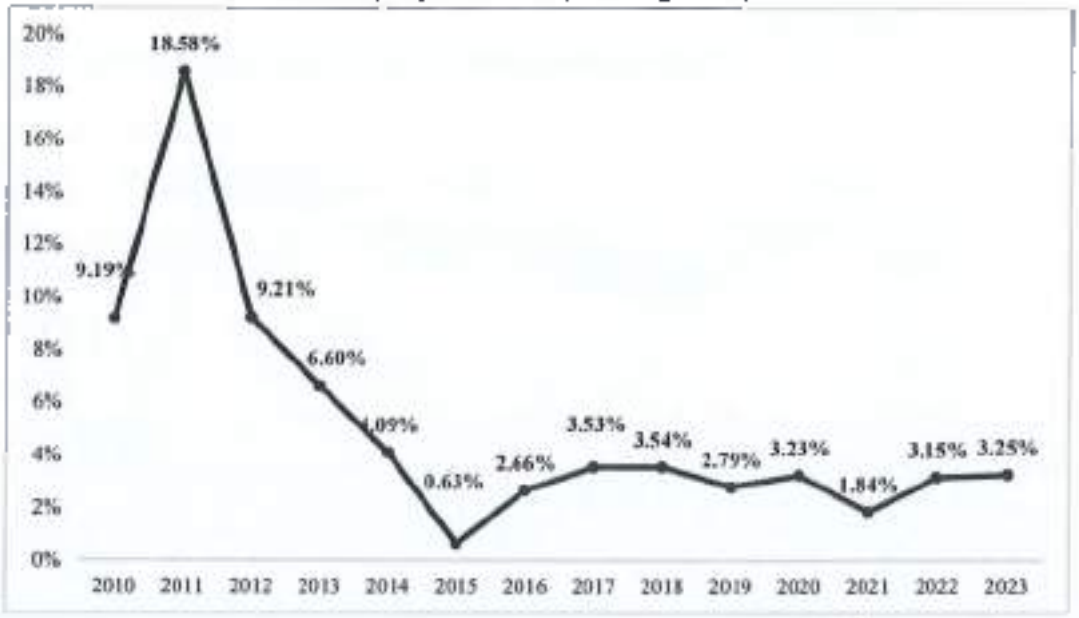

(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Trong nước, vài năm trở lại đây, Chính phủ luôn đề ra mục tiêu tăng trưởng kinh tế đi kèm với kiểm soát lạm phát ở mức dưới 4% bằng việc điều hành các chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ hết sức linh hoạt. Theo đó, trong suốt những năm qua, lạm phát của Việt Nam luôn được kiểm soát và duy trì ổn định ở mức dưới 4%. Tuy vậy, theo dự báo mới nhất của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), dù đã hạ nhiệt nhưng lạm phát toàn cầu năm 2024 vẫn ở mức cao 5,8%

Mặc dù tỷ lệ lạm phát được duy trì ở mức ổn định trong một vài năm trở lại đây, không thể bảo đảm rằng nền kinh tế Việt Nam sẽ không lặp lại các giai đoạn lạm phát cao trong tương lai. Nếu lạm phát của Việt Nam tăng cao đáng kể thì chi phí riêng và hợp nhất của Công ty dự kiến sẽ tăng. Nếu Công ty không thể chuyển các chi phí và phí tổn gia tăng này vào giá hàng hoá và dịch vụ cho khách hàng, thì các chi phí đó sẽ có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất của Công ty.

c. Lãi suất

Bên cạnh yếu tố lạm phát, lãi suất cũng là một chỉ số tài chính vô cùng quan trọng mà Công ty phải luôn theo dõi và cập nhật thường xuyên nhằm đưa ra các chiến lược kinh doanh và đầu tư hợp lý.

Mặc dù nền kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng đáng kể trong những thập kỷ qua, tỷ lệ tăng trưởng vẫn không đồng đều, cả về mặt địa lý và giữa các ngành khác nhau của nền kinh tế. Nhà nước Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp khác nhau để khuyến khích tăng trưởng kinh tế và hướng dẫn phân bổ các nguồn lực. Một số trong các biện pháp này có thể mang lại lợi ích cho tổng thể nền kinh tế Việt Nam, nhưng có thể tác động bất lợi đến Công ty. Ví

dụ, việc tăng lãi suất để kiểm soát tốc độ tăng trưởng kinh tế có thể ảnh hưởng bất lợi đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

đ. Tỷ giá

Rủi ro biến động tỷ giá là rủi ro ảnh hưởng trực tiếp tới các doanh nghiệp có các hoạt động kinh doanh liên quan đến xuất nhập khẩu hay các giao dịch ngoại tệ. Biến động tỷ giá có thể làm tăng chi phí tài chính do hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty sử dụng ngoại tệ để nhập nguyên vật liệu đầu vào, các khoản chi phí vay ngoại tệ,... Mặc dù thị trường ngoại hối Việt Nam về cơ bản ổn định (do quan hệ cung cầu cơ bản ổn, thanh khoản thị trường tương đối dồi dào, dự trữ ngoại hối tiếp tục tăng v.v) nhưng những biến động mạnh trên thị trường ngoại hối quốc tế có tác động nhất định tới tỷ giá USD/VND. Hiện tại trong hệ thống công ty thành viên của Công ty có khoản vay ngoại tệ, chiếm khoảng 20% tổng nợ vay trong Công ty. Tuy nhiên chủ yếu đây là các khoản vay ngoại tệ chủ yếu dùng để tài trợ cho các dự án năng lượng tái tạo là điện mặt trời trang trại và điện mặt trời mái nhà, rủi ro tỷ giá được giảm thiểu bằng cách cân đối dòng tiền trả nợ gốc và lãi định kỳ với doanh thu tiền điện cũng được tính bằng đồng USD theo quy định về giá FIT, vì vậy nên ảnh hưởng tỷ giá với Công ty là thấp.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp là sự ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp của việc thay đổi hệ thống pháp luật, và/hoặc các văn bản pháp luật đến các hoạt động kinh doanh của Công ty, chiến lược phát triển ngành nghề kinh doanh liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, Công ty liên tục cập nhật những thay đổi của các văn bản pháp luật điều chỉnh liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp. Đồng thời, Công ty cũng thực hiện xây dựng và duy trì áp dụng một hệ thống quản trị nội bộ chuẩn mực và tuân thủ các quy định của pháp luật. Với sự ổn định của môi trường pháp lý, sự chấp hành nghiêm chỉnh các quy định chung của pháp luật cũng như những yêu cầu riêng của ngành trong các hoạt động của Công ty, có thể thấy rủi ro về pháp luật không phải là những rủi ro đáng kể.

3. Rủi ro đặc thù

a. Rủi ro trong hoạt động sản xuất và thương mại

Theo Báo cáo của Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong tháng 12/2023, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 63,54 tỷ USD, tăng 4,7% so với tháng trước và tăng 12,7% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung cả năm 2023, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 683 tỷ USD, giảm 6,6% so với năm trước, trong đó xuất khẩu giảm 4,4%; nhập khẩu giảm 8,9%. Cán cân thương mại hàng hóa năm 2023 ước tính xuất siêu 28 tỷ USD. *(*)*

Tuy nhiên, những biến động trong nền kinh tế và chính trị toàn cầu đang có những ảnh hưởng tiêu cực tới tiến trình phát triển trong nước. Đối với lĩnh vực thương mại, lạm phát tăng cao, giá cả nguyên vật liệu cũng tăng theo đã khiến cho chi phí sản xuất và giá thành

sản phẩm bị đẩy lên theo, từ đó ảnh hưởng tới hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam. Bên cạnh đó xung đột Ukraine tiếp diễn cùng với hàng loạt vấn đề phát sinh khác như gián đoạn chuỗi cung ứng. Ngoài ra, Trung Quốc cũng là một trong những đối tác thương mại và cũng là thị trường tiêu thụ lớn nhất của Việt Nam.

Công ty cũng gặp nhiều khó khăn trong sự biến động của thị trường. Để hạn chế rủi ro, phần lớn nguồn đầu vào được Công ty lựa chọn từ đối tác uy tín, cùng với các phương tiện hiện đại, tiên tiến làm giảm trở ngại cho Công ty trong hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó, do mối quan hệ thân thiết, lâu năm với nhà cung cấp, nên việc chủ động nguồn thu mua đầu vào với giá cả hợp lý và góp phần làm gia tăng lợi nhuận.

(*) Nguồn: https://www.mpi.gov.vn/portal/Pages/2023-12-29/Tong-kim-ngach-xuat-nhap-khau-hang-hoa-nam-2023-uoaburip.aspx

b. Rủi ro từ mảng hạ tầng công cộng và bất động sản

Trong năm 2023, nguồn cung nhà ở thương mại vẫn còn rất khan hiếm. Tổng nguồn cung nhà ở năm 2023 đạt khoảng 55.329 sản phẩm, tăng 14% so với tổng lượng sản phẩm chào bán năm 2022, nhưng vẫn chỉ bằng 32% so với năm 2018 – năm chưa xảy ra đại dịch (180.000 sản phẩm).

Thị trường thiếu vắng hẳn các sản phẩm nhà ở thương mại giá bình dân. Tỷ trọng nguồn cung căn hộ thuộc phân khúc bình dân trên tổng nguồn cung căn hộ mở bán liên tục tụt giảm, từ mức 30% vào năm 2019 còn 6% vào năm 2023. Nguồn cung các căn hộ có giá dưới 25 triệu đồng/m2 chỉ có từ các dự án nhà ở xã hội, các dự án nhà thương mại tại các tỉnh thành cấp II, cấp III. Đặc biệt, phân khúc trung cấp cũng bắt đầu khan hiếm tại Hà Nội, TP.HCM. Trong ngắn hạn, nguồn cung vẫn khó có thể bật tăng do số lượng dự án nhà ở thương mại được cấp phép mới rất ít và đang ngày càng có xu hướng sụt giảm, đặc biệt là phân khúc bình dân, trung cấp. Do bị chặn bởi nút thắt về pháp lý khiến cơ quan quản lý Nhà nước thận trọng hơn trong việc phê duyệt dự án. Vướng mắc pháp lý cũng khiến doanh nghiệp gặp khó khăn về đầu ra, không có nguồn lực để trả nợ và phát triển dự án mới…

Việc sửa đổi các luật liên quan (đất đai, nhà ở, kinh doanh BĐS, đấu giá tài sản công v.v) cũng sẽ có tác động nhất định đến thị trường BĐS. Dòng tiền bị ảnh hưởng nghiêm trọng do mọi hoạt động bán hàng và mua hàng bị ngưng trệ, lượng giao dịch khó bật tăng do nguồn cung khan hiếm, không phù hợp với khả năng tài chính của người mua, mặt bằng lãi suất giảm nhưng nhà đầu tư, doanh nghiệp vẫn chưa tiếp cận với nguồn vốn tín dụng do không đáp ứng được điều kiện vay vốn... Một số nguồn cung được nhà đầu tư đặc biệt quan tâm, được kỳ vọng tạo "cú hích" cho thị trường lại không "ra" được do không đáp ứng được yêu cầu pháp lý.

Do đó, Công ty cũng chịu tác động trực tiếp về hoạt động bán hàng. Bên cạnh đó các dự án cũng chịu tác động từ chính sách, hành lang pháp lý chưa hoàn chỉnh.

Để hạn chế điều đó, Công ty đã lựa chọn các đối tác là tổ chức có uy tín và năng lực tài chính để hợp tác kinh doanh, phát triển dự án, nhằm tăng cường nguồn lực, học hỏi kinh

nghiệm cũng như nâng cao hiệu quả kinh doanh. Ngoài ra, chiến lược của Công ty lựa chọn đa dạng hóa danh mục đầu tư với các sản phẩm bất động sản dân cư, bất động sản thương mại, bất động sản khu công nghiệp do đó cũng hạn chế được tối đa ảnh hưởng tình hình thị trường BĐS hiện tại. Đồng thời, để giảm thiểu ảnh hưởng đến từ hoạt động chào bán bị tác động do yếu tố thị trường, Công ty đã tích cực tái cấu trúc tài chính, giảm lãi các khoản vay hiện hữu cũng như gia hạn các gói trái phiếu để giảm áp lực tài chính trong ngắn và trung hạn. Để phục vụ cho kế hoạch dài hạn, đội ngũ pháp lý dự án cũng tích cực phối hợp với các cơ quan chức năng để tháo gỡ các nút thắt tại các dự án để tạo một diện tích đất "sạch" và đủ điều kiện triển khai theo kế hoạch.

c. **Rủi ro từ mảng năng lượng tái tạo**

Theo các chuyên gia, năm 2019, 2020 được xem là một năm bùng nổ của ngành năng lượng tái tạo mà chủ đạo là điện gió và điện mặt trời nhờ những chính sách ưu đãi của Chính phủ. Tính đến cuối năm 2023, quy mô hệ thống điện Việt Nam đạt khoảng 80.555MW về tổng công suất nguồn, tăng thêm khoảng 2.800MW so với năm 2022. Trong đó, tổng công suất các nguồn điện năng lượng tái tạo (bao gồm điện gió, điện mặt trời) là 21.664MW, chiếm tỷ trọng 27% toàn hệ thống. Như vậy, Việt Nam đang đứng đầu khu vực ASEAN về công suất nguồn điện. Sự phát triển quá nhanh của các dự án nguồn điện năng lượng tái tạo khiến hệ thống lưới điện đầu tư không theo kịp dẫn đến tình trạng quá tải, không đồng bộ, khó khăn trong giải tỏa công suất xảy ra cục bộ ở một số khu vực, đồng thời 2 tháng đầu hè năm 2023 đã xảy ra thiếu điện tại một số khu vực miền Bắc do nhiều nguyên nhân xảy ra đồng thời (như phụ tải tăng cao, nước về các hồ thủy điện rất kém, sự cố các tổ máy nhiệt điện, thiếu than...). Để giảm thiểu rủi ro liên quan giải tỏa công suất cũng như gia tăng hiệu quả đầu tư, trước khi quyết định đầu tư, Công ty đã có những rà soát, đánh giá tiềm năng, lựa chọn địa điểm phù hợp, thuận lợi trong công tác đền bù giải phóng mặt bằng, những khu vực có nhu cầu phụ tải cao, hệ thống truyền tải thuận lợi, còn nhiều khả năng giải tỏa công suất như Bình Định, Long An, Vĩnh Long và một số khu vực khác. Nhờ vậy, quá trình vận hành nhà máy điện của Công ty về cơ bản không bị ảnh hưởng hoặc bị tác động cục bộ không đáng kể, từ đó giúp nhà máy vận hành ổn định, đảm bảo hiệu quả đầu tư dự án theo kế hoạch.

Ngoài ra, nhằm khắc phục tình trạng nêu trên, Chính phủ đã chỉ đạo tăng cường đầu tư, phát triển hệ thống lưới điện đảm bảo đồng bộ với nguồn điện, quá trình quy hoạch chỉ phê duyệt dự án nguồn điện khi đảm bảo khả năng giải tỏa công suất, đồng thời có những động thái thúc đẩy quyết liệt các dự án đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 trong đó có những dự về hệ thống hạ tầng lưới điện, về trung và dài hạn sẽ giúp giải quyết các vấn đề của hệ thống điện quốc gia.

Bên cạnh đó những vướng mắc về chính sách vẫn chưa được khai thông hoàn toàn. Mặc dù, quy hoạch điện VIII đã được ban hành, nhưng khung giá điện mới vẫn chưa được xây dựng. Nhận biết được vấn đề về rủi ro, Công ty đã xây dựng đội ngũ quản lý dự án dày dặn kinh nghiệm, bảo đảm thi công đúng tiến độ, dự phòng nhiều tình huống có thể xảy ra, các rủi ro, nguy cơ tiềm tàng từ đó có kế hoạch phù hợp đảm bảo tiến độ, hiệu quả triển khai dự án.

Bên cạnh đó, Công ty đã kết hợp làm việc với các đối tác quốc tế như Tập đoàn Hanwha - Hàn Quốc trong lĩnh vực vận hành các nhà máy điện năng lượng tái tạo, hợp tác với Tập đoàn SP Group trong lĩnh vực phát triển điện mặt trời áp mái, cùng nhiều nhà đầu tư khác để giúp cho việc vận hành ổn định, hiệu quả các nhà máy hiện có và tiếp tục phát triển các dự án điện năng lượng tái tạo khác trong tương lai.

Ngày 07/01/2023, Bộ Công Thương đã đưa ra Quyết định số 21/QĐ-BCT quy định khung giá phát ĐMT, điện gió chuyển tiếp để làm cơ sở cho EVN và các chủ đầu tư sớm thỏa thuận giá điện để đưa các nhà máy vào vận hành, tránh gây lãng phí tài nguyên. Theo đó, giá điện mặt trời mặt đất là 1.184đ/kWh, thấp hơn 29,5% so với mức giá FIT đạt. Giá điện gió trên bờ và ngoài khơi cũng thấp hơn khoảng 21%, lần lượt là 1.587đ/kWh và 1.816đ/kWh. Thực tế vận hành trong 4 tháng đầu năm 2023, với sự quay trở lại của hiện tượng El Nino giá thực tế giao dịch trên thị trường điện liên tục đạt trần. So sánh với giá khung được ban hành trong Quyết định số 21/QĐ-BCT, giá trần áp dụng cho điện gió đang được đề xuất thấp hơn giá thị trường điện toàn phần giao dịch từ 17% - 28%. Ngoài ra, các doanh nghiệp vẫn đang được hưởng các chính sách ưu đãi năng lượng tái tạo như việc vẫn áp dụng thời hạn giá trong 20 năm với điện gió chuyển tiếp. Bộ Công thương đã đề nghị EVN hướng dẫn nhà đầu tư quy trình. Trường hợp tài liệu còn thiếu, sẽ cho phép nhà đầu tư tiếp tục bổ sung, tuân thủ đúng quy định pháp luật.

đ. Rủi ro từ mảng xây dựng

Ngành xây dựng đang trở nên bão hòa, khi các yếu tố nội tại như cạnh tranh trong ngành, sức ép từ khách hàng, sự leo thang của "bão giá" nguyên vật liệu xây dựng, và hành lang pháp lý, đã và đang ảnh hưởng tiêu cực đến biên lợi nhuận gộp của các công ty. Theo Tổng Cục Thống kê, năm 2023, tốc độ tăng trưởng của ngành Xây dựng ước đạt 7,3 - 7,5%; Tỷ lệ đô thị hóa toàn quốc ước đạt 53,9%; Tỷ lệ lập quy hoạch chung đô thị đạt 100%; Diện tích bình quân nhà ở toàn quốc đạt khoảng 26 m^2 sàn/người, tăng 0,5 m^2 sàn/người so với năm 2022; Tỷ lệ người dân đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 96%, tăng 1,8% so với năm 2022; Tỷ lệ thất thoát thất thu nước sạch giảm xuống còn 17%, giảm 0,5% so với năm 2022; Tỷ lệ tổng lượng nước thải được thu gom xử lý đạt khoảng 17%.

Về vật liệu xây dựng, giá trị sản xuất xi măng ước đạt sản lượng sản xuất đạt 89,4 triệu tấn, giảm 5,45% so với năm 2022, tiêu thụ 89 triệu tấn, giảm 6% so với năm 2022; sản lượng sản xuất gạch ốp lát đạt 386,5 triệu m^2, giảm khoảng 15% so với năm 2022, sản lượng tiêu thụ khoảng 291,5 triệu m2 giảm 25% so với năm 2022. (**).

Năm 2024, Bộ Xây dựng tiếp tục nghiêm túc quán triệt và tổ chức thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, bám sát chủ đề năm của Chính phủ để cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp và tập trung, cố gắng cao độ để tổ chức thực hiện hiệu quả. Trong đó, ngành xây dựng phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng về xây dựng phấn đấu đạt 6,5-7%; tỷ lệ đô thị hóa cả nước tính theo khu vực nội thành/nội thị ước đạt 43,7%; tỷ lệ đô thị hóa cả nước tính theo khu vực toàn đô thị ước đạt 53,9%; tỷ lệ người dân đô thị được cung

cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt khoảng 97%; tỷ lệ thất thoát thất thu nước sạch giảm xuống khoảng 15,5%; tỷ lệ thu gom xử lý nước thải đạt khoảng 18%; diện tích bình quân nhà ở toàn quốc đạt khoảng 26,5m^2 sàn/người; sản lượng sản xuất xi măng khoảng 100 triệu tấn... (***)

Với nhu cầu phụ thuộc chủ yếu vào nguồn nguyên vật liệu cũng như nhân công, những biến động trong kinh tế và chính trị quốc tế được dự báo sẽ tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến toàn ngành, đặc biệt là các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, bất động sản và bất động sản nghỉ dưỡng.

(**) Nguồn: https://baodautu.vn/tieu-thu-xi-mang-noi-dia-nam-2023-chua-noi-60-trieu-tan-d205892.html

(***) Nguồn:

- https://www.vietnamplus.vn/nganh-xay-dung-dat-1012-chi-tieu-ve-do-thi-hoa-dien-tich-nha-o-va-nuoc-sach-post917167.vnp

- https://nhandan.vn/toc-do-tang-truong-nganh-xay-dung-uoc-dat-hon-8-post731410.html

Công ty đã thực hiện xác định các rủi ro cần xử lý, đo lường và đánh giá tác động đến tỷ lệ thành công của dự án, đặc biệt các rủi ro liên quan đến dự án, bao gồm cả chi phí và thời gian thực hiện. Ngoài ra, Công ty cũng đã cập nhật các công cụ xác định rủi ro xây dựng, kết hợp với phân tích, thống kê thực nghiệm, dự báo, ý kiến chuyên gia và các phương pháp khác để tìm ra nguồn gốc, xuất xứ và phạm vi ảnh hưởng sớm nhất có thể, xử lý kịp thời và cải thiện hiệu quả công việc. Nguồn nhân lực sẽ được đào tạo để vận hành thành thạo máy móc thiết bị và nâng cao ý thức về sử dụng và bảo quản.

4. Rủi ro về đợt chào bán (việc chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán)

a. Rủi ro về việc chào bán:

Hiện nay, cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) nên giá cổ phiếu của Công ty sẽ chịu tác động cung cầu của thị trường. Mối quan hệ cung cầu này lại chịu ảnh hưởng từ những yếu tố kinh tế vĩ mô, vi mô và tâm lý chung của nhà đầu tư. Cụ thể xu hướng tăng trưởng ổn định của thị trường chưa được khẳng định chắc chắn khi hoạt động của các doanh nghiệp nói chung vẫn còn gặp nhiều khó khăn sau dịch bệnh Covid-19; bên cạnh đó thị trường chứng khoán còn bất ổn đã có ít nhiều tác động đến tâm lý nhà đầu tư, khiến nhà đầu tư dè dặt hơn trong việc đưa ra các quyết định đầu tư của mình và không dám đầu tư mạo hiểm.

Giá trị thị trường của cổ phiếu BCG trong vòng 30 phiên liên tiếp tính đến ngày 31/03/2024 đang giao dịch dưới mệnh giá (10.000 đồng/cổ phiếu), nguyên nhân lớn là do tình hình chung của cả thị trường chứng khoán nên giá giao dịch bị sụt giảm.

Đồng thời, việc phân phối cổ phiếu sẽ chính thức được thực hiện sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận do đó việc thành công của đợt chào bán cổ phiếu của Công ty

sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán tại thời điểm chính thức chào bán.

Ngoài ra, với triển vọng tăng trưởng của Công ty trong thời gian tới cũng như mức độ khả quan về dòng tiền quay về thị trường chứng khoán thì khả năng thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư đối với cổ phiếu của Công ty là có, hay sự thành công của đợt chào bán là có khả năng. Bên cạnh đó, số lượng cổ phần còn dư do các cổ đông hiện hữu không mua hết hoặc từ chối quyền mua (nếu có), Hội đồng quản trị sẽ phân phối cho các nhà đầu tư khác.

b. Rủi ro đối với việc sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 06/2022/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 22/07/2022 và Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 15/03/2023; Nghị quyết HĐQT số 91/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 30/09/2022, Nghị quyết HĐQT số 105/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 22/12/2022, Nghị quyết HĐQT số 10/2023/NQ-HĐQT-BCG ngày 10/02/2023 và Nghị quyết HĐQT số 22/2023/NQ-HĐQT-BCG ngày 15/03/2023 đã thông qua phương án dự kiến sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán, đánh giá rủi ro với việc sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán cụ thể như sau:

Xét về mục đích sử dụng thanh toán nợ phải trả và bổ sung vốn lưu động khác cho hoạt động của Công ty: Việc lành mạnh hóa báo cáo tài chính cũng như việc rà soát các khoản công nợ đến hạn và thanh toán nghĩa vụ của mình đúng thời hạn cũng là phương án hợp lý trong thời điểm hiện nay, qua đó đảm bảo được uy tín với các đối tác. Ngoài ra, hiện nay việc huy động vốn chủ để hạn chế nguồn vốn tín dụng là hợp lý, góp phần giảm chi phí tài chính và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

Xét về mục đích cho Công ty con vay: Hiện tại các doanh nghiệp bất động sản nói chung đang bị khó khăn về cả chính sách, cơ chế, thi công, bán hàng..., do đó, để làm giảm áp lực trả nợ vay tín dụng hoặc nguồn vay khác có lãi suất cao, nhiều thủ tục pháp lý thì việc được hỗ trợ vốn từ công ty mẹ là thực sự cần thiết. Bên cạnh đó, với suy nghĩ tích cực về sự hồi phục của thị trường bất động sản vào đầu năm 2024 thì việc bổ sung nguồn vốn để hoàn thiện các hạng mục dự án, sẵn sàng mở bán khi thị trường bất động sản sôi động trở lại là một cơ hội lớn, hay việc trả lãi và gốc cho BCG là khả thi hay mục đích sử dụng vốn này có rủi ro không cao.

Với kết quả kinh doanh đã đạt được trong những năm qua cùng với tiềm năng, triển vọng phát triển của Công ty trong thời gian tới, do đó rủi ro về mục đích sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán được đánh giá là thấp.

5. Rủi ro pha loãng

Công ty hiện đã có cổ phiếu đang lưu hành trên thị trường, do đó việc chào bán cổ phiếu công chúng sẽ dẫn đến hiện tượng cổ phiếu bị pha loãng, bao gồm: (i) pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần (EPS); (ii) pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần; (iii) pha loãng tỷ lệ nắm giữ và biểu quyết; (iv) pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.

5.1 Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần

Trong điều kiện doanh thu và lợi nhuận chưa tăng kịp so với tốc độ tăng trưởng của vốn điều lệ, thu nhập trên cổ phiếu sẽ bị giảm do lợi nhuận sau thuế của Công ty được chia cho số lượng cổ phiếu nhiều hơn.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi cơ bản trên một cổ phiếu:

EPS = Lợi nhuận sau thuế/Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân

$$\text{SL cổ phiếu lưu hành bình quân} = \frac{X*12 + Y*t}{12}$$

Trong đó: X: Số lượng cổ phiếu lưu hành trước khi phát hành

Y: Số lượng cổ phiếu phát hành thêm

t: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm

Giả định thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm là: 07 tháng
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ là:

$$\text{SL cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ (không phát hành)} = \frac{533.467.622*12}{12} = 533.467.622 \text{ cổ phiếu}$$

$$\text{SL cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ (phát hành)} = \frac{533.467.622*12 + 266.733.811*07}{12} = 689.062.345 \text{ cổ phiếu}$$

Bảng 1. So sánh EPS năm 2024 trong trường hợp pha loãng thu nhập trên cổ phần

TT	Nội dung	Đơn vị	Không phát hành	Phát hành
1	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	951.680.717.738	951.680.717.738
2	Số CP lưu hành bình quân	Cổ phiếu	533.467.622	689.062.345
3	EPS	Đồng/cổ phiếu	1.784	1.381

(Nguồn: Theo kế hoạch kinh doanh hợp nhất của BCG)

Chỉ số thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) có thể giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho mục đích đầu tư chưa tạo ra ngay doanh thu, lợi nhuận ngay trong năm 2024. Vì vậy, do ảnh hưởng của việc phát hành thêm 266.733.811 cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu, EPS có thể

bị pha loãng theo dự kiến như bảng tính trên.

Tuy nhiên việc EPS dự kiến năm 2024 điều chỉnh giảm chỉ là nhất thời, với nguồn vốn thu được từ đợt chào bán thì hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian tới sẽ đạt được những hiệu quả nhất định và sẽ có thể tạo được sự tăng trưởng EPS trong những năm tiếp theo.

5.2 Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần được tính theo công thức sau:

$$GTSS = \frac{\text{Tổng giá trị vốn chủ sở hữu (đồng)}}{\text{Tổng số cổ phần đang lưu hành (cổ phần)}}$$

Bảng 2: Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/03/2024 của Công ty

Chỉ tiêu	31/03/2024
Theo báo cáo tài chính công ty mẹ	
Nguồn vốn chủ sở hữu (đồng)	6.224.483.870.523
Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	533.467.622
Giá trị sổ sách (đồng/CP)	11.668
Theo báo cáo tài chính hợp nhất	
Nguồn vốn chủ sở hữu (đồng)	17.673.323.564.146
Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	533.467.622
Giá trị sổ sách (đồng/CP)	33.129

(Nguồn: BCG)

Sau khi hoàn thành đợt phát hành, giá trị sổ sách của mỗi cổ phần sẽ bị thay đổi do có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu lưu hành và tốc độ tăng trưởng vốn chủ sở hữu. Nếu tốc độ tăng vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phần sau đợt chào bán thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ giảm và ngược lại.

5.3 Rủi ro pha loãng tỷ lệ nắm giữ và biểu quyết

Do đợt chào bán được thực hiện theo phương thức thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu nên sẽ không làm giảm tỷ lệ nắm giữ, quyền biểu quyết của các cổ đông nếu các cổ đông thực hiện quyền đầy đủ. Tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông sẽ giảm trong trường hợp cổ đông từ chối hoặc chuyển nhượng quyền mua cổ phần (so với thời điểm trước ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu).

Với phương án phát hành cổ phiếu đã được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua, cổ đông đã được chuẩn bị về đợt chào bán này, do đó, khả năng pha loãng tỷ lệ sở hữu của các cổ đông hiện

hữu được đánh giá ở mức thấp.

5.4 Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu

Sau khi phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, số lượng cổ phiếu lưu hành trên thị trường của Công ty cũng tăng lên tương ứng.

Việc phát hành thêm cổ phần sẽ làm pha loãng giá cổ phiếu. Cụ thể, tại thời điểm phát hành cổ phiếu, giá của cổ phiếu Công ty sẽ bị pha loãng theo công thức sau:

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (I_1 \times P_{cl})}{1 + I_1}$$

Trong đó:

P_{tc} : Giá tham chiếu tại Ngày giao dịch không hưởng quyền

PR_{t-1} : Giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày giao dịch không hưởng quyền

P_{cl} : Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu

I_1 : Tỷ lệ vốn tăng thêm do phát hành quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

Ví dụ:

Giả sử Giá đóng cửa của cổ phiếu BCG tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày giao dịch không hưởng quyền là 15.000 đồng/cổ phiếu (cao hơn giá phát hành), theo phương án phát hành dự kiến, giá cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu. Trong đó, tỷ lệ phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu là 2:1, giá cổ phiếu sẽ bị pha loãng như sau.

Giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền = (15.000 + 0,5 x 10.000)/(1 + 0,5) = 13.333 đồng/cổ phiếu.

Trong trường hợp, giá đóng cửa của cổ phiếu BCG tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày giao dịch không hưởng quyền thấp hơn hoặc bằng giá phát hành thì theo quy định tại Khoản 4, Điều 33 Quyết định số 17/QĐ-HĐTV ngày 31/03/2022 của Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam quy định:

"4. Trường hợp giao dịch chứng khoán không được hưởng cổ tức và các quyền kèm theo, giá tham chiếu tại ngày không hưởng quyền được xác định theo nguyên tắc lấy giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất điều chỉnh theo giá trị cổ tức được nhận hoặc giá trị của các quyền kèm theo, ngoại trừ các trường hợp sau:

a) Doanh nghiệp phát hành thêm cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng với giá phát hành cao hơn hoặc bằng giá đóng cửa của ngày giao dịch liền trước ngày không hưởng quyền sau khi đã điều chỉnh các quyền khác (nếu có).

b) Doanh nghiệp trả cổ tức bằng tiền với giá trị số tiền lớn hơn hoặc bằng giá đóng cửa của cổ phiếu trong ngày giao dịch liền trước ngày không hưởng quyền.

c) Doanh nghiệp thực hiện trả cổ tức/thưởng bằng cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu."

Trường hợp này giá tham chiếu của cổ phiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ không bị điều chỉnh.

6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro quản trị công ty xuất phát từ việc quản trị công ty không tốt, thiếu nhất quán, ảnh hưởng đến sự phát triển ổn định và lâu dài, gây thiệt hại cho công ty, người lao động và cổ đông của công ty. Trong trường hợp Hội đồng quản trị quản lý không hiệu quả, thiếu minh bạch, không kịp thời phát hiện những rủi ro do hành vi sai phạm của Ban Điều hành sẽ gây rủi ro và ảnh hưởng đến hoạt động của công ty.

Những thông tin liên quan đến quản trị công ty như cơ cấu cổ đông, mối quan hệ sở hữu giữa các cổ đông, giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các bên liên quan, giữa cổ đông với công ty, v.v cũng là yếu tố gây ra rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của công ty, quyền lợi của các cổ đông và người lao động.

Trong trường hợp Hội đồng quản trị, Ban điều hành công ty quản lý, sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán này không hiệu quả sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty, quyền lợi của cổ đông. Ngoài ra, việc phát hành cổ phiếu cũng tạo áp lực về doanh thu, lợi nhuận, cổ tức, hiệu quả sử dụng vốn, v.v. khi quy mô hoạt động kinh doanh, công tác quản lý chưa phù hợp.

Để khắc phục những rủi ro có thể xảy ra nêu trên, Công ty luôn hoàn thiện các thể chế hoạt động, năng lực quản lý, trình độ chuyên môn của Hội đồng quản trị, Ban điều hành cũng như công tác giám sát từ Ban kiểm soát. Thực hiện đúng chủ trương, kế hoạch hoạt động kinh doanh đã trình và được ĐHĐCĐ thông qua. Bên cạnh đó, Công ty không ngừng hoàn thiện hệ thống website, thực hiện công bố thông tin thường xuyên tới các cổ đông, thực hiện tốt công tác quản trị, quan hệ cổ đông.

7. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, v.v là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng khi xảy ra có thể gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Dịch bệnh là rủi ro bất khả kháng, do đó, để giảm thiểu thiệt hại các ngành, lĩnh vực, Công ty phải chấp nhận và có biện pháp cho riêng mình, sau đó mới tính đến hoạt động hỗ trợ kỹ thuật của Nhà nước về việc giảm chi phí, tăng cơ hội chuyển đổi.

III. CÁC KHÁI NIỆM

UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
BCTC	:	Báo cáo tài chính
BĐS	:	Bất động sản
Công ty/Tổ chức phát hành/BCG	:	Công ty cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital

Công ty cổ phần Bamboo Capital	:	Tên gọi cũ của Công ty cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên
CMND	:	Chứng minh nhân dân
CP	:	Cổ phần
CTCP	:	Công ty cổ phần
CTCK	:	Công ty chứng khoán
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
Điều lệ Công ty	:	Điều lệ của Công ty cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital
ĐKDN	:	Đăng ký doanh nghiệp
ĐMT	:	Điện mặt trời
ERP	:	Enterprise Resource Planning – Hoạch định tài nguyên doanh nghiệp
EVN	:	Tập đoàn Điện lực Việt Nam
GDP	:	Tổng sản phẩm quốc nội
GĐ	:	Giai đoạn
GTGT	:	Giá trị gia tăng
HCM	:	Hồ Chí Minh
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
HĐTV	:	Hội đồng thành viên
HOSE	:	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
NHTM	:	Ngân hàng thương mại
QH	:	Quy hoạch
QLDN	:	Quản lý doanh nghiệp
SXKD	:	Sản xuất kinh doanh
TGĐ	:	Tổng Giám đốc
TNDN	:	Thu nhập doanh nghiệp
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
TP.	:	Thành phố

TSCĐ	:	Tài sản cố định
Tổ chức tư vấn/SBS	:	Công ty cổ phần Chứng khoán SBS
USD	:	Đồng đô la Mỹ
VĐL	:	Vốn điều lệ
VND	:	Việt Nam Đồng
GTSS	:	Giá trị sổ sách
VSDC	:	Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

- Tên công ty viết bằng tiếng Việt:	**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL**
- Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:	**BAMBOO CAPITAL GROUP JOINT STOCK COMPANY**
- Tên công ty viết tắt:	Không có
- Giấy chứng nhận ĐKDN	Số 0311315789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 11 năm 2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 12 tháng 04 năm 2024
- Trụ sở chính:	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại:	(84.28) 6268 0680
- Fax:	(84.28) 6299 1188
- Website:	https://bamboocap.com.vn/
- Email:	info@bamboocap.com.vn
- Vốn điều lệ:	5.334.676.220.000 đồng
- Người đại diện theo pháp luật:	Ông Nguyễn Hồ Nam – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT Ông Nguyễn Tùng Lâm – Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Mã cổ phiếu:	BCG
- Sàn niêm yết:	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)

- Ngành nghề kinh doanh chính:

Bảng 3: Ngành nghề kinh doanh chính

STT	Ngành nghề	Mã ngành
1	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	7020
2	Khai thác đá	0810
3	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
6	Sản xuất điện	3511
7	Truyền tải và phân phối điện	3512
Và các ngành nghề kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

Được thành lập vào năm 2011, BCG hoạt động trong hai lĩnh vực chính: (i) Dịch vụ ngân hàng đầu tư bao gồm các hoạt động huy động vốn, tái cơ cấu, tư vấn tài chính, tư vấn niêm yết, đầu tư dự án và tư vấn M&A và (ii) Tư vấn, cung cấp giải pháp công nghệ thông tin bao gồm quản lý dự án, xây dựng data center.

Năm 2015, BCG chuyển đổi thành công ty đầu tư và mở rộng thêm 02 mảng hoạt động: Hoạt động thương mại (bán buôn phân bón, thức ăn gia súc, sản phẩm nông nghiệp) và Đầu tư mua bán sáp nhập doanh nghiệp.

Giai đoạn 2015 - 2016, BCG phát triển thành công ty đầu tư đa ngành với 15 công ty thành viên, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực như sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng, thương mại, khai thác khoáng sản v.v. Các thương vụ đầu tư của BCG đều hướng tới đầu tư giá trị và nắm giữ lâu dài.

Ngày 27/04/2015, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản số 2308/UBCK-QLPH chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng của BCG.

Công ty chính thức niêm yết và giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh vào ngày 08/07/2015.

Tại lễ công bố Bảng xếp hạng VNR500 - Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2023, Bamboo Capital tiếp tục trên Bảng xếp hạng, tăng 54 bậc từ 157 lên vị trí 103 và đây là năm thứ 7 liên tiếp Công ty có mặt trong Bảng xếp hạng uy tín này.

Tính đến 31/12/2023, tổng giá trị tài sản của BCG là 42.009.335 triệu đồng (tương đương khoảng 1.714,67 triệu USD, tính trên tỷ giá 24.500 đồng/USD). Chiến lược đầu tư BCG tập trung vào phát triển bền vững và bảo toàn vốn.

Tính đến ngày 31/03/2024 vốn điều lệ của BCG là 5.334.676.220.000 đồng.

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành

CTCP Tập đoàn Bamboo Capital được tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ, công ty con tuân thủ theo các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty.

Tính đến thời điểm 31/03/2024, CTCP Tập đoàn Bamboo Capital quản lý các công ty thành viên và công ty liên kết thông qua 05 nhóm ngành chính sau:

- Lĩnh vực hoạt động Sản xuất và Thương mại: Lĩnh vực này có 01 công ty con BCG sở hữu trực tiếp là CTCP Phát triển Nguyễn Hoàng; 02 công ty con BCG sở hữu gián tiếp.
- Lĩnh vực hoạt động Xây dựng và Đầu tư cơ sở hạ tầng: Lĩnh vực này có 01 công ty con BCG sở hữu trực tiếp là CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải, 05 công ty con BCG sở hữu gián tiếp *(trong đó CTCP Nước sạch Life Purity đang làm thủ tục giải thể)*.
- Lĩnh vực hoạt động Bất động sản: Lĩnh vực này có 03 công ty con BCG sở hữu trực tiếp là CTCP BCG Land, Công ty TNHH Phoenix Mountain, và CTCP BCG Khu công nghiệp Cát Trinh; 05 công ty con BCG sở hữu gián tiếp.
- Lĩnh vực hoạt động Năng lượng tái tạo: Lĩnh vực này có 01 công ty con BCG sở hữu trực tiếp là CTCP BCG Energy; 17 công ty con BCG sở hữu gián tiếp.
- Lĩnh vực hoạt động Dịch vụ tài chính:
  + Lĩnh vực hoạt động đầu tư tài chính có 01 công ty con BCG sở hữu trực tiếp là CTCP BCG Financial.
  + Lĩnh vực hoạt động Bảo hiểm có 1 công ty con BCG sở hữu trực tiếp là Tổng CTCP Bảo Hiểm AAA.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CTCP TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

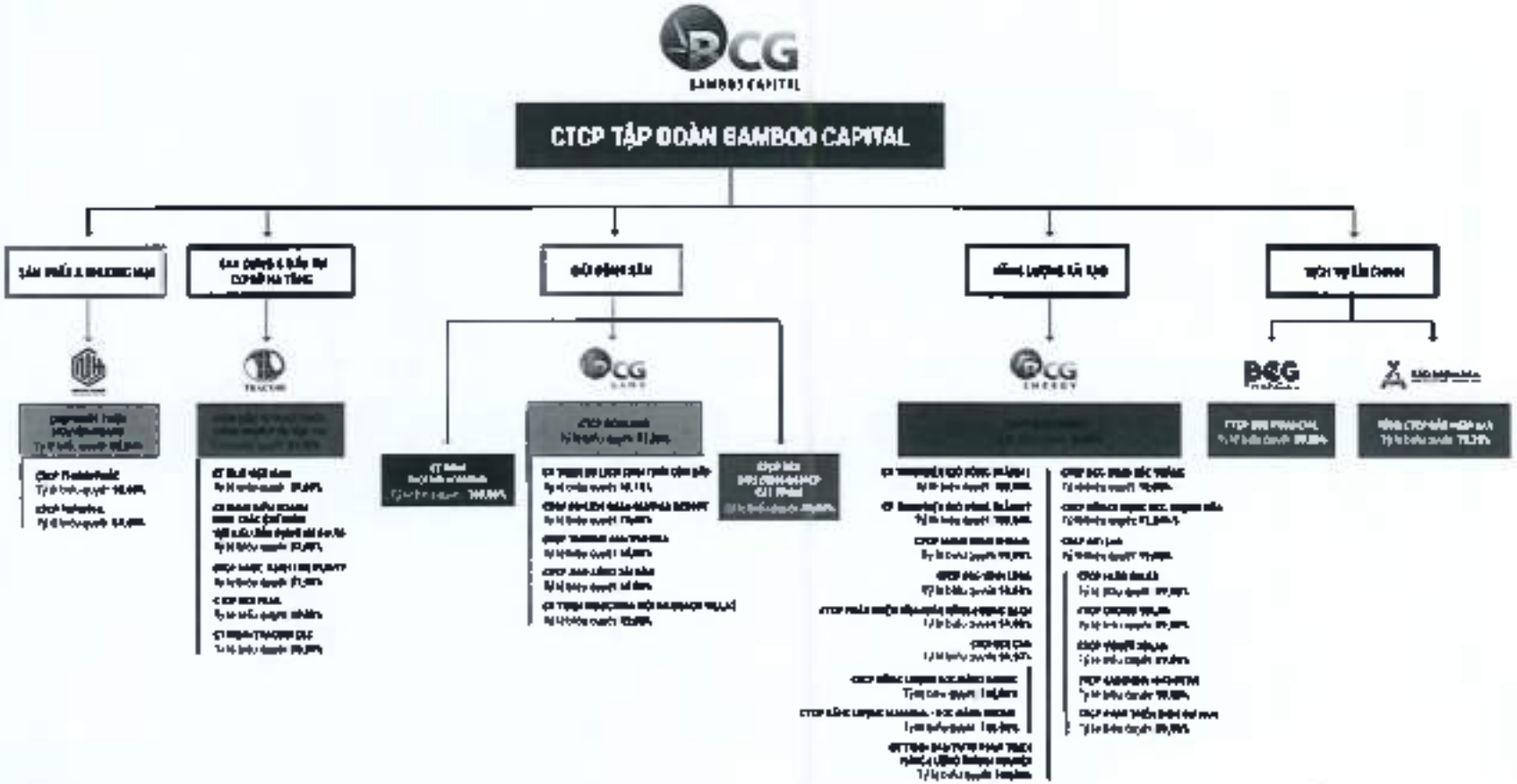

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành

Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của CTCP Tập đoàn Bamboo Capital

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

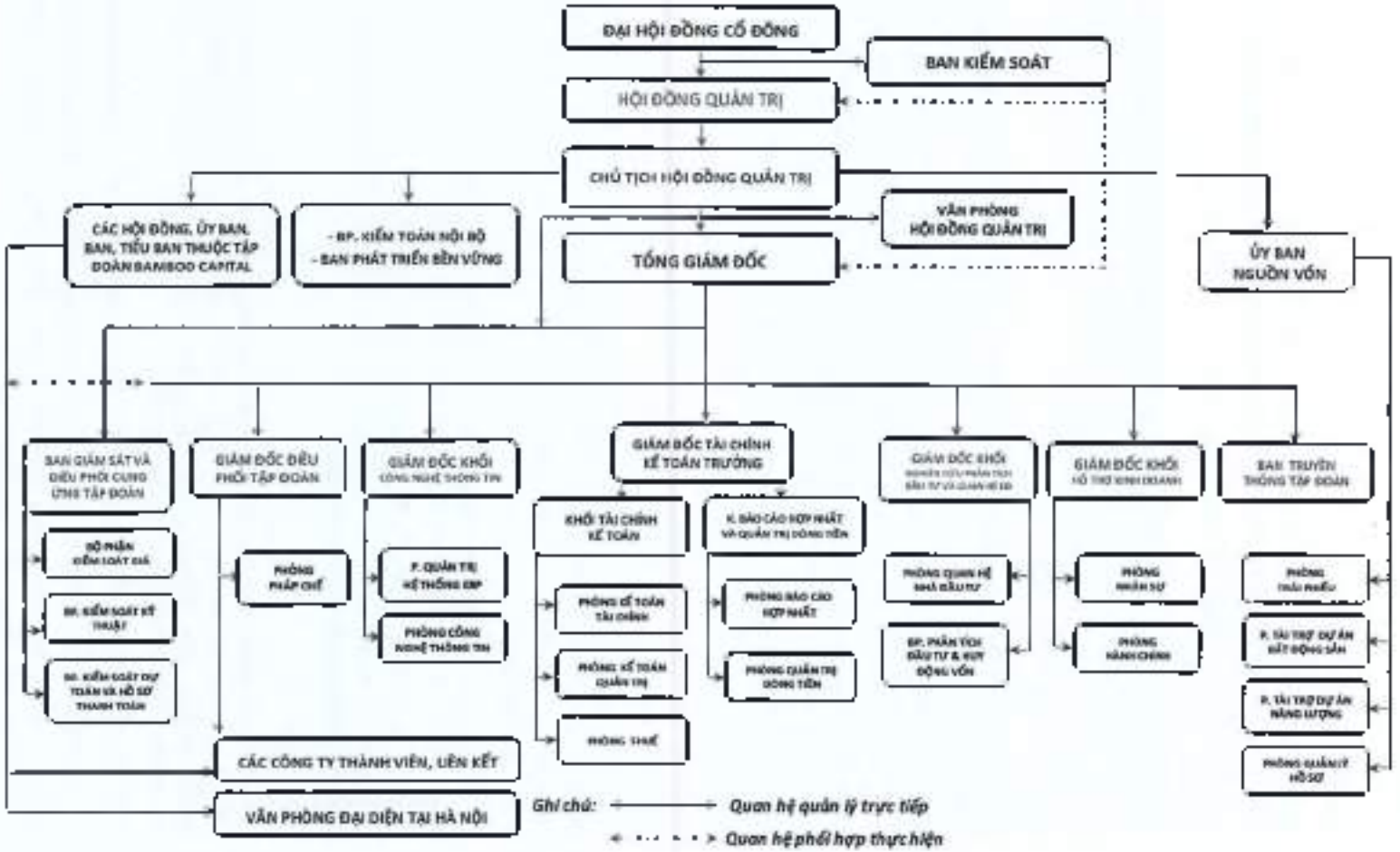
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
BAN KIỂM SOÁT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÁC HỘI ĐỒNG, ỦY BAN, BAN, TIỂU BAN THUỘC TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL
- BP. KIỂM TOÁN NỘI BỘ
- BAN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG GIÁM ĐỐC
ỦY BAN NGUỒN VỐN
BAN GIÁM SÁT VÀ ĐIỀU PHỐI CÁC ỨNG TẬP ĐOÀN
GIÁM ĐỐC ĐIỀU PHỐI TẬP ĐOÀN
GIÁM ĐỐC KHỐI CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH KẾ TOÁN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC KHỐI
GIÁM ĐỐC KHỐI HỖ TRỢ KINH DOANH
BAN TRUYỀN THÔNG TẬP ĐOÀN
KHỐI TÀI CHÍNH KẾ TOÁN
K. BÁO CÁO HỢP NHẤT VÀ QUẢN TRỊ DÒNG TIỀN
PHÒNG PHÁP CHẾ
P. QUẢN TRỊ HỆ THỐNG ERP
PHÒNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
PHÒNG KẾ TOÁN TÀI CHÍNH
PHÒNG KẾ TOÁN QUẢN TRỊ
PHÒNG THUẾ
PHÒNG BÁO CÁO HỢP NHẤT
PHÒNG QUẢN TRỊ DÒNG TIỀN
PHÒNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ
BP. PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ & HUY ĐỘNG VỐN
PHÒNG NHÂN SỰ
PHÒNG HÀNH CHÍNH
PHÒNG THẨM ĐỊNH
P. TÀI TRỢ DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN
P. TÀI TRỢ DỰ ÁN NĂNG LƯỢNG
PHÒNG QUẢN LÝ HỒ SƠ
CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN, LIÊN KẾT
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI HÀ NỘI
Ghi chú: Quan hệ quản lý trực tiếp
Quan hệ phối hợp thực hiện

- **Đại hội đồng cổ đông**

  Đại hội đồng cổ đông là cơ quan bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần.

- **Hội đồng quản trị**

  Hội đồng quản trị CTCP Tập đoàn Bamboo Capital do Đại hội đồng cổ đông bầu, là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty (trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông).

- **Ban kiểm soát**

  Ban kiểm soát CTCP Tập đoàn Bamboo Capital do Đại hội đồng cổ đông bầu, thực hiện chức năng:

  Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

  Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, hàng quý và sáu tháng của công ty mẹ và các công ty thành viên;

  Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị cho Đại hội đồng cổ đông.

- **Ban điều hành**

  Ban điều hành bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, các Giám đốc Khối và Kế toán trưởng.

  Các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, các Giám đốc Khối, Kế toán trưởng thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công, ủy nhiệm cụ thể của Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

  Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, các Giám đốc Khối, Kế toán trưởng và Giám đốc Chi nhánh.

  Công ty có 01 Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên trên phải được thực hiện bằng Nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

  Tổng Giám đốc

  Là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

  Các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Giám đốc Khối, Kế toán trưởng

  Là người thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công, ủy nhiệm cụ thể của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, HĐQT, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

- **Chức năng và nhiệm vụ của các Khối, Phòng ban:**

- **Chức năng và nhiệm vụ của Bộ phận Kiểm toán nội bộ:**

  Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị, thực hiện nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn theo quy định tại Điều 20, Điều 21 và Điều 22 của Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019, cụ thể:

- Lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm trình Hội đồng quản trị phê duyệt và thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ theo kế hoạch được phê duyệt.
- Thực hiện các chính sách, quy trình và thủ tục kiểm toán nội bộ đã được phê duyệt, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.
- Phát triển, chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện phương pháp kiểm toán nội bộ và phạm vi hoạt động của kiểm toán nội bộ để có thể cập nhật, theo kịp sự phát triển của đơn vị.

- **Chức năng và nhiệm vụ của Ban Phát triển Bền vững:**

  Ban Phát triển Bền vững trực thuộc Hội đồng quản trị, thực hiện chức năng và nhiệm vụ như sau:

- Tham mưu, đề xuất cho Hội đồng quản trị Công ty về chiến lược, kế hoạch và trực tiếp chỉ đạo, thực hiện các công tác liên quan đến lộ trình chuyển đổi thực hành ESG tại Công ty gồm: Môi trường (Environmental), Trách nhiệm Xã hội (Social) và Quản lý Quản trị (Governance); Tham vấn cho các bên liên quan, triển khai thực hiện ESG đối với các mảng hoạt động kinh doanh lõi của Tập đoàn.
- Chủ trì lập Báo cáo thường niên và Báo cáo phát triển bền vững đáp ứng đầy đủ các nội dung và thời gian công bố thông tin theo quy định;
- Xây dựng Báo cáo thường niên đáp ứng chuẩn mực báo cáo và công bố thông tin theo các tiêu chuẩn của Thẻ điểm Quản trị Công ty Ascan (Ascan Corporate Governance Scorecard) do Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh hướng dẫn;
- Xây dựng Báo cáo phát triển bền vững theo tiêu chuẩn GRI, đáp ứng thông lệ tiên tiến trên thế giới, đảm bảo phù hợp với các yêu cầu về kinh tế, xã hội và môi trường ở Việt Nam, làm nổi bật quản trị doanh nghiệp theo định hướng phát triển bền vững;
- Xây dựng và báo cáo ESG thường niên; Giám sát, đánh giá, điều chỉnh ESG, ... Thực hiện các chính sách, phương pháp để triển khai và thực thi phát triển bền vững ESG tại Tập đoàn và các công cụ liên quan nhằm biến các kết quả phát triển bền vững thành tác động kinh doanh.

- **Chức năng và nhiệm vụ của Khối Tài chính Kế toán:**

Chức năng và nhiệm vụ chính của Phòng Kế toán Tài chính:

- Quản lý tài chính, ghi nhận các giao dịch tài chính phát sinh trong Công ty theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế Quản lý tài chính của Công ty;
- Kiểm tra và cân đối đảm bảo tính chính xác trong các giao dịch tài chính;
- Theo dõi, đánh giá và thiết lập ngân sách hoạt động cho Công ty;
- Tham mưu cho Ban điều hành trong việc thiết lập và kiểm soát việc thực hiện công tác tài chính Công ty và công ty thành viên, công ty liên kết;
- Thiết lập và kiểm soát việc thực hiện công tác kế toán tài chính thống nhất giữa Công ty và các công ty thành viên, công ty liên kết thuộc Tập đoàn;

Chức năng và nhiệm vụ chính của Phòng Kế toán Quản trị:

- Cung cấp đầy đủ thông tin, số liệu tài chính, kế toán của Công ty mang tính dự báo phản ánh xu hướng biến động của tài chính cụ thể là các báo cáo quản trị, các kế hoạch, chiến lược tài chính quản trị cho HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính Kế toán để Ban Điều hành có cơ sở quyết định trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh các kế hoạch đầu tư kinh doanh khác của Công ty;
- Quản lý, kiểm tra, hướng dẫn và thực hiện chế độ kế toán, thống kê, quản lý tài sản theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế Quản lý Tài chính của Công ty;
- Thiết lập và kiểm soát việc thực hiện công tác kế toán thống nhất tại Công ty và các công ty thành viên, công ty liên kết;
- Thiết lập và đưa ra dự báo tài chính dự báo về biến động tài chính của Công ty cũng như phản hồi các vấn đề liên quan đến tình hình tài chính của Công ty trình Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị theo định kỳ hàng tháng hoặc quý.

Chức năng và nhiệm vụ chính của Phòng Thuế:

- Rà soát, tư vấn cho Ban điều hành Công ty, cho Ủy ban Nguồn vốn và các Công ty thành viên, Công ty liên kết về các chính sách thuế, phương pháp, quy trình nghiệp vụ thuế, đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước được tính đúng, tính đủ, không trùng lặp.
- Phối hợp với Ủy ban Nguồn vốn, P. Kế toán quản trị của Công ty, các công ty thành viên, công ty liên kết kiểm tra tính hợp lệ và hợp pháp của hóa đơn, chứng từ liên quan đến thuế: Kiểm tra các thông tin trên hóa đơn để phát hiện các sai lệch, đối chiếu với nghiệp vụ kinh tế phát sinh hoặc xử lý những hóa đơn viết sai; đề xuất phương án xử lý, khắc phục;
- Kiểm tra, soát xét các báo cáo tài chính năm, gồm các báo cáo: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, bảng cân đối kế toán, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, bản thuyết minh báo cáo tài chính, bảng cân đối phát sinh tài khoản tài chính, thống kê hàng tháng, quý và năm của Công ty và các Công ty thành viên, công ty liên kết đảm bảo đáp ứng quy định của pháp luật. Nhận diện các vấn đề, rủi ro ảnh hưởng đến thuế, báo cáo và đề xuất phương án xử lý;
- Thực hiện các công việc khác theo phân công, giao việc của Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính Kế toán/Giám đốc Tài chính.

- **Chức năng và nhiệm vụ chính của Khối Báo cáo hợp nhất và Quản trị dòng tiền:**

Chức năng và nhiệm vụ của Phòng Báo cáo hợp nhất:

- Tổng hợp và trình bày một cách tổng quát, toàn diện tình hình tài sản, nợ phải trả, nguồn vốn chủ sở hữu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán của Tập đoàn như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các pháp nhân riêng biệt là công ty mẹ hay các công ty con trong tập đoàn;
- Tham mưu và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính giúp HĐQT và Ban Điều hành nắm được tình hình sức khỏe tài chính, hiệu quả kinh doanh, nhận diện được những rủi ro tiềm ẩn để tránh và nắm bắt những cơ hội đầu tư mang lại lợi nhuận cao cho Tập đoàn khi ra kế hoạch tài chính cho năm tài chính kế tiếp;

- Tuân thủ các quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện nhiệm vụ lập báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể là Thông tư 202/2014/TT-BTC, ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và các văn bản pháp luật khác liên quan;

Chức năng và nhiệm vụ của Phòng Quản trị dòng tiền:

- Tham mưu cho HĐQT, Ban Điều hành trong các kế hoạch đầu tư tài chính, kế hoạch M&A;
- Quản lý tất cả các khoản đầu tư từ Công ty BCG đến các công ty thành viên, công ty liên kết;
- Quản lý tất cả các dòng tiền ra vào của Công ty, đảm bảo Công ty có đủ lượng tiền mặt cần thiết để đáp ứng các hoạt động thường xuyên.

- **Chức năng và nhiệm vụ chính của Phòng Pháp chế:**

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị, Ban điều hành các giải pháp pháp lý liên quan các hợp đồng mua bán, giao dịch, hợp tác, hoạt động đầu tư và phát triển, v.v., kiểm tra tính chính xác của các thông tin, đảm bảo phù hợp quy định của pháp luật hiện hành;
- Đại diện Công ty trong hoạt động tố tụng (khi có phát sinh);
- Tham gia soạn thảo, đàm phán, thương lượng, thẩm định các loại hợp đồng, văn bản pháp lý do Công ty hoặc công ty thành viên, công ty liên kết có liên quan là một bên ký kết;
- Hỗ trợ các thủ tục, hồ sơ pháp lý cần thiết như điều chỉnh hồ sơ pháp quy (Điều lệ Công ty) cho Công ty và các công ty thành viên, công ty liên kết trong việc thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh, thay đổi đăng ký kinh doanh, đầu tư và các thủ tục pháp lý khác theo quy định pháp luật hoặc theo chỉ đạo của Ban điều hành sau khi có ý kiến tham vấn từ Luật sư Tập đoàn.

- **Chức năng và nhiệm vụ chính của Phòng Công nghệ Thông tin (IT):**

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc công tác xây dựng kế hoạch chiến lược, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty và các công ty thành viên, công ty liên kết thuộc Tập đoàn;
- Tham mưu cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và vận hành hệ thống công nghệ thông tin đảm bảo an ninh mạng, an ninh dữ liệu của Công ty và các công ty thành viên, công ty liên kết thuộc Tập đoàn.
- Quản lý hệ thống máy chủ, máy trạm, mạng internet, mạng điện thoại nội bộ của Công ty.

- **Chức năng và nhiệm vụ chính của Phòng Quản trị Hệ thống ERP:**

- Tham mưu và giúp việc cho Giám đốc Khối Công nghệ Thông tin trong công tác nghiên cứu, phát triển, triển khai, quản trị và vận hành hệ thống ERP cho Tập đoàn và các công ty thành viên, công ty liên kết;
- Quản lý và vận hành hệ thống ERP hướng tới nâng cao hiệu quả điều hành cũng như năng suất hoạt động cho toàn Tập đoàn;
- Thiết lập và quản lý, khai thác hiệu quả ứng dụng hệ thống ERP trong mọi mặt hoạt

động quản lý doanh nghiệp như: Biểu đồ tài khoản BCG, Phân bổ chi phí BCG, Kho dữ liệu tổng hợp và Dữ liệu Nhật ký chung (BCG Chart of Accounts, BCG Cost Allocation, Consolidated Data Warehouse and Trial Balance) cho toàn Tập đoàn;

- Cập nhật và nâng cấp hệ thống ERP thường xuyên để đảm bảo hệ thống đáp ứng được nhu cầu kinh doanh của doanh nghiệp.

• Chức năng và nhiệm vụ chính của Phòng Quan hệ Nhà đầu tư (IR):

- Tham mưu và giúp việc cho Chủ tịch Tập đoàn, Phó Tổng Giám đốc Điều hành, Ban Quan hệ Nhà đầu tư Chiến lược Tập đoàn, Ban IR Tập đoàn, Ban điều hành Công ty trong việc tổ chức thực hiện, quản lý các hoạt động truyền thông quan hệ đầu tư đối với các cổ đông, nhà đầu tư tiềm năng trong nước và ngoài nước;
- Chủ trì công tác quản lý và tổ chức thực hiện Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, các sự kiện đối thoại của Công ty ra bên ngoài công chúng;
- Trực tiếp chủ trì công tác công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật;
- Giải quyết các thắc mắc từ cổ đông và nhà đầu tư, những người có quan tâm đến cổ phiếu, tình hình tài chính và hoạt động của Công ty.

• Chức năng và nhiệm vụ chính của Bộ phận Phân tích Đầu tư và Huy động vốn:

- Chịu trách nhiệm lên kế hoạch và chiến lược huy động vốn trong ngắn hạn và dài hạn và trực tiếp triển khai nhằm đảm bảo nhu cầu về vốn của toàn Tập đoàn;
- Tham mưu cho Chủ tịch HĐQT, Ban lãnh đạo Công ty và chủ trì đánh giá tính hiệu quả trong các hoạt động đầu tư của toàn Tập đoàn, từ đó đưa ra những kiến nghị phù hợp về chiến lược đầu tư để đảm bảo lợi ích của Công ty;
- Xây dựng board radar – chiến lược hàng năm và 5 năm của Tập đoàn và điều chỉnh hàng quý nếu có những thay đổi cần thiết;
- Đánh giá định kỳ hiệu quả hoạt động của các Công ty thành viên và liên kết và đưa ra những kiến nghị kịp thời cho Chủ tịch và Ban lãnh đạo Tập đoàn.

• Chức năng, nhiệm vụ chính của Ban Truyền thông Tập đoàn:

- Tham mưu cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc kế hoạch truyền thông hàng năm, các sự kiện nhằm xây dựng, duy trì và phát triển hình ảnh, thương hiệu của Công ty trong cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam và quốc tế;
- Tham mưu về biện pháp giải quyết khẩn cấp những vụ việc, những sự cố liên quan đến an toàn, an ninh, trật tự, xử lý khủng hoảng truyền thông bảo vệ uy tín, hình ảnh, quyền lợi chính đáng của Công ty và các bên liên quan.
- Tiếp nhận thông tin, giải quyết khẩn cấp những vụ việc, những sự cố liên quan đến an toàn, an ninh, trật tự, xử lý khủng hoảng truyền thông đảm bảo quyền lợi chính đáng của các bên liên quan;
- Trực tiếp phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí kịp thời, chính xác và luôn ở thế chủ động trong mọi tình huống đối với các vấn đề thời sự, thiết thực, được người dân quan tâm liên quan mọi mặt hoạt động của Công ty;

- Chủ trì đăng ký tham gia các giải thưởng, các chương trình Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (CSR) của các Báo/Tạp chí/Tổ chức trao giải lớn;

• **Chức năng và nhiệm vụ của Khối Hỗ trợ Kinh doanh:**

Chức năng và nhiệm vụ chính của Phòng Nhân sự:

- Xây dựng và đề xuất Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Ủy ban Đào tạo, Khen thưởng, Kỷ luật, Thể thao, Văn hóa và Đời sống Tập đoàn, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Điều hành công tác phát triển nguồn nhân lực dài hạn cho Tập đoàn.
- Tham mưu cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Ủy ban Đào tạo, Khen thưởng, Kỷ luật, Thể thao, Văn hóa và Đời sống Tập đoàn, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Điều hành xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực, kế hoạch tuyển dụng, đào tạo hàng năm;
- Chủ trì công tác tổ chức lao động, quản lý và bố trí nhân lực, bảo hộ lao động, chế độ chính sách lao động, tiền lương, chăm sóc sức khỏe cho người lao động theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định nội bộ của Công ty;
- Tổng hợp và quản lý danh sách, hồ sơ CBCNV Công ty, CBCNV các công ty thành viên, công ty liên kết thuộc Tập đoàn;

Chức năng và nhiệm vụ của Phòng Hành chính:

- Chủ trì tổ chức thực hiện công tác hành chính của Công ty;
- Hỗ trợ Ủy ban Đào tạo, Khen thưởng, Kỷ luật, Thể thao, Văn hóa và Đời sống Tập đoàn tổ chức các chương trình hoạt động thường niên của nhân sự chiến lược của Tập đoàn;
- Tổ chức thực hiện công tác hành chính tổng hợp, công tác văn thư lưu trữ hồ sơ, tài liệu an toàn, bảo mật, thuận tiện khi sử dụng và khi kiểm tra, kiểm soát;
- Quản lý và sử dụng con dấu chữ ký lãnh đạo, con dấu Công ty và công ty thành viên đúng quy định, đảm bảo an toàn, chặt chẽ;
- Quản lý tài sản thuộc thiết bị văn phòng, mua sắm văn phòng phẩm nhằm sẵn sàng phục vụ cho bộ máy hoạt động trong toàn Công ty;

• **Chức năng và nhiệm vụ chính của Phòng Trái phiếu:**

- Tham mưu và giúp việc cho Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital (Chủ tịch Tập đoàn), Ủy ban Nguồn vốn trong việc tìm kiếm các tổ chức tài chính tài trợ phát hành trái phiếu đáp ứng theo nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Trực tiếp chủ trì công tác lập hồ sơ, phương án phát hành trái phiếu phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ và các công ty thành viên, công ty liên kết thuộc Tập đoàn theo quy định của pháp luật;
- Tham mưu công tác kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện quy trình triển khai phát hành trái phiếu đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành, các thủ tục hành chính liên quan.
- Quản lý, lưu trữ các hồ sơ, tài liệu có liên quan đến công tác quản lý hồ sơ phát hành trái phiếu.

• **Chức năng và nhiệm vụ chính của Phòng Tài trợ Dự án Bất động sản:**

- Tham mưu và giúp việc cho Chủ tịch Ủy ban Nguồn vốn Tập đoàn trong việc tìm kiếm các định chế tài chính phù hợp tài trợ nguồn vốn đáp ứng theo nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh mảng bất động sản;
- Trực tiếp chủ trì công tác lập hồ sơ, phương án tài trợ tín dụng cho các dự án bất động sản của Tập đoàn;
- Trực tiếp chủ trì công tác quản lý giải ngân, theo dõi nguồn trả nợ;
- Nghiên cứu, xây dựng và soạn thảo phương án tài trợ vay vốn phục vụ cho từng dự án bất động sản cụ thể và đáp ứng yêu cầu của các tổ chức tài trợ vốn;

• Chức năng và nhiệm vụ chính của Phòng Tài trợ Dự án Năng lượng:

- Tham mưu và giúp việc cho Chủ tịch Ủy ban Nguồn vốn Tập đoàn trong việc tìm kiếm các định chế tài chính phù hợp tài trợ nguồn vốn đáp ứng theo nhu cầu phát triển, xây dựng các dự án năng lượng tái tạo của Công ty;
- Trực tiếp chủ trì công tác lập hồ sơ, phương án tài trợ tín dụng cho các dự án năng lượng của Tập đoàn;
- Lập và quản lý hồ sơ tín dụng và huy động vốn.
- Tổ chức công tác giải ngân, phân phối nguồn vốn giải ngân, theo dõi việc sử dụng nguồn vốn giải ngân và nguồn trả nợ;

• Chức năng và nhiệm vụ chính của Phòng Quản lý hồ sơ:

- Tham mưu và giúp việc cho Chủ tịch Ủy ban Nguồn vốn Tập đoàn trong việc soạn thảo các hồ sơ liên quan việc phát hành trái phiếu, phân bổ nguồn vốn cho các dự án;
- Là đầu mối quản lý, lưu trữ toàn bộ các văn bản, tài liệu liên quan công tác phát hành trái phiếu, tài trợ phân bổ vốn cho các dự án;

• Chức năng và nhiệm vụ của Ban Giám sát và Điều phối Cung ứng Tập đoàn:

Ban Giám sát và Điều phối Cung ứng Tập đoàn được tổ chức gồm Giám đốc Ban và 03 bộ phận gồm: Bộ phận Kiểm soát Giá, Bộ phận Kiểm soát Kỹ thuật và Bộ phận Kiểm soát Dự toán và Hồ sơ thanh toán.

* Chức năng, nhiệm vụ của Bộ phận Kiểm soát giá:

- Tham mưu cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc về phương pháp, quy trình trong công tác kiểm soát về giá vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh của các công ty trong hệ sinh thái của Tập đoàn;
- Tổ chức kiểm tra soát xét về giá mua bán vật tư, thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất kinh doanh của các công ty trong hệ sinh thái của Tập đoàn Bamboo Capital đảm bảo giá mua bán các vật tư thiết bị, nguyên vật liệu sát với thị trường.
- Tổ chức soát xét các quy trình mua bán vật tư, thiết bị, nguyên vật liệu của các công ty đảm bảo được tổ chức công bằng, minh bạch.

* Chức năng, nhiệm vụ của Bộ phận Kiểm soát Kỹ thuật:

- Tham mưu cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc về tính đầy đủ, tính đúng đắn của toàn bộ kỹ thuật đối với các dự án triển khai của các công ty thuộc hệ sinh thái Tập đoàn;

- Tổ chức soát xét các loại bản vẽ như thiết kế kỹ thuật, thiết kế thi công, biện pháp an toàn đảm bảo đúng tiêu chí thiết kế, đúng đủ các tiêu chuẩn kỹ thuật của từng loại công trình, dự án đã được các cơ quan thẩm quyền ban hành;

+ Chức năng, nhiệm vụ của Bộ phận Kiểm soát Dự toán và Hồ sơ thanh toán:

- Tham mưu cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc về phương pháp, quy trình của công tác xây dựng dự toán và thủ tục, hồ sơ tài liệu của bộ hồ sơ thanh toán;
- Kiểm soát các hồ sơ dự toán đảm bảo việc xây dựng bản dự toán phù hợp, đúng đắn, đầy đủ nhằm hạn chế các rủi ro phát sinh trong quá trình thi công;

+ **Chức năng và nhiệm vụ chính của Văn phòng Đại diện tại TP. Hà Nội:**

- Phối hợp công việc chặt chẽ với các Bộ/Ban/Ngành cơ quan trung ương, các sở, ban ngành chính quyền địa phương để đảm bảo các điều kiện thuận lợi nhất trong việc triển khai các dự án kinh doanh của Công ty;
- Tổ chức công tác quan hệ đối ngoại, mở rộng, duy trì, phát triển và thúc đẩy mối quan hệ với các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương, các cơ quan chức năng và cơ quan quản lý chuyên ngành và các cá nhân liên quan để xúc tiến, đẩy nhanh tiến độ của các dự án;
- Thực hiện khảo sát, tìm kiếm, nghiên cứu đánh giá tiềm năng, cơ hội, phát triển và triển khai các dự án của Công ty tại khu vực miền Bắc.

5. Thông tin về công ty mẹ và công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

a. Danh sách những Công ty mẹ của tổ chức phát hành:

Từ thời điểm thành lập đến thời điểm hiện tại, Công ty không có công ty mẹ.

b. Danh sách những Công ty con của tổ chức phát hành:

❖ ***Danh sách công ty con nắm giữ trực tiếp của Công ty trong 02 năm gần đây và đến thời điểm hiện tại***

• *Thông tin các công ty con:*

TT	Tên Công ty	Ngày thành lập lần đầu	Giấy chứng nhận ĐKDN số	Ngành nghề kinh doanh chính
1	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải (TCD)	25/05/2007	0300482393	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, công trình công ích, công trình kỹ thuật dân dụng khác
2	CTCP Phát triển Nguyễn Hoàng	09/08/2000	4100377261	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế
3	CTCP BCG Land (BCGL)	15/03/2018	0314922132	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
4	CTCP BCG Energy (BCGE)	08/06/2017	0314445458	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (không hoạt động tại trụ sở)

TT	Tên Công ty	Ngày thành lập lần đầu	Giấy chứng nhận ĐKDN số	Ngành nghề kinh doanh chính
5	CTCP BCG Khu công nghiệp Cát Trinh	01/07/2020	4101566790	Kinh doanh bất động sản, xây dựng và lắp đặt công trình
6	CTCP BCG Financial (BCGF)	18/08/2021	0316951788	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)
7	Công ty TNHH Phoenix Mountain	20/10/2021	4101605111	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
8	Tổng CTCP Bảo Hiểm AAA	28/03/2005	0303705665	Bảo hiểm phi nhân thọ
9	Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas (****)	22/07/2008	4000435375	Kinh doanh dịch vụ du lịch
10	Công ty TNHH Helios Village (*****)	28/07/2022	6400447308	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

(Nguồn: BCG)

(****) Đến thời điểm ngày 22/03/2022, Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas đã không còn là Công ty con trực tiếp của BCG theo Nghị quyết số 29/2022/NQ-HĐQT-BCG, BCG sở hữu gián tiếp thông qua Công ty con là CTCP BCG Land.

(*****) Đến thời điểm ngày 29/02/2024, Công ty TNHH Helios Village (tên cũ: Công ty TNHH Một thành viên Helios Village) đã không còn là Công ty con trực tiếp của BCG theo Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐQT-BCG.

- *Tỷ lệ sở hữu của BCG tại các công ty con:*

TT	Công ty	Tỷ lệ sở hữu (%)			Tỷ lệ kiểm soát /Tỷ lệ biểu quyết (%)			Tỷ lệ lợi ích (%)			Ghi chú
		31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024	30/12/2022	31/12/2023	31/03/2024	
1	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	51,63	43,90	43,90	51,63	51,70	51,70	51,63	43,90	43,90	BCG sở hữu 43,9%, ủy quyền 7,80%
2	CTCP Phát triển Nguyên Hoàng (Nguyên Hoàng)	63,55	51,46	51,46	66,69	55,64	55,64	65,17	53,29	53,29	BCG: 51,46%, TCD: 4,18%
3	CTCP BCG Land	62,1	62,10	62,10	71,53	71,53	71,53	66,97	66,24	66,24	BCG: 62,1%, TCD: 9,43%
4	CTCP BCG Energy	52,18	50,66	50,66	52,18	50,66	50,66	52,18	50,66	50,66	BCG sở hữu
5	CTCP BCG Khu công nghiệp Cát Trinh	80	80,00	80,00	80	80,00	80,00	80	80,00	80,00	BCG sở hữu
6	CTCP BCG Financial	80	80,00	80,00	80	80,00	80,00	80	80,00	80,00	BCG sở hữu

TT	Công ty	Tỷ lệ sở hữu (%)			Tỷ lệ kiểm soát /Tỷ lệ biểu quyết (%)			Tỷ lệ lợi ích (%)			Ghi chú
		31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024	
7	Công ty TNHH Phoenix Mountain	75	75.00	75,00	100	100,00	100,00	86,72	86,59	86,59	BCG: 75%; Casa. 25 %
8	Tổng CTCP Bảo Hiểm AAA (AAA)	71	71,00	66,15	80,64	80,64	75,39	78,71	78,71	73,86	BCG: 66,15% ; BCOF : 9,68%
9	Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Tái cơ cấu thành Cty con của BCG Land từ 22/03/2022
10	Công ty TNHH Một thành viên Helios Village	100	100.00	49,00	100	100	49,00	100	100,00	49,09	Không còn là Cty con từ ngày 29/2/2024

(Nguồn: BCG)

❖ ***Danh sách công ty con kiểm soát gián tiếp trong 02 năm gần đây và đến thời điểm hiện tại***

- *Thông tin các công ty con:*

TT	Tên Công ty	Ngày thành lập lần đầu	Giấy chứng nhận ĐKDN số	Ngành nghề kinh doanh chính	Ghi chú
1	Công ty TNHH Liên doanh Khai thác Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang	20/9/1994	1600175162	Khai thác đá; chế biến đá xây dựng; đá trang trí xuất khẩu, sản xuất vật liệu xây dựng;	
2	CTCP Trocodi Trading & Consulting	30/10/2019	0315989450	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, công trình công ích, công trình kỹ thuật dân dụng khác;	Không còn là công ty con
3	CTCP Xuất khẩu Lao động Trocodi	4/5/2017	0314385382	Hoạt động xuất khẩu lao động.	Không còn là công ty con
4	CTCP Thành Phúc	21/10/2009	4400348180	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	
5	CTCP BCG Wind Sóc Trăng	2/2/2018	2200743815	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	
6	CTCP Năng lượng BCG Thanh Hóa	5/3/2018	1801876437	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.	
7	CTCP Du lịch Casa Marina Resort	16/3/2017	4101483255	Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng	
8	CTCP Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	14/4/2016	0313755024	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;	Không còn là công ty con
9	Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	22/7/2008	4000435375	Kinh doanh dịch vụ du lịch	
10	CTCP Thương Mại Vxperia	24/2/2021	0316720996	Quảng cáo	
11	CTCP Helios Đắk Nông (tiền thân là CTCP Helios Village)	25/08/2020	6400424332	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	Không còn là công ty con
12	Công ty TNHH Fegos	11/10/2012	0312002309	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên	Không còn là công ty con

TT	Tên Công ty	Ngày thành lập lần đầu	Giấy chứng nhận ĐKDN số	Ngành nghề kinh doanh chính	Ghi chú
				quan đến máy vi tính như kinh doanh dịch vụ truy cập internet)	
13	CTCP Sao Sáng Sài Gòn	20/5/2010	0310004847	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu chủ sử dụng hoặc đi thuê;	
14	Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cần Giờ	22/9/2008	4000494891	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;	
15	CTCP Năng lượng Việt Energy	24/1/2019	0315498156	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Lập trình máy vi tính. Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	Không còn là công ty con
16	CTCP Skylar	24/11/2019	0316031692	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Lập trình máy vi tính	
17	CTCP Phát triển Tâm năng Năng lượng Sạch	3/7/2016	4101468169	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Lập trình máy vi tính.	
18	CTCP Apollo Development	3/2/2020	0316126295	Sản xuất linh kiện điện tử. Sản xuất thiết bị điện khác. Sản xuất điện. Lắp đặt hệ thống điện	Không còn là công ty con
19	CTCP Greensky Infinitive	12/5/2020	0316278516	Sản xuất điện. Lắp đặt hệ thống điện. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác.	
20	CTCP BCG Evergreen	9/8/2019	3702798610	Sản xuất điện. Lắp đặt hệ thống điện	Không còn là công ty con
21	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	4/12/2015	5901023749	Sản xuất, truyền tải điện. Lắp đặt hệ thống điện. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác.	
22	Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	3/11/2020	2100661818	Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện. Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Sản xuất điện	
23	Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	3/11/2020	2100661825	Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện. Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Sản xuất điện.	
24	CTCP Aurai Wind Energy	2/7/2020	0316363987	Lắp đặt, vận hành hệ thống điện mặt trời, điện gió (China)	
25	CTCP BCG Vĩnh Long	3/2/2018	1501039965	Sản xuất, truyền tải điện. Lắp đặt hệ thống điện. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác.	
26	CTCP Sustainable Energy Aspiration	22/9/2020	0316497924	Sản xuất, truyền tải điện. Lắp đặt hệ thống điện. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác.	Không còn là công ty con
27	Công ty TNHH MTV Apollo DV1	9/6/2020	3702811636	Sản xuất linh kiện điện tử. Sản xuất thiết bị điện khác. Sản xuất điện. Lắp đặt hệ thống điện	Không còn là công ty con
28	Công ty TNHH MTV Apollo DV2	11/06/2020	3702812256	Sản xuất linh kiện điện tử. Sản xuất thiết bị điện khác. Sản xuất điện. Lắp đặt hệ thống điện	Không còn là công ty con

TT	Tên Công ty	Ngày thành lập tên đầu	Giấy chứng nhận ĐKDN số	Ngành nghề kinh doanh chính	Ghi chú
29	Công ty TNHH BCG Ever 1	29/06/2020	3702898254	Sản xuất điện. Lắp đặt hệ thống điện	Không còn là công ty con
30	Công ty TNHH BCG Ever 2	29/06/2020	3702887652	Sản xuất điện. Lắp đặt hệ thống điện	Không còn là công ty con
31	Công ty TNHH BCG Ever 3	29/06/2020	3702887677	Sản xuất điện. Lắp đặt hệ thống điện	Không còn là công ty con
32	Công ty TNHH BCG Ever 4	29/06/2020	3702887719	Sản xuất điện. Lắp đặt hệ thống điện	Không còn là công ty con
33	CTCP Bleu Soleil	3/4/2020	0316229854	Sản xuất điện. Lắp đặt hệ thống điện	Không còn là công ty con
34	Công ty TNHH Xây lắp Bleu Soleil-1	25/8/2020	0316457032	Sản xuất điện. Lắp đặt hệ thống điện	Không còn là công ty con
35	Công ty TNHH Dịch vụ Skylar1	23/07/2020	0316402763	Sản xuất điện. Lắp đặt hệ thống điện	Không còn là công ty con
36	Công ty TNHH Xây lắp Skylar2	23/07/2020	0316399486	Sản xuất điện. Lắp đặt hệ thống điện	Không còn là công ty con
37	Công ty TNHH Thương mại Skylar3	23/07/2020	0316399447	Sản xuất điện. Lắp đặt hệ thống điện	Không còn là công ty con
38	Công ty TNHH Kỹ thuật điện Skylar4	5/10/2020	0316521778	Sản xuất điện. Lắp đặt hệ thống điện	Không còn là công ty con
39	Công ty TNHH Dịch vụ Greensky Infinitive-1	21/8/2020	0316448207	Sản xuất điện. Lắp đặt hệ thống điện	Không còn là công ty con
40	Công ty TNHH Xây lắp Greensky Infinitive-2	19/8/2020	0316448422	Sản xuất điện. Lắp đặt hệ thống điện	Không còn là công ty con
41	Công ty TNHH Thương mại Greensky Infinitive-3	19/8/2020	0316448454	Sản xuất điện. Lắp đặt hệ thống điện	Không còn là công ty con
42	Công ty TNHH Kỹ thuật điện Greensky Infinitive-4	21/8/2020	0316453214	Sản xuất điện. Lắp đặt hệ thống điện	Không còn là công ty con
43	Công ty TNHH BCG EVER 5	29/6/2020	3702887684	Sản xuất điện. Lắp đặt hệ thống điện	Không còn là công ty con
44	Công ty TNHH BCG EVER 6	29/6/2020	3702887638	Sản xuất điện. Lắp đặt hệ thống điện	Không còn là công ty con
45	Công ty TNHH BCG EVER 7	29/6/2020	3702887645	Sản xuất điện. Lắp đặt hệ thống điện	Không còn là công ty con
46	CTCP Nước Sạch Lai Pony	14/7/2020	0316365589	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	
47	CTCP TCD Plus	7/1/2022	0317111679	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	
48	CTCP Tapioek	30/1/2019	3901277274	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	

TT	Tên Công ty	Ngày thành lập lần đầu	Giấy chứng nhận ĐKDN số	Ngành nghề kinh doanh chính	Ghi chú
49	CTCP Điện gió BCG Khai Long 2	12/6/2018	2001290802	Lắp đặt, vận hành hệ thống điện mặt trời, điện gió	Không còn là công ty con
50	CTCP Điện gió BCG Khai Long 3	18/5/2021	2001348989	Lắp đặt, vận hành hệ thống điện mặt trời, điện gió	Không còn là công ty con
51	Công ty Cổ phần Casper Solar	14/9/2021	0316958487	Sản xuất điện. Lắp đặt hệ thống điện	Không còn là công ty con
52	Công ty Cổ phần Cosmos Solar	15/9/2021	0316958335	Sản xuất điện. Lắp đặt hệ thống điện	Đã giải thể tháng 20/02/2024
53	Công ty Cổ phần Herb Solar	16/9/2021	0316958952	Sản xuất điện. Lắp đặt hệ thống điện	
54	Công ty Cổ phần Orchid Solar	15/9/2021	0316958430	Sản xuất điện. Lắp đặt hệ thống điện	
55	Công ty Cổ phần Violet Solar	16/9/2021	0316957998	Sản xuất điện. Lắp đặt hệ thống điện	
56	Công ty Cổ phần Rose Solar	14/9/2021	0316958021	Sản xuất điện. Lắp đặt hệ thống điện	Không còn là công ty con
57	Công ty Cổ phần Sunflower Solar	14/9/2021	0316957821	Sản xuất điện. Lắp đặt hệ thống điện	Không còn là công ty con
58	Công ty Cổ phần Bất Động Sản An Giang	6/3/2008	1600948052	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	Không còn là công ty con
59	Công ty Cổ phần BCG GAIA	28/4/2021	0316319917	Sản xuất điện mặt trời, điện gió	
60	Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Đông Dương	18/8/2016	0313920937	Sản xuất điện	
61	Công ty Cổ phần Năng lượng Hanyoha - BCG Đông Dương	8/4/2017	0314317438	Sản xuất điện	
62	Công ty Cổ phần E Power 1	11/11/2022	0317563770	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)	Không còn là công ty con
63	Công ty TNHH Cơ điện Skytech5	5/10/2020	0316517700	Xây dựng công trình điện	Không còn là công ty con
64	Công ty Taxi Việt Nam	24/10/2008	0304465425	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	
65	Công Ty TNHH Tmcodi E&C	11/05/2023	0317828674	Xây dựng công trình đường bộ. Chi tiết: Thi công xây dựng công trình giao thông	
66	Công ty CP Phát triển Điện Gia Huy	26/2/2020	0109102803	Sản xuất điện. Lắp đặt hệ thống điện	

(Nguồn: BCG)

- *Tỷ lệ sở hữu của BCG tại các công ty con:*

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ kiểm soát/Tỷ lệ biểu quyết (%)			Tỷ lệ lợi ích (%)			Ghi chú
		31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024	
1	Công ty TNHH Liên doanh Khai thác Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang	51	51,00	51,00	25,82	21,95	21,95	Trực tiếp sở hữu

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ kiểm soát/Tỷ lệ biểu quyết (%)			Tỷ lệ lợi ích (%)			Ghi chú
		31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024	
2	CTCP Tracodi Trading & Consultant	0	0	0	0	0	0	Tracodi thoái vốn quý 3/2022
3	CTCP Xuất khẩu Lao động Tracodi	0	0	0	0	0	0	TCD thoái vốn quý 2/2022
4	CTCP Thành Phúc	95	95,00	95,00	54,69	50,63	50,63	Nguyễn Hoàng sở hữu
5	CTCP BCG Wind Sóc Trăng	90	90,00	90,00	75,96	45,59	45,59	BCG Energy sở hữu
6	CTCP Năng lượng BCG Thanh Hóa	90	91,84	91,84	73,96	46,52	46,52	BCG Energy sở hữu
7	CTCP Du lịch Cara Marina Resort	70	70,00	70,00	46,88	46,37	46,37	Nguyễn Hoàng sở hữu 100% CTCP Du lịch Cara Marina Resort từ năm 2017 đến giữa 2020 chuyển nhượng cho BCG Land sở hữu 70% CTCP Du lịch Cara Marina Resort
8	CTCP Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	0	0	0	0	0	0	BCG Land thoái vốn, trở thành coy liên kết quý 2/2022
9	Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	89	89,00	89,00	59,6	58,95	58,95	BCG Land sở hữu
10	CTCP Thương Mại Vxpenia	65	65,00	65,00	43,53	43,05	43,05	BCG Land sở hữu
11	Công ty CP Helios Đắk Nông (tiền thân Công ty Cổ phần Helios Village)	0	0	0	0	0	0	BCG Land thoái vốn quý 4/2022
12	Công ty TNHH Pegas	0	0	0	0	0	0	BCG Land thoái vốn quý 1/2022
13	CTCP Sáu Sáng Sài Gòn	65	65,00	65,00	43,53	43,05	43,05	BCG Land sở hữu
14	Công ty TNHH Du lịch Suối Cốc Bắp	0	50,10	50,10	0	33,18	33,18	BCG Land sở hữu
15	CTCP Năng lượng Việt Energy	0	0	0	0	0	0	BCG Energy thoái vốn quý 1/2022
16	CTCP Skylar	99	99,00	99,00	81,36	50,15	50,15	BCG Energy sở hữu
17	CTCP Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch	51	51,00	51,00	30,92	20,91	20,91	BCG Energy sở hữu
18	CTCP Apollo Development	0	0	0	0	0	0	Skylar thoái vốn quý 1/2022
19	CTCP Greensky Infinitive	74,9	99,80	99,80	60,94	50,05	50,05	Skylar sở hữu
20	CTCP BCG Evergreen	0	0	0	0	0	0	Skylar thoái vốn quý 1/2022
21	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	100	100,00	100,00	67,21	47,35	47,35	BCGE 51%, TCD 49%
22	Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	100	100,00	100,00	82,1	50,61	50,61	BCG Energy 90,16%; Aurai: 9,84%
23	Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	100	100,00	100,00	82,12	50,62	50,62	BCG Energy 92,71%; Aurai:7,29%
24	CTCP Aurai Wind Energy	99	99,00	99,00	81,36	50,15	50,15	BCG Energy sở hữu
25	CTCP BCG Vĩnh Long	50,5	50,50	50,50	41,5	25,58	25,58	BCG Energy sở hữu
26	CTCP Sustainable Energy Association	0	0	0	0	0	0	Skylar thoái vốn quý 1/2022
27	Công ty TNHH MTV Apollo DV1	0	0	0	0	0	0	Thoái vốn theo Apollo
28	Công ty TNHH MTV Apollo DV2	0	0	0	0	0	0	Thoái vốn theo Apollo
29	Công ty TNHH BCG Ever 1	0	0	0	0	0	0	Thoái vốn theo Evergreen

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ kiểm soát/Tỷ lệ biểu quyết (%)			Tỷ lệ lợi ích (%)			Ghi chú
		31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024	
30	Công ty TNHH BCG Ever 2	0	0	0	0	0	0	Thoái vốn theo Evergreen
31	Công ty TNHH BCG Ever 3	0	0	0	0	0	0	Thoái vốn theo Evergreen
32	Công ty TNHH BCG Ever 4	0	0	0	0	0	0	Thoái vốn theo Evergreen
33	Công ty CP Bleu Soleil	0	0	0	0	0	0	Skylar thoái vốn quý 1/2022
34	Công ty TNHH Xây lắp Bleu Soleil-1	0	0	0	0	0	0	Thoái vốn theo Bleu Soleil
35	Công ty TNHH Dịch vụ Skylar1	0	0	0	0	0	0	Thoái vốn theo Bleu Soleil
36	Công ty TNHH Xây lắp Skylar2	0	0	0	0	0	0	Thoái vốn theo Bleu Soleil
37	Công ty TNHH Thương mại Skylar3	0	0	0	0	0	0	Thoái vốn theo Bleu Soleil
38	Công ty TNHH Kỹ thuật điện Skylar4	0	0	0	0	0	0	Skylar thoái vốn quý 1/2022
39	Công ty TNHH Dịch vụ Greensky Infinitive-1	0	0	0	0	0	0	Bleu Soleil 60%, Greensky Infinitive: 40%. 2 Công ty thoái vốn quý 1/2022
40	Công ty TNHH Xây lắp Greensky Infinitive-2	0	0	0	0	0	0	Bleu Soleil 60%; Greensky Infinitive: 40%. 2 Công ty thoái vốn quý 1/2022
41	Công ty TNHH Thương mại Greensky Infinitive-3	0	0	0	0	0	0	Bleu Soleil 60%; Greensky Infinitive: 40%. 2 Công ty thoái vốn quý 1/2022
42	Công ty TNHH Kỹ thuật điện Greensky Infinitive-4	0	0	0	0	0	0	Bleu Soleil 60%; Greensky Infinitive: 40%. 2 Công ty thoái vốn quý 1/2022
43	Công ty TNHH BCG EVER 5	0	0	0	0	0	0	Bleu Soleil 60%. Evergreen: 40%. 2 Công ty thoái vốn quý 1/2022
44	Công ty TNHH BCG EVER 6	0	0	0	0	0	0	Bleu Soleil 60%. Evergreen: 40%. 2 Công ty thoái vốn quý 1/2022
45	Công ty TNHH BCG EVER 7	0	0	0	0	0	0	Bleu Soleil 60%, Evergreen. 40%. 2 Công ty thoái vốn quý 1/2022
46	Công ty CP Nước Sạch Life Purity	51	51,00	51,00	26,33	22,39	22,39	TCD sở hữu
47	Công ty CP TCD Plus	80	80,00	80,00	41,31	35,12	35,12	TCD sở hữu
48	Công ty CP Tapiotek	51	51,00	51,00	29,56	27,11	27,11	NH Sở hữu
49	CTCP Điện gió BCG Khai Long 2	51	0	0	41,49	0	0	thoái vốn cuối quý 2/2023
50	CTCP Điện gió BCG Khai Long 3	99,98	0	0	41,48	0	0	thoái vốn cuối quý 2/2023
51	Công ty Cổ phần Casper Solar	99	0	0	80,54	0	0	Skylar thoái vốn cuối quy 4/2023
52	Công ty Cổ phần Cosmos Solar	99	99,00	0	80,54	49,65	0	Giải thể ngày 20/02/2024
53	Công ty Cổ phần Herb Solar	69	69,00	69,00	56,14	34,60	34,60	Skylar sở hữu
54	Công ty Cổ phần Orchid Solar	69	69,00	69,00	56,14	34,60	34,60	Skylar sở hữu
55	Công ty Cổ phần Violet Solar	69	69,00	69,00	56,14	34,60	34,60	Skylar sở hữu
56	Công ty Cổ phần Rose Solar	0	0	0	0	0	0	Skylar thoái vốn quý 1/2022

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ kiểm soát/Tỷ lệ biểu quyết (%)			Tỷ lệ lợi ích (%)			Ghi chú
		31/12/2022	31/12/2023	30/03/2024	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024	
57	Công ty Cổ phần Sunflower Solar	0	0	0	0	0	0	Skylar thoái vốn quý 1/2022
58	Công ty Cổ phần Bất Động Sản An Giang	85,71	0	0	67,47	0	0	AAA Thoái vốn trong Q4/2023
59	Công ty Cổ phần BCG GAIA	50,8	50,97	50,97	41,77	25,45	25,45	BCGE sở hữu
60	Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Bình Dương	100	100,00	100,00	41,86	25,55	25,55	GAIA 99,8%; BCG 0,01%; BCGE 0,01%
61	Công ty Cổ phần Năng lượng Hanvico - BCG Bình Dương	100	100,00	100,00	41,86	25,55	25,55	GAIA 99,8%; BCG 0,01%; BCGE 0,01%
62	Công ty Cổ phần E Power 1	99,8	0	0	82,01	0	0	BCGE thoái vốn trong Q3/2023
63	Công ty TNHH Cơ điện Skylar3	100	0	0	81,36	0	0	thoái vốn từ đầu quý 2/2023
64	Công ty Taxo Việt Nam	0	51,00	51,00	0	22,39	22,39	Tracodi sở hữu
65	Công Ty TNHH Tracodi E&C	0	99,80	99,80	0	43,81	43,81	Tracodi sở hữu
66	Công ty CP Phát triển Điện Gia Lâm	0	99,80	99,80	0	50,05	50,05	Skylar sở hữu

(Nguồn: BCG)

c. Danh sách những Công ty mà tổ chức phát hành nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối:

❖ ***Danh sách công ty liên kết kiểm soát trực tiếp của Công ty trong 02 năm gần đây và đến thời điểm hiện tại***

- *Thông tin các công ty liên kết:*

TT	Tên Công ty	Ngày thành lập lần đầu	Giấy chứng nhận ĐKDN số	Ngành nghề kinh doanh chính	Ghi chú
1	Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	10/27/2016	1101834236	Đầu tư xây dựng công trình theo hình thức B.O.T	
2	CTCP Aysuno Highland Agriculture	3/21/2016	0313707277	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	Không còn là công ty liên kết của BCG từ ngày 30/03/2022
3	CTCP Năng lượng BCG Bình Dương	8/18/2016	0313970937	Sản xuất điện	BCG tái cơ cấu vốn cho GAIA từ 25/1/2022
4	Công ty Cổ phần Dược phẩm TipBarco	2/28/2006	1200100557	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	
5	Công ty TNHH Hello Village	28/07/2022	6400447308	Kinh doanh dịch vụ du lịch	BCG đã thoái vốn 51% và trở thành Công ty liên kết từ 29/02/2024

(Nguồn: BCG)

- *Tỷ lệ sở hữu của BCG tại các công ty liên kết.*

TT	Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu (%)			Tỷ lệ kiểm soát/Tỷ lệ biểu quyết (%)			Tỷ lệ lợi ích (%)			Ghi chú
		31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024	
1	Công ty TNHH B.O.T DT 830	48	38	38	48	38	38	48	38	38	BCG sở hữu
2	CTCP Awasiko Highland Agriculture	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Không còn là công ty liên kết của BCG từ ngày 30/03/2022
3	CTCP Năng lượng BCG Bắng Dương	0.1	0.1	0.1	100	100	100	41,86	25,55	25,55	BCG tài cơ cấu vốn cho GAIA từ 22/12/2022
4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	21,01	21,01	21,01	21,01	21,01	21,01	21,01	21,01	21,01	BCG sở hữu
5	Công ty TNHH Helios Village	100	100	49	100	100	49	100	100	49	BCG sở hữu

(Nguồn: BCG)

❖ ***Danh sách công ty liên kết kiểm soát gián tiếp của Công ty trong 02 năm gần đây và đến thời điểm hiện tại***

- *Thông tin các công ty liên kết:*

TT	Tên Công ty	Ngày thành lập lần đầu	Giấy chứng nhận ĐKDN số	Ngành nghề kinh doanh chính
1	Công ty Taxi Việt Nam (Vina Taxi)	10/24/2008	0301465425	Kinh doanh dịch vụ vận tải
2	Công ty TNHH Skylight Power	7/30/2018	0315194609	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
3	CTCP Năng lượng Hanwha - BCG Bắng Dương	4/8/2017	0314337438	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
4	CTCP Năng lượng Dương Phong	017/05/2019	0315660881	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
5	CTCP Khai thác Khoáng sản Bắc Hà	1174/2005	4900236527	Khai thác đá, chế biến đá xây dựng; đá trang trí xuất khẩu; sản xuất vật liệu xây dựng;
6	CTCP 3K Plus Việt Nam	6/10/2019	0401981631	Xây dựng nhà để ở
7	Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	6/19/2020	0316338966	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
8	CTCP Đầu tư Thương mại Dịch Vụ An Khang Land	4/16/2004	0300383441	Kinh doanh bất động sản
9	CTCP Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	4/14/2016	0313758024	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
10	Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp	9/22/2008	4000491891	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

TT	Tên Công ty	Ngày thành lập lần đầu	Giấy chứng nhận ĐKDN số	Ngành nghề kinh doanh chính
11	Công ty CP Bleu Soleil	4/8/2020	0316229854	Sản xuất điện. Lắp đặt hệ thống điện
12	Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	7/5/2021	0316928919	Sản xuất điện
13	Công ty Cổ phần Bãng Dương E&C	6/1/2018	0315080125	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
14	Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	3/22/2012	0311656651	Hoạt động tư vấn quản lý
15	Công ty TNHH BCG EVER 5	6/29/2020	3702887684	Sản xuất điện. Lắp đặt hệ thống điện
16	Công ty TNHH BCG EVER 6	6/29/2020	3702887638	Sản xuất điện. Lắp đặt hệ thống điện
17	Công ty TNHH BCG EVER 7	6/29/2020	3702887645	Sản xuất điện. Lắp đặt hệ thống điện
18	Công ty CP ĐT và PT Sơn Long	02/01/2009	5701018652	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
19	Công ty TNHH King Crown Riverside Residence	12/22/2022	0317618557	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
20	Công ty Cổ phần Bất Động Sản An Giang	6/3/2008	1600948052	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

(Nguồn: BCG)

- *Tỷ lệ sở hữu của BCG tại các công ty liên kết.*

TT	Tên Công ty	Tỷ lệ kiểm soát/Tỷ lệ biểu quyết (%)			Tỷ lệ lợi ích (%)			Ghi chú
		31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024	
1	Công ty Taxi Việt Nam (Vina Taxi)	30	51,00	51,00	15,49	22,39	22,39	Teacodi sở hữu
2	Công ty TNHH Skylight Power	50	50,00	50,00	41,09	25,33	25,33	BCG Energy sở hữu
3	CTCP Năng lượng Hanwha - BCG Bãng Dương	100	100,00	100,00	41,86	25,55	25,55	BCG Energy tăng sở hữu vốn cho GAIA. GAIA mua thêm cổ phần của Cty con
4	CTCP Năng lượng Dương Phong	18	18,00	18,00	14,79	9,12	9,12	BCGE 18%. Không còn là công ty liên kết của BCG
5	CTCP Khai thác Khoáng sản Bắc Hà	45,85	0	0	25,56	0	0	Nguyên Hoàng đã thoái vốn trong Q4/2023
6	CTCP JK Plus Việt Nam	20	0	0	10,33	0	0	Teacodi đã thoái trong Q4/2023
7	Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	49	49,00	49,00	40,27	24,82	24,82	BCG Energy sở hữu
8	CTCP Đầu tư Thương mại Dịch Vụ An Khang Land (AKL)	0	0	0	0	0	0	Gia Khang sở hữu, Quý 2, BCG Land thoái vốn Gia Khang nên AKL không còn là Cty liên kết

TT	Tên Công ty	Tỷ lệ kiểm soát/Tỷ lệ biểu quyết (%)			Tỷ lệ lợi ích (%)			Ghi chú
		31/12 /2022	31/12 /2023	31/03 /2024	31/12 /2022	31/12 /2023	31/03 /2024	
9	CTCP Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	49	49,00	49,00	32,81	32,46	32,46	Năm 2021, BCG Land mua thêm cp Gia Khang trở thành công ty con. Quý 2/2022, BCG Land thoái vốn thành Công ty liên kết
10	Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp	46,1	50,10	50,10	32,21	33,18	33,18	BCG land sở hữu
11	Công ty CP Bleu Soleil	0	0	0	0	0	0	Năm 2021, trở thành cty con của Skylar. Đến quý 1/2022, Skylar thoái vốn
12	Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	50	50,00	50,00	40,68	25,04	25,04	Skylar sở hữu
13	Công ty Cổ phần Bảng Dương E&C	49	0	0	25,3	0	0	TCD sở hữu
14	Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	20	0	0	10,33	0	0	không còn là công ty liên kết của BCG
15	Công ty TNHH BCG EVER 5	0	0	0	0	0	0	Evergreen sở hữu, năm 2021 trở thành Cty con của Bleu soleil
16	Công ty TNHH BCG EVER 6	0	0	0	0	0	0	Evergreen sở hữu, năm 2021 trở thành Cty con của Bleu soleil
17	Công ty TNHH BCG EVER 7	0	0	0	0	0	0	Evergreen sở hữu, năm 2021 trở thành Cty con của Bleu soleil
18	Công ty CP ĐT và PT Sơn Long	40,63	40,63	40,63	20,98	17,83	17,83	TCD sở hữu
19	Công ty TNHH King Crown Riverside Residence	0	0	0	0	0	0	BCG land đã thoái trong Q4/2023
20	Công ty Cổ phần Bất Động Sản An Giang	35,71	36,71	36,71	67,47	28,90	27,13	AAA Thoái vốn thành Công ty liên kết trong Q4/2023

(Nguồn: BCG)

d. Danh sách những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành:

Từ thời điểm thành lập đến thời điểm hiện tại, Công ty không có công ty nào nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối.

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Kể từ thời điểm thành lập Công ty đến nay, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ 12 (mười hai) lần và chưa thực hiện giảm vốn điều lệ. Cụ thể:

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Bảng 4. Quá trình tăng vốn của Công ty

Đơn vị: Nghìn đồng

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý/Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
1	28/05/2012	21.100.000	21.600.000	Phát hành riêng lẻ	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/05/2012 thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ - Giấy ĐKKD lần thứ 2 ngày 28/05/2012 - Đơn vị cấp: ĐHĐCĐ, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh	Không có
2	30/10/2014	21.400.000	43.000.000	Phát hành riêng lẻ	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 05/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/10/2014 thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ - Giấy ĐKKD lần thứ 11 ngày 05/02/2015 - Đơn vị cấp: ĐHĐCĐ, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh	Ý kiến kiểm toán về Báo cáo biến động nguồn vốn điều lệ từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015 (nâng vốn điều lệ từ 21.600.000.000 đồng lên 407.000.000.000 đồng) số 03/BCKT-TV ngày 07/04/2015 của Công ty TNHH DV TV Tài chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam: Theo ý kiến của chúng tôi,

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý/Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
3	13/03/2015	364.000.000	407.000.000	Phát hành riêng lẻ	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/03/2015 thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ - Giấy ĐKKD lần thứ 13 ngày 13/03/2015 - Đơn vị cấp: ĐHĐCĐ, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh	Báo cáo Biến động nguồn vốn điều lệ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình biến động nguồn vốn điều lệ trong giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015 của Công ty cổ phần Bamboo Capital, phù hợp với chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.
4	21/07/2016	643.057.600	1.050.057.600	Chia cổ tức bằng cổ phiếu 32.557.600.000 đồng và chào bán cổ phiếu ra công chúng 610.500.000.000 đồng	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 02/03/2016 theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản - NQ số 13/2016/NQ-HĐQT ngày 11/05/2016 Triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2015 - Giấy Chứng nhận số 25/GCN-UBCK ngày 01/06/2016 của UBCKNN chấp thuận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng (61.050.000 cổ phiếu) - Công văn số 4816/UBCK-QLCB ngày 22/07/2016 của UBCKNN chấp thuận báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (3.255.760 cổ phiếu) - Giấy ĐKKD lần thứ 15 ngày 21/07/2016	Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tình hình tăng vốn điều lệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 07/07/2016 (nâng vốn điều lệ từ 407.000.000.000 đồng lên 1.050.057.600.000 đồng) số 04A/BCKT/TV/2016/AASCS ngày 26/7/2016 của Công ty TNHH DV TV Tài chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam: Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình tăng vốn điều lệ đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tăng vốn điều lệ giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 07/07/2016

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý/Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
					- Đơn vị cấp: ĐHĐCĐ, UBCKNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh	của Công ty cổ phần Bamboo Capital, phù hợp với chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.
5	26/12/2016	30.000.000	1.080.057.600	Phát hành Esop	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 02/03/2016 theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản - NQ số 24/2016/NQ-HĐQT ngày 28/07/2016 Triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) - Giấy ĐKKD lần thứ 16 ngày 26/12/2016 - Đơn vị cấp: ĐHĐCĐ, UBCKNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh	Không có
6	03/09/2020	280.000.000	1.360.057.600	Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu	- Nghị quyết số 012018/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 12/04/2018 theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thông qua phát hành trái phiếu chuyển đổi - NQ số 17/2018/NQ-HĐQT-BCG ngày 12/04/2018 Thông qua triển khai phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi - Công văn 4733/UBCK-QLCB ngày 30/07/2018 của UBCKNN chấp thuận chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ	Ý kiến kiểm toán về Báo cáo kết quả đợt chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo nghị quyết của đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 27/5/2020 và nghị quyết của Hội đồng quản trị số 28/2020/NQ-HĐQT-BCG ngày 27/07/2020 (nâng vốn điều lệ từ 1.080.057.600.000 đồng lên

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý/Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
					- NQ số 28/2020/NQ-HĐQT-BCG ngày 27/07/2020 triển khai phương án chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu - Công văn 5252/UBCK-QLCB ngày 27/08/2020 của UBCKNN chấp thuận báo cáo kết quả chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu - Giấy ĐKKD lần thứ 19 ngày 03/09/2020 - Đơn vị cấp: ĐHĐCĐ, UBCKNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh	1.360.057.600.000 đồng) số 04/BCKT/TV/2020/AASCS ngày 07/09/2020 của Công ty TNHH DV TV Tài chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam: Theo ý kiến chúng tôi, Báo Cáo Kết Quả Đợt Chuyển Đổi Trái Phiếu Thành Cổ Phiếu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 27/05/2020 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 28/2020/NQ-HĐQT-BCG ngày 27/07/2020 của Công ty phù hợp với chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.
7	05/04/2021	674.623.800	2.034.681.400	Phát hành cổ phiếu ra công chúng	- NQ số 08/2020/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 24/09/2020 theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thông qua chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu - NQ số 51/2020/NQ-HĐQT-BCG ngày 30/09/2020 Thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tình hình góp vốn điều lệ của các cổ đông đã được kiểm toán tại ngày 31/3/2021 (nâng vốn điều lệ từ 1.360.057.600.000 đồng lên 2.034.681.400.000 đồng) số 359/BCKT/TC/2021/AASCS ngày 07/04/2021 của Công ty TNHH DV TV Tài chính Kế Toán

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý/Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
					- Công văn 352/UBCK-QLCB ngày 31/12/2020 của UBCKNN Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng - Giấy ĐKKD lần thứ 20 ngày 05/04/2021 - Đơn vị cấp: ĐHĐCĐ, UBCKNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh	và Kiểm Toán Phía Nam: Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tình hình góp vốn điều lệ của các cổ đông của Công ty cổ phần Bamboo Capital kèm theo trình bày trung thực và hợp lý tình hình tăng vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2021 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tình hình góp vốn điều lệ của các cổ đông và cơ sở kế toán và các chính sách kế toán như trình bày tại Thuyết minh số II.
8	19/07/2021	40.690.340	2.075.371.740	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 04/2021/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 15/05/2021 - NQ số 26/2021/NQ-HĐQT-BCG ngày 25/05/2021 triển khai thực hiện chi trả cổ tức năm 2020 - Công văn 2737/UBCK-QLCB ngày 09/06/2021 của UBCKNN chấp thuận báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức - Giấy ĐKKD Lần 21 ngày 19/07/2021	Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tình hình phát hành tăng vốn điều lệ cho giai đoạn từ ngày 15/5/2021 đến ngày 16/8/2021 (nâng vốn điều lệ từ 2.034.681.400.000 đồng lên 2.975.371.740.000 đồng) số 526/BCKT/TC/2021/AASCS ngày 20/08/2021 của Công ty TNHH DV TV Tài chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam: Theo ý

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý/Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
					- Đơn vị cấp: ĐHĐCĐ, UBCKNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh	kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình tăng vốn Điều lệ từ ngày 15/05/2021 đến ngày 16/08/2021 của Công ty cổ phần Bamboo Capital kèm theo trình bày trung thực và hợp lý tình hình tăng vốn điều lệ của công ty tại ngày 16 tháng 08 năm 2021 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy trình pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tình hình góp vốn điều lệ của các cổ đông.
9	24/08/2021	900.000.000	2.975.371.740	Phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu	- NQ số 03/2018/NQ-ĐHĐCĐ v-BCG ngày 24/12/2018 theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thông qua phát hành trái phiếu 2018 - NQ số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 10/05/2019 thông qua việc điều chỉnh phương án phát hành - NQ số 20/2019/NQ-HĐQT-BCG ngày 01/10/2019 Thông qua phương án triển khai chi tiết việc phát hành trái phiếu chuyển đổi - Công văn 3681/UBCK-QLCB ngày 03/06/2020 của UBCKNN chấp thuận báo cáo kết quả phát hành trái phiếu chuyển đổi - NQ số 36/2021/NQ-HĐQT-BCG ngày 09/07/2021 triển khai phương án chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu - Công văn 4508/UBCK-QLCB ngày 12/08/2021 của UBCKNN chấp thuận kết quả báo cáo chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu - Giấy ĐKKD Lần 22 ngày 24/08/2021	

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý/Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
					- Đơn vị cấp: ĐHĐCĐ, UBCKNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh	
10	11/02/2022	1.487.682.630	4.463.054.370	Phát hành cổ phiếu ra công chúng	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 04/2021/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 15/05/2021 -Nghị quyết Hội đồng quản trị số 46/2021/NQ-HĐQT-BCG ngày 31/08/2021 thông qua việc triển khai phương án chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2021 - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 56/2021/NQ-HĐQT-BCG ngày 05/11/2021 về việc thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu - Báo cáo kết quả phát hành số 10/2022/CV-BCG ngày 20/01/2022 - Công văn số 245/UBCK-QLCB của UBCKNN ngày 21/01/2022 về chấp thuận báo cáo kết quả chào bán - Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 268/GCN-UBCK ngày 23/11/2021 - Giấy ĐKKD Lần 24 ngày 11/02/2022 - Đơn vị cấp: ĐHĐCĐ, UBCKNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh	Ý kiến kiểm toán về Báo cáo kết quả phát hành tăng vốn điều lệ cho giai đoạn từ ngày 23/11/2021 đến ngày 21/01/2022 (nâng vốn điều lệ từ 2.975.371.740.000 đồng lên 4.463.054.370.000 đồng) Số 20/BCKT/TC/2022/AASCS ngày 28/1/2022 của Công ty TNHH DV TV Tài chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam: Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo Kết quả tăng Vốn điều lệ từ ngày 23/11/2021 đến ngày 21/01/2022 của Công ty cổ phần Bamboo Capital kèm theo trình bày trung thực và hợp lý tình hình tăng vốn điều lệ của Công ty đến ngày 21/01/2022, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo Kết quả góp vốn điều lệ của các cổ đông.

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý/Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
11	05/05/2022	570.000.000	5.033.054.370	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 04/2021/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 15/05/2021 - Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 16/02/2022 Vv thông qua triển khai phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ - Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 18/02/2022 về việc thông qua hồ sơ đăng ký chào bán - Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 05/04/2022 v/v triển khai phân phối cổ phiếu chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư; - Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 18/04/2022 v/v thông qua kết quả báo cáo phát hành - Báo cáo kết quả phát hành số 62/2022/CV-BCG ngày 18/04/2022 - Công văn số 2221/UBCK-QLCB của UBCKNN ngày 21/04/2022 về chấp thuận báo cáo kết quả chào bán - Giấy ĐKKD Lần 25 ngày 05/05/2022 - Đơn vị cấp: ĐHĐCĐ, UBCKNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh	Ý kiến kiểm toán về Báo cáo kết quả phát hành tăng vốn điều lệ cho giai đoạn từ ngày 29/03/2022 đến ngày 21/04/2022 (nâng vốn điều lệ từ 4.463.054.370.000 đồng lên 5.033.054.370.000 đồng) số 390/BCKT/TC/2022/AASCS ngày 28/4/2022 của Công ty TNHH DV TV Tài chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam: Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo Kết quả tăng Vốn điều lệ từ ngày 29/03/2022 đến ngày 21/04/2022 của Công ty cổ phần Bamboo Capital kèm theo trình bày trung thực và hợp lý tình hình tăng vốn điều lệ của Công ty, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo Kết quả góp vốn điều lệ của các cổ đông.

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý/Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
12	07/10/2022	301.621.850	5.334.676.220	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 04/2022/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 06/05/2022 - Nghị quyết số 58/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 09/06/2022 v/v triển khai thực hiện phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2021 và phương án phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2022 - Nghị quyết số 73/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 15/07/2022 v/v sửa đổi Quy chế ESOP 2022 và Danh sách người lao động được phân bổ cổ phiếu thưởng ESOP nêu tại Điều 2 Nghị quyết số 58/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 09/06/2022 - Nghị quyết số 79/2022/BB-HĐQT-BCG ngày 11/08/2022 v/v triển khai trả cổ tức bằng tiền mặt, ngày đăng ký cuối cùng để chi trả cổ tức năm 2021 và ngày phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của CTCP Tập đoàn Bamboo Capital năm 2022 - Nghị quyết số 82/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 27/08/2022 v/v thông qua kết quả báo cáo phát hành	Không có

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý/Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
					- Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 143/2022/CV-BCG ngày 27/08/2022 - Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động số 144/2022/CV-BCG ngày 27/08/2022 - Công văn số 5871/UBCK-QLCB của UBCKNN ngày 31/08/2022 về báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của BCG - Công văn số 5934/UBCK-QLCB của UBCKNN ngày 06/09/2022 về báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của BCG - Giấy ĐKKD lần 27 ngày 07/10/2022 - Đơn vị cấp: ĐHĐCĐ, UBCKNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh	

(Nguồn: BCG)

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác

Công ty mẹ không có các khoản góp vốn, thoái vốn có giá trị từ 10% tổng tài sản BCTC hợp nhất trở lên tại thời điểm thực hiện từ năm 2022 đến nay.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Bảng 5: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 26/03/2024

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	**Cổ đông trong nước**	44.760	523.247.593	98,1
1	Tổ chức	57	22.055.551	4,2
	Trong đó. Tổ chức có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0
2	Cá nhân	44.703	501.192.042	93,9
II	**Cổ đông nước ngoài**	232	10.220.029	1,9
1	Tổ chức	20	5.876.740	1,1
2	Cá nhân	212	4.343.289	0,8
	Cộng	44.992	533.467.622	100

(Nguồn. BCG)

Ghi chú:

- *Toàn bộ cổ phiếu đã phát hành và đang lưu hành của BCG đều là cổ phiếu phổ thông.*
- *Nhóm cổ đông là tổ chức trong nước: Bao gồm 57 cổ đông, trong đó 18 cổ đông là các Công ty chứng khoán của Việt Nam, 39 cổ đông còn lại chưa là công ty đại chúng, hiện tại BCG không có thông tin về cổ đông là Tổ chức có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.*

8.2. Cổ phiếu ưu đãi

- Không có

8.3. Các loại chứng khoán khác

Hiện tại Công ty đang lưu hành 5.000.000 trái phiếu và được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, cụ thể một số điều kiện điều khoản chính như sau:

- **Loại Trái Phiếu:** Trái Phiếu là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không có bảo đảm. (Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 327/GCN-UBCK của Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31/12/2021)
- **Mã trái phiếu:** BCG122006
- **Ngày phát hành:** 20/01/2022 ("Ngày Phát Hành")
- **Ngày đáo hạn:** 20/01/2027 ("Ngày Đáo Hạn")
- **Kỳ hạn trái phiếu:** Trái phiếu có Kỳ hạn 05 (năm) năm, bắt đầu từ Ngày Phát Hành
- **Mệnh giá:** Mỗi Trái Phiếu có mệnh giá là 100.000 VND (Một trăm nghìn Đồng).
- **Tổng số Trái phiếu niêm yết:** Số lượng: 5.000.000 Trái Phiếu (Năm triệu Trái Phiếu).
- **Lãi suất Trái phiếu**

  Trái Phiếu có lãi suất kết hợp lãi suất cố định và lãi suất thả nổi ("Lãi Suất") được xác định như sau:

  i. Lãi Suất cho 02 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên bằng 11,5%/năm (bằng chữ: mười một phẩy năm phần trăm một năm); và

  ii. Lãi Suất cho các Kỳ Tính Lãi tiếp theo sau 02 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên là lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức như sau: Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu tại Kỳ Tính Lãi đó + biên độ 6,0%/năm (bằng chữ: sáu phần trăm một năm)

Ngoài ra, đến thời điểm hiện tại, theo BCTC riêng Công ty không còn các loại chứng khoán nào khác.

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định pháp luật: Theo công văn số 8217/UBCK-PTTT ngày 08/12/2021 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 50%.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ Công ty: Không quy định
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty tính đến thời điểm 12/04/2024 theo thông tin về số liệu sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài của HSX: 1,73%. *(Link: https://www.hsx.vn/Modules/Cms/Web/ViewArticle/1de29e33-9fef-4d86-98d5-45e3e33d5075).*

10. Hoạt động kinh doanh

a) Các sản phẩm/dịch vụ chính

BCG hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua hình thức quản lý, đầu tư vào các công ty con trực tiếp và gián tiếp. Việc hoạt động trong mỗi lĩnh vực của BCG đều được thực hiện thông qua các công ty con này.

BCG xác định vị thế chiến lược tập trung vào 5 lĩnh vực cốt lõi là: năng lượng tái tạo, sản xuất và thương mại, xây dựng và đầu tư cơ sở hạ tầng, bất động sản, dịch vụ tài chính và định hướng dài hạn trở thành một doanh nghiệp phát triển mạnh các ngành nghề cốt lõi này tại Việt Nam.

❖ **Sản phẩm dịch vụ thuộc lĩnh vực năng lượng tái tạo**

✓ CTCP BCG Energy (BCG Energy) là một trong ba đơn vị phát triển năng lượng tái tạo hàng đầu Việt Nam, đồng thời nắm vai trò mũi nhọn chiến lược trong hệ sinh thái của Tập đoàn Bamboo Capital. Với danh mục dự án gồm 594,4 MWp điện mặt trời và điện áp mái đã đi vào vận hành, các dự án đang và sẽ tiếp tục tạo ra dòng tiền ổn định cho BCG Energy.

✓ Những thách thức trong công tác triển khai dự án năm 2021 và 2022 bao gồm ảnh hưởng dịch bệnh và tình hình phê duyệt những chính sách chủ chốt của Nhà nước đối với lĩnh vực năng lượng tái tạo đến năm 2023 đã được cải thiện đáng kể đặc biệt là Quy hoạch điện VIII được thông qua vào tháng 05 cho thấy được sự cam kết mạnh mẽ của Chính phủ đối với kế hoạch giảm phát thải ròng carbon xuống mức 0 vào năm 2050.

✓ Năm 2023, doanh thu thuần đạt 1.125,65 tỷ đồng (tăng 5,82% so với cùng kỳ năm 2022), lợi nhuận sau thuế là âm 152,72 tỷ đồng (giảm 151,68% so với cùng kỳ năm 2022) chủ yếu do đánh giá lỗ chênh lệch tỷ giá đối với một số khoản vay bằng USD với tổng dư nợ khoảng 140 triệu USD, và các chi phí tài chính liên quan đến khoản vay nước ngoài như chi phí tư vấn thu xếp vốn và chi phí thẩm định. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế tại thời điểm 31/12/2023 là 186,6 tỷ đồng.

✓ Sự tăng trưởng về doanh thu và sản lượng của mảng năng lượng tái tạo cao hơn lần lượt 6% và 11% so với năm 2022 là nhờ vào việc các nhà máy điện mặt trời đã đi vào hoạt động từ năm 2022 đạt được hiệu suất cao, thêm vào đó là dự án Phù Mỹ giai đoạn 2 (114MWp) đi vào vận hành vào tháng 6/2023 và đóng điện thêm các dự án điện áp mái, trong đó những tháng cuối năm 2023 một số nhà máy ghi nhận mức công suất vượt mức 100%. Bên cạnh đó, danh mục điện mặt trời áp mái cũng có sự mở rộng nhất định, đóng góp vào doanh thu năm 2023.

✓ Tính đến thời điểm 31/12/2023, quy mô tổng tài sản BCG Energy đạt mức hơn 19.037 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu đạt hơn 9.736 tỷ đồng (trong đó gần 2.250 tỷ đồng là lợi ích cổ đông không kiểm soát), song song với kết quả tăng trưởng ấn tượng hàng năm. Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu cải thiện đáng kể qua từng năm với tỷ lệ 2,77 tại 31/12/2021; 1,90 tại 31/12/2022 và 0,96 tại 31/12/2023. Lợi thế về năng lực tài chính cho phép công ty giảm thiểu tối đa các rủi ro dưới tác động của nền kinh tế và thị trường, tăng khả năng đáp ứng nhu cầu vốn cho các hoạt động M&A để mở rộng danh mục dự án.

✓ Về ngắn hạn, cung năng lượng tái tạo còn gặp nhiều thách thức như (1) cung hiện đang vượt quá nhu cầu. Lý do gồm việc các dự án phát triển vượt mức giai đoạn trước đó và chỉ tập trung chủ yếu tại khu vực miền Trung, miền Nam. Công suất dư thừa tại 2 khu vực này

lại không thể chuyển ra miền Bắc do vấn đề về hệ thống truyền tải; (2) việc đầu tư mới vào năng lượng tái tạo còn đang gặp nhiều vướng mắc, đặc biệt là cơ chế tính giá mua bán điện. Tuy nhiên, về dài hạn, phát triển nguồn năng lượng tái tạo là cần thiết bởi: (1) phù hợp nhất mục tiêu giảm phát thải ròng về bằng 0 vào 2050 của Việt Nam (2) giảm phụ thuộc vào nhóm thuỷ điện và nhiệt điện, đảm bảo an ninh năng lượng đáp ứng nhu cầu ngày một tăng lên.

✓ Với kinh nghiệm trong việc phát triển và vận hành các dự án năng lượng tái tạo và nguồn lực tài chính được hỗ trợ từ đối tác thì BCG Energy sẽ có lợi thế trong việc đấu thầu nhờ quản lý hiệu quả, tiết kiệm nhờ huy động được các nguồn vốn lớn với chi phí rẻ.

✓ Mục tiêu tăng trưởng là đạt tổng sản lượng phát điện trong danh mục từ 2.000 MW đến năm 2026 và sẵn sàng vươn tầm quốc tế, đóng góp vào sự ổn định an ninh năng lượng cho nước nhà.

Tình hình hoạt động tại từng lĩnh vực của BCG Energy cụ thể như sau:

Điện mặt trời áp mái:

Bước sang năm 2023, công tác triển khai dự án phải đối mặt với rất nhiều thách thức đến từ những chính sách chủ chốt của Nhà nước đối với lĩnh vực năng lượng tái tạo vẫn còn trong giai đoạn chờ phê duyệt. Vì vậy, BCG Energy chỉ kịp hoàn thiện và triển khai thêm 2 MWp điện mặt trời áp mái. Tính tới tháng 12/2023, BCG Energy đã COD được dự án điện áp mái, đạt tổng công suất 74.104 MWp, đang phát triển thêm 23 dự án (15.9 MWp). Công ty dự kiến sẽ hoàn thành lên tới 150 MWp điện mặt trời áp mái trong năm 2024. Trong năm 2023, BCG Energy đã giải ngân thành công 31,55 triệu USD trong gói tín dụng lên tới 50 triệu USD cho các dự án trong pipeline phát triển từ 3 ngân hàng Singapore là DBS Bank Ltd. (DBS), Oversea-Chinese Banking Corporation Limited (OCBC) và United Overseas Bank Limited (UOB). Sự kiện này sẽ giúp cho BCG Energy nhanh chóng đạt được kế hoạch đã đề ra trong năm 2024.

Điện mặt trời:

Đối với mảng điện mặt trời, ngày 31/5/2023, 114MWp còn lại của dự án Phú Mỹ đã chính thức được công nhận vận hành thương mại, trở thành dự án chuyển tiếp đầu tiên được đấu nối, đồng thời hoàn thiện thi công giai đoạn 1 của dự án điện mặt trời Krongpa 2 (21MWp) tại Gia Lai để dự án đủ điều kiện tham gia cơ chế bán điện giá chuyển tiếp.

Điện gió:

Trong năm 2024, tùy thuộc vào tiến trình phê duyệt cho kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII và chính sách giá điện mới của Chính phủ, BCG Energy sẽ tiếp tục đẩy mạnh triển khai, thi công các dự án điện gió với mục tiêu đưa các dự án đi vào vận hành vào năm 2025.

Danh sách Dự án điện mặt trời đang vận hành

NHÀ MÁY ĐIỆN MẶT TRỜI BCG BĂNG DƯƠNG	
Tên Công ty Dự án	CTCP Năng lượng BCG - Băng Dương (công ty con gián tiếp của BCG Energy)
Địa điểm	Huyện Thạnh Hóa, Tỉnh Long An
Năm vận hành	2019
Quy mô	50 ha
Công suất	40,6 MWp
Giá FIT	9,35 cent/kWh
Tổng mức đầu tư	1.167 tỷ đồng
Hình thức đầu tư	BOO
Đặc điểm dự án	Đây là dự án năng lượng mặt trời đầu tiên tại Long An. Là dự án cánh đồng pin năng lượng mặt trời công nghệ pin quang năng tập trung, pin đa tinh thể. Nhà máy nằm cách trung tâm thị trấn Thạnh Hóa 14km, cách thành phố Tân An 37 km về phía Bắc theo hướng QL 62. Khu vực dự án nằm trên khu đất canh tác nông nghiệp có độ cao tuyệt đối <1m so với mực nước biển, là đất trồng trâm bị nhiễm phèn nặng nên giá trị sản xuất thấp. Toàn bộ khu đất có xu hướng dốc thoải từ Tây sang Đông, địa hình tương đối bằng, được bao bọc xung quanh là các kênh và mương nước, nằm trong khu vực bức xạ cao thuận lợi để phát triển dự án.
Hình ảnh Dự án	

NHÀ MÁY ĐIỆN MẶT TRỜI BCG GAIA	
Tên Công ty Dự án	CTCP Năng lượng Hanwha - BCG Bình Dương (công ty con gián tiếp của BCG Energy)
Địa điểm	Huyện Thạnh Hóa, Tỉnh Long An
Năm vận hành	2020
Quy mô	124,8 ha
Công suất	100,5 MWp
Giá FIT	7,09 cent/kWh
Tổng mức đầu tư	2.418 tỷ đồng
Hình thức đầu tư	BOO
Đặc điểm dự án	Là dự án cánh đồng pin năng lượng mặt trời công nghệ pin quang năng tập trung, pin đa tinh thể. Nhà máy nằm liền kề với BCG Long An 1 nên vị trí địa lý, đặc điểm địa hình và khí tượng là tương đối như nhau.
Hình ảnh Dự án	

NHÀ MÁY NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI PHÙ MỸ	
Tên Công ty Dự án	CTCP Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch (công ty con gián tiếp của BCG Energy)
Địa điểm	Huyện Phù Mỹ, Tỉnh Bình Định
Năm vận hành	2020
Quy mô	324 ha
Công suất	330 MWp, trong đó: - Giai đoạn 1: 216 MWp gồm 36,9 MWp của dự án điện mặt trời Phù Mỹ 1, 110 MWp của dự án điện mặt trời Phù Mỹ 2, và 68,9 MWp của dự án điện mặt trời Phù Mỹ 3 - Giai đoạn 2: 114 MWp gồm 83,10 MWp của dự án điện mặt trời Phù Mỹ 1 và 31,1 MWp của dự án điện mặt trời Phù Mỹ 3
Giá FIT	- Giai đoạn 1: 7,09 cent/kWh - Giai đoạn 2: giá điện tạm bằng 50% mức giá trần theo quyết định số 21/QĐ-BCT ngày 07/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về ban hành khung giá phát điện cho nhà máy điện mặt trời và điện gió chuyển tiếp. Công ty dự án đang đàm phán với EVN về giá chính thức.
Tổng mức đầu tư	6.452 tỷ đồng
Hình thức đầu tư	BOO
Đặc điểm dự án	Là dự án cánh đồng pin năng lượng mặt trời công nghệ pin quang năng tập trung (CSP). Khu vực dự án nằm dọc theo tỉnh lộ 639, cách QL1A 6km, phía đông giáp biển, phía tây giáp đầm Trà Ổ, cách khu vực có dân cư tối thiểu 150m, khu vực dự án là đất đồi trọc, đất cát trống. Điều kiện khí hậu: có nền nhiệt độ và bức xạ cao và ổn định, mùa khô kéo dài, mưa to vào các tháng cuối năm thuận lợi cho phát triển điện mặt trời.
Hình ảnh Dự án	

NHÀ MÁY NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI VNECO – VĨNH LONG	
Tên Công ty Dự án	Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long (công ty con trực tiếp của BCG Energy)
Địa điểm	Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long
Năm vận hành	2020
Quy mô	49,7 ha
Công suất	49,3 MWp
Giá FIT	7,09 cent/kWh
Tổng mức đầu tư	1.134 tỷ đồng
Hình thức đầu tư	BOO
Đặc điểm dự án	Đây là nhà máy điện mặt trời dưới 50 MW có thời gian thi công nhanh nhất Việt Nam. Là dự án cánh đồng pin năng lượng mặt trời công nghệ pin quang năng tập trung (CSP), pin đơn tinh thể. Khu vực dự án thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long, nằm cạnh đường QL 53, giao thông thuận lợi, địa hình tương đối bằng phẳng, độ cao tuyệt đối nhỏ, bị phẫu cắt bởi hệ thống kênh rạch, mương thủy lợi, ao hồ của dân. Đặc điểm khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm, chế độ nhiệt khá cao, bức xạ dồi dào, 2 mùa mưa nắng rõ rệt. Đặc biệt, theo khảo sát thì vị trí xây dựng nhà máy lại nhận được lượng bức xạ cao hơn hẳn so với các khu vực gần kề xung quanh thích hợp để phát triển điện mặt trời.
Hình ảnh Dự án	

(Nguồn: BCG)

Danh sách Dự án điện mặt trời đang triển khai

NHÀ MÁY ĐIỆN MẶT TRỜI KRONG PA 2	
Tên Công ty Dự án	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên (công ty con trực tiếp của BCG Energy)
Địa điểm	Huyện Krong Pa, Tỉnh Gia Lai
Trạng thái	Hoàn thành xây dựng giai đoạn 1 của dự án với 21 MWp, dự kiến sẽ đấu nối và đi vào vận hành trong năm 2024
Quy mô	63 ha
Công suất	49 MWp
Tổng mức đầu tư	1.030 tỷ đồng
Hình thức đầu tư	BOO
Đặc điểm dự án	Là dự án cánh đồng pin năng lượng mặt trời công nghệ pin quang năng tập trung (CSP), hệ thống solar tracking, pin đơn tinh thể hai mặt kép. Dự án Nhà máy Điện mặt trời Krong Pa 2 được xây dựng tại khu vực đất đồi hoang hóa, cách QL 25 1km về phía Đông-Bắc. Dự án nằm ở khu vực địa hình các đồi núi thấp (100-300m), bề mặt địa hình có dạng nhấp nhô, uốn lượn. Diện tích sử dụng lâu dài của dự án là 53,42 ha gồm diện tích lắp PV, trạm hợp bộ, khu điều khiển trung tâm, đường giao thông nội bộ, đê bao và các công trình phụ trợ khác. Dự án nằm trong khu vực có khí hậu cao nguyên nhiệt đới gió mùa, không có bão và sương muối, nằm trong khu vực bức xạ trung bình trong năm khá cao (4,75kWh/m^2/ngày), là điều kiện tiên quyết để phát triển điện mặt trời trong khu vực.
Hình ảnh Dự án	

(Nguồn: BCG)

Ngoài ra, BCG Energy còn tham gia hợp tác đầu tư một số các dự án cụ thể như sau:

Stt	Tên dự án	Thông tin dự án
1	Nhà máy điện gió khu du lịch Khai Long – Cà Mau (giai đoạn 1)	- Dự án do Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1 là chủ đầu tư với công suất 100 MW; - Tổng mức đầu tư: 6.320,1 tỷ đồng - Dự án đang trong quá trình xây dựng, dự kiến đi vào vận hành vào năm 2025.
2	Nhà máy điện gió khu du lịch Khai	- Dự án do Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2 là chủ đầu tư với công suất 100 MW; - Tổng mức đầu tư: 5.752,6 tỷ đồng

Stt	Tên dự án	Thông tin dự án
	Long - Cà Mau (giai đoạn 2)	- Dự án đang trong quá trình phát triển, dự kiến đi vào vận hành vào năm 2026
3	Dự án Nhà máy điện mặt trời năng lượng Hoa hướng dương (Dự án Sunflower)	- Dự án do Công ty cổ phần Năng lượng BCG Thanh Hoá là chủ đầu tư với công suất 50 MWp; - Tổng mức đầu tư: 1.100 tỷ đồng - Dự án đang trong quá trình phát triển, dự kiến đi vào vận hành vào năm 2026.
4	Dự án Nhà máy Điện gió BCG Điện Biên 1	- Dự án có công suất 175 MW; - Tổng mức đầu tư: 5.087,2 tỷ đồng - Dự án đang trong quá trình phát triển, dự kiến đi vào vận hành vào năm 2027.
5	Dự án Nhà máy Điện gió BCG Điện Biên 2	- Dự án có công suất 175 MW; - Tổng mức đầu tư: 5.294,8 tỷ đồng - Dự án đang trong quá trình phát triển, dự kiến đi vào vận hành vào năm 2027
6	Nhà máy Điện mặt trời Đức Huệ VNT3	- Dự án có công suất 50 MWp; - Tổng mức đầu tư: 967,9 tỷ đồng - Dự án đang trong quá trình phát triển, dự kiến đi vào vận hành vào năm 2026.
7	Nhà máy Điện mặt trời Đức Huệ VNT1	- Dự án có công suất 50 MWp; - Tổng mức đầu tư: 1062,9 tỷ đồng - Dự án đang trong quá trình phát triển, dự kiến đi vào vận hành vào năm 2026.
8	Nhà máy Điện mặt trời Đức Huệ VNT2	- Dự án có công suất 50 MWp; - Tổng mức đầu tư: 878,4 tỷ đồng - Dự án đang trong quá trình phát triển, dự kiến đi vào vận hành vào năm 2026.
9	Nhà máy Điện mặt trời Đức Huệ VNT4	- Dự án có công suất 50 MWp; - Tổng mức đầu tư: 967,5 tỷ đồng - Dự án đang trong quá trình phát triển, dự kiến đi vào vận hành vào năm 2026.

(Nguồn: BCG)

Cơ cấu sản lượng điện của các nhà máy qua các năm

Cơ cấu sản lượng điện thương phẩm của các nhà máy điện mặt trời đã đi vào vận hành

STT	Tên nhà máy	Sản lượng (kWh)				
		Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Nhà máy năng lượng mặt trời BCG Bàng Dương	23.711.093	58.148.282	52.477.597	55.318.980	52.826.704
2	Nhà máy năng lượng mặt trời Gaia	0	31.681.755	119.138.514	140.306.750	134.233.360
3	Nhà máy năng lượng mặt trời Phù Mỹ	0	0	272.515.182	316.268.230	402.496.203

STT	Tên nhà máy	Sản lượng (kWh)				
		Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
4	Nhà máy năng lượng mặt trời VNECO – Vĩnh Long	0	315.157	59.062.910	68.130.160	64.445.979

(Nguồn: BCG)

Hệ thống nhà máy điện gió

Danh sách hệ thống Nhà máy điện gió đang triển khai

NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ ĐÔNG THÀNH 1	
Tên Công ty Dự án	Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 (công ty con trực tiếp của BCG Energy)
Địa điểm	Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh
Trạng thái	Dự kiến đi vào vận hành vào năm 2025
Quy mô	873 ha
Công suất	80 MW
Tổng mức đầu tư	4.241,5 tỷ đồng
Hình thức đầu tư	BOO
Đặc điểm dự án	Dự án được xây dựng trên khu vực biển gần bờ thuộc xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Số liệu đo cho thấy nơi đây có tiềm năng lớn để phát triển điện gió.
Hình ảnh Dự án	

(Nguồn: BCG)

Danh sách hệ thống Nhà máy điện gió trong kế hoạch triển khai

NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ BCG SÓC TRĂNG 1	
Tên Công ty Dự án	Công ty cổ phần BCG Wind Sóc Trăng (công ty con trực tiếp của BCG Energy)
Địa điểm	Thị xã Vĩnh Châu, Tỉnh Sóc Trăng
Trạng thái	Đang thỏa thuận đường dây, đánh giá mức độ khả thi và hoàn thiện pháp lý. Dự kiến đi vào vận hành năm 2025
Quy mô	766 ha
Công suất	50 MWp
Tổng mức đầu tư	1.908,5 tỷ đồng
Hình thức đầu tư	BOO
Đặc điểm dự án	Dự án được xây dựng trên bờ thuộc địa phận Thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Dự án được sự ủng hộ nhiệt tình và tạo điều kiện của chính quyền địa phương.
Hình ảnh Dự án	

NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ ĐÔNG THÀNH 2	
Tên Công ty Dự án	Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2 (công ty con trực tiếp của BCG Energy)
Địa điểm	Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh
Trạng thái	Dự kiến đi vào vận hành vào năm 2025
Quy mô	2.095 ha
Công suất	120 MWp
Tổng mức đầu tư	6.081,8 tỷ đồng
Hình thức đầu tư	BOO
Đặc điểm dự án	Nhà máy điện gió Đông Thành 2 cùng với Nhà máy điện gió Đông Thành 1 được xây dựng cạnh nhau tại vùng biển xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, dự án có quy mô tương đối lớn tại địa phương, được đánh giá cao về hiệu quả đầu tư. Hai dự án đấu nối chung vào một trạm biến áp và đường dây, từ đó tối ưu hóa chi phí của Chủ đầu tư.
Hình ảnh Dự án	

(Nguồn: BCG)

Điện mặt trời áp mái

Tính đến 31/12/2023, BCG Energy đã thành công đưa vào khai thác thương mại hàng loạt các dự án điện mặt trời áp mái với tổng công suất phát điện lên đến 74.104 MW.

Tên Dự án	Địa điểm	Công suất (MWp)
Hùng Vĩ	Quảng Nam	3,5
Kinh Bắc	Bình Định	3,25
ACE Quy Nhơn	Bình Định	4
Tapiotek	Tây Ninh	0,99
Việt Vương	Quảng Nam	4,1
Kapvina	Tiền Giang	2
AllGreen	Bình Dương	1,8
ACP Bến Tre	Bến Tre	0,96
AFI Bình Dương	Bình Dương	1,05
Sonny	Bình Dương	1
Ecoplastic	Bình Dương	0,76
Nguyễn Hoàng	Bình Dương	0,96
May Sài Gòn 3	Bình Dương	0,80
Vinawood (Giai đoạn 1)	Thủ Đức	2,74
Frontend A	Thủ Đức	5,55
Khang Đạt	Tây Ninh	6
Trang trại Bình Định	Bình Định	2,97
Trang trại Đà Lạt	Lâm Đồng	4,23
Trang trại Quảng Ngãi 1	Quảng Ngãi	1,25
Trang trại Nhu Thanh Thanh Hóa (GĐ 1)	Thanh Hoá	0,88
Sheng He	Tây Ninh	2,3
Trang trại Thanh Hóa (GĐ 1)	Thanh Hoá	0,4
Trang trại Hà Tĩnh (GĐ 1)	Hà Tĩnh	0,95
Trang trại VNM Tây Ninh (phase 1)	Tây Ninh	1,72
Trang trại VNM Thống Nhất Thanh Hóa (GĐ 1)	Thanh Hóa	2,5
Trang trại VNM Nghệ An (GĐ 1)	Nghệ An	0,71
Trang trại VNM Đà Nẵng	Đà Nẵng	1,25

Tên Dự án	Địa điểm	Công suất (MWp)
Trang trại VNM Nghệ An Dairy Factory	Nghệ An	0,7
Trang trại VNM Bình Định Dairy Factory (GĐ 1)	Bình Định	1
Trang trại VNM Bình Định Dairy Factory (GĐ 2)	Bình Định	0,25
Trang trại VNM Tiên Sơn Dairy Factory	Bắc Ninh	1,25
Trang trại VNM Lam Sơn Dairy Factory	Thanh Hoá	1,25
Trang trại VNM Cần Thơ Dairy Factory	Cần Thơ	0,78
Nhà máy Sữa Sài Gòn	TP. HCM	1,6
Newtoyo (GĐ 1)	TP. HCM	0,4
ICD Tavico	Đồng Nai	6,1
Cơ khí Giai Lực	Tây Ninh	0,369
Hao Jiao Việt Nam	Tp. Thủ Đức	0,595
Kỹ thuật Spon	Tây Ninh	0,332
Speed Sinkware	Tây Ninh	0,83
Tổng công suất (MW)		74,104

(Nguồn: BCG)

Các doanh nghiệp thực hiện dự án điện mặt trời áp mái do Công ty cổ phần Skylar – công ty con của BCG Energy - nắm giữ đa số một cách trực tiếp hoặc gián tiếp qua các công ty con và công ty liên doanh hiện đang triển khai 23 dự án điện mặt trời mái nhà với tổng công suất lắp đặt dự kiến là 15,9 MWp.

❖ **Sản phẩm dịch vụ thuộc lĩnh vực bất động sản**

CTCP BCG Land (BCG Land) là một trong những doanh nghiệp chủ lực thuộc Tập đoàn Bamboo Capital, là đơn vị phát triển và kinh doanh bất động sản, đầu tư đa phân khúc trong đó tập trung vào bất động sản nhà ở và khu đô thị cao cấp với những dự án ở vị trí huyết mạch tại các thành phố lớn, bất động sản nghỉ dưỡng cao cấp tại những vị trí đắc địa của các thành phố du lịch trên cả nước và bất động sản khu công nghiệp.

BCG Land hoạt động đầu tư kinh doanh thông qua hình thức quản lý, liên kết đầu tư vào các công ty con trực tiếp và gián tiếp. Việc hoạt động trong mỗi lĩnh vực của BCG Land đều được thực hiện thông qua các công ty con này.

BCG Land xác định vị thế chiến lược tập trung vào các lĩnh vực cốt lõi như phát triển dự án bất động sản phân khúc cao cấp, bên cạnh đó bất động sản khu công nghiệp cũng là một mảng hoạt động kinh doanh mà BCG Land đang tập trung đẩy mạnh để đón đầu xu thế của thị trường khi nền kinh tế của Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển mạnh và trong bối cảnh nguồn cung còn hạn chế so với nhu cầu, việc thu hút nguồn vốn nước ngoài để phát triển khu công nghiệp, nhà ở xã hội đang được hưởng lợi từ những chính sách khuyến khích từ Chính phủ. Mục tiêu đến năm 2025 của BCG Land là trở thành Top 5 nhà phát triển bất động sản quy mô lớn và uy tín hàng đầu tại Việt Nam. BCG Land luôn hướng đến xây dựng những công trình kiến tạo nên giá trị bền vững cho thế hệ tương lai, những công trình chất lượng và thân thiện với môi trường đồng thời mang lại giá trị cho xã hội. Dưới đây là những dự án tiêu biểu mà BCG Land phát triển đã và sẽ tạo dấu ấn mạnh mẽ trên thị trường:

Các Dự án bất động sản tiêu biểu mà BCG Land đã vận hành và chuẩn bị bàn giao

	CASA MARINA RESORT (Khu Resort Casa Marina)	**KING CROWN VILLAGE (Giai đoạn I) (Khu biệt thự và chung cư kết hợp thương mại – dịch vụ, văn phòng, khách sạn)**
Chủ đầu tư	Công ty Cổ phần Du Lịch Casa Marina Resort	Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn
Quan hệ với BCG Land	Công ty con	Công ty con
Loại hình	Bất động sản nghỉ dưỡng	Bất động sản nhà ở
Tổng mức đầu tư	200 tỷ đồng	600 tỷ đồng
Thời gian hoàn thành	Vận hành từ Quý I/2018	Đã bàn giao giai đoạn I gồm 17 biệt thự
Diện tích	1,5 ha	0,6 ha
Vị trí	Ghềnh Ráng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	Thảo Điền, Thành phố Hồ Chí Minh
Quy mô	24 biệt thự hướng biển, 32 phòng khách sạn deluxe	17 biệt thự

(Nguồn: BCG)

Các Dự án bất động sản BCG Land đang thi công và bàn giao/chuẩn bị bàn giao

Tên Dự án	Mô tả Dự án
MALIBU HỘI AN **(Khu nghỉ mát Malibu MGM Hội An)**	- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas

Tên Dự án	Mô tả Dự án
	- Vị trí: Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam - Tình hình triển khai dự án: Bắt đầu bàn giao từ Quý III/2022. Đến thời điểm hiện tại đã bàn giao được gần 228 căn Condotel và 4 căn Villa/96 căn Villa, dự kiến trong năm 2024 sẽ tiếp tục bàn giao 263 căn condotel cùng 30 căn villa, đồng thời đưa dự án đi vào vận hành từ Q3/2024. - Diện tích đất: 10,3 ha - Quy mô: 96 biệt thự, 675 căn hộ nghỉ dưỡng - Tổng mức đầu tư dự kiến: 3.167 tỷ đồng - Doanh thu dự kiến: hơn 3.400 tỷ đồng - Lợi nhuận sau thuế dự kiến: hơn 200 tỷ đồng - Thời gian triển khai: 2018 – 2024
HOIAN D'OR **(Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh Khu Du lịch sinh thái Cồn Bắp)** Hoian d'Or sở hữu vị trí địa lý đặc biệt nằm trên của sông Thu Bồn đổ ra biển. Với mục tiêu trở thành điểm nhấn của Hội An và cùng đồng hành đưa Hội An trở thành Thành phố sinh thái – văn hóa – du lịch hàng đầu khu vực, dự án được thiết kế độc đáo nhằm lưu giữ những giá trị văn hóa đặc trưng của Hội An với nét đẹp thiên nhiên hiện hữu, đồng thời mang lại cho khách hàng những trải nghiệm dịch vụ tốt nhất.	- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp - Vị trí: Cồn Bắp, Phường Cẩm Nam, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam - Tình hình triển khai dự án: Đang thi công hoàn thiện giai đoạn 1 gồm 202 căn shophouse và bắt đầu bàn giao từ tháng 09/2022, đến thời điểm hiện tại đã bàn giao được 58 căn shophouse/202 căn shophouse. Dự kiến trong năm 2024 sẽ tiếp tục bàn giao 103 căn shophouse. Đối với hạng mục khách sạn 3 sao, đã hoàn thiện phần móng và ngầm, đang thi công phần thân của khách sạn. - Diện tích đất: 24,4 ha - Quy mô: ▪ Loại hình sản phẩm: Biệt thự du lịch, shophouse, khách sạn 5 sao, khách sạn 3 sao, condotel, bảo tàng văn hóa, … ▪ Số tầng: 3 tầng ▪ Tổng diện tích sàn: 117.578 m^2 ▪ Số lượng sản phẩm: 52 căn biệt thự cao cấp, Khối Condotel Crown Plaza với 300 phòng, shophouse với 202 căn, khách sạn 5 sao Indigo với 162

Tên Dự án	Mô tả Dự án
	phòng, Khách sạn 5 sao tiêu chuẩn Garrya với hơn 110 phòng, khách sạn boutique với 193 phòng. ▪ Tổng mức đầu tư dự kiến: 3.959 tỷ đồng - Thời gian triển khai: 2021 – 2025
KING CROWN INFINITY **(Khu phức hợp căn hộ kết hợp thương mại, dịch vụ, văn phòng)** Tuyệt phẩm phức hợp thương mại và căn hộ cao cấp King Crown Infinity đẳng cấp quốc tế chính là biểu tượng độc tôn xứng tầm vị thế Thành phố Sáng tạo Thủ Đức. Sở hữu tọa độ kim cương ngay trên trục đường huyết mạch Võ Văn Ngân, King Crown Infinity chính là tâm điểm của sự kết nối hoàn mỹ các giá trị quy hoạch hiện đại, chất lượng sống chuẩn mực để hình thành một cộng đồng hạt nhân ưu tú. Với sứ mệnh tạo ra điểm nhấn cũng như mang đến giá trị dẫn sinh vượt xa ranh giới thông thường, King Crown Infinity chính là sự lựa chọn tinh tế trên cả hoàn hảo để tái định nghĩa chuẩn sống sang và tái định vị đầu tư thị trường bất động sản khu Đông Sài Gòn.	- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang - Vị trí: 218 Võ Văn Ngân, Phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh - Tình hình triển khai dự án: Đã thi công phần móng cọc và sàn tầng trệt, đã thi công Hầm B1, B2, B3, B4 và đang thực hiện đào hầm B5. Dự kiến sẽ hoàn thiện phần hầm B5 và triển khai phần đế trong Q2/2024. Dự kiến bàn giao cho khách hàng từ giữa năm 2025. Đến thời điểm hiện tại dự án đã mở bán thành công được gần 50% giỏ hàng căn hộ, và sẽ tiếp tục thực hiện mở bán các đợt tiếp theo trong năm 2024 đối với giỏ hàng còn lại. - Diện tích đất: 1,3 ha - Quy mô: ▪ Loại hình sản phẩm: Căn hộ, thương mại dịch vụ, văn phòng ▪ Số tầng: 5 tầng hầm + 30 tầng + lửng + tầng kỹ thuật tại sân thượng ▪ Tổng diện tích sàn: 151.131 m^2 ▪ Số lượng sản phẩm: 724 căn hộ, 91 văn phòng, 27 căn shophouse và các lô thương mại. ▪ Tổng mức đầu tư dự kiến: 4.700 tỷ đồng - Thời gian triển khai: 2020 – 2025
CASA MARINA PREMIUM **(Mở rộng Khu du lịch Casa Marina Resort)**	- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort - Vị trí: Quốc Lộ 1D, Khu phố 1, Phường Ghềnh Ráng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Tên Dự án	Mô tả Dự án
 Cảm tác từ bề dày di sản văn hoá cùng địa hình độc đáo của núi đồi, cao nguyên và bờ biển hoang sơ tuyệt đẹp của Quy Nhơn, Bình Định; Casa Marina Premium – Dòng sản phẩm biệt thự nghỉ dưỡng cao cấp chuẩn 5 sao chỉ dành cho những chủ nhân thượng lưu, một tuyệt tác độc bản và khan hiếm chắc chắn sẽ mang đến một trải nghiệm riêng biệt, an yên và trọn vẹn.	- Tình hình triển khai dự án: Dự án đã được UBND tỉnh Bình Định chấp thuận chủ trương đầu tư và Giấy phép xây dựng. Dự án đã hoàn tất nhà mẫu, đang triển khai thi công xây dựng hạ tầng và dự kiến mở bán trong năm 2024. - Diện tích đất: 12 ha - Quy mô: ▪ Loại hình sản phẩm: Biệt thự nghỉ dưỡng, nhà hàng ▪ Số tầng: 3 tầng ▪ Tổng diện tích sàn: 31.944 m^2 ▪ Số lượng sản phẩm: 160 căn biệt thự đối hướng biển ▪ Dự án có tổng mức đầu tư dự kiến 2.709 tỷ đồng - Thời gian triển khai: 2020 – 2026
AMOR RIVERSIDE VILLAS **(Một phần Khu 13E – Đô thị mới Nam Thành phố)** BCG Land kỳ vọng phát triển Amor Riverside Villas trở thành một khu biệt thự mang chất sống sinh thái, sang trọng, đẳng cấp hội tụ đầy đủ các yếu tố phục vụ nhu cầu sống của các chủ nhân xứng tầm cùng gia đình nhiều thế hệ. Một tạo tác an cư nơi vùng đất sinh thái ven 75ha cộng hưởng thuỷ mộc, con người giao hòa thiên nhiên, chốn tìm về bản nguyên	- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Thanh An An - Vị trí: Khu dân cư Phong Phú, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh - Tình hình triển khai dự án: Đang xây dựng hoàn thiện hạ tầng và nhà mẫu, dự kiến hoàn thành thi công trong 2025. Dự kiến dự án sẽ được mở bán trong năm 2024. - Diện tích đất: 0,7 ha - Quy mô: ▪ Loại hình sản phẩm: Biệt thự ▪ Số tầng: 3 tầng ▪ Tổng diện tích sàn: 13.177 m^2 ▪ Số lượng sản phẩm: 33 căn biệt thự ▪ Tổng mức đầu tư dự kiến: 480 tỷ đồng - Thời gian triển khai: 2021 – 2025

Tên Dự án	Mô tả Dự án
yêu thương với không gian sống sang tinh giản thư thái. Một tài sản truyền đời khơi nguồn cuộc sống trọn vẹn, mở ra lối sống xanh viên mãn.	

(Nguồn: BCG)

Dự án bất động sản tiêu biểu trong kế hoạch triển khai giai đoạn 2024 – 2028 của BCG Land:

❖ ***Các dự án BCG Land tham gia góp vốn:***

Tên Dự án	Mô tả Dự án
KING CROWN VILLAGE (Giai đoạn 2) **(Khu biệt thự và chung cư kết hợp thương mại – dịch vụ, văn phòng, khách sạn)** 	- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn - Vị trí: Thảo Điền, Thành phố Hồ Chí Minh - Tình hình triển khai dự án: + Đã hoàn tất thi công và bàn giao toàn bộ các căn biệt thự trong năm 2022, đang triển khai công tác pháp lý để cấp giấy chứng nhận sử dụng đất cho khối biệt thự. + Đang hoàn tất thiết kế cho khối công trình cao tầng của Dự án đồng thời thực hiện điều chỉnh quy hoạch nhằm đạt được hiệu quả dự án cao hơn. Việc điều chỉnh dự kiến sẽ được hoàn tất trong năm 2024 để bắt đầu triển khai vào cuối năm 2024 và mở bán đầu 2025. - Diện tích đất: 0,4 ha - Quy mô: Căn hộ và thương mại - Tổng mức đầu tư dự kiến: 428 tỷ đồng - Thời gian triển khai dự kiến: 2023 – 2025
PHOENIX MOUNTAIN **(Điểm du lịch số 2A, tuyến Quy Nhơn – Sông Cầu)** 	- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Phoenix Mountain - Vị trí: Ghềnh Ráng, Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định - Tình hình triển khai dự án: Đã có phê duyệt quy hoạch 1/500. Chủ đầu tư đã hoàn tất giải phóng mặt bằng giai đoạn 1 (hơn 31 ha/33,5 ha) và sẽ hoàn tất giải phóng mặt bằng còn lại trong năm 2024. Đồng thời cũng đang xúc tiến công tác xin phép thi công hạ tầng cho Dự án. Dự kiến dự án sẽ được mở bán vào đầu năm 2025. - Diện tích đất: 33,5 ha - Quy mô: Biệt thự đồi hướng biển, bungalow, khách sạn - Tổng mức đầu tư dự kiến: 2.395 tỷ đồng - Thời gian triển khai dự kiến: 2023 – 2027

Tên Dự án	Mô tả Dự án
KING CROWN RIVERSIDE 	- Chủ đầu tư: Công ty TNHH King Crown Riverside Residence - Vị trí: Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh - Tình hình triển khai dự án: Đã có phê duyệt quy hoạch phân khu 1/2.000, chủ đầu tư đang hoàn tất thủ tục liên quan đến việc chấp thuận chủ trương đầu tư để triển khai dự án. - Diện tích đất: 13,4 ha - Quy mô: Khu phức hợp cao cấp thấp tầng gồm: Biệt phủ, biệt thự phố vườn, biệt thự đơn lập, biệt thự song lập - Tổng mức đầu tư dự kiến: 6.140 tỷ đồng - Thời gian triển khai dự kiến: 2024 – 2027

(Nguồn: BCG)

❖ ***Các dự án BCG Land tham gia hợp tác phát triển:***

Tên Dự án	Mô tả Dự án
MỸ KHÊ MARINA BAY **(Khu du lịch biển Mỹ Khê)** 	- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Biệt thự nghỉ dưỡng Mỹ Khê - Vị trí: Tịnh Khê, Sơn Tịnh, Tỉnh Quảng Ngãi - Tình hình triển khai dự án: + Đã được chấp thuận về việc tiếp tục triển khai thực hiện dự án đầu tư trên phần đất thương mại dịch vụ (8,61ha) và mặt nước, bờ biển (5,37ha), dự kiến sẽ hoàn tất pháp lý về chủ trương đầu tư trong cuối năm nay để triển khai giai đoạn 1 của dự án vào đầu năm sau. + Đối với giai đoạn 2 (8,48ha) sẽ tiếp tục xin ý kiến của các sở ban ngành để thực hiện chủ trương xây dựng khu dân cư. - Diện tích đất: 21,8 ha - Quy mô: Khu đô thị nghỉ dưỡng (Biệt thự, shophouse, shoptel, Khách sạn 5 sao) - Tổng mức đầu tư dự kiến: 3.350 tỷ đồng - Thời gian triển khai dự kiến: 2024 – 2027

Tên Dự án	Mô tả Dự án
KING CROWN BÌNH TÂN **(Dự án Kinh Dương Vương - Dự án Trung tâm thương mại dịch vụ và nhà ở)** 	- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cửu Long - Vị trí: Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh - Tình hình triển khai dự án: Đã có phê duyệt điều chỉnh quy hoạch 1/2.000 năm 2019. Chủ đầu tư đang thực hiện thủ tục gia hạn chủ trương đầu tư dự án, sau đó sẽ tiếp tục hoàn thiện Quy hoạch 1/500 để triển khai và dự kiến sẽ mở bán vào cuối năm 2024 – đầu năm 2025. - Diện tích đất: 5,6 ha - Quy mô: Các tòa tháp gồm căn hộ cao cấp và các tầng thương mại - Tổng mức đầu tư dự kiến: 12.444 tỷ đồng - Thời gian triển khai dự kiến: 2024 – 2028
KING CROWN BÌNH TRƯNG ĐÔNG **(Dự án thành phần thuộc dự án KDC 149,36ha (khu 154ha cũ) phường Bình Trưng Đông – Cát Lái)** 	- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Miền đất Hoàng Thịnh Phát - Vị trí: Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh - Tình hình triển khai dự án: Đang hoàn tất công tác bồi thường Giải phóng mặt bằng (bao gồm cả diện tích 1,3ha ngoài ranh dự án tiếp giáp ranh với đường Nguyễn Thị Định). Hiện tại, TP. Thủ Đức đang phối hợp với tư vấn và các đơn vị liên quan để hoàn chỉnh Quy hoạch chung 1/10.000 trình TP. Hồ Chí Minh phê duyệt. Công ty đang thúc đẩy hoàn tất các thủ tục pháp lý đầu tư cũng như giải phóng mặt bằng để đưa dự án vào bán hàng trong năm 2025. - Diện tích đất: 9 ha - Quy mô: Các tòa tháp gồm căn hộ cao cấp và các tầng thương mại - Tổng mức đầu tư dự kiến: 21.884 tỷ đồng - Thời gian triển khai dự kiến: 2024 – 2028
HELIOS VILLAGE **(Khu dân cư tổ 5, phường Nghĩa Phú)**	- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital - Vị trí: Gia Nghĩa, Đắk Nông - Tình hình triển khai dự án: Đã được phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư dự án và ký hợp đồng thực hiện dự

Tên Dự án	Mô tả Dự án
	án đầu tư với UBND TP. Gia Nghĩa. Đã hoàn tất khảo sát địa hình và đang thực hiện giải phóng mặt bằng. Đang xin ý kiến phê duyệt của UBND tỉnh Đắk Nông và UBND TP. Gia Nghĩa về việc điều chỉnh Quy hoạch chi tiết 1/500. Đã ký hợp đồng thiết kế hạ tầng kỹ thuật và đánh giá tác động môi trường với đơn vị tư vấn. Dự kiến sẽ hoàn tất trong năm 2024 và mở bán đầu 2025. - Diện tích đất: 19 ha - Quy mô: 160 nhà phố, 274 biệt thự - Tổng mức đầu tư dự kiến: 2.623 tỷ đồng - Thời gian triển khai dự kiến: 2023 – 2026
KHU CÔNG NGHIỆP CÁT TRINH **(Dự án Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Cát Trinh)** 	- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh - Vị trí: Cát Trinh, Bình Định - Tình hình triển khai dự án: Đã có phê duyệt quy hoạch 1/2000. Đang thực hiện thủ tục xin chủ trương đầu tư để sớm đưa dự án vào triển khai. - Diện tích đất: 368,1 ha - Tổng mức đầu tư dự kiến: 4.200 tỷ đồng - Quy mô: Khu công nghiệp, hạ tầng, khu dân cư - Thời gian triển khai dự kiến: 2024 – 2028

(Nguồn. BCG)

❖ ***Các dự án BCG Land dự kiến đầu tư hoặc tham gia hợp tác phát triển:***

Tên Dự án	Mô tả Dự án
KING CROWN THỦ ĐỨC **(Khu phức hợp căn hộ kết hợp thương mại, dịch vụ, văn phòng)** 	- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ An Khang Land - Vị trí: Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh - Tình hình triển khai dự án: Đã có phê duyệt quy hoạch 1/2.000, đang xúc tiến thủ tục pháp lý nhằm điều chỉnh chủ trương đầu tư cũng như quy hoạch của Dự án. - Diện tích đất: 4 ha - Quy mô: Các tòa tháp gồm căn hộ cao cấp và các tầng thương mại

Tên Dự án	Mô tả Dự án
	- Tổng mức đầu tư dự kiến: 11.095 tỷ đồng - Thời gian triển khai dự kiến: 2024 – 2028
CASA MARINA MŨI NÉ **(Khu biệt thự, khách sạn cao cấp Vạn Đạt)** Casa Marina Mũi Né nằm trên cung đường nghỉ dưỡng 5 sao nối thành phố Phan Thiết và Mũi Né, gần gũi các tiện ích nhưng vẫn đảm bảo sự yên tĩnh và riêng tư; Casa Marina Mũi Né mang đến cho gia chủ một căn nhà thứ hai đúng nghĩa với quyền sở hữu trọn vẹn và chủ động nghỉ dưỡng tối đa.	- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư Vạn Đạt - Vị trí: Khu phố 4, phường Phú Hài, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận - Tình hình triển khai dự án: Dự án đã được UBND tỉnh Bình Thuận công nhận chủ trương đầu tư của dự án Khu biệt thự, khách sạn cao cấp Vạn Đạt tại phường Phú Hài, thành phố Phan Thiết và cấp Giấy phép xây dựng. Hiện tại, dự án đã thi công phần hạ tầng kỹ thuật, cảnh quan toàn khu. Thi công hoàn thiện nhà mẫu và 30% khối Biệt thự. Dự kiến dự án sẽ hoàn tất nghiệm thu hạ tầng kỹ thuật để mở bán trong năm 2024. - Diện tích đất: 1,2 ha - Quy mô: ▪ Loại hình sản phẩm: Đất ở lâu dài – Biệt thự, khách sạn ▪ Số tầng: Biệt thự gồm 1 trệt và 2 lầu, tòa condotel cao 20 tầng ▪ Tổng diện tích sàn: 45.287 m^2 ▪ Số lượng sản phẩm: 33 biệt thự, 540 condotel và khu thương mại dịch vụ ▪ Tổng mức đầu tư dự kiến: 1.520 tỷ đồng - Thời gian triển khai: 2021 – 2026
AMOR RIVERSIDE VILLAS **(Một phần Khu 13E – Đô thị mới Nam Thành phố)** 	- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Thanh An An - Vị trí: Khu dân cư Phong Phú, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh - Tình hình triển khai dự án: Đang xây dựng hoàn thiện hạ tầng và nhà mẫu, dự kiến hoàn thành thi công trình trong 2025. Dự kiến dự án sẽ được mở bán trong năm 2024. - Diện tích đất: 0,7 ha - Quy mô:

Tên Dự án	Mô tả Dự án
BCG Land kỳ vọng phát triển Amor Riverside Villas trở thành một khu biệt thự mang chất sống sinh thái, sang trọng, đẳng cấp hội tụ đầy đủ các yếu tố phục vụ nhu cầu sống của các chủ nhân xứng tầm cùng gia đình nhiều thế hệ. Một tạo tác an cư nơi vùng đất sinh thái ven sông hòa cộng hưởng thuỷ mộc, con người giao hòa thiên nhiên, chốn tìm về bản nguyên yêu thương với không gian sống sang tinh giản thư thái. Một tài sản truyền đời khơi nguồn cuộc sống trọn vẹn, mở ra lối sống xanh viên mãn.	• Loại hình sản phẩm: Biệt thự • Số tầng: 3 tầng • Tổng diện tích sàn: 13.177 m^2 • Số lượng sản phẩm: 33 căn biệt thự • Tổng mức đầu tư dự kiến: 480 tỷ đồng - Thời gian triển khai: 2021 – 2025

(Nguồn: BCG)

Các Dự án bất động sản mà BCG Land đang khảo sát và đề xuất lập quy hoạch phát triển trong giai đoạn 2024 – 2028:

Tên Dự án	Mô tả Dự án
THE CORAL QUẢNG NINH 	- Vị trí: Quảng Ninh - Diện tích: 546 ha - Loại hình: Khu đô thị - Tình trạng: Lập quy hoạch, đề xuất dự án
KHU ĐÔ THỊ SÂN BAY HUẾ 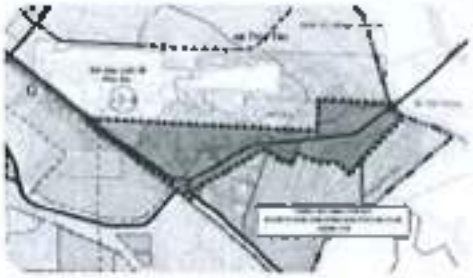	- Vị trí: Huế - Diện tích: 265 ha - Loại hình: Khu đô thị - Tình trạng: Lập quy hoạch, đề xuất dự án

Tên Dự án	Mô tả Dự án
KHU ĐÔ THỊ NAM SÂN BAY CHU LAI 	- Vị trí: Quảng Ngãi - Diện tích: 992 ha - Loại hình: Khu đô thị - Tình trạng: Lập quy hoạch, đề xuất dự án
800 HA ĐẠ TẺH - LÂM ĐỒNG 	- Vị trí: Lâm Đồng - Diện tích: 800 ha - Loại hình: Khu đô thị - Tình trạng: Lập quy hoạch, đề xuất dự án
KHU ĐÔ THỊ BLUE STAR CITY-BÌNH ĐỨC 	- Vị trí: Long An - Diện tích: 392 ha - Loại hình: Khu đô thị - Tình trạng: Lập quy hoạch, đề xuất dự án
KHU ĐÔ THỊ HÙNG VƯƠNG-TÂN AN 	- Vị trí: Long An - Diện tích: 64 ha - Loại hình: Khu đô thị - Tình trạng: Lập quy hoạch, đề xuất dự án

Tên Dự án	Mô tả Dự án
KING CROWN VĨNH LONG 	- Vị trí: Vĩnh Long - Diện tích: 40 ha - Loại hình: Khu đô thị - Tình trạng: Lập quy hoạch, đề xuất dự án
KHU CÔNG NGHIỆP LỢI BÌNH NHƠN 	- Vị trí: Long An - Diện tích: 324 ha - Loại hình: Khu công nghiệp - Tình trạng: Lập quy hoạch, đề xuất dự án
KHU CÔNG NGHIỆP HUẾ 	- Vị trí: Huế - Diện tích: 1.000 ha - Loại hình: Khu công nghiệp - Tình trạng: Lập quy hoạch, đề xuất dự án

(Nguồn: BCG)

Trong năm 2023, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế hợp nhất của BCG Land đạt lần lượt 944,4 tỷ đồng và 137,83 tỷ đồng, hoàn thành lần lượt 26,36% và 20,13% kế hoạch kinh doanh. Doanh thu và lợi nhuận của BCG Land được đóng góp chủ yếu bởi việc bàn giao các sản phẩm bất động sản đến khách hàng. Cụ thể, đến thời điểm 31/12/2023, BCG Land đã lần lượt bàn giao đến khách hàng 227 căn condotel và 20 căn villa tại dự án Malibu Hội

An; 58 căn shophouse tại dự án Hội An D'or. Trong giai đoạn 2020 – 2022, ngoài hoạt động bàn giao dự án, BCG Land còn ghi nhận con số lợi nhuận đáng kể từ hoạt động tài chính, M&A. Tuy nhiên, trong bối cảnh tình hình thị trường bất động sản ảm đạm và còn tồn tại nhiều rủi ro, BCG Land chủ động không tham gia vào hoạt động này, chú trọng nguồn lực cho việc tái cấu trúc cơ cấu tài chính, kiểm soát chi phí và tập trung triển khai các dự án trọng điểm hiện hữu.

Đối với năm 2024, mặc dù vẫn còn tồn tại một số rủi ro liên quan đến lạm phát và giá cả nguyên vật liệu, thị trường bất động sản đã có một số tín hiệu tích cực cho thấy sự cải thiện về cả cung lẫn cầu. Tận dụng việc này, BCG Land sẽ tính toán thời điểm thích hợp để triển khai mở bán các dự án đủ điều kiện và đẩy mạnh thi công, hoàn thiện, đưa vào vận hành các dự án hiện hữu. Việc tiếp tục bàn giao các sản phẩm tại dự án Malibu Hội An và Hội An D'or sẽ đóng góp trọng yếu vào doanh thu và lợi nhuận của năm 2024. Bên cạnh đó, BCG Land cũng sẽ xem xét thời điểm thị trường thích hợp để tham gia vào hoạt động M&A ở các dự án phù hợp để đa dạng nguồn lợi nhuận trong ngắn hạn cũng như xây dựng quỹ đất cho kế hoạch kinh doanh trong dài hạn.

Ban lãnh đạo công ty sẽ tiếp tục tái đầu tư lợi nhuận thu được từ năm tài chính trước để tiếp tục đảm bảo tiến độ dự án, với chiến lược phát triển thận trọng, linh hoạt, nâng cao hiệu quả quản trị để có thể nhanh chóng giảm thiểu những rủi ro từ thị trường trong thời gian tới.

Được sự hỗ trợ mạnh mẽ từ hệ sinh thái toàn tập đoàn cùng với sự hợp tác đầu tư với các đối tác lớn trong và ngoài nước, BCG Land đang dần khẳng định vị thế và uy tín thương hiệu của mình trên thị trường BĐS Việt Nam.

❖ **Sản phẩm dịch vụ thuộc lĩnh vực xây dựng và đầu tư cơ sở hạ tầng**

Trên cơ sở phát triển bền vững và tạo chuỗi sinh thái, BCG cũng chú trọng đến lĩnh vực xây dựng và hạ tầng giao thông. Cụ thể mảng này tập trung tại CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải (TRACODI) là công ty thành viên của BCG, cũng là công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (mã: TCD)

Hoạt động xây dựng được định vị là ngành nghề cốt lõi của TRACODI. Với những lợi thế từ hệ sinh thái của Tập đoàn, TRACODI đã có danh mục dự án thi công đáng kể gồm những dự án bất động sản và năng lượng tái tạo có quy mô lớn, từ đó, tạo ra nguồn doanh thu ổn định.

Tính đến hết năm 2023, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt lần lượt 1.784,5 tỷ đồng và 175,4 tỷ đồng hoàn thành tương ứng 53,8% và 65,59% kế hoạch kinh doanh của năm. Doanh thu, lợi nhuận từ hoạt động khai thác đá và hoạt động tài chính cơ bản hoàn thành kế hoạch được giao. Tuy nhiên, do khó khăn chung của ngành xây dựng, bất động sản cũng như các chính sách về mảng năng lượng tái tạo đã đẩy lùi kế hoạch thi công xây dựng của các dự án mà Tracodi đang triển khai. Việc này ảnh hưởng không nhỏ đến đóng góp của hoạt động xây lắp vào doanh thu, lợi nhuận hợp nhất của Tracodi. Tuy nhiên,

cùng với những tín hiệu tích cực của thị trường, những khó khăn này đã có dấu hiệu cải thiện đáng kể vào thời điểm 6 tháng cuối năm 2023. Mặc dù vậy, trong năm 2023 các doanh nghiệp như TRACODI có thuận lợi từ chính sách thúc đẩy giải ngân đầu tư công của Chính phủ, coi đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công là nhiệm vụ then chốt để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Bên cạnh đó, để thúc đẩy tốc độ giải ngân, Chính phủ cũng sẽ áp dụng cơ chế thưởng vượt tiến độ cho các nhà thầu, cũng như thành lập ban chỉ đạo quốc gia về các dự án cơ sở hạ tầng giao thông. Từ đó, Tracodi mạnh dạn mở rộng hoạt động của mình ra khỏi phạm vi hệ sinh thái Tập đoàn và bắt đầu tham gia vào các dự án hạ tầng đầu tư công.

Đối với kế hoạch kinh doanh năm 2024, tận dụng những tín hiệu tích cực, Tracodi sẽ đẩy mạnh hoạt động thi công xây dựng và cải thiện các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận. Cụ thể, các dự án bất động sản của tập đoàn bao gồm dự án King Crown Infinity, dự án Malibu Hội An và dự án Hội An D'or dự kiến sẽ đóng góp xấp xỉ 700 tỷ đồng doanh thu cho Tracodi. Đồng thời, các dự án đầu tư công mà Tracodi đã tham gia từ năm 2023 bao gồm các gói thầu tại dự án sân bay Phan Thiết, cao tốc Sóc Trăng, khu dân cư Bắc Giang,... cũng sẽ có những đóng góp tích cực vào hoạt động kinh doanh của công ty trong năm 2024. Bên cạnh đó, hoạt động khai thác đá sẽ tiếp tục đóng góp đáng kể, với dự án M&A tiềm năng được kỳ vọng tạo ra dòng tiền kinh doanh, đóng góp vào doanh thu, lợi nhuận của công ty kể từ 2024 và những năm tiếp theo.

Kết quả kinh doanh của TRACODI so sánh với các doanh nghiệp cùng ngành trong bối cảnh vẫn tồn tại nhiều thách thức của nền kinh tế vĩ mô đến từ tính hiệu quả trong các chính sách quản lý chi phí, công tác vận hành, cũng như các chính sách quản trị rủi ro nhằm thích ứng với những biến động của nền kinh tế vĩ mô. Những nỗ lực của Ban lãnh đạo và tập thể CBCNV TRACODI cũng đã được ghi nhận qua những giải thưởng danh giá mà công ty đạt được trong năm 2023, trong đó phải kể đến việc được xếp hạng thứ 207 trong "Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam".

❖ **Sản phẩm dịch vụ thuộc lĩnh vực sản xuất và thương mại:**

Không nằm ngoài xu hướng chung, mảng sản xuất của BCG mà đại diện là CTCP Phát triển Nguyễn Hoàng đã gặp rất nhiều khó khăn trong năm 2023. Trong bối cảnh cả thế giới đang siết chặt chi tiêu, sức tiêu dùng giảm mạnh, doanh thu hợp nhất từ mảng gỗ và tinh bột sắn biến tinh đều không đạt kế hoạch đề ra. Cụ thể, mảng tinh bột sắn và mảng sản xuất gỗ chỉ đạt doanh thu lần lượt là 76,7 tỷ đồng và 133 tỷ đồng tức lần lượt chỉ bằng 60% và 65% doanh thu của năm liền trước.

Trong năm 2022, CTCP Phát triển Nguyễn Hoàng đã triển khai kế hoạch nâng công suất nhà máy các sản phẩm chủ lực của mình. Cụ thể, đối với mảng sản xuất đồ nội ngoại thất, Nguyễn Hoàng đã hoàn tất hạng mục nâng tổng công suất xưởng lên 35x40'HC/tháng (400x40'HC/năm) từ mức 27x40'HC/tháng (300x40'HC/năm) và đầu tư máy móc mới, lắp đặt hệ thống sơn tự động, mở rộng xưởng, xây thêm kho. Đối với mảng tinh bột sắn biến tính, CTCP Tapiotek cũng đã hoàn tất việc tăng công suất nhà máy từ mức 2 000 tấn thành

phẩm/tháng lên mức 3.500 tấn/tháng vào tháng 07/2022. Qua đó đưa nhà máy của Tapiotek vào nhóm 5 nhà máy tinh bột sắn biến tính có công suất lớn nhất Việt Nam. Không thể giải tỏa công suất được như kỳ vọng bởi yếu tố thị trường, CTCP Phát triển Nguyễn Hoàng phải ghi nhận các chi phí khấu hao và gây áp lực lên số liệu kinh doanh của công ty về mặt kế toán.

Tuy nhiên thời điểm cuối năm 2023 đã cho thấy một số tín hiệu tích cực từ thị trường. Cụ thể, áp lực lạm phát hạ nhiệt khiến cho Ngân hàng Trung ương của các nước tiêu thụ lớn bắt đầu nghĩ tới kịch bản cắt giảm lãi suất và đồng thời, lượng hàng tồn kho tại các thị trường này đã có sự sụt giảm đáng kể, các yếu tố này tạo ra kỳ vọng về sự hồi phục của tiêu dùng đi kèm với các đơn hàng mới cho công ty. Với việc đã chuẩn bị sẵn sàng về máy móc, trang thiết bị cũng như hệ thống nhà máy đủ để đáp ứng các đơn hàng lớn, nắm bắt được xu hướng này có thể giúp CTCP Phát triển Nguyễn Hoàng cải thiện đáng kể hoạt động kinh doanh cũng như các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận.

❖ **Sản phẩm dịch vụ thuộc lĩnh vực dịch vụ tài chính:**

Từ năm 2021, BCG đã bắt đầu kiến tạo được hệ sinh thái của mình trong mảng dịch vụ tài chính trong đó bao gồm: Ngân hàng, bảo hiểm, Chứng khoán và Fintech, sẵn sàng đóng góp vào việc xây dựng một nền tảng tài chính vững chắc cho toàn bộ hệ sinh thái của Tập đoàn.

Đầu tháng 12/2021, sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận, BCG đã thực hiện mua lại và nắm chi phối tại CTCP Bảo Hiểm AAA (hiện đã đổi tên là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA). Cụ thể, đến hiện tại tỷ lệ tham gia góp vốn đầu tư của BCG tại AAA là 99,01 triệu cổ phiếu, tương đương sở hữu 66,15% vốn điều lệ của Tổng CTCP Bảo Hiểm AAA. Đến thời điểm hiện tại, BCG nắm giữ trực tiếp và gián tiếp tổng cộng 75,79% vốn điều lệ của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA (AAA) là thành viên chủ chốt của Tập đoàn trong lĩnh vực bảo hiểm.

Đối với mảng bảo hiểm, AAA sẽ tiếp tục hoàn thiện và mở rộng hoạt động bán hàng thông qua kênh Bancassurance, kênh kinh doanh qua đối tác và các khách hàng doanh nghiệp. Công ty cũng tiếp tục phát triển mới kênh kinh doanh 3P, telesale, digital và trực tuyến. Bên cạnh đó, công ty cũng sẽ xây dựng hệ thống kinh doanh trên toàn quốc, tập trung đầu tư vào công nghệ và dịch vụ chăm sóc khách hàng. Ngoài ra, AAA hiện cũng đang xây dựng kế hoạch tìm hiểu mở rộng sang mảng bảo hiểm nhân thọ. Tính đến thời điểm hiện nay, AAA đã hoàn tất các hoạt động tái cấu trúc và cho ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới năng động hơn, trẻ hơn, sẵn sàng nhập cuộc trở lại thị trường bảo hiểm tại Việt Nam. Chỉ sau 2 năm hoàn tất thâu tóm và thực hiện tái cấu trúc, AAA đã có những chuyển biến rất tích

cực. Cụ thể, kết thúc năm 2023, doanh thu bán bảo hiểm đạt 640,3 tỷ đồng đạt 116% kế hoạch kinh doanh và có mức tăng trưởng 123%. Đáng chú ý, doanh thu của AAA tại thời điểm trước khi được BCG mua lại chỉ ở mức quanh 200 tỷ và lỗ sau thuế từ 30 đến 100 tỷ đồng mỗi năm.

Trong năm 2024 và giai đoạn 2024 - 2028, về mảng đầu tư tài chính của BCG sẽ tiếp tục đẩy mạnh các khoản đầu tư của mình cũng như thiết lập mối quan hệ hợp tác chiến lược với các định chế tài chính trong lĩnh vực ngân hàng thương mại, chứng khoán.

b) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Bảng 6. Cơ cấu doanh thu của Công ty theo báo cáo tài chính công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm 2023/2022	Quý I/2024
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	44.601	83.530	87,28	9.345
1.1	*Doanh thu xây lắp thương mại*	*6.114*	*0*	-100,00	0
1.2	*Khác (cung cấp dịch vụ...)*	*38.487*	*83.530*	117,03	9.345
2	Doanh thu hoạt động tài chính	587.337	82.936	-85,88	24.104
3	Thu nhập khác	0	0	0,00	0
Tổng cộng		**631.938**	**166.466**	**-73,66**	**33.450**

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022 và 2023 đã được kiểm toán, BCTC riêng Quý I năm 2024 của BCG)

Bảng 7: Cơ cấu doanh thu của Công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm 2022/2021	Quý I/2024
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.531.193	4.012.159	-11,45	985.437
1.1	*Năng lượng tái tạo*	*988.672*	*1.087.066*	9,95	*315.888*
1.2	*Bất động sản*	*1.030.508*	*907.011*	-11,98	*201.444*
1.3	*Dịch vụ xây lắp và thương mại*	*1.787.564*	*428.683*	-76,02	*49.799*
1.4	*Sản xuất và nông nghiệp*	*310.292*	*937.267*	202,06	*194.029*

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm 2022/2021	Quý I/2024
1.5	*Tài chính và bảo hiểm*	*180.681*	*358.477*	98,40	*185.749*
1.6	*Khác (cung cấp dịch vụ, ..)*	*233.476*	*293.654*	25,77	*38.538*
2	Doanh thu hoạt động tài chính	2.548.094	2.087.198	-18,09	375.911
3	Thu nhập khác	44.715	69.983	56,51	51.190
Tổng cộng:		**7.124.002**	**6.169.341**	-13,40	**1.412.538**

(Nguồn. BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 1 năm 2024 của BCG)

Tính đến hết năm 2023, tổng doanh thu của BCG ghi nhận đạt 6.169,3 tỷ đồng, giảm 954,67 tỷ đồng so với năm 2022, tương ứng với giảm 13,4% so với cùng kỳ năm 2022. Có thể thấy, mức sụt giảm trong doanh thu của BCG chủ yếu do (1) lĩnh vực xây dựng và đầu tư cơ sở hạ tầng không có nhiều hoạt động trong thời điểm thị trường không thuận lợi kéo theo kế hoạch bàn giao của lĩnh vực bất động sản cũng bị ảnh hưởng; (2) lĩnh vực bất động sản BCG không ghi nhận doanh thu đáng kể từ việc bàn giao các dự án bất động sản; (3) BCG cũng không có thu nhập từ hoạt động M&A do điều kiện kinh tế hiện tại không có nhiều biến chuyển tích cực.

Quý I/2024, tổng doanh thu hợp nhất của BCG đạt 1.412,5 tỷ đồng, tương ứng với mức tăng 18,21% so với cùng kỳ năm 2023 (Tổng doanh thu của BCG Quý I năm 2023 là 1.194,93 tỷ đồng).

Cơ cấu chi phí của Công ty

Bảng 8. Cơ cấu chi phí của Công ty theo báo cáo tài chính công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Yếu tố chi phí	Năm 2022		Năm 2023		Quý I/2024	
		Giá trị	Tỷ trọng /Tổng DT (%)	Giá trị	Tỷ trọng /Tổng DT (%)	Giá trị	Tỷ trọng /Tổng DT (%)
1	Giá vốn hàng bán	15.940	2,52	12.232	7,35	6.351	18,99
2	Chi phí tài chính	129.196	20,44	99.283	59,64	12.391	37,04
3	Chi phí bán hàng	0	0,00	0	0,00	0	0,00
4	Chi phí QLDN	51.592	8,16	53.425	32,09	13.699	40,96
Tổng cộng		**196.728**	**31,13**	**164.940**	**99,08**	**32.441**	**96,99**

(Nguồn. BCTC riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý 1 năm 2024 của BCG)

Bảng 9. Cơ cấu chi phí của Công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

TT	Yếu tố chi phí	Năm 2022		Năm 2023		Quý I/2024	
		Giá trị	Tỷ trọng /Tổng DT (%)	Giá trị	Tỷ trọng /Tổng DT (%)	Giá trị	Tỷ trọng /Tổng DT (%)
1	Giá vốn hàng bán	3.189.332	44,77	2.812.462	45,59	709.191	50,21
2	Chi phí tài chính	2.401.761	33,71	2.396.172	38,84	408.050	28,89
3	Chi phí bán hàng	215.787	3,03	192.306	3,12	46.942	3,32
4	Chi phí QLDN	483.456	6,79	449.869	7,29	102.481	7,26
Tổng cộng:		**6.290.336**	**88.3**	**5.850.809**	**94,84**	**1.266.664**	**89,67**

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2024 của BCG)

Giá vốn hàng bán trên Tổng Doanh thu chiếm tỷ trọng lớn nhất. Chi phí tài chính có giá trị và chiếm tỷ trọng lớn thứ hai trong cơ cấu chi phí. Yếu tố làm gia tăng chi phí tài chính phần lớn thuộc về chi phí lãi vay. Điều này là hợp lý tương ứng với tình hình hoạt động của BCG, trong vòng 5 năm trở lại đây, BCG đang tăng cường mở rộng sản xuất kinh doanh, tập trung nguồn vốn vào các dự án bất động sản lớn, các dự án năng lượng tái tạo. Chi phí quản lý doanh nghiệp có sự tăng trưởng tương đối, đặt trong điều kiện BCG đang nỗ lực nâng cao chất lượng đội ngũ quản lý nhân viên nhằm đạt được sự kiểm soát, quản lý, phân bổ nguồn vốn hợp lý, từ đó kết quả kinh doanh tốt nhất.

Cơ cấu lợi nhuận gộp

Bảng 10. Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Sản phẩm	Năm 2022	Năm 2023	%tăng/giảm 2023/2022	Quý I/2024
Lợi nhuận từ xây lắp và thương mại	279	0	-100,00	0
Lợi nhuận khác (cung cấp dịch vụ,..)	28.382	71.298	151,20	2.994
Tổng cộng	**28.661**	**71.298**	**-18,12**	**2.994**

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2024 của BCG)

Bảng 11. Cơ cấu lợi nhuận gộp theo BCTC hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Sản phẩm	Năm 2022	Năm 2023	%tăng/giảm 2023/2022	Quý I/2024
Lợi nhuận gộp từ năng lượng tái tạo	480.270	537.246	11,86	157.791
Lợi nhuận gộp từ bất động sản	455.322	304.940	-33,03	49.662
Lợi nhuận gộp từ dịch vụ xây lắp và thương mại	213.665	66.236	-69,00	3.575
Lợi nhuận gộp từ sản xuất, nông nghiệp	31.377	164.038	422,79	58.112
Lợi nhuận gộp từ tài chính và bảo hiểm	23.283	-4.123	-117,71	-8.141
Lợi nhuận gộp khác	137.944	131.362	-4,77	15.247
Tổng cộng	**1.341.861**	**1.199.697**	-10,59	**276.246**

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2024 của BCG)

e) Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra đều đặn liên tục quanh năm và không có tính thời vụ cố định.

10.1. Tài sản

Bảng 12: Tài sản cố định của Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2022			31/12/2023			31/03/2024		
		Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình									
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Máy móc và thiết bị	60	60	0	60	60	0	60	60	0
3	Phương tiện vận tải	13.686	5.696	7.990	12.707	6.928	5.779	12.707	7.331	5.376
4	Thiết bị văn phòng	1.028	710	318	1.028	844	184	1.063	877	186

TT	Chỉ tiêu	31/12/2022			31/12/2023			31/03/2024		
		Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
5	Tài sản cố định khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	Tài sản cố định vô hình									
1	Phần mềm máy tính	2.734	103	2.631	2.734	386	2.348	2.934	452	2.282

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý 1 năm 2024 của BCG)

Bảng 13: Tài sản cố định theo báo cáo hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2022			31/12/2023			31/03/2024		
		Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình									
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	2.108.158	260.259	1.847.899	2.113.038	371.648	1.741.390	2.547.889	403.986	2.143.903
2	Máy móc và thiết bị	5.858.472	795.766	5.062.706	7.812.505	1.152.016	6.660.488	7.846.033	1.250.148	6.595.885
3	Phương tiện vận tải	922.476	129.658	792.818	999.346	230.200	769.146	997.650	234.889	762.761
4	Thiết bị văn phòng	9.913	6.979	2.934	10.204	7.970	2.235	10.339	8.204	2.135
5	Tài sản cố định khác	37	37	0	114	8	106	114	13	101
II	Tài sản cố định vô hình									
1	Quyền sử dụng đất	514	64	450	514	76	437	514	79	434
2	Phần mềm máy tính	46.626	42.736	3.890	47.311	44.107	3.204	47.311	44.399	2.912
3	Quyền khai thác	399.518	8.428	391.090	420.827	16.835	403.972	420.827	19.207	401.620

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 1 năm 2024 của BCG)

10.2. Thị trường hoạt động

Hiện tại Công ty BCG và các công ty thành viên có phạm vi hoạt động trong nước, do đó doanh thu, lợi nhuận trong nước chiếm 100%, doanh thu lợi nhuận tại nước ngoài chiếm 0%.

10.3. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính.

a) Tình hình đầu tư

BCG hoạt động theo mô hình công ty đa ngành thông qua việc nắm giữ quyền kiểm soát tại các công ty con trực tiếp và gián tiếp. Vì vậy, việc đầu tư của BCG tập trung vào việc đầu tư tài chính. Đến thời điểm hiện nay BCG đầu tư trực tiếp 11 công ty, trong đó có 9 công ty con, và 2 công ty liên kết, còn lại thì là sở hữu gián tiếp qua các công ty con, công ty liên kết. Lợi nhuận thu được hàng năm từ các khoản đầu tư trực tiếp đạt giá trị dương và có sự tăng trưởng giai đoạn 2019 – 2023. Hiện tại các năm gần đây BCG tập trung phát triển các dự án bất động sản, năng lượng tái tạo dẫn đến việc vốn đầu tư lớn, chi phí sử dụng vốn cao, đồng thời tính chất các dự án kéo dài nên bước đầu giá trị cổ tức nhận được là chưa cao. Giá trị đầu tư tại các công ty con, công ty liên kết tính tại thời điểm 31/03/2024 như sau:

TT	Nội dung	Giá trị đầu tư (đồng)
I	**Công ty Con**	**9.653.629.681.445**
a	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	1.348.987.070.067
b	CTCP Phát triển Nguyễn Hoàng	236.698.053.098
c	CTCP BCG Land	2.856.400.000.000
d	CTCP BCG Energy	3.698.000.000.000
e	CTCP BCG Khu công nghiệp Cát Trinh	384.000.000.000
f	CTCP BCG Financial	320.000.000.000
g	Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA	509.544.478.280
h	Công ty TNHH Phoenix Mountain	300.000.000.000
2	**Công ty liên kết**	**306.894.000.000**
a	Công ty TNHH B.O.T ĐT830	81.700.000.000
b	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	29.194.000.000
c	Công ty TNHH Helios Village	196.000.000.000

(Nguồn: BCG)

b) Hiệu quả sản xuất kinh doanh

Tại lĩnh vực xây dựng và đầu tư cơ sở hạ tầng, trong năm 2023, doanh thu hợp nhất đạt 1.784,5 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 175,4 tỷ đồng hoàn thành lần lượt 53,8% và

65,59% kế hoạch đã đặt ra. Nguyên nhân là do tiến độ xây dựng tại các dự án bị chậm do ảnh hưởng chung của ngành.

Tại lĩnh vực bất động sản, lợi nhuận chia về công ty mẹ tới chủ yếu từ Công ty Cổ phần BCG Land. Tuy nhiên con số doanh thu thuần và lợi nhuận hợp nhất chỉ hoàn thành lần lượt 26,36% và 20,13% kế hoạch năm tương đương mức 944,4 tỷ đồng và 137,83 tỷ đồng. Trong năm, kế hoạch bàn giao dự án không đạt như kỳ vọng ảnh hưởng đến việc ghi nhận doanh thu và lợi nhuận.

Tại lĩnh vực năng lượng tái tạo, doanh thu thuần hợp nhất năm 2023 là 1.126 tỷ đồng, tăng 6% so với cùng kỳ. Sự tăng trưởng này đến từ việc giai đoạn 2 của dự án Phú Mỹ với công suất 114MW đóng điện vào tháng 04/2023 qua đó nâng tổng công suất phát điện của BCG Energy lên xấp xỉ 600MW và góp phần tạo tăng trưởng cho doanh thu. Sau thuế, BCG Energy ghi nhận khoản lỗ 152,7 tỷ đồng chủ yếu là do ghi nhận lãi/ lỗ từ việc biến động tỷ giá. Tuy nhiên đây chỉ là khoản lỗ về mặt sổ sách kế toán và tình hình sẽ được cải thiện đáng kể trong năm 2024 khi các biến động vĩ mô dần đi vào ổn định cùng với định hướng ổn định tỷ giá từ Ngân hàng Nhà nước.

Nhìn chung, các khoản doanh thu, lợi nhuận thu được hàng năm từ các khoản đầu tư trực tiếp đạt giá trị dương và có sự cải thiện trong giai đoạn 2021 – 2023. Trong giai đoạn này, BCG tập trung phát triển các dự án bất động sản, năng lượng tái tạo dẫn đến việc vốn đầu tư lớn, chi phí sử dụng vốn cao, đồng thời tính chất các dự án kéo dài. Do đó, trong năm 2023 BCG đã thành công thực hiện tái cấu trúc tài chính mạnh mẽ thông qua việc giảm tỷ lệ nợ về mức an toàn, tái cấu trúc các khoản vay với mức lãi suất thấp hơn và gia hạn các khoản vay. Như vậy trong các năm tiếp theo, áp lực thanh toán khoản vay cũng như chi phí sử dụng vốn sẽ giảm đáng kể, phù hợp với định hướng phát triển bền vững và tạo dư địa cho tăng trưởng của Tập đoàn khi tình hình thị trường phù hợp.

c) Hiệu quả đầu tư

Bảng 14. Kết quả lợi nhuận từ đầu tư trực tiếp của Công ty

Đơn vị: đồng

Nội dung	Lợi nhuận của Công ty mẹ năm 2022	Lợi nhuận của Công ty mẹ Năm 2023	Lợi nhuận của Công ty mẹ Quý I/2024
Công ty Con			
CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	187.621.837.732	44.421.755.538	6.013.274.874
CTCP Phát triển Nguyễn Hoàng	5.338.417.687	600.292.020	816.596.796

Nội dung	Lợi nhuận của Công ty mẹ năm 2022	Lợi nhuận của Công ty mẹ Năm 2023	Lợi nhuận của Công ty mẹ Quý 1/2024
CTCP BCG Land	94.267.719.977	28.999.404.449	19.032.344.337
CTCP BCG Energy	47.894.549.434	61.688.482.961	22.541.570.245
CTCP BCG Khu công nghiệp Cát Trinh	-70.580.172	-14.165.429	-2.433.188
CTCP BCG Financial	-2.985.548.882	257.796.762	-359.224.556
Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA	-48.769.310.977	-13.855.886.134	-16.123.957.240
Công ty TNHH Phoenix Mountain	112.026.255	-61.306.964	7.141.455
Công ty liên kết			
Công ty TNHH B.O.T BT830	-2.883.841.851	7.257.333.951	6.910.406.462
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	1.784.509.539	6.437.646.331	917.271.306
Công ty TNHH Helios Village	0	-37.859.264	-1.586.327

(Nguồn: BCG)

Ghi chú: BCG đã thoái phần vốn góp tại Công ty TNHH Helios Village vào 29/02/2024, do đó Công ty TNHH Helios Village chuyển từ công ty con thành công ty liên kết.

10.4. Các hợp đồng lớn

Từ năm 2022 đến thời điểm hiện tại, BCG có các hợp đồng lớn như sau:

Bảng 15. Các hợp đồng lớn trong giai đoạn từ năm 2022 đến hiện tại

Hợp đồng	Giá trị (Triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/ Dịch vụ đầu vào/đầu ra	Đối tác	Mối quan hệ với Người nội bộ/Cổ đông lớn của TCPH	Các điều khoản quan trọng khác
Hợp đồng số 04/HDDV-BCG-AAA	640 triệu/ tháng	01/05 /2022	12 tháng kể từ ngày ký, tự động gia hạn thêm 12 tháng nếu trước ngày hết	Hợp đồng tư vấn quản lý	Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA	Công ty con	Không có

Hợp đồng	Giá trị (Triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/ Dịch vụ đầu vào/đầu ra	Đối tác	Mối quan hệ với Người nội bộ/Cổ đông lớn của TCPH	Các điều khoản quan trọng khác
			hạn 30 ngày không có thông báo chấm dứt hợp đồng				
Hợp đồng số 0039/ KDKT/2022/ GX460	5.670	10/01/ 2022	Không quy định	Hợp đồng mua bán xe ô tô	Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	Không	Không có
Hợp đồng số 01/2022/HĐV T-BCGF-BCG và phụ lục	60.000	24/08/ 2022	24 tháng	Hợp đồng vay	Công ty CP BCG Financial	Không	Không có
Hợp đồng số 06/2022/HĐV T-BCG-TCD	70.000	23/12/ 2022	1 tháng	Hợp đồng cho vay	Công ty CP ĐT PT Công nghiệp và Vận tải	Không	Không có
Hợp đồng số 03/2023/HĐD V/BCG-HDN	11.000	10/01/ 2023	Không quy định	Hợp đồng tư vấn	Công ty cổ phần Helios Đắk Nông	Không	Không có
Hợp đồng số 03/2023/HĐD V/BCG-IHA	8.000	30/06 /2023	Không quy định	Hợp đồng tư vấn	Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Công ty con	Không có
Hợp đồng số 02/2023/HĐD V/BCG-IDB	27.000	31/03 /2023	Không quy định	Hợp đồng tư vấn	Công ty CP Indoba Trading	Công ty con	Không có
Hợp đồng vay ngày 19/11/2021	247.000	19/11 /2021	5 năm kể từ ngày ký hợp đồng	Hợp đồng vay	Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	Công ty con	Không có
Hợp đồng vay ngày 19/11/2021	253.000	19/11 /2021	5 năm kể từ ngày ký hợp đồng	Hợp đồng vay	Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Công ty con	Không có
Hợp đồng số 04/2023/HĐV /BCG-HTC	16.152	30/08/ 2023	6 tháng kể từ ngày chuyển tiền	Hợp đồng cho vay	CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING	Không	Không có

Hợp đồng	Giá trị (Triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/ Dịch vụ đầu vào/đầu ra	Đối tác	Mối quan hệ với Người nội bộ/Cổ đông lớn của TCPH	Các điều khoản quan trọng khác
Hợp đồng số 05/2023/HĐVT/BCG-IHA	62.500	22/08/2023	24 tháng kể từ ngày chuyển tiền	Hợp đồng cho vay	Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Công ty con	Không có
Hợp đồng số 0510/2023/HĐVT/BCG-TCD	31.600	05/10/2023	24 tháng kể từ ngày chuyển tiền	Hợp đồng cho vay	CTCP Đầu tư phát triển Công Nghiệp Và Vận Tải	Công ty con	Không có

(Nguồn: BCG)

10.5. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Từ năm 2022 đến thời điểm hiện tại BCG có các khách hàng, nhà cung cấp lớn như sau:

Bảng 16. Danh sách khách hàng, nhà cung cấp chính

STT	Tên khách hàng/nhà cung cấp	Giá trị giao dịch (đồng)	Tỷ lệ trên doanh thu/doanh số bán hàng (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ/ Cổ đông lớn của TCPH
I	**Năm 2022**					
1	CTCP Hibiscus	6.227.674.950	25,53%	Không quy định	Bàn gỗ	Không
II	**Năm 2023**					
1	Công ty CP Indoba Trading	27.000.000.000	41,61%	T3, T6/2023	Dịch vụ tư vấn phát triển dự án	Không

(Nguồn: BCG)

10.6. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành

a. Vị thế của Công ty trong ngành

CTCP Tập đoàn Bamboo Capital (BCG) xuất phát điểm là một công ty quy mô nhỏ hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực M&A và tư vấn tài chính, sau hơn 10 năm thành lập và phát

triển, Công ty đã có những bước phát triển tốt và trở thành một trong những tập đoàn đa lĩnh vực có tiềm năng tại thị trường Việt Nam. Hiện nay, Công ty đang tập trung vào 5 lĩnh vực chính: sản xuất và thương mại, xây dựng và đầu tư cơ sở hạ tầng, bất động sản, dịch vụ tài chính và năng lượng tái tạo. Mặc dù, mới chỉ tham gia vào những lĩnh vực trên, nhưng CTCP Tập đoàn Bamboo Capital (BCG) đã tạo dựng cho mình được hình ảnh tích cực và sự tin nhiệm với các cổ đông, đối tác trong và ngoài nước.

Những thành tựu trên là kết quả của sự nỗ lực và đồng lòng của ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên tập đoàn, xây dựng một chính sách phát triển linh hoạt, nhanh chóng thích ứng với những chuyển động của ngành và nền kinh tế vĩ mô đồng thời nắm bắt cơ hội chính sách từ Chính phủ để có được bước đi thần tốc trong suốt chiều dài lịch sử phát triển

Lợi thế cạnh tranh của BCG được thể hiện tại 4 yếu tố sau:

- Yếu tố con người: Với phương châm "tôn trọng sự khác biệt", BCG đã xây dựng được một đội ngũ nhân sự trẻ, năng động, giàu kinh nghiệm làm việc tại các môi trường quốc tế và trên nhiều lĩnh vực. Đây chính là nhân tố nền tảng cơ sở chủ chốt, để BCG có thể đưa ra được những giá trị doanh nghiệp cốt lõi, các chiến lược kinh doanh hiệu quả, linh hoạt, phù hợp với những diễn biến của thị trường trong nước. Ngoài ra, chính những kinh nghiệm tại thị trường quốc tế, đã giúp cho những định hướng kinh doanh của BCG trở nên chuyên nghiệp hơn, tiêu chuẩn cao hơn với một tầm nhìn xa hơn, tạo ra sự khác biệt rõ nét so với những tập đoàn đa ngành khác trên thị trường.
- Khả năng triển khai dự án: Chỉ trong một thời gian ngắn, 4 năm trong lĩnh vực Bất Động Sản, và 5 năm trong lĩnh vực Năng Lượng Tái Tạo, BCG đã sở hữu một danh mục đầu tư lớn, có giá trị cao và bền vững. Đây là minh chứng rõ nét nhất cho năng lực phát triển và thực thi các dự án trong thời gian ngắn của BCG, là kết quả của việc lên kế hoạch chính xác, khả năng triển khai nhanh chóng đi cùng với khả năng quản trị rủi ro sát sao.
- Khả năng kết nối các nguồn lực: Để xây dựng được danh mục dự án lớn như hiện nay, việc tìm kiếm, quản lý và kết nối nguồn lực là điều mà BCG luôn chú trọng để đầu tư và triển khai hiệu quả. Các nguồn lực này bao gồm cả nguồn lực tài chính và nguồn lực con người. BCG sở hữu một mạng lưới đối tác rộng khắp cả trong và ngoài nước, sẵn sàng hỗ trợ Công ty trong công tác huy động vốn để có thể tiếp cận được những nguồn vốn lớn với lãi suất ưu đãi. Bên cạnh đó, từ các đối tác của mình, BCG cũng có được những lợi thế về chính sách, cho phép Công ty có thể triển khai dự án một cách nhanh chóng và hiệu quả.
- Giá trị cốt lõi khác biệt: Ngay từ những ngày đầu thành lập, ban lãnh đạo công ty đã thiết lập các giá trị doanh nghiệp rất khác biệt so với những doanh nghiệp khác trên thị trường Việt Nam, không chỉ tập trung vào sự phát triển riêng của Công ty, mà gắn liền với tiến trình phát triển chung của cộng đồng và nước nhà. BCG muốn đóng góp công sức để đưa các

thương hiệu Việt Nam hội nhập quốc tế. Giá trị cốt lõi này chính là kim chỉ nam để Công ty không ngừng cải thiện và phát triển.

Tới thời điểm 31/12/2023 (theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của BCG), quy mô tài sản của Tập đoàn Bamboo Capital đạt 42.009 tỷ đồng (giảm 4,18% so với cùng kỳ năm 2022 là 43.843 tỷ đồng), với vốn chủ sở hữu đạt hơn 17.467 tỷ đồng (tăng khoảng 26,35% so với cùng kỳ năm 2022 là 13.825 tỷ đồng) tập trung chủ yếu vào 2 mảng chính là bất động sản và năng lượng tái tạo. Quy mô tổng tài sản của Tập đoàn Bamboo Capital tính đến 31/03/2024 đạt 42.592 tỷ đồng, giảm 7,93% so với cùng kỳ năm 2023 (Tổng tài sản tính tại ngày 31/03/2023 đạt 46.259 tỷ đồng). Đến thời điểm hiện tại, BCG đã thực hiện ký kết hợp tác đầu tư với hàng loạt các đối tác lớn trong và ngoài nước như Tập đoàn Lotte (Hàn Quốc), Singapore Power Group (Singapore), Leader (Singapore), Hanwha (Hàn Quốc), Power China (Trung Quốc) nhằm mục đích cùng nhau phát triển các dự án đầu tư tại Việt Nam, giúp tận dụng thế mạnh, nguồn lực các bên, rút ngắn thời gian nghiên cứu, nhanh chóng triển khai dự án mang lại hiệu quả kinh doanh và lợi ích cho các cổ đông. Những điều trên phản ánh thực tế rằng CTCP Tập đoàn Bamboo Capital có vị thế và lợi thế cạnh tranh rõ rệt trong ngành, có kế hoạch chiến lược rõ ràng nhằm tiếp tục đẩy mạnh quy mô kinh doanh tại các dự án ở mảng bất động sản tiềm năng, phát triển ngành điện năng lượng tái tạo trở thành các lĩnh vực chủ chốt, và sẽ có kế hoạch mở rộng ngành dịch vụ tài chính, đóng góp vào sự lớn mạnh của CTCP Tập đoàn Bamboo Capital trong tương lai, củng cố vị thế của tập đoàn đa ngành tại Việt Nam.

b. Triển vọng phát triển của ngành

- **Triển vọng phát triển Ngành Xây dựng và Đầu tư cơ sở hạ tầng, Bất động sản:**

Năm 2023, về tổng thể, mặc dù vẫn còn nhiều khó khăn và mức phục hồi không đồng đều trên các phân khúc, nhưng thị trường bất động sản Việt Nam đã vượt qua giai đoạn khó khăn nhất, đang và sẽ ghi nhận những động thái tích cực nhiều hơn tiêu cực cả về tổng cung và tổng cầu, cả đầu vào và đầu ra, cả vĩ mô và vi mô, trước mắt và trung hạn trong chính sách và thực tiễn điều hành, kinh doanh...Những chuyển biến tích cực này được thể hiện tại báo cáo đánh giá thị trường bất động sản năm 2023 của Viện Kinh tế Xây dựng (Bộ Xây dựng), trong năm 2023, cả nước ghi nhận có 433.444 giao dịch, tổng lượng giao dịch chỉ bằng khoảng 55% so với cùng kỳ năm 2022. Lượng giao dịch đất nền 2023 đạt 307.273 giao dịch thành công. Mặc dù so sánh với 2022 thì số lượng giao dịch thành công trong năm 2023 đã giảm đáng kể, tuy nhiên thị trường đã có một số dấu hiệu cải thiện đáng kể trong giai đoạn 6 tháng cuối năm khi lượng giao dịch thành công tăng 13% so với 6 tháng đầu năm.

Trong quý 4 năm 2023, có 29 dự án hoàn thành với quy mô khoảng 13.646 căn, số lượng dự án bằng 138,1% so với Quý III/2023, cụ thể: tại miền Bắc có 18 dự án với 11.690 căn; tại miền Trung có 4 dự án với 592 căn, tại miền Nam có 4 dự án với 1.091 căn. Chương

trình tín dụng 120.000 tỷ đồng cho vay nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, dự án cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ đã được triển khai tại 04 ngân hàng thương mại nhà nước. Các ngân hàng đã cam kết cấp tín dụng cho 06 dự án với số tiền cam kết là 1.986 tỷ đồng, đã giải ngân cho bốn dự án với số tiền là 143 tỷ đồng.

Mặt bằng lãi suất thị trường có xu hướng giảm giúp các doanh nghiệp bất động sản có khả năng tiếp cận nguồn vốn dễ dàng hơn và người dân sẽ chuyển dần chú ý sang kênh đầu tư bất động sản.

Đặc biệt, độ ngầm và hiệu quả tháo gỡ về chính sách, cải thiện về môi trường pháp lý đang đậm nét dần sau gần 20 đợt thái pháp lý liên tục và dồn dập được triển khai trong năm 2023, với hàng loạt dự án luật mới đã được điều chỉnh và được Quốc hội thông qua như Luật Nhà ở (sửa đổi), Luật Kinh doanh bất động sản (sửa đổi), Luật đất đai (sửa đổi) chứa đựng nhiều điểm mới...

Một trong những vướng mắc nhất của thị trường bất động sản hiện nay là tính pháp lý của các dự án, chiếm khoảng 70 - 80% khó khăn. Nếu như yếu tố chính sách, thủ tục được giải quyết thì các doanh nghiệp bất động sản sẽ nhanh chóng kết thúc được các dự án, đưa sản phẩm ra thị trường bán, thu tiền về và sẽ giải tỏa được tất cả các nghĩa vụ nợ với ngân hàng, nợ trái phiếu doanh nghiệp. Kết quả tháo gỡ các dự án có khó khăn, vướng mắc đang tăng dần. Thành phố Hà Nội đã giải quyết, tháo gỡ được 419 dự án (tương đương 58,8% số lượng dự án có khó khăn, vướng mắc). Thành phố Hồ Chí Minh đã giải quyết, tháo gỡ được 67 dự án (tương đương 37,2%). Các địa phương còn lại hiện đang tiếp tục quyết giải quyết khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, của dự án. Các dự án đã và đang được tháo gỡ sẽ góp phần đảm bảo nguồn cung, thúc đẩy thị trường trong thời gian tới.

Dự báo trong giai đoạn 2024 - 2025, các nút thắt trong việc phê duyệt các dự án ở các dự án khu dân cư mới sẽ được giải quyết và thị trường bất động sản sẽ phục hồi khi Luật Đất đai 2023 được thực hiện đúng tiến độ và sẽ có hiệu lực trong nửa cuối năm 2024. Nhờ đó, nguồn cung trên thị trường đang gia tăng.

Ngoài ra, nhu cầu trên thị trường còn rất lớn, vì vậy, lĩnh vực bất động sản vẫn là một lĩnh vực có nhiều tiềm năng để phát triển và mang lại dòng tiền lớn trong trung và dài hạn cho các doanh nghiệp trong nước, bao gồm cả BCG.

- **Triển vọng phát triển ngành năng lượng tái tạo:**

Việt Nam là một trong những nước phát triển năng lượng tái tạo sôi động nhất tại Đông Nam Á. Sự phát triển mạnh mẽ của ngành năng lượng tái tạo thay thế dần cho năng lượng sử dụng hóa thạch cho thấy rõ hơn tầm quan trọng của việc phát triển kinh tế phải gắn liền với việc phát triển năng lượng bền vững, an toàn. Thị trường năng lượng tái tạo tại Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng lớn nhờ vào nguồn tài nguyên rộng lớn, tốc độ công nghiệp hóa và tăng trưởng dân số nhanh; đặc biệt, tác động của các chính sách khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo và chương trình phát triển điện lực quốc gia.

Nhu cầu tiêu thụ điện năng dự báo tăng trưởng tích cực: Trong bối cảnh thời tiết khắc nghiệt, mức tiêu thụ điện trên cả nước tăng vọt trong năm 2023. Theo EVN, nhu cầu tiêu thụ điện dự báo sẽ tăng trưởng ở mức 8,5%/năm trong 5 năm tới. Nhu cầu sử dụng điện của nước ta là rất lớn với các nhân tố thúc đẩy như: (1) sự gia tăng dân số và tốc độ đô thị hóa nhanh chóng sẽ thúc đẩy nhu cầu của nhóm khách hàng dân dụng (2) Vốn đầu tư nước ngoài chảy vào Việt Nam đặc biệt là lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo (Thâm dụng năng lượng) giúp gia tăng nhu cầu của nhóm khách hàng công nghiệp (3) nhu cầu sản xuất công nghiệp trên khắp cả nước phát triển mạnh mẽ. Và với tốc độ tăng trưởng sản lượng điện hàng năm luôn trên 10% nên khả năng thiếu hụt nguồn điện sẽ không thể tránh khỏi.

Do đó cả trong ngắn và dài hạn, các nguồn năng lượng tái tạo sẽ được chú trọng phát triển và khai thác nhằm đảm bảo an ninh năng lượng. Điện gió ngoài bờ là một nguồn năng lượng tái tạo nổi bật đang được chú trọng để thúc đẩy đầu tư và xây dựng chính sách hỗ trợ từ Chính phủ. Đồng thời, việc phát triển các dự án năng lượng tái tạo sẽ được thúc đẩy mạnh hơn khi các nguồn vốn, nguồn tín dụng "xanh" cả trong và ngoài nước đang dần mở rộng hơn về mặt quy mô cũng như chính sách, đồng thời cũng có những ưu đãi nhất định về chi phí.

Năng lượng tái tạo ưu tiên phát triển nhưng còn vướng mắc trong ngắn hạn: Còn với năng lượng tái tạo, theo Quy hoạch điện VIII, các nguồn năng lượng tái tạo sẽ được ưu tiên phát triển và khai thác hiệu quả trong tương lai. Trong đó, điện gió được xác định phát triển mạnh mẽ. Công suất điện gió trên bờ dự kiến lên tới 21,880 MW và điện gió ngoài khơi là 6,000 MW vào năm 2030, định hướng đạt 70,000 - 91,500 MW vào 2050. Trong kịch bản phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050, tổng chi phí đầu tư vào hệ thống điện dự kiến là 167 tỷ USD, trong đó chi phí đầu tư nguồn điện Năng lượng tái tạo là 106 tỷ USD, hệ thống lưu trữ điện năng là 54 tỷ USD, và hệ thống truyền tải liên vùng là 7 tỷ USD. Chi phí này tương đương 11% GDP của năm 2050.

Về dài hạn, phát triển nguồn năng lượng tái tạo là cần thiết bởi: (1) phù hợp nhất mục tiêu giảm phát thải ròng về bằng 0 vào 2050 của Việt Nam (2) giảm phụ thuộc vào nhóm thuỷ điện và nhiệt điện, đảm bảo an ninh năng lượng đáp ứng nhu cầu ngày một tăng lên. Vì vậy với kinh nghiệm trong việc phát triển và vận hành các dự án năng lượng tái tạo và nguồn lực tài chính được hỗ trợ từ đối tác thì BCG Energy sẽ có lợi thế trong việc đấu thầu nhờ quản lý hiệu quả, tiết kiệm nhờ huy động được các nguồn vốn lớn với chi phí rẻ.

Trên cơ sở những nội dung nêu trên, triển vọng phát triển các dự án năng lượng tại Việt Nam nói chung và cho Tập đoàn Bamboo Capital nói riêng được đánh giá là có rất tích cực với sự gia tăng cả về số lượng, quy mô trong cả hiện tại, trung hạn và dài hạn.

- **Triển vọng phát triển ngành dịch vụ tài chính:**

Thị trường chứng khoán Việt Nam tăng 12,2% điểm số trong năm 2023 dù trải qua nhiều biến động. Kết thúc năm tại mốc 1.129,9 điểm, chỉ số VN-Index cũng đã hồi phục đến 23,9%

từ đáy trung hạn vào giữa tháng 11/2022 dù vẫn thấp hơn 26,1% so với đỉnh thiết lập hồi tháng 4/2022. So với các thị trường khác trong khu vực như Thái Lan, Indonesia, Trung Quốc.. tăng trưởng trong năm qua của VN-Index vẫn rất khả quan.

Xu hướng của thị trường đang được hỗ trợ bởi hàng loạt điểm sáng vĩ mô. Cụ thể, trên thế giới, thị trường đánh giá Fed sẽ không tăng lãi suất thêm cho đến khi bắt đầu giảm lãi suất điều hành, dự kiến có thể diễn ra cuối Q1/2024. Điều này khiến chỉ số DXY suy yếu, lợi suất trái phiếu Kho bạc Mỹ giảm mạnh trong 2 tháng cuối năm 2023. Ngoài ra, ECB có thể bắt đầu giảm lãi suất điều hành từ tháng 6/2024.

Mặt bằng lãi suất tiếp tục giảm xuống mức thấp kỷ lục của hơn 10 năm qua, trong bối cảnh lạm phát được kiểm soát. Trong khi đó, Quốc hội chuẩn bị họp để thông qua Luật Đất Đai, Luật Các tổ chức tín dụng cũng mang lại kỳ vọng cho nhóm bất động sản, ngân hàng - đây là hai nhóm vốn hóa lớn dẫn dắt VN-Index.

Đối với lĩnh vực bảo hiểm, Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm cho biết, trong năm 2024, cơ quan quản lý sẽ tiếp tục tập trung vào công tác quản lý giám sát với mục tiêu đảm bảo thị trường bảo hiểm minh bạch, an toàn, hiệu quả để phù hợp với điều kiện, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và các chuẩn mực quốc tế; đồng thời, đáp ứng nhu cầu bảo hiểm cơ bản của mọi lĩnh vực kinh tế và tầng lớp dân cư, góp phần ổn định nền kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội.

Theo đó, mặc dù công tác hoàn thiện khung pháp lý mới theo Luật Kinh doanh bảo hiểm sửa đổi cơ bản đã hoàn thiện, tuy nhiên, trong bối cảnh mới, cơ quan quản lý sẽ tiếp tục rà soát để trình các cấp có thẩm quyền xem xét để đảm bảo chính sách pháp lý phải phù hợp với thực tiễn phát triển của thị trường.

Cùng với đó, trong năm 2024, cơ quan quản lý sẽ tiếp tục chú trọng công tác phát triển thị trường và nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ bảo hiểm. Đồng thời, song song với việc nâng cao hơn nữa chất lượng thi, cấp chứng chỉ đại lý bảo hiểm, yêu cầu các DNBH tăng cường công tác đào tạo, đào tạo lại đại lý bảo hiểm để tăng chất lượng tư vấn và cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

Theo thông tin từ Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm, năm 2024, dự kiến tổng tài sản các doanh nghiệp bảo hiểm ước đạt 1.004.421 tỷ đồng, tăng 9,97% so với cùng kỳ năm trước. Các DNBH đầu tư trở lại nền kinh tế ước đạt 850.264 tỷ đồng, tăng 11,51% so với cùng kỳ năm trước.

Cũng trong năm 2024, dự kiến tổng doanh thu phí bảo hiểm của các DNBH ước đạt 243.472 tỷ đồng, tăng 7,19% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu phí bảo hiểm lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 79.687 tỷ đồng (tăng 12,0% so với cùng kỳ năm trước), lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ ước đạt 163.785 tỷ đồng (tăng 5,0% so với cùng kỳ năm trước).

- **Triển vọng phát triển ngành xuất sản xuất và thương mại:**

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, ước tính, trong năm 2023, kim ngạch xuất khẩu gỗ và

sản phẩm gỗ đạt 13,4 tỷ USD, giảm 16,2% so với năm 2023. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ ước đạt 9,2 tỷ USD, giảm 22,9% so với năm 2022. Lạm phát tại thị trường trọng yếu của lĩnh vực gỗ hiện đã hạ nhiệt, việc làm của người lao động đang tăng lên, đặc biệt là mảng xây dựng, điều này cho thấy xuất khẩu đồ gỗ vào các thị trường này có thể tăng trưởng trở lại. Đồng thời, tỷ lệ hàng tồn kho tại các thị trường lớn như Mỹ dự báo đến cuối năm 2023 sẽ giảm dần. Đây là cơ hội để Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ vào thị trường này trong thời gian tới.

e. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước

Trong chiến lược kinh doanh 5 năm giai đoạn 2024 – 2028, lĩnh vực năng lượng tái tạo tiếp tục là một trong 3 mũi nhọn chiến lược của Tập đoàn Bamboo Capital, và cũng là lĩnh vực chủ chốt để Công ty có thể đặt nền móng tại thị trường quốc tế và tạo ra dòng tiền ổn định trong dài hạn. Lĩnh vực mũi nhọn thứ hai là bất động sản, trong đó tập trung vào hoạt động M&A và xây dựng thương hiệu BCG Land ở mảng du lịch nghỉ dưỡng, khu dân cư cao cấp và phức hợp thương mại, bất động sản nhà ở. Ngoài ra mảng bất động sản định hướng bao gồm cả phát triển hạ tầng khu công nghiệp nhằm đón đầu xu hướng dịch chuyển đầu tư từ một số nước về Việt Nam. Lĩnh vực bất động sản sẽ tạo ra dòng tiền trong trung hạn cho toàn bộ tập đoàn. Lĩnh vực mũi nhọn thứ 3 là dịch vụ tài chính, trong đó mục tiêu mà BCG đang hướng tới là xây dựng một hệ sinh thái tài chính bao gồm bảo hiểm, ngân hàng, fintech và chứng khoán thông qua các hoạt động M&A và thiết lập mối quan hệ chiến lược từ đó tạo ra dòng tiền có tính quay vòng nhanh, đảm bảo nền tảng tài chính vững chắc cho toàn tập đoàn. Các lĩnh vực khác bao gồm thương mại – hạ tầng và sản xuất sẽ đóng vai trò hỗ trợ để tạo thành một chu trình khép kín, củng cố tiềm lực của toàn bộ hệ sinh thái, từ đó giúp đỡ Công ty đạt được mục tiêu kinh doanh nhanh chóng và hiệu quả.

Trong xu thế phát triển kinh tế xã hội hiện tại, các ngành nghề, lĩnh vực phát triển của tập đoàn luôn định hướng phù hợp với sự phát triển chung của đất nước, của từng ngành nghề và tuân thủ các chính sách, quy định của nhà nước. Đặc biệt, ba lĩnh vực chủ chốt của tập đoàn là năng lượng tái tạo, bất động sản và dịch vụ tài chính với chiếm tỷ trọng lớn trong quy mô phát triển và doanh thu của tập đoàn trong tương lai sẽ luôn được tập trung gắn kết và bám sát định hướng chủ trương của Đảng, Nhà nước và Chính phủ trong phát triển kinh tế chung, của ngành xây dựng, tài chính và năng lượng tái tạo. Thể hiện ở việc tuân thủ và bám sát triển khai Nghị quyết 55 của Bộ chính trị về phát triển năng lượng tái tạo, các quy hoạch ngành như quy hoạch công nghiệp, quy hoạch điện quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn năm 2045, quy hoạch mạng lưới đường bộ, hệ thống đô thị và nông thôn, v.v.

Đồng thời, hoạt động của Tập đoàn ở lĩnh vực xây dựng hạ tầng cũng được mở rộng mạnh mẽ từ các dự án trong hệ sinh thái trong lĩnh vực năng lượng và bất động sản song các dự án hạ tầng công. Việc này phù hợp với những cam kết, định hướng của Chính phủ trong việc

đẩy mạnh xây dựng hạ tầng thông qua hoạt động đầu tư công. Từ đầu năm 2023, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 8 Nghị quyết, 1 Chỉ thị, 6 Công điện và các văn bản thể hiện những chỉ đạo vô cùng quyết liệt. Đặc biệt, từ tháng 2/2023, Thường trực Chính phủ cùng tổ chức cuộc họp toàn quốc thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công.

Định hướng phát triển đúng đắn của tập đoàn đặc biệt ở lĩnh vực năng lượng tái tạo và xây dựng hạ tầng sẽ thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, gia tăng đóng góp vào ngân sách Nhà nước, tạo công ăn việc làm cho người lao động, giúp bảo vệ môi trường cũng như giảm thiểu khí thải carbon, đồng thời tạo sự ổn định và phát triển bền vững của tập đoàn trong tương lai.

10.7. Hoạt động Marketing

CTCP Tập đoàn Bamboo Capital trên cương vị là một doanh nghiệp niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, là công ty đại chúng quy mô lớn, Công ty luôn chú trọng hình ảnh của mình đối với cơ quan quản lý, nhà đầu tư và thị trường. Do đặc thù sản phẩm của Công ty là sản phẩm đa ngành nghề nên đối tượng khách hàng cũng tương đối đa dạng, vì vậy Công ty chú trọng đến cách tiếp cận đối với từng đối tượng khách hàng bằng các hình thức quảng cáo khác nhau. Những năm gần đây, Công ty tập trung phát triển các sản phẩm bất động sản và năng lượng tái tạo. Vì vậy, hoạt động quảng bá càng được đẩy mạnh hơn thông qua việc tổ chức các chiến dịch marketing cho từng dự án bất động sản, tổ chức các sự kiện lớn nhằm giới thiệu và quảng bá dự án. Bên cạnh đó, Công ty vẫn duy trì hoạt động quảng cáo truyền thống thông qua truyền thông báo đài, đăng biển quảng cáo, công bố thông tin trên website Công ty nhằm tăng cường hình ảnh, thương hiệu của Công ty đến khách hàng, các nhà đầu tư và các doanh nghiệp có nhu cầu đối với các sản phẩm của Công ty.

10.8. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Logo của Công ty:

Ý nghĩa của logo: Logo BCG là sự kết hợp của hình tròn có biểu tượng cây tre khéo léo đan xen cùng dòng chữ BCG – tên viết tắt của Bamboo Capital Group tạo nên nét đặc trưng riêng của văn hóa doanh nghiệp. Với thông điệp "Vững vàng trước sóng gió – Mạnh mẽ vươn mầm xanh", hình ảnh cây tre hiện hữu trong logo BCG chính là biểu tượng trường tồn cho tinh thần và ý chí của con người Bamboo Capital.

Công ty đang trong quá trình thực hiện đăng ký nhận diện thương hiệu.

Ngoài ra thì BCG chưa có quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế nào khác.

10.9. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Kể từ năm 2018, sau một thời gian phát triển đầu tư dàn trải, qua nghiên cứu, đánh giá hiệu quả đầu tư, cũng như tìm hiểu, phân tích các lĩnh vực tiềm năng của thị trường, Hội đồng quản trị CTCP Tập đoàn Bamboo Capital đã đi đến quyết định tái cơ cấu và triển khai công ty theo mô hình tập đoàn với 5 trụ cột chính trong bao gồm: Năng lượng tái tạo; Bất động sản; Xây dựng và đầu tư cơ sở hạ tầng; dịch vụ tài chính; Sản xuất và thương mại. Trong đó, 03 lĩnh vực chủ chốt là năng lượng tái tạo và bất động sản và Dịch vụ tài chính dự kiến chiếm 70 - 80% tổng doanh thu và lợi nhuận của công ty vào năm 2025. Lĩnh vực dịch vụ tài chính đóng vai trò chủ chốt trong định hướng dài hạn của tập đoàn nhằm xây dựng một nền móng tài chính vững chắc cũng như hệ thống hỗ trợ các hoạt động trong thị trường vốn. Cụ thể trong lĩnh vực này, tập đoàn thực hiện M&A và thiết lập các mối quan hệ chiến lược với các tổ chức tài chính lĩnh vực chứng khoán, bảo hiểm, ngân hàng.

10.10. Chiến lược kinh doanh

a. Tổng quan về chiến lược của Công ty cả về ngắn hạn và dài hạn:

Cả trong ngắn hạn và dài hạn, Công ty sẽ tiếp tục duy trì và triển khai hoạt động kinh doanh theo mô hình tập đoàn với các trụ cột chính bao gồm: Năng lượng tái tạo; Bất động sản; Xây dựng và đầu tư cơ sở hạ tầng; dịch vụ tài chính; Sản xuất và thương mại. Trong đó, 03 lĩnh vực chủ chốt là năng lượng tái tạo và bất động sản và dịch vụ tài chính dự kiến chiếm 70 - 80% tổng doanh thu và lợi nhuận của công ty vào năm 2025. Các lĩnh vực còn lại sẽ đóng vai trò hỗ trợ đắc lực cho việc thúc đẩy tiến độ thi công các dự án và tạo ra dòng tiền nhanh, ổn định cho toàn bộ tập đoàn thông qua việc tham gia các gói thầu xây dựng hạ tầng mà công ty mở rộng ra ngoài hệ sinh thái tập đoàn. Riêng đối với lĩnh vực Tài chính & Bảo hiểm, trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục thúc đẩy các hoạt động tái cấu trúc, đồng thời cải thiện chất lượng dịch vụ và sản phẩm, mở rộng các chi nhánh trên toàn quốc, chuẩn bị cho sự phát triển đột biến từ năm 2024. Lĩnh vực bảo hiểm sẽ là một trong những "viên gạch" đầu tiên để Công ty xây dựng một hệ sinh thái tài chính bao gồm bảo hiểm, ngân hàng, và chứng khoán. Như vậy, khác với năm 2023, công ty đã xây dựng tâm thế cho việc chuyển mình từ việc phòng thủ bị động sang quan sát các động thái từ thị trường và chờ đợi thời cơ để đẩy mạnh, mở rộng hoạt động kinh doanh.

Đẩy mạnh phát triển mảng năng lượng hiện có và tìm kiếm cơ hội đầu tư mới:

Mảng năng lượng Gió: Đối với các dự án Khai Long, Đông Thành và Sóc Trăng: Tập trung nguồn lực tài chính, đảm bảo nhu cầu vốn cho từng giai đoạn, bám sát tiến độ, cam kết chất lượng đảm bảo phát điện đúng dự kiến. Đối với các dự án phát triển mới khẩn trương hoàn thiện pháp lý, các điều kiện để được khởi công, chủ động nguồn vốn đáp ứng tiến độ của từng giai đoạn xây dựng.

Mảng năng lượng mặt trời: Tiếp tục nâng cao chất lượng quản lý, đảm bảo công suất điện hàng tháng đạt đúng kế hoạch đề ra, các tiêu chuẩn về vận hành và môi trường được đảm

bão, đồng thời thúc đẩy nhanh các vấn đề về pháp lý còn tồn đọng. Đảm bảo tiến độ của các dự án đang xây dựng, thực hiện linh hoạt phù hợp với tình hình thực tiễn của công ty và tập đoàn, để nhanh chóng đưa vào COD. Ngoài ra, Công ty sẽ thúc đẩy các hoạt động tìm kiếm các dự án mới để M&A, ưu tiên các dự án đã được quy hoạch điện phê duyệt.

Mảng năng lượng mặt trời áp mái: Đảm bảo mục tiêu phát triển được 150MW trong năm 2024, chủ yếu đẩy mạnh phát triển các dự án trong các khu công nghiệp, các trang trại có diện tích mái nhà lớn không bị hạn chế bởi việc đấu nối hệ thống và có mô hình tài chính đảm bảo. Bên cạnh đó, Công ty cũng sẽ mở rộng thêm công tác M&A để có thể gia tăng quỹ mái.

Mảng năng lượng mới như điện khí (LNG), điện rác sinh khối: Tiếp tục nghiên cứu và tìm đối tác đầu tư, phát triển phù hợp với định hướng chính sách của Chính phủ.

Mảng năng lượng điện rác: Công nghệ đốt rác phát điện hay điện rác là giải pháp hoàn hảo để xử lý rác thải, là điểm nóng của ngành năng lượng tái tạo trên thế giới. Đặc biệt ở nước có tốc độ đô thị hóa cao như Việt Nam, nhu cầu xử lý rác thải ngày càng tăng, hứa hẹn điện rác sẽ là mảng đầu tư nhận được sự quan tâm đặc biệt trong thời gian tới. Điện rác sẽ là cơ hội lớn để BCG Energy thay đổi profile, nâng cấp vị thế trên thị trường năng lượng tái tạo.

Mảng quản lý O&M: Tiếp tục nhận các dự án đã COD, nâng cấp quy trình vận hành, phát triển nhân sự, đảm bảo các nhà máy hoạt động đạt công suất tối ưu nhất. Ngoài ra, Công ty cũng sẽ tìm kiếm các cơ hội mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh với những dự án ngoài tập đoàn.

Phát triển các dự án trọng điểm của CTCP BCG Land, tạo ra những công trình mang tính biểu tượng của quốc gia:

Trong ngắn hạn, BCG Land sẽ tiếp tục xây dựng thương hiệu của mình trên thị trường thông qua các dự án "độc bản" ở những vị trí đắc địa, đánh đúng vào nhu cầu thiết yếu của khách hàng. Chính sách phát triển của BCG Land sẽ tập trung vào 4 hoạt động chính sau:

- Đẩy mạnh tiến độ triển khai các dự án đang trong quá trình xây dựng, đặc biệt là các dự án đang bị trễ tiến độ bàn giao hoặc tiến độ mở bán do ảnh hưởng của giãn cách xã hội.
- Tiếp tục hoàn thiện tiến độ pháp lý đối với các dự án có kế hoạch động thổ trong tương lai gần tới,

Tiếp tục kiến tạo quỹ đất cho tương lai và và thực hiện các hoạt động nghiên cứu, tìm hiểu cho kế hoạch mở rộng hoạt động kinh doanh sang lĩnh vực mới như bất động sản khu công nghiệp và xây dựng nhà ở xã hội.

Tăng cường công tác tái cấu trúc cho Tracodi để nâng cao năng lực của công ty xứng tầm với quy mô tập đoàn:

Trong năm 2023, Tracodi đã chuyển sang mô hình Tập đoàn, nhằm xây dựng một hệ sinh thái toàn diện trong lĩnh vực xây dựng, từ giao thông vận tải, cung ứng nguyên vật liệu, cho

tới xây dựng công nghiệp, hạ tầng và dân dụng. Năm 2024 sẽ là thời điểm có nhiều thách thức và khó khăn đối với nền kinh tế nước nhà nói chung và lĩnh vực xây dựng nói riêng. Vì vậy, Tracodi sẽ tập trung vào chính sách phát triển chắc chắn, an toàn, tập trung cải thiện biên lợi nhuận, đồng thời quản lý chi phí và quản trị rủi ro hiệu quả. Các định hướng của Công ty sẽ bám sát với tầm nhìn chiến lược của Tập đoàn Bamboo Capital, để tối ưu hóa những lợi thế trong hệ sinh thái của Tập đoàn, từ đó tạo sự cộng hưởng phát triển mạnh mẽ.
Định hướng về mô hình kinh doanh trong năm 2024 vẫn sẽ tập trung vào lĩnh vực xây dựng công nghiệp, hạ tầng và dân dụng, và đây cũng là nguồn thu chính đóng góp vào sự tăng trưởng chung của Công ty. Đồng thời nhằm tận dụng cơ hội Chính phủ vẫn tiếp tục đẩy mạnh giải ngân cho đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông, chính vì vậy năm 2024 Tracodi sẽ lấy mảng hạ tầng giao thông làm cốt lõi thông qua tìm kiếm cơ hội tham gia vào các dự án xây dựng công trình giao thông trọng điểm các tuyến trục chính của hệ thống giao thông Bắc Nam và vùng kinh tế Đồng bằng sông Cửu Long. Mục tiêu mà Tracodi đang hướng tới là trở thành Tổng thầu quản lý xây dựng có tầm cỡ trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam. Bên cạnh đó, hoạt động khai thác khoáng sản gồm các nguyên vật liệu xây dựng cũng sẽ được đẩy mạnh và trở thành nguồn thu ổn định trong năm tới. Cụ thể, Tracodi sẽ tiếp tục khai thác hiệu quả các mỏ đá hiện tại và tìm kiếm cơ hội để thực hiện M&A các mỏ vật liệu có pháp lý đầy đủ, rõ ràng trên thị trường.
Tracodi sẽ tiếp tục nâng cao năng lực thi công thông qua vào việc cải thiện khả năng triển khai dự án nhanh, chất lượng đảm bảo, bắt đầu ứng dụng công nghệ cao trong từng giai đoạn triển khai, đồng thời thắt chặt hơn các tiêu chuẩn về môi trường.
Đối với các mảng kinh doanh hoạt động không hiệu quả hoặc có độ nhạy cao với biến động thị trường, Công ty có thể xem xét để thực hiện các động thái M&A hoặc thoái vốn để giữ cho bộ máy tinh gọn và tăng biên lợi nhuận.

Xây dựng hệ sinh thái tài chính để gia tăng sức khỏe tài chính cho toàn tập đoàn:

Công ty sẽ nhanh chóng hoàn thiện, phát triển và xây dựng sự kết nối chặt chẽ giữa các thành viên trong hệ sinh thái tài chính và giữa mảng tài chính với các mảng kinh doanh khác trong Tập đoàn Bamboo Capital, để thúc đẩy sự phát triển bền vững.
Đối với mảng bảo hiểm, sau khi hoàn thành công tác tái cơ cấu, Tổng CTCP bảo hiểm AAA đã đặt mục tiêu là trở thành một trong những công ty bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam với những công nghệ tiên tiến mang lại trải nghiệm dịch vụ tốt nhất cho khách hàng. Bên cạnh đó, bảo hiểm AAA cũng sẽ thúc đẩy mạnh mẽ hơn dịch vụ tái bảo hiểm, số hóa quy trình hoạt động và tìm kiếm cơ hội mở rộng sang bảo hiểm nhân thọ, thúc đẩy kết quả kinh doanh.

Thúc đẩy công tác huy động vốn để cân bằng lại cơ cấu vốn

Giai đoạn năm 2024 - 2025, bên cạnh nguồn vốn nước ngoài, công ty sẽ tăng cường công tác IR, linh hoạt thu hút thêm nhiều nguồn vốn đầu tư khác, nhằm tìm kiếm cơ hội trong thời điểm thách thức trước mắt. Nguồn vốn mới được sử dụng để điều chỉnh cơ cấu tài chính, và đầu tư vào những dự án năng lượng tái tạo và bất động sản.

Xây dựng lớp đội ngũ nhân sự kế cận mang đầy đủ giá trị cốt lõi của con người BCG để phát huy những giá trị cốt lõi của doanh nghiệp

Công ty sẽ tiếp tục đầu tư và xây dựng đội ngũ nhân sự giỏi chuyên môn và hiểu sâu sắc về các giá trị hoạt động của doanh nghiệp để từ đó tạo nên những truyền thống lâu đời và phát triển bền vững. Mục tiêu này sẽ được hoàn thiện thông qua việc cải thiện các chính sách tuyển dụng, chế độ đãi ngộ, tăng cường công tác đào tạo nhằm đáp ứng được quy mô hoạt động ngày càng mở rộng của công ty..

b. ***Nguồn lực dự kiến và nguồn vốn để thực hiện:***

Nguồn lực và nguồn vốn của Công ty hiện nay đang đến từ 02 nguồn chính: nguồn doanh thu từ các dự án điện năng lượng tái tạo và bất động sản đã đi vào vận hành và nguồn vốn được huy động từ thị trường vốn, thị trường tiền tệ trong và ngoài nước thông qua đa kênh và mạng lưới đối tác rộng khắp:

Nguồn doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Việc triển khai thành công và vận hành gần 600 MW điện mặt trời cánh đồng và điện mặt trời áp mái đã đem lại dòng tiền hàng năm ổn định với hơn 1.500 tỷ đồng và lợi nhuận gia tăng qua các năm cho tập đoàn. Dòng tiền thặng dư sẽ được tái cơ cấu, phân bổ vốn cho việc đầu tư, mở rộng quy mô các dự án nguồn năng lượng tái tạo khác tiếp theo của tập đoàn.
- Nguồn lực của tập đoàn còn được đóng góp phần lớn từ các dự án bất động sản đang được hoàn thiện và bắt đầu bàn giao. Một số dự án đã được ghi nhận doanh thu như King Crown Village Thảo Điền, một số dự án dự kiến sẽ bắt đầu ghi nhận trong năm nay như các dự án như Malibu Hội An, Hội An D'or... Đây sẽ là nguồn lực dồi dào và ổn định, đóng góp hàng ngàn tỷ đồng cho sự phát triển của tập đoàn, cũng như nguồn vốn tái phân bổ để thực hiện chiến lược, kế hoạch triển khai tiếp theo của tập đoàn.
- Mảng xây dựng và hạ tầng cũng đóng góp không nhỏ vào doanh thu và lợi nhuận hợp nhất của Tập đoàn. Đặc biệt khi lĩnh vực kinh doanh này đang mở rộng danh mục dự án ra ngoài hệ sinh thái của Tập đoàn và bắt đầu tham gia vào các công trình hạ tầng công, qua đó làm cải thiện đáng kể doanh thu và giảm sự phụ thuộc vào các dự án trong hệ sinh thái.

Nguồn vốn huy động từ thị trường trong và ngoài nước:

- Công ty đang ngày càng đa dạng hóa các nguồn huy động vốn nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh. Đối với các kênh trong nước, Công ty huy động vốn thông qua nguồn vay từ các tổ chức tín dụng trong nước, từ các đối tác chiến lược, các kênh huy động từ trái phiếu

doanh nghiệp. Tuỳ từng tình hình thị trường, Công ty cũng sẽ xem xét kế hoạch tăng vốn chủ sở hữu thông qua việc phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu, cổ phiếu phát hành riêng lẻ cho các đối tác chiến lược, phát hành ra công chúng theo như kế hoạch đã được phê duyệt tại ĐHĐCĐ năm 2022 và 2023.

- Về phương án sử dụng vốn, nguồn vốn được huy động thêm sẽ tập trung triển khai thi công các dự án trọng điểm hiện tại đảm bảo tiến độ theo đúng thời hạn cam kết, từ đó giúp gia tăng uy tín tín dụng với các tổ chức tài chính trong nước, cũng như cho thấy hiệu quả đầu tư của tập đoàn thể hiện ở cả hai lĩnh vực năng lượng tái tạo và bất động sản trong thời gian qua.

- Ngoài ra, để đảm bảo tính bền vững, ổn định và giảm chi phí tài chính, nguồn vốn lãi suất thấp, Công ty đã chủ động làm việc với các đối tác quốc tế nhằm kêu gọi đầu tư, hợp tác và tái cơ cấu đòng vốn trong nước bằng nguồn vốn nước ngoài với chi phí thấp hơn. Cụ thể hóa kết qua huy động vốn thông qua hợp tác với công ty Hanwha Energy (Hàn Quốc) đầu tư 5 triệu USD, SP Group (Singapore) đầu tư vào các dự án điện mặt trời trên mái nhà cùng với CTCP BCG Energy tiến tới đạt được 500 MW lắp đặt vận hành giúp đa dạng nguồn vốn đầu tư, giảm thiểu gánh nặng nguồn vốn cho BCG cũng như chi phí tài chính, lãi suất cho các hoạt động đầu tư, gia tăng hiệu quả đầu tư cho các dự án của BCG. Trong thời gian tới, hoạt động huy động vốn thông qua hình thức này sẽ được chú trọng nhiều hơn nhằm cải thiện sức khỏe tài chính của tập đoàn, đưa tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu về mức dưới 2, thậm chí dưới 1.

- Ngoài hình thức đầu tư góp vốn trực tiếp, BCG đã ký kết hợp tác với các công ty, tập đoàn lớn trong nước và quốc tế như Tập đoàn Lotte (Hàn Quốc), Power China (Trung Quốc), Công ty Vinahud (Việt Nam), CC1(Việt Nam)... nhằm mục đích tận dụng những thế mạnh, sở trường của mỗi bên, cùng nhau phát triển các dự án đầu tư tại Việt Nam, rút ngắn thời gian nghiên cứu, nhanh chóng triển khai xây dựng dự án, tận dụng đa dạng nhiều nguồn vốn, giúp tiết kiệm nguồn lực mỗi bên, mang lại lợi ích hài hòa, hiệu quả kinh doanh cho các bên, cũng như gia tăng cơ hội, nguồn lực triển khai các Dự án đầu tư quy mô lớn và đảm bảo tính bền vững, ổn định khi triển khai Dự án.

10.11. Trường hợp Tổ chức phát hành hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan

- Không có

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Cơ cấu lao động

Tổng số lao động tính đến thời điểm 31/03/2024 của Công ty mẹ là 87 người và hợp nhất là 1.789 người, trong đó :

Bảng 17. Cơ cấu lao động của Công ty

TT	Tiêu chí	ĐVT	31/12/2022		31/12/2023		Bình quân năm 2022 và 2023		31/03/2024	
			Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất
I	**Theo trình độ lao động**									
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	Người	52	877	66	951	59	914	69	761
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	Người	4	122	5	200	4.5	161	6	205
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	Người	0	173	0	91	0	131,5	0	51
4	Lao động phổ thông	Người	10	620	12	475	11	547,5	12	772
II	**Theo đối tượng lao động**									
1	Lao động trực tiếp	Người	66	531	83	808	74.5	669,5	0	452
2	Lao động gián tiếp	Người	0	1.261	0	908	0	1.084,5	87	1.337
III	**Theo giới tính**									
1	Nam	Người	33	1.075	43	987	38	1.031	46	1.036
2	Nữ	Người	33	717	40	729	36.5	723	41	753
Tổng cộng		Người	66	1.792	83	1.716	74.5	1.754	87	1.789

(Nguồn: BCG)

11.2. Chính sách với người lao động

- Chế độ làm việc
  - Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày, 05 ngày/tuần, nghỉ trưa 1 giờ. Thực hiện nghỉ vào ngày thứ 7 và Chủ nhật;
  - Khi có yêu cầu về tiến độ kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm hoàn thành công việc theo yêu cầu và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động. Bộ phận gián tiếp làm theo giờ hành chính, bộ phận trực tiếp được bố trí làm theo ca;
  - Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc được thiết kế khang trang, thoáng mát, an toàn. Lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện và công cụ làm việc, vệ sinh, đảm bảo an toàn lao động và phòng chống dịch.
- Chính sách tuyển dụng
  - Công tác tuyển dụng được thực hiện theo chiến lược phát triển của Công ty và thực hiện theo kế hoạch hàng năm;
  - Công ty đề ra tiêu chí tuyển dụng lao động bình đẳng, không phân biệt tôn giáo, giới tính, bình đẳng trong chính sách tuyển dụng với người khuyết tật, không tuyển dụng người chưa đủ tuổi lao động tham gia làm việc;
  - Trong đó ưu tiên lao động tốt nghiệp đại học và sau đại học trong và ngoài nước, lao động có chuyên môn giỏi, kinh nghiệm và năng lực đáp ứng được yêu cầu của Công ty, sinh viên khá giỏi vừa mới tốt nghiệp trong và ngoài nước nhằm tạo nguồn phát triển lâu dài cho Công ty;
  - Các thông tin tuyển dụng của công ty được đăng tải công khai, minh bạch trên trang web chính thức của công ty và các trang tuyển dụng khác.
- Chính sách đào tạo chủ yếu
  - Chính sách đào tạo cho người lao động luôn được Công ty chú trọng;
  - Với mục tiêu nâng cao chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ của nguồn nhân lực, BCG đã xây dựng quy trình đào tạo nhằm đảm bảo thực hiện việc đào tạo một cách khoa học, hệ thống và mang lại hiệu quả cao;
  - Bên cạnh đó, Công ty luôn có chính sách khích lệ cán bộ nhân viên tham gia các khoá đào tạo bên ngoài, cập nhật kiến thức, nâng cao chuyên môn phục vụ cho công việc;
  - Ủy ban đào tạo văn hóa thể thao và đời sống Tập đoàn và Phòng Nhân sự luôn có kế hoạch và tổ chức thực hiện đào tạo hằng năm. Nội dung đào tạo được bám sát theo nhu cầu thực tế khảo sát từ các đơn vị.
- Chính sách lương thưởng và chế độ đãi ngộ
  - Quy chế tiền lương, thưởng công ty được ban hành và áp dụng đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của pháp luật lao động về lương, thưởng và các chế độ; đảm bảo đời sống cho Người lao động trong Công ty yên tâm công tác, đóng góp của từng lao động vào sự phát triển của công ty;

- Công ty xây dựng Quỹ phúc lợi nhân viên do phòng nhân sự quản lý và theo dõi để kịp thời thực hiện các công tác chăm sóc, quan tâm nhân viên khi có phát sinh (hiếu, hỷ, thiên tai, dịch họa, tai nạn, ốm đau v.v);
- Ngoài các đợt khen thưởng trong các dịp Lễ, Tết, ngày lễ lớn, Công ty còn có những chính sách thưởng đột xuất đối với các cá nhân và tập thể có những đóng góp nổi bật hoặc có những ý tưởng và giải pháp sáng tạo mang lại hiệu quả trong quá trình sản xuất;
- Tiền lương, phụ cấp lương dựa trên thang bảng lương có thỏa thuận với người lao động trên nguyên tắc xứng đáng với đúng với mức độ đóng góp và cạnh tranh với thị trường lao động;
- Đối với tiền thưởng: Công ty thực hiện chế độ thưởng đối với người lao động theo quy chế lương thưởng tại Công ty tùy thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong quý, trong năm, và kết quả phân phối lợi nhuận;
- Hàng năm, Công ty tổ chức cho người lao động đi tham quan, nghỉ mát, khuyến học cho con em CBCNV;
- Công ty thực hiện các chính sách từ thiện xã hội tổ chức phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động, đồng thời góp phần đóng góp phúc lợi xã hội;
- Các phúc lợi khác: Tùy vào tình hình sản xuất kinh doanh hằng năm, UBĐS đề xuất các chương trình nội bộ (bao gồm: ngày Hội Gia đình Việt Nam, tết Trung thu, Quốc tế Phụ nữ 08/03, Ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10 v.v);
- Công đoàn công ty đại diện quan tâm lắng nghe, bảo vệ quyền và lợi ích của Người lao động, tham gia đóng góp ý kiến, cùng Ban lãnh đạo xây dựng môi trường làm việc văn minh, cạnh tranh và lành mạnh.

Chính sách trợ cấp

- Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về trợ cấp đối với người lao động theo đúng quy định hiện hành, tùy lĩnh vực công tác mà nhân viên Công ty còn nhận được thêm phụ cấp độc hại, trợ cấp xa gia đình (nếu được điều động đi công tác dài hạn cách xa nơi cư trú).
- Nhìn chung, các chính sách đối với người lao động của Công ty thực hiện trong những năm qua đã thực sự đem lại hiệu quả, tạo ra sự cạnh tranh thi đua trong công việc, tạo động lực và giữ vững niềm tin nơi người lao động để họ tiếp tục gắn bó và cống hiến hết mình cho Công ty.

Chế độ bảo hiểm sức khỏe

- Ngoài bảo hiểm y tế bắt buộc theo quy định của Nhà nước, Chính sách chăm sóc sức khỏe cho Người lao động thuộc Tập đoàn, ngoài Bảo hiểm Xã hội (bảo hiểm y tế) Người lao động ký hợp đồng chính thức sẽ được Công ty mua thêm gói khám Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe 1 năm/ lần/ Người lao động. Ngoài ra Công ty tạo điều kiện cho Người lao động đăng ký tự túc chi phí mua gói khám chăm sóc sức khỏe cho người thân cùng thời điểm Công ty mua cho Người lao động;

- Tất cả Người lao động ký hợp đồng chính thức tại Công ty được khám sức khỏe định kỳ theo thời gian mỗi năm một lần (ngoại trừ các trường hợp bất khả kháng như dịch bệnh, thiên tai v.v).

- Quy chế phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động:

Công ty không có quy chế cụ thể để áp dụng trong toàn bộ quá trình hoạt động, hàng năm, dựa trên kết quả kinh doanh đạt được, Hội đồng quản trị sẽ trình ĐHĐCĐ thông qua quy chế phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn người lao động cụ thể.

12. Chính sách cổ tức

Công ty thực hiện việc chi trả cổ tức theo quy định tại Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Theo đó, cổ tức sẽ được Công ty công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận sau thuế nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc chi trả cổ tức sẽ được tiến hành khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành xong các nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước.

Bảng 18. Tình hình chi trả cổ tức các năm gần đây của Công ty

Nội dung	2021	2022
Tỷ lệ trả cổ tức (%)	10%	0%
Hình thức chi trả	Bằng tiền 5% Cổ phiếu 5%	/

(Nguồn: BCG)

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

a) Thông tin về đợt chào bán gần nhất:

- Hình thức: Chào bán cổ phiếu riêng lẻ
- Tên chứng khoán: cổ phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital
- Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán đã chào bán: 57.000.000 cổ phiếu
- Tổng vốn/số tiền đã huy động: 1.140.000.000.000 đồng
- Ngày kết thúc đợt chào bán: 18/04/2022

b) Thông tin về việc điều chỉnh mục đích sử dụng vốn so với phương án đã được phê duyệt:

Không có

c) Thông tin về tình hình sử dụng vốn:

Cho đến thời điểm hiện tại, Công ty đã sử dụng hết (100%) số tiền thu được từ đợt chào bán gần nhất, Công ty đã thực hiện kiểm toán vốn và thực hiện công bố thông tin theo quy định. Báo cáo kết quả việc sử dụng vốn đến ngày 28/04/2022 từ đợt phát hành thêm 57.000.000 cổ phiếu riêng lẻ của CTCP Tập đoàn Bamboo Capital theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ số 04/2021/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 15/05/2021 số 624/BCKT/TV/2022/AASCS ngày 16/12/2022 do Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía nam (AASCS) kiểm toán.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành (nêu thông tin về các cam kết có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành như thông tin về các hợp đồng thuê sử dụng đất, trái phiếu chưa đáo hạn, các quyền chưa thực hiện của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi v.v)

Công ty có khoản trái phiếu trị giá 500 tỷ đồng theo mệnh giá đang lưu hành đã được trình bày tại Khoản 8.3, Mục IV của Bản cáo bạch này.

Ngoài ra, tính đến thời điểm nộp hồ sơ chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu Công ty không có các cam kết về các hợp đồng thuê sử dụng đất, trái phiếu chưa đáo hạn khác, các quyền chưa thực hiện của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty.

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

- Không có

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

- Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 19. Kết quả hoạt động kinh doanh công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm 2023/2022	Quý I/2024
- Tổng giá trị tài sản	10.930.972	10.615.394	-2,89	10.592.599
- Vốn chủ sở hữu	6.222.596	6.223.478	0,01	6.224.484
- Doanh thu thuần	44.601	83.530	87,28	9.345
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	435.211	1.525	-99,65	1.007
- Lợi nhuận khác	-7,5	-615	8.101,48	-1
- Lợi nhuận trước thuế	435.204	910	-99,79	1.006
- Lợi nhuận sau thuế	435.204	882	-99,80	1.006
- Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	n/a	n/a	n/a	n/a
- Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (%)	6,99	0,01	-99,80	0,02%
- Tỷ lệ cổ tức	0%	0%	/	0%

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2024 của BCG)

Bảng 20. Kết quả hoạt động kinh doanh Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm 2022/2021	Quý I/2024
- Tổng tài sản	43.842.697	42.009.335	- 4,18	42.592.098
- Vốn chủ sở hữu	13.825.231	17.467.744	26,35	17.673.324
- Doanh thu thuần	4.531.193	4.012.159	- 11,45	985.437
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	789.001	213.345	- 72,96	73.674

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm 2022/2021	Quý I/2024
- Lợi nhuận khác	23.523	38.020	61,63	43.413
- Lợi nhuận trước thuế	812.525	251.365	- 69,06	117.087
- Lợi nhuận sau thuế	566.797	171.077	- 69,82	98.181
- Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	n/a	0%
- Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	4,10%	0,98%	- 76,11	0,56%
- Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông công ty Mẹ	370.774	58.983	- 84,09	13.634
- Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	196.023	112.094	- 42,82	84.547
- Tỷ lệ cổ tức	0%	0%	/	0%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2024 của BCG)

Về Tổng tài sản: Tại thời điểm 2023, Tổng tài sản của BCG đạt 42.009 tỷ đồng giảm 4,2% so với năm 2022. Tính đến Quý I năm 2024, Tổng tài sản của BCG đạt 42.592 tỷ đồng, giảm 7,93% so với cùng kỳ năm 2023. Sự sụt giảm này phản ánh tình hình kinh doanh trong năm khi BCG đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô vẫn còn tồn tại nhiều rủi ro do đó công ty không thực hiện đẩy mạnh mở rộng hoạt động kinh doanh, thâu tóm các dự án. Thay vào đó, công ty thực hiện tái cấu trúc tài chính thông qua thoái vốn các mảng hoạt động không hiệu quả, tái cấu trúc các khoản vay với lãi suất thấp, kỳ hạn dài hơn và kiểm soát tỷ lệ nợ ở mức an toàn. Giai đoạn 2020 - 2023, BCG mở rộng quy mô đầu tư vào các dự án lớn của các mảng năng lượng tái tạo (điện mặt trời đất liền, điện mặt trời áp mái, điện gió), bất động sản các phân khúc đa dạng từ bất động sản nghỉ dưỡng, khu dân cư và đang mở rộng sang bất động sản khu công nghiệp... BCG tầm nhìn định hướng trở thành Tập đoàn hàng đầu về năng lượng tái tạo tại Việt Nam bên cạnh mảng Bất động sản và Dịch vụ tài chính, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trách nhiệm xã hội tại địa phương hoạt động.

Về Vốn chủ sở hữu: Hoạt động theo mô hình công ty Mẹ - con, thông qua các hoạt động M&A, BCG tăng trưởng về cả vốn chủ sở hữu và vốn nợ và nâng dần tỷ trọng vốn chủ sở

hữu trong cơ cấu Nguồn vốn. Vốn chủ sở hữu tính đến hết ngày 31/12/2023 của BCG đạt 17.468 tỷ đồng, tăng 26,35% so với cùng kỳ năm 2022. Còn tính đến thời điểm 31/03/2024, Vốn chủ sở hữu của BCG đạt 17.673 tỷ đồng, tăng trưởng 22,89% so với cùng kỳ năm 2023 (Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/03/2023 là 14.382 tỷ đồng).

Về hiệu quả kinh doanh: Kết thúc năm 2023, số liệu hợp nhất năm 2023 của toàn Tập đoàn, tổng tài sản đạt 42.009 tỷ đồng, giảm 4,18% so với kết thúc năm 2022, tổng doanh thu thuần đạt 4.012 tỷ đồng, giảm 11,45% so với năm 2022, lợi nhuận sau thuế đạt 171,1 tỷ đồng, bằng 30,2% so với cả năm 2022. Còn tính đến hết Quý I năm 2024, số liệu hợp nhất của Tập đoàn như sau: Tổng tài sản đạt 42.592 tỷ đồng, giảm 7,93% so với cùng kỳ năm 2023; Tổng doanh thu thuần đạt 985,4 tỷ đồng, tăng 40,52% so với cùng kỳ năm 2023 (tại ngày 31/03/2023, tổng doanh thu thuần của Tập đoàn đạt 701,3 tỷ đồng); Lợi nhuận sau thuế đạt 98,2 tỷ đồng, tăng trưởng mạnh với tỷ lệ là 1.015,7% so với cùng kỳ năm 2023).

- Các chỉ tiêu khác: Không có
- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có

1.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành

a. Tình hình kinh tế thế giới

Về tổng thể, nền kinh tế toàn cầu năm 2023 vẫn bấp bênh trong bối cảnh chịu tác động kéo dài của các cú sốc tiêu cực chồng chéo, như đại dịch Covid-19, xung đột giữa Nga - Ukraine và chính sách thắt chặt tiền tệ của các nước phát triển nhằm kiểm chế lạm phát và hướng tới tài chính công bền vững; xu hướng thu hẹp tiêu dùng và sụt giảm lượng đơn hàng xuất khẩu; những vấn đề về cơ cấu kinh tế và sự suy giảm mạnh thị trường bất động sản... Giá năng lượng cao và tăng lãi suất cùng với hoạt động kinh tế chậm lại ở các nền kinh tế phát triển có thể dẫn đến gia tăng các khoản nợ xấu, làm giảm giá trị tài sản dài hạn. Sự kết hợp giữa giá nhà giảm và thị trường việc làm yếu có thể làm tăng tình trạng vỡ nợ thế chấp, gây áp lực lên lợi nhuận của các ngân hàng, dẫn tới tăng chi phí đi vay và hạn chế dư địa dành cho chi tiêu ưu tiên và làm tăng nguy cơ khủng hoảng nợ. Tăng trưởng tiềm năng toàn cầu dự kiến sẽ giảm xuống mức thấp nhất trong ba thập kỷ, đạt 2,2% trong thời gian còn lại của thập niên 2020 gắn với lực lượng lao động toàn cầu đang già đi và tăng trưởng chậm hơn, tốc độ tăng trưởng đầu tư và năng suất các nhân tố tổng hợp ngày càng giảm; sự phân mảnh địa kinh tế ngày càng sâu sắc, với nhiều hạn chế hơn về thương mại, dịch chuyển vốn xuyên biên giới, công nghệ, lao động và thanh toán quốc tế có thể làm gia tăng biến động về giá cả hàng hóa và cản trở sự hợp tác đa phương trong việc cung cấp hàng hóa công toàn cầu. Ngoài ra, nền kinh tế toàn cầu ngày càng dễ bị tổn thương trước những cú sốc do biến đổi khí hậu.

b. Triển vọng tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Nền kinh tế thế giới trong năm 2024 sẽ phải đối mặt với không ít rủi ro và thách thức

Nền kinh tế toàn cầu vẫn phải đối mặt với rất nhiều thách thức trong năm 2024, phần lớn đến từ lạm phát, xung đột địa chính trị hay biến đổi khí hậu. Mặc dù đã suy giảm, lãi suất

cao vẫn đang gây ra những tác động tiêu cực đối với hệ thống kinh tế toàn cầu. Không những vậy, chiến tranh, xung đột cũng như thảm họa từ biến đổi khí hậu đang khiến đời sống của người dân ở nhiều khu vực lao đao, nền kinh tế bị đình trệ. Các chính sách kinh tế đang bị chi phối bởi xung đột giữa các liên minh, các khối. Xung đột Nga - Ukraine đang đẩy nền kinh tế toàn cầu đi theo nhiều hướng khác nhau, gồm các bên duy trì sự ủng hộ, hợp tác với Moscow và ngược lại. Trong khi Trung Quốc, Ấn Độ và Thổ Nhĩ Kỳ ngày càng tăng cường mua dầu Nga, châu Âu lại giảm mạnh sản lượng mua. Bên cạnh đó, các cuộc tấn công của lực lượng Houthi tại Biển Đỏ đang góp phần làm gián đoạn nền kinh tế toàn cầu, đẩy giá cước vận chuyển, bảo hiểm và giá dầu tăng cao, đồng thời buộc giao thông phải chuyển hướng sang các tuyến đường dài hơn và tốn kém hơn.

Tuy nhiên, xu hướng lạm phát hạ nhiệt ở nhiều quốc gia trên thế giới đang thúc đẩy các ngân hàng trung ương giảm lãi suất hoặc ít nhất là không tăng lãi suất như hầu hết các tháng trong năm 2023. Chi phí đi vay giảm là động lực thúc đẩy đầu tư và mua nhà. Hoạt động kinh tế cũng cho thấy khả năng phục hồi đáng kể, với GDP tăng trưởng ở mức 5,2% trong quý III. Bên cạnh đó, thị trường lao động có dấu hiệu khởi sắc, chi tiêu toàn cầu bắt đầu tăng sau giai đoạn trì trệ hậu đại dịch Covid-19 đang giúp các nhà đầu tư và các chuyên gia ngày càng lạc quan về triển vọng kinh tế. Tỷ lệ thất nghiệp tại phần lớn các nền kinh tế hàng đầu đang ở mức thấp hơn khoảng 0,5 điểm phần trăm so với mức đại dịch. Những dấu hiệu này đã thuyết phục giới chuyên gia tin tưởng về triển vọng "hạ cánh mềm" của nền kinh tế toàn cầu trong năm nay và năm sau.

Nếu kiểm soát tốt các rủi ro lạm phát và an ninh năng lượng, bức tranh kinh tế Việt Nam trong năm 2024 sẽ có nhiều điểm sáng cho sự tăng trưởng đột phá.

Dự báo tăng trưởng kinh tế: Nhiều tổ chức quốc tế có uy tín đánh giá cao kết quả và triển vọng của nền kinh tế nước ta và dự báo Việt Nam sẽ phục hồi nhanh trong thời gian tới... Theo dự báo của IMF (tháng 10/2023), năm 2024 tăng trưởng bình quân kinh tế toàn cầu sẽ đạt khoảng 2,9%, trong đó Việt Nam tăng trưởng khoảng 5,8%, tức cao gấp đôi mức trung bình thế giới và thuộc nhóm 20 nền kinh tế có mức tăng trưởng cao nhất thế giới năm 2024. Theo ADB tại Việt Nam, nền kinh tế Việt Nam vẫn vững vàng và dự kiến sẽ phục hồi nhanh trong tương lai gần nhờ tiêu dùng trong nước mạnh, được hỗ trợ bởi lạm phát ở mức vừa phải, tăng tốc giải ngân vốn đầu tư công và cải thiện các hoạt động thương mại, cũng như các lĩnh vực khác được dự báo tăng trưởng lành mạnh. Lĩnh vực dịch vụ được kỳ vọng tiếp tục mở rộng nhờ sự hồi sinh của ngành du lịch và sự phục hồi của các dịch vụ liên quan. Nông nghiệp sẽ được hưởng lợi từ giá lương thực tăng và dự kiến tăng trưởng 3,2% trong năm 2024 và năm tiếp theo. Tiêu dùng nội địa sẽ được hỗ trợ bởi lạm phát ở mức vừa phải và tiếp tục tăng trưởng trong các tháng còn lại của năm. Lĩnh vực chế biến, chế tạo sẽ vẫn là động lực chính thúc đẩy hoạt động kinh tế của đất nước và những trở ngại đối với xuất khẩu được dự báo sẽ giảm dần từ cuối năm 2023 đến năm 2024, khi nền kinh tế Hoa Kỳ và EU bắt đầu phục hồi.

Dự báo lạm phát: Cho năm 2024, Quốc hội đề ra mục tiêu kiểm soát lạm phát ở mức 4-4,5%. Đánh giá về mục tiêu này, bà Nguyễn Thu Oanh, Vụ trưởng Thống kê giá, Tổng cục Thống kê dự báo áp lực lạm phát năm 2024 không quá lớn. Các yếu tố có thể tác động đến lạm phát gồm: Giá nguyên vật liệu đầu vào thế giới đang ở mức cao và đồng USD tăng giá sẽ ảnh hưởng đến chi phí, giá thành, tạo áp lực cho sản xuất của doanh nghiệp và từ đó đẩy giá hàng hóa tiêu dùng trong nước tăng lên. Cùng với đó, việc thực hiện điều chỉnh giá dịch vụ do nhà nước quản lý và khả năng Tập đoàn Điện lực Việt Nam tiếp tục tăng giá điện khi nguyên liệu đầu vào tăng giá sẽ tác động làm tăng CPI. Trong năm 2024 còn có đợt cải cách tiền lương và tăng lương tối thiểu vùng từ tháng 7/2024 cũng là yếu tố kéo theo giá các hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng trong gia đình tăng lên, đồng thời, các chương trình hỗ trợ phục hồi, giải ngân đầu tư công của Chính phủ, dịch vụ du lịch... dự kiến cũng sẽ gây áp lực lên mặt bằng giá trong thời gian tới. Tuy nhiên, bên cạnh những yếu tố có khả năng tạo áp lực lên lạm phát cũng có những yếu tố giúp giảm áp lực lên mặt bằng giá như hỗ trợ giảm thuế môi trường đối với xăng dầu, giảm thuế VAT tiếp tục được thực hiện trong năm 2024.

Dự báo lãi suất: Xét điều kiện diễn biến kinh tế thế giới và các cân đối vĩ mô lớn ổn định, về mặt điều hành, Ngân hàng Nhà nước không đặt vấn đề tăng lãi suất trong năm 2024. Nếu giảm được lãi suất thì phải giảm. Còn về điều hành tín dụng, Ngân hàng Nhà nước định hướng tăng trưởng 15% trong năm nay. Với tổng dư nợ hiện nay là khoảng 13,6 triệu tỷ đồng, với mức tăng trưởng đặt ra, ước có 2 triệu tỷ đồng được cung ứng vào nền kinh tế. Như vậy kết hợp với bối cảnh hiện nay khi lạm phát được kiểm soát và Fed nhiều khả năng sẽ hạ lãi suất, xác suất tăng lãi suất trở lại khá thấp, bởi các ngân hàng thương mại đều thừa thanh khoản. Dù chính sách tiền tệ 2024 được dự báo tiếp tục nới lỏng, song Ngân hàng Nhà nước vẫn sẽ thận trọng trong việc hạ thêm lãi suất. Mặt bằng lãi suất huy động đang ở mức thấp kỷ lục, nếu giảm thêm có thể khiến dòng vốn huy động chảy sang các kênh đầu tư khác.

Dự báo tỷ giá: Năm 2023, Ngân hàng Nhà nước theo dõi sát diễn biến tình hình kinh tế vĩ mô trong nước và quốc tế, điều hành đồng bộ và linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ để điều tiết tiền tệ hợp lý, góp phần kiểm soát lạm phát ở mức 3,25% (thấp hơn mục tiêu 4,5% Quốc hội đặt ra), ổn định tỷ giá, VND mất giá chưa đến 3%, dự trữ ngoại hối nhà nước được cải thiện trở lại. Theo dự báo của các chuyên gia, năm 2024, kinh tế sẽ phục hồi chậm, áp lực lạm phát cũng không đáng ngại. Vì vậy, chính sách tiền tệ năm 2024 sẽ tiếp tục được điều hành theo hướng nới lỏng để hỗ trợ nền kinh tế. Việc Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) sẽ dừng tăng lãi suất cơ bản USD, thậm chí còn giảm trong năm 2024 là yếu tố tác động tích cực lên tỷ giá. Trong điều kiện thuận lợi, nếu chỉ số DXY (thước đo giá trị của USD so với 6 đồng tiền chủ chốt trong rổ tiền tệ của IMF) không tăng mạnh và NHNN duy trì chính sách điều hành linh hoạt, thì VND có thể giữ mức giảm giá hợp lý dưới 3% so với USD trong năm 2024. Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) được kỳ vọng sẽ tăng trưởng khi môi trường đầu tư duy trì ổn định và những thách thức liên quan đến thuế tối thiểu toàn cầu được xử lý. Kiều hối cũng được dự báo tăng trưởng tốt và thặng dư thương mại tiếp tục hỗ trợ cho tỷ giá. Theo dự báo của Ngân hàng UOB, tỷ giá quý I/2024 là 24.000 VND/USD,

quý II/2024 là 23.800 VND/USD, quý III/2024 là 23.800 VND/USD và quý IV/2024 là 23.500 VND/USD.

c. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Công ty

Trong giai đoạn năm 2024, nền kinh tế Việt Nam nói riêng và nền kinh tế thế giới nói chung sẽ còn nhiều biến động cả về chính trị và kinh tế, ảnh hưởng trực tiếp tới sự phát triển của BCG và tất cả các doanh nghiệp trong nước. Các rủi ro tập trung tại 4 yếu tố chính:

- Vấn đề chính sách vẫn là rủi ro lớn nhất đối với các doanh nghiệp hiện nay: Trong năm 2023 và đầu năm 2024, thị trường đã chứng kiến những sự thay đổi rất quyết liệt về mặt chính sách nhằm tháo gỡ những nút thắt, khó khăn cho hoạt động của các doanh nghiệp. Tuy nhiên, vẫn tồn tại một số rủi ro mà các doanh nghiệp phải thận trọng. Cụ thể, trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, mặc dù Quy hoạch điện 8 cũng như Phương pháp xây dựng khung giá phát điện cho các dự án năng lượng tái tạo đã được thông qua nhưng các văn bản hướng dẫn cụ thể vẫn đang trong quá trình xem xét phê duyệt như Cơ chế bán điện trực tiếp (DPPA),... Đối với thị trường vốn, kể từ 01/01/2024, khi một số điều khoản của Nghị số 08/2023/NĐ-CP bắt đầu hết hiệu lực, các doanh nghiệp muốn phát hành trái phiếu phải thực hiện xếp hạng tín nhiệm. Đây là một rào cản không nhỏ để tiếp cận thị trường vốn trong bối cảnh các doanh nghiệp vừa gượng dậy sau một khoảng thời gian vô cùng khó khăn.
- Tính cạnh tranh của thị trường sẽ trở nên khốc liệt hơn so với năm 2023 do có sự trở lại của các nhà đầu tư nước ngoài thông qua các thương vụ M&A, tuy nhiên mức độ cạnh tranh hoàn toàn phụ thuộc vào chính sách dài hạn của Việt Nam.
- Mặc dù đã có dấu hiệu hạ nhiệt nhưng rủi ro về lạm phát toàn cầu và trong nước đang ngày càng hiện rõ và lãi suất dài hạn trên thị trường quốc tế có xu hướng tăng dần, do vậy cơ hội để huy động các nguồn vốn giá rẻ trên thị trường trong và ngoài nước đang ngày càng bị hạn chế.
- Sự bất ổn về chính trị cả trong và ngoài khu vực đã khiến cho các nhà đầu tư có tâm lý quan ngại và cẩn trọng hơn với những kế hoạch đầu tư của mình. Đồng thời các cuộc tấn công liên tiếp của lực lượng Houthi tại biển Đỏ đang đe dọa nghiêm trọng hoạt động giao thương và có nguy cơ gây đứt gãy chuỗi cung ứng, khiến giá vật tư tăng mạnh.

2. Tình hình tài chính

2.1 Các chỉ tiêu cơ bản

a) Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Bảng 21: Tình hình vốn điều lệ của Công ty

(Đơn vị: Đồng)

	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
Vốn điều lệ	5.334.676.220.000	5.334.676.220.000	5.334.676.220.000

(Nguồn: BCG)

Vốn kinh doanh của Công ty theo báo cáo tài chính Công ty mẹ bao gồm:

Bảng 22. Vốn kinh doanh của Công ty theo báo cáo tài chính Công ty mẹ

(Đơn vị: Triệu đồng)

Vốn kinh doanh	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
Vay và Nợ thuê tài chính ngắn hạn	52.017	41.286	37.235
Vay và Nợ thuê tài chính dài hạn	578.704	498.267	498.442
Vốn chủ sở hữu	**6.222.595**	**6.223.478**	**6.224.484**
Trong đó:			
- Vốn góp của chủ sở hữu	5.334.676	5.334.676	5.334.676
- Thặng dư vốn cổ phần	866.926	866.926	866.926
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	20.993	21.875	22.881

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý 1 năm 2024 của BCG)

Vốn kinh doanh của Công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán bao gồm:

Bảng 23. Vốn kinh doanh của Công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất

(Đơn vị: Triệu đồng)

Vốn kinh doanh	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
Vay và Nợ thuê tài chính ngắn hạn	3.035.520	3.149.435	3.285.003
Vay và Nợ thuê tài chính dài hạn	11.687.768	9.014.926	8.841.524
Vốn chủ sở hữu	**13.825.231**	**17.467.744**	**17.673.314**
Trong đó:			
- Vốn góp của chủ sở hữu	5.334.676	5.334.676	5.334.676
- Thặng dư vốn	866.926	866.926	866.926
- Vốn khác của chủ sở hữu	21.405	210.706	210.706
- Quỹ đầu tư phát triển	3.909	3.909	3.909
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	464	464	464
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	447.771	430.511	426.741

Vốn kinh doanh	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát	7.150.079	10.620.552	10.829.902

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 1 năm 2024 của BCG)

Vốn kinh doanh của Công ty được sử dụng như sau:

Bảng 24. Tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Công ty

(Đơn vị: Triệu đồng)

Khoản mục	31/12/2022	31/12/2023	% tăng/giảm 2023/2022	31/03/2024
Theo báo cáo tài chính riêng				
Tiền và tương đương tiền	25.724	23.083	-10,27	11.449
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.700	1.700	-	4.700
Các khoản phải thu ngắn hạn	80.884	110.142	36,17	84.013
Hàng tồn kho	40	-	-100,00	-
Tài sản ngắn hạn khác	3.238	169	-94,77	191
Các khoản phải thu dài hạn	541.222	594.827	9,90	615.527
Tài sản cố định	10.939	8.311	-24,02	7.844
Tài sản dở dang dài hạn	535	-	-100,00	-
Đầu tư tài chính dài hạn	10.264.023	9.874.226	-3,80	9.866.195
Tài sản dài hạn khác	2.667	2.935	10,05	2.681
Theo báo cáo tài chính hợp nhất				
Tiền và tương đương tiền	629.496	756.859	20,23	422.240
Đầu tư tài chính ngắn hạn	510.594	541.419	6,04	1.062.217
Các khoản phải thu ngắn hạn	13.461.025	13.941.467	3,57	14.213.152
Hàng tồn kho	2.754.762	3.775.256	37,04	3.749.092
Tài sản ngắn hạn khác	428.121	463.597	8,29	500.257
Các khoản phải thu dài hạn	11.036.159	8.128.983	-26,34	7.802.150
Tài sản cố định	8.112.832	9.604.769	18,39	9.932.333
Tài sản dở dang dài hạn	2.617.616	1.609.462	-38,51	1.164.039
Đầu tư tài chính dài hạn	3.694.274	2.666.266	-27,83	2.977.848

Khoản mục	31/12/2022	31/12/2023	% tăng/giảm 2023/2022	31/03/2024
Tài sản dài hạn khác	597.817	521.258	-12.81	503.771

(Nguồn BCTC riêng và hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC riêng và hợp nhất Quý 1 năm 2024 của BCG)

CTCP Tập đoàn Bamboo Capital luôn sử dụng và quản lý vốn góp của cổ đông và vốn kinh doanh theo đúng các quy định của pháp luật và đúng mục đích quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

b) Trích khấu hao tài sản cố định

Trong suốt thời gian sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại tài sản cố định.

Nguyên giá Tài sản cố định (TSCĐ) thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu không bao gồm thuế GTGT đầu vào.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian trích khấu hao phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

Bảng 25. Thời gian trích khấu hao tài sản cố định

Loại tài sản cố định	Số năm khấu hao
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	03 – 10 năm
Phần mềm máy tính	03 - 05 năm
Khác	04 - 25 năm

(Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất năm 2023 được kiểm toán của BCG)

Trong 02 năm gần đây là cho đến thời điểm hiện tại Công ty không thay đổi phương pháp tính khấu hao.

c) Mức lương bình quân

Công ty áp dụng thang bảng lương tiền tiền tự xây dựng phù hợp với đặc thù sản xuất kinh doanh của Công ty, người lao động được nhận tiền lương, tiền thưởng, v.v. căn cứ vào hợp đồng lao động, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty và kết quả công việc cụ thể của từng người theo quy chế của Công ty.

Bảng 26. Mức lương bình quân của người lao động công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023	Quý I/2024
Mức lương bình quân	Triệu đồng/người/tháng	23,4	27,4	27,9

(Nguồn: BCG)

Theo số liệu thu thập được tại cổng thông tin điện tử Báo VnEconomy [1]: Số liệu về tình hình lao động việc làm quý 4 và năm 2023 vừa được Tổng cục Thống kê công bố mới đây cho thấy, năm 2023, thu nhập bình quân tháng của người lao động là 7,1 triệu đồng, tăng gần 7% so với năm 2022; thu nhập bình quân tháng tại TP. HCM là 9,4 triệu đồng, tăng 1,9% (tương ứng tăng 175.000 đồng).

Như vậy so với mức lương cơ bản theo quy định của doanh nghiệp hoạt động cùng ngành nghề trên địa bàn, mức lương bình quân của Công ty được đánh giá là khá.

Nguồn:

(1) https://vneconomy.vn/dia-phuong-nao-co-thu-nhap-binh-quan-lao-dong-tang-cao-nhat.htm

d) Tình hình công nợ

❖ **Tình hình công nợ của Công ty**

Bảng 27. Tình hình công nợ riêng và hợp nhất của Công ty

Đơn vị: đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
BCTC Công ty mẹ				
I	**Tổng nợ phải thu**	**622.106.135.291**	**704.968.893.851**	**699.539.526.875**
1	Phải thu ngắn hạn	80.884.307.918	110.142.066.478	84.012.699.502
2	Phải thu dài hạn	541.221.827.373	594.826.827.373	615.526.827.373
II	**Tổng nợ phải trả**	**4.708.376.389.169**	**4.391.915.814.958**	**4.368.115.449.767**
1	Nợ ngắn hạn	156.211.908.826	2.330.596.780.515	2.306.621.415.325
2	Nợ dài hạn	4.552.164.480.343	2.061.319.034.443	2.061.494.034.442
BCTC hợp nhất				
1	**Tổng nợ phải thu**	**24.497.184.042.618**	**22.070.449.662.994**	**22.015.301.305.602**

1	Phải thu ngắn hạn	13.461.025.497.288	13.941.466.941.737	14.213.151.776.279
2	Phải thu dài hạn	11.036.158.545.330	8.128.982.721.257	7.802.149.529.323
II	**Tổng nợ phải trả**	**30.017.466.099.075**	**24.541.590.941.015**	**24.918.774.873.661**
1	Nợ ngắn hạn	11.380.169.032.120	12.090.231.559.815	12.641.545.787.505
2	Nợ dài hạn	18.637.297.066.955	12.451.359.381.200	12.277.229.086.157

(Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC riêng và hợp nhất Quý 1 năm 2024 của BCG)

❖ **Tình hình các khoản phải thu**

Bảng 28. Tình hình phải thu theo BCTC riêng

Đơn vị: đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
I	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**80.884.307.918**	**110.142.066.478**	**84.012.699.502**
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	34.804.903.300	20.913.010.602	15.581.267.374
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.864.684.523	5.843.111.360	5.925.876.358
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	2.500.000.000	6.152.000.000	6.152.000.000
4	Phải thu ngắn hạn khác	37.714.720.095	77.233.944.516	56.353.555.770
II	**Các khoản phải thu dài hạn**	**541.221.827.373**	**594.826.827.373**	**615.526.827.373**
1	Phải thu về dài hạn khác	41.221.827.373	726.827.373	726.827.373
2	Phải thu về cho vay dài hạn	500.000.000.000	594.100.000.000	614.800.000.000
Tổng cộng		**622.106.135.291**	**704.968.893.851**	**699.539.526.875**

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý 1 năm 2024 của BCG)

Bảng 29. Tình hình phải thu theo BCTC Hợp nhất

Đơn vị: đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
I	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**13.461.025.497.288**	**13.941.466.941.737**	**14.213.151.776.279**
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	805.844.968.489	1.098.565.555.782	1.363.542.093.637
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	4.156.530.289.385	4.259.308.576.569	4.369.689.206.097
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	178.769.483.975	587.623.443.975	605.033.443.975
4	Phải thu ngắn hạn khác (******)	8.417.728.411.826	8.039.667.063.457	7.917.909.660.764
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-97.936.214.038	-43.788.575.674	-43.113.505.822
6	Tài sản thiếu chờ xử lý	88.557.651	90.877.628	90.877.628
II	**Các khoản phải thu dài hạn**	**11.036.158.545.330**	**8.128.982.721.257**	**7.802.149.529.323**
1	Trả trước cho người bán dài hạn	56.400.000.000	-	-
2	Phải thu về cho vay dài hạn	50.000.000.000	10.698.022.927	12.991.022.927
3	Phải thu dài hạn khác	10.929.758.545.330	8.118.284.698.330	7.789.158.506.396
	Tổng cộng	**24.497.184.042.618**	**22.070.449.662.994**	**22.015.301.305.602**

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC riêng và hợp nhất Quý 1 năm 2024 của BCG)

(******) Tổng giá trị phải thu ngắn hạn khác tại 31/03/2024 theo BCTC hợp nhất là 7.917.909.660.764 đồng, cụ thể đã được BCG thuyết minh tại mục V.6 của bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2024.

Trong đó có một số khoản phải thu về việc tạm ứng và phải thu ngắn hạn khác có giá trị lớn như sau:

Bảng 30. Các khoản phải thu khác có giá trị lớn tại 31/03/2024

Đối tượng	31/03/2024	
	Số dư	Nội dung
- Tạm ứng	149.952.736.834	Các khoản tạm ứng được hợp nhất lên từ các công ty con của BCG nhằm phục vụ cho mục đích hoạt động kinh doanh của tập đoàn.
- Ký cược, ký quỹ	262.702.999.749	Các khoản Ký cược, ký quỹ được hợp nhất lên từ các công ty con của BCG nhằm phục vụ cho mục đích hoạt động kinh doanh của tập đoàn.
- Phải thu lãi cho vay, lãi BCC	607.438.859.178	Các khoản tiền lãi phải thu cho vay và lãi hợp tác kinh doanh được hợp nhất lên từ các công ty con của BCG.
- Công ty Cổ phần Artemis Investment	818.033.000.000	Khoản phải thu khác được hợp nhất lên từ Công ty con là TRACODI, CTCP Đông Thành 1 và CTCP Đông Thành 2. Đây là khoản hợp tác đầu tư để làm dự án năng lượng, đầu tư trái phiếu, cổ phiếu.
- Công ty Cổ phần Phus Investment	90.000.000.000	Khoản phải thu khác được hợp nhất lên từ Công ty con là CTCP BCG Đông Thành 1. Đây là khoản hợp tác đầu tư để làm dự án năng lượng.
- CTCP HCM Lott 68	85.829.250.000	Khoản phải thu của Công ty con - TRACODI, đầu tư mua trái phiếu doanh nghiệp
- CTCP Điện gió BCG Khai Long 2	128.676.000.000	Khoản phải thu của Công ty con - CTCP Skylar, đầu tư hợp tác dự án điện gió
- CTCP Đầu tư Tân Thanh Diamond	290.600.000.000	Khoản phải thu khác được hợp nhất lên từ Công ty con là CTCP Thanh hóa. Đây là khoản hợp tác đầu tư để làm các dự án năng lượng.
- CTCP Thắng Phương	231.640.000.000	Khoản phải thu khác được hợp nhất lên từ Công ty con là CTCP ĐT PT Công nghiệp và Vận tải. Đây là khoản hợp tác đầu tư để đầu tư trái phiếu, cổ phiếu.
- CTCP Tập Đoàn VNGROUP	160.000.000.000	Khoản phải thu của CTCP BCG Land về việc thanh lý việc chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại Phường Cẩm Phô, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam.
- CTCP Điện Gió BCG Khai Long 1	2.380.135.455.067	Khoản phải thu khác được hợp nhất lên từ CTCP BCG Energy, thực hiện dự án điện gió
- CTCP Năng Lượng Dương Phong	1.003.700.000.000	Khoản phải thu khác được hợp nhất lên từ Công ty con là CTCP BCG Đông Thành 2, Công ty CP BCG Wind Sóc Trăng và CTCP Năng lượng BCG Thanh Hóa. Đây là khoản hợp tác đầu tư để làm dự án năng lượng.
- CTCP Đầu tư Dịch vụ Orchid	242.000.000.000	Khoản phải thu khác được hợp nhất lên từ Công ty con là CTCP ĐT PT Công nghiệp và Vận tải, CTCP Đông Thành 1. Đây là khoản hợp tác đầu tư để làm dự án năng lượng, đầu tư trái phiếu, cổ phiếu.
- CTCP Mega Solar	756.000.000.000	Khoản phải thu khác được hợp nhất lên từ Công ty con là CTCP Đông Thành 1, CTCP Đông Thành 2, CTCP BCG Wind Sóc Trăng và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành

Đối tượng	31/03/2024	
	Số dư	Nội dung
		Nguyên. Đây là khoản hợp tác đầu tư để làm dự án năng lượng.

(Nguồn: BCG)

Việc thực hiện chi tạm ứng (phải thu khác ngắn hạn) cho các đối tượng trên hay các cá nhân khác của Công ty/công ty trong hệ thống đều dùng cho mục đích triển khai dự án và tìm kiếm các dự án của BCG hoặc các công ty con. BCG luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về việc chi tạm ứng theo Luật kế toán cũng như tuân thủ các quy định liên quan đến lĩnh vực chứng khoán của công ty đại chúng quy mô lớn và được kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính.

❖ **Các khoản nợ phải thu quá hạn:**

Trên BCTC của Công ty mẹ không có các khoản phải thu quá hạn

Trên BCTC hợp nhất có các khoản phải thu quá hạn tại 31/03/2024, cụ thể:

Bảng 31. Các khoản phải thu quá hạn báo cáo hợp nhất tại 31/03/2024

STT	Chỉ tiêu	Giá gốc (Đồng)	Thời gian quá hạn	Giá trị đã trích lập dự phòng	Nguyên Nhân	Khả Năng Thu Hồi
1	Phải thu khách hàng	50.393.183.263	>2 năm	(37.046.731.151)	- Khách hàng phá sản, bỏ địa chỉ kinh doanh.	Khó thu hồi
					- Trích lập theo quy định của pháp luật	
4	Phải thu khác	5.252.119.762	>2 năm	-4.666.774.671	- Khách hàng phá sản, bỏ địa chỉ kinh doanh.	Khó thu hồi
					- Trích lập theo quy định của pháp luật	
5	Trả trước người bán	1.400.000.000	>3 năm	-1.400.000.000	- Khách hàng phá sản, bỏ địa chỉ kinh doanh.	Khó thu hồi
					- Trích lập theo quy định của pháp luật	
Tổng cộng:		**57.045.303.025**		**(43.113.505.822)**		

(Nguồn: BCG)

❖ **Tình hình công nợ phải trả**

Bảng 32. Tình hình phải trả theo BCTC riêng lẻ

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
I	**Nợ ngắn hạn**	**156.211.908.826**	**2.330.596.780.515**	**2.306.621.415.325**
1	Phải trả người bán ngắn hạn	52.201.237.994	19.229.406.817	16.751.848.874
2	Người mua trả tiền trước hạn	609.635.084	-	-
3	Thuế và các khoản khác phải nộp NN	294.834.903	377.473.419	739.104.413
4	Phải trả người lao động	1.923.322.226	2.391.121.426	2.512.083.077
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	32.309.682.851	34.592.945.115	17.137.021.009
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-	-
7	Phải trả ngắn hạn khác	16.856.401.449	2.232.720.193.960	2.232.246.167.800
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	52.016.794.319	41.285.639.778	37.235.190.152
II	**Nợ dài hạn**	**4.552.164.480.343**	**2.061.319.034.443**	**2.061.494.034.442**
1	Phải trả người bán dài hạn	-	-	-
3	Phải trả dài hạn khác	3.973.460.000.000	1.563.052.000.000	1.563.052.000.000
4	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	578.704.480.343	498.267.034.443	498.442.034.442
5	Trái phiếu chuyển đổi	-	-	-
	Tổng Nợ phải trả	**4.708.376.389.169**	**4.391.915.814.958**	**4.368.115.449.767**

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý 1 năm 2024 của BCG)

Bảng 33. Tình hình phải trả theo BCTC hợp nhất

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
I	**Nợ ngắn hạn**	**11.380.169.032.120**	**12.098.231.589.815**	**12.641.545.787.505**
1	Phải trả người bán ngắn hạn	1.981.773.747.641	1.823.813.876.939	2.276.001.412.590

TT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
2	Người mua trả tiền trước hạn	3.259.131.147.761	3.207.551.986.728	3.257.783.219.874
3	Thuế và các khoản khác phải nộp NN	265.277.761.505	251.395.640.294	211.493.817.260
4	Phải trả người lao động	32.150.747.905	29.183.778.159	26.410.576.197
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	542.831.418.466	489.905.768.696	574.045.192.395
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	10.127.380.682	11.588.951.901	12.543.706.357
7	Phải trả ngắn hạn khác	1.916.981.921.631	2.678.959.630.975	2.470.588.935.960
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	3.035.520.410.292	3.149.435.193.643	3.285.003.491.946
9	Dự phòng phải trả ngắn hạn	330.545.000.866	439.871.998.269	507.120.136.300
10	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.829.495.371	8.524.734.211	20.555.298.626
II	**Nợ dài hạn**	**18.637.297.066.955**	**12.451.359.381.200**	**12.277.229.086.157**
1	Phải trả người bán dài hạn	191.037.276.046	105.627.982.231	105.627.982.231
2	Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-	-
3	Chi phí phải trả dài hạn	18.454.994	13.640.642	12.437.054
4	Phải trả dài hạn khác	6.547.555.089.529	2.962.815.808.780	2.963.415.657.255
5	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	11.687.767.651.941	9.014.925.610.537	8.841.523.861.994
6	Trái phiếu chuyển đổi	-	-	-
7	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	209.194.188.469	365.692.903.941	364.407.140.053
8	Dự phòng phải trả dài hạn	1.724.405.975	2.283.435.069	2.242.007.569
Tổng Nợ phải trả		**30.017.466.099.075**	**24.541.590.941.015**	**24.918.774.873.661**

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 1 năm 2024 của BCG)

❖ **Tình hình thanh toán các khoản nợ:**

Năm 2022, năm 2023 và cho đến hiện tại, công ty mẹ BCG đều thanh toán đầy đủ lãi và gốc các khoản nợ.

Theo số liệu của các công ty con, trong năm 2023 CTCP BCG Energy đã chậm thanh toán lãi trái phiếu của 02 gói trái phiếu là EBCCH2124002 và EBCCH2124003, tuy nhiên cho đến thời điểm hiện tại CTCP BCG Energy đã hoàn tất nghĩa vụ thanh toán nợ lãi trái phiếu và đồng thời 02 gói trái phiếu này đã được tất toán trước hạn vào tháng 12/2023.

Đến hiện tại, các khoản nợ đều được BCG thanh toán và không gây thay đổi cơ cấu nhóm nợ của BCG tại tổ chức tín dụng. BCG không có các khoản nợ phải trả quá hạn.

BCG, công ty con của BCG không vi phạm bất kỳ các điều khoản trong các hợp đồng đã ký kết với khách hàng, đối tác nào trong quá trình hoạt động dẫn đến tranh chấp pháp lý về việc vi phạm hợp đồng.

e) Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện kê khai, nộp đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật.

Bảng 34. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty mẹ năm 2022

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	01/01/2022	Phải nộp trong năm 2022	Đã nộp trong năm 2022	31/12/2022
1	Thuế giá trị gia tăng	0	0	0	0
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	0	0	0
3	Thuế thu nhập cá nhân	34.025.186	13.544.349.233	13.283.539.516	294.834.903
4	Các loại thuế khác	9.946.601.250	10.800.000	9.957.401.250	0
Tổng cộng		**9.980.626.436**	**13.555.149.233**	**23.240.940.766**	**294.834.903**

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022 được kiểm toán của BCG)

Bảng 35. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty mẹ năm 2023

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	01/01/2023	Phải nộp trong kỳ	Đã nộp trong kỳ	31/12/2023
1	Thuế giá trị gia tăng	0	2.980.530.681	2.954.958.337	25.572.344
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	28.162.000	28.162.000	0

3	Thuế thu nhập cá nhân	294.834.903	3.759.987.905	3.702.921.733	351.901.075
4	Các loại thuế khác	0	4.000.000	4.000.000	0
Tổng cộng		**294.834.903**	**6.772.680.586**	**6.690.042.070**	**377.473.419**

(Nguồn: BCTC riêng năm 2023 được kiểm toán của BCG)

Bảng 36. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty mẹ Quý I/2024

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	01/01/2024	Phải nộp trong kỳ	Đã nộp trong kỳ	31/03/2024
1	Thuế giá trị gia tăng	25.572.344	38.556.564	25.572.344	38.556.564
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	0	0	0
3	Thuế thu nhập cá nhân	351.901.075	1.498.908.897	1.150.262.123	700.547.849
4	Các loại thuế khác	0	0	0	0
Tổng cộng		**377.473.419**	**1.537.465.461**	**1.175.834.467**	**739.104.413**

(Nguồn: BCTC riêng Quý I năm 2024 của BCG)

Bảng 37. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước Hợp nhất năm 2022

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	01/01/2022	Phải nộp trong năm 2022	Đã nộp trong năm 2022	31/12/2022
1	Thuế GTGT	15.471.337.762	119.240.891.774	91.844.445.974	42.867.783.562
2	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	0	21.667.756.871	21.667.756.871	0
3	Thuế nhập khẩu	0	0	0	0
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	232.998.672.899	210.291.485.971	242.238.924.950	201.051.233.920
5	Thuế thu nhập cá nhân	5.413.828.391	37.834.761.049	36.789.651.537	6.458.937.903
6	Thuế tài nguyên	7.508.999.462	53.330.984.904	49.719.239.191	11.120.745.175

STT	Chỉ tiêu	01/01/2022	Phải nộp trong năm 2022	Đã nộp trong năm 2022	31/12/2022
7	Thuế nhà đất, tiền thuê đất	0	1.032.713.800	1.032.713.800	0
8	Thuế khác	11.347.230.230	38.514.554.147	48.806.726.252	1.055.058.125
9	Phí lệ phí các khoản khác	18.864.126.888	15.578.024.499	31.718.148.567	2.724.002.820
Tổng cộng		291.604.195.632	497.491.173.015	523.817.607.142	265.277.761.505

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022 được kiểm toán của BCG)

Bảng 38. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước Hợp nhất năm 2023

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	01/01/2023	Phải nộp trong kỳ	Đã nộp trong kỳ	31/12/2023
1	Thuế GTGT	42.867.783.562	174.769.566.791	171.005.766.298	46.631.584.055
2	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	0	0	0	0
3	Thuế nhập khẩu	0	0	0	0
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	201.051.233.920	112.989.439.186	140.031.007.711	174.009.665.395
5	Thuế thu nhập cá nhân	6.458.937.903	21.610.462.742	21.343.090.665	6.726.309.980
6	Thuế tài nguyên	11.120.745.175	58.357.077.243	58.843.436.873	10.634.385.545
7	Thuế nhà đất, tiền thuê đất	0	1.092.350.063	1.075.260.501	17.089.562
8	Thuế khác	1.055.058.125	14.692.100.995	7.716.272.541	8.030.886.579
9	Phí lệ phí các khoản khác	2.724.002.820	16.778.368.346	14.156.651.988	5.345.719.178
Tổng cộng		265.277.761.505	400.289.365.366	414.171.486.577	251.395.640.294

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023 được kiểm toán của BCG)

Bảng 39. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước Hợp nhất Quý I/2024

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	01/01/2024	Phải nộp trong kỳ	Đã nộp trong kỳ	31/03/2024
1	Thuế GTGT	46.631.584.055	34.663.074.115	38.519.906.295	42.774.751.875
2	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	0	0	0	0
3	Thuế nhập khẩu	0	0	0	0
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	174.009.665.395	20.003.947.559	49.251.410.276	144.762.202.678
5	Thuế thu nhập cá nhân	6.726.309.980	6.551.266.727	8.011.013.126	5.266.563.581
6	Thuế tài nguyên	10.634.385.545	13.199.592.345	18.726.600.718	5.107.377.172
7	Thuế nhà đất, tiền thuê đất	17.089.562	1.012.703.980	17.089.604	1.012.703.938
8	Thuế khác	8.030.886.579	6.172.673.587	5.704.690.893	8.498.869.273
9	Phí lệ phí các khoản khác	5.345.719.178	2.739.885.035	4.014.255.470	4.071.348.743
Tổng cộng		**251.395.640.294**	**84.343.143.348**	**124.244.966.382**	**211.493.817.260**

(Nguồn: BCTC hợp nhất Quý I năm 2024 của BCG)

I) Trích lập các quỹ

Công ty thực hiện trích lập các quỹ dựa trên cơ sở lợi nhuận hàng năm và kế hoạch phát triển của Công ty theo đúng Điều lệ Công ty và luật định. Mức trích lập cụ thể cho từng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị.

Năm 2021, năm 2022 và năm 2023, Công ty mẹ không thực hiện trích lập các quỹ.

Theo số liệu BCTC hợp nhất, Công ty trích lập các quỹ như sau:

Bảng 40. Trích lập các quỹ Hợp nhất

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.829.495.371	3.524.734.211	20.555.298.626
2	Quỹ đầu tư phát triển	3.908.796.261	3.908.796.261	3.908.796.261
3	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	464.287.634	464.287.634	464.287.634
Tổng cộng		**10.202.579.266**	**12.897.818.106**	**24.928.382.521**

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2024 của BCG)

g) Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất:

Như đã chia sẻ ở trên, 4 nhận tố về chính sách, lạm phát, tính cạnh tranh của thị trường và các biến động chính trị sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới kế hoạch phát triển kinh doanh của Công ty, từ đó làm xấu đi tình hình tài chính. Vấn đề chính sách vẫn chưa được phê duyệt và có nhiều điểm bất lợi cho các doanh nghiệp, sẽ khiến cho tiến độ dự án bị chậm lại, từ đó gây lãng phí tài nguyên và làm suy giảm doanh thu, lợi nhuận. Bên cạnh đó, tình hình lạm phát tăng cao sẽ ảnh hưởng tới giá nguyên vật liệu, cộng với những biến động chính trị đang khiến cho chuỗi cung ứng bị đứt gãy, kết quả là, chi phí hoạt động của các dự án sẽ bị đẩy lên rất cao, từ đó là giảm biên lợi nhuận. Tình hình lạm phát tăng cao kéo dài còn khiến cho lãi suất dài hạn tăng, do vậy cơ hội để huy động các nguồn vốn giá rẻ trên thị trường quốc tế đang ngày càng bị hạn chế. Tính cạnh tranh của thị trường ngày càng khốc liệt với sự tham gia của các doanh nghiệp nước ngoài sẽ khiến cho thị phần của Công ty trên các lĩnh vực hoạt động chủ chốt ngày một thu nhỏ lại, từ đó làm suy giảm doanh thu và gia tăng áp lực cho bài toán chi phí.

2.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 41. Chỉ tiêu tài chính báo cáo riêng

Các chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
1. Khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn:		
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,71	0,06
- Hệ số thanh toán nhanh:		
(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,71	0,06
2. Cơ cấu vốn		
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,43	0,41
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,76	0,71
3. Năng lực hoạt động		
- Vòng quay tổng tài sản.		
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,01	0,01
- Vòng quay vốn lưu động:		
Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân	0,29	0,68
- Vòng quay hàng tồn kho:		
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	28,22	611,59
4. Khả năng sinh lời		

Các chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS):		
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	9,76	0,01
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA):		
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	0,05	0,0001
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE):		
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	0,09	0,0001
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	890	1,65

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022 và năm 2023 được kiểm toán của BCG)

Bảng 42. Chỉ tiêu tài chính báo cáo hợp nhất

Các chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
1. Khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn		
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,56	1,61
- Hệ số thanh toán nhanh:		
(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,32	1,30
2. Cơ cấu vốn		
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,68	0,58
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,17	1,40
3. Năng lực hoạt động		
- Vòng quay tổng tài sản:		
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,11	0,09
- Vòng quay vốn lưu động:		
Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân	0,27	0,22
- Vòng quay hàng tồn kho:		
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	1,13	0,86
4. Khả năng sinh lời		
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS)	0,08	0,01
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA):	0,01	0,001

Các chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE):	0,03	0,004
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân		
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	758	111

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022 và năm 2023 được kiểm toán của BCG)

- **Khả năng thanh toán**

Các chỉ số về khả năng thanh toán phản ánh mức độ an toàn tài chính, khả năng thanh toán nợ ngắn hạn và đảm bảo Công ty không rơi vào tình trạng kiệt quệ. Các hệ số về khả năng thanh toán năm 2021, năm 2022 được cải thiện đáng kể, cụ thể chỉ tiêu Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn đạt lần lượt là 1,59; 1,56 và 1,61 vào năm 2021, năm 2022 và năm 2023; Hệ số thanh toán nhanh đạt lần lượt 1,31 vào năm 2021; 1,32 vào năm 2022 và 1,30 vào năm 2023. Nhìn chung, Công ty có đủ khả năng bù đắp các nghĩa vụ nợ phát sinh trong ngắn hạn.

- **Cơ cấu vốn**

Hệ số nợ/Tổng tài sản giai đoạn 2021 – 2023 có xu hướng giảm, điều này là phù hợp trong điều kiện Công ty đã có doanh thu, lợi nhuận từ các khoản đầu tư, giảm nợ phải trả. Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu giảm từ 3,51 năm 2021 xuống 2,17 năm 2022 đối với BCTC hợp nhất và tiếp tục giảm xuống còn 1,4 vào năm 2023. Tương tự, Tỷ lệ nợ trên tổng tài sản đã giảm từ 0,78 vào năm 2021 xuống còn 0,68 vào năm 2022, và tiếp tục giảm còn 0,58 vào năm 2023, cho thấy mức nợ so với tổng tài sản của công ty đã giảm nhẹ. Nhìn chung tốc độ tăng trưởng nợ thấp hơn tốc độ tăng trưởng tài sản và vốn chủ sở hữu, đây là điều tích cực, cho thấy hoạt động điều hành của Công ty đang đi đúng hướng.

- **Năng lực hoạt động**

Theo báo cáo tài chính hợp nhất, các chỉ số về năng lực hoạt động của Công ty đều giảm: Vòng quay tổng tài sản, vòng quay vốn lưu động và vòng quay hàng tồn kho có xu hướng tăng từ năm 2021 qua năm 2022. Nhìn vào các tỷ lệ này trong hai năm, công ty đã cải thiện về mặt sử dụng tài sản. Tỷ lệ vòng quay tổng tài sản đã tăng từ 0,084 vào năm 2021 lên 0,11 vào năm 2022, cho thấy BCG đang tạo nhiều doanh thu hơn trên tài sản. Tương tự, tỷ lệ vòng quay vốn lưu động cũng tăng nhẹ từ 0,19 vào năm 2021 lên 0,27 vào năm 2022. Vòng quay hàng tồn kho cũng ghi nhận sự tăng trưởng đáng kể từ 0,64 vào năm 2021 lên 1,14 vào năm 2022. Những cải tiến này cho thấy BCG đang càng ngày càng hiệu quả hơn trong việc quản lý hoạt động và tạo ra doanh thu. Tuy nhiên đến năm 2023, các hệ số năng lực hoạt động của BCG đều giảm do tình hình kinh tế trong năm 2023 vẫn còn gặp nhiều khó khăn.

- **Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**

Năm 2022, mặc dù theo báo cáo tài chính Công ty mẹ đều ghi nhận các mức chỉ tiêu sinh lời tăng so với năm 2021. Tuy nhiên tính trên báo cáo tài chính hợp nhất, các chỉ tiêu sinh

lời đều có xu hướng điều chỉnh giảm. Nguyên nhân chính cho xu hướng giảm theo thời gian đến từ những biến động chung trên thị trường BĐS ảnh hưởng tới tiến độ bàn giao trong năm 2022 của một số một số dự án; ngoài ra biến động lãi suất tăng mạnh dẫn tới chi phí tài chính tăng ảnh hưởng đến lợi nhuận, đồng thời đóng góp lợi nhuận từ hoạt động M&A cũng bị ảnh hưởng. Sự khó khăn đó còn ảnh hưởng kéo dài đến năm 2023 khi các hệ số về khả năng sinh lời của BCG đều giảm, cụ thể: Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần giảm từ 0,08 xuống còn 0,01 lần; Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh giảm từ 0,01 xuống 0,001 lần; Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu giảm từ 0,03 xuống 0,004 lần.

- Ý kiến của kiểm toán độc lập: Không có

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

a. Báo cáo tài chính năm 2021

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam là đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2021 (bao gồm báo cáo riêng và hợp nhất) cho Công ty cổ phần Bamboo Capital. BCTC kiểm toán năm 2021 đã được ban hành theo BCTC riêng số 266/BCKT/TC/2022/AASCS ngày 28/03/2022 và BCTC hợp nhất số 268/BCKT/TC/2022/AASCS ngày 28/03/2022.

- **Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng**: "Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty cổ phần Bamboo Capital tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng tiền lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng."

- **Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất**: "Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Bamboo Capital và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cùng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất."

b. Báo cáo tài chính năm 2022

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam là đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2022 (bao gồm báo cáo riêng và hợp nhất) cho Công ty cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital. BCTC kiểm toán năm 2022 đã được ban hành theo BCTC riêng số 375/BCKT/TC/2023/AASCS ngày 31/03/2023 và BCTC hợp nhất số 376/BCKT/TC/2023/AASCS ngày 31/03/2023.

- **Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng**: "Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng tiền lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng

ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng."

- **Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất**: "Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất."

c. **Báo cáo tài chính năm 2023**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam là đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2023 (bao gồm báo cáo riêng và hợp nhất) cho Công ty cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital. BCTC kiểm toán năm 2023 đã được ban hành theo BCTC riêng số 392/BCKT/TC/2024/AASCS ngày 29/03/2024 và BCTC hợp nhất số 415/BCKT/TC/2024/AASCS ngày 29/03/2024.

- **Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng**: "Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng."
- **Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất**: "Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất."

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc, tại Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land - do đơn vị kiểm toán khác phát hành ngày 28 tháng 03 năm 2024 có đoạn vấn đề cần nhấn mạnh: "Liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh có tổng giá trị là 2.550 tỷ đồng với bu công ty đối tác để đầu tư vào dự án Kinh Dương Vương ("Dự án"). Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Cổ phần BCG Land, các đối tác hợp tác kinh doanh và chủ đầu tư Dự án đang làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để gia hạn chủ trương đầu tư và hoàn tất các thủ tục pháp lý để tiếp tục phát triển Dự án. Do đó, khả năng thu hồi các khoản đầu tư này tùy thuộc vào khả năng phát triển của Dự án trong tương lai". Nội dung này được trình bày ở Ghi chú (12) của Thuyết minh V.06 báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm và không làm ảnh hưởng đến kết luận của báo cáo này.

Chúng tôi cũng muốn lưu ý người đọc tại Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Energy - do đơn vị kiểm toán khác phát hành ngày 29 tháng 02 năm 2024 có đoạn vấn đề cần nhấn mạnh:

(i) Như trình bày tại Thuyết minh V.02 báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty con của Tập đoàn đã ghi nhận khoản phải thu khách hàng ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 54.407.098.920 đồng liên quan đến doanh thu của sản lượng điện bán cho Công ty Mua Bán Điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN") được sản xuất từ phần công suất 83,10 MWp của dự án Điện mặt trời Phù Mỹ 1 Giai đoạn 2 và 31,10 MWp của dự án Điện mặt trời Phù Mỹ 3 Giai đoạn 2 được ước tính theo đơn giá tạm quy định tại Quyết định số 21/QĐ-BTC ngày 07/01/2023. Đơn giá này được ước tính là hợp lý nhất dựa trên các thông tin hiện có của Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Công ty vẫn đang trong quá trình đàm phán và thống nhất với EVN về giá bán điện chính thức tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này.

(ii) Như trình bày tại Thuyết minh V.05. Ghi chú (i) và Ghi chú (15) của Thuyết minh V.06 của báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm liên quan đến khoản phải thu về cho vay ngắn hạn với Công ty Cổ phần E Power 1 trị giá 107.234.483.975 đồng và khoản phải thu từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") có giá trị vốn góp và lãi từ vốn góp lần lượt là 3.417.494.000.000 đồng và 256.396 933.083 đồng giữa Công ty và các đối tác để thực hiện đầu tư phát triển các dự án điện gió, điện mặt trời. Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty, các đối tác BCC và chủ đầu tư các dự án điện gió, điện mặt trời đang làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm hoàn tất các thủ tục pháp lý để tiếp tục phát triển các dự án điện gió, điện mặt trời nêu trên. Do đó, khả năng thu hồi khoản phải thu về cho vay ngắn hạn và các khoản BCC bao gồm vốn góp và lãi này tùy thuộc vào tính khả thi và khả năng phát triển của các dự án điện gió, điện mặt trời trong tương lai.

(iii) Như trình bày tại Ghi chú của Thuyết minh V.10 của báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, ngày 25/12/2023 Thanh tra Chính phủ đã ban hành Thông báo số 3116/TB-TTCP kết luận thanh tra về việc chấp hành chính sách, pháp luật trong quản lý, thực hiện quy hoạch và đầu tư xây dựng các công trình điện theo Quy hoạch điện VII và Quy hoạch điện VII điều chỉnh kèm theo phụ lục số 01 về thông báo kết luận thanh tra tại Tỉnh Long An, trong đó có đề cập đến các dự án điện mặt trời của hai Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Bình Dương và Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bình Dương. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

(iv) Chúng tôi lưu ý đến mục VIII.7 của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, trong đó có đề cập đến việc số liệu so sánh (số liệu năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022) của một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital quyết định điều chỉnh do ảnh hưởng việc thay đổi chính sách kế toán về phân bổ chi phí kinh doanh bảo hiểm trực tiếp tại Công ty con - Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA. Ý kiến của chúng tôi không bị thay đổi do ảnh hưởng của các vấn đề nhấn mạnh này.

Đánh giá ảnh hưởng của các nội dung nhấn mạnh và hồi tố số liệu đầu kỳ tại báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính (BCTC) hợp nhất năm 2023 của Công ty:

Công ty đánh giá là không có ảnh hưởng của các nội dung nhấn mạnh tại báo cáo kiểm toán BCTC hợp nhất năm 2023 của Công ty đến các chỉ tiêu của vốn chủ sở hữu tại BCTC hợp nhất 2023 đã kiểm toán của Công ty. Ý kiến nhấn mạnh là để lưu ý đến người đọc các thuyết minh liên quan trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thuyết minh nhằm giúp người đọc hiểu rõ hơn các nội dung về chính sách, pháp lý đặc thù của ngành năng lượng tái tạo vốn còn đang được hoàn thiện và chờ ban hành tại thời điểm lập BCTC năm 2023 và Công ty xin làm rõ các nội dung nhấn mạnh như sau.

- *Về ý kiến ghi nhận khoản phải thu khách hàng và doanh thu của sản lượng điện được ước tính theo đơn giá dựa trên các thông tin hiện có của Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.*

Theo đánh giá của Công ty thì đây là ước tính kế toán tốt nhất để thể hiện đơn giá điện ghi nhận của Công ty tại ngày lập BCTC năm 2023.

Theo quyết định số 21/QĐ-BCT ("Quyết định 21") ngày 07/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về ban hành khung giá phát điện cho nhà máy điện mặt trời và điện gió chuyển tiếp, mức giá trần cho các dự án điện mặt trời mặt đất chuyển tiếp là 1.184,90 đồng/kWh. Trên cơ sở rà soát hồ sơ pháp lý, thực tế triển khai, phần công suất 83,10 MWp của dự án Điện mặt trời Phù Mỹ 1 Giai đoạn 2 và 31,10 MWp của dự án Điện mặt trời Phù Mỹ 3 Giai đoạn 2 ("phần công suất chuyển tiếp của dự án Phù Mỹ") đã được xác định là đối tượng chuyển tiếp theo quy định. Tuy nhiên, do các hướng dẫn có liên quan về phương pháp xác định giá bán điện cho loại hình năng lượng tái tạo chưa đầy đủ, nên phần công suất chuyển tiếp của dự án Phù Mỹ được chủ đầu tư và EVN thống nhất giá tạm (bằng 50% mức giá trần theo Quyết định 21). Sau khi ký phụ lục bổ sung Hợp đồng mua bán điện, hoàn thiện các quy trình thử nghiệm, phần công suất chuyển tiếp của dự án Phù Mỹ đã được công nhận Ngày vận hành thương mại (COD) vào 31/05/2023.

Theo chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà tại Thông báo số 182/TB-VPCP ngày 17/5/2023 và Văn bản số 3184/BCT-ĐTĐL ngày 24/5/2023 của Bộ Công Thương, giá điện tạm sẽ được áp dụng cho đến khi đàm phán, thống nhất giá chính thức, dự án sẽ được thanh quyết toán theo giá chính thức kể từ ngày COD.

Sau khi COD, Công ty đã thúc đẩy công tác đàm phán giá bán điện chính thức và đến thời điểm lập BCTC, quá trình triển khai đã có một số bước tiến nhất định: thống nhất về nguyên tắc triển khai, phương pháp áp dụng và đã rà soát các thông số đầu vào phục vụ tính toán. Với các kết quả khả quan, Công ty tin tưởng rằng việc đàm phán giá điện sẽ thống nhất với EVN với mức giá điện tương đương với mức giá trần ban hành tại Quyết định 21 và dự kiến hoàn tất trong Q2/2024. Theo đó, Công ty tin tưởng rằng phần chênh lệch (nếu có) giữa giá điện thực tế đàm phán thành công và giá điện ước tính là không đáng kể và không trọng yếu đến các chỉ tiêu liên quan trình bày tại BCTC hợp nhất 2023. Công ty sẽ hạch toán phần doanh thu chênh lệch nói trên (nếu có) sau khi vào năm tài chính 2024 theo quy định kế toán hiện hành.

Trên cơ sở đó, Công ty có ghi nhận một khoản dự thu 54,4 tỷ đồng tương đương với 50% mức giá trần theo Quyết định 21 cho phần công suất chuyển tiếp của dự án Phù Mỹ từ ngày vận hành thương mại cho tới 31/12/2023.

- *Về ý kiến khả năng thu hồi khoản phải thu về cho vay ngắn hạn và các khoản BCC bao gồm vốn góp và lãi này tùy thuộc vào tính khả thi và khả năng phát triển của các Dự án điện gió, điện mặt trời trong tương lai.*

Liên quan đến việc ghi nhận các khoản phải thu bao gồm gốc và lãi Công ty đã tuân thủ quy định và hạch toán đảm bao quy định của pháp luật kế toán.

Liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn và các khoản BCC bao gồm vốn góp và lãi để thực hiện đầu tư phát triển các dự án điện gió, điện mặt trời Công ty đánh giá rủi ro là thấp, không đáng kể và không trọng yếu đến các chỉ tiêu liên quan trình bày tại BCTC hợp nhất 2023. Đồng thời, Công ty tin rằng với định hướng rõ ràng và tầm nhìn của Chính phủ hướng tới mục tiêu Net Zero vào năm 2050, cùng như những cam kết của Thủ tướng Chính phủ tại COP 28 thì Các chính sách phát triển, chính sách giá cũng như các khung pháp lý liên quan đến các dự án năng lượng tái tạo nói chung và các dự án điện gió, điện mặt trời nói riêng sẽ sớm được ban hành tạo tiền đề để nguồn lực tài chính Công ty đầu tư vào các dự án này sẽ sớm phát huy hiệu quả, và đem lại lợi nhuận xứng đáng. Cụ thể:

✓ **Ngày 29 tháng 3 năm 2024, Văn phòng Chính phủ đã ban hành thông báo số 123/TB-VPCP về Kết luận của Thường trực Chính phủ về Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, Thường trực Chính phủ đã thống nhất chủ trương việc ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII theo đề nghị của Bộ Công Thương tại Tờ trình số 1345/TTr-BCT ngày 1 tháng 3 năm 2024 và Báo cáo số 55/BC-BCT ngày 25 tháng 3 năm 2024.**

✓ **Ngày 01 tháng 04 năm 2024 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 262/QĐ-TTg về Kế hoạch Thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, một số dự án mà BCG Energy hợp tác theo BCC đã được phê duyệt trong danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 262/QĐ-TTg, bao gồm 7 dự án: Dự án Nhà máy Điện gió Khu du lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn 1, Dự án nhà máy điện gió Khai Long giai đoạn 2, Dự án nhà máy điện gió Khai Long giai đoạn 3, Dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 1, Dự án Nhà máy điện gió Đông Thành 1, Dự án Nhà máy điện gió Đông Thành 2, Dự án Nhà máy điện gió BCG Sóc Trăng 1. Các dự án còn lại BCG Energy đang hợp tác theo các BCC đang tiếp tục hoàn thiện hồ sơ pháp lý theo yêu cầu của địa phương để gửi Bộ Công Thương thẩm định, trình Chính phủ phê duyệt tại Kế hoạch thực hiện tiếp theo. Hiện Bộ Công Thương đã có hướng dẫn các địa phương thực hiện tại Văn bản số 2152/BCT-ĐL ngày 02/4/2024 về việc phối hợp cung cấp số liệu bổ sung để hoàn thiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII.**

✓ **Bên cạnh đó, theo Quyết định số 262/QĐ-TTg, Chính phủ yêu cầu Bộ Công Thương xây dựng, hoàn thiện các thủ tục để trình cấp có thẩm quyền xem xét và ban hành các cơ chế, chính sách mua bán điện trực tiếp, các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển điện mặt trời áp mái, điện khí, điện gió, điện sinh khối, điện sản xuất từ rác thải . . Đồng thời xác định các giải pháp thu hút đầu tư phát triển điện lực theo Quy hoạch điện VIII trong thời kỳ quy hoạch; xây dựng cơ chế phối hợp giữa các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong việc triển khai thực hiện hiệu quả Quy hoạch điện VIII.**

Việc Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII được ban hành sẽ giúp Công ty có căn cứ triển khai các dự án tiềm năng trong danh mục đầu tư của Công ty.

Vì vậy về mặt pháp lý, Công ty đánh giá rủi ro ảnh hưởng đến khả năng thu hồi khoản phải thu về cho vay ngắn hạn và các khoản phải thu từ hợp đồng BCC là thấp.

- *Về ý kiến Thông báo số 3116/TB-TTCP kết luận thanh tra đề cập đến các dự án điện mặt trời của hai Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương và Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương thuộc Công ty.*

Kết luận Thanh tra Chính phủ tại Thông báo số 3116/TB-TTCP ngày 25/12/2023:

Thông báo số 3116/TB-TTCP kết luận thanh tra đề cập đến các dự án điện mặt trời của hai Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương và Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương, cụ thể như sau:

Về quản lý, sử dụng đất để Đầu tư xây dựng các nhà máy điện mặt trời

- Việc đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất:

+ Mặc dù, Thủ tướng Chính phủ chưa chấp thuận chủ trương cho UBND tỉnh Long An chuyển đổi mục đích sử dụng đất, rừng sản xuất đối với 124,84 ha sang mục đích đất công trình năng lượng, nhưng Tổng cục Lâm Nghiệp đã hướng dẫn Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An tổ chức đấu giá cho thuê quyền sử dụng 124,84 ha đất có nguồn gốc đất, rừng sản xuất vào mục đích đất công trình năng lượng (Thông báo số 1638/TB-TCLN-KL ngày 18/10/2019) là vi phạm các quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Thông tư số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP và khoản 2 Điều 117 Luật Đất Đai 2013. Việc UBND tỉnh Long An tổ chức đấu giá cho thuê quyền sử dụng 124,84 ha đất có nguồn gốc đất, rừng sản xuất vào mục đích đất công trình năng lượng là vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 14 và khoản 2 Điều 20 Luật Lâm nghiệp năm 2017. *Trách nhiệm thuộc về Tổng cục Lâm Nghiệp, UBND tỉnh Long An.*

+ Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An đã tổ chức bàn giao trên thực địa 124,8 ha đất cho Công ty cổ phần năng lượng Hanwha – BCG Băng Dương, bàn giao 50 ha đất cho Công ty cổ phần năng lượng BCG – Băng Dương trước khi được UBND tỉnh Long An cho thuê đất là không đúng quy định tại khoản 5 Điều 68 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai 2013. *Trách nhiệm thuộc về Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng huyện Thạnh Hóa*

- Việc cho thuê đất quá hạn mức:

+ Trong việc phê duyệt Thiết kế kỹ thuật, Bộ Công Thương đã phê duyệt diện tích sử dụng đất đối với một số dự án tăng sai so với định mức quy định tại khoản 4 điều 10 Thông tư số 16/2017/TT-BCT ngày 12/9/2017 của Bộ Công Thương với tổng diện tích 14,56 ha, gồm: Nhà máy điện mặt trời TTC – Đức Huệ 1 tăng sai 9,76 ha (Văn bản số 2219/ĐL-NLTT Ngày 02/12/2018); Nhà máy điện mặt trời BCG – Băng Dương tăng sai 0,6 ha (Văn bản số 239/ĐL-NLTT ngày 18/02/2019); Nhà máy điện mặt trời GAIA tăng sai 4,2 ha (Văn bản số 868/DL-NLTT ngày 28/05/2019). Trách nhiệm thuộc về Bộ Công Thương.

+ Trong việc cho thuê đất, UDND tỉnh Long An đã cho các chủ đầu tư thuê đất để đầu tư xây dựng các nhà máy điện mặt trời vượt hạn mức quy định với tổng diện tích 11,05 ha, gồm: cho Công ty cổ phần điện TTC – Đức Huệ Long An thuê vượt 9,76 ha, cho Công ty cổ phần Năng lượng BCG – Băng Dương thuê vượt 1,29 ha, vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 10 Thông tư số 16/2017/TT-BCT ngày 12/09/2017 của Bộ Công Thương. Trách nhiệm thuộc về UBND tỉnh Long An, các sở ngành có liên quan.

- Việc khởi công dự án khi chưa được thuê đất:

Các doanh nghiệp, gồm: Công ty cổ phần năng lượng Hanwha – BCG Băng Dương – Nhà máy điện mặt trời GAIA khởi công xây dựng trên diện tích 124,8 ha đất rừng sản xuất; Công

ty TNHH Hoàn Cầu Long An - Nhà máy điện mặt trời Solar Park 01 khởi công xây dựng trên diện tích 52,53 ha đất rừng sản xuất; Công ty Cổ phần VIETNAMSOLAR - Nhà máy điện mặt trời Solar Park 02 khởi công xây dựng trên diện tích 50,3 ha đất; Công ty cổ phần Long An Solar Park - Nhà máy điện mặt trời Solar Park 03 khởi công xây dựng trên diện tích 48,3 ha đất; Công ty cổ phần Solar Energy LA - Nhà máy điện mặt trời Solar Park 04 khởi công xây dựng trên diện tích 49,5 ha; Công ty cổ phần điện mặt trời Europlast Long An - Nhà máy điện mặt trời Europlast Long An khởi công xây dựng trên diện tích 58,66 ha, việc các chủ đầu tư khởi công xây dựng dự án khi chưa được UBND tỉnh Long An cho thuê đất là vi phạm một trong những hành vi bị nghiêm cấm quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Đất đai năm 2013. *Trách nhiệm thuộc về UBND tỉnh Long An, các sở ngành có liên quan và các chủ đầu tư dự án*

Những khuyết điểm, vi phạm trong việc quản lý, sử dụng đất đai để thực hiện đầu tư xây dựng các dự án năng lượng nêu trên, trách nhiệm quản lý thuộc về UBND tỉnh Long An; UBND huyện Đức Huệ UBND các xã: Bình Hòa Nam, Mỹ Thạnh Bắc; UBND huyện Thạnh Hóa, UBND xã Thạnh An theo quy định tại Điều 208 Luật Đất đai năm 2013.

- Về việc kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư trước khi đưa công trình vào sử dụng và công nhận ngày vận hành thương mại (COD):

Đối với Nhà máy điện mặt trời GAIA do Công ty cổ phần Năng lượng Hanwha – BCG Băng Dương là chủ đầu tư, đến ngày vận hành thương mại (17/09/2020) và đến thời điểm thanh tra (tháng 6/2022) vẫn chưa có Biên bản chấp thuận nghiệm thu phòng cháy chữa cháy, vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều 31 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

Công ty đã thực hiện đầy đủ các trình tự và thủ tục cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý cho chủ đầu tư khi thực hiện hai dự án đề cập trên. Ngoài ra, Công ty cũng đã thực hiện tất cả những khắc phục cần thiết thuộc trách nhiệm của chủ đầu tư như làm công văn đề nghị hoàn trả phần diện tích đất vượt quy định, hoàn thiện công tác nghiệm thu dự án,... . Như vậy trên khía cạnh trách nhiệm và các nghĩa vụ pháp lý đã được doanh nghiệp/chủ đầu tư các dự án cơ bản hoàn thành theo quy định, hiện Công ty cũng đang nỗ lực thúc đẩy các cơ quan quản lý sớm thực hiện xử lý các vấn đề theo thẩm quyền.

- *Về ý kiến khả năng thu hồi khoản hợp tác kinh doanh để đầu tư vào dự án Kinh Dương Vương tùy thuộc vào khả năng phát triển dự án trong tương lai.*

Công ty hiện đang thực hiện các thủ tục pháp lý đầu tư cho dự án, Công ty đánh giá rủi ro về khả không thể thu hồi khoản hợp tác này là thấp.

- *Về ý kiến điều chỉnh do ảnh hưởng việc thay đổi chính sách kế toán và phân bổ chi phí kinh doanh bảo hiểm trực tiếp tại công ty con – Tổng công ty CP Bảo Hiểm AAA.*

Phần này đã được thuyết minh rõ tại mục VIII.7 của thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất và mục VIII.3 của thuyết minh báo cáo tài chính riêng, do Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA, một công con của Công ty, thay đổi chính sách kế toán trong việc phân bổ chi phí kinh doanh bảo hiểm trực tiếp để thực hiện nguyên tắc doanh thu phù hợp với chi . Theo chuẩn mực kế toán hiện hành, việc thay đổi chính sách kế toán này dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố số liệu kế toán đầu kỳ.

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

a. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

Kế hoạch chỉ tiêu hoạt động năm 2024 dự kiến hợp nhất như sau:

Bảng 43. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2022 (*******)	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	% tăng/giảm
Doanh thu thuần hoạt động SXKD	4.531,19	4.012,16	6.102,47	52.1%
Lợi nhuận sau thuế	566,8	171,08	951,68	456,3%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	12,51%	4,26%	15,60%	265,7%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	5,12%	0,27%	4,88%	1687,0%
Tỷ lệ cổ tức	0	0	0	/

(Nguồn: BCG)

Ghi chú:

- Giả định vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2024 được tính dựa trên vốn chủ sở hữu tại 31/12/2023 cộng thêm thay đổi về số lượng cổ phiếu phát hành thêm đạt thành công 100%, lợi nhuận dự kiến đạt 100% và các yếu tố khác giữ nguyên.

- Tổng Giám đốc căn cứ tình hình thực tế xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh trình HĐQT thông qua, và HĐQT sẽ trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua kế hoạch kinh doanh nêu trên.

- (*******) Số thực hiện năm 2022 được trình bày lại theo số liệu đã điều chỉnh hồi tố so với Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán phát hành ngày 31/03/2023

Trong đó:

Bảng 44. Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Lĩnh vực hoạt động	Doanh thu dự kiến	Lợi nhuận dự kiến
Sản xuất và nông nghiệp	515.040	8.917
Xây dựng và thương mại	1.121.369	139.124
Bất động sản	2.130.696	299.296
Năng lượng	1.519.998	493.498

Lĩnh vực hoạt động	Doanh thu dự kiến	Lợi nhuận dự kiến
Khác	0	0
Bảo hiểm	814.862	10.845
Tổng	**6.102.465**	**951.681**

(Nguồn: BCG)

b. Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

❖ **Mảng năng lượng (hoạt động tại công ty thành viên BCG Energy):** Đẩy mạnh phát triển mảng năng lượng để tăng tổng tài sản Tập đoàn đồng thời tạo doanh thu ổn định, quy mô lớn

Bảng 45. Dự án năng lượng đang triển khai

Dự án	Loại hình	Tổng mức đầu tư (triệu USD)	Diện tích	Fit (Cent/kWh)	Thực trạng
Phù Mỹ GĐ2 – 114 MW	Điện mặt trời	268,2	360ha	7,09	Đang triển khai
Krong pa 2 – 49 MW	Điện mặt trời	48,9	70ha	7,09	Đang triển khai
Redsun – 50MW	Điện mặt trời	36,3	60ha	7,09	Đang đề xuất trong QH điện 8
Sunflower – 50MW	Điện mặt trời	37	60ha	Mặt đất 7,09 Mặt nước 7,69	Đang đề xuất trong QH điện 8
VNT – 200MW	Điện gió ngoài trời	159,4	168,7ha	7,09	Đang đề xuất trong QH điện 8
Dong Thanh – 200MW	Điện gió ngoài khơi	349,3	2.968ha	9,8	Đang triển khai
Khai Long – 300MW	Điện gió ngoài khơi	642,7	7.235ha	9,8	Đang triển khai
Sóc Trăng	Điện gió ngoài bờ	81	766ha	8,5	Đang triển khai

(Nguồn: BCG)

❖ Mảng năng lượng tái tạo:

Mảng này vẫn là mảng kinh doanh mũi nhọn của Tập đoàn. So với năm 2023, hoạt động bán điện của BCGE dự kiến sẽ có nhiều thuận lợi hơn. Hiện tượng El Nino sẽ kích thích nhu cầu sử dụng điện và các nguồn năng lượng truyền thống gặp khó khăn trong việc duy trì sản lượng, do đó năng lượng tái tạo sẽ được yêu cầu huy động tối đa và được tạo điều kiện ưu tiên phát triển trong thời gian tới. Với danh mục gần 600 MWp điện mặt trời đã đi vào hoạt động, đây là lợi thế rất lớn của BCGE. Đối với các dự án điện mặt trời, sản lượng phát điện của Công ty sẽ được tăng cường khi Dự án Nhà máy Điện mặt trời Krôngpa2 (Giai đoạn 1) với công suất 21 MWp đi vào vận hành thương mại trong năm 2024 theo giá bán điện dành cho các dự án chuyển tiếp, nghiệm thu và dự kiến đưa vào vận hành thương mại thêm 106

MWp điện mặt trời áp mái (bao gồm 10 MWp đang xây dựng và 96 MWp nằm trong kế hoạch phát triển). Công ty cũng đang trong quá trình nghiên cứu một số dự án có triển vọng tốt đồng thời làm việc với một số đối tác tiềm năng để thực hiện việc M&A nhằm mở rộng quy mô của Công ty trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, đốt rác phát điện, qua đó nâng cao được doanh thu và lợi nhuận của Công ty trong năm 2024 và các năm sau. Công ty sẽ tiếp tục chú trọng vào công tác quản lý chi phí một cách hợp lý để góp phần cải thiện lợi nhuận. Đa dạng hóa nguồn vốn huy động và sử dụng đòn bẩy tài chính một cách hiệu quả tạo nên dòng tiền hoạt động ổn định cho Công ty. Trong năm 2024, BCG Energy đã xây dựng mục tiêu đạt 1.519,998 tỷ đồng về doanh thu và 493,498 tỷ đồng về lợi nhuận sau thuế.

- Mảng bất động sản (hoạt động tại công ty thành viên BCG Land):

Tìm kiếm mở rộng cơ hội quỹ đất và đưa BCG Land lọt vào top 5 doanh nghiệp phát triển bất động sản hàng đầu tại Việt Nam.

Kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Công ty được xây dựng trên cơ sở các giả định mang tính chắc chắn cao và thận trọng dựa trên tình trạng hoạt động kinh doanh hiện tại của Công ty, sự ảnh hưởng của các yếu tố vĩ mô về kinh tế, chính trị, xã hội và bám sát định hướng chiến lược của Công ty trong trung và dài hạn. Để có thể đạt được mục tiêu theo kế hoạch, Công ty đã đề ra lộ trình và phương án triển khai các nhiệm vụ trong năm như sau:

Sau thời gian trì hoãn tiến độ bàn giao do ảnh hưởng bởi dịch thì trong năm 2024, BCG Land có kế hoạch tiến hành bàn giao và đưa vào vận hành thêm 263 căn condotel, 30 căn villa của Dự án Malibu Hội An; bàn giao và ghi nhận doanh thu khoảng 103 sản phẩm tại phân khu shophouse của Dự án Hoian d'Or. Tổng doanh thu dự kiến từ các Dự án ghi nhận trong năm 2024 là 2.130,696 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế là 299,296 tỷ đồng, bên cạnh đó Công ty cũng tiếp tục duy trì mảng doanh thu ổn định từ cung cấp dịch vụ. Công ty sẽ tiếp tục chú trọng vào công tác quản lý chi phí một cách hợp lý để góp phần cải thiện lợi nhuận. Đa dạng hóa nguồn vốn huy động và sử dụng đòn bẩy tài chính một cách hiệu quả tạo nên dòng tiền hoạt động ổn định cho Công ty.

Ngoài việc bàn giao các Dự án đã hoàn thiện đem lại nguồn doanh thu chính cho Công ty trong năm 2024, Công ty cũng tiếp tục thực hiện xây dựng các Dự án đã được khởi công đảm bảo đúng tiến độ đề ra như Dự án King Crown Infinity, các giai đoạn tiếp theo của dự án Hoian d'Or, dự án King Crown Village giai đoạn 2,... đồng thời tích cực thực hiện thủ tục pháp lý cho các Dự án mới trong quỹ đất của Công ty để sớm giới thiệu ra thị trường. Bên cạnh đó, BCG Land sẽ tận dụng tốt những lợi thế trên sàn UpCom để có thể thúc đẩy các hoạt động huy động vốn nhằm tạo ra nguồn lực phát triển cho công ty, đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án trọng điểm, đồng thời mở rộng quỹ đất theo đúng định hướng của Chính phủ.

Với sự chuẩn bị kỹ lưỡng cho kế hoạch kinh doanh trong năm 2024, BCG Land đánh giá việc đạt được kế hoạch doanh thu lợi nhuận đã đề ra là có cơ sở và khả thi để thực hiện.

- Mảng xây dựng và đầu tư cơ sở hạ tầng (hoạt động tại công ty thành viên TRACODI):

Tăng cường công tác tái cấu trúc, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong hoạt động quản lý và dự án để trở thành một tổng thầu hàng đầu tại Việt Nam

Năm 2024 sẽ tiếp tục là phòng thủ chủ động của TRACODI để giảm thiểu những tác động của nền kinh tế vĩ mô, ổn định cơ cấu tập đoàn, đồng thời tìm kiếm cơ hội phát triển đột phá để dần khẳng định vị thế dẫn đầu trong lĩnh vực xây dựng tại thị trường Việt Nam. Định hướng kinh doanh trong năm 2024 của TRACODI như sau: TRACODI phát triển nâng cấp thành Tập đoàn TRACODI sẽ tập trung vào 03 lĩnh vực chính: (1) xây dựng công nghiệp, hạ tầng và dân dụng để đảm bảo những chỉ tiêu kinh doanh đã đề ra, (2) trong khi đó hoạt động khai thác đá cũng sẽ được đẩy mạnh và trở thành nguồn thu ổn định, (3) Đầu tư tài chính. Ngoài việc TRACODI tiếp tục triển khai theo tiến độ thi công và nghiệm thu theo giai đoạn đối với các dự án trong hệ sinh thái của BCG như dự án Malibu Hội An (Quảng Nam); dự án Amor Riverside Bình Chánh (TP. HCM); dự án King Crown Infinity (Thủ Đức); dự án D'or (Cồn Bắp – Hội An); King Crown Village Giai đoạn 2 và các dự án năng lượng mặt trời áp mái. TRACODI còn ghi nhận doanh thu từ các dự án hạ tầng, dân cư mà công ty tham gia như dự án dự án sân bay Phan Thiết, đự án cao tốc Sóc Trăng, dự án khu dân cư Bắc Giang,...

Hoạt động kinh doanh tại các công ty con của TRACODI trong năm 2024 cũng được định hướng như sau:

Khai thác đá và các khoáng sản, nguyên vật liệu khác: tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu của mình tại vùng Đồng bằng Sông Cửu Long và bắt đầu khai thác mỏ đá Suối Kiết mà công ty đã hoàn tất mua lại trong năm 2023. Bên cạnh đó, TRACODI cũng sẽ tận dụng các cơ hội chính sách để tham gia vào những dự án cơ sở hạ tầng có quy mô lớn, từ đó tạo bước nhảy vọt về doanh thu. Ngoài ra, TRACODI cũng sẽ tiếp tục nâng cao hiệu suất khai thác thông qua việc ứng dụng công nghệ và tìm hiểu, nghiên cứu về việc thâu tóm, mua lại các mỏ nguyên vật liệu khác như xi măng, gạch, cát và vật liệu mịn khác.

CTCP TCD Plus: Là công ty mới hoạt động chủ yếu là quản lý thu phí BOT, đồng thời triển khai thi công các dự án hạ tầng giao thông mà TRACODI đang hướng đến.

Kế hoạch kinh doanh TRACODI năm 2024 với doanh thu dự kiến là 1.121,869 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 139,124 tỷ đồng.

- Mảng sản xuất và thương mại

Trong năm 2024, CTCP Phát triển Nguyễn Hoàng ("NHG") sẽ thúc đẩy các hoạt động kinh doanh theo hai hướng song song, vừa tập trung vào những mặt hàng chủ lực như đồ gỗ nội, ngoại thất, tinh bột sắn biến tính nhằm tạo nguồn doanh thu ổn định, vừa tìm kiếm những đối tác chiến lược và những công nghệ tiềm năng để mở rộng thị trường.

Về việc phát triển các kênh phân phối, ngoài những kênh phân phối truyền thống, NHG sẽ tiếp tục đầu tư và hoàn thiện kênh thương mại điện tử để đưa kênh này trở thành một trong những kênh chủ lực tiếp cận tới những khách hàng và thị trường tiềm năng trong thời gian tới. Ngoài ra, trong năm 2024, NHG vẫn xác định thị trường Châu Âu và Hoa Kỳ là hai thị

trường chính, đồng thời xem xét để tìm kiếm cơ hội mở rộng sang các thị trường khác như Hồng Kông, Nhật Bản, Hàn Quốc để giảm thiểu rủi ro trong tính mùa vụ của sản phẩm.

Về chiến lược phát triển sản phẩm, NHG sẽ vẫn tập trung phát triển các dòng sản phẩm chủ lực là đồ gỗ nội ngoại thất và tinh bột sắn biến tính, đồng thời xem xét việc đa dạng hóa sản phẩm, ưu tiên sản phẩm có tính công nghệ, lợi thế cạnh tranh rõ ràng, phù hợp với nhu cầu của thị trường.

Ngoài ra, NHG cũng sẽ tiếp tục xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn và tay nghề cho đội ngũ cán bộ công nhân viên, chung tay đóng góp vào sự phát triển bền vững trong lĩnh vực sản xuất và nông nghiệp.

Kế hoạch kinh doanh NHG năm 2024 doanh thu dự kiến là 515,04 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế dự kiến 8,917 tỷ đồng.

- ❖ Hoàn thiện hệ sinh thái tài chính và khẳng định vị thế trên thị trường.

Năm 2024 sẽ là một năm chứng kiến sự vươn mình của mảng dịch vụ tài chính, với việc tiếp tục củng cố hệ sinh thái tài chính cũng như hoàn thiện các hoạt động tái cấu trúc cho các thành viên trong hệ sinh thái tài chính và sẵn sàng thúc đẩy các hoạt động kinh doanh, khẳng định vị thế của mình tại thị trường Việt Nam. Cụ thể, Tổng CTCP Bảo Hiểm AAA đã đặt ra chỉ tiêu doanh thu phí bảo hiểm cho năm 2024 là 814,862 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế là 10,845 tỷ đồng. Tổng CTCP Bảo Hiểm AAA sẽ tập trung đầu tư vào công nghệ, dịch vụ chăm sóc khách hàng, tận dụng tối đa những lợi thế đến từ các mảng dịch vụ khác trong cùng tập đoàn, với mục tiêu trở thành một trong những công ty bảo hiểm phi nhân thọ dẫn đầu thị trường Việt Nam. Từ đó, tạo nền tảng vững chắc để công ty sẵn sàng phát triển sang lĩnh vực nhân thọ.

Về mảng ngân hàng và chứng khoán, định hướng trong năm 2024 của Công ty là tiếp tục đánh giá các hoạt động huy động vốn để hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư.

Công ty sẽ nhanh chóng hoàn thiện, phát triển và xây dựng sự kết nối chặt chẽ giữa các thành viên trong hệ sinh thái tài chính và giữa mảng tài chính với các mảng kinh doanh khác trong Tập đoàn, để thúc đẩy phát triển bền vững.

- ❖ Mở rộng đa kênh trong công tác huy động vốn
- ❖ Đẩy mạnh các hoạt động M&A để nắm bắt các cơ hội phát triển tiềm năng, đồng thời hoàn thiện hệ sinh thái của Tập đoàn
- ❖ Xây dựng lớp đội ngũ nhân sự kế cận không chỉ giỏi chuyên môn mà còn hiểu rõ và phát triển được những giá trị cốt lõi của doanh nghiệp

c. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

Là đơn vị tư vấn tài chính chuyên biệt, CTCP Chứng khoán SBS (SBS) đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý để đưa ra những đánh giá về dự kiến kế hoạch hoạt động kinh doanh của CTCP Tập đoàn Bamboo Capital. Dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty qua các năm từ năm 2021 đến năm 2023 và trong trường hợp nền kinh tế vĩ mô không có biến động tiêu cực lớn thì SBS nhận thấy kế hoạch kinh

doanh năm 2024 của Công ty được xây dựng phù hợp với khả năng hoạt động của Công ty. Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do Công ty cung cấp, thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính và chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của số liệu được dự kiến. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho nhà đầu tư.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về Cổ đông sáng lập

Theo Điều lệ của Công ty, Công ty không có cổ đông sáng lập. Đồng thời Công ty thành lập từ năm 2011. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 "Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông". Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần bắt đầu từ ngày 07/11/2011 theo Giấy chứng nhận ĐKDN số 0311315789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/11/2011, do vậy toàn bộ cổ phiếu của cổ đông sáng lập tại thời điểm đăng ký lần đầu ngày 07/11/2011 đã hết thời hạn bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày 07/11/2014.

2. Thông tin về cổ đông lớn

2.1 Cổ đông là cá nhân

Danh sách cổ đông lớn là cá nhân của Công ty như sau:

Bảng 46. Danh sách cổ đông lớn là cá nhân của Công ty

Stt	Tên Cổ đông	Năm sinh	Quốc tịch	Số CMND/CCCD/ Passport	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Hồ Nam	1978	Việt Nam	079078009888	83.371.894	15,63%

(Nguồn: BCG)

- Lợi ích liên quan đối với BCG: được hưởng cổ tức dựa trên tỷ lệ sở hữu cổ phần và theo chính sách hàng năm của Công ty, là Chủ tịch HĐQT của BCG nên được hưởng thù lao.
- Lợi ích của cổ đông lớn tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với BCG hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của BCG: Không có
- Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn với BCG: Không có

2.2 Cổ đông lớn là tổ chức:

Không có

2.3 Thông tin cổ đông lớn và người có liên quan đến cổ đông lớn:

Thông tin của cổ đông lớn và người có liên quan đến cổ đông lớn về số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại thời điểm trở thành cổ đông lớn, hiện tại, và dự kiến sau chào bán:

STT	Tên	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu tại Công ty
		Tại ngày trở thành cổ đông lớn			Tại ngày chốt danh sách gần nhất trước thời điểm đăng ký phát hành (26/03/2024)			Dự kiến sau phát hành		
	Nguyễn Hồ Nam	3.416.690	3.416.690	8,39%	83.371.894	83.371.894	15,63%	125.057.841	125.057.841	15,63%
	Người có liên quan đến cổ đông lớn nắm giữ cổ phiếu									
1.1	Nguyễn Thị Thúy Linh	/	/	/	7.806.768	7.806.768	1,46%	11.710.152	11.710.15	1,46%
1.2	Hồ Thị Anh Lan	/	/	/	91.088	91.088	0,02%	136.632	136.63	0,02%

(Nguồn: BCG)

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

3.1 Hội đồng quản trị

Tính đến thời điểm 15/04/2024, Công ty có 10 thành viên HĐQT, cụ thể:

Bảng 47. Thành viên hội đồng quản trị

STT	Họ tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch HĐQT	Không điều hành
2	Ông Nguyễn Thế Tài	Phó Chủ tịch HĐQT	Không điều hành
3	Ông Phạm Minh Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT	Không điều hành
4	Ông Nguyễn Thanh Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT	Không điều hành
5	Ông Tan Bo Quan, Andy	Thành viên HĐQT	Không điều hành
6	Ông Nguyễn Tùng Lâm	Thành viên HĐQT	Điều hành
7	Ông Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên độc lập HĐQT	Không điều hành
8	Ông Phạm Nguyễn Thiên Chương	Thành viên độc lập HĐQT	Không điều hành
9	Ông Đặng Đình Tuấn	Thành viên độc lập HĐQT	Không điều hành
10	Ông Vũ Xuân Chiến	Thành viên độc lập HĐQT	Không điều hành

a. Ông Nguyễn Hồ Nam – Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên : **NGUYỄN HỒ NAM**
- Ngày tháng năm sinh : 01/01/1978

- Nơi sinh : Vĩnh Long
- CCCD số : 079078009888, ngày cấp: 23/04/2019, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 218/38 Nguyễn Duy Cung, Phường 12, Quận Gò Vấp, TP. HCM
- Trình độ chuyên môn : Sau Đại học
- Năng lực chuyên môn : Cử nhân chuyên ngành Tài chính Ngân hàng – Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh
  Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng (Đại học Monash, Úc)
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2000 đến 2001	Tập đoàn Unilever Việt Nam	Phó phòng kế toán
Từ 2001 đến 2006	Tập đoàn Unilever Việt Nam	Trưởng phòng Tài chính Kế toán Trưởng phòng Kế toán quản trị
	Tập đoàn Unilever Australia – Úc	Trưởng bộ phận Dự án tài chính
Từ 09/2006 đến 01/2010	Công ty TNHH MTV Chứng khoán ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	Tổng Giám đốc
Từ 01/2010 đến 06/2012	CTCP Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	Chủ tịch HĐQT
Từ 03/2012 đến 11/2016	CTCP Dịch vụ Hợp Điểm (nay là CTCP Đầu tư và Dịch vụ Helios)	Chủ tịch HĐQT
Từ 12/2012 đến 04/2015	CTCP Bamboo Capital	Chủ tịch HĐQT
Từ 07/2013 đến 10/2019	CTCP Quản lý Quỹ Thăng Long	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Từ 04/2015 đến 10/2016	CTCP Bamboo Capital	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 04/2015 đến 9/2017	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 04/2015 đến 03/2022	Công ty Taxi Việt Nam	Phó Chủ tịch HĐTV

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 07/2015 đến 03/2024	Công ty TNHH Liên doanh Khai thác Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang	Thành viên HĐTV
Từ 12/2015 đến 12/2021	CTCP Phát triển Nguyễn Hoàng	Chủ tịch HĐQT
Từ 12/2015 đến 10/2017	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Tổng Giám đốc
Từ 04/2016 đến 08/2019	Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Trường Thành Đại Nam Security	Phó Chủ tịch HĐTV
Từ 04/2016 đến 05/2017	CTCP Ô tô 1-5	Thành viên HĐQT
Từ 10/2016 đến nay	CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Chủ tịch HĐQT
Từ 11/2016 đến 06/2017	Công ty TNHH BOT ĐT 830	Chủ tịch HĐTV
Từ 12/2016 đến 05/2017	CTCP Dịch vụ Hợp Điểm (nay là CTCP Đầu tư và Dịch vụ Helios)	Thành viên HĐQT
Từ 04/2017 đến 12/2018	CTCP Năng lượng Hanwha – BCG Đăng Dương	Chủ tịch HĐQT
Từ 06/2017 đến 29/03/2024	CTCP BCG Energy	Chủ tịch HĐQT
Từ 09/2017 đến 04/2022	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Chủ tịch HĐQT
Từ 03/2018 đến 07/2023	CTCP BCG Land	Chủ tịch HĐQT
Từ 06/2018 đến 03/2022	Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Chủ tịch HĐTV
Từ 05/2020 đến nay	Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp	Chủ tịch HĐTV
Từ 03/2021 đến 08/03/2024	Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh	Chủ tịch HĐQT
Từ 10/2021 đến 10/2022	Công ty TNHH Phoenix Mountain	Chủ tịch HĐTV
Từ 12/2021 đến 10/2022	CTCP BCG Financial	Chủ tịch HĐQT
Từ 03/2022 đến 12/2022	CTCP Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Vinahud	Thành viên HĐQT
Từ 03/2022 đến 03/2023	CTCP Dược phẩm Tipharco	Chủ tịch HĐQT

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 12/2022 đến 03/2024	Công ty TNHH MTV NH	Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành: tại BCG

Chức vụ	Thời gian bầu bổ nhiệm
Chủ tịch HĐQT	17/10/2016, tái nhiệm kỳ 27/06/2020

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Tên tổ chức	Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp	Chủ tịch HĐTV	05/2020

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người của liên quan của họ (đến thời điểm ngày 26/03/2024):

  + Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu
  + Cá nhân sở hữu : 83.371.894 cổ phiếu chiếm 15,63% vốn điều lệ
  + Người có liên quan sở hữu: 7.897.856 cổ phiếu chiếm 1,48% vốn điều lệ

- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành:

Người có liên quan	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ	Là cổ đông	Là người nội bộ
Hồ Thị Anh Lan	Mẹ	91.088	0,02%	Có	Không
Nguyễn Thị Thùy Linh	Vợ	7.806.768	1,46%	Có	Không

- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

  ✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa BCG, công ty con của BCG hoặc BCG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với người nội bộ:

STT	Loại Giao Dịch	Giá Trị Giao Dịch (đồng)	Các điều khoản quan trọng	Các Cấp Phê Duyệt	BCG/công ty con của BCG/BCG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ	Người nội bộ
1	Hợp đồng mượn tiền số 01/2021/HĐMT/BCGL-NHN	4.560.000.000	Không	HĐQT	BCG Land	Ông Nguyễn Hồ Nam

(Nguồn: BCG)

✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa BCG, công ty con của BCG hoặc BCG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của người nội bộ:

STT	Loại Giao Dịch	Giá Trị Giao Dịch (đồng)	Các điều khoản quan trọng	Các Cấp Phê Duyệt	BCG/công ty con của BCG/BCG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ	Bên các là người có liên quan với người nội bộ
1	Các Hợp đồng vay: Số 03/2022/HĐVT/CB-BCGL Số 12/2022/HĐVT/CB-BCGL. Số 1106/2021/HĐVT/CBE-BCGL	- Giá trị hợp đồng 03/2022: 80 tỷ - Giá trị hợp đồng 12/2022: 60 tỷ - Giá trị hợp đồng 1106/2021: 170 tỷ	Không có	HĐQT	BCG Land	Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp
2	Hợp đồng kinh tế số 03/07/HĐKT/NH-CB ngày 03/07/2023	8.943.967.500	Không có	Tổng Giám Đốc	CTCP Phát triển Nguyễn Hoàng	Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp
3	Hợp đồng thi công xây dựng số 01/2020/HDNT/CB-TRACODI ngày 21/09/2020	715.182.556.112	Không có	HĐQT	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp
4	Hợp đồng mua bán Shophouse số SH-B.30/2023/HĐMBSH/CB	15.856.286.512	Không	TGĐ	Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp	Bà Nguyễn Thị Thùy Linh

(Nguồn BCG)

- Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Người nội bộ	Thu nhập (đồng)		ESOP 2 năm gần nhất (cổ phần)
	Năm 2022	Năm 2023	
Nguyễn Hồ Nam	780.000.000	624.000.000	310.000

(Nguồn: BCG)

- Các khoản nợ đối với BCG: không có
- Người nội bộ có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có

b. Ông Nguyễn Thế Tài – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên : NGUYỄN THẾ TÀI

- Ngày tháng năm sinh : 27/08/1973
- Nơi sinh : Hà Nội
- CCCD số : 001073056888, Ngày cấp: 21/06/2021, Nơi cấp: Cục Cảnh Sát QLHC về TTXH
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 60/3/28 Lê Thị Riêng, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Trình độ chuyên môn : Đại học
- Năng lực chuyên môn : Cử nhân chuyên ngành Quản trị kinh doanh Đại học Kinh tế, Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 09/1996 đến 07/1997	Công ty Dolsoft, Hồ Chí Minh, Việt Nam	Lập trình viên
Từ 08/1997 đến 01/2010	Tập đoàn Unilever Việt Nam	Giám đốc Công nghệ thông tin
Từ 02/2010 đến 10/2011	CTCP Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín, Hồ Chí Minh, Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc điều hành
Từ 05/2012 đến 04/2024	CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Tổng Giám đốc
Từ 02/2012 đến 05/2017	CTCP Dịch vụ Hợp Điểm (nay là CTCP Đầu tư và Dịch vụ Helios)	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 08/2014 đến 09/2019	CTCP Quản lý Quỹ Thăng Long	Thành viên Ban Kiểm soát
Từ 09/2014 đến 05/2017	CTCP Thương mại Giải pháp Tre	Chủ tịch HĐQT
Từ 04/2015 đến nay	CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 12/2015 đến 12/2021	CTCP Phát triển Nguyễn Hoàng	Phó Chủ tịch kiêm Giám đốc
Từ 01/2016 đến nay	CTCP Xuất Nhập khẩu Cà phê Đà Lạt	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 04/2016 đến nay	CTCP Thành Phúc	Chủ tịch HĐQT
Từ 04/2016 đến 02/2023	CTCP Thành Phúc	Giám đốc
Từ 04/2016 đến 09/2019	Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Trường Thành Đại Nam Security	Phó Tổng Giám đốc
Từ 04/2017 đến 05/2017	CTCP Phân bón Vinacafe	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 06/2018 đến 04/2021	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 01/2021 đến 10/2022	CTCP Tapiotek	Phó Chủ tịch Điều hành HĐQT

Từ 01/2021 đến nay	CTCP Tapiotek	Tổng Giám đốc
Từ 10/2022 đến nay	CTCP Tapiotek	Chủ tịch HĐQT
Từ 04/2021 đến 11/2021	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Thành viên HĐQT
Từ 06/2021 đến 09/2023	CTCP Đầu tư BFC (tên cũ: CTCP Bamboo Financial Corp)	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 12/2021 đến nay	CTCP Phát triển Nguyễn Hoàng	Chủ tịch HĐQT
Từ 03/2023 đến nay	Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Trường Thành Đại Nam Security	Chủ tịch HĐTV
Từ 04/2024 đến nay	Công ty cổ phần HTC Holding	Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành: tại BCG

Chức vụ	Thời gian bầu bổ nhiệm
Phó Chủ tịch HĐQT	15/04/2015

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Tên tổ chức	Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
CTCP Phát triển Nguyễn Hoàng	Chủ tịch HĐQT	12/2021
CTCP Xuất nhập khẩu Cà Phê Đà Lạt	Phó Chủ tịch HĐQT	01/2016
CTCP Thành Phúc	Chủ tịch HĐQT	04/2016
CTCP Tapiotek	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Tổng Giám đốc từ 01/2021 Chủ tịch HĐQT từ 10/2022
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Trường Thành Đại Nam Security	Chủ tịch HĐTV	03/2023
Công ty cổ phần HTC Holding	Chủ tịch HĐQT	04/2024

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người của liên quan của họ (đến thời điểm 26/03/2024)

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu
+ Cá nhân sở hữu : 9.340.050 cổ phiếu chiếm 1,75% vốn điều lệ
+ Người có liên quan sở hữu: 0 cổ phiếu

- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa BCG, công ty con của BCG hoặc BCG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với người nội bộ:

STT	Loại Giao Dịch	Giá Trị Giao Dịch (đồng)	Các điều khoản quan trọng	Các Cấp Phê Duyệt	BCG/công ty con của BCG/BCG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ	Đối tác là người có liên quan với người nội bộ
1	Hợp đồng mua bán Shophouse số SH-B.26/2022/HĐMBSH/CB ngày 30/06/2022	9.331.453.340	Không có	TGĐ	Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp	Nguyễn Thế Tài

(Nguồn: BCG)

✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa BCG, công ty con của BCG hoặc BCG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của người nội bộ:

STT	Loại Giao Dịch	Giá Trị Giao Dịch (đồng)	Các điều khoản quan trọng	Các Cấp Phê Duyệt	BCG/công ty con của BCG/BCG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ	Đối tác là người có liên quan với người nội bộ
1	Hợp đồng vay số 04/2023/HDV/BCG-HTC	50.000.000.000	Không có	Chủ tịch HĐQT	BCG	CTCP HTC Holding
2	Hợp đồng số 03/HDDV-BCG ký ngày 17/02/2020 và Phụ lục	240.000.000/tháng	Không có	HĐQT	BCG	CTCP Phát triển Nguyễn Hoàng
3	Hợp đồng dịch vụ số 20/2023 HĐKT BÀNG DƯƠNG	1.188.000.000	Không có	BGĐ	CTCP Năng lượng BCG Bàng Dương	Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Trường Thành Đại Nam Security
4	Hợp đồng dịch vụ số 19/2023 HĐKT GAIA	2.244.000.000	Không có	BGĐ	CTCP Năng lượng Hanwha-BCG Bàng Dương	Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Trường Thành Đại Nam Security
5	Hợp đồng dịch vụ số 17/2023 VINECO - VINHLONG	1.716.000.000	Không có	BGĐ	CTCP BCG Vĩnh Long	Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Trường Thành Đại Nam Security

STT	Loại Giao Dịch	Giá Trị Giao Dịch (đồng)	Các điều khoản quan trọng	Các Cấp Phê Duyệt	BCG/công ty con của BCG/BCG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ	Đối tác là người có liên quan với người nội bộ
6	Hợp đồng dịch vụ số [8/2022] HĐKT NLMT Phú Mỹ	8.052.000.000	Không	BGĐ	CTCP Phát triển Tầm nhìn Năng lượng sạch	Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Trường Thành Đại Nam Security
7	Hợp đồng dịch vụ số 23/2022 HĐKT	864.000.000	Không	BGĐ	CTCP Sao sáng Sài gòn	Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Trường Thành Đại Nam Security

(Nguồn: BCG)

✓ Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Người nội bộ	Thu nhập (đồng)		ESOP 2 năm gần nhất (cổ phần)
	Năm 2022	Năm 2023	
Nguyễn Thế Tài	715.000.000	572.000.000	240.000

(Nguồn: BCG)

- Các khoản nợ đối với BCG: không có
- Người nội bộ có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành:

STT	Tên doanh nghiệp	Hoạt động kinh doanh chính	Mối quan hệ	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
1	CTCP HTC Holding	- Hoạt động chính: Bán buôn thực phẩm. - Phân khúc khách hàng: Phân khúc theo địa lý, hành vi - Địa bàn hoạt động: theo từng hợp đồng phát sinh - Sản phẩm dịch vụ: nông lâm sản	Ông Nguyễn Thế Tài giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT	Ông Nguyễn Thế Tài có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà Ông Thế Tài có thể được hưởng thông qua CTCP HTC Holding. Đồng thời Ông Nguyễn Thế Tài và/hoặc người liên quan của Ông Nguyễn Thế Tài không được biểu quyết tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT thông qua các giao dịch giữa Công ty và CTCP HTC Holding

(Nguồn: BCG)

c. Ông Nguyễn Thanh Hùng - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên : **NGUYỄN THANH HÙNG**
- Ngày tháng năm sinh : 09/02/1978
- Nơi sinh : Vĩnh Long
- CCCD số : 079078013456, Ngày cấp: 21/12/2021, Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 112 Đường số 4, Cư xá Đô Thành, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn : Đại học
- Năng lực chuyên môn : Cử nhân Anh ngữ - Đại học Khoa học Xã hội Nhân văn, Thành phố Hồ Chí Minh
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 09/1999 đến 01/2007	CTCP Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn (Saigon Postel)	Trưởng phòng Quản lý Kênh phân phối
Từ 02/2007 đến 05/2008	Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín, TP. HCM	Phó Phòng Môi giới
Từ 06/2008 đến 10/2010	Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín, TP.Hồ Chí Minh	Giám đốc chi nhánh Sài Gòn
Từ 11/2010 đến 01/2011	CTCP Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	Phó Tổng Giám đốc
Từ 02/2011 đến 06/2012	CTCP Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	Tổng Giám đốc
Từ 07/2013 đến 09/2019	CTCP Quản lý Quỹ Thăng Long	Thành viên HĐQT
Từ 01/2015 đến 05/2017	CTCP Đóng Tàu và Dịch Vụ Dầu Khí Vũng Tàu	Thành viên Ban Kiểm soát
Từ 03/2015 đến 06/02/2024	CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Phó Tổng Giám đốc
Từ 04/2015 đến 06/2020	Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Thành viên HĐQT
Từ 07/2015 đến nay	Công ty TNHH Liên doanh Khai thác Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang	Chủ tịch HĐTV

Từ 01/2016 đến nay	CTCP Xuất nhập khẩu Cà phê Đà Lạt	Thành viên Ban Kiểm soát
Từ 05/2016 đến 05/2017	CTCP Viet Golden Farm	Chủ tịch HĐQT
Từ 08/2016 đến 04/2019	CTCP năng lượng BCG Bình Dương	Chủ tịch HĐQT
Từ 11/2016 đến 09/2019	Công ty TNHH BOT ĐT 830	Thành viên HĐTV
Từ 06/2017 đến 08/2020	CTCP BCG Energy	Thành viên HĐQT
Từ 10/2017 đến 06/2020	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Từ 11/2017 đến 03/2022	Công ty Taxi Việt Nam (VINATAXI)	Thành viên HĐTV
Từ 03/2018 đến 07/2020	CTCP BCG Land	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Từ 09/2019 đến 02/2023	Công ty TNHH BOT ĐT 830	Chủ tịch HĐTV
Từ 06/2020 đến nay	CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 06/2020 đến 03/2022	CTCP Nước sạch Life Purity	Chủ tịch HĐQT
Từ 06/2020 đến 03/2021	Công ty cổ phần BCG Khu Công nghiệp Cát Trinh	Chủ tịch HĐQT
Từ 07/2020 đến 04/2021	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT thứ I
Từ 07/2020 đến 09/2022	CTCP BCG Land	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT thứ I
Từ 07/2020 đến 01/2023	CTCP Du lịch Casa Marina Resort	Chủ tịch HĐQT
Từ 08/2020 đến 07/2022	CTCP BCG Energy	Trưởng Ban kiểm soát
Từ 02/2021 đến nay	CTCP Điện gió BCG Khai Long I	Thành viên HĐQT
Từ 03/2021 đến 12/2021	Công ty cổ phần BCG Khu Công nghiệp Cát Trinh	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 03/2021 đến 03/2022	Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Thành viên HĐTV
Từ 04/2021 đến 11/2021	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Phó Chủ tịch Điều hành HĐQT
Từ 11/2021 đến 04/2022	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT thứ I
Từ 12/2021 đến 01/2023	CTCP BCG Khu Công nghiệp Cát Trinh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Từ 02/2022 đến 10/2022	Công ty TNHH Phoenix Mountain	Thành viên HĐTV

Từ 10/2022 đến nay	Công ty TNHH Phoenix Mountain	Chủ tịch HĐTV
Từ 02/2022 đến 04/2023	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank)	Thành viên HĐQT
Từ 03/2022 đến 02/2023	Công ty Taxi Việt Nam	Chủ tịch HĐTV
Từ 03/2022 đến 03/2023	Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Chủ tịch HĐTV
Từ 04/2022 đến nay	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Chủ tịch HĐQT
Từ 04/2022 đến 04/2023	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Eximbank (Eximbank AMC)	Chủ tịch HĐTV
Từ 12/2023 đến nay	CTCP BCG Land	Tổng Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành: tại BCG

Chức vụ	Thời gian bầu bổ nhiệm
Phó Chủ tịch HĐQT	27/06/2020

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Tên tổ chức	Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Công ty TNHH Liên doanh Khai thác Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang	Chủ tịch HĐTV	07/2015
CTCP Xuất nhập khẩu Cà phê Đà Lạt	Thành viên Ban Kiểm soát	01/2016
CTCP Điện gió BCG Khai Long 1	Thành viên HĐQT	02/2021
Công ty TNHH Phoenix Mountain	Chủ tịch HĐTV	10/2022
CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Chủ tịch HĐQT	04/2022
CTCP BCG Land	Tổng Giám đốc	12/2023

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người của liên quan của họ (đến thời điểm 26/03/2024):
  + Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu
  + Cá nhân sở hữu : 6.697.213 cổ phiếu chiếm 1,26% vốn điều lệ
  + Người có liên quan sở hữu: 4.971.866 cổ phiếu chiếm 0,93% vốn điều lệ

- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành:

Người có liên quan	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ	Là cổ đông	Là người nội bộ
Nguyễn Xuân Lan	Vợ	4.959.037	0,93%	Có	Không
Nguyễn Ngọc Đài Trang	Em ruột	11.566	0,002%	Có	Không
Phạm Thị Sự	Mẹ vợ	1.263	0,0002%	Có	Không

- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:
  - ✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa BCG, công ty con của BCG hoặc BCG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với người nội bộ: Không có
  - ✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa BCG, công ty con của BCG hoặc BCG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của người nội bộ:

STT	Loại Giao Dịch	Giá Trị Giao Dịch (đồng)	Các điều khoản quan trọng	Các Cấp Phê Duyệt	BCG/công ty con của BCG/BCG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ	Đối tác là người có liên quan với người nội bộ
1	Hợp đồng hợp tác đầu tư số 1805/2022/HĐ-HTĐT-BCG-HL ký ngày 18/05/2022	800.000.000.000	Không có	HĐQT	BCG	CTCP BCG Land
2	Hợp đồng 07/HDDV-BCG-TCD	480.000.000/tháng	Không có	HĐQT	BCG	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải
3	Hợp đồng 04/HDDV-BCG-BCGL	720.000.000/tháng	Không có	HĐQT	BCG	CTCP BCG Land
4	Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1103/2022/BCGL-PMC ngày 11/03/2022	630.000.000.000	Không có	HĐQT	BCG Land	Công ty TNHH Phoenix Mountain
5	HĐ thi công dự án Casa số 02/2020/HĐTT/CASA-TCD ngày 19/09/2019 và PL01	1.697.998.493.290	Không có	HĐQT	Công ty CP Du Lịch Casa Marina Resort	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải

STT	Loại Giao Dịch	Giá Trị Giao Dịch (đồng)	Các điều khoản quan trọng	Các Cấp Phê Duyệt	BCG/công ty con của BCG/BCG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ	Đối tác là người có liên quan với người nội bộ
6	Hợp đồng thi công dự án KCI số 02/2021/HĐTC/SSG-TCD ngày 22/11/2021	456.039.910.783	Không có	HĐQT	Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải
7	HĐ thi công dự án Malibu Số 06/2018/HĐTC/INDOCHINA-TRACODI ngày 20/08/18 và PL01,02,04,04,05,06,07,08,09,10A.10B	2.811.263.186.000	Không có	HĐQT	Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải
8	HĐ thi công dự án Cồn Bắp số 01/2020/HĐNT/CB-TRACODI ngày 21/09/2020 và PL01,02,03,04,05,06,07,08	772.397.160.600	Không có	HĐQT	Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Cồn Bắp	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải
9	Hợp đồng thi công dự án Vinamilk Quảng Ngãi 2 Số 127/2020/HĐTTXD/SKYLAR-TCD ngày 10/29/2020	22.905.638.292	Không có	HĐQT	Công ty Cổ phần Skylar	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải
10	Hợp đồng thi công dự án Vinamilk Quảng Ngãi 3 Số 128/2020/HĐTTXD/SKYLAR-TCD ngày 10/29/2020	22.905.638.292	Không có	HĐQT	CTCP Skylar	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải
11	Hợp đồng thi công dự án Vinamilk Quảng Ngãi 4 Số 129/2020/HĐTTXD/SKYLAR-TCD ngày 10/29/2020	22.905.638.292	Không có	HĐQT	CTCP Skylar	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải
12	Hợp đồng thi công dự án Vinamilk Quảng Ngãi 5 Số 130/2020/HĐTTXD/SKYLAR-TCD ngày 10/29/2020	19.394.551.294	Không có	HĐQT	CTCP Skylar	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải

STT	Loại Giao Dịch	Giá Trị Giao Dịch (đồng)	Các điều khoản quan trọng	Các Cấp Phê Duyệt	BCG/công ty con của BCG/BCG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ	Đối tác là người có liên quan với người nội bộ
13	Hợp đồng thi công dự án Vinamilk Quảng Ngãi 6 Số 131/2020/HDTTXD/SKYLAR-TCD ngày 10/29/2020	17.698.095.021	Không có	HĐQT	CTCP Skylar	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải
14	Hợp đồng thi công dự án LT3-Speed Sinkware Số 319/2021/HDTTXD/GI-TCD ngày 11/15/2021	11.804.547.937	Không có	HĐQT	CTCP Skylar	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải
15	Hợp đồng thi công dự án LT3_Ampac Số 355/2022/HDTTXD/SKYLAR-TCD ngày 05/12/2022	10.256.624.547	Không có	HĐQT	CTCP Skylar	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải
16	HĐ thi công dự án Krongpa 2 số 01/2022/HDMB/TN_TCD ngày 21/01/2022	651.386.740.066	Không có	HĐQT	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải
17	HĐ thi công nhà máy điện mặt trời VNECO-Vĩnh Long số 01/HDTTXD/VNECO-TRACODI ngày 24/08/2020	883.465.702.605	Không có	HĐQT	CTCP BCG Vĩnh Long	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải
18	HĐ thi công dự án Vinawood 2 số 206/2021/HĐTTXDVAD1-TCD ngày 25/01/2021	18.389.574.628	Không có	HĐQT	CTCP Herb Solar	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải
19	HĐ thi công dự án Vinawood 1 số 205/2021/HĐTTXDVAD-TCD ngày 25/01/2021	19.192.076.713	Không có	HĐQT	CTCP Orchid Solar	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải
20	HĐ thi công xây dựng thi công khối thép KCI: 1108/2023/HDTC/TCD-TRACODIEC	367.581.844.160	Không có	HĐQT	Công ty TNHH Tracodi E&C	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải

STT	Loại Giao Dịch	Giá Trị Giao Dịch (đồng)	Các điều khoản quan trọng	Các Cấp Phê Duyệt	BCG/công ty con của BCG/BCG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ	Đối tác là người có liên quan với người nội bộ
21	HĐ cung cấp vật tư xây lắp KDC Đức Thịnh, Huyện Hiệp Hòa, Bắc Giang 1501/2024/HDCCVT/TCD-TCDEC	23.902.521.000	Không có	HĐQT	Công ty TNHH Tracodi E&C	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải
22	HĐ Nguyên tắc di dời, sửa chữa VP EIB	15.434.807.761	Không có	HĐQT	Công ty TNHH Tracodi E&C	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải
23	HĐ thi công hoàn thiện nội thất, cảnh quan 30 căn Villa Khu nghỉ dưỡng Malibu 07/2024/HĐTC/TRACODI-EC	47.801.468.856	Không có	HĐQT	Công ty TNHH Tracodi E&C	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải
24	Hợp đồng thi công Nhà máy điện mặt trời Phú mỹ số 18/2020/HĐTCXD/NLS-Tracodi	628.451.627.141	Không có	HĐQT	Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải

(Nguồn: BCG)

✓ **Thù lao và các khoản lợi ích khác**

Người nội bộ	Thu nhập (đồng)		ESOP 2 năm gần nhất (cổ phiếu)
	Năm 2022	Năm 2023	
Nguyễn Thanh Hùng	195.000.000	195.000.000	250.000

(Nguồn: BCG)

- Các khoản nợ đối với BCG: không có
- Người nội bộ có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có

đ. Ông Phạm Minh Tuấn – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên : **PHẠM MINH TUẤN**
- Ngày tháng năm sinh : 22/07/1977
- Nơi sinh : Hà Nội

- CCCD số : 001077017938, Ngày cấp: 17/05/2021, Nơi cấp: Cục Cảnh Sát QLHC về TTXH
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : P1-C15 Tập thể B-3, Số 95 Phố 8/3, Phường Quỳnh Mai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Sau Đại học

  Thạc sỹ Kinh doanh, Ngân hàng và Tài chính, Đại học Monash, Úc
- Năng lực chuyên môn : Chứng chỉ của Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh quốc (ACCA)
- Kinh nghiệm làm việc :

Quá trình công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1999 đến 2002	Pricewaterhouse Coopers Vietnam Limited	Kiểm toán viên
Từ 2005 đến 2010	PwC Canada	Chuyên viên Kiểm toán cao cấp
Từ 2010 đến 2011	Sears Canada	Quản lý về Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế
Từ 2011 đến 2013	Citibank Canada	Phó chủ tịch
Từ 2013 đến 04/2017	Ngân hàng Montreal	Quản lý tài chính cao cấp
Từ 08/2016 đến 03/2021	CTCP Năng lượng BCG – Bảng Dương	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Từ 04/2017 đến 03/2021	CTCP Năng lượng Hanwha - BCG Bảng Dương	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Từ 08/2017 đến 06/2020	CTCP Bamboo Capital	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Từ 05/2017 đến 11/2020	CTCP BCG Energy	Thành viên HĐQT
Từ 12/2017 đến nay	CTCP BCG Energy	Tổng Giám đốc

Từ 10/2018 đến 03/2020	Công ty TNHH Skylight Power	Chủ tịch HĐTV
Từ 02/2019 đến 03/2020	CTCP BCG Mega Solar	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Từ 07/2020 đến nay	CTCP Aurai Wind Energy	Chủ tịch HĐQT
Từ 11/2019 đến 01/2022	CTCP Skylar	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 03/2020 đến 3/2021	CTCP Nông Thôn Việt Energy	Thành viên HĐQT
Từ 04/2020 đến nay	CTCP Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Sạch	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc điều hành
Từ 06/2020 đến nay	CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 06/2020 đến 02/06/2024	CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Phó Tổng Giám đốc điều hành
Từ 12/2020 đến nay	CTCP BCG Energy	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 11/2020 đến nay	Công ty TNHH Đông Thành 1	Chủ tịch HĐTV
Từ 11/2020 đến nay	Công ty TNHH Đông Thành 2	Chủ tịch HĐTV
Từ 12/2021 đến 08/2023	CTCP BCG Financial	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 12/2021 đến 10/2022	CTCP Bảo Hiểm AAA	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 01/2022 đến 07/2023	CTCP Skylar	Chủ tịch HĐQT
Từ 10/2022 đến nay	Tổng CTCP Bảo Hiểm AAA	Chủ tịch HĐQT
Từ 02/2024 đến nay	CTCP Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa	Tổng Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành: tại BCG

Chức vụ	Thời gian bầu bổ nhiệm
Phó Chủ tịch HĐQT	27/06/2020

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Tên tổ chức	Chức vụ	Thời gian bầu /bổ nhiệm

CTCP BCG Energy	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	12/2020 12/2017
CTCP Aurai Wind Energy	Chủ tịch HĐQT	07/2020
CTCP Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Sạch	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc điều hành	04/2020
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	Chủ tịch HĐTV	11/2020
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	Chủ tịch HĐTV	11/2020
Tổng CTCP Bảo Hiểm AAA	Chủ tịch HĐQT	10/2022
CTCP Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa	Tổng Giám đốc	02/2024

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người của liên quan của họ (đến thời điểm 26/03/2024):
  + Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu
  + Cá nhân sở hữu : 3.121.497 cổ phiếu chiếm 0,59% vốn điều lệ
  + Người có liên quan sở hữu: 0 cổ phiếu
- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:
  ✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa BCG, công ty con của BCG hoặc BCG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với người nội bộ. Không có
  ✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa BCG, công ty con của BCG hoặc BCG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của người nội bộ:

STT	Loại Giao Dịch	Giá Trị Giao Dịch (đồng)	Các Điều khoản Quan Trọng Khác	Các Cấp Phê Duyệt	BCG/công ty con của BCG/BCG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ	Đối tác là người có liên quan với người nội bộ
1	Hợp đồng 02/HDDV-BCG	960.000.000 /tháng	Không có	HĐQT	BCG	CTCP BCG Energy
2	Hợp đồng vay ngày 19/11/2021	247.000.000.000	Không có	HĐQT	BCG	Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2
3	Hợp đồng số 04/HDDV-BCG-AAA	640.000.000 /tháng	Không có	HĐQT	BCG	Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA

4	Hợp đồng vay số 01/2024/HDV GAIA-HW ngày 20/2/2024	10.000.000.000	Không có	TGĐ	Công ty CP Năng lượng Hanwha-BCG Bắng Dương	Công ty CP BCG GAIA
5	Hợp đồng vay số 01/2024/HDV BCGE-BCGVL ngày 01/02/2024	8 500.000.000	Không có	HĐQT	Công ty CP BCG Energy	Công ty CP BCG Vĩnh Long
6	Hợp đồng HTKD ngày 11/5/2023	423.166.974.425	Không có	HĐQT	Công ty CP BCG GAIA	Công ty CP Năng lượng BCG Bắng Dương
7	Số 01/2022/BCGE-AURAI - PHÍ DỊCH VỤ SLA	phát sinh theo tháng - khoảng 1.1 tỷ /tháng	Không có	Tổng giám đốc, phó tổng GĐ	Công ty CP BCG Energy	Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy
8	Số 01/2022/BCGE-NLS - PHÍ DỊCH VỤ SLA	phát sinh theo tháng - khoảng 0.25 tỷ /tháng	Không có	Tổng giám đốc, phó tổng GĐ	Công ty CP BCG Energy	Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng sạch
9	Hợp đồng vay Số 1/12/BCGE-CEVD	337 254.000.000	Không có	Hội đồng quản trị	Công ty CP BCG Energy	Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng sạch
10	Hợp đồng vay số 2/12/BCGE-CEVD - 23/12/21 (Tranche B)	364.032.000.000	Không có	Hội đồng quản trị	Công ty CP BCG Energy	Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng sạch
11	Hợp đồng vay số 2/12/BCGE-CEVD - 28/04/22 (Tranche C)	411.000.000.000	Không có	Hội đồng quản trị	Công ty CP BCG Energy	Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng sạch
12	Hợp đồng vay số 30122022.HDV.BCG -AURAI	50.000.000.000	Không có	Tổng giám đốc	Công ty CP BCG Energy	Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy
13	HĐ vay ngày 01/01/2021 và PL kèm theo -Hợp đồng vay	5.000.000.000	Không có	Tổng giám đốc, phó tổng GĐ	Công ty CP BCG Energy	Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1
14	HĐ vay ngày 01/01/2021 và PL kèm theo - Hợp đồng vay	5 000.000.000	Không có	Tổng giám đốc, phó tổng GĐ	Công ty CP BCG Energy	Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2
15	HĐ mua bán cổ phần góp vốn 27/12/2022 HĐCNCP ĐT2	811.162.500.000	Không có	Hội đồng quản trị	Công ty CP BCG Energy	Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy
16	HĐ số 01.2021/AURAI/BCGE-TT sửa đổi đi kèm HĐCNCP ĐT1	570.676.000.000	Không có	Hội đồng quản trị	Công ty CP BCG Energy	Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy

17	Hợp đồng Hợp tác kinh doanh ngày 17/1/2022	521.646.760.000	Không có	ĐHCĐ	Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy
18	Hợp đồng vay hạn mức ngày 13/10/2021	6.000.000.000	Không có	TGĐ	Công ty CP BCG Wind Sóc Trăng	Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy

(Nguồn: BCG)

✓ Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Người nội bộ	Thu nhập (đồng)		ESOP 2 năm gần nhất (cổ phần)
	Năm 2022	Năm 2023	
Phạm Minh Tuấn	390.000.000	165.100.000	90.000

(Nguồn: BCG)

- Các khoản nợ đối với BCG: không có
- Người có nội bộ có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có

e. Ông Tan Bo Quan, Andy – Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên : **TAN BO QUAN, ANDY**
- Ngày tháng năm sinh : 17/09/1986
- Nơi sinh : Singapore
- Hộ chiếu số : K2551046G, Ngày cấp: 30/03/2022, Nơi cấp: Singapore
- Quốc tịch : Singapore
- Địa chỉ thường trú : 25 Jalan Songket 537397
- Trình độ chuyên môn : Đại học
- Năng lực chuyên môn : Cử nhân Truyền thông và Báo chí - Trường Đại học Quốc gia Singapore
- Kinh nghiệm làm việc :

Quá trình công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2011 đến 2013	Ngân hàng Standard Chartered, Singapore	Quản lý Đầu tư

Từ 2013 đến 2015	Công ty TNHH Agritrade Resources, Hong Kong	Trưởng phòng Phát triển Kinh doanh
Từ 2014 đến 2015	Agri Asia Refinery Sdn Bhd., Malaysia	Quản lý khu vực & Phó Tổng Giám đốc
Từ 2014 đến 2016	A Consulting Group Pte Ltd., Singapore	Đồng sáng lập & Giám đốc điều hành
Từ 2016 đến 2018	CTCP Bamboo Capital, Việt Nam	Giám đốc Dự án
Từ 2017 đến nay	New Era Energy Pte Ltd. Singapore	Cộng tác viên
Từ 05/2017 đến 05/2019	CTCP Bamboo Capital	Thành viên Ban Kiểm soát
Từ 2018 đến nay	Vina Realty Pte Ltd, Singapore	Cộng tác viên
Từ 04/2019 đến nay	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Thành viên độc lập HĐQT
Từ 08/2019 đến 01/2023	CTCP BCG Land	Thành viên độc lập HĐQT
Từ 01/2023 đến 07/2023	CTCP BCG Land	Phó Chủ tịch thường trực kiêm Thành viên độc lập HĐQT
Từ 03/2020 đến 01/2021	CTCP BCG Energy	Thành viên độc lập HĐQT
Từ 01/2021 đến 29/03/2024	CTCP BCG Energy	Thành viên Ban kiểm soát
Từ 05/2021 đến nay	CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Thành viên HĐQT
Từ 06/2021 đến nay	CTCP Đầu tư BFC (tên cũ: CTCP Bamboo Financial Corp)	Thành viên HĐQT
Từ 07/2023 đến nay	CTCP BCG Land	Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành: tại BCG

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Thành viên HĐQT	15/05/2021

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Tên tổ chức	Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
New Era Energy Pte Ltd. Singapore	Cộng tác viên	2017
Vina Realty Pte Ltd, Singapore	Cộng tác viên	2018
CTCP Đầu tư phát triển Công nghiệp và Vận tải	Thành viên độc lập HĐQT	04/2019
CTCP BCG Land	Chủ tịch HĐQT	Thành viên độc lập HĐQT: 08/2019 Phó Chủ tịch thường trực HĐQT: 01/2023 Chủ tịch: 07/2023
CTCP Đầu tư BFC (tên cũ: CTCP Bamboo Financial Corp)	Thành viên HĐQT	06/2021

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người của liên quan của họ (đến thời điểm 26/03/2024):
  + Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu
  + Cá nhân sở hữu : 153.550 cổ phiếu chiếm 0,03% vốn điều lệ
  + Người có liên quan sở hữu: 0 cổ phiếu
- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:
  ✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa BCG, công ty con của BCG hoặc BCG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với người nội bộ: Không có
  ✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa BCG, công ty con của BCG hoặc BCG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của người nội bộ:

STT	Loại Giao Dịch	Giá Trị Giao Dịch (Chưa VAT)	Các điều khoản quan trọng	Các Cấp Phê Duyệt	BCG/công ty con của BCG/BCG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ	Đối tác là người có liên quan với người nội bộ
1	Hợp đồng hợp tác đầu tư số 1805/2022/HĐ-HTĐT-BCG-HL ký ngày 18/05/2022	800.000.000.000	Không có	HĐQT	BCG	CTCP BCG Land
2	Hợp đồng 01/HĐDV-BCG-TCD	430.000.000 /tháng	Không có	HĐQT	BCG	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải
3	Hợp đồng 04/HĐDV-BCG-BCGL	720.000.000 /tháng	Không có	HĐQT	BCG	CTCP BCG Land

(Nguồn: BCG)

✓ Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Người nội bộ	Thu nhập (đồng)		ESOP 2 năm gần nhất (cổ phần)
	Năm 2022	Năm 2023	
Tan Bo Quan Andy	35.500.000	479.640.000	100.000

(Nguồn: BCG)

- Các khoản nợ đối với BCG: không có
- Người nội bộ có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có

f. Ông Nguyễn Quốc Khánh – Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

- Họ và tên : **NGUYỄN QUỐC KHÁNH**
- Ngày tháng năm sinh : 02/11/1964
- Nơi sinh : Thành phố Hồ Chí Minh
- CCCD số : 079064033188, Ngày cấp: 11/08/2021, Nơi cấp: Cục Cảnh Sát QLHC về TTXH
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 73/16 Nguyễn Thị Nhỏ, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Trình độ chuyên môn : Đại học

Kỹ sư Kỹ thuật Hóa học và Thực phẩm, Đại học Bách Khoa TP. Hồ Chí Minh

- Năng lực chuyên môn : Cử nhân Quản trị Kinh doanh, Đại học Kinh tế TP. HCM

Cử nhân Ngữ văn Anh, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

- Kinh nghiệm công tác :

Quá trình công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1988 đến 2003	Nhà máy Sữa Thống Nhất, CTCP Sữa Việt Nam, Vinamilk	Nhân viên, sau đó là Quản đốc Sản xuất
Từ 2003 đến 2009	Nhà máy Sữa Cần Thơ, CTCP Sữa Việt Nam, Vinamilk	Giám đốc Nhà máy
Từ 2009 đến nay	CTCP Sữa Việt Nam, Vinamilk	Giám đốc điều hành - Nghiên cứu và Phát triển
Từ 03/2014 đến nay	CTCP Sữa Driftwood	Thành viên độc lập HĐQT
Từ 03/2018 đến nay	CTCP Chế biến Dừa Á Châu	Thành viên HĐQT
Từ 03/2019 đến 10/2022	CTCP Tapiotek	Chủ tịch HĐQT
Từ 04/2019 đến nay	CTCP Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh (Gilimex)	Thành viên độc lập HĐQT
Từ 05/2019 đến nay	CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Thành viên độc lập HĐQT
Từ 10/2022 đến nay	CTCP Tapiotek	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 03/2023 đến nay	CTCP Dược phẩm Tipharco	Thành viên độc lập HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành: tại BCG

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Thành viên độc lập HĐQT	10/05/2019, tái nhiệm kỳ 27/06/2020

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Tên tổ chức	Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
CTCP Sữa Việt Nam, Vinamilk	Giám đốc Điều hành	2009
CTCP Sữa Driftwood	Thành viên độc lập HĐQT	03/2014
CTCP Chế biến Dừa Á Châu	Thành viên HĐQT	03/2018
CTCP Tapiotek	Phó Chủ tịch HĐQT	10/2022
CTCP Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh (Gilimex)	Thành viên độc lập HĐQT	04/2019
CTCP Dược phẩm Tipharco	Thành viên độc lập HĐQT	03/2023

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người liên quan của họ (đến thời điểm ngày 26/03/2024): 0 cổ phần
- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành: không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:
  - ✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa BCG, công ty con của BCG hoặc BCG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với người nội bộ: Không có
  - ✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa BCG, công ty con của BCG hoặc BCG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của người nội bộ: Không có
  - ✓ Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Người nội bộ	Thu nhập (đồng)		ESOP 2 năm gần nhất (cổ phần)
	Năm 2022	Năm 2023	
Nguyễn Quốc Khánh	Không có	43.541.667	Không có

(Nguồn: BCG)

- Các khoản nợ đối với BCG: không có
- Người nội bộ có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có

g. Ông Phạm Nguyễn Thiên Chương – Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

- Họ và tên : **PHẠM NGUYỄN THIÊN CHƯƠNG**
- Ngày tháng năm sinh : 23/12/1976
- Nơi sinh : TP. Hồ Chí Minh
- CCCD số : 079076037175, Ngày cấp: 22/12/2021, Nơi cấp: Cục Cảnh Sát QLHC về TTXH

- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 727/654-655 Trần Hưng Đạo, Phường 1, Quận 5, TP.HCM
- Trình độ chuyên môn : Đại học
- Năng lực chuyên môn : Cử nhân Luật Kinh tế - Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh
  Cử nhân Kinh tế Ngoại thương - Đại học Ngoại thương TP. Hồ Chí Minh
- Kinh nghiệm công tác :

Quá trình công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2000 đến 2001	Ngân hàng Vietcombank TP. HCM	Chuyên viên Đầu tư
Từ 2001 đến 2002	Ngân hàng Firstvina	Phó phòng Đầu tư
Từ 2003 đến nay	Tập đoàn Anh Mỹ Văn phòng Đại diện BAT Marketing (Singapore) Pte. Ltd tại TP. HCM	Giám đốc Chiến lược và Quan hệ Chính phủ
Từ 06/2020 đến nay	CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Thành viên độc lập HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành: tại BCG

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Thành viên độc lập HĐQT	27/06/2020

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Tên tổ chức	Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Tập đoàn Anh Mỹ Văn phòng Đại diện BAT Marketing (Singapore) Pte. Ltd. tại TP. HCM	Giám đốc Chiến lược và Quan hệ Chính phủ	2003

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người của liên quan của họ (đến thời điểm 26/03/2024):

  + Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu
  + Cá nhân sở hữu : 1.187.800 cổ phần, chiếm 0,22% vốn điều lệ
  + Người có liên quan sở hữu : 100.624 cổ phiếu, chiếm 0,02% vốn điều lệ

- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành:

Người có liên quan	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ	Là cổ đông	Là người nội bộ
Hoàng Bảo Cát	Vợ	100.624	0,02%	Có	Không

- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:
  - ✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa BCG, công ty con của BCG hoặc BCG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với người nội bộ: Không có
  - ✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa BCG, công ty con của BCG hoặc BCG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của người nội bộ: Không có
  - ✓ Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Người nội bộ	Thu nhập (đồng)		ESOP 2 năm gần nhất (cổ phần)
	Năm 2022	Năm 2023	
Phạm Nguyễn Thiên Chương	390.000.000	130.000.000	100.000

(Nguồn: BCG)

- Các khoản nợ đối với BCG: Không có
- Người nội bộ có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có

h. Ông Nguyễn Tùng Lâm – Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên : **NGUYỄN TÙNG LÂM**
- Ngày tháng năm sinh : 03/12/1987
- Nơi sinh : Hà Nội
- CCCD số : 001087013859, Ngày cấp: 09/02/2021, Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : P49-D3, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam
- Trình độ chuyên môn : Sau Đại học
- Năng lực chuyên môn : + Cử nhân Quản trị kinh doanh – Đại học Ngoại thương Hà Nội
  + Thạc sỹ Tài chính – Đại học Bentley, Hoa Kỳ
- Kinh nghiệm công tác :

Quá trình công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 09/2011 đến 05/2015	Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội	Giám đốc Chi nhánh
Từ 06/2015 đến nay	CTCP Thương mại và Công nghệ Việt Linh	Giám đốc điều hành
Từ 10/2021 đến 01/2022	CTCP BCG Land	Thành viên HĐQT
Từ 01/2022 đến 07/2023	CTCP BCG Land	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 05/2022 đến 04/2023	CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Thành viên độc lập HĐQT kiêm Trưởng Văn phòng Đại diện tại Hà Nội
Từ 08/2022 đến nay	Tổng CTCP Bảo Hiểm AAA	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 04/2023 đến nay	CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Thành viên HĐQT
Từ 04/2023 đến 02/2024	CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Trưởng Văn phòng Đại diện tại Hà Nội
Từ 04/2023 đến 04/2024	CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Phó Tổng Giám đốc Điều hành
Từ 04/2024 đến nay	CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Tổng Giám đốc
Từ 07/2023 đến nay	CTCP BCG Land	Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT

- **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành: tại BCG**

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Thành viên HĐQT	06/05/2022
Tổng Giám đốc	08/04/2024

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Tên tổ chức	Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
CTCP Thương mại và Công nghệ Việt Linh	Giám đốc điều hành	06/2015
CTCP BCG Land	Phó Chủ tịch HĐQT	01/2022
Tổng CTCP Bảo Hiểm AAA	Phó Chủ tịch HĐQT	08/2022

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người của liên quan của họ (đến thời điểm 26/03/2024):

  + Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu
  + Cá nhân sở hữu : 725.000 cổ phiếu chiếm 0,14% vốn điều lệ
  + Người có liên quan sở hữu : Không có

- **Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành: không có**
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:
  - ✓ **Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa BCG, công ty con của BCG hoặc BCG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với người nội bộ: Không có**
  - ✓ **Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa BCG, công ty con của BCG hoặc BCG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của người nội bộ:**

STT	Loại Giao Dịch	Giá Trị Giao Dịch	Các điều khoản quan trọng	Các Cấp Phê Duyệt	BCG/công ty con của BCG/BCG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ	Đối tác là người có liên quan với người nội bộ
1	Hợp đồng hợp tác đầu tư số 1805/2022/HĐ-HTĐT-BCG-HL ký ngày 18/05/2022	800.000.000.000	Không có	HĐQT	BCG	CTCP BCG Land
2	Hợp đồng số 04/HDDV-BCG-AAA	640.000.000 /tháng	Không có	HĐQT	BCG	Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA
3	Hợp đồng 04/HDDV-BCG-BCGL	720.000.000 /tháng	Không có	HĐQT	BCG	CTCP BCG Land

(Nguồn: BCG)

✓ Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Người nội bộ	Thu nhập (đồng)		ESOP 2 năm gần nhất (cổ phần)
	Năm 2022	Năm 2023	
Nguyễn Tùng Lâm	640.000.000	832.000.000	200.000

(Nguồn BCG)

- Các khoản nợ đối với BCG: Không có
- Người nội bộ có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có

i. Ông Đặng Đình Tuấn – Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

- Họ và tên : **ĐẶNG ĐÌNH TUẤN**
- Ngày tháng năm sinh : 16/06/1981
- Nơi sinh : Hà Nội
- Hộ chiếu số : K0717443A, Ngày cấp: 14/09/2018, Nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh Singapore
- Quốc tịch : Singapore
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 30 Minaret Walk, Singapore
- Trình độ chuyên môn : Sau Đại học

- Năng lực chuyên môn : + Cử nhân Kỹ sư Quang lượng tử & Khoa học Y khoa – Đại học Công nghệ Nanyang - Singapore

  + Cao học Quản trị Tài chính – Đại học SIM Singapore

  + Thạc sỹ Quản trị Khách sạn – Du lịch - Đại học Cornell – Mỹ

- Kinh nghiệm công tác :

Quá trình công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2003 đến 2005	Tập đoàn Royal Dutch Phillips Electrics	Quản lý cấp cao – Trợ lý Phó chủ tịch
Từ 2005 đến 2008	Ascott Limited, CapitaLand Limited (Singapore),	Phó chủ tịch Tập đoàn – Vận hành và phát triển thị trường /
Từ 2008 đến 2009	CTCP Địa ốc Sài Gòn Thương tín (Sacomreal)	Tổng Giám đốc
Từ 2009 đến 2010	Tập đoàn Tuấn Châu	Tổng Giám đốc Đầu tư
Từ 2010 đến 2012	CTCP Bất Động Sản Phương Trang	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Từ 2012 đến 2020	CTCP Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Hòa Bình	Cố vấn cấp cao Chủ tịch HĐQT
Từ 2012 đến 2020	Công ty Hòa Bình Malaysia	Cố vấn cấp cao Chủ tịch HĐQT
Từ 2012 đến 2016	Tập đoàn M.I.K Corp	Tổng Giám đốc và Nhà sáng lập
Từ 2016 đến 04/2023	Tập đoàn Alpha Holdings	Chủ tịch Danh dự HĐQT và Nhà sáng lập
Từ 12/2019 đến 04/2021	CTCP BCG Land	Thành viên độc lập HĐQT
Từ 04/2021 đến 06/2021	CTCP BCG Land	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 06/2021 đến 05/2022	CTCP BCG Land	Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT
Từ 05/2022 đến nay	CTCP BCG Land	Thành viên độc lập HĐQT
Từ 06/2021 đến 09/2023	CTCP Bamboo Financial Corp	Phó Chủ tịch HĐQT

Từ 08/2021 đến 10/2022	CTCP BCG Financial	Thành viên độc lập HĐQT
Từ 05/2022 đến nay	CTCP BCG Land	Thành viên độc lập HĐQT
Từ 04/2023 đến nay	Đại học Cornell – Mỹ	Thành viên Hội đồng Trường Đại học Cornell & Hội đồng Cố vấn Hiệu trưởng trường Kinh tế Johnson & Quản lý Khách sạn – du lịch Nolan Giảng viên danh dự của Hiệu trưởng Giảng viên khách mời chương trình Thạc sỹ quản lý bất động sản Baker
Từ 04/2023 đến nay	Đại học Trung Văn Hong Kong	Cố vấn Hiệu trưởng Trường Quản lý khách sạn - Đại học Trung văn Hong Kong
Từ 04/2023 đến nay	CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Thành viên độc lập HĐQT
Từ 04/2023 đến nay	Tổng CTCP Bảo hiểm AAA	Thành viên độc lập HĐQT

- **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành: tại BCG**

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Thành viên độc lập HĐQT	28/04/2023

- **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:**

Tên tổ chức	Chức vụ	Thời gian bầu /bổ nhiệm
CTCP BCG Land	Thành viên độc lập HĐQT	05/2022
Đại học Cornell – Mỹ	Thành viên Hội đồng Trường Đại học Cornell & Hội đồng Cố vấn Hiệu trưởng trường Kinh tế Johnson & Quản lý Khách sạn – du lịch Nolan Giảng viên danh dự của Hiệu trưởng Giảng viên khách mời chương trình Thạc sỹ quản lý bất động sản Baker	04/2023

Đại học Trung Văn Hong Kong	Cố vấn Hiệu trưởng Trường Quản lý khách sạn - Đại học Trung văn Hong Kong	04/2023
Tổng CTCP Bảo hiểu AAA	Thành viên độc lập HĐQT	04/2023

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người của liên quan của họ (đến thời điểm 26/03/2024):

  + Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu
  + Cá nhân sở hữu : 1.050.000 cổ phiếu chiếm 0,2% vốn điều lệ
  + Người có liên quan sở hữu : Không có

- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành: không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:
  - ✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa BCG, công ty con của BCG hoặc BCG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với người nội bộ: Không có
  - ✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa BCG, công ty con của BCG hoặc BCG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của người nội bộ:

STT	Loại Giao Dịch	Giá Trị Giao Dịch	Các điều khoản quan trọng	Các Cấp Phê Duyệt	BCG/công ty con của BCG/BCG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ	Đối tác là người có liên quan với người nội bộ
1	Hợp đồng hợp tác đầu tư số 1805/2022/HĐ-HTĐT-BCG-HL ký ngày 18/05/2022	800.000.000.000	Không có	HĐQT	BCG	CTCP BCG Land
2	Hợp đồng số 04/HDDV-BCG-AAA	640.000.000 /tháng	Không có	HĐQT	BCG	Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA
3	Hợp đồng 04/HDDV-BCG-BCGL	720/tháng	Không có	HĐQT	BCG	CTCP BCG Land

(Nguồn: BCG)

- ✓ Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Người nội bộ	Thu nhập (đồng)		ESOP 2 năm gần nhất (cổ phần)
	Năm 2022	Năm 2023	
Đặng Đình Tuấn	Không có	60.000.000	Không có

(Nguồn: BCG)

- Các khoản nợ đối với BCG: không có
- Người nội bộ có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có

j. Ông Vũ Xuân Chiến – Thành viên độc lập Hội đồng quản trị kiêm Trưởng Văn phòng Đại diện tại Hà Nội

- Họ và tên : **VŨ XUÂN CHIẾN**
- Ngày tháng năm sinh : 29/09/1984
- Nơi sinh : Hà Nội
- CCCD số : 001084015033, Ngày cấp: 04/05/2016, Nơi cấp: CCS ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Tổ 46 Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam
- Trình độ chuyên môn : Đại học
- Năng lực chuyên môn : + Cử nhân Công nghệ Sinh học – Đại học Nông nghiệp Quốc gia Mông Cổ
  + Cử nhân Luật – Đại học Luật Hà Nội
- Kinh nghiệm công tác :

Quá trình công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
2011 - 2012	Công ty TNHH Công nghệ và Dịch vụ Tin học HLC	Phó Trưởng phòng
2012 - 2013	Công ty TNHH MTV Thời trang Mặt trời	Trưởng phòng
2013 - 2014	Công ty TNHH Thương Mại VHC	Chuyên viên
2014 - 2018	CTCP Dịch vụ và phát triển công nghệ Retech	Phó Trưởng phòng
2018 đến nay	Công ty TNHH M8	Trưởng ban Truyền thông

2020 đến nay	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ SIB Việt Nam	Trưởng phòng Kinh Doanh
2022 đến nay	CTCP Đầu tư Phát triển nhà MHDI2	Giám đốc Chi nhánh Miền Bắc
04/2023 đến nay	CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Thành viên độc lập HĐQT
02/2024 đến nay	CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Trưởng Văn phòng Đại diện tại Hà Nội

- **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành: tại BCG**

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Thành viên độc lập HĐQT	28/04/2023

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Tên tổ chức	Chức vụ	Thời gian bầu /bổ nhiệm
Công ty TNHH M8	Trưởng ban Truyền thông	2018
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ SIB Việt Nam	Trưởng phòng Kinh Doanh	2020
CTCP Đầu tư Phát triển nhà MHDI2	Giám đốc Chi nhánh Miền Bắc	2022
CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Trưởng Văn phòng Đại diện tại Hà Nội	02/2024

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người của liên quan của họ (đến thời điểm 26/03/2024) :

  + Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu
  + Cá nhân sở hữu : 0 cổ phiếu chiếm 0% vốn điều lệ
  + Người có liên quan sở hữu : Không có

- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành: không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:
  ✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa BCG, công ty con của BCG hoặc BCG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với người nội bộ: Không có

✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa BCG, công ty con của BCG hoặc BCG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của người nội bộ: Không có

✓ Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Người nội bộ	Thu nhập (đồng)		ESOP 2 năm gần nhất (cổ phần)
	Năm 2022	Năm 2023	
Vũ Xuân Chiến	Không có	130.625.000	Không có

(Nguồn: BCG)

- Các khoản nợ đối với BCG: không có
- Người nội bộ có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có

3.2 Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Nguyễn Tùng Lâm	Tổng Giám đốc
2	Phạm Hữu Quốc	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

a. Ông Nguyễn Tùng Lâm – Tổng Giám đốc (xem mục 3.1.b)

b. Phạm Hữu Quốc – Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

- Họ và tên : **PHẠM HỮU QUỐC**
- Ngày tháng năm sinh : 21/10/1988
- Nơi sinh : Gia Lai
- CCCD số : 064088012507, Ngày cấp: 05/08/2022, Nơi cấp: CA. Tỉnh Gia Lai
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Căn hộ 4.12 Chung cư Lucky Dragon, 359 Dỗ Xuân Hợp, Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn : Đại học
- Năng lực chuyên môn : + Cử nhân Kế toán
  + Cử nhân Luật
- Kinh nghiệm công tác :

Quá trình công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 08/2010 đến 08/2013	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C	Trợ lý kiểm toán
Từ 12/2013 đến 08/2021	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc Nova	Trưởng phòng cao cấp hoạch định và phân tích tài chính
Từ 12/2021 đến nay	CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Giám đốc Khối Kế toán hợp nhất và Quản trị dòng tiền
Từ 07/2022 đến nay	CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Kế toán trưởng
Từ 04/2023 đến nay	CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Giám đốc Tài chính
Từ 04/2023 đến nay	Tổng CTCP Bảo Hiểm AAA	Thành viên HĐQT
Từ 05/2023 đến nay	CTCP Phát triển Nguyễn Hoàng	Thành viên HĐQT
Từ 05/2023 đến nay	CTCP BCG Financial	Giám đốc Tài chính
Từ 08/2023 đến nay	CTCP BCG Financial	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 10/2023 đến nay	CTCP BCG Land	PTGĐ phụ trách Tài chính kiêm Giám đốc Tài chính

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành: tại BCG

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Giám đốc Khối Kế toán hợp nhất và Quản trị dòng tiền	12/2021
Kế toán trưởng	01/07/2022, tái bổ nhiệm 10/2023
Giám đốc Tài chính	01/04/2023

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Tên tổ chức	Chức vụ	Thời gian bầu /bổ nhiệm
Tổng CTCP Bảo Hiểm AAA	Thành viên HĐQT	04/2023
CTCP Phát triển Nguyễn Hoàng	Thành viên HĐQT	05/2023
CTCP BCG Financial	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Tài chính	GĐTC 05/2023 PCT 08/2023

CTCP BCG Land	PTGĐ phụ trách Tài chính kiêm Giám đốc Tài chính	10/2023

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người của liên quan của họ (đến thời điểm 26/03/2024): 0 cổ phiếu
  + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
  + Cá nhân sở hữu: 100.000 cổ phiếu, chiếm 0,02 % vốn điều lệ
  + Người có liên quan sở hữu: 0 cổ phiếu
- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:
  - ✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa BCG, công ty con của BCG hoặc BCG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với người nội bộ: Không có
  - ✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa BCG, công ty con của BCG hoặc BCG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của người nội bộ:

STT	Loại Giao Dịch	Giá Trị Giao Dịch (chưa VAT)	Các điều khoản quan trọng	Các Cấp Phê Duyệt	BCG/công ty con của BCG/BCG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ	Đối tác là người có liên quan với người nội bộ
1	Hợp đồng hợp tác đầu tư số 1805/2022/HĐ-HTĐT-BCG-HL ký ngày 18/05/2022	800.000.000.000	Không có	HĐQT	BCG	CTCP BCG Land
2	Hợp đồng số 04/HDDV-BCG-AAA	640.000.000 /tháng	Không có	HĐQT	BCG	Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA
3	Hợp đồng 04/HDDV-BCG-BCGL	720.000.000 /tháng	Không có	HĐQT	BCG	CTCP BCG Land
4	Hợp đồng số 03/HDDV-BCG ký ngày 17/02/2020 và Phụ lục	240.000.000/tháng	Không có	HĐQT	BCG	CTCP Phát triển Nguyễn Hoàng

(Nguồn: BCG)

- ✓ Thù lao và các khoản lợi ích khác: Giá trị Esop 2 năm gần đây nhận được là 100.000 cổ phiếu.

Ngoài ra Ông Phạm Hữu Quốc được bổ nhiệm từ tháng 7/2022 do đó các khoản thù lao và lợi ích khác hưởng theo chức vụ kế toán trưởng sẽ được nhận từ tháng 7/2022.

- Các khoản nợ đối với BCG: Không có
- Thù lao và các lợi ích khác:

Người nội bộ	Thu nhập (đồng)		ESOP 2 năm gần nhất (cổ phần)
	Năm 2022	Năm 2023	
Phạm Hữu Quốc	600.000.000	1,252,000,000	100.000

(Nguồn: BCG)

- Người nội bộ có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có

3.3 Ban Kiểm soát

Bảng 48. Thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Đồng Hải Hà	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Nguyễn Viết Cương	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Kou Kok Yiow	Thành viên Ban Kiểm soát

a. Ông Đồng Hải Hà – Trưởng Ban Kiểm soát

- Họ và tên : **ĐỒNG HẢI HÀ**
- Ngày tháng năm sinh : 04/07/1977
- Nơi sinh : Lâm Đồng
- CCCD số : 068077000136, Ngày cấp: 30/08/2019, Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 200/1/12 Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn : Sau Đại học
- Năng lực chuyên môn :
  + Kỹ sư – Đại học Kiến trúc TP.HCM
  + Thạc sỹ Quản lý Kỹ thuật Xây dựng - Swinburne University of Technology, Australia

+ Cử nhân Luật – Đại học Đà Lạt

- Kinh nghiệm công tác :

Quá trình công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1998 đến 2000	Công ty Liên danh Kumagai – Kukdong – Astaldi	Kỹ sư giám sát
Từ 2000 đến 2003	Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh	Chuyên viên Quản lý dự án
Từ 2004 đến 2010	Ban Quản Lý Dự án Đầu tư xây dựng Thủ Thiêm	Phó Giám đốc
Từ 2010 đến 2013	CTCP Địa ốc Nam Việt	Giám đốc dự án
Từ 2013 đến 2017	Ban Quản lý dự án - Sở Y Tế TP. HCM	Trưởng phòng Quản lý dự án
Từ 2017 đến 2020	Trung tâm Dịch vụ - Tư vấn Đầu tư, Xây dựng Thủ Thiêm	Trưởng phòng Kỹ thuật – Công trình
Từ 08/2020 đến 06/2022	CTCP BCG Energy	Phó Tổng Giám đốc
Từ 08/2020 đến nay	CTCP Aurai Wind Energy	Thành viên HĐQT
Từ 09/2020 đến nay	CTCP BCG Wind Sóc Trăng	Thành viên HĐQT
Từ 10/2020 đến nay	CTCP Điện gió BCG Khai Long 2	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 12/2020 đến 07/2020	CTCP BCG Wind Sóc Trăng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Từ 02/2021 đến nay	Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	Thành viên HĐTV
Từ 02/2021 đến 10/2021	Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	Tổng Giám đốc
Từ 02/2021 đến 02/2022	Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	Tổng Giám đốc
Từ 02/2021 đến nay	CTCP Điện gió BCG Khai Long 1	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 02/2021 đến 07/2022	CTCP Điện gió BCG Khai Long 1	Tổng Giám đốc
Từ 03/2021 đến 07/2022	CTCP Điện gió BCG Khai Long 2	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Từ 05/2021 đến nay	CTCP Điện gió BCG Khai Long 3	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 05/2021 đến 07/2022	CTCP Điện gió BCG Khai Long 3	Tổng Giám đốc
Từ 02/2022 đến nay	Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	Thành viên HĐTV
Từ 06/2022 đến nay	CTCP BCG Land	Trưởng Ban kiểm soát
Từ 07/2022 đến nay	CTCP BCG Energy	Trưởng Ban kiểm soát
Từ 07/2022 đến nay	CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Trưởng Ban kiểm soát
Từ 08/2022 đến nay	Tổng CTCP Bảo Hiểm AAA	Trưởng Ban kiểm soát
Từ 03/2023 đến nay	CTCP Dược phẩm Tipharco	Trưởng Ban kiểm soát
Từ 05/2023 đến nay	CTCP Phát triển Nguyễn Hoàng	Trưởng Ban kiểm soát
Từ 06/2023 đến nay	Công ty TNHH Tracodi E&C	Trưởng Ban kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành: tại BCG

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Trưởng Ban kiểm soát	22/07/2022

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Tên tổ chức	Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
CTCP Aurai Wind Energy	Thành viên HĐQT	08/2020
CTCP BCG Wind Sóc Trăng	Thành viên HĐQT	09/2020
CTCP Điện gió BCG Khai Long 2	Phó Chủ tịch HĐQT	10/2020
CTCP Điện gió BCG Khai Long 1	Phó Chủ tịch HĐQT	02/2021
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	Thành viên HĐTV	02/2021
CTCP Điện gió BCG Khai Long 3	Phó Chủ tịch HĐQT	05/2021
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	Thành viên HĐTV	02/2022
CTCP BCG Land	Trưởng Ban kiểm soát	06/2022
CTCP BCG Energy	Trưởng Ban Kiểm soát	07/2022
Tổng CTCP Bảo Hiểm AAA	Trưởng Ban Kiểm soát	08/2022
CTCP Dược phẩm Tipharco	Trưởng Ban Kiểm soát	03/2023

CTCP Phát triển Nguyễn Hoàng	Trưởng Ban Kiểm soát	05/2023
Công ty TNHH Tracodi E&C	Trưởng Ban Kiểm soát	06/2023

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người của liên quan của họ (đến thời điểm 26/03/2024):
  + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
  + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu chiếm 0% vốn điều lệ
  + Người có liên quan sở hữu: 3.157.000 cổ phiếu chiếm 0,59% vốn điều lệ
- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành:

Người có liên quan	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ	Là cổ đông	Là người nội bộ
Đỗ Thị In	Mẹ ruột	3.150.000	0,59%	Có	Không
Đồng Thị Xuân Nga	Em ruột	7.000	0,0013%	Có	Không

- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:
  ✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa BCG, công ty con của BCG hoặc BCG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với người nội bộ: Không có
  ✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa BCG, công ty con của BCG hoặc BCG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của người nội bộ:

STT	Loại Giao Dịch	Giá Trị Giao Dịch (chưa VAT)	Các điều khoản quan trọng	Các Cấp Phê Duyệt	BCG/công ty con của BCG/BCG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ	Đối tác là người có liên quan với người nội bộ
1	Hợp đồng hợp tác đầu tư số 1805/2022/HĐ-HTĐT-BCG-HL ký ngày 18/05/2022	800.000.000.000	Không có	HĐQT	BCG	CTCP BCG Land
2	Hợp đồng số 04/HDDV-BCG-AAA	640.000.000 Đồng	Không có	HĐQT	BCG	Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA
3	Hợp đồng 04/HDDV-BCG-BCGL	720.000.000 Đồng	Không có	HĐQT	BCG	CTCP BCG Land

STT	Loại Giao Dịch	Giá Trị Giao Dịch (chưa VAT)	Các điều khoản quan trọng	Các Cấp Phê Duyệt	BCG/công ty con của BCG/BCG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ	Đối tác là người có liên quan với người nội bộ
4	Hợp đồng số 03/HDDV-BCG ký ngày 17/02/2020 và Phụ lục	240.000.000/ tháng	Không có	HĐQT	BCG	CTCP Phát triển Nguyễn Hoàng
5	Hợp đồng vay ngày 19/11/2021	247.000.000.000	Không có	HĐQT	BCG	Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2
6	Hợp đồng vay ngày 19/11/2021	253.000.000.000	Không có	HĐQT	BCG	CTCP BCG Wind Sóc Trăng
7	Hợp đồng 02/HDDV-BCG	960.000.000/ tháng	Không có	HĐQT	BCG	CTCP BCG Energy

(Nguồn: BCG)

✓ **Thù lao và các khoản lợi ích khác:** Giá trị Esop 2 năm gần đây nhận được là 0 cổ phiếu.

Ngoài ra Ông Đồng Hải Hà được bổ nhiệm từ tháng 7/2022 do đó các khoản thù lao và lợi ích khác hưởng theo chức vụ kế toán trưởng sẽ được nhận từ tháng 7/2022.

- Các khoản nợ đối với BCG: Không có
- Thù lao và các lợi ích khác:

Người nội bộ	Thu nhập (đồng)		ESOP 2 năm gần nhất (cổ phần)
	Năm 2022	Năm 2023	
Đồng Hải Hà	Không có	90.000.000	

(Nguồn: BCG)

- Người nội bộ có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có

b. Ông Nguyễn Viết Cương – Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và tên : **NGUYỄN VIẾT CƯƠNG**

- Ngày tháng năm sinh : 23/09/1983
- Nơi sinh : Thanh Hóa
- CCCD số : 038083038910, Ngày cấp: 04/09/2022, Nơi cấp: Cục Cảnh Sát QLHC về TTXH
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Số 72/53/22/10 Đường số 4, Khu phố 6, Phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. HCM
- Trình độ chuyên môn : Đại học
- Năng lực chuyên môn : Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật

  Chứng chỉ Kiểm toán viên (CPAVN)

  Chứng chỉ đào tạo Luật sư Việt Nam
- Kinh nghiệm công tác :

Quá trình công tác	Tổ chức	Chức vụ
Từ 2008 đến 2015	Công ty Kiểm toán Phía Nam	Kiểm toán viên
Từ 2015 đến 02/2016	CTCP Bamboo Capital	Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ
Từ 02/2016 đến 12/2016	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Thành viên Ban Kiểm soát
Từ 12/2016 đến nay	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Trưởng Ban Kiểm soát
Từ 06/2020 đến nay	CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Thành viên Ban Kiểm soát
Từ 12/2020 đến 05/2022	CTCP BCG Land	Trưởng Ban Kiểm soát
Từ 12/2020 đến 05/2022	CTCP BCG Energy	Thành viên Ban Kiểm soát
Từ 05/2022 đến nay	CTCP BCG Land	Phó Ban Kiểm soát
Từ 07/2022 đến nay	CTCP BCG Energy	Phó Ban Kiểm soát

Từ 05/2023 đến nay	CTCP Xuất khẩu Lao động Tracodi	Trưởng Ban kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành: tại BCG

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Thành viên Ban kiểm soát	06/2020

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Tên tổ chức	Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Trưởng Ban kiểm soát	12/2016
CTCP BCG Land	Phó Ban Kiểm soát	05/2022
CTCP BCG Energy	Phó Ban Kiểm soát	07/2022
CTCP Xuất khẩu Lao động Tracodi	Trưởng Ban kiểm soát	05/2023

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người của liên quan của họ (đến thời điểm 26/03/2024):
  + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
  + Cá nhân sở hữu: 25.355 cổ phiếu chiếm 0,005% vốn điều lệ
  + Người có liên quan sở hữu: 0 cổ phiếu
- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:
  ✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa BCG, công ty con của BCG hoặc BCG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với người nội bộ: Không có
  ✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa BCG, công ty con của BCG hoặc BCG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của người nội bộ:

STT	Loại Giao Dịch	Giá Trị Giao Dịch (đồng, chưa VAT)	Các điều khoản quan trọng	Các Cấp Phê Duyệt	BCG/công ty con của BCG/BCG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ	Đối tác là người có liên quan với người nội bộ
1	Hợp đồng hợp tác đầu tư số 1805/2022/HĐ-HTĐT-BCG-HL ký ngày 18/05/2022	800.000.000.000	Không có	HĐQT	BCG	CTCP BCG Land
2	Hợp đồng 04/HDDV-BCG-BCGL	720/tháng	Không có	HĐQT	BCG	CTCP BCG Land
3	Hợp đồng 02/HDDV-BCG	960.000.000/ tháng	Không có	HĐQT	BCG	CTCP BCG Energy
4	Hợp đồng 01/HDDV-BCG-TCD	480.000.000 /tháng	Không có	HĐQT	BCG	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải

(Nguồn: BCG)

✓ Thù lao và các lợi ích khác:

Người nội bộ	Thu nhập (đồng)		ESOP 2 năm gần nhất (cổ phần)
	Năm 2022	Năm 2023	
Nguyễn Việt Cương	195.000.000	165.750.000	20.000

(Nguồn: BCG)

- Các khoản nợ đối với BCG: Không có
- Người nội bộ có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có

c. ***Ông Kou Kok Yiow – Thành viên Ban Kiểm soát***

- Họ và tên : **KOU KOK YIOW**
- Ngày tháng năm sinh : 18/04/1962
- Nơi sinh : Singapore
- Hộ chiếu số : K0995311K, Ngày cấp: 25/01/2019, Nơi cấp: Singapore
- Quốc tịch : Singapore

- Địa chỉ thường trú : 9 Seagull Walk, Singapore 486754
- Trình độ chuyên môn : Đại học
- Năng lực chuyên môn : Cử nhân ngành Kế toán - Đại học Quốc gia Singapore
- Kinh nghiệm công tác :

Quá trình công tác	Tổ chức	Chức vụ
Từ 1989 đến 1991	KPMG Singapore	Kiểm toán viên
Từ 1991 đến 1996	Tai Wah Garments & Knitting Factory Pte Ltd	Giám đốc
Từ 1997 đến nay	Harvest Global Investment Pte Ltd	Giám đốc
Từ 06/2020 đến nay	CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Thành viên Ban kiểm soát
Từ 08/2023 đến nay	CTCP Du lịch Sinh thái Phương Nam	Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành: tại BCG

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Thành viên Ban kiểm soát	06/2020

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Tên tổ chức	Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Công ty Harvest Global Investment Pte Ltd	Giám đốc	1997
CTCP Du lịch Sinh thái Phương Nam	Chủ tịch HĐQT	08/2023

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người của liên quan của họ (đến thời điểm 26/03/2024):
  + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
  + Cá nhân sở hữu: 347.004 cổ phiếu, chiếm 0,065% vốn điều lệ
  + Người có liên quan sở hữu: 0 cổ phiếu
- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành: không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:
  ✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa BCG, công ty con của BCG hoặc BCG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với người nội bộ: Không có

- ✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa BCG, công ty con của BCG hoặc BCG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của người nội bộ: không có
- ✓ Thù lao và lợi ích khác:

Người nội bộ	Thu nhập (đồng)		ESOP 2 năm gần nhất (cổ phần)
	Năm 2022	Năm 2023	
Kou Kok Yiow	Không có	36.000.000	Không có

(Nguồn: BCG)

- Các khoản nợ đối với BCG: không có
- Người nội bộ có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông
2. **Mệnh giá cổ phiếu:** 10.000 đồng/cổ phiếu
3. **Tổng số lượng cổ phiếu chào bán**

   Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 266.733.811 cổ phiếu, tương ứng chiếm 50% số lượng cổ phiếu dự kiến lưu hành tại thời điểm thực hiện chào bán.
4. **Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá**

   Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 2.667.338.110.000 đồng.
5. **Giá chào bán dự kiến:** 10.000 đồng/cổ phiếu
6. **Phương pháp tính giá**

   Phương pháp giá đã được nêu tại Tờ trình số 22/2022/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/06/2022 v/v phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 06/2022/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 22/07/2022, cụ thể:

   - *Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2021 theo BCTC hợp nhất của Công ty:*

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{8.349.564.582.593}{297.537.174} = 28.062 \text{ đồng}$$

   - *Giá thị trường:* Trong khoảng thời gian từ 11/05/2022 đến 21/06/2022 trên sàn giao

dịch của Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, cổ phiếu BCG có giá đóng cửa bình quân là 19.052 đồng/30 phiên giao dịch (số liệu tại website: www.hsx.vn)

Căn cứ vào Điều 126 Luật Doanh nghiệp: "*Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:*

1. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;

2. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở công ty;

... ..."

Để đảm bảo cho đợt chào bán thành công, giá chào bán cho cổ đông hiện hữu được Hội đồng quản trị đề nghị và được ĐHĐCĐ thông qua là: **10.000 đồng/cổ phiếu**

7. Phương thức phân phối

- Hình thức phát hành: Chào bán cho cổ đông hiện hữu
- Phân phối theo phương thức thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu.
- Tỷ lệ thực phân phối: 2:1 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được nhận 01 quyền mua, 02 quyền mua thì được mua 01 cổ phiếu mới).
- Chuyển nhượng quyền mua: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần (người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng quyền mua cho người thứ ba). Bên chuyển nhượng và Bên nhận chuyển nhượng tự thực hiện thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng.
- Phương thức làm tròn và xử lý cổ phiếu lẻ: Số lượng cổ phiếu mỗi Cổ đông nhận được khi phát hành sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Số cổ phiếu lẻ (phần thập phân) (nếu có) sẽ được hủy bỏ.
- Xử lý cổ phiếu cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua: Số cổ phiếu cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua sẽ được HĐQT phân phối lại cho các Nhà đầu tư khác (bao gồm các cổ đông hiện hữu khác có nhu cầu mua thêm) với giá phát hành có thể thấp hơn giá trị sổ sách của cổ phiếu nhưng không thấp hơn mức giá phát hành cho cổ đông hiện hữu để đảm bảo phân phối hết toàn bộ số cổ phiếu được phát hành, trường hợp vẫn không bán hết thì tăng vốn điều lệ theo số cổ phiếu thực tế phát hành.

CTCP Tập đoàn Bamboo Capital cam kết không phân phối cho các công ty con đảm bảo thực hiện theo Khoản 2 Điều 195 Luật doanh nghiệp 2020: "Công ty con không được đầu

tư mua cổ phần, góp vốn vào công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được đồng thời cùng góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau."

Toàn bộ số cổ phiếu không phân phối hết sẽ được HĐQT tiếp tục chào bán cho các đối tượng khác đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

a) Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu:
Không quy định

b) Thời hạn đăng ký

Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký cụ thể trong Bản thông báo phát hành và đảm bảo thời gian đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 ngày theo đúng luật quy định.

c) Phương thức xử lý trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu (nếu có):

Không quy định

d) Số lượng cổ phiếu chào bán: 266.733.811 cổ phiếu

e) Phương thức thanh toán

- Đối với cổ đông đã lưu ký:

• Cổ đông làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua tại các Thành viên lưu ký (TVLK) nơi mở tài khoản lưu ký.

• Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện hết hiệu lực.

- Đối với cổ đông chưa lưu ký: Cổ đông làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua tại Trụ sở Công ty.

- Tiền mua cổ phiếu được chuyển vào tài khoản phong toả của Công ty.

f) Chuyển nhượng quyền mua:

Trong thời hạn đăng ký mua, cổ đông sở hữu quyền mua được phép chuyển nhượng quyền nếu có nhu cầu.

✓ Đối với cổ đông đã lưu ký:

Cổ đông tự tìm đối tác, trực tiếp thỏa thuận việc chuyển nhượng và thực hiện tại CTCK nơi cổ đông mở tài khoản giao dịch.

✓ Đối với cổ đông chưa lưu ký:

Cổ đông thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền mua tại BCG theo như thông báo.

- Các điều khoản có liên quan:

✓ Cổ đông sở hữu quyền mua có quyền từ chối mua toàn bộ hoặc một phần số lượng cổ phiếu phát hành theo quyền mua trong thời gian thực hiện quyền.

✓ Kết thúc thời gian thực hiện quyền, nếu quyền mua không được thực hiện, tất cả các quyền lợi liên quan đến quyền mua sẽ đương nhiên chấm dứt và tổ chức phát hành không phải thanh toán cho người sở hữu quyền bất cứ một khoản phí nào.

✓ Người sở hữu quyền mua được bán, cho, tặng toàn bộ hoặc một phần số lượng quyền mua nắm giữ trong thời hạn có hiệu lực, nhưng phải thực hiện thủ tục chuyển nhượng cho người nhận chuyển nhượng theo quy định về chuyển nhượng quyền.

g) Chuyển giao cổ phiếu

- Sau khi VSDC gửi Báo cáo phân bổ chứng khoán phát hành thêm đến các TVLK, TVLK hạch toán phát hành thêm vào tài khoản lưu ký chứng khoán chưa phát hành.
- Khi cổ phiếu được thông báo chính thức phát hành bổ sung, số chứng khoán được hạch toán vào tài khoản lưu ký của nhà đầu tư.
- Đối với cổ đông chưa lưu ký thì cổ phiếu được phân phối trực tiếp tại trụ sở Công ty.
- Sau khi BCG tiến hành các thủ tục phân phối cổ phiếu, các cổ phiếu mới phát hành có quyền lợi và nghĩa vụ như cổ phiếu cũ.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

- Thời gian phân phối cổ phiếu được thực hiện sau khi Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng có hiệu lực nhưng không được vượt quá 90 ngày. Trong trường hợp vì một số lý do khách quan dẫn đến việc phát hành kéo dài hơn thời hạn 90 ngày, Công ty sẽ xin gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng nhưng tối đa không quá 30 ngày.
- Thời gian tiến hành dự kiến: Quý II/2024.

Bảng 49. Lịch trình dự kiến của đợt phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng

STT	Công việc	Thời gian
1	Ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng có hiệu lực	T
2	Thông báo chốt danh sách cổ đông gửi tới VSDC và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh để triển khai	T đến T+2
3	Công bố việc chào bán trên các phương tiện thông tin đại chúng	T + 2 đến T + 7

4	Ngày giao dịch không hưởng quyền	T + 11
5	Ngày đăng ký cuối cùng	T + 12
6	Thông báo danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu đến các cổ đông	T + 14 đến T + 18
7	Cổ đông đăng ký, chuyển nhượng quyền mua; nhà đầu tư nộp tiền mua cổ phiếu	T + 19 đến T + 40
8	Tổng hợp nhà đầu tư đăng ký mua cổ phiếu phát hành thêm	T + 47
9	HĐQT phân phối tiếp số cổ phần do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua cổ phần cho nhà đầu tư	T + 48 đến T + 58
10	Báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành	T + 59
11	Chuyển giao cổ phiếu hoặc trả giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho người mua	T + 59 đến T + 88

Thời gian phân phối cụ thể sẽ được nêu chi tiết tại Bản thông báo chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của BCG sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

- Quyền mua của cổ đông BCG được chuyển nhượng 01 (một) lần. Bên nhận chuyển nhượng không được tiếp tục chuyển nhượng cho người khác.
- Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu là cổ phiếu phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Số cổ phiếu cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua được HĐQT phân phối lại cho các nhà đầu tư khác bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định tại khoản Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- BCG cũng lưu ý thêm với cổ đông và nhà đầu tư: Theo công văn số 8217/UBCK-PTTT ngày 08/12/2021 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 50%, vậy khi thực hiện chuyển nhượng quyền mua cổ đông chuyển nhượng và nhà đầu tư nhận chuyển nhượng lưu ý về tỷ lệ nhà đầu tư nước ngoài đang nắm giữ cổ phiếu BCG tại thời điểm phân phối và đảm bảo thực hiện đúng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam tại Khoản 4, Khoản 5 Điều 139 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

- Chủ tài khoản: CTCP Tập đoàn Bamboo Capital
- Số tài khoản: 1000 397 331 00002
- Tên ngân hàng nơi mở tài khoản: Ngân hàng TMCP Nam Á

12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành (trường hợp Tổ chức phát hành thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền)

- Không có

13. Hủy bỏ đợt chào bán

- Do công ty không thực hiện huy động vốn sử dụng cho mục đích thực hiện dự án nên không áp dụng.

14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Theo công văn số 8217/UBCK-PTTT ngày 08/12/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 50%.

Ngày 30/09/2022, HĐQT CTCP Tập đoàn Bamboo Capital đã có Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐQT-BCG về việc triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, trong đó đã thông qua nội dung phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo đúng quy định pháp luật trong đợt chào bán:

- Thực hiện phân phối quyền mua cổ phiếu cho các nhà đầu tư nước ngoài theo đúng tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ thực hiện quyền theo danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu.
- Hội đồng quản trị cam kết không thực hiện phân phối số cổ phiếu không đăng ký mua, không nộp tiền mua, số cổ phiếu lẻ (nếu có) cho nhà đầu tư nước ngoài.

15. Các loại thuế có liên quan (thuế thu nhập và các thuế khác liên quan đến cổ phiếu chào bán)

15.1 Thuế liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp

✧ **Thuế giá trị gia tăng**

- Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

✧ **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

- Căn cứ điểm 5, điều 11, Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 hướng dẫn về thuế TNDN tại Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ: Công ty áp dụng

thuế suất thuế TNDN là 10% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ hoạt động bán điện năng lượng tái tạo ở địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn.

- Các hoạt động khác Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất 20%.

❖ **Các loại thuế khác**

Các loại thuế khác như: Thuế xuất nhập khẩu, thuế tài nguyên, thuế môn bài, thuế trước bạ, thuế thu nhập cá nhân .. Công ty đã thực hiện theo đúng các quy định hiện hành tại Việt Nam. Quyết toán thuế sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

15.2 Thuế liên quan đến nhà đầu tư, cổ đông của Công ty

❖ **Đối với nhà đầu tư cá nhân**

a. Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

Đối với nhà đầu tư trong nước: Căn cứ theo Thông tư 25/2018/TT-BTC có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/05/2018: Điều 4. Sửa đổi, bổ sung điểm b Khoản 4 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính thì thuế thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Đối với nhà đầu tư nước ngoài: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế TNCN là 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.

b. Thu nhập từ cổ tức

Trong trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức từ Công ty, nếu cổ tức được chia là cổ tức tiền mặt thì Thuế TNCN được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%.

Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, tuy nhiên khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phần này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế quy định tại Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ về hướng dẫn Luật quản lý thuế và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thuế thu nhập cá nhân và Nghị định 65/2013/NĐ-CP do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

❖ **Đối với nhà đầu tư tổ chức**

- *Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:*

+ Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 thì thu nhập từ chuyển

nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

+ Riêng đối với doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

- *Thu nhập từ cổ tức:*

Theo quy định tại Khoản 6 Điều 8 Thông tư 78/2014/TT-BTC thu nhập từ cổ tức nhận được từ góp vốn từ doanh nghiệp trong nước, nếu đơn vị nhận vốn góp đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của phần cổ tức đó. Thì cổ tức nhận được thuộc các khoản thu nhập được miễn thuế TNDN khi xác định thu nhập tính thuế.

16. Thông tin về các cam kết

Thông tin cam kết đăng ký niêm yết bổ sung

- Việc đăng ký niêm yết cổ phiếu của Công ty được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 12 Nghị định số 155/2020/QH14 ngày 31/12/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;
- Sau khi hoàn thành phân phối cổ phiếu chào bán đồng thời thực hiện báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty sẽ nộp hồ sơ đăng ký niêm yết bổ sung và triển khai các thủ tục cần thiết nhằm đảm bảo hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết bổ sung trong thời hạn 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc đợt chào bán.
- Ngoài ra Công ty không có cam kết nào khác liên quan đến đợt chào bán.

17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt:

Không có

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 06/2022/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 22/07/2022, mục đích chào bán:

- Nhằm nâng cao năng lực về vốn, tương xứng với tổng giá trị tài sản hiện tại mà Công ty đang sở hữu
- Bổ sung nguồn vốn nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Theo Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 06/2022/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 22/07/2022 và Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 15/03/2023; Nghị quyết HĐQT số

91/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 30/09/2022, Nghị quyết HĐQT số 105/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 22/12/2022, Nghị quyết HĐQT số 10/2023/NQ-HĐQT-BCG ngày 10/02/2023 và Nghị quyết HĐQT số 22/2023/NQ-HĐQT-BCG ngày 15/03/2023 đã thông qua phương án dự kiến sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán như sau:

STT	Phương án sử dụng tiền	Số tiền dự kiến (đồng)	Thời gian sử dụng tiền dự kiến
1	Thực hiện thanh toán nợ cho Công ty cổ phần BCG Financial theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 1509/2021/HĐHTKD-BCG-BCGF ngày 15/09/2021	282.500.000.000	Quý 2/2024
2	Thực hiện thanh toán nợ vay cho Bà Nguyễn Thị Minh Thương theo Hợp đồng mượn tiền số 04/2022/HĐMT/BCG-NTMT ngày 14/04/2022	100.000.000.000	Quý 2/2024
3	Thực hiện thanh toán tiền theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HTKD/BCG-TNM ngày 20/04/2022 giữa CTCP Tập Đoàn Bamboo Capital và Công ty cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Tầu nhìn mới	1.425.000.000.000	Quý 2/2024
4	Thực hiện thanh toán nợ cho Công ty TNHH Kinh doanh dịch vụ Bất động sản Thăng Long theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 07/2021/HĐHTKD-BCG-BDSTL ngày 10/3/2021	378.000.000.000	Quý 2/2024
5	Thực hiện thanh toán nợ vay cho Bà Trần Thùy Dung số 05/2022/HĐMT/BCG-TTD ngày 21/09/2022	30.000.000.000	Quý 2/2024
6	Thực hiện cho Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas vay để bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh (bao gồm nhưng không giới hạn việc trả nợ nhà thầu, nhà cung cấp, chi phí xây dựng,...)	355.000.000.000	Quý 2/2024

STT	Phương án sử dụng tiền	Số tiền dự kiến (đồng)	Thời gian sử dụng tiền dự kiến
7	Bổ sung vốn lưu động khác	96.838.110.000	Quý 2/2024 – Quý 1/2025
	Tổng cộng:	**2.667.338.110.000**	

Trong trường hợp số tiền thu được không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích nêu trên thì Công ty sẽ ưu tiên sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán cho các mục đích nêu trên lần lượt theo thứ tự từ (1) đến (7).

Trong trường hợp không huy động đủ số tiền nêu trên thì Công ty sẽ bổ sung nguồn vốn từ nguồn khác của Công ty (ví dụ như tiền, các khoản nợ phải thu, vay ngân hàng v.v.) đảm bảo thanh toán đầy đủ, đúng hạn các nghĩa vụ tài chính của Công ty theo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào tình hình thực tế Hội đồng quản trị Công ty có thể tiến hành điều chỉnh kế hoạch sử dụng vốn nói trên nếu thấy cần thiết đảm bảo đúng mục đích đã được ĐHĐCĐ thông qua và công bố thông tin theo đúng của định của pháp luật. Hội đồng quản trị sẽ thực hiện báo cáo cổ đông tại kỳ Đại hội gần nhất đối với trường hợp điều chỉnh Phương án sử dụng vốn.

Một số thông tin về phương án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán:

1. Thực hiện thanh toán nợ theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 1509/2021/HĐHTKD-BCG-BCGF ngày 15/09/2021 giữa CTCP Tập đoàn Bamboo Capital và Công ty cổ phần BCG Financial

- Tên đối tác: Công ty cổ phần BCG Financial
- Mối quan hệ với Công ty và người có liên quan của Công ty: Công ty con của BCG
- Giá trị hợp đồng: 300 tỷ đồng, số dư nợ tại ngày 31/12/2023 là 282,5 tỷ đồng
- Thông tin về việc BCG sử dụng số tiền nhận được từ hoạt động Hợp tác đầu tư trên với CTCP BCG Financial: Toàn bộ vốn góp hợp tác BCG đã thanh toán nhận chuyển nhượng từ cổ đông hiện hữu cổ phần Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA với số tiền là 300 tỷ đồng.
- Thẩm quyền phê duyệt: Theo Nghị quyết HĐQT số 33/2021/NQ-HĐQT-BCG ngày 29/06/2021 đã thông qua nội dung giao dịch nội bộ với các bên liên quan; Công ty đã thực hiện tuân thủ đúng thẩm quyền phê duyệt giao dịch và công bố thông tin theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.
- Thời hạn trả nợ: Căn cứ các biên bản làm việc trong năm 2022 thì các bên thống nhất không tiếp tục thực hiện hợp đồng, thời hạn hoàn trả toàn bộ dư nợ gốc tối đa 18 tháng kể từ ngày 31/12/2022.

- Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán là 282,5 tỷ đồng.

- Thời gian dự kiến trả nợ: Quý 2/2024.

2. Thực hiện thanh toán nợ vay theo Hợp đồng đồng mượn tiền số 04/2022/HĐMT/BCG-NTMT ngày 14/04/2022 giữa CTCP Tập Đoàn Bamboo Capital và Bà Nguyễn Thị Minh Thương

- Tên chủ nợ: Bà Nguyễn Thị Minh Thương

- Mối quan hệ với Công ty và người có liên quan của Công ty: Không có liên quan đến Công ty, người nội bộ và người có liên quan với người nội bộ

- Giá trị hợp đồng: 320 tỷ đồng, số dư nợ tại ngày 31/12/2023 là 100,075 tỷ đồng

- Lãi suất: 0%/năm

- Kỳ hạn: 36 tháng kể từ ngày Bên A chuyển tiền vào tài khoản Bên B, bên đi vay được quyền trả nợ trước hạn.

- Thông tin về việc BCG sử dụng số tiền vay: BCG góp vốn bổ sung vào công ty con - Công Ty Cổ phần phát triển Nguyễn Hoàng

- Thẩm quyền phê duyệt: Quyết định của Chủ tịch HĐQT số 02/2022/QĐ-CT.HĐQT-BCG ngày 11/04/2022; Công ty đã thực hiện tuân thủ đúng thẩm quyền phê duyệt giao dịch theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

- Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán là 100 tỷ đồng.

- Thời gian dự kiến trả nợ: Quý 2/2024

3. Thực hiện thanh toán nợ theo Hợp đồng số 01/HTKD/BCG-TNM ngày 20/04/2022 giữa CTCP Tập Đoàn Bamboo Capital và Công ty cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Tầm nhìn mới (Sau đây được gọi là "Tầm Nhìn Mới")

- Tên đối tác: Công ty cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Tầm Nhìn Mới

- Mối quan hệ với Công ty và người có liên quan của Công ty: Không có liên quan đến Công ty, người nội bộ và người có liên quan với người nội bộ

- Giá trị hợp đồng: 1.425 tỷ đồng, số dư nợ đến ngày 31/12/2023 là 1.425 tỷ đồng

- Thông tin về việc BCG sử dụng số tiền từ hoạt động Hợp tác đầu tư trên với Tầm Nhìn Mới: Một phần Số Tiền Hợp Tác đã góp vốn vào công ty thành viên của BCG – Công ty Cổ phần BCG Land với số tiền là 400 tỷ đồng nhằm mục đích để Công ty Cổ phần BCG Land bổ sung nguồn vốn lưu động. *(Công ty Cổ phần BCG Land là công ty con của BCG và là đơn vị chuyên phát triển các dự án bất động sản, nguồn tiền bổ sung vốn góp chi sở hữu sẽ được sử dụng cho hoạt động thường xuyên của Công ty Cổ phần BCG Land và mục*

đích cuối cùng vẫn là để sử dụng cho hoạt động đầu tư/phát triển các dự án bất động sản thuộc sở hữu hoặc phát triển bởi Công ty Cổ phần BCG Land và/ hoặc các công ty con của Công ty Cổ phần BCG Land). Một phần Số Tiền Hợp Tác đã góp vốn vào công ty thành viên khác của BCG – Công ty Cổ phần BCG Energy với số tiền là 1,025 tỷ đồng nhằm mục đích bổ sung quy mô vốn hoạt động bao gồm nhưng không giới hạn các mục đích: bổ sung vốn lưu động, thanh toán các khoản nợ,... *(Công ty Cổ phần BCG Energy là công ty con của BCG và là đơn vị chuyên phát triển các dự án năng lượng, nguồn tiền này sẽ được gián tiếp phục vụ cho hoạt động đầu tư/ phát triển các dự án năng lượng thuộc sở hữu hoặc phát triển bởi Công ty Cổ phần BCG Energy và/ hoặc các công ty con của Công ty Cổ phần BCG Energy).*

- Thẩm quyền phê duyệt: Theo Nghị quyết HĐQT số 38/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 18/4/2022 đã thông qua nội dung Hợp tác đầu tư với CTCP Tư vấn Thiết kế Xây dựng Tầm nhìn mới. Công ty đã thực hiện toàn thủ đúng thẩm quyền phê duyệt giao dịch và công bố thông tin theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

- Thời hạn trả nợ: Căn cứ các biên bản làm việc trong năm 2022 thì các bên thống nhất không tiếp tục thực hiện hợp đồng, thời hạn hoàn trả toàn bộ dư nợ gốc tối đa 18 tháng kể từ ngày 30/12/2022.

- Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán là 1.425 tỷ đồng.

- Thời gian dự kiến trả nợ: Quý 2/2024.

4. Thực hiện thanh toán nợ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 07/2021/HĐTKD-BCG-BDSTL ngày 10/03/2021 giữa CTCP Tập Đoàn Bamboo Capital và Công ty TNHH KD DV Bất Động Sản Thăng Long

- Tên đối tác: Công Ty TNHH KD DV Bất Động Sản Thăng Long.

- Mối quan hệ với Công ty và người có liên quan của Công ty: Không có liên quan đến Công ty, người nội bộ và người có liên quan với người nội bộ.

- Giá trị hợp đồng: 378 tỷ đồng, số dư nợ tại ngày 31/12/2023 là 378 tỷ đồng.

- Thông tin về việc BCG sử dụng số tiền nhận được từ hoạt động Hợp tác đầu tư trên với Công Ty TNHH KD DV Bất Động Sản Thăng Long: Toàn bộ số vốn góp hợp tác Công Ty TNHH KD DV Bất Động Sản Thăng Long đã góp, BCG đã thanh toán để nhận chuyển nhượng cổ phần và góp vốn đầu tư vào công ty thành viên của BCG là Công ty Cổ phần BCG Khu Công Nghiệp Cát Trinh với số tiền là 378 tỷ đồng nhằm mục đích bổ sung vốn hoạt động phục vụ cho hoạt động đầu tư dự án bất động sản thuộc sở hữu hoặc phát triển bởi Công ty Cổ phần BCG Khu Công Nghiệp Cát Trinh.

- Thẩm quyền phê duyệt: Quyết định của Chủ tịch HĐQT số 01/2021/QĐ-CT.HĐQT-BCG ngày 05/03/2021; Công ty đã thực hiện tuân thủ đúng thẩm quyền phê duyệt giao dịch theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

- Thời hạn trả nợ: Căn cứ các biên bản làm việc trong năm 2022 thì các bên thống nhất không tiếp tục thực hiện hợp đồng, thời hạn hoàn trả toàn bộ dư nợ gốc tối đa 18 tháng kể từ ngày 16/12/2022.

- Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán là 378 tỷ đồng.

- Thời gian dự kiến trả nợ: Quý 2/2024.

5. Thực hiện thanh toán nợ vay theo Hợp đồng vay vốn số 05/2022/HĐMT/BCG-TTD ngày 21/09/2022 giữa CTCP Tập Đoàn Bamboo Capital và Bà Trần Thuỳ Dung

- Tên chủ nợ: Bà Trần Thuỳ Dung

- Mối quan hệ với Công ty và người có liên quan của Công ty: Không có liên quan đến Công ty, người nội bộ và người có liên quan với người nội bộ

- Giá trị hợp đồng: 90 tỷ đồng, số dư nợ tại ngày 31/12/2023 là 30,9203 tỷ đồng

- Lãi suất: 0%/năm

- Kỳ hạn: 24 tháng kể từ ngày nhận tiền, bên đi vay được quyền trả nợ trước hạn

- Thông tin về việc BCG sử dụng số tiền vay: Sau khi nhận được tiền mượn từ Bà Trần Thuỳ Dung, BCG đã chuyển tiền thanh toán tiền nợ phải trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư và dịch vụ Helios (Helios).

- Thẩm quyền phê duyệt: Quyết định của Chủ tịch HĐQT số 03/2022/QĐ-CT.HĐQT-BCG ngày 19/09/2022; Công ty đã thực hiện tuân thủ đúng thẩm quyền phê duyệt giao dịch theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

- Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán là 30 tỷ đồng.

- Thời gian dự kiến trả nợ: Quý 2/2024

6. Về việc BCG thực hiện cho Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas vay để bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh (bao gồm nhưng không giới hạn việc trả nợ vay, trả nợ nhà thầu, nhà cung cấp, chi phí xây dựng,...):

Giới thiệu về Công ty nhận vốn vay

- Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas

- Giấy đăng ký kinh doanh Số 4000435375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 22 tháng 7 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 17 ngày 6 tháng 12 năm 2023.

- Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

- Mối quan hệ với BCG: Công ty con gián tiếp của BCG, tại thời điểm 31/12/2023 BCG nắm giữ gián tiếp 89% vốn điều lệ.

Thông tin về việc cho vay

- Đối tượng vay: Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas

- Mối quan hệ: Công ty con của Công ty cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital

- Số tiền vay: 355 tỷ đồng

- Mục đích vay: Bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh (bao gồm nhưng không giới hạn việc trả nợ vay, trả nợ nhà thầu, nhà cung cấp, chi phí xây dựng, ...)

- Lãi suất: 11%/năm

- Thời hạn vay: 5 năm

- Thời hạn giải ngân: Trong năm 2024

- Tài sản đảm bảo: Vay tín chấp.

- Thẩm quyền phê duyệt: Theo Nghị quyết HĐQT số 10/2023/NQ-HĐQT-BCG ngày 10/02/2023 đã thông qua nội dung giao dịch nội bộ với bên liên quan; Công ty đã thực hiện tuân thủ đúng thẩm quyền phê duyệt giao dịch và công bố thông tin theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

Kế hoạch dự kiến sử dụng khoản vay.

Cụ thể, theo như Nghị quyết HĐTV số 01/2024/NQ-HĐTV-IHA ngày 4/1/2024 điều chỉnh Nghị quyết HĐTV số 01/2023/NQ-HĐTV-IHA ngày 10/02/2023, HĐQT dự kiến sử dụng như sau:

Năm 2024 Công Ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas tiếp tục triển khai xây dựng và thu xếp nguồn vốn để thanh toán các khoản nợ đến hạn, nợ ngân hàng, nợ mới cho các nhà thầu, nhà cung cấp. Chi tiết dự trù chi phí như sau:

- Nghĩa vụ nợ phải trả nhà cung cấp và nợ vay ngắn hạn theo báo cáo tài chính của công ty tại ngày 31/12/2023 là: 402.272.224.507 đồng

- Chi phí xây dựng dự trù phát sinh trong năm dự kiến: 440.595.270.751 đồng

Do đó, Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas dự kiến sử dụng số tiền vay để thực hiện bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh (bao gồm nhưng không giới hạn việc trả nợ vay, nhà thầu, nhà cung cấp, chi phí xây dựng,... thuộc dự trù chi phí dự kiến năm 2024 nêu trên.)

BCG dự kiến sẽ sử dụng 355.000.000.000 đồng từ số tiền thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để thực hiện nghĩa vụ nêu trên.

7. Bổ sung vốn lưu động

- Thanh toán trả lãi trái phiếu cho gói trái phiếu mã số BCG122006

Ngày 20/01/2022, BCG đã hoàn tất việc phát hành trái phiếu ra công chúng giá trị 500 tỷ đồng và trái phiếu đã được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (căn cứ quyết định số 368/QĐ-SDGHN quyết định chấp thuận niêm yết trái phiếu CTCP Bamboo Capital).

Định kỳ 6 tháng 1 lần BCG cần thực hiện thanh toán lãi vay, do đó BCG dự kiến dùng 61 tỷ đồng thu được từ đợt chào bán để thanh toán lãi trái phiếu khi đến kỳ thanh toán lãi.

- Bổ sung vốn lưu động khác

Tại thời điểm 31/12/2023, theo báo cáo riêng năm 2023, Công ty có tổng nợ phải trả ngắn hạn khoảng 2.330 tỷ đồng, tổng chi phí trong một năm khoảng 165 tỷ đồng do đó ngoài việc sử dụng tiền phải trả cho các khoản nợ phải trả đã nêu thì việc sử dụng gần 36 tỷ đồng từ đợt chào bán (trong trường hợp tỷ lệ chào bán thành công là 100%) cho mục đích sử dụng vốn lưu động khác là hoàn toàn hợp lý. Căn cứ tình hình thực tế tại Công ty, Công ty cam kết sử dụng vốn phù hợp và đảm bảo quy định của pháp luật.

Như vậy, việc Công ty sẽ sử dụng 2.667.338.110.000 đồng dự kiến thu được từ đợt chào bán để thực hiện các mục đích nêu trên là hoàn toàn phù hợp.

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức tư vấn

Công ty cổ phần Chứng khoán SBS

Địa chỉ: 40 Phạm Ngọc Thạch, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: +84 28 6268 6868 Website: http://www.sbsc.com.vn/

2. Tổ chức kiểm toán:

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. HCM.

Điện thoại: (+84)28-3820 5944 Website: https://aascs.com.vn/

3. Ý kiến của Tổ chức Tư vấn về đợt phát hành

Với tư cách là tổ chức tư vấn, CTCP Chứng khoán SBS đã tiến hành thu thập thông tin,

nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về đợt chào bán.

Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu dùng để bổ sung vốn và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là phù hợp với định hướng phát triển của Công ty. Khối lượng chào bán ra công chúng đợt này là 266.733.811 cổ phiếu (tương đương 50% số lượng cổ phiếu đang lưu hành hiện tại của BCG). Giá chào bán cổ phiếu là 10.000 đồng/cổ phiếu. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2022 (theo báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán năm 2022) là 25.867 đồng/cổ phiếu, thu nhập trên mỗi cổ phiếu của Công ty (EPS) (theo báo cáo tài chính hợp nhất) năm 2022 là 715 đồng/cổ phiếu. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2023 (theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023) là 32.744 đồng/cổ phiếu, thu nhập trên mỗi cổ phiếu của Công ty (EPS) (theo báo cáo tài chính hợp nhất) năm 2023 là 111 đồng/cổ phiếu. Hiện tại giá giao dịch của BCG đang dưới mệnh giá nhưng đây cũng một phần là do ảnh hưởng của thị trường nói chung.

Ngoài ra, việc phân phối chính thức của BCG là một thời điểm trong tương lai, khi đó với trường hợp thị trường chứng khoán hồi phục tích cực thì đây là cơ hội lớn đối với các doanh nghiệp được phát hành nói chung và BCG nói riêng. Do đó với những thông tin trên, chúng tôi – CTCP Chứng khoán SBS cho rằng đây là cơ hội cho nhà đầu tư sở hữu thêm cổ phiếu BCG và khả năng Công ty chào bán không thành công là thấp.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

4. **Ý kiến của các chuyên gia về đợt chào bán:** Không có

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ:

- Không có

XII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 0311315789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 11 năm 2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 12 tháng 04 năm 2024.
2. **Phụ lục II:**

- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 06/2022/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 22/07/2022 của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án tăng vốn điều lệ;

- Tờ trình số 22/2022/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/06/2022 về việc Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công ty;
- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 15/03/2023 của Đại hội đồng cổ đông;
- Tờ trình số 01/2023/TT-HĐQT-BCG ngày 24/02/2023 về việc báo cáo việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo ủy quyền của ĐHĐCĐ đã thông qua tại Nghị quyết số 06/2022/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 22/07/2022;
- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 91/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 30/09/2022 thông qua việc triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu;
- Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐQT-BCG ngày 10/02/2023 của Hội đồng quản trị thông qua điều chỉnh phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu đã thông qua tại Nghị quyết HĐQT số 91/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 30/09/2022;
- Nghị quyết HĐQT số 22/2023/NQ-HĐQT-BCG ngày 15/03/2023 của Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital v/v triển khai Phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán đã báo cáo Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 15/03/2023 và bổ sung thêm Hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.

3. **Phụ lục III:** Điều lệ tổ chức và hoạt động CTCP Tập đoàn Bamboo Capital;
4. **Phụ lục IV:** Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022 và năm 2023 được kiểm toán; BCTC riêng và hợp nhất quý I năm 2024 của Công ty;
5. **Phụ lục V:** Báo cáo kết quả việc sử dụng vốn điều lệ đến ngày 28/4/2022 từ đợt phát hành thêm 57.000.000 cổ phiếu riêng lẻ của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 04/2021/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 15/5/2021" số 624/BCKT/TV/2022/AASCS ngày 16/12/2022 do Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS) kiểm toán.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2024

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGUYỄN HỒ NAM

TỔNG GIÁM ĐỐC	KẾ TOÁN TRƯỞNG
NGUYỄN TÙNG LÂM	PHẠM HỮU QUỐC

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SBS
GIÁM ĐỐC KHỐI TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SBS

LÝ THỊ THU HÀ

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 0311315789

Đăng ký lần đầu: ngày 07 tháng 11 năm 2011

Đăng ký thay đổi lần thứ: 28, ngày 12 tháng 04 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BAMBOO CAPITAL GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: *02862680680* Fax: *08 62991188*

Email: Website:

3. Vốn điều lệ: 5.334.676.220.000 đồng.

Bằng chữ: Năm nghìn ba trăm ba mươi bốn tỷ sáu trăm bảy mươi sáu triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 533.467.622

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN HỒ NAM Giới tính: *Nam*

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: *01/01/1978* Dân tộc: *Kinh* *Quốc tịch: Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *079078009888*

Ngày cấp: *23/04/2019* Nơi cấp: *Cục trưởng Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội*

Địa chỉ thường trú: *218/38 Đường Nguyễn Duy Cung, Phường 12, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *204 B7/2/9 Nguyễn Văn Hưởng, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

* Họ và tên: NGUYỄN TÙNG LÂM Giới tính: *Nam*

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: *03/12/1987* Dân tộc: *Kinh* *Quốc tịch: Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *001087013859*

Ngày cấp: *09/02/2021* Nơi cấp: *Cục trưởng Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội*

Địa chỉ thường trú: *P49-D3, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *P49-D3, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

KT. TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Lê Thị Hồng Nga

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực 01 quyển số ... SCT/BS

Ngày 15 -04- 2024

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG TRẦN THỊ THU HẰNG

CÔNG CHỨNG VIÊN

Trần Thị Thu Hằng

CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL

BAMBOO CAPITAL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 07 năm 2022

Số: 06/2022/NQ-ĐHĐCD-BCG

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL

(Thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tháng 06/2022)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Bamboo Capital (BCG) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 06/05/2022 (sửa đổi, bổ sung lần thứ 17);
- Căn cứ các Tờ trình của Hội đồng quản trị về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tháng 6/2022;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tháng 06/2022 số 05/2022/BBKP-ĐHĐCD-BCG ngày 22/07/2022.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Tờ trình số 21/2022/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/06/2022 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bamboo Capital v/v ban hành Quy chế tổ chức, thực hiện và kiểm phiếu việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 57,25% tổng số cổ phần biểu quyết của Công ty.

Điều 2. Thông qua Tờ trình số 22/2022/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/06/2022 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bamboo Capital v/v phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công ty.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 56,40% tổng số cổ phần biểu quyết của Công ty

Điều 3. Thông qua Tờ trình số 23/2022/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/06/2022 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bamboo Capital v/v phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ Công ty.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 55,92% tổng số cổ phần biểu quyết của Công ty.

Điều 4. Thông qua Tờ trình số 24/2022/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/06/2022 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bamboo Capital v/v Quy chế đề cử, ứng cử, bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 57,23% tổng số cổ phần biểu quyết của Công ty.

Điều 5. Thông qua Tờ trình số 25/2022/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/06/2022 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bamboo Capital v/v miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025. Theo đó, Đại hội đã thông qua miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát đối với ông Đinh Hoài Châu.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 57,23% tổng số cổ phần biểu quyết của Công ty.

Điều 6. Thông qua kết quả bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bamboo Capital nhiệm kỳ 2020-2025 như sau:

STT	Họ và tên	Tỷ lệ so với tổng số cổ phần biểu quyết Công ty (%)
1	**Ông Đồng Hải Hà**	**55,49%**

Như vậy, ông Đồng Hải Hà đã trúng cử thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bamboo Capital. Nhiệm kỳ của ông Đồng Hải Hà là thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2020-2025.

Điều 7. Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025 đã có phiên họp nhanh để bầu Trưởng Ban kiểm soát. Phân công nhiệm vụ Ban kiểm soát như sau:

1. Ông Đồng Hải Hà – Trưởng Ban kiểm soát
2. Ông Nguyễn Viết Cương – Thành viên Ban kiểm soát
3. Ông Kou Kok Yiow – Thành viên Ban kiểm soát

Điều 8. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản vào tháng 06/2022 có hiệu lực kể từ ngày ký và kèm theo các tài liệu sau:

- Các Tờ trình trình Đại hội đồng cổ đông lấy ý kiến bằng văn bản tháng 06/2022;
- Biên bản kiểm phiếu lấy kiến cổ đông bằng văn bản tháng 06/2022;
- Quy chế tổ chức, thực hiện và kiểm phiếu việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản;
- Quy chế đề cử, ứng cử, bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025.

Điều 9. Giao Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bamboo Capital chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết này trong các phiên họp thường niên kế tiếp.

Nơi nhận:
- Quý Cổ đông;
- HĐQT, BKS, BĐH;
- Lưu: HĐQT, P. HTKD.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL

Nguyễn Hồ Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL

BAMBOO CAPITAL

Số: 22/2022/TTĐH-HĐQT-BCG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 06 năm 2022

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v: Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công ty

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Bamboo Capital

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Bamboo Capital (BCG) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 06/05/2022 (sửa đổi, bổ sung lần thứ 17);
- Căn cứ nhu cầu thực tế của Công ty cổ phần Bamboo Capital (BCG) về huy động vốn để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và kế hoạch kinh doanh năm 2022;
- Căn cứ tình hình thị trường.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ như sau:

1. **Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Công ty cổ phần Bamboo Capital.
2. **Mã cổ phiếu giao dịch:** BCG
3. **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông.
4. **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phiếu.
5. **Vốn điều lệ hiện nay:** 5.033.054.370.000 đồng.
6. **Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:** 503.305.437 cổ phiếu
7. **Số lượng cổ phiếu dự kiến trước khi phát hành:** 533.470.708 cổ phiếu.

   Bao gồm:

- Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 22/06/2022: 503.305.437 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021: 5% vốn điều lệ tương đương 25.165.271 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn người lao động trong công ty năm 2022: 5.000.000 cổ phiếu.

8. **Số lượng cổ phiếu chào bán:** 266.735.354 cổ phiếu, tương ứng chiếm 50% số lượng cổ phiếu dự kiến lưu hành tại thời điểm thực hiện chào bán

9. **Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá:** 2.667.353.540.000 đồng.

10. **Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành:** 8.002.060.620.000 đồng.

11. **Hình thức phát hành:** Chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.

12. **Mục đích phát hành:**
    + Nhằm nâng cao năng lực về vốn, tương xứng với tổng giá trị tài sản hiện tại mà Công ty đang sở hữu
    + Bổ sung nguồn vốn nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

13. **Đối tượng phát hành:** Là các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt Danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp theo quy định (thời điểm chốt danh sách được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định.)

14. **Giá chào bán:**

- ***Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2021 theo BCTC hợp nhất của Công ty:***

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{8.349.564.582.593}{297.537.174} = 28.062 \text{ đồng}$$

- ***Giá thị trường:*** Trong khoảng thời gian từ 11/05/2022 đến 21/06/2022 trên sàn giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, cổ phiếu BCG có giá đóng cửa bình quân là **19.052 đồng**/30 phiên giao dịch (số liệu tại website: **www.hsx.vn**)

Căn cứ vào Điều 126 Luật Doanh nghiệp: "*Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:*

1. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;

2. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở công ty;

. . . . . "

Để đảm bảo cho đợt chào bán thành công, giá chào bán cho cổ đông hiện hữu được Hội đồng quản trị đề nghị là: **10.000 đồng/cổ phiếu**.

15. **Tổng giá trị chào bán theo giá bán dự kiến:** 2.667.353.540.000 đồng.

16. **Thặng dư cổ phần dự kiến:** 0 đồng

17. **Tỷ lệ thực hiện quyền:** Chào bán cho cổ đông hiện hữu với tỉ lệ thực hiện quyền là 2:1 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu thì sẽ nhận được 01 quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, cứ 02 quyền mua sẽ được mua thêm 01 cổ phiếu mới phát hành thêm).

18. **Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu:** Cổ đông sở hữu quyền mua cổ phiếu được phép chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác và chỉ chuyển nhượng 01 lần duy nhất (bên nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng cho bên thứ ba). Quyền mua cổ phần được phép chia nhỏ để chuyển nhượng cho nhiều nhà đầu tư khác nhau theo thỏa thuận giữa hai bên. Bên chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng và thanh toán tiền chuyển nhượng quyền. Thời hạn và thủ tục cho việc chuyển nhượng quyền này sẽ được quyết định bởi HĐQT.

19. **Phương thức phân phối:** Phân phối theo phương thức thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu.

20. **Thời gian dự kiến phát hành:** Năm 2022 sau khi được UBCKNN chấp thuận. Ủy quyền cho HĐQT quyết định trên cơ sở phù hợp với quy định của Pháp luật và tình hình thị trường.

21. **Phương án làm tròn, xử lý số lượng cổ phiếu lẻ, số cổ phần chưa phân phối hết sau đợt chào bán (nếu có):**

    + Phương thức làm tròn: Số lượng cổ phiếu mỗi Cổ đông nhận được khi phát hành sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống.
    + Phương án xử lý số cổ phiếu lẻ: Trường hợp có phát sinh số cổ phiếu lẻ thì sẽ được hủy bỏ.
    + Phương án xử lý số cổ phiếu chưa phân phối hết: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xử lý theo hướng phân phối cho các nhà đầu tư quan tâm với giá có thể thấp hơn giá trị sổ sách của cổ phiếu tại thời điểm chào bán nhưng không thấp hơn giá phát hành cho cổ đông hiện hữu, trường hợp vẫn không bán hết thì tăng vốn điều lệ theo số cổ phiếu thực tế phát hành. Số cổ phiếu chào bán nêu trên bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

22. **Hạn chế chuyển nhượng:**

    + Số cổ phiếu do cổ đông hiện hữu mua theo quyền mua hoặc cổ phiếu của nhà đầu tư mua do thực hiện quyền mua được mua lại từ cổ đông hiện hữu được tự do chuyển nhượng.

+ Số cổ phiếu cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua được HĐQT phân phối lại cho các nhà đầu tư khác bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định tại khoản 2 điều 42 nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về việc quy định chi tiết thi thành một số điều của Luật Chứng khoán.

23. Mức độ pha loãng của cổ phiếu dự kiến phát hành:

Trong đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu này sẽ xuất hiện rủi ro pha loãng, bao gồm:

- Pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phiếu - EPS.
- Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu.
- Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết.

Về pha loãng EPS và giá trị sổ sách:

Sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận và vốn chủ sở hữu của Công ty sẽ có ảnh hưởng đến chỉ số EPS cũng như giá trị sổ sách của Công ty, cụ thể như sau:

i. Thu nhập ròng trên mỗi cổ phiếu – EPS

+ Công thức tính :	EPS (cơ bản) =	$\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN}}{\text{Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân}}$
+ Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân =	(X*12+Y*t)/12	
X: Số lượng cổ phiếu lưu hành trước khi bán Y: Số lượng cổ phiếu chào bán thêm t: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của số lượng cổ phiếu chào bán thêm		

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, thu nhập cơ bản trên cổ phiếu (EPS) sẽ bị thay đổi do có sự thay đổi về vốn chủ sở hữu và tốc độ tăng trưởng lợi nhuận.

ii. Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu:

$$\text{Công thức tính : } \text{Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, giá trị sổ sách của mỗi cổ phần sẽ bị thay đổi do có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu lưu hành và tốc độ tăng trưởng vốn chủ sở hữu. Với việc chào bán thêm cổ phiếu với giá thấp hơn giá trị sổ sách, trong thời gian ngắn ngay sau khi chào bán do tỷ lệ tăng số lượng cổ phiếu lưu hành lớn hơn tỷ lệ tăng của vốn chủ sở hữu nên sẽ làm giảm giá trị sổ sách trên 01 cổ phiếu của Công ty.

Về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua trong đợt phát

hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm).

- **Về giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm:**

Điều chỉnh kỹ thuật giá cổ phiếu đối với chào bán cho cổ đông hiện hữu: việc chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ khiến giá cổ phiếu bị điều chỉnh kỹ thuật do Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh tính toán. Theo đó, công thức tính toán như sau:

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (IxP_r)}{1 + I}$$

Trong đó :

+ Ptc: giá tham chiếu của cổ phiếu BCG trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới để tăng vốn.
+ PRt-1: giá chứng khoán phiên trước phiên giao dịch không hưởng quyền.
+ I : tỷ lệ vốn tăng theo phát hành quyền mua cổ phiếu.
+ Pr : Giá cổ phiếu bán cho người có quyền mua cổ phiếu.

24. **Đăng ký niêm yết bổ sung:** ĐHĐCĐ cam kết niêm yết bổ sung và đăng ký lưu ký bổ sung đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu đã phát hành sau khi kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định hiện hành.

25. **Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành:**

Toàn bộ số tiền thu được dự kiến sẽ phục vụ cho nhu cầu bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể:

(1) Thực hiện góp vốn vào Công ty cổ phần bảo hiểm AAA: Dự kiến 1.633.000.015.161 đồng

(Không giới hạn việc thanh toán trực tiếp tiền góp vốn hoặc thanh toán tiền vay để góp vốn vào Công ty cổ phần bảo hiểm AAA)

(2) Thực hiện thanh toán nợ cho Công ty cổ phần BCG Financial theo hợp đồng hợp tác số 1509/2021/HĐHTKD-BCG-BCGF ngày 15/09/2021: Dự kiến tối đa 300.000.000.000 đồng

(3) Bổ sung vốn lưu động bao gồm nhưng không giới hạn việc thanh toán các khoản nợ đến hạn, ngân hàng, đối tác khác, ... : Số tiền còn lại thu được từ đợt huy động vốn.

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xây dựng phương án sử dụng vốn chi tiết, đồng thời ĐHĐCĐ cho phép HĐQT có thể điều chỉnh Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và thực hiện các thủ tục liên quan đến Công bố thông tin theo đúng quy định.

26. **Phương án xử lý trong trường hợp không thu đủ số vốn theo phương án phát hành:** ĐHĐCĐ ủy quyền HĐQT toàn quyền quyết định và tự cân đối lại nguồn vốn hoặc đưa ra phương án xử lý sao cho phù hợp để đưa ra phương án bù đắp phần thiếu

hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để không làm ảnh hưởng đến nguồn vốn cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

27. Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu: Không quy định

28. Ủy quyền và lưu ký niêm yết bổ sung cổ phiếu chào bán:

a. Ủy quyền:

Hội đồng quản trị xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông về việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị

- Triển khai chi tiết phương án phát hành;
- Chủ động thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký chào bán cổ phiếu với Ủy ban chứng khoán nhà nước và các cơ quan có liên quan;
- Lựa chọn thời điểm phát hành cụ thể và thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan đến việc hoàn tất phương án phát hành, xin phép phát hành và triển khai thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành, đảm bảo lợi ích cho cổ đông.
- Bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh phương án chào bán để đảm bảo đợt chào bán thành công, đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước hoặc tình hình thực tế tại Công y đảm bảo đúng quy định pháp luật.
- Lập kế hoạch chi tiết sử dụng vốn và điều chỉnh Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và thực hiện các thủ tục liên quan đến Công bố thông tin theo đúng quy định.
- Thực hiện thủ tục sửa đổi Điều lệ, đăng ký thay đổi vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sau khi hoàn tất đợt chào bán.
- Chủ động điều chỉnh phương án xử lý số cổ phiếu lẻ, số cổ phiếu không phân phối hết theo hướng đảm bảo quyền lợi cho tất cả cổ đông và theo yêu cầu của Ủy ban chứng khoán nhà nước và các cơ quan có liên quan theo quy định của pháp luật.
- Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
- Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện phương án phát hành, ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh phương án phát hành (bao gồm cả quyết định về các nội dung chưa được trình bày trong phương án tăng vốn này) theo yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước, tình hình thực tế tại Công ty sao cho việc huy động vốn của Công ty được thực hiện hợp pháp, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và Công ty.

b. Lưu ký và niêm yết bổ sung số cổ phiếu chào bán

- Hội đồng quản trị xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông lưu ký và niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm ngay sau khi hoàn thành đợt tăng vốn điều lệ.

- Đại hội đồng cổ đông cam kết đưa số cổ phiếu của đợt tăng vốn vào lưu ký và niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngay sau khi đợt chào bán kết thúc.
- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động thực hiện các thủ tục liên quan đến việc lưu ký và niêm yết của số cổ phiếu phát hành thêm trong đợt tăng vốn này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng,

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ;
- Lưu: VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

Nguyễn Hồ Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

BAMBOO CAPITAL

Số: 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ-BCG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

(Thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tháng 03/2023)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital (BCG) được Hội đồng quản trị thông qua ngày 08/09/2022 theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông ngày 06/05/2022 (sửa đổi, bổ sung lần thứ 19);
- Căn cứ Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐQT-BCG ngày 10/02/2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital về việc triển khai lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản vào tháng 03/2023;
- Căn cứ Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐQT-BCG ngày 24/02/2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital v/v thông qua nội dung, tài liệu và danh sách cổ đông lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản vào tháng 03/2023;
- Căn cứ Tờ trình số 01/2023/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 24/02/2023 về việc báo cáo việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo ủy quyền của ĐHĐCD đã thông qua tại Nghị quyết số 06/2022/NQ-ĐHĐCD-BCG ngày 22/07/2022;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tháng 03/2023 số 01/2023/BBKP-ĐHĐCD-BCG ngày 15/03/2023.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Tờ trình số 01/2023/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 24/02/2023 về việc báo cáo việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo ủy quyền của ĐHĐCD đã thông qua tại Nghị quyết số 06/2022/NQ-ĐHĐCD-BCG ngày 22/07/2022.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 53,4063% tổng số cổ phần biểu quyết của Công ty.

Điều 2. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản vào tháng 03/2023 có hiệu lực kể từ ngày ký và kèm theo các tài liệu sau:

- Tờ trình số 01/2023/TTDH-HDQT-BCG ngày 24/02/2023 của Hội đồng quản trị về việc báo cáo việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo ủy quyền của ĐHĐCĐ đã thông qua tại Nghị quyết số 06/2022/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 22/07/2022;
- Biên bản kiểm phiếu lấy kiến cổ đông bằng văn bản tháng 03/2023.

Điều 3. Giao Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết này trong các phiên họp thường niên kế tiếp.

Nơi nhận:
- Quý Cổ đông;
- HĐQT, BKS, BĐH;
- Lưu: VP. HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

Nguyễn Hồ Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

BAMBOO CAPITAL

Số: 01/2023/TTĐH-HĐQT-BCG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2023

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v: Báo cáo việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo ủy quyền của ĐHĐCĐ đã thông qua tại Nghị quyết số 06/2022/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 22/07/2022

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital (BCG) được Hội đồng quản trị thông qua ngày 08/09/2022 theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông ngày 06/05/2022 (sửa đổi, bổ sung lần thứ 19);
- Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 06/2022/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 22/07/2022;
- Căn cứ nhu cầu thực tế của Công ty cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital (BCG) về huy động vốn và sử dụng vốn để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả tốt nhất;

Hội đồng quản trị (HĐQT) báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về việc HĐQT điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo ủy quyền của ĐHĐCĐ đã thông qua tại Nghị quyết số 06/2022/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 22/07/2022 như sau:

1. Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 06/2022/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 22/07/2022, toàn bộ số tiền thu được dự kiến sẽ phục vụ cho nhu cầu bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể:

   ✓ Thực hiện góp vốn vào Công ty cổ phần Bảo hiểm AAA: Dự kiến 1.633.000.015.161 đồng

   (Không giới hạn việc thanh toán trực tiếp tiền góp vốn hoặc thanh toán tiền vay để góp vốn vào Công ty cổ phần Bảo hiểm AAA)

- ✓ Thực hiện thanh toán nợ cho Công ty cổ phần BCG Financial theo hợp đồng hợp tác số 1509/2021/HDHTKD-BCG-BCGF ngày 15/09/2021: Dự kiến tối đa 300.000.000.000 đồng
- ✓ Bổ sung vốn lưu động bao gồm nhưng không giới hạn việc thanh toán các khoản nợ đến hạn, ngân hàng, đối tác khác, v.v. : Số tiền còn lại thu được từ đợt huy động vốn.

2. Cơ sở để HĐQT điều chỉnh phương án sử dụng vốn:

Mục 25 và mục 28 của Tờ trình số 22/2022/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 21/06/2022 đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 06/2022/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 22/07/2022: ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xây dựng phương án sử dụng vốn chi tiết, đồng thời ĐHĐCĐ cho phép HĐQT có thể điều chỉnh Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và thực hiện các thủ tục liên quan đến Công bố thông tin theo đúng quy định.

3. Báo cáo về nội dung điều chỉnh việc sử dụng vốn đã được ĐHĐCĐ thông qua:

Căn cứ trên ủy quyền ĐHĐCĐ, HĐQT đã điều chỉnh mục đích sử dụng vốn là thực hiện góp vốn vào Công ty cổ phần Bảo hiểm AAA theo nội dung đã được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 06/2022/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 22/07/2022. Nguyên nhân:

- ✓ Theo như dự kiến về kế hoạch trước khi HĐQT BCG trình ĐHĐCĐ thực hiện tăng vốn thì giá trị dự kiến góp vốn vào Công ty cổ phần Bảo hiểm AAA (AAA) là 1.633.000.015.161 đồng. Tuy nhiên sau khi triển khai phương án chính thức thì ngày 08/02/2022, ĐHĐCĐ AAA đã thông qua việc tăng vốn điều lệ từ 1.122.610.060.000 đồng lên 2.245.220.120.000 đồng và đã được Bộ Tài chính chấp thuận nguyên tắc thay đổi vốn điều lệ tại văn bản số 3678/BTC-QLBH ngày 21/04/2022, trên cơ sở đó BCG có quyền góp vốn là 1.315.137.697.500 đồng. Vì vậy, tại Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 30/09/2022 của Hội đồng quản trị thông qua việc triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, BCG dự kiến sử dụng số tiền thu được đợt chào bán để góp vốn vào AAA là 1.315.137.697.500 đồng.
- ✓ Sau đó, căn cứ vào nội dung thông báo của AAA tại văn bản số 06/2022/TB-HĐQT-AAA ngày 14/10/2022 về việc thực hiện thủ tục gia hạn thời gian thực hiện và điều chỉnh phương án phát hành cổ phần phổ thông để tăng vốn điều lệ, HĐQT BCG đã ra Nghị quyết số 105/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 22/12/2022 về việc thông qua điều chỉnh phương án sử dụng vốn của đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, trong đó BCG dự kiến sẽ sử dụng 355.000.000.000 đồng từ số tiền thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để thực hiện nghĩa vụ nêu trên thay vì số tiền dự kiến là 1.315.137.697.500 đồng như Nghị quyết HĐQT số 91/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 30/09/2022.
- ✓ Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, căn cứ vào nội dung thông báo của AAA tại văn bản số 01/2023/TB-HĐQT-AAA ngày 08/02/2023 về việc cập nhật tiến độ hồ sơ đề nghị Bộ Tài chính chấp thuận nguyên tắc tăng vốn điều lệ, Công ty cổ phần Bảo hiểm AAA thông báo: *AAA đã nộp Đơn đề nghị gửi Bộ Tài chính chấp thuận nguyên tắc về việc tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-ĐHĐCD-AAA ngày 07/10/2022 được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Theo đó, Công ty dự kiến*

phát hành 50.000.000 cổ phần mới với giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu hiện hữu để tăng 500.000.000 000 đồng vốn điều lệ. Đến nay, hồ sơ vẫn trong quá trình đợi Bộ Tài chính xem xét, đồng thời theo tình hình hiện tại, dự kiến hồ sơ sẽ khó có được chấp thuận của Bộ Tài chính trong Quý I/2023. Vì vậy, bằng Thông báo này, Công ty trân trọng thông báo đến Quý cổ đông về tiến độ hồ sơ đề nghị Bộ Tài chính chấp thuận nguyên tắc tăng vốn điều lệ để các Quý cổ đông chủ động trong việc sắp xếp kế hoạch về tài chính, đảm bảo kế hoạch kinh doanh.

Trên cơ sở đó và xem xét thêm về tình hình kinh doanh của BCG, HĐQT quyết định điều chỉnh phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán để đảm bảo ổn định dòng tiền hoạt động kinh doanh và phê duyệt giao dịch thuộc phạm vi ủy quyền của ĐHĐCĐ cũng như đảm bảo quy định của pháp luật.

4. HĐQT ban hành Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐQT-BCG ngày 10/02/2023, trong đó số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán được sử dụng như sau:

STT	Phương án sử dụng tiền	Số tiền dự kiến (đồng)	Thời gian sử dụng tiền dự kiến
1	Thực hiện thanh toán nợ cho Công ty cổ phần BCG Financial theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 1509/2021/HDDTTKD-BCG-BCGF ngày 15/09/2021	282.500.000.000	Quý 1/2023; Quý 2/2023
2	Thực hiện thanh toán nợ vay cho Bà Nguyễn Thị Minh Thương theo Hợp đồng mượn tiền số 04/2022/HDMT/BCG-NTMT ngày 14/04/2022	100.000.000.000	Quý 1/2023; Quý 2/2023
3	Thực hiện thanh toán tiền theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HTKD/BCG-TNM ngày 20/04/2022 giữa CTCP Bamboo Capital và Công ty cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Tầm nhìn mới	1.425.000.000.000	Quý 1/2023; Quý 2/2023
4	Thực hiện thanh toán nợ cho Công ty TNHH Kinh doanh dịch vụ Bất động sản Thăng Long theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 07/2021/HDHTKD-BCG-BDSTL ngày 10/3/2021	378.000.000.000	Quý 1/2023; Quý 2/2023
5	Thực hiện thanh toán nợ vay cho Bà Trần Thùy Dung số 05/2022/HDMT/BCG-TTD ngày 21/09/2022	30.000.000.000	Quý 1/2023; Quý 2/2023
6	Thực hiện cho Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas vay để bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh (bao gồm nhưng không giới hạn việc trả nợ nhà thầu, nhà cung cấp, chi phí xây dựng,...)	355.000.000.000	Năm 2023
7	Bổ sung vốn lưu động khác	96.838.110.000	Quý 1/2023 - Quý 1/2024
	Tổng cộng:	**2.667.338.110.000**	

Trong trường hợp số tiền thu được không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích nêu trên thì Công ty sẽ ưu tiên sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán cho các mục đích nêu trên lần lượt theo thứ tự từ (1) đến (7).

Trong trường hợp không huy động đủ số tiền nêu trên thì Công ty sẽ bổ sung nguồn vốn từ nguồn khác của Công ty (ví dụ như tiền, các khoản nợ phải thu, vay ngân hàng v.v.) đảm bảo thanh toán đầy đủ, đúng hạn các nghĩa vụ tài chính của Công ty theo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào tình hình thực tế Hội đồng quản trị Công ty có thể tiến hành điều chỉnh kế hoạch sử dụng vốn nói trên nếu thấy cần thiết đảm bảo đúng mục đích đã được ĐHĐCD thông qua và công bố thông tin theo đúng của định của pháp luật. Hội đồng quản trị sẽ thực hiện báo cáo cổ đông tại kỳ Đại hội gần nhất đối với trường hợp điều chỉnh Phương án sử dụng vốn.

Trên đây là báo cáo về việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn, HĐQT đã triển khai việc đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và sẽ báo cáo đến Quý cổ đông tại kỳ ĐHĐCĐ gần nhất.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ;
- Lưu: VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

Nguyễn Hồ Nam

=CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
BAMBOO CAPITAL

BAMBOO CAPITAL

Số: 91/2022/NQ-HĐQT-BCG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 09 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

V/v: Triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital (BCG) được Hội đồng quản trị thông qua ngày 08/09/2022 theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông ngày 06/05/2022 (sửa đổi, bổ sung lần thứ 19);
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 06/2022/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 22/07/2022;
- Căn cứ Biên bản họp số 91/2022/BB-HĐQT-BCG ngày 30/09/2022 của Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital v/v triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu như sau:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital
- Mã cổ phiếu giao dịch: BCG
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Vốn điều lệ hiện nay: 5.334.676.220.000 đồng

- Số lượng cổ phiếu chào bán: 266.733.811 cổ phiếu, tương ứng chiếm 50% số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm thực hiện chào bán
- Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: 2.667.338.110.000 đồng
- Mục đích phát hành:
  - ✓ Nhằm nâng cao năng lực về vốn, tương xứng với tổng giá trị tài sản hiện tại mà Công ty đang sở hữu;
  - ✓ Bổ sung nguồn vốn nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty
- Hình thức phát hành: Chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
- Đối tượng phát hành: Là các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt Danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp theo quy định.
- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số vốn huy động theo giá bán dự kiến: 2.667.338.110.000 đồng
- Thặng dư cổ phần: 0 đồng
- Tỷ lệ thực hiện quyền: Chào bán cho cổ đông hiện hữu với tỉ lệ thực hiện quyền là 2:1 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu thì sẽ nhận được 01 quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, cứ 02 quyền mua sẽ được mua thêm 01 cổ phiếu mới phát hành thêm). Số cổ phần nhận được sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Trường hợp có phát sinh số cổ phiếu lẻ thì sẽ được hủy bỏ.
- Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu: Cổ đông sở hữu quyền mua cổ phiếu được phép chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác và chỉ chuyển nhượng 01 lần duy nhất (bên nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng cho bên thứ ba). Bên chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng và thanh toán tiền chuyển nhượng quyền. Thời hạn và thủ tục cho việc chuyển nhượng quyền này sẽ được quyết định bởi Hội đồng quản trị.
- Hạn chế chuyển nhượng:
  - ✓ Số cổ phiếu do cổ đông hiện hữu mua theo quyền mua hoặc cổ phiếu của nhà đầu tư mua do thực hiện quyền mua được mua lại từ cổ đông hiện hữu được tự do chuyển nhượng.
  - ✓ Số cổ phiếu cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua được Hội đồng quản trị phân phối lại cho các nhà đầu tư khác bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định tại khoản 2 điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về việc quy định chi tiết thi thành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Phương thức phân phối: Phân phối theo phương thức thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu.
- Thời gian dự kiến phát hành: Quý IV năm 2022 sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở phù hợp với quy định của Pháp luật và tình hình thị trường.

- Phương án xử lý số lượng cổ phiếu lẻ, số cổ phần chưa phân phối hết sau đợt chào bán (nếu có):

  ✓ Phương án xử lý số cổ phiếu lẻ: Trường hợp có phát sinh số cổ phiếu lẻ thì sẽ được hủy bỏ.

  ✓ Phương án xử lý số cổ phiếu chưa phân phối hết: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xử lý theo hướng phân phối cho các nhà đầu tư quan tâm với giá có thể thấp hơn giá trị sổ sách của cổ phiếu tại thời điểm chào bán nhưng không thấp hơn giá phát hành cho cổ đông hiện hữu, trường hợp vẫn không bán hết thì tăng vốn điều lệ theo số cổ phiếu thực tế phát hành. Số cổ phiếu chào bán nêu trên bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

    Hội đồng quản trị cam kết việc xử lý cổ phiếu không chào bán hết đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và đảm bảo các điều kiện khác theo quy định tại Điều 195 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Thông qua phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành:

Toàn bộ số tiền thu được dự kiến sẽ phục vụ cho nhu cầu bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể:

STT	Phương án sử dụng tiền	Số tiền dự kiến (đồng)	Thời gian sử dụng tiền dự kiến
1	Thực hiện góp vốn vào Công ty cổ phần Bảo hiểm AAA (Không giới hạn việc thanh toán trực tiếp tiền góp vốn hoặc thanh toán tiền vay để góp vốn vào Công ty cổ phần Bảo hiểm AAA)	1.315.137.697.500	Quý 4/2022
2	Thực hiện thanh toán nợ cho Công ty cổ phần BCG Financial theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 1509/2021/HĐHTKD-BCG-BCGF ngày 15/09/2021	282.500.000.000	Quý 4/2022; Quý 1/2023
3	Thực hiện thanh toán nợ vay theo Hợp đồng mượn tiền số 04/2022/HĐMT/ BCG-NTMT	100.000.000.000	Quý 4/2022; Quý 1/2023
4	Thực hiện thanh toán tiền theo Phụ lục Hợp đồng số 04/2022/HTKD/BCG-TNM ngày 25/08/2022 về việc điều chỉnh Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HTKD/BCG- TNM ngày 20/04/2022 giữa CTCP Bamboo Capital và Công ty cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Tầm nhìn mới	925.000.000.000	Quý 4/2022; Quý 1/2023
5	Bổ sung vốn lưu động khác	44.700.412.500	Quý 4/2022; Quý 1/2023
	Tổng cộng:	2.667.338.110.000	

Trong trường hợp số tiền thu được không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích nêu trên thì Công ty sẽ ưu tiên sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán cho các mục đích nêu trên lần lượt theo thứ tự từ (1) đến (5).

Trong trường hợp không huy động đủ số tiền nêu trên thì Công ty sẽ bổ sung nguồn vốn lưu động từ nguồn khác của Công ty (ví dụ như tiền, các khoản nợ phải thu, vay ngân hàng v.v) đảm bảo thanh toán đầy đủ, đúng hạn các nghĩa vụ tài chính của Công ty theo đúng quy định của Pháp luật. Căn cứ vào tình hình thực tế Hội đồng quản trị Công ty có thể tiến hành điều chỉnh kế hoạch sử dụng vốn nói trên nếu thấy cần thiết đảm bảo đúng mục đích đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố thông tin theo đúng của định của Pháp luật. Hội đồng quản trị sẽ thực hiện báo cáo cổ đông tại kỳ Đại hội gần nhất đối với trường hợp điều chỉnh Phương án sử dụng vốn.

Điều 3. Thông qua phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật trong đợt chào bán như sau:

- Thực hiện phân phối cổ phiếu cho Nhà đầu tư nước ngoài là cổ đông của Công ty có tên trong danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu do VSD cấp và theo đúng tỷ lệ được quyền mua;
- Hội đồng quản trị cam kết không thực hiện phân phối số cổ phiếu không đăng ký mua, không nộp tiền mua, số cổ phiếu lẻ (nếu có) cho nhà đầu tư nước ngoài.

Điều 4. Thông qua việc thực hiện lưu ký, niêm yết bổ sung số cổ phiếu chào bán:

Hội đồng quản trị Công ty cam kết hoàn tất việc đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm Công ty cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital (mã chứng khoán BCG) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh không chậm hơn ba mươi (30) ngày kể từ kết thúc đợt chào bán.

Điều 5. Thông qua ủy quyền cho ông Nguyễn Hồ Nam – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Người đại diện theo pháp luật Công ty có trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện và hoàn thiện các thủ tục pháp lý tiếp theo liên quan đến các nội dung biểu quyết thông qua như trên.

Điều 6. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty, các Khối, Phòng, Ban và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:
- Như Điều 6;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

Nguyễn Hồ Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
BAMBOO CAPITAL

BAMBOO CAPITAL

Số: 105/2022/NQ-HĐQT-BCG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

V/v: Thông qua điều chỉnh phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu đã thông qua tại Nghị quyết HĐQT số 91/2022/NQ-HĐQT-BCG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital (BCG) được Hội đồng quản trị thông qua ngày 08/09/2022 theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông ngày 06/05/2022 (sửa đổi, bổ sung lần thứ 19);
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 06/2022/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 22/07/2022;
- Căn cứ Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 30/09/2022 về việc triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu;
- Căn cứ Biên bản họp số 105/2022/BB-HĐQT-BCG ngày 22/12/2022 của Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital v/v thông qua điều chỉnh phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu đã thông qua tại Nghị quyết HĐQT số 91/2022/NQ-HĐQT-BCG.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. **Thông qua điều chỉnh phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu đã thông qua tại Nghị quyết HĐQT số 91/2022/NQ-HĐQT-BCG:**

Nội dung đã thông qua:

STT	Phương án sử dụng tiền	Số tiền dự kiến (đồng)	Thời gian sử dụng tiền dự kiến
1	Thực hiện góp vốn vào Công ty cổ phần Bảo hiểm AAA (Không giới hạn việc thanh toán trực tiếp tiền góp vốn hoặc thanh toán tiền vay để góp vốn vào Công ty cổ phần Bảo hiểm AAA)	1.315.137.697.500	Quý 4/2022
2	Thực hiện thanh toán nợ cho Công ty cổ phần BCG Financial theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 1509/2021/HDHTKD-BCG-BCGF ngày 15/09/2021	282.500.000.000	Quý 4/2022; Quý 1/2023
3	Thực hiện thanh toán nợ vay theo Hợp đồng mượn tiền số 04/2022/HDMT/ BCG-NTMT	100.000.000.000	Quý 4/2022, Quý 1/2023
4	Thực hiện thanh toán tiền theo Phụ lục Hợp đồng số 04/2022/HTKD/BCG-TNM ngày 25/08/2022 về việc điều chỉnh Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HTKD/BCG- TNM ngày 20/04/2022 giữa CTCP Bamboo Capital và Công ty cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Tầm nhìn mới	925.000.000.000	Quý 4/2022; Quý 1/2023
5	Bổ sung vốn lưu động khác	44.700.412.500	Quý 4/2022; Quý 1/2023
	Tổng cộng:	**2.667.338.110.000**	

Trong trường hợp số tiền thu được không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích nêu trên thì Công ty sẽ ưu tiên sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán cho các mục đích nêu trên lần lượt theo thứ tự từ (1) đến (5).

Trong trường hợp không huy động đủ số tiền nêu trên thì Công ty sẽ bổ sung nguồn vốn lưu động từ nguồn khác của Công ty (ví dụ như tiền, các khoản nợ phải thu, vay ngân hàng v.v) đảm bảo thanh toán đầy đủ, đúng hạn các nghĩa vụ tài chính của Công ty theo đúng quy định của Pháp luật. Căn cứ vào tình hình thực tế Hội đồng quản trị Công ty có thể tiến hành điều chỉnh kế hoạch sử dụng vốn nói trên nếu thấy cần thiết đảm bảo đúng mục đích đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố thông tin theo đúng của định của Pháp luật. Hội đồng quản trị sẽ thực hiện báo cáo cổ đông tại kỳ Đại hội gần nhất đối với trường hợp điều chỉnh Phương án sử dụng vốn.

Nội dung điều chỉnh:

STT	Phương án sử dụng tiền	Số tiền dự kiến (đồng)	Thời gian sử dụng tiền dự kiến
1	Thực hiện góp vốn vào CTCP Bảo hiểm AAA (Không giới hạn việc thanh toán trực tiếp tiền góp vốn hoặc thanh toán tiền vay để góp vốn vào Công ty cổ phần Bảo hiểm AAA)	355.000.000.000	Quý 1/2023, Quý 2/2023
2	Thực hiện thanh toán nợ cho Công ty cổ phần BCG Financial theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 1509/2021/HĐHTKD-BCG-BCGF ngày 15/09/2021	282.500.000.000	Quý 1/2023; Quý 2/2023
3	Thực hiện thanh toán nợ vay cho Bà Nguyễn Thị Minh Thương theo Hợp đồng mượn tiền số 04/2022/HĐMT/BCG-NTMT ngày 14/04/2022	100.000.000.000	Quý 1/2023; Quý 2/2023
4	Thực hiện thanh toán tiền theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HTKD/BCG-TNM ngày 20/04/2022 giữa CTCP Bamboo Capital và Công ty cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Tầm nhìn mới	1.425.000.000.000	Quý 1/2023; Quý 2/2023
5	Thực hiện thanh toán nợ cho Công ty TNHH Kinh doanh Dịch vụ Bất động sản Thăng Long theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 07/2021/HĐHTKD-BCG-RDSTL. ngày 10/3/2021	378.000.000.000	Quý 1/2023; Quý 2/2023
6	Thực hiện thanh toán nợ vay cho Bà Trần Thúy Dung số 05/2022/HĐMT/BCG-TTD ngày 21/09/2022	30.000.000.000	Quý 1/2023; Quý 2/2023
7	Bổ sung vốn lưu động khác	96.838.110.000	Quý 1/2023; Quý 1/2024
	Tổng cộng:	**2.667.338.110.000**	

Trong trường hợp số tiền thu được không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích nêu trên thì Công ty sẽ ưu tiên sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán cho các mục đích nêu trên lần lượt theo thứ tự từ (1) đến (7).

Trong trường hợp không huy động đủ số tiền nêu trên thì Công ty sẽ bổ sung nguồn vốn từ nguồn khác của Công ty (ví dụ như tiền, các khoản nợ phải thu, vay ngân hàng...) đảm bảo thanh toán đầy đủ, đúng hạn các nghĩa vụ tài chính của Công ty theo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào tình hình thực tế Hội đồng quản trị Công ty có thể tiến hành điều chỉnh kế hoạch sử dụng vốn nói trên nếu thấy cần thiết đảm bảo đúng mục đích đã được ĐHĐCĐ thông qua và công bố thông tin theo đúng của định của pháp luật. Hội đồng quản trị sẽ thực hiện báo cáo cổ đông tại kỳ Đại hội gần nhất đối với trường hợp điều chỉnh Phương án sử dụng vốn.

Điều 2. Điều khoản thi hành:

Nghị quyết này điều chỉnh Điều 2 Nghị quyết Hội đồng quản trị số 91/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 30/09/2022 về việc triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu;

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty, các Khối, Phòng, Ban và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0311315789 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Hồ Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
BAMBOO CAPITAL

BAMBOO CAPITAL

Số: 10/2023/NQ-HĐQT-BCG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

V/v: Thông qua điều chỉnh phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu đã thông qua tại Nghị quyết HĐQT số 91/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 30/09/2022 và Nghị quyết HĐQT số 105/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 22/12/2022

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital (BCG) được Hội đồng quản trị thông qua ngày 08/09/2022 theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông ngày 06/05/2022 (sửa đổi, bổ sung lần thứ 19);
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 06/2022/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 22/07/2022;
- Căn cứ Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 30/09/2022 về việc triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu;
- Căn cứ Nghị quyết số 105/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 22/12/2022 của Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital v/v thông qua điều chỉnh phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu đã thông qua tại Nghị quyết HĐQT số 91/2022/NQ-HĐQT-BCG;
- Căn cứ Biên bản họp số 10/2023/BB-HĐQT-BCG ngày 10/02/2023 của Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital v/v thông qua điều chỉnh phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu đã thông qua tại Nghị quyết HĐQT số 91/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 30/09/2022 và Nghị quyết HĐQT số 105/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 22/12/2022;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua điều chỉnh phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu đã thông qua tại Nghị quyết HĐQT số 91/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 30/09/2022 và Nghị quyết HĐQT số 105/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 22/12/2022:

Nội dung đã thông qua:

STT	Phương án sử dụng tiền	Số tiền dự kiến (đồng)	Thời gian sử dụng tiền dự kiến
1	Thực hiện góp vốn vào CTCP Bảo hiểm AAA (Không giới hạn việc thanh toán trực tiếp tiền góp vốn hoặc thanh toán tiền vay để góp vốn vào Công ty cổ phần Bảo hiểm AAA)	355.000.000.000	Quý 1/2023; Quý 2/2023
2	Thực hiện thanh toán nợ cho Công ty cổ phần BCG Financial theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 1509/2021/HDHTKD-BCG-BCGF ngày 15/09/2021	282.500.000.000	Quý 1/2023; Quý 2/2023
3	Thực hiện thanh toán nợ vay cho Bà Nguyễn Thị Minh Thương theo Hợp đồng mượn tiền số 04/2022/HDMT/BCG-NTMT ngày 14/04/2022	100.000.000.000	Quý 1/2023; Quý 2/2023
4	Thực hiện thanh toán tiền theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HTKD/BCG-TNM ngày 20/04/2022 giữa CTCP Bamboo Capital và Công ty cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Tầm nhìn mới	1.425.000.000.000	Quý 1/2023; Quý 2/2023
5	Thực hiện thanh toán nợ cho Công ty TNHH Kinh doanh Dịch vụ Bất động sản Thăng Long theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 07/2021/HDHTKD-BCG-BDSTL ngày 10/3/2021	378.000.000.000	Quý 1/2023; Quý 2/2023
6	Thực hiện thanh toán nợ vay cho Bà Trần Thúy Dung số 05/2022/HDMT/BCG-TTD ngày 21/09/2022	30.000.000.000	Quý 1/2023, Quý 2/2023
7	Bổ sung vốn lưu động khác	96.838.110.000	Quý 1/2023 – Quý 1/2024
	Tổng cộng:	**2.667.338.110.000**	

Trong trường hợp số tiền thu được không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích nêu trên thì Công ty sẽ ưu tiên sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán cho các mục đích nêu trên lần lượt theo thứ tự từ (1) đến (7).

Trong trường hợp không huy động đủ số tiền nêu trên thì Công ty sẽ bổ sung nguồn vốn từ nguồn khác của Công ty (ví dụ như tiền, các khoản nợ phải thu, vay ngân hàng ...) đảm bảo thanh toán đầy đủ, đúng hạn các nghĩa vụ tài chính của Công ty theo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào tình hình thực tế Hội đồng quản trị Công ty có thể tiến hành điều chỉnh kế hoạch sử dụng vốn nói trên nếu thấy cần thiết đảm bảo đúng mục đích đã được ĐHĐCĐ thông qua và công

bổ thông tin theo đúng của định của pháp luật. Hội đồng quản trị sẽ thực hiện báo cáo cổ đông tại kỳ Đại hội gần nhất đối với trường hợp điều chỉnh Phương án sử dụng vốn

Nội dung điều chỉnh:

STT	Phương án sử dụng tiền	Số tiền dự kiến (đồng)	Thời gian sử dụng tiền dự kiến
1	Thực hiện thanh toán nợ cho Công ty cổ phần BCG Financial theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 1509/2021/HĐHTKD-BCG-BCGF ngày 15/09/2021	282.500.000.000	Quý 1/2023; Quý 2/2023
2	Thực hiện thanh toán nợ vay cho Bà Nguyễn Thị Minh Thương theo Hợp đồng mượn tiền số 04/2022/HĐMT/BCG-NTMT ngày 14/04/2022	100.000.000.000	Quý 1/2023; Quý 2/2023
3	Thực hiện thanh toán tiền theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HTKD/BCG-TNM ngày 20/04/2022 giữa CTCP Bamboo Capital và Công ty cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Tầm nhìn mới	1.425.000.000.000	Quý 1/2023, Quý 2/2023
4	Thực hiện thanh toán nợ cho Công ty TNHH Kinh doanh Dịch vụ Bất động sản Thăng Long theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 07/2021/HĐHTKD-BCG-BDSTL ngày 10/3/2021	378.000.000.000	Quý 1/2023; Quý 2/2023
5	Thực hiện thanh toán nợ vay cho Bà Trần Thùy Dung số 05/2022/HĐMT/BCG-TTD ngày 21/09/2022	30.000.000.000	Quý 1/2023; Quý 2/2023
6	Thực hiện cho Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas vay để bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh (bao gồm nhưng không giới hạn việc trả nợ nhà thầu, nhà cung cấp, chi phí xây dựng,...)	355.000.000.000	Năm 2023
7	Bổ sung vốn lưu động khác	96.838.110.000	Quý 1/2023 – Quý 1/2024
	Tổng cộng:	**2.667.338.110.000**	

Trong trường hợp số tiền thu được không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích nêu trên thì Công ty sẽ ưu tiên sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán cho các mục đích nêu trên lần lượt theo thứ tự từ (1) đến (7).

Trong trường hợp không huy động đủ số tiền nêu trên thì Công ty sẽ bổ sung nguồn vốn từ nguồn khác của Công ty (ví dụ như tiền, các khoản nợ phải thu, vay ngân hàng...) đảm bảo thanh toán đầy đủ, đúng hạn các nghĩa vụ tài chính của Công ty theo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào tình hình thực tế Hội đồng quản trị Công ty có thể tiến hành điều chỉnh kế hoạch sử dụng vốn nói trên nếu thấy cần thiết đảm bảo đúng mục đích đã được ĐHĐCĐ thông qua và công bố thông tin theo đúng của định của pháp luật. Hội đồng quản trị sẽ thực hiện báo cáo cổ đông tại kỳ Đại hội gần nhất đối với trường hợp điều chỉnh Phương án sử dụng vốn.

Điều 2. **Thông qua thực hiện giao dịch với Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas về hợp đồng vay với nội dung cơ bản gồm:**

- Đối tượng vay: Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas
- Mối quan hệ: Công ty con của Công ty cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital
- Số tiền vay: 355 tỷ đồng
- Mục đích vay: Bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh (bao gồm nhưng không giới hạn việc trả nợ nhà thầu, nhà cung cấp, chi phí xây dựng, ...)
- Lãi suất: 11%/năm
- Thời hạn vay: Tối đa 5 năm
- Thời hạn giải ngân: Trong năm 2023
- Tài sản đảm bảo: Vay tín chấp.

Thông qua ủy quyền cho ông Nguyễn Hồ Nam, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ông Nguyễn Thế Tài, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc và Người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện việc thương lượng, đàm phán, quyết định chi tiết các hợp đồng, chấm dứt giao dịch và triển khai các thủ tục có liên quan các giao dịch nêu trên đúng quy định.

Điều 3. **Điều khoản thi hành:**

Điều 1 Nghị quyết này điều chỉnh Điều 2 Nghị quyết Hội đồng quản trị số 91/2022/NQ-HDQT-BCG ngày 30/09/2022 về việc triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu; Điều 1 Nghị quyết Hội đồng quản trị số 105/2022/NQ-HDQT-BCG ngày 22/12/2022 về việc thông qua điều chỉnh phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu đã thông qua tại Nghị quyết HĐQT số 91/2022/NQ-HDQT-BCG.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty, các Khối, Phòng, Ban và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

Nguyễn Hồ Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
BAMBOO CAPITAL

BAMBOO CAPITAL

Số: 22/2023/NQ-HĐQT-BCG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

V/v: Triển khai Phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán đã báo cáo Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 15/03/2023 và bổ sung thêm Hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital (BCG) được Hội đồng quản trị thông qua ngày 08/09/2022 theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông ngày 06/05/2022 (sửa đổi, bổ sung lần thứ 19);
- Căn cứ Nghị quyết số 06/2022/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 22/07/2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua Tờ trình số 22/2022/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 21/06/2022 v/v phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ;
- Căn cứ Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 30/09/2022 về việc triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu;
- Căn cứ Nghị quyết số 105/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 22/12/2022 về việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu đã thông qua tại Nghị quyết HĐQT số 91/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 30/09/2022;
- Căn cứ Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐQT-BCG ngày 10/02/2023 về việc thông qua điều chỉnh phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu đã thông qua tại Nghị quyết HĐQT số 91/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 30/09/2022 và Nghị quyết HĐQT số 105/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 22/12/2022;
- Căn cứ Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 15/03/2023 của Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua Tờ trình số 01/2023/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 24/02/2023 về việc báo cáo việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo ủy quyền của ĐHĐCĐ đã thông qua tại Nghị quyết số 06/2022/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 22/07/2022;

- Căn cứ Biên bản họp số 22/2023/BB-HĐQT-BCG ngày 15/03/2023 của Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital v/v triển khai Phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán đã báo cáo Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 15/03/2023 và bổ sung thêm Hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua việc triển khai phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán được điều chỉnh theo Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐQT-BCG ngày 10/02/2023 về việc thông qua điều chỉnh phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu đã thông qua tại Nghị quyết HĐQT số 91/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 30/09/2022 và Nghị quyết HĐQT số 105/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 22/12/2022. Chi tiết như sau:

STT	Phương án sử dụng tiền	Số tiền dự kiến (đồng)	Thời gian sử dụng tiền dự kiến
1	Thực hiện thanh toán nợ cho Công ty cổ phần BCG Financial theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 1509/2021/HĐHTKD-BCG-BCGF ngày 15/09/2021	282.500.000.000	Quý 1/2023; Quý 2/2023
2	Thực hiện thanh toán nợ vay cho Bà Nguyễn Thị Minh Thương theo Hợp đồng mượn tiền số 04/2022/HĐMT/BCG-NTMT ngày 14/04/2022	100.000.000.000	Quý 1/2023; Quý 2/2023
3	Thực hiện thanh toán tiền theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HTKD/BCG-TNM ngày 20/04/2022 giữa CTCP Bamboo Capital và Công ty cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Tầm nhìn mới	1.425.000.000.000	Quý 1/2023; Quý 2/2023
4	Thực hiện thanh toán nợ cho Công ty TNHH Kinh doanh Dịch vụ Bất động sản Thăng Long theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 07/2021/HĐHTKD-BCG-BĐSTL ngày 10/3/2021	378.000.000.000	Quý 1/2023; Quý 2/2023
5	Thực hiện thanh toán nợ vay cho Bà Trần Thúy Dung số 05/2022/HĐMT/BCG-TTD ngày 21/09/2022	30.000.000.000	Quý 1/2023, Quý 2/2023
6	Thực hiện cho Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas vay để bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh (bao gồm nhưng không giới hạn việc trả nợ nhà thầu, nhà cung cấp, chi phí xây dựng,...)	355.000.000.000	Năm 2023
7	Bổ sung vốn lưu động khác	96.838.110.000	Quý 1/2023 - Quý 1/2024
	Tổng cộng:	**2.667.338.110.000**	

Điều 2. Thông qua việc bổ sung thêm Hồ sơ chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu các văn bản sau đây:

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2023/NQ-ĐHĐCD-BCG ngày 15/03/2023 thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tháng 3/2023;
- Tờ trình số 01/2023/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 24/02/2023 về việc báo cáo việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo ủy quyền của ĐHĐCD đã thông qua tại Nghị quyết số 06/2022/NQ-ĐHĐCD-BCG ngày 22/07/2022.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

Nguyễn Hồ Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

BAMBOO CAPITAL

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

(Sửa đổi, bổ sung lần thứ 20, ngày 28/04/2023)

TP. Hồ Chí Minh, tháng 04 năm 2023

MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ 5

Điều 1. Giải thích thuật ngữ 5

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG 7

Điều 2. Tên, Hình thức, Trụ sở, Đại diện theo pháp luật, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Địa điểm kinh doanh và Thời hạn hoạt động của Công ty 7

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 7

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty 7

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công Ty 10

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP 10

Điều 5. Vốn Điều Lệ, Cổ phần, Cổ đông sáng lập 10

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu và chứng chỉ chứng khoán khác 11

Điều 7. Chuyển nhượng cổ phần 12

Điều 8. Thu hồi cổ phần 13

V. CƠ CẤU QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VÀ QUẢN LÝ 14

Điều 9. Cơ cấu quản trị, kiểm soát và quản lý 14

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 14

Điều 10. Quyền của Cổ Đông 14

Điều 11. Nghĩa vụ của Cổ Đông 15

Điều 12. Đại hội đồng cổ đông 17

Điều 13. Quyền và Nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông 18

Điều 14. Đại Diện Theo Ủy Quyền; Người Được Ủy Quyền Dự Họp 20

Điều 15. Thay đổi các quyền 21

Điều 16. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 21

Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông và lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 23

Điều 18. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 26

Điều 19. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông 29

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 30

Điều 20. Thành phần và Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 30

Điều 21. Quyền hạn và Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 32
Điều 22. Chủ tịch Hội đồng quản trị 34
Điều 23. Các cuộc họp và các Hội đồng, Ủy ban của Hội đồng quản trị 35
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ CẤP CAO VÀ THƯ KÝ CÔNG TY 39
Điều 24. Tổ chức bộ máy quản lý 39
Điều 25. Cán bộ quản lý cấp cao 39
Điều 26. Bổ nhiệm, Bãi nhiệm, Miễn nhiệm, Nhiệm vụ và Quyền hạn của Tổng Giám đốc 40
Điều 27. Thư ký Công Ty 41
IX. BAN KIỂM SOÁT 42
Điều 28. Ban kiểm soát 42
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ CẤP CAO 45
Điều 29. Trách nhiệm cẩn trọng 45
Điều 30. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 45
Điều 31. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 47
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY 48
Điều 32. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ 48
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN 49
Điều 33. Công nhân viên và công đoàn 49
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 49
Điều 34. Phân phối lợi nhuận 49
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, TRÍCH LẬP QUỸ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN 50
Điều 35. Tài khoản ngân hàng 50
Điều 36. Trích lập Quỹ 50
Điều 37. Năm tài chính 50
Điều 38. Chế độ kế toán 50
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG 50
Điều 39. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý 50
Điều 40. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng 51
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY 51
Điều 41. Kiểm toán 51
XVII. CON DẤU 52

Điều 42. Con dấu 52
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ 52
Điều 43. Giải thể Công Ty 52
Điều 44. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Cổ Đông 52
Điều 45. Thanh lý 53
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 53
Điều 46. Giải quyết tranh chấp nội bộ 53
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ 54
Điều 47. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ 54
XXI. NGÀY HIỆU LỰC 54
Điều 49. Chữ ký Người đại diện theo pháp luật 54

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty, một Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp. Điều lệ, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các quyết định của Hội đồng quản trị và các quyết định khác do Công ty ban hành nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này gồm hai mươi mốt (21) Chương, bốn mươi chín (49) Điều, có hiệu lực từ ngày 28 tháng 04 năm 2023.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

   a. ***"Công Ty"*** được quy định trong Điều lệ này là CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL; tên Công ty viết bằng tiếng Anh là: BAMBOO CAPITAL GROUP JOINT STOCK COMPANY; và được viết tắt là BCG.

   b. ***"Địa Bàn Kinh Doanh"*** có nghĩa là phạm vi địa lý thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công Ty, bao gồm trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam.

   c. ***"Vốn Điều Lệ"*** có nghĩa là vốn do tất cả các Cổ đông đóng góp và được đề cập tại Điều 5 của Điều lệ này.

   d. ***"Luật Doanh Nghiệp"*** có nghĩa là Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

   e. ***"Luật Chứng Khoán"*** có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

   f. ***"Người Quản Lý"*** là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

   g. ***"Ngày Thành Lập"*** là ngày Công Ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) lần đầu.

   h. ***"Pháp Luật"*** có nghĩa là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Điều 2 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 22 tháng 06 năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2016.

   i. ***"Người Có Liên Quan"*** có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào thuộc một trong các trường hợp được quy định trong Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp, Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng Khoán.

   j. ***"Cổ Đông"*** có nghĩa là mọi cá nhân hay tổ chức được ghi tên trong (i) Sổ đăng ký cổ đông của Công Ty; hoặc (ii) một hồ sơ, tài liệu tương tự theo quy định của Luật Chứng Khoán đối với một công ty niêm yết với tư cách là người sở hữu cổ phần.

k. *"Thời Hạn Hoạt Động"* là thời gian hoạt động của Công Ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và có thể được thay đổi thông qua bằng một nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

l. *"Việt Nam"* có nghĩa là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

m. *"Người Thâu Tóm"* là: (i) Người đại diện cho Cổ Đông là tổ chức, (ii) Cổ Đông là cá nhân hoặc người đại diện của Cổ Đông là cá nhân/ tổ chức, mà Cổ Đông (tổ chức hoặc cá nhân) đó nắm giữ hoặc cùng với Người Có Liên Quan quy định tại Điểm i Khoản 1 Điều 1 của Điều lệ này nắm giữ từ hai mươi lăm (25)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty trở lên.

n. *"Đại Diện Theo Ủy Quyền"* là người được Cổ Đông là tổ chức/ cá nhân ủy quyền để thực hiện các quyền Cổ Đông của mình theo quy định của Pháp Luật.

o. *"Người Được Ủy Quyền Dự Họp"* là người được: (i) Cổ Đông (tổ chức hoặc cá nhân); (ii) hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền ủy quyền hợp pháp để tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

p. *"Chi Nhánh"* là đơn vị phụ thuộc của Công Ty, được thành lập hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của Công Ty kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền. Ngành, nghề kinh doanh của Chi Nhánh phù hợp với ngành, nghề kinh doanh của Công Ty.

q. *"Văn Phòng Đại Diện"* là đơn vị phụ thuộc của Công Ty, có nhiệm vụ đại diện theo ủy quyền cho lợi ích của Công Ty và bảo vệ các lợi ích đó.

r. *"Địa Điểm Kinh Doanh"* là nơi hoạt động kinh doanh cụ thể của Công Ty được tổ chức thực hiện. Địa Điểm Kinh Doanh có thể ở ngoài địa chỉ đăng ký trụ sở chính.

s. *"Công Ty Con"* là doanh nghiệp thuộc một trong các trường hợp sau: (a) Công Ty sở hữu trên năm mươi (50)% Vốn Điều Lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của doanh nghiệp đó; (b) Công Ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp đó, thông qua (i) quyền trực tiếp, gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp đó; hoặc (ii) quyền quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của doanh nghiệp đó; hoặc (iii) các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

t. *"Quy Chế Quản Trị Công Ty"* là văn bản tập hợp các nguyên tắc, quy định về điều hành, quản lý Công Ty được ban hành theo thẩm quyền, trình tự thủ tục của Công Ty và phù hợp với quy định của Pháp Luật tại từng thời điểm.

u. *"Đối Thủ Cạnh Tranh"* là tổ chức bất kỳ đang cung ứng, hay trong tương lai có thể cung ứng những sản phẩm, dịch vụ hoặc kinh doanh những lĩnh vực có mức độ lợi ích tương tự (hay ưu việt hơn) cho các đối tượng khách hàng. Đối thủ Cạnh tranh còn được hiểu rộng hơn là đối thủ có khả năng thâu tóm quyền sở hữu Công Ty cho mục đích mở rộng lĩnh vực hoạt động, chiếm thị phần hoặc tăng năng lực cạnh tranh.

2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào được tham chiếu đến sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của chúng.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được đưa vào chỉ để tiện theo dõi, không ảnh hưởng tới bản chất của nội dung và cấu trúc của Điều lệ này;

4. Các từ hoặc thuật ngữ nào được đề cập trong Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG

Điều 2. Tên, Hình thức, Trụ sở, Đại diện theo pháp luật, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Địa điểm kinh doanh và Thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên hợp pháp của Công ty bằng tiếng Việt là ***"CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL"***.

   Tên Công ty viết bằng tiếng Anh là ***"BAMBOO CAPITAL GROUP JOINT STOCK COMPANY"***.

   Tên viết tắt là ***"BCG"***.

   Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

2. Công Ty được thành lập, tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp. Theo đó, Công Ty có tư cách pháp nhân kể từ Ngày Thành Lập, và các Cổ Đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công Ty.

3. Trụ sở chính của Công Ty đặt tại:

   - Địa chỉ : 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
   - Điện thoại : 028. 62 680 680
   - Fax : 028. 62 991 188
   - Website : http://www.bamboocap.com.vn

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công Ty.

5. Công Ty có thể thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện và Địa điểm kinh doanh (sau đây gọi chung là "Đơn vị trực thuộc"); chia, tách và chuyển đổi Đơn vị trực thuộc tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của Công Ty theo quy định của Pháp Luật và Điều lệ này.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn hoạt động theo Khoản 2 Điều 43 hoặc Điều 44 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công Ty là vô hạn kể từ Ngày thành lập.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
1	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
	(không hoạt động tại trụ sở).	
2	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác (không hoạt động tại trụ sở).	1621
3	Sản xuất đồ gỗ xây dựng (không hoạt động tại trụ sở).	1622
4	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ phân bón.	4773
5	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
6	Khai thác quặng sắt (không hoạt động tại trụ sở)	0710
7	Khai thác quặng uranium và quặng thorium (không hoạt động tại trụ sở)	0721
8	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (không hoạt động tại trụ sở)	0722
9	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (không hoạt động tại trụ sở)	0810
10	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: bán buôn sữa, các sản phẩm từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, cà phê, cacao (loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối quy định pháp luật tùy từng thời điểm) (không hoạt động tại trụ sở).	4632
11	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
12	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn gỗ cây, tre, nứa. Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế. Bán buôn vật liệu xây dựng	4663
13	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh) (không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ và không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230
14	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác (loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối quy định pháp luật tùy từng thời điểm.)	4659
15	Lập trình máy vi tính	6201
16	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
17	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
18	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	9511

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
19	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
20	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (loại trừ: không thực hiện hoạt động "đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng")	6810
21	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn cao su mũ cốm, phân bón (không hoạt động tại trụ sở) . Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hoá chất sử dụng trong nông nghiệp.	4669
22	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản (không hoạt động tại trụ sở)	1080
23	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
24	Bán mô tô, xe máy	4541
25	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
26	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô	7710
27	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4520
28	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4542
29	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).	6619
30	**Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)**	**7020 (Chính)**
31	Chuẩn bị mặt bằng *Chi tiết: (loại trừ: không thực hiện hoạt động "Dịch vụ nổ mìn" thuộc Mục 1 Danh mục A Phụ lục I Nghị định 31/2021/NĐ-CP).*	4312
32	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4329
33	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
34	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
35	Phá dỡ	4311
36	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
37	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
38	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật từng thời điểm).	4610

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
39	Xây dựng nhà để ở	4101
40	Xây dựng nhà không để ở	4102
41	Xây dựng công trình đường sắt	4211
42	Xây dựng công trình đường bộ	4212
43	Xây dựng công trình công ích khác	4229
44	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
45	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
46	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
47	Sản xuất điện Chi tiết: Sản xuất điện mặt trời, điện gió (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân).	3511
48	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Bán điện cho người sử dụng (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân).	3512
49	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê	5510
50	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

2. Mục tiêu hoạt động của Công Ty: không ngừng phát triển các hoạt động đầu tư, mua bán sáp nhập doanh nghiệp, và sản xuất kinh doanh nhằm: tối đa hóa lợi nhuận có thể có được của Công Ty cho các Cổ Đông; nâng cao giá trị Công Ty; và không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động; đồng thời làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công Ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tham gia vào tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của Pháp Luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được Pháp Luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn Điều Lệ, Cổ phần, Cổ đông sáng lập

1. Vốn Điều Lệ của Công ty là: **5.334.676.220.000 đồng** *(Năm nghìn, ba trăm ba mươi bốn tỷ, sáu trăm bảy mươi sáu triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng).*

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **533.467.622 cổ phần** *(Năm trăm ba mươi ba triệu, bốn trăm sáu mươi bảy nghìn sáu trăm hai mươi hai cổ phần)*. Mệnh giá của cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần *(Mười nghìn đồng trên một cổ phần)*.

2. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 10 của Điều lệ này.
3. Công ty có thể tăng hoặc giảm Vốn Điều Lệ của mình khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của Pháp Luật.
4. Nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Công ty có thể phát hành cổ phần ưu đãi phù hợp với các quy định của Pháp Luật.
5. Công ty có thể phát hành cổ phần theo một mức giá có thể trả góp thành nhiều đợt. Kỳ đến hạn trả góp và số tiền trả định kỳ phải được xác định tại thời điểm phát hành cổ phần.
6. Cổ phần phổ thông mới dự kiến được phát hành phải được ưu tiên chào bán cho các Cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng Cổ đông trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn hợp lý (không ít hơn hai mươi (20) ngày hoặc thời hạn khác theo quy định của Pháp Luật), để Cổ đông đặt mua. Số cổ phần Cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.
7. Công Ty có thể mua cổ phần do chính Công Ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và Pháp Luật hiện hành. Cổ phần do Công Ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng Khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
8. Công Ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của Pháp Luật.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu và chứng chỉ chứng khoán khác

1. Cổ phiếu của cổ phần phổ thông của Công Ty phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Điều 121 Luật Doanh Nghiệp. Riêng đối với cổ phiếu ưu đãi (nếu có) của Công Ty còn có các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Doanh Nghiệp.
2. Cổ Đông của Công Ty sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công Ty và chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công Ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà Cổ Đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Bất kỳ người nào có tên ghi trong Sổ đăng ký cổ đông sở hữu ít nhất một (01) cổ phần thuộc bất kỳ loại nào sẽ được cấp miễn phí một (01) chứng nhận cổ phiếu (trong trường hợp phát hành) trong vòng hai (02) tháng (hoặc thời hạn lâu hơn theo như nội dung phát hành quy định) sau khi mua hoặc chuyển nhượng (trong trường hợp chuyển nhượng).

4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một (01) chứng nhận cổ phiếu ghi danh thì chứng nhận cũ sẽ bị huỷ bỏ và một (01) chứng nhận mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

5. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công Ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

6. Người sở hữu chứng nhận cổ phiếu vô danh phải chịu trách nhiệm độc lập về việc bảo quản chứng nhận và Công Ty sẽ không chịu trách nhiệm trong bất kỳ trường hợp nào mà những chứng nhận này bị mất hoặc được sử dụng với mục đích trái Pháp Luật.

7. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công Ty.

8. Trong khuôn khổ các quy định của Pháp Luật và thị trường chứng khoán, Công Ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng nhận và cho phép các cổ phần (bất kể là cổ phần có phát hành dưới dạng này hay không), được chuyển nhượng mà không nhất thiết phải có văn bản chuyển nhượng; hoặc tùy từng thời điểm Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định khác thay thế cho các quy định tương ứng trong Điều lệ này về chứng nhận và chuyển nhượng cổ phần.

Điều 7. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và Pháp Luật có quy định khác. Tất cả các cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Uỷ ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán.

2. Việc chuyển nhượng cổ phần ghi danh có thể được thực hiện bằng hình thức: (i) chuyển nhượng bằng văn bản theo cách thông thường; hoặc (ii) hình thức trao tay; hoặc (iii) theo bất kỳ cách thức nào khác được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị. Cổ phiếu đã niêm yết phải được chuyển nhượng thông qua Sở Giao dịch Chứng khoán phù hợp với các quy định và quy chế của Uỷ ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán. Giấy tờ chuyển nhượng được ký bởi bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng (trừ trường hợp cổ phiếu đã được thanh toán đầy đủ). Bên chuyển nhượng vẫn là chủ sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông, trừ trường hợp nếu diễn ra Đại hội đồng cổ đông trong thời gian đó thì bên nhận chuyển nhượng có quyền tham gia thay cho Bên chuyển nhượng đối với các cổ phần được chuyển nhượng như quy định trong Luật Doanh Nghiệp.

3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

4. Trong vòng ba (03) năm kể từ Ngày Thành Lập, các Cổ Đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất hai mươi (20)% tổng số cổ phần phổ thông có thể chuyển nhượng và trong trường hợp chuyển nhượng số cổ phần này cho những người không phải là Cổ Đông sáng lập thì cần phải có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông trong Công Ty. Cổ Đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó.

5. Các Cổ Đông sáng lập không được rút ra khỏi tư cách thành viên Công Ty trong vòng hai (02) năm tài chính đầu tiên của Công Ty. Việc chấm dứt tư cách thành viên phải được đề nghị bằng văn bản và gửi bằng thư đảm bảo đến Hội đồng quản trị. Trong trường hợp này, các Cổ Đông sáng lập còn lại sẽ có quyền ưu tiên mua trước số cổ phần của Cổ Đông sáng lập trên theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần sở hữu.

6. Hội đồng quản trị hoàn toàn có quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng đối với cổ phần ghi danh chưa được thanh toán đầy đủ. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức. Thủ tục đăng ký chuyển nhượng sẽ được Hội đồng quản trị quy định cụ thể tại văn bản riêng hoặc trong phương án phát hành.

7. Trong trường hợp một Cổ Đông là cá nhân chết; mất năng lực hành vi dân sự; hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự thì những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản hợp pháp của Cổ Đông đó sẽ là người/những người duy nhất được Công Ty thừa nhận là có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần; và quy định này không được hiểu là có việc miễn trừ trách nhiệm của Cổ Đông đã chết khỏi mọi nghĩa vụ gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.

Điều 8. Thu hồi cổ phần

1. Nếu Cổ Đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền mua cổ phiếu phải trả thì Hội đồng quản trị gửi một thông báo cho Cổ Đông đó vào bất kỳ thời điểm nào để yêu cầu thanh toán số tiền đó và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Nếu các yêu cầu của bất kỳ một thông báo nào nêu trên không được thực hiện thì Hội đồng quản trị có thể thu hồi mọi cổ phần đã được đề cập trong thông báo đó vào bất kỳ thời điểm nào trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ Đông nắm giữ các cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách Cổ Đông đối với những cổ phần đó nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Công Ty tất cả các khoản tiền tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi cổ phần đó theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán và Hội đồng quản trị có quyền thực hiện các biện pháp khấu trừ hoặc đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế thu hồi theo quy định của Pháp Luật hoặc có thể miễn, giảm việc thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VÀ QUẢN LÝ

Điều 9. Cơ cấu quản trị, kiểm soát và quản lý

Cơ cấu quản trị, kiểm soát và quản lý của Công Ty bao gồm:

a. Đại hội đồng cổ đông;
b. Hội đồng quản trị;
c. Ban kiểm soát;
d. Ban điều hành

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 10. Quyền của Cổ Đông

1. Cổ Đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số lượng cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ Đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
   a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết một cách trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua Người Được Ủy Quyền Dự Họp hoặc bỏ phiếu từ xa hoặc các hình thức khác tại Điều lệ này phù hợp với quy định Pháp Luật. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
   b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
   c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ cho người khác, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Pháp Luật, Điều lệ và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
   d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
   e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến chính Cổ Đông đó trong danh sách Cổ Đông đủ tư cách tham gia vào Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác; tra cứu hoặc sao chụp Điều lệ này, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của Công Ty;
   f. Trong trường hợp Công Ty bị giải thể, được nhận tài sản của Công Ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà mình sở hữu, nhưng chỉ sau khi Công Ty đã thanh toán hết các khoản nợ và các nghĩa vụ và sau các Cổ Đông có sở hữu cổ phần ưu đãi;
   g. Yêu cầu Công Ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định trong Điều 132 của Luật Doanh Nghiệp;
   h. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho Cổ Đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công Ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho Cổ Đông;
   i. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công Ty công bố theo quy định của Pháp Luật;

j. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp; và

k. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp Luật.

3. Một Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ năm (5)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có thêm các quyền sau:

a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công Ty;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. (i) Kiểm tra và (ii) nhận bản sao hoặc bản trích dẫn đối với danh sách các Cổ Đông tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông sau mỗi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ Đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ Đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ Đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ Đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công Ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công Ty chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ Đông, số lượng từng loại cổ phần của Cổ Đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

f. Các quyền khác theo quy định của Pháp Luật và Điều lệ này.

4. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ mười (10)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Khoản 5 Điều 20, Khoản 2 Điều 28 Điều lệ này. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông khi thực hiện các quyền được quy định tại Khoản 4 Điều này phải có trách nhiệm cung cấp văn bản xác nhận của công ty chứng khoán (hoặc tài liệu khác tương đương và được Công Ty chấp nhận) về số lượng cổ phần, tỷ lệ cổ phần nắm giữ để chứng minh thỏa mãn đầy đủ các điều kiện tương ứng nêu trên.

Điều 11. Nghĩa vụ của Cổ Đông

1. Cổ Đông có các nghĩa vụ sau:

a. Tuân thủ Điều lệ này và Quy Chế quản Trị Công Ty; chấp hành các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quyết định Hội đồng quản trị;

b. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua Người Được Ủy Quyền Dự Họp hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa hoặc các hình thức khác tại Điều lệ này phù hợp với quy định Pháp Luật. Cổ Đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông;

c. Thanh toán tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua đầy đủ và đúng thời hạn theo thủ tục quy định, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công Ty; không được rút vốn đã góp ra khỏi Công Ty dưới mọi hình thức trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có Cổ Đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì Cổ Đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công Ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;

d. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

e. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp Luật hiện hành;

f. Bảo mật các thông tin được Công Ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công Ty và Pháp Luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công Ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;

g. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công Ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

g1. Vi phạm Pháp Luật;

g2. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

g3. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công Ty.

h. Chịu trách nhiệm cá nhân về chi phí khi trực tiếp hoặc tham gia yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông với lý do, nguyên nhân không phù hợp.

2. Nghĩa vụ của Cổ Đông lớn:

a. Cổ Đông lớn là Cổ Đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm (05)% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty; Tổ chức, cá nhân trở thành Cổ Đông lớn của Công ty phải công bố thông tin và gửi báo cáo bằng văn bản đến Công Ty, Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày trở thành Cổ Đông lớn.

b. Báo cáo về sở hữu của Cổ Đông lớn bao gồm các nội dung sau đây:

b1. Tên, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương, địa chỉ, ngành, nghề kinh doanh đối với Cổ Đông lớn là tổ chức; họ tên, tuổi, quốc tịch, số CMND/Hộ chiếu/Thẻ căn cước, địa chỉ liên lạc, nghề nghiệp đối với Cổ Đông lớn là cá nhân;

b2. Số lượng và tỷ lệ phần trăm cổ phiếu do Cổ Đông sở hữu hoặc cùng với tổ chức, cá nhân khác sở hữu trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành.

c. Khi có sự thay đổi quan trọng về thông tin nêu trong báo cáo quy định tại Điểm b trên đây hoặc có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu vượt quá một (01)% số lượng cổ phiếu cùng loại đang lưu hành, thì trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi trên, Cổ Đông lớn phải nộp báo cáo sửa đổi, bổ sung cho Công Ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công Ty được niêm yết theo quy định tại Điều lệ này và Pháp Luật.

d. Cổ Đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Công Ty, của các Cổ Đông khác theo quy định của Pháp Luật và Điều lệ này.

e. Quy định tại các Điểm a, Điểm b và Điểm c trên đây cũng áp dụng đối với Người Có Liên Quan, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ năm (05)% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty.

Điều 12. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công Ty và tất cả các Cổ Đông có quyền biểu quyết đều được tham dự. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần và phải họp trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính; trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp nhưng phải là nơi chủ tọa tham dự họp và trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của Pháp Luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công Ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công Ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công Ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty. Việc triệu tập là cần thiết nếu các kiểm toán viên độc lập thấy rằng cuộc họp là quan trọng để thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc về tình hình tài chính của Công Ty và Hội đồng quản trị cũng nhận thấy như vậy;

b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít hơn số thành viên mà Pháp Luật quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ này;

d. Cổ Đông hoặc một nhóm Cổ Đông được quy định tại Khoản 3 Điều 10 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ Đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ Đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ Đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ Đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công Ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Văn bản kiến nghị phải có chữ ký của các Cổ Đông liên quan (văn bản kiến nghị có

thể được lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các Cổ Đông có liên quan);

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản khi Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng: (i) có bất kỳ một Người Quản Lý đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của họ theo Điều 165 của Luật Doanh Nghiệp hoặc (ii) Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình; và

f. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật và Điều lệ này.

4. Trách nhiệm triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát không đáp ứng quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu nếu tại Điểm d Khoản 3 hoặc Điểm e Khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Điểm a, Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty theo quy định Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh Nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Cổ Đông, nhóm Cổ Đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, nếu xét thấy cần thiết, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc cơ quan khác theo quy định của Pháp Luật có thẩm quyền giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Người triệu tập phải lập danh sách Cổ Đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ Đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng Cổ Đông có quyền dự họp.

5. Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do Công Ty trả. Những phí tổn này sẽ không bao gồm những chi phí do Cổ Đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 13. Quyền và Nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công Ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;

e. Báo cáo của Tổng Giám đốc;

f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại; mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh Nghiệp và các các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các Cổ Đông tại Đại hội đồng cổ đông;

g. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công Ty.

i. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công Ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

j. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

k. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l. Phê chuẩn chính sách chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công Ty;

n. Thông qua ngành nghề kinh doanh của Công Ty;

o. Quyết định thay đổi Vốn Điều lệ của Công Ty, bao gồm cả việc giảm Vốn Điều lệ;

p. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần được quyền chào bán;

q. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công Ty. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công Ty và chỉ định người thanh lý;

r. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công Ty và Cổ Đông;

s. Quyết định đầu tư hoặc giao dịch bán tài sản Công Ty hoặc Chi Nhánh hoặc giao dịch mua bán/đầu tư có giá trị từ ba mươi lăm (35)% trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty và các Chi Nhánh được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

t. Công Ty mua lại hơn mười (10)% một loại cổ phần phát hành;

u. Công Ty hoặc các Chi Nhánh ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh Nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn ba mươi lăm (35)% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm (35)% trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty và các Chi Nhánh được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất,

v. Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười (10)% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công Ty và Cổ Đông sở hữu từ năm

mươi mốt (51)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người Có Liên Quan của Cổ Đông đó;

w. Phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

x. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

y. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này, các quy chế khác của Công Ty và Pháp Luật.

2. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Đại Diện Theo Ủy Quyền; Người Được Ủy Quyền Dự Họp

1. Cổ Đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số Đại Diện Theo Ủy Quyền thực hiện các quyền Cổ Đông của mình theo quy định của Pháp Luật. Trường hợp có nhiều hơn một Đại Diện Theo Ủy Quyền được cử thì phải xác định cụ thể số phiếu bầu của mỗi đại diện đó. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi Đại Diện Theo Ủy Quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công Ty trong thời hạn sớm nhất.

   Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Cổ Đông;

   b. Số lượng cổ phần, loại cổ phần;

   c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Đại Diện Theo Ủy Quyền;

   d. Số lượng Đại diện Theo Ủy Quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần, số cổ phần được uỷ quyền đại diện;

   e. Thời hạn Đại Diện Theo Ủy Quyền, trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;

   f. Họ, tên, chữ ký của Đại Diện Theo Ủy Quyền và Người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông.

2. Cổ Đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định Pháp Luật, có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho Người Được Ủy Quyền Dự Họp tham dự. Người Được Uỷ Quyền Dự Họp không nhất thiết phải là Cổ Đông.

3. Hồ sơ cử Người Được Uỷ Quyền Dự Họp phải được lập bằng văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự, phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền và phải có chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người Được Ủy Quyền Dự Họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp.

4. Trường hợp ủy quyền lại thì Người Được Ủy Quyền Dự Họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu hoặc bản sao hợp lệ của văn bản ủy quyền đó của Cổ Đông, Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công Ty). Nếu điều này không được thực hiện thì việc cử Người Được Ủy Quyền dự họp sẽ bị vô hiệu.

5. Phiếu biểu quyết của Người Được Ủy Quyền Dự Họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền. Tuy nhiên, Điều khoản này không được áp dụng trong trường hợp Công Ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các sự kiện nêu trên chậm nhất là hai mươi tư (24) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 15. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được Cổ Đông đại diện từ sáu mươi lăm (65)% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ Đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ Đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ Đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm (75)% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các Cổ Đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ Đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền quy định tại Khoản 1 Điều này chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) Cổ Đông (hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên, thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua Người Được Ủy Quyền Dự Họp đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của Cổ Đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua Người Được Ủy Quyền Dự Họp có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 16. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập Đại hội đồng cổ đông, trừ các trường hợp quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản 4 Điều 12 của Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách Cổ Đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công Ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách Cổ Đông có quyền

tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các Cổ Đông;

g. Các công việc khác phục vụ Đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ Đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ Đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, trên website của Công Ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các Cổ Đông hoặc/và đăng trên website của Công Ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các Cổ Đông có thể tiếp cận.

4. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 10 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được lập bằng văn bản và phải được gửi cho Công Ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước khi bắt đầu khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm: tên Cổ Đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều này nếu:

   a. Đề xuất không được gửi đúng quy định tại Khoản 4 Điều lệ này;

   b. Vào thời điểm đề xuất, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông không nắm giữ đủ từ năm (5)% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Điều lệ này;

   c. Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết được quy định tại Khoản 4 Điều này, điểm e khoản 3 Điều 10 Điều lệ; và

   d. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua các nghị quyết.

6. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

7. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho những vấn đề trong chương trình họp.

8. Trường hợp tất cả Cổ Đông đại diện một trăm (100)% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua Đại Diện Theo Ủy Quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông và lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp bầu chủ tọa, tên chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho chủ tọa phải được công bố.

   Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.

2. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua bởi đa số Cổ Đông sở hữu trên năm mươi (50)% tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ Đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua Người Được Ủy Quyền Dự Họp tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành; hoặc nếu được số Cổ Đông sở hữu trên năm mươi (50)% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ Đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản).

3. Nghị quyết liên quan các nội dung loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty; giao dịch mua, bán tài sản Công Ty hoặc các Chi Nhánh thực hiện có giá trị từ ba mươi lăm (35)% trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất; sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công Ty; được thông qua nếu được số Cổ Đông đại diện từ sáu mươi lăm (65)% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ Đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

   Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ Đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và Cổ Đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

   Phương thức bầu dồn phiếu do Hội đồng quản trị xác lập tại Quy Chế Quản Trị Công ty.

   Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.

   Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí trong quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

   Trường hợp không có đủ số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì Đại hội sẽ tiến hành bầu lại cho đến khi đủ số lượng.

   Phiếu biểu quyết có thể được gửi bằng thư bảo đảm đến Hội đồng quản trị, trưởng ban kiểm phiếu là người có quyền mở, phiếu này có hiệu lực pháp lý ngay cả khi nó không tuân thủ về mặt hình thức.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp (nếu có) phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị

trường chứng khoán và lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công Ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các Cổ Đông qua email hoặc fax trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Các biên bản này được coi là những bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông đó trừ khi có ý kiến phản đối được đưa ra một cách hợp lệ về nội dung biên bản trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi những biên bản đó đi. Biên bản sẽ được lập bằng tiếng Việt, được chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và thư ký ký xác nhận và được lập theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và tại Điều lệ này. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các Cổ Đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

5. Để tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông và để thông qua các quyết định cần có một số lượng đại biểu dự họp tối thiểu. Số đại biểu dự họp tối thiểu theo quy định là số Cổ Đông và những Người Được Uỷ Quyền Dự Họp có mặt tại Đại hội đồng cổ đông đại diện trên năm mươi (50)% tổng cổ phần có quyền biểu quyết. Nếu không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các Cổ Đông và những Người Được Uỷ Quyền Dự Họp đại diện từ ba mươi ba (33)% cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp Đại hội đồng lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần hai và trong trường hợp này Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ Đông hay Người Được Uỷ Quyền Dự Họp tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

6. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công Ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ Đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ Đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

   Cổ Đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

   a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

   b. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

   c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

      Việc tham dự, biểu quyết và thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác của Cổ Đông tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua hội nghị trực tuyến sẽ được

thực hiện theo các quy định chi tiết tại Quy chế tổ chức đại hội và các văn bản nội bộ khác có liên quan.

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử

7. Khi tiến hành đăng ký Cổ Đông, Công Ty cấp cho từng Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ Đông, họ và tên Người Được Ủy Quyền Dự Họp (nếu có) và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của chủ toạ nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành. Để đảm bảo cho ban kiểm phiếu thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình, ban kiểm phiếu có thể thành lập một bộ phận giúp việc cho mình.

8. Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp đến Đại hội đồng cổ đông muộn so với thời điểm khai mạc Đại hội có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội đồng cổ đông. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.

9. Chủ toạ là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.

10. Không cần lấy ý kiến của Đại hội đồng cổ đông, bất cứ lúc nào chủ toạ Đại hội đồng cổ đông cũng có thể hoãn Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số đại biểu cần thiết tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp đến một thời điểm khác và tại một địa điểm khác do chủ toạ quyết định nếu nhận thấy rằng có một trong các trường hợp sau đây: (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông; (b) hành vi của những người có mặt cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp, hoặc (c) phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho Cổ Đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông bị hoãn sẽ không xem xét thêm bất cứ vấn đề nào ngoài các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại Đại hội đồng cổ đông bị hoãn trước đó.

Trường hợp chủ tọa tạm dừng hoặc hoãn Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng. Cách thức bầu chủ tọa Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo trình tự được quy định tại Khoản 1 Điều này.

11. Chủ toạ của Đại hội có quyền tiến hành các hoạt động cần thiết và hợp lý để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự:

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho Cổ Đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

12. Người triệu tập cuộc họp hoặc Chủ tọa của Đại hội có quyền yêu cầu các Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý. Trường hợp có Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Người triệu tập cuộc họp hoặc Chủ tọa của Đại hội sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp nêu trên tham gia Đại hội và/hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp.

13. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Chủ tọa hoặc Người triệu tập cuộc họp sau khi xác định địa điểm Đại hội có thể:

a. Thông báo Đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa Đại hội có mặt tại đó ("địa điểm chính của Đại hội");

b. Bố trí, tổ chức để những Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội đồng cổ đông.

c. Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

14. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi Cổ Đông và Người Được Ủy Quyền Dự Họp (nếu có) được coi là tham gia Đại hội ở địa điểm chính của Đại hội.

15. Hàng năm Công Ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể được tổ chức trực tiếp hoặc trực tuyến, tuỳ thuộc vào điều kiện kinh tế, hoàn cảnh xã hội cụ thể từng năm, dựa theo nguyên tắc công khai, minh bạch, tuân thủ pháp luật và Điều lệ công ty, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

16. Đại hội đồng Cổ Đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Trường hợp Công Ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công Ty có trách nhiệm đảm bảo để Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 18. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty đối với tất cả các vấn đề nêu tại Khoản 1 Điều 13 Điều lệ. Cụ thể:

a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;

b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm đề xuất mức cổ tức cụ thể khi tiến hành lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản;

c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

d. Lựa chọn các tổ chức kiểm toán độc lập; Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết;

e. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

g. Phê chuẩn chính sách chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công Ty;

i. Thông qua ngành nghề kinh doanh của Công Ty;

j. Quyết định thay đổi Vốn Điều Lệ của Công Ty, bao gồm cả việc giảm Vốn Điều Lệ;

k. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;

l. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công Ty;

m. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công Ty và chỉ định người thanh lý;

n. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công Ty;

o. Quyết định giao dịch bán tài sản Công Ty hoặc Chi Nhánh hoặc giao dịch mua bán/đầu tư có giá trị từ ba mươi lăm (35)% trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty và các Chi Nhánh được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

p. Công Ty mua lại hơn mười (10)% một loại cổ phần phát hành;

q. Công Ty hoặc các Chi Nhánh ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh Nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn ba mươi lăm (35)% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm (35)% trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty và các Chi Nhánh được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

r. Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười (10)% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công Ty và Cổ Đông sở hữu từ năm mươi mốt (51)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người Có Liên Quan của Cổ Đông đó;

s. Phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

t. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng Cổ Đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các Cổ Đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital;

   b. Mục đích lấy ý kiến;

   c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh thư nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

   d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

   e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

   f. Thời hạn phải gửi về Công Ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

   g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu ý kiến đã trả lời đến Công Ty theo một trong các hình thức sau đây:

   a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

   b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

   c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Cổ đông có thể thực hiện việc biểu quyết thông qua hình thức văn bản hoặc hình thức biểu quyết điện tử. Khi xét thấy cần thiết, Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có quyền triển khai một trong hai hình thức trên hoặc kết hợp cả hai hình thức biểu quyết trên hoặc các hình thức lấy ý kiến cổ đông khác trên nguyên tắc: phù hợp với tình hình thực tế, tuân thủ pháp luật, tuân thủ Điều lệ, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch và bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của Cổ Đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công Ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;

   b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

   c. Số Cổ Đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Cổ Đông tham gia biểu quyết;

   d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

   e. Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

   f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

   Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các Cổ Đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản phải được số Cổ Đông sở hữu trên năm mươi (50)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 19. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, Cổ Đông, Nhóm Cổ Đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital, trừ trường hợp quy định tại Khoản 8 Điều 16 của Điều lệ này.

2. Nội dung Nghị quyết vi phạm Pháp Luật hoặc Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital.

   Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có

thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Thành phần và Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công Ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
2. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công Ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.
3. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đảm bảo quy định như sau:
   a. Có tối thiểu một (01) thành viên độc lập trong trường hợp Công Ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
   b. Có tối thiểu hai (02) thành viên độc lập trong trường hợp Công Ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
   c. Có tối thiểu ba (03) thành viên độc lập trong trường hợp Công Ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

   Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của Pháp Luật. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là Cổ Đông của Công Ty, không mang quốc tịch Việt Nam và/hoặc không cư trú tại Việt Nam.
4. Tiêu chuẩn và điều kiện của Thành viên Hội đồng quản trị

   Bất cứ người nào vừa là Người Thâu Tóm nhưng đồng thời lại là Đối Thủ Cạnh Tranh hoặc người đại diện của Đối Thủ Cạnh Tranh của Công Ty thì không được đề cử để bầu vào Hội đồng quản trị.

   Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) công ty khác.

   Cá nhân/tổ chức ứng cử vào thành viên Hội đồng quản trị phải đảm bảo một số điều kiện sau:

   a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

   b. Có trình độ chuyên môn tối thiểu ở mức đại học hệ chính quy (cử nhân), có kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh, từng giữ chức vụ quản lý cấp cao (Phó Tổng Giám đốc, Tổng Giám Đốc, Chủ tịch Công ty) tại các doanh nghiệp có quy mô tổng tài sản trên 200 tỷ đồng, với thời gian tối thiểu 5 năm, và có độ tuổi trên 30 tuổi.

   c. Tình hình tài chính cá nhân lành mạnh, không có các khoản nợ xấu hoặc tiềm ẩn các khoản nợ xấu phát sinh trong 12 tháng tới tính từ thời điểm ứng cử vào thành viên Hội đồng quản trị, không sử dụng nợ vay để đầu tư cổ phiếu BCG nhằm mục đích thâu tóm doanh nghiệp.

   d. Không liên quan đến các giao dịch "thâu tóm thù địch" các doanh nghiệp khác trong quá khứ.

e. Không liên quan đến các hành vi "thao túng chứng khoán" trong quá khứ.

5. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị. Cổ Đông hoặc Nhóm Cổ Đông sở hữu từ mười (10)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị.

Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ mười (10)% đến dưới hai mươi (20)% số cổ phần phổ thông được đề cử một (01) thành viên để bầu vào Hội đồng quản trị; từ hai mươi (20)% đến dưới ba mươi (30)% số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi (30)% đến dưới bốn mươi (40)% số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi (40)% đến dưới năm mươi (50)% số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi (50)% đến dưới sáu mươi (60)% số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ sáu mươi (60)% đến dưới bảy mươi (70)% số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ bảy mươi (70)% đến tám mươi (80)% số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ tám mươi (80)% đến dưới chín mươi (90)% số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Trình tự, thủ tục bầu cử Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy chế bầu cử của Công Ty.

Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công Ty quy định tại Quy Chế Quản Trị Công Ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

6. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh Nghiệp hoặc bị Pháp Luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công Ty và được chấp thuận;

c. Thành viên đó (i) bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; (ii) có hành vi vi phạm Pháp Luật và bị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tạm giam, tạm giữ theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự; và (iii) các thành viên khác của Hội đồng quản trị đồng thuận quyết định chấm dứt tư cách thành viên Hội đồng quản trị;

d. Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

e. Thành viên đó bị miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

f. Thành viên đó khi/vào thời điểm là Người Thâu Tóm nhưng đồng thời cũng vừa là Đối Thủ Cạnh Tranh hoặc người đại diện của Đối Thủ Cạnh Tranh của Công Ty;

g. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công Ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị.

7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của Pháp Luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 21. Quyền hạn và Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công Ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để quyết định, thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ nhân danh Công Ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

   Cổ Đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành (hoặc Phó Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm và cổ đông lớn là Người Có Liên Quan của các đối tượng trên phải cam kết tiếp tục nắm giữ một trăm (100)% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian sáu (06) tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán và năm mươi (50)% số cổ phiếu này trong thời gian sáu (06) tháng tiếp theo.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý cấp cao thuộc thẩm quyền của mình theo cơ chế được đề cập trong Quy Chế Quản Trị Công Ty.

3. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị do Pháp Luật, Điều lệ, Quy Chế Quản Trị Công Ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông quy định, cụ thể Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

   a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

   b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược do Đại hội đồng Cổ Đông thông qua;

   c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động đối với (i) Tổng Giám đốc hay, (ii) bất kỳ Cán bộ quản lý cấp cao của Công Ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc; quyết định mức lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những Người Quản Lý đó. Quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Đại Diện Theo Ủy Quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở tổ chức/doanh nghiệp khác, quyết định mức tiền thù lao và lợi ích khác của những người đó;

   d. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

   e. Quyết định việc phát hành trái phiếu;

   f. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

   g. Giải quyết các khiếu nại của Công Ty đối với Người Quản Lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công Ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người Quản Lý đó;

   h. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

   i. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước;

j. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;

k. Quyết định các khoản đầu tư có giá trị thấp hơn ba mươi lăm (35)% giá trị tổng tài sản Công Ty, căn cứ theo số liệu báo cáo tài chính gần nhất;

l. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; tổ chức việc chi trả cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

m. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công Ty.

n. Công khai lợi ích. Một thành viên Hội đồng quản trị mà bằng cách này hay cách khác, trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng, giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công Ty sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng, giao dịch này nếu khi đó thành viên này đã biết mình có lợi ích trong đó hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

o. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình và giải thể Công ty Con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

p. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công Ty hoặc Chi Nhánh, Công Ty Con (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thâu tóm Công Ty và liên doanh mà có giá trị từ năm mươi (50)% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty trở lên);

q. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công Ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công Ty;

r. Mọi (i) việc vay, nợ và (ii) việc thực hiện mọi khoản bảo đảm và bồi thường của Công Ty với mức giá trị được quy định tại Quy Chế Quản Trị Công Ty;

s. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Pháp Luật;

t. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

u. Việc định giá các tài sản góp vào Công Ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công Ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

v. Việc Công Ty mua hoặc thu hồi không quá mười (10)% mỗi loại cổ phần đã bán trong thời hạn mười hai (12) tháng. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công Ty;

w. Bất kỳ vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch nào khác mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình, được đề cập trong Quy Chế Quản Trị Công Ty;

x. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông; và

y. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của Pháp Luật và Điều lệ này.

4. Được quyền thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền, trừ hợp chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền theo phương án được Hội đồng quản trị thông qua.Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020, trong đó có việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý cấp cao trong năm tài chính.

5. Trừ khi Pháp Luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho Người Quản Lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công Ty.

6. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo Quy Chế Quản Trị Công Ty.

   Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty phù hợp với quy định của Pháp Luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty.

   Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công Ty, Công Ty Con, Công ty liên kết của Công Ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công Ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các Hội đồng, Ủy ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo chính sách thù lao thành viên Hội đồng quản trị của Công Ty.

8. Các thành viên của Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các Hội đồng, Ủy ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ Đông.

Điều 22. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một (01) Chủ tịch. Việc bầu Chủ tịch được thực hiện theo Quy Chế Quản Trị Công Ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không được kiêm nhiệm Tổng Giám đốc của Công Ty.

2. Quyền hạn và nhiệm vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị:

   a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

   b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị;

c. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công Ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các Cổ Đông tại Đại hội đồng cổ đông.

d. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị;

e. Theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

f. Kiến nghị lên Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc. Thay mặt Hội đồng quản trị ký kết hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc;

g. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tạm đình chỉ những quyết định của Tổng Giám đốc để hạn chế tổn thất và sau đó phải báo cáo bằng văn bản đến Hội đồng quản trị để có quyết định chính thức về việc đình chỉ hoặc hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ đó trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày ra quyết định tạm đình chỉ đó;

h. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

i. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập và chủ toạ Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình thì thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trong trường hợp không có người được ủy quyền, Hội đồng quản trị có thể bầu một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm thì Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày Công Ty nhận được văn bản xin từ chức hoặc kể từ ngày Hội đồng quản trị thông qua quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 23. Các cuộc họp và các Hội đồng, Ủy ban của Hội đồng quản trị

A- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị: Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

2. Cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ: Chủ tịch của Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào cho là cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

3. Cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối

tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc các thành viên HĐQT độc lập;

b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc Công ty hoặc ít nhất năm (05) Cán bộ quản lý khác;

c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;

d. Theo yêu cầu của kiểm toán độc lập để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công Ty.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này được tiến hành ở địa chỉ trụ sở chính của Công Ty hoặc những địa chỉ khác ở tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo đề xuất của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

6. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

   Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công Ty.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

   Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

   a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

   b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

   c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức tương tự khác;

   d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

8. Biểu quyết:

   a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền có mặt trực tiếp với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc Người Có Liên Quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch được quy định tại Khoản 4 Điều 30 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng hoặc giao dịch đó.

c. Theo quy định tại Điểm b Khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ toạ liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.

9. Biểu quyết thông qua các nghị quyết/quyết định. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì quyết định cuối cùng sẽ thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền tham gia biểu quyết tại cuộc họp.

10. Công khai lợi ích; Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công Ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công Ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt tại cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà chủ toạ cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết bằng văn bản: Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

14. Biên bản cuộc họp: Thư ký Công Ty có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Các biên bản được lập bằng tiếng Việt và phải được ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng quản trị và người ghi biên bản tham dự cuộc họp. Trong trường hợp có thành viên Hội đồng quản trị không thể sử dụng được tiếng Việt, thì nội dung biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể được dịch sang tiếng Anh và thành viên đó phải ký tên trên cả biên bản bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua.

Thời hạn lưu trữ biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị được thực hiện theo Quy Chế Quản Trị Công Ty.

15. Những người được mời họp dự thính: Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết. Tổng Giám đốc, những Cán bộ quản lý cấp cao và các chuyên gia có thể dự họp Hội đồng quản trị theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết.

B- Các Hội đồng, Ủy ban của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thành lập Ủy ban nhân sự, Hội đồng đầu tư, và một số Hội đồng, Ủy ban khác căn cứ vào nhu cầu thực tế, để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có thể thành lập các Hội đồng, Ủy ban đặc biệt sau khi có nghị quyết chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

3. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho các Hội đồng, Ủy ban quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được quyền hành động và ra quyết định về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Thành viên của Hội đồng, Ủy ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng

quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các Hội đồng, Ủy ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các Hội đồng, Ủy ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của Hội đồng, Ủy ban nhưng (i) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài không nhiều hơn một nửa tổng số thành viên của Hội đồng, Ủy ban và (ii) nghị quyết của các Hội đồng, Ủy ban chỉ có hiệu lực khi các thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp có hơn năm mươi (50)% thành viên Hội đồng quản trị của các Hội đồng, Ủy ban đó.

4. Việc thực thi quyết định của Hội đồng, Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị hoặc của người có tư cách thành viên Hội đồng, Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc chỉ định thành viên của Hội đồng, Ủy ban có thể có sai sót.
5. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các Hội đồng, Ủy ban và trách nhiệm của từng thành viên.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ CẤP CAO VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 24. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công Ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công Ty có một (01) Tổng Giám đốc và một số Giám đốc điều hành (hoặc Phó Tổng Giám đốc) và một (01) Giám đốc Tài chính (CFO) do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức. Theo đó:

1. Giám đốc điều hành (hoặc Phó Tổng Giám đốc) là người giúp Tổng Giám đốc một hoặc một số nhiệm vụ theo sự phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và Pháp Luật về phạm vi công việc được phân công và ủy quyền.
2. Kế toán trưởng là người giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo, thực hiện thống nhất công tác đầu tư, kế toán, quản trị tài chính, thống kê; chịu trách nhiệm về công tác quản lý tài chính, kế toán của Công Ty theo đúng quy định của Pháp Luật.

Điều 25. Cán bộ quản lý cấp cao

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công Ty sẽ có một số lượng nhất định và vị trí Cán bộ quản lý cấp cao cần thiết và thích hợp với cơ cấu tổ chức và thông lệ quản lý Công Ty do Hội đồng quản trị quyết định tùy từng thời điểm.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc sẽ phải do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng của những Cán bộ quản lý cấp cao sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Điều 26. Bổ nhiệm, Bãi nhiệm, Miễn nhiệm, Nhiệm vụ và Quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công Ty.

2. Điều kiện và tiêu chuẩn:

   a. Tổng Giám đốc không được là người thuộc những trường hợp bị Pháp Luật cấm giữ chức vụ này quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp, tức là: (i) những người chưa thành niên, người bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; (ii) người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù; (iii) nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức Nhà nước và (iv) người trong thời hạn bị cấm làm người quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, bao gồm chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của doanh nghiệp, Chủ nhiệm, các thành viên Ban quản trị hợp tác xã đã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;

   b. Không được là người có quan hệ gia đình của Người Quản Lý, Kiểm soát viên của Công Ty; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công Ty;

   c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công Ty.

   Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

3. Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

   a. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

   b. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

   c. Kiến nghị số lượng và các vị trí quản lý mà Công Ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm, bãi nhiệm khi cần thiết đối với các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty và tư vấn cho Hội đồng quản trị để quyết định mức lương, tiền thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Cán bộ quản lý cấp cao;

   d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công Ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng Cổ Đông;

e. Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp;

f. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm và phương án đầu tư của Công Ty do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;

g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công Ty;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công Ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công Ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công Ty do Hội đồng quản trị ban hành;

i. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

j. Tổng Giám đốc sẽ là người đại diện cho Công Ty hoặc ủy quyền cho Cán bộ quản lý cấp cao để thực hiện việc tuyển dụng và ký kết các hợp đồng lao động. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công Ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

k. Trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình thì Tổng Giám đốc có thể ủy quyền cho cá nhân và/hoặc tổ chức khác thực hiện các công việc liên quan đến nhiệm vụ và quyền hạn của mình tùy theo nhu cầu vào từng thời điểm,

l. Điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty theo đúng quy định của Pháp Luật, Điều lệ này và các quy chế của Công Ty do Hội đồng quản trị ban hành, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công Ty.

Nếu điều hành trái với quy định trên mà gây thiệt hại cho Công Ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước Pháp Luật (nếu có) và phải bồi thường thiệt hại cho Công Ty.

4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các Cổ Đông. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Bãi nhiệm, miễn nhiệm. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc với ít nhất hai phần ba (2/3) thành viên Hội đồng biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.

Tổng Giám đốc có thể được Hội đồng quản trị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công Ty;

b. Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác.

Tổng Giám đốc có thể bị Hội đồng quản trị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty;

b. Vi phạm Pháp Luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.

Điều 27. Thư ký Công Ty

1. Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (01) hoặc nhiều Thư ký Công Ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công Ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái các quy định

của pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công Ty kiêm nhiệm người phụ trách quản trị Công Ty bao gồm:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công Ty và Cổ Đông;

b. Chuẩn bị và tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng Cổ Đông theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tham dự và lập biên bản các cuộc họp;

d. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

e. Cung cấp thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát;

f. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty; và

g. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của Pháp Luật;

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với Pháp Luật.

2. Thư ký Công Ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp Luật và Điều lệ.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 28. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là các trách nhiệm và quyền hạn sau đây:

   a. Ban kiểm soát thực hiện giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý cấp cao trong việc quản lý và điều hành Công Ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;

   b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

   c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý của Công Ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công Ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên; Rà soát hợp đồng, giao dịch với Người Có Liên Quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;

   d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công Ty;

   e. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công Ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty bất cứ khi nào nếu thấy cần thiết hoặc theo

quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông được quy định tại Khoản 3 Điều 10 của Điều lệ này;

f. Khi có yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông được quy định tại Khoản 3 Điều 10 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện và tiến hành kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty;

g. Kiến nghị Hội đồng quản trị các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức của Công Ty;

h. Khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công Ty quy định tại Luật Doanh Nghiệp, Điều 29 và Điều 30 của Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong thời hạn bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

i. Ban kiểm soát được quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công Ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;

j. Trong hoạt động kế toán, kiểm toán của Công Ty thì Ban kiểm soát sẽ có những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

   j1. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công Ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

   j2. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

   j3. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

   j4. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công Ty;

k. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết;

l. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

m. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

n. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Cổ Đông;

o. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công Ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công Ty trong giờ làm việc;

p. Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này, Điều 170, Điều 171 và Điều 173 và các quy định khác của Luật Doanh Nghiệp và Điều

288 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

2. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ mười (10)% số cổ phần phổ thông trở lên có quyền gộp số quyền biểu quyết lại để đề cử, ứng cử để bầu vào Ban Kiểm soát.

   Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ từ mười (10)% đến dưới hai mươi (20)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ hai mươi (20)% đến dưới (30)% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi (30)% đến dưới bốn mươi (40)% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi (40)% đến dưới năm mươi (50)% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi (50)% đến dưới sáu mươi (60)% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

   Trình tự, thủ tục bầu cử Ban kiểm soát được thực hiện theo quy chế bầu cử của Công Ty.

   Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công Ty quy định tại Quy Chế Quản Trị Công Ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công Ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

4. Ban kiểm soát không được có ít hơn ba (03) thành viên và nhiều hơn năm (05) thành viên, số lượng cụ thể sẽ được Hội đồng quản trị trình và Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 13 của Điều lệ này. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và các quy định nêu tại Điều lệ này. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công Ty và không phải cổ đông, thành viên có phần vốn góp hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đã thực hiện các báo cáo tài chính của Công Ty trong ba (03) năm liền trước đó. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là Người Có Liên Quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý cấp cao của Công Ty. Thành viên Ban kiểm soát có thể không mang quốc tịch Việt Nam và/hoặc không cư trú tại Việt Nam nhưng phải đảm bảo có hơn một nửa số thành viên Ban kiểm soát thường trú tại Việt Nam. Ban kiểm soát bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát. Trưởng Ban kiểm soát phải là người có chuyên môn về kế toán và phải làm việc chuyên trách tại công ty. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

   a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là chủ tọa cuộc họp;

   b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý cấp cao cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát; và

   c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

5. Tổng mức tiền thù lao của Ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

6. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

7. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, có nhiệm kỳ tối đa là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

8. Một thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

   a. Thành viên đó bị Pháp Luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;

   b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công Ty và được chấp thuận;

   c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và những thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó bị mất năng lực hành vi dân sự;

   d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

   e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ CẤP CAO

Điều 29. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý cấp cao có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các Hội đồng, Ủy ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và vì lợi ích cao nhất của Công Ty với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 30. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý cấp cao không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công Ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác; đồng thời phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý cấp cao có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công Ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác, bao gồm cả các giao dịch giữa Công Ty, Công Ty Con, công ty do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính Người Quản Lý hoặc với Người Có Liên Quan của họ theo quy định của Pháp Luật. Đối với các giao dịch do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công Ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin. Nội dung thông báo bao gồm:

   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.

   b. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà Người Có Liên Quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên mười (10)% Vốn Điều Lệ.

   Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo tới Công Ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ khi có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

   Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty. Cổ Đông, Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu thấy cần thiết.

   Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công Ty đều phải giải trình bản chất, nội dung công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công Ty.

3. Công Ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cán bộ quản lý cấp cao không phải là Cổ Đông và Người Có Liên Quan của họ hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà ở đó những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp (i) Công Ty và tổ chức có liên quan đến thành viên này là các công ty trong cùng Tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế; (ii) Đại hội đồng cổ đông chấp thuận; (iii) pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

4. Theo Điều 167 của Luật Doanh Nghiệp, một hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công Ty và các đối tượng sau đây:

4.1. Cổ Đông, Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông sở hữu trên mười (10)% tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty và Người Có Liên Quan của họ; hoặc

4.2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người Có Liên Quan của họ; hoặc

4.3. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý cấp cao phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.

4.4 Giao dịch giữa Công Ty với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý cấp cao và Người Có Liên Quan của họ sẽ không bị vô hiệu hóa, nếu:

a. Đối với các hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị nhỏ ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản Công Ty và Chi Nhánh ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và nội dung của hợp đồng hoặc những nội dung chủ yếu của giao dịch đó đã được thông báo và đã được Hội đồng quản trị ra quyết định chấp thuận và cho phép thực hiện;

b. Đối với các hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản Công Ty và Chi Nhánh trở lên hoặc các hợp đồng, giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm (35)% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và các hợp đồng hoặc giao dịch khác không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và những nội dung của hợp đồng hoặc những nội dung chủ yếu của giao dịch đó đã được thông báo và đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận và cho phép thực hiện.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cán bộ quản lý cấp cao và Người Có Liên Quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công Ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

5. Không một thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, một Cán bộ quản lý cấp cao hay Người Có Liên Quan nào của họ được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công Ty hoặc Công Ty Con vào bất cứ thời điểm nào, khi mà họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các Cổ Đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 31. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn theo quy định tại Điều lệ này và Quy Chế Quản Trị Công Ty phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công Ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công Ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cán bộ quản lý cấp cao, nhân viên hoặc là đại diện được Công Ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công Ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cán bộ quản lý cấp cao, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công Ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công Ty, trên cơ sở tuân thủ Pháp Luật và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công Ty, thành viên Hội đồng quản

trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cán bộ quản lý cấp cao, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công Ty được Công Ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công Ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty;

b. Tuân thủ Pháp Luật và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ Pháp Luật cho phép.

Công Ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho những người được quy định tại Khoản 2 Điều này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên theo quy định như sau:

a. Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn việc mua bảo hiểm trách nhiệm đối với thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

b. Hội đồng quản trị phê chuẩn việc mua bảo hiểm trách nhiệm đối với Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý cấp cao; và

c. Tổng Giám đốc quyết định việc mua bảo hiểm trách nhiệm đối với những trường hợp không thuộc quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản này.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 32. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ năm (5)% tổng số cổ phần phổ thông có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công Ty;

c. Yêu cầu kiểm tra do phía đại diện được uỷ quyền của Cổ Đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của Cổ Đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý cấp cao có quyền kiểm tra Sổ đăng ký Cổ Đông của Công Ty, danh sách Cổ Đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công Ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công Ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ

sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của Pháp Luật tại trụ sở chính của Công Ty.

4. Điều lệ phải được công bố trên website của Công Ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 33. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Cán bộ quản lý cấp cao.
2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công Ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công Ty và quy định của Pháp Luật.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 34. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công Ty.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Công Ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công Ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ Đông cung cấp. Trường hợp Công Ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ Đông cung cấp mà Cổ Đông đó không nhận được tiền, Công Ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công Ty chuyển cho Cổ Đông thụ hưởng.
6. Theo chấp thuận của các Cổ Đông tại Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phiếu phổ thông được quyền lựa chọn để nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Những cổ phần bổ sung này được ghi là những cổ phần đã thanh toán hết tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần phổ thông bổ sung thay thế cho khoản cổ tức tiền mặt phải tương đương với số tiền mặt của cổ tức theo sự tính toán xác thực nhất.
7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách Cổ Đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ Đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của Pháp Luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, TRÍCH LẬP QUỸ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 35. Tài khoản ngân hàng

1. Công Ty sẽ mở tài khoản tại một hay nhiều ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, Công Ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Pháp Luật, nếu cần thiết.
3. Công Ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công Ty mở tài khoản.

Điều 36. Trích lập Quỹ

Hàng năm, Hội đồng quản trị sẽ quyết định mức trích lập các quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế của Công Ty, bao gồm: (i) một khoản trích vào Quỹ dự phòng tài chính. Khoản này không được vượt quá năm (05)% lợi nhuận sau thuế của Công Ty và sẽ chỉ được tiếp tục trích cho đến khi Quỹ dự phòng tài chính bằng mười (10)% Vốn Điều Lệ của Công Ty; (ii) 15% để lập Quỹ khen thưởng và phúc lợi. Tỷ lệ (%) trích lập các quỹ có thể thay đổi theo kiến nghị của Hội đồng quản trị và được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.

Điều 37. Năm tài chính

Năm tài chính của Công Ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ ba mươi mốt (31) của tháng Mười Hai cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ Ngày Thành Lập và kết thúc vào ngày thứ ba mươi mốt (31) của tháng Mười Hai của năm đó, nếu Pháp Luật cho phép.

Điều 38. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công Ty sử dụng là chế độ kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty sẽ phải lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công Ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công Ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công Ty.
3. Công Ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 39. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công Ty sẽ phải chuẩn bị một bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của Pháp Luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải được

kiểm toán theo quy định tại Điều 41 Điều lệ này, và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm một Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công Ty trong năm tài chính và một Bản cân đối kế toán cho thấy được một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Nếu Công Ty là một Công ty mẹ thì báo cáo tài chính hàng năm còn phải bao gồm cả báo cáo tài chính riêng của Công Ty lẫn Báo cáo tài chính hợp nhất về tình hình hoạt động của Công Ty và các Công Ty con của nó vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Công Ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh Nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của Công ty phải được công bố trên website của Công Ty.

Điều 40. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Việc công bố thông tin và thông báo ra công chúng của Công ty được thực hiện theo các quy định của Pháp Luật.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 41. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.

   Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công Ty phải là những công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

2. Công Ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công Ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

4. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công Ty.

5. Đại diện của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công Ty được mời tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các Cổ Đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVII. CON DẤU

Điều 42. Con dấu

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử;
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung con dấu của Công Ty, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Công Ty;
3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của Pháp Luật hiện hành và Quy Chế Quản Trị Công ty.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 43. Giải thể Công Ty

1. Công Ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
   a. Khi kết thúc Thời Hạn Hoạt Động của Công Ty mà không có quyết định gia hạn;
   b. Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam tuyên bố Công Ty phá sản theo quy định của Pháp Luật hiện hành;
   b. Giải thể trước thời hạn theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
   c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
   d. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật.
2. Việc giải thể Công Ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.
3. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để Cổ Đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công Ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị;
4. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số Cổ Đông đại diện từ sáu mươi lăm (65)% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ Đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 44. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Cổ Đông

Các Cổ Đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới Tòa án để yêu cầu giải thể Công ty khi xảy ra một hay một số các tình huống sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công Ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hành động.
2. Các Cổ Đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
3. Có sự bất đồng nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh Cổ Đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể Cổ Đông.

Điều 45. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước sau khi có một quyết định giải thể Công Ty, Hội đồng quản trị phải thành lập ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công Ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công Ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, ban thanh lý sẽ thay mặt Công Ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công Ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
   a. Các chi phí thanh lý;
   b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
   c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
   d. Các khoản vay (nếu có);
   e. Các khoản nợ khác của Công Ty;
   f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các Cổ Đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước (nếu có).

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 46. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của Công Ty hay tới quyền của các Cổ Đông phát sinh từ Điều lệ này hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh Nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
   a. Cổ Đông với Công Ty; hoặc
   b. Cổ Đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay Cán bộ quản lý cấp cao;

   thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Nếu không có quyết định hoà giải nào đạt được trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền.

3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Toà phân quyết bên nào phải chịu.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 47. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công Ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công Ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 48. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm hai mươi mốt (21) Chương, bốn mươi chín (49) Điều, có hiệu lực từ ngày 28 tháng 04 năm 2023.
2. Điều lệ này được lập thành mười (10) bản có giá trị như nhau, trong đó:
   a. Một (01) bản nộp tại phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
   b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
   c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty;
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công Ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công Ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một nửa (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 49. Chữ ký Người đại diện theo pháp luật.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

Nguyễn Hồ Nam

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh - Tel: 028.38205944 - Fax: 028.38205942

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	03 - 05
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	06 - 07
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán riêng	08 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	10 - 10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	11 - 12
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng	13 - 48

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311315789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/11/2011 và thay đổi lần thứ 27 ngày 07/10/2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 5.334.676.220.000 VND.

Vốn góp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 5.334.676.220.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối quy định tại Thông tư 34/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013). Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối quy định tại Thông tư 34/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013). Bán buôn thực phẩm, chi tiết: Bán buôn sữa, các sản phẩm từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, cà phê, cacao (trừ không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối quy định tại Thông tư 34/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013) (không hoạt động tại trụ sở). Lập trình máy vi tính. Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính. Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi. Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động khác liên quan. Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp. Kinh doanh bất động sản (trừ: không thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử đất gắn với hạ tầng), quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Bán buôn cao su mủ cốm, phân bón (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất sử dụng trong nông nghiệp. Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Bán mô tô, xe máy. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy. Cho thuê ô tô. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, mi mạ điện tại trụ sở). Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Xây dựng nhà các loại. Xây dựng công trình công ích. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chuẩn bị mặt bằng. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Hoàn thiện công trình xây dựng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác. Sản xuất thảm, chăn, đệm. Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống). Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Bán buôn thực phẩm. Sản xuất truyền tải và phân phối điện. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ. Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Sản xuất đồ gỗ xây dựng. Bán lẻ phân bón. Khai thác quặng sắt. Khai thác quặng uranium và quặng thorium.

4. Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

5. Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính riêng

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính riêng đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

6. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Đại diện Pháp luật

Hội đồng Quản trị

Ông	Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch
Ông	Nguyễn Thế Tài	Phó Chủ tịch - Tổng Giám Đốc
Ông	Nguyễn Thanh Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám Đốc
Ông	Phạm Minh Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám Đốc
Ông	Bùi Thành Lâm	Thành viên HĐQT
Ông	Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên HĐQT
Ông	Phạm Nguyễn Thiên Chương	Thành viên HĐQT
Ông	Tan Bo Quan, Andy	Thành viên HĐQT
Ông	Nguyễn Tùng Lâm	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 06/05/2022)
Ông	Khuất Tuấn Anh	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 06/05/2022)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Nguyễn Thế Tài	Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Thanh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Hoàng Thị Minh Châu	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Phạm Hữu Quốc	Kế toán trưởng (bổ nhiệm từ 01/07/2022)

Ban Kiểm soát

Ông	Đồng Hải Hà	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 22/07/2022)
Ông	Đinh Hoài Châu	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 22/07/2022)
Ông	Nguyễn Việt Cương	Thành viên
Ông	Kou Kok Yiow	Thành viên

Đại diện pháp luật

Ông	Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông	Nguyễn Thế Tài	Tổng Giám đốc

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị với Báo cáo tài chính riêng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng này;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

9. Cam kết khác

Chủ tịch Hội đồng Quản trị cam kết rằng Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2023

TM. Hội đồng Quản trị

Chủ tịch HĐQT - Đại diện pháp luật

M.S.D.N: 0311315769 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Hồ Nam

Số: 375 /BCKT/TC/2023/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát**
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital được lập ngày 10/02/2023 từ trang 08 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3820 5944 - (028) 3820 5947 - Fax: (028) 3820 5942
Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả kinh doanh riêng và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2023

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Phó Tổng Giám đốc

Lê Đình Ái
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 3770-2023-142-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Vũ
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 0699-2023-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**111.586.185.255**	**196.834.622.237**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	V.01	**25.724.138.582**	**23.839.005.895**
1. Tiền	111		5.314.138.582	13.429.005.895
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.410.000.000	10.410.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	V.05	**1.700.000.000**	**34.700.000.000**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	33.000.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.700.000.000	1.700.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**80.884.307.918**	**133.901.519.713**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	34.804.903.300	92.907.862.660
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	5.864.684.523	16.579.500.001
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	2.500.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	37.714.720.095	24.414.157.052
IV. Hàng tồn kho	**140**		**40.000.000**	**1.089.600.000**
1. Hàng tồn kho	141	V.07	40.000.000	1.089.600.000
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**3.237.738.755**	**3.304.496.629**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	512.019.336	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.724.655.642	3.303.432.852
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	V.13	1.063.777	1.063.777
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**10.803.694.494.582**	**5.758.484.648.166**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**541.221.827.373**	**53.105.827.373**
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.04	500.000.000.000	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.06	41.221.827.373	53.105.827.373
II. Tài sản cố định	**220**		**10.938.783.330**	**4.072.360.127**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	8.307.915.644	4.029.607.597
- Nguyên giá	*222*		*14.774.005.655*	*8.530.005.655*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(6.466.090.011)*	*(4.500.398.058)*
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	2.630.867.686	42.752.530
- Nguyên giá	*228*		*2.734.054.546*	*76.954.546*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(103.186.860)*	*(34.202.016)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**535.500.000**	**535.500.000**
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		535.500.000	535.500.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	V.05	**10.248.331.609.658**	**5.700.264.278.814**
1. Đầu tư vào công ty con	251		10.241.856.493.413	5.602.037.274.476
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		132.394.000.000	182.804.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.679.676.293	529.156.293
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(127.598.560.048)	(85.106.151.955)
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**2.666.774.221**	**506.681.852**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	2.666.774.221	506.681.852
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**10.915.280.679.837**	**5.955.319.270.403**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**4.708.376.389.169**	**2.841.116.446.532**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**156.211.908.826**	**174.806.186.956**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	52.201.237.994	10.489.252.803
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		609.635.084	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	294.834.903	9.980.626.436
4. Phải trả người lao động	314		1.923.322.226	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	32.309.682.851	7.845.837.255
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	16.856.401.449	93.013.516.720
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	52.016.794.319	53.476.953.742
II. Nợ dài hạn	330		4.552.164.480.343	2.666.310.259.576
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12	-	534.310.000.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15	3.973.460.000.000	1.529.150.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	578.704.480.343	602.850.259.576
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**6.206.904.290.668**	**3.114.202.823.871**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	V.16	**6.206.904.290.668**	**3.114.202.823.871**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		5.334.676.220.000	2.975.371.740.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*5.334.676.220.000*	*2.975.371.740.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		866.926.422.000	(233.004.000)
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		5.301.648.668	139.064.087.871
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*(414.210.480.629)*	*45.042.534.665*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*419.512.129.297*	*94.021.553.206*
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**10.915.280.679.837**	**5.955.319.270.403**

Lập ngày 10 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Huỳnh Minh Trường	Phạm Hữu Quốc	Nguyễn Hồ Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	VI.01	**44.600.649.138**	**111.208.789.705**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**44.600.649.138**	**111.208.789.705**
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	15.939.640.475	24.128.819.449
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**28.661.008.663**	**87.079.970.256**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	587.337.338.204	192.459.849.768
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	144.886.905.125	147.827.833.194
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		*61.907.222.061*	*61.905.929.317*
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	51.591.832.445	36.210.358.682
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**419.519.629.297**	**95.501.628.148**
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	VI.06	7.500.000	1.196.848.399
13. Lợi nhuận khác	**40**		**(7.500.000)**	**(1.196.848.399)**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		419.512.129.297	**94.304.779.749**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.08	-	283.226.543
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		419.512.129.297	**94.021.553.206**

Lập, ngày 10 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Huỳnh Minh Trường	Phạm Hữu Quốc	Nguyễn Hồ Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		419.512.129.297	94.304.779.749
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.034.676.797	1.177.669.974
- Các khoản dự phòng	03		42.492.408.093	84.597.613.369
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(518.412)	786.676.466
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(568.921.552.348)	(192.040.738.860)
- Chi phí lãi vay	06		82.548.888.724	61.905.929.317
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(22.333.967.849)	50.731.930.015
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		109.718.627.242	56.641.604.356
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		1.049.600.000	(1.049.600.000)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		1.818.811.385.538	1.177.139.326.091
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(2.672.111.705)	(192.967.932)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		33.000.000.000	(33.000.000.000)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(65.985.201.906)	(54.903.295.984)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(29.380.131.495)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.871.588.331.320	1.165.986.865.051
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.544.000.000)	(665.427.273)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(592.500.000.000)	(720.000.000)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(5.524.514.210.000)	(2.162.686.378.280)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.101.047.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		488.840.385.174	175.794.738.860
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.534.670.824.826)	(1.988.277.066.693)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		2.924.842.056.000	674.555.796.000
3. Tiền thu từ đi vay	33		582.236.416.876	513.855.255.910
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(604.984.022.195)	(191.529.212.577)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(237.127.342.900)	(162.774.512.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**2.664.967.107.781**	**834.107.327.333**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**1.884.614.275**	**11.817.125.691**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**		**23.839.005.895**	**12.021.135.270**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		518.412	744.934
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	VII	**25.724.138.582**	**23.839.005.895**

Lập, ngày 10 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Huỳnh Minh Trường	Phạm Hữu Quốc	Nguyễn Hồ Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311315789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/11/2011 và thay đổi lần thứ 27 ngày 07/10/2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 5.334.676.220.000 VND.

Vốn góp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 5.334.676.220.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng lao động của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 73 người.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối quy định tại Thông tư 34/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013). Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối quy định tại Thông tư 34/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013). Bán buôn thực phẩm, chi tiết: Bán buôn sữa, các sản phẩm từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, cà phê, cacao (trừ không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối quy định tại Thông tư 34/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013) (không hoạt động tại trụ sở). Lập trình máy vi tính. Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính. Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi. Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động khác liên quan. Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp. Kinh doanh bất động sản (trừ: không thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử đất gắn với hạ tầng), quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Bán buôn cao su mủ cốm, phân bón (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất sử dụng trong nông nghiệp. Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Bán mô tô, xe máy. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy. Cho thuê ô tô. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, mi mạ điện tại trụ sở). Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Xây dựng nhà các loại. Xây dựng công trình công ích. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chuẩn bị mặt bằng. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Hoàn thiện công trình xây dựng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác. Sản xuất thảm, chăn, đệm. Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống). Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Bán buôn thực phẩm. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ. Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Sản xuất đồ gỗ xây dựng. Bán lẻ phân bón. Khai thác quặng sắt. Khai thác quặng uranium và quặng thorium.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng: Không có.

6. Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31/12/2022, Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital có 01 (một) văn phòng đại diện, 09 (chín) Công ty con trực tiếp và 32 (ba mươi hai) Công ty con gián tiếp thông qua Công ty con. Ngoài ra, Công ty có 02 (hai) Công ty liên kết trực tiếp và 11 (mười một) Công ty liên kết gián tiếp thông qua Công ty con. Danh sách cụ thể như sau:

a. Danh sách văn phòng đại diện

Tên đơn vị	*Địa chỉ*
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital tại TP. Hà Nội	Số 44 Nguyễn Thái Học, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội.

b. Danh sách các Công ty con trực tiếp

Tên Công ty	*Địa chỉ*	*Tỷ lệ kiểm soát*	*Tỷ lệ lợi ích*
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.	51,63%	51,63%
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	Khu TTCN Nhơn Hòa, Phường Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định.	66,69%	65,17%
Công ty Cổ phần BCG Land	22A Đường số 7, Phường An Phú, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	71,53%	66,97%
Công ty Cổ phần BCG Energy	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	82,18%	82,18%
Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh	Thôn Phong An, Xã Cát Trinh, Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định.	80,00%	80,00%
Công ty Cổ phần BCG Financial	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	80,00%	80,00%
Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA	117-119 Lý Chính Thắng, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.	80,64%	78,71%
Công ty TNHH Phoenix Mountain	Quốc lộ 1D, Khu vực 2, Phường Ghềnh Ráng, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.	100,00%	86,72%
Công ty TNHH Một Thành Viên Helios Village	Thôn 7, Xã Đắk Ha, Huyện Đắk Glong, Tỉnh Đắk Nông.	100,00%	100,00%

c. Danh sách các Công ty con gián tiếp

Tên đơn vị	*Địa chỉ*	*Tỷ lệ kiểm soát*	*Tỷ lệ lợi ích*
Công ty TNHH Liên doanh Khai thác Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang	Ấp Rò Leng, Xã Châu Lăng, Huyện Tri Tôn, Tỉnh An Giang.	51,00%	25,82%
Công ty Cổ phần Nước Sạch Life Purity	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	51,00%	26,33%

6. Cấu trúc Công ty (Tiếp theo)

c. Danh sách các Công ty con gián tiếp (tiếp theo)

Tên đơn vị	*Địa chỉ*	*Tỷ lệ kiểm soát*	*Tỷ lệ lợi ích*
Công ty Cổ phần TCD Plus	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	80,00%	41,31%
Công ty Cổ phần Thành Phúc	Lô D4, D5, D9, D10 – KCN Đông Bắc Sông Cầu, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên.	95,00%	54,69%
Công ty Cổ phần Tapiotek	Tổ 7, Khu phố 4, Thị trấn Châu Thành, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh.	51,00%	29,36%
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Quốc lộ 1D, Khu phố 1, Phường Ghềnh Ráng, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.	70,00%	46,88%
Công ty Cổ phần Thương Mại Vxperia	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	65,00%	43,33%
Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn	L17-11, Tầng 17, Tòa Nhà VinCom Center, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.	65,00%	43,33%
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Khối 1, Phường Điện Dương, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam.	89,00%	59,60%
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Hẻm 1, Đường TL 934, Ấp Hòa Mỹ, Thị trấn Mỹ Xuyên, Huyện Mỹ Xuyên, Tỉnh Sóc Trăng.	90,00%	73,96%
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thạnh Hóa	31 Đường số 10, Ấp 4, Khu Dân cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	90,00%	73,96%
Công ty Cổ phần Skystar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	99,00%	81,36%
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch	Tỉnh lộ 639, thôn 3 Đông, Xã Mỹ Thắng, Huyện Phù Mỹ, Tỉnh Bình Định.	51,00%	33,92%
Công ty Cổ phần Greensky Infinitive	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	74,90%	60,94%
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Số 26 đường Trần Khánh Dư, Tổ 1, Phường Diên Hồng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai	100,00%	67,21%
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	Căn PG02-09, Khóm 3, Phường 2, Tp. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.	100,00%	82,10%
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	Căn PG02-09, Khóm 3, Phường 2, Tp. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.	100,00%	82,12%
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	25/10 Đường số 3, Khu phố 2, Phường An Khánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	99,00%	81,36%

6. Cấu trúc Công ty (Tiếp theo)

c. Danh sách các Công ty con gián tiếp (tiếp theo)

Tên đơn vị	*Địa chỉ*	*Tỷ lệ kiểm soát*	*Tỷ lệ lợi ích*
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	Căn PG3-17, Dãy SH4, Đường số 7A, khóm 5, Phường 1, Tp. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau.	51,00%	41,49%
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	Căn PG3-17, Dãy SH4, Đường số 7A, khóm 5, Phường 1, Tp. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau.	99,98%	41,48%
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	Số 356, tổ 13, ấp Phú Tân, Xã Trung Nghĩa, Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long.	50,50%	41,50%
Công ty Cổ phần Casper Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	99,00%	80,54%
Công ty Cổ phần Cosmos Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	99,00%	80,54%
Công ty Cổ phần Herb Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	69,00%	56,14%
Công ty Cổ phần Orchid Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	69,00%	56,14%
Công ty Cổ phần Violet Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	69,00%	56,14%
Công ty Cổ phần BCG Gain	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	50,82%	41,77%
Công ty Cổ phần Bất Động Sản An Giang	59 Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Bình, Tp. Long Xuyên, Tỉnh An Giang.	85,71%	67,47%
Công ty Cổ phần Năng Lượng BCG - Bàng Dương	31 Đường số 10, Ấp 4, Khu Dân Cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	100,00%	41,86%
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bàng Dương	90 Đường số 10, Ấp 4, Khu dân cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	100,00%	41,86%
Công ty Cổ phần E power 1	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	99,80%	82,01%
Công ty TNHH Cơ điện Skylar 5	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100,00%	81,36%

6. Cấu trúc Công ty (Tiếp theo)

d. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết trực tiếp

Tên đơn vị	*Địa chỉ*	*Tỷ lệ kiểm soát*	*Tỷ lệ lợi ích*
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	90 Đường số 10, Ấp 4, Khu dân cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	48,00%	48,00%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	Lô 08, 09 Cụm Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, Phường 9, Tp Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.	21,01%	21,01%

e. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết gián tiếp thông qua Công ty con

Tên đơn vị	*Địa chỉ*	*Tỷ lệ kiểm soát*	*Tỷ lệ lợi ích*
Công ty Taxi Việt Nam	Lô IV - 15B đường số 4, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh.	30,00%	15,49%
Công ty TNHH Skylight Power	Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.	50,00%	41,09%
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản Bắc Hà	Thôn Nà Pàn I, Xã Vũ Sơn, Huyện Bắc Sơn, Tỉnh Lạng Sơn.	43,85%	25,24%
Công ty Cổ phần 3K Plus Việt Nam	43 Phan Bội Châu, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng.	20,00%	10,33%
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	49,00%	40,27%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	218 Võ Văn Ngân, Phường Bình Thọ, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	49,00%	42,81%
Công ty Cổ phần BCG- SP Greensky	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	50,00%	40,68%
Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Cồn Bắp	Cồn Bắp, Phường Cẩm Nam, Tp. Hội An, Tỉnh Quảng Nam.	48,10%	32,21%
Công ty Cổ phần Bãng Dương E&C	Số 19, đường số 37, Khu phố 5, Phường An Phú, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	49,00%	25,30%
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Sơn Long	Tổ 21, Khu 4B, đường Hậu Cần, Phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	40,63%	20,98%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh	20,00%	10,33%

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá bình quân gia quyền di động.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác…

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;

- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị lỗ thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

d. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý/ nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường;
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Đối với hàng hóa nhập bán sỉ theo lô, công ty ghi nhận giá trị hàng xuất theo phương pháp thực tế đích danh.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí bán hàng tăng lên thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao ước tính
- Phương tiện vận tải	06
- Máy móc thiết bị	03
- Thiết bị văn phòng	03 - 05
- Tài sản cố định vô hình	03 - 10

6. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;

- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;

- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn;

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

8. Ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;

- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc,

- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ..

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính.

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

18. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Hội đồng Quản trị đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

		Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt		62.704.476	140.542.474
- Tiền gửi ngân hàng		5.251.434.106	13.288.463.421
- Các khoản tương đương tiền	(*)	20.410.000.000	10.410.000.000
Cộng		**25.724.138.582**	**23.839.005.895**

Ghi chú:

(*) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các Ngân hàng TMCP. Trong đó, khoản tiền gửi có kỳ hạn 10.410.000.000 đồng được dùng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam - CN Bà Chiểu (xem mục V.11 thuyết minh báo cáo tài chính riêng này).

2. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	***34.864.903.300***	***92.907.862.660***
- Công ty Cổ phần BCG Energy	1.528.767.374	9.339.700.000
- Dragon Lane Investment Holding Limited	-	66.488.234.400
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	-	6.579.400.000
- Công ty Cổ phần BCG Land	5.291.113.738	6.011.700.000
- Châu Ngọc Phương Thanh	26.730.000.000	-
- Các khách hàng khác	1.255.022.188	4.488.828.260
b. Dài hạn	-	-
c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	***7.936.850.916***	***23.403.800.000***
- Công ty Cổ phần BCG Land	5.291.113.738	6.011.700.000
- Công ty Cổ phần BCG Energy	1.528.767.374	9.339.700.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	-	6.579.400.000
- Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	728.764.916	1.473.000.000
- Công ty Cổ phần Phát triển tầm nhìn Năng Lượng Sạch	105.000.000	-
- Công ty Cổ phần BCG Financial	2.682.497	-
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	83.522.391	-
- Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	189.000.000	-

3. CÁC KHOẢN TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	***5.864.684.523***	***16.579.500.001***
- Công ty Cổ phần Đầu tư D'SENSE ISLAND Hội An	5.000.000.000	5.000.000.000
- Công ty Cổ phần Gensa	-	11.000.000.000
- Các khách hàng khác	864.684.523	579.500.001
b. Dài hạn	-	-

4. PHẢI THU VỀ CHO VAY

		Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn		***2.500.000.000***	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng		2.500.000.000	-
b. Dài hạn		***500.000.000.000***	-
- Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	(*)	247.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	(*)	253.000.000.000	-
Cộng		**502.500.000.000**	-

Ghi chú:

(*) Đây là khoản cho vay có thời hạn 5 năm cho các công ty con vay đầu tư dự án, có lãi suất.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị gốc	*Giá trị hợp lý*	*Dự phòng*	*Giá trị gốc*	*Giá trị hợp lý*	*Dự phòng*
a. Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	***55.000.000.000***	***55.417.500.000***	-
- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	-	-	55.000.000.000	55.417.500.000	-
b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	***1.700.000.000***	***1.700.000.000***	-	***1.700.000.000***	***1.700.000.000***	-
b.1. Ngắn hạn	**1.700.000.000**	**1.700.000.000**	-	**1.700.000.000**	**1.700.000.000**	-
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Chiểu (*)	980.000.000	980.000.000	-	980.000.000	980.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	720.000.000	720.000.000	-	720.000.000	720.000.000	-
b.2. Dài hạn	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	**1.700.000.000**	**1.700.000.000**	-	**34.700.000.000**	**57.117.500.000**	-

Ghi chú:

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Chiểu. Toàn bộ khoản tiền gửi này được dùng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Chiểu (xem mục V.11 thuyết minh báo cáo tài chính này).

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

		Số cuối năm			*Số đầu năm*		
		Giá trị gốc	*Giá trị hợp lý*	*Dự phòng*	*Giá trị gốc*	*Giá trị hợp lý*	*Dự phòng*
c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		***10.375.930.169.706***	***10.248.931.609.658***	***(127.598.560.048)***	***5.785.370.430.769***	***5.700.264.278.814***	***(85.106.151.955)***
c.1 Đầu tư vào công ty con		**10.241.856.493.413**	**10.201.758.110.765**	**(40.098.382.648)**	**5.602.837.274.476**	**5.602.837.274.476**	
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	(1)	1.577.712.770.000	1.577.712.770.000	-	479.460.560.000	479.460.560.000	-
+ Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	(2)	389.257.345.133	389.257.345.133	-	270.160.000.000	270.160.000.000	-
+ Công ty Cổ phần BCG Land	(3)	2.856.400.000.000	2.856.400.000.000	-	1.256.400.000.000	1.256.400.000.000	-
+ Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	(4)	-	-	-	667.530.336.196	667.530.336.196	-
+ Công ty Cổ phần BCG Energy	(5)	3.698.000.000.000	3.698.000.000.000	-	1.608.000.000.000	1.608.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh		384.000.000.000	384.000.000.000	-	384.000.000.000	384.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần BCG Financial		320.000.000.000	320.000.000.000	-	320.000.000.000	320.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA		316.486.378.280	276.387.995.632	(40.098.382.648)	316.486.378.280	316.486.378.280	-
+ Công ty TNHH Phoenix Mountain		300.000.000.000	300.000.000.000	-	300.000.000.000	300.000.000.000	-
+ Công ty TNHH Một thành viên Helios Village	(6)	400.000.000.000	400.000.000.000	-	-	-	-
c.2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		**132.394.000.000**	**44.893.822.600**	**(87.500.177.400)**	**182.884.000.800**	**97.697.843.845**	**(85.106.151.955)**
+ Công ty Cổ phần Aussino Highland	(7)	-	-	-	1.104.000.000	595.461.414	(508.538.586)
+ Công ty TNHH B.O.T ĐT830		103.200.000.000	15.699.822.600	(87.500.177.400)	103.200.000.000	18.602.386.631	(84.597.613.369)
+ Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Bắng Dương	(8)	-	-	-	78.500.000.000	78.500.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	(9)	29.194.000.000	29.194.000.000	-	-	-	-

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

		Số cuối năm			Số đầu năm		
		Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
c.3 Đầu tư vào các đơn vị khác		**1.679.676.293**	**1.679.676.293**	**-**	**529.156.293**	**529.156.293**	**-**
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam		69.210.933	69.210.933	-	69.210.933	69.210.933	-
+ Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn lực & DV Dầu khí VN		99.945.360	99.945.360	-	99.945.360	99.945.360	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Năng lượng VN		360.000.000	360.000.000	-	360.000.000	360.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Năng lượng BCG – Bãng Dương	(8)	365.520.000	365.520.000	-	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bãng Dương		785.000.000	785.000.000	-	-	-	-
Tổng cộng		**10.375.930.169.706**	**10.248.331.609.658**	**(127.598.560.048)**	**5.785.370.430.769**	**5.700.264.278.814**	**(85.106.151.955)**

Ghi chú:

(1) Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital đã đầu tư góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải, và thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 72/2022/NQ/HĐQT-BCG ngày 08/07/2022, Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital đã nhận chuyển nhượng trái phiếu riêng lẻ chuyển đổi và thực hiện chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải.

(2) Thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 39.1/2022/NQ/HĐQT-BCG ngày 18/4/2022, Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital đã đầu tư góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng và thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 103/2022/NQ/HĐQT-BCG ngày 15/12/2022, Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital đã bán một phần cổ phần đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng.

(3) Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital đã đầu tư góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần BCG Land.

(4) Thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 29/2022/NQ/HĐQT-BCG ngày 22/03/2022, Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital đã thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas cho Công ty Cổ phần BCG Land.

(5) Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital đã đầu tư góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần BCG Energy và thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital đã thoái một phần vốn góp tại Công ty Cổ phần BCG Energy

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(6) Thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 64/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 28/06/2022, Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital đã thành lập Công ty TNHH Một thành viên Helios Village với tỷ lệ sở hữu là 100%.

(7) Thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 31/2022/NQ/HĐQT-BCG ngày 29/3/2022, Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital đã thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Austmo Highland Agriculture.

(8) Thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 70/2021/NQ-HĐQT-BCG ngày 29/12/2021, Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital đã chuyển nhượng một phần số cổ phần đang sở hữu tại Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Bình Dương. Sau khi hoàn tất chuyển nhượng, Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital còn sở hữu trực tiếp 0,1% trên vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Bình Dương.

(9) Thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 71/2022/NQ/HĐQT-BCG ngày 04/07/2022, Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital đã nhận chuyển nhượng vốn góp với tỷ lệ sở hữu 21,01% trên vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	*37.714.720.095*	-	*24.414.157.052*	-
- Tạm ứng	92.743.600	-	132.173.296	-
- Ký cược, ký quỹ	19.000.000	-	19.000.000	-
- Phải thu khác	37.602.976.495	-	24.262.983.756	-
+ Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	*19.199.383.562*	-	*5.475.000.000*	-
+ Công ty Cổ phần BCG Land	-	-	*16.246.000.000*	-
+ Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA	*4.028.816.318*	-	-	-
+ Công TNHH Kinh doanh Dịch vụ BĐS Thăng Long	-	-	*2.431.232.876*	-
+ Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	*13.398.904.110*	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	*66.164.384*	-	-	-
+ Đối tượng khác	*909.708.121*	-	*110.750.880*	-
b. Dài hạn	*41.221.827.373*	-	*53.105.827.373*	-
- Phải thu khác	40.500.000.000	-	52.500.000.000	-
+ Công ty TNHH B.O.T ĐT830 (*)	*40.500.000.000*	-	*52.500.000.000*	-
- Ký cược, ký quỹ	721.827.373	-	605.827.373	-
Cộng	**78.936.547.468**	-	**77.519.984.425**	-

Ghi chú:

(*) Khoản tiền chuyển cho Công ty TNHH B.O.T ĐT 830 để đầu tư Dự án nâng cấp mở rộng ĐT.830 và ĐT 824 tại Long An theo Hợp đồng hợp tác số 01/2019/HĐ-BOT830/HTĐT ngày 18/12/2019 có thời hạn đến là 95 năm. Ngoài ra, toàn bộ quyền và tài sản tương lai phát sinh từ Dự án này đã được thế chấp cho khoản vay tại ngân hàng (xem mục V.11 thuyết minh báo cáo tài chính riêng này).

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng hóa	40.000.000	-	1.089.600.000	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	**40.000.000**	-	**1.089.600.000**	-

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình				
1. Số dư đầu năm	**60.000.000**	**7.472.944.000**	**997.061.655**	**8.530.005.655**
2. Số tăng trong năm	**-**	**6.212.800.000**	**31.200.000**	**6.244.000.000**
- Mua trong năm	-	6.212.800.000	31.200.000	6.244.000.000
3. Số giảm trong năm	**-**	**-**	**-**	**-**
4. Số dư cuối năm	**60.000.000**	**13.685.744.000**	**1.028.261.655**	**14.774.005.655**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế				
1. Số dư đầu năm	**60.000.000**	**3.861.493.555**	**578.904.503**	**4.500.398.058**
2. Số tăng trong năm	**-**	**1.834.758.505**	**130.933.448**	**1.965.691.953**
- Khấu hao tăng trong năm	-	1.834.758.505	130.933.448	1.965.691.953
3. Giảm trong năm	**-**	**-**	**-**	**-**
4. Số dư cuối năm	**60.000.000**	**5.696.252.060**	**709.837.951**	**6.466.090.011**
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình				
1. Tại ngày đầu năm	**-**	**3.611.450.445**	**418.157.152**	**4.029.607.597**
2. Tại ngày cuối năm	**-**	**7.989.491.940**	**318.423.704**	**8.307.915.644**

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay, nợ: 1.688.325.025 VND

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.508.522.352 VND

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Phần mềm máy tính	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình		
1. Số dư đầu năm	**76.954.546**	**76.954.546**
2. Số tăng trong năm	**2.657.100.000**	**2.657.100.000**
- Mua trong năm	2.657.100.000	2.657.100.000
3. Số giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	**2.734.054.546**	**2.734.054.546**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế		
1. Số dư đầu năm	**34.202.016**	**34.202.016**
2. Số tăng trong năm	**68.984.844**	**68.984.844**
- Khấu hao tăng trong năm	68.984.844	68.984.844
3. Giảm trong năm	-	
4. Số dư cuối năm	**103.186.860**	**103.186.860**
III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình		
1. Tại ngày đầu năm	**42.752.530**	**42.752.530**
2. Tại ngày cuối năm	**2.630.867.686**	**2.630.867.686**

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	***512.019.336***	-
- Chi phí khác	512.019.336	-
b. Dài hạn	***2.666.774.221***	***506.681.852***
- Chi phí sửa chữa	1.554.775.365	-
- Chi phí công cụ, dụng cụ	1.111.998.856	506.681.852
Cộng	**3.178.793.557**	**506.681.852**

11. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

		Số đầu năm		Phát sinh		Số cuối năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn		***53.476.953.742***	***53.476.953.742***	***62.448.862.772***	***63.909.022.195***	***52.016.794.319***	***52.016.794.319***
a.1 Vay ngắn hạn		13.589.507.846	13.589.507.846	22.561.416.876	24.021.576.299	12.129.348.423	12.129.348.423
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bà Chiểu	(1)	13.589.507.846	13.589.507.846	22.561.416.876	24.021.576.299	12.129.348.423	12.129.348.423
a.2 Vay dài hạn đến hạn trả		39.887.445.896	39.887.445.896	39.887.445.896	39.887.445.896	39.887.445.896	39.887.445.896
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	(2)	178.350.000	178.350.000	178.350.000	178.350.000	178.350.000	178.350.000
- Ngân hàng TMCP Nam Á - CN Đà Nẵng	(4)	27.500.000.000	27.500.000.000	27.500.000.000	27.500.000.000	27.500.000.000	27.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	(3)	12.209.095.896	12.209.095.896	12.209.095.896	12.209.095.896	12.209.095.896	12.209.095.896
b. Vay dài hạn		***602.850.259.576***	***602.850.259.576***	***59.675.000.000***	***580.962.445.896***	***81.562.813.680***	***81.562.813.680***
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	(2)	416.150.000	416.150.000	-	178.350.000	237.800.000	237.800.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	(3)	24.784.109.576	24.784.109.576	-	12.209.095.896	12.575.013.680	12.575.013.680
- Ngân hàng TMCP Nam Á - CN Đà Nẵng	(4)	96.250.000.000	96.250.000.000	-	27.500.000.000	68.750.000.000	68.750.000.000
- Công ty Cổ phần Phát triển Lion City		481.400.000.000	481.400.000.000	-	481.400.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần BCG Financial		-	-	59.675.000.000	59.675.000.000	-	-
Cộng		**656.327.213.318**	**656.327.213.318**	**122.123.862.772**	**644.871.468.091**	**133.579.607.999**	**133.579.607.999**

11. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

c. Các khoản nợ thuê tài chính

d. Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

e. Trái phiếu thường

		Số đầu năm			Số cuối năm		
		Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
- Loại phát hành theo mệnh giá	(5)	-			500.000.000.000	11,5%	5 năm
- Chi phí phát hành trái phiếu		-			(2.858.333.337)		
Cộng		-			**497.141.666.663**		

Ghi chú:

(1) Đây là khoản vay vốn lưu động tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bà Chiểu. Mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận tải của Công ty và khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bà Chiểu (xem mục V.01, V.05 thuyết minh báo cáo tài chính riêng này).

(2) Đây là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín. Mục đích vay mua xe ô tô doanh nghiệp. Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận tải của công ty (xem mục V.08 thuyết minh báo cáo tài chính riêng này)

(3) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong với hạn mức tín dụng là 60 tỷ đồng, thời hạn vay 60 tháng. Tài sản đảm bảo là toàn bộ quyền và tài sản mong lai phát sinh từ Dự án nâng cấp, mở rộng ĐT 830 và ĐT 824 từ cầu An Thanh đến thị trấn Đức Hòa, Tỉnh Long An và Hợp đồng cho vay kèm thế chấp xe ô tô với thời hạn cho vay 72 tháng (xem Thuyết minh V.08).

(4) Đây là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Nam Á - CN Đà Nẵng với số tiền vay 220 tỷ đồng, thời hạn vay 96 tháng, có tài sản đảm bảo.

(5) Trái phiếu chào bán ra công chúng và đã được niêm yết tại HNX với Mã trái phiếu là BCG122006. Mệnh giá: 100.000 đồng/Trái phiếu. Kỳ hạn trái phiếu: 5 năm. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, và không có đảm bảo. Trái phiếu có lãi suất kết hợp lãi suất cố định và lãi suất thả nổi được xác định như sau: 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 11.5%/năm. Các kỳ tính lãi tiếp theo sau 2 kỳ tính lãi đầu tiên là lãi suất thả nổi được xác định theo công thức như sau: Lãi suất = lãi suất tham chiếu tại kỳ tính lãi đó + biên độ 6%/năm.

12. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
a. Ngắn hạn	***52.201.237.994***	***52.201.237.994***	***10.489.252.803***	***10.489.252.803***
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	43.717.375.207	43.717.375.207	3.490.635.195	3.490.635.195
- Công ty Cổ phần BCG Energy	-	-	2.200.000.000	2.200.000.000
- Công ty Cổ phần Indobo Trading (tiền thân là Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting)	2.477.817.602	2.477.817.602	2.183.857.564	2.183.857.564
- Các khách hàng khác	6.006.045.185	6.006.045.185	2.614.760.044	2.614.760.044
b. Dài hạn	-	-	***534.310.000.000***	***534.310.000.000***
- Công ty TNHH Nam Cường Sài Gòn	-	-	534.310.000.000	534.310.000.000
Cộng	**52.201.237.994**	**52.201.237.994**	**544.799.252.803**	**544.799.252.803**

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỘP CHO NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	*Phải nộp trong năm*	*Đã nộp trong năm*	*Số cuối năm*
a. Phải nộp	***9.980.626.436***	***13.555.149.253***	***23.240.940.766***	***294.834.903***
Thuế thu nhập cá nhân	34.025.186	13.544.349.253	13.283.539.516	294.834.903
Thuế khác	9.946.601.250	10.800.000	9.957.401.250	-

	Số đầu năm	*Phát sinh giảm trong năm*	*Phát sinh tăng trong năm*	*Số cuối năm*
b. Phải thu	***1.063.777***	-	-	***1.063.777***
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.063.777	-	-	1.063.777

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a. Ngắn hạn	***32.309.682.851***	***7.845.837.255***
- Trích trước chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	27.267.857.410	7.845.837.255
- Trích trước lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh	5.041.825.441	-
b. Dài hạn	-	-
Cộng	**32.309.682.851**	**7.845.837.255**

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

		Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn		***16.856.401.449***	***93.013.516.720***
- KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN		145.894.800	116.998.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác		16.710.506.649	92.896.518.720
+ Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas		-	*91.084.000.000*
+ Công ty Cổ phần BCG Financial		*372.612.329*	-
+ Các đối tượng khác		*16 337 894.320*	*1 812.518 720*
b. Dài hạn		***3.973.460.000.000***	***1.529.150.000.000***
- Các khoản phải trả, phải nộp khác		3 973.460.000.000	1.529.150.000.000
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Chi Thủy	*(1)*	*750.000 000.000*	*80.000 000.000*
+ Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas		-	*64.150.000.000*
+ Công ty TNHH Kinh Doanh Dịch vụ BĐS Thăng Long	*(2)*	*378.000.000.000*	*378.000.000.000*
+ Công ty Cổ phần BCG Financial	*(3)*	*282.500.000.000*	*300.000.000.000*
+ Nguyễn Thị Minh Thương	*(4)*	*100 275.000.000*	*180 000.000.000*
+ Trần Thùy Dung	*(5)*	*33.685.000.000*	*123.500.000.000*
+ Huỳnh Thị Hồng Hạnh		-	*86.500.000.000*
+ Bùi Thành Lâm		-	*196 000 000 000*
+ Đặng Đình Quyết	*(6)*	*105.000.000.000*	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	*(7)*	*104 000 000.000*	*104 000.000.000*
+ Công ty Cổ phần Tư Vấn Thiết kế xây dựng Tầm Nhìn Mới	*(8)*	*1 425.000.000.000*	-
+ Công ty Cổ phần BCG Land	*(9)*	*. 400.000.000.000*	-
+ Công ty Cổ phần Artemis Investment	*(10)*	*395.000 000.000*	-
+ Các đối tượng khác		-	*17.000.000.000*

Ghi chú:

(1) Đây là khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 25.04/2022/HĐ-HTĐT ngày 25/04/2022, Phụ lục số PL01/25.04/2022/HĐ-HTĐT và PL01/25 04/2022/HĐ-HTĐT giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital và Công ty Cổ phần Dịch vụ Chi Thủy. Mục đích để đầu tư vào Dự án KDC Tổ 5, Phường Nghĩa Phú, tỉnh Đắk Nông. Thời gian thực hiện 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng

(2) Đây là khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 07/HĐHTKD-BCG-BĐSTL ngày 10/03/2021 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital và Công ty TNHH Kinh Doanh Dịch vụ BĐS Thăng Long. Thời gian thực hiện 03 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

(3) Đây là khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 1509/2021/HĐHTKD-BCG-BCGF ngày 15/09/2021 giữa Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital và Công ty Cổ phần BCG Financial. Thời gian thực hiện 03 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

(4) Đây là khoản phải trả theo Hợp đồng mượn tiền số 04/2022/HĐMT-BCG-NTMT ngày 14/04/2022 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital và Nguyễn Thị Minh Thương.

(5) Đây là khoản phải trả theo Hợp đồng mượn tiền số 05/2022/HĐMT-BCG-TTD ngày 21/09/2022 giữa Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital và Trần Thuỳ Dung. Thời hạn cho mượn 24 tháng, không tính lãi.

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC (Tiếp theo)

(6) Đây là khoản phải trả theo Hợp đồng mượn tiền số 06/2022/HĐMT-BCG-DDQ ngày 29/12/2022 giữa Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital và Đặng Đình Quyết. Thời hạn cho mượn 24 tháng, không tính lãi.

(7) Đây là khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2510/HTĐT-GK-BCG ngày 25/10/2021 giữa Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang về việc đầu tư vào Dự án Điểm du lịch số 2A do Công ty TNHH Phoenix Mountain làm chủ đầu tư. Thời gian hợp tác là 04 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

(8) Đây là khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HTKD/BCG-TNM ngày 20/04/2022 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital và Công ty Cổ phần Tư Vấn Thiết Kế Xây Dựng Tầm Nhìn Mới về việc tìm dự án năng lượng điện mặt trời và điện gió, dự án bất động sản tiềm năng trên địa bàn Việt Nam. Thời gian hợp tác là 03 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

(9) Đây là khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 1805/2022/HĐ-HTĐT-BCG-HL ngày 18/05/2022 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital và Công ty Cổ phần BCG Land về việc đầu tư vào Dự án khu dân cư tổ 5, Phường Nghĩa Phú, Đắk Nông. Thời gian hợp tác là 04 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

(10) Đây là khoản nhận được theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0512/HTKD/BCG-ART ngày 05/12/2022 và PLHĐ PL01/2022/ HTKD/BCG-ART ngày 30/12/2022 giữa Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital và Công ty Cổ phần Artemis Investment về việc tìm dự án năng lượng điện mặt trời và điện gió tiềm năng trên địa bàn Việt Nam. Thời gian hợp tác là 03 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

		Vốn góp của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2021		**1.360.057.600.000**	**(165.000.000)**	**248.507.386.665**	**1.608.399.986.665**
- Tăng vốn trong năm		1.615.314.140.000	(68.004.000)	-	1.615.246.136.000
- Lợi nhuận tăng trong năm		-	-	94.021.553.206	94.021.553.206
- Chia cổ tức		-	-	(203.464.852.000)	(203.464.852.000)
Số dư tại ngày 31/12/2021		**2.975.371.740.000**	**(233.004.000)**	**139.064.087.871**	**3.114.202.823.871**
Số dư tại ngày 01/01/2022		**2.975.371.740.000**	**(233.004.000)**	**139.064.087.871**	**3.114.202.823.871**
- Tăng vốn trong năm	(*)	2.057.682.630.000	867.536.526.000	-	2.925.219.156.000
- Lợi nhuận tăng trong năm		-	-	419.512.129.297	419.512.129.297
- Chi phí phát sinh khi phát hành cổ phiếu trong năm		-	(377.100.000)	-	(377.100.000)
- Chia cổ tức	(**)	251.621.850.000	-	(503.274.568.500)	(251.652.718.500)
Trong đó:					
Bằng tiền mặt		-	-	*(251.652.718.500)*	*(251.652.718.500)*
Bằng cổ phiếu		*251.621.850.000*	-	*(251.621.850.000)*	-
- Phát hành ESOP	(**)	50.000.000.000	-	(50.000.000.000)	-
Số dư tại ngày 31/12/2022		**5.334.676.220.000**	**866.926.422.000**	**5.301.648.668**	**6.206.904.290.668**

Ghi chú:

(*) Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 04/2021/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 15/05/2021 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 46/2021/NQ-HĐQT-BCG ngày 31/08/2021, Công ty đã thực hiện chào bán 148.768.263 cổ phiếu ra công chúng với tổng số vốn huy động là 1.487.682.630.000 đồng, nâng tổng số vốn điều lệ lên 4.463.054.370.000 đồng;

- Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 04/2021/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 15/05/2021 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 42/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 22/04/2022, Công ty đã thực hiện chào bán 57.000.000 cổ phiếu ra công chúng với tổng số vốn huy động là 570.000.000.000 đồng, nâng tổng số vốn điều lệ lên 5.033.054.370.000 đồng.

(**) Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 04/2022/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 06/05/2022 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 79/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 11/08/2022 về việc chia cổ tức với tỷ lệ 10% trên vốn điều lệ, trong đó bao gồm 5% cổ tức bằng tiền mặt tương ứng với 251.652.718.500 đồng và 5% cổ tức bằng cổ phiếu tương ứng 25.162.185 cổ phiếu, với tổng số vốn quy đổi là 251.621.850.000 đồng. Đồng thời, Công ty đã phát hành 5.000.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn của người lao động (ESOP) với số vốn là 50.000.000.000 đồng từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối, nâng tổng số vốn điều lệ lên 5.334.676.220.000 đồng.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn nhà nước	-	-
- Tổ chức, cá nhân khác	5.334.676.220.000	2.975.371.740.000
Cộng	**5.334.676.220.000**	**2.975.371.740.000**

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	*Năm trước*
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	2.975.371.740.000	1.360.057.600.000
+ Vốn góp tăng trong năm	2.359.304.480.000	1.615.314.140.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	5.334.676.220.000	2.975.371.740.000
- Cổ tức lợi nhuận được chia	*503.274.568.500*	*203.464.852.000*

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	533.467.622	297.537.174
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	533.467.622	297.537.174
+ Cổ phiếu phổ thông	*533.467.622*	*297.537.174*
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	533.467.622	297.537.174
+ Cổ phiếu phổ thông	*533.467.622*	*297.537.174*

** Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu*

e. Cổ tức

	Năm nay	*Năm trước*
- Cổ tức đã công bố:	*503.274.568.500*	*203.464.852.000*
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	*503.274.568.500*	*203.464.852.000*
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngoại tệ các loại		
- USD	*896,62*	*919,82*

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Đơn vị tính: VND

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	*Năm trước*
a. Tổng doanh thu	***44.600.669.138***	***111.208.789.705***
- Doanh thu bán hàng	6.113.951.250	14.316.287.160
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	38.486.717.888	96.892.502.545
b. Doanh thu đối với các bên liên quan	***38.266.665.504***	***30.968.000.000***
- Công ty Cổ phần BCG Land	*9.253.840.161*	*9.100.000.000*
- Công ty Cổ phần BCG Energy	*12.643.840.161*	*12.444.000.000*
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	*6.077.226.774*	*5.944.000.000*
- Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	*3.059.226.774*	*2.880.000.000*
- Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch	*400.000.000*	*600.000.000*
- Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	*200.000.000*	
- Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA	*6.411.851.852*	
- Công ty Cổ phần BCG Financial	*2.682.497*	
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	*88.522.391*	
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	*129.474.894*	

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	*Năm trước*
- Giá vốn hàng hóa đã bán	5.835.259.250	13.726.395.400
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	10.104.381.225	10.402.424.049
Cộng	**15.939.640.475**	**24.128.819.449**

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	*Năm trước*
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	48.826.207.093	472.135.160
- Lãi phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư	5.756.917.806	5.774.999.998
- Lãi do bán các khoản đầu tư	77.469.663.804	2.947.500.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	455.022.816.318	182.951.339.400
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	261.214.771	361.875.210
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	518.412	-
Cộng	**587.337.338.204**	**192.459.849.768**

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	*Năm trước*
- Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	81.907.222.061	61.905.929.317
- Chi phí phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư	5.041.825.441	-
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	14.648.944.867	85.735.698
- Dự phòng đầu tư tài chính	42.492.408.093	84.597.613.369
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	154.838.000	331.878.344
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	786.676.466
- Chi phí tài chính khác	641.666.663	120.000.000
Cộng	**144.886.905.125**	**147.827.833.194**

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	*Năm trước*
a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	-	-
b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	***51.591.832.345***	***36.210.358.682***
- Chi phí nhân viên quản lý	21.474.175.932	15.694.974.396
- Chi phí vật liệu quản lý	1.654.091.372	1.270.084.373
- Chi phí đồ dùng văn phòng	414.120.328	338.370.250
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.034.676.797	1.177.669.974
- Thuế, phí và lệ phí	27.499.312	31.294.110
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.878.958.775	14.520.101.947
- Chi phí bằng tiền khác	2.108.309.929	3.177.863.632

6. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	*Năm trước*
- Phạt vi phạm hành chính	7.500.000	1.196.536.597
- Các khoản khác	-	311.802
Cộng	**7.500.000**	**1.196.848.399**

7. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	*Năm trước*
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.654.091.372	1.270.084.373
- Chi phí nhân công	28.574.695.081	15.694.974.396
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.034.676.797	1.177.669.974
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.882.820.851	14.520.101.947
- Chi phí bằng tiền khác	2.549.929.569	3.547.527.992
Cộng	**61.696.213.670**	**36.210.358.682**

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	*Năm trước*
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**419.512.129.297**	**94.384.779.749**
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	**(450.281.766.663)**	**(181.735.302.803)**
+ Các khoản điều chỉnh tăng	*713.233.337*	*1.196.536.597*
+ Các khoản điều chỉnh giảm	*(450.994.000.000)*	*(182.931.839.400)*
- Tổng thu nhập chịu thuế	**(30.769.637.366)**	**(87.430.523.054)**
+ Lỗ từ các năm trước chuyển sang	-	-
- Tổng thu nhập tính thuế	**(30.769.637.366)**	**(87.430.523.054)**
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	**283.226.543**
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu	-	*283.226.543*

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

1. Các giao dịch phi tiền tệ ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm nay	*Năm trước*
- Chuyển trái phiếu Chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu	-	900.000.000.000
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành ESOP từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối	301.621.850.000	-

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có thế chấp 11.390.000.000 đồng tại khoản mục tương đương tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn (xem mục V.01 và V.05 phần thuyết minh báo cáo tài chính riêng này) để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng.

3. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm nay	*Năm trước*
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	82.236.416.876	513.855.255.910
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	500.000.000.000	-
Cộng	**582.236.416.876**	**513.855.255.910**

4. Số tiền đã trả thực gốc vay trong năm

	Năm nay	*Năm trước*
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	604.984.022.195	78.599.524.227
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	-	112.929.688.350
Cộng	**604.984.022.195**	**191.529.212.577**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Các bên liên quan

Tên đơn vị	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Land	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Energy	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Financial	Công ty con
Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA	Công ty con
Công ty TNHH Phoenix Mountain	Công ty con
Công ty TNHH Một thành viên Helios Village	Công ty con
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Liên doanh Khai thác và Chế biến Vật liệu	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thành Phúc	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ Phần Thương Mại Vxperia	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thanh Hóa	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thanh Nguyên	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Skylar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Greensky Infiintive	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Casper Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Cosmos Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Herb Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Otchid Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Violet Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Tapiotek	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Bất Động Sản An Giang	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG GAIA	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Nước Sạch Life Purity	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Bình Dương	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bình Dương	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần TCD Plus	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần E Power 1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Cơ Điện Skylar5	Công ty con gián tiếp

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

a. Các bên liên quan (Tiếp theo)

Tên đơn vị	*Mối quan hệ*
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	Công ty liên kết
Công ty Taxi Việt Nam (Vina Taxi)	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần 3K Plus Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH Skylight Power	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng Sản Bắc Hà	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Cồn Bắp	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Băng Dương E&C	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Sơn Long	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	Công ty liên kết gián tiếp
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và người công bố thông tin	Ban điều hành và các cá nhân có liên quan

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Tên đơn vị	*Giao dịch*	*Số tiền*
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	Cung cấp dịch vụ	3.059.226.774
	Giảm vốn đầu tư Công ty con	70.000.000.000
	Góp vốn đầu tư vào Công ty con	200.000.000.000
	Cho mượn	7.500.000.000
	Lãi vay	40.931.507
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Cung cấp dịch vụ	6.077.226.774
	Cho vay	30.000.000.000
	Nhận Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu	1.750.000.000
	Góp vốn đầu tư vào công ty con	9.502.210.000
	Lãi trái phiếu chuyển đổi	5.396.917.806
	Lãi cho vay	66.164.384
Công ty Cổ phần BCG Energy	Cung cấp dịch vụ	12.643.840.161
	Bán cổ phần công ty liên kết	360.000.000
	Mua cổ phần công ty liên kết	785.000.000
	Góp vốn đầu tư vào công ty con	2.325.000.000.000
	Chuyển nhượng cổ phần tại công ty con	235.000.000.000
	Cho mượn	820.000.000.000
	Cổ tức được chia	120.400.000.000
Công ty TNHH B.O.T ĐT830	Lãi hợp tác	5.756.917.806
Công ty Cổ phần BCG Land	Cung cấp dịch vụ	9.253.840.161
	Bán cổ phần	670.000.000.000
	Nhận tiền hợp tác đầu tư	400.000.000.000
	Góp vốn đầu tư vào công ty con	1.600.000.000.000
	Cổ tức được chia	263.844.000.000

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Tên đơn vị	*Giao dịch*	*Số tiền*
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch	Cung cấp dịch vụ	400.000.000
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	Cung cấp dịch vụ	200.000.000
Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA	Cung cấp dịch vụ	6.411.851.852
	Dịch vụ Bảo hiểm	391.625.003
	Thu chi hộ tiền bảo hiểm	54.479.846
	Cổ tức được chia	4.028.816.318
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Cho vay	253.000.000.000
	Lãi cho vay	21.127.232.877
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	Cho vay	247.000.000.000
	Lãi cho vay	21.612.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	Cung cấp dịch vụ	129.474.898
	Dịch vụ thuê văn phòng	6.890.929.750
	Mua trái phiếu	123.750.000.000
Công ty Cổ phần BCG Financial	Cung cấp dịch vụ	2.682.497
	Vay/ trả tiền vay	59.675.000.000
	Lãi vay	702.612.329
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Dịch vụ khách sạn	8.621.000
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Cổ tức được chia	66.750.000.000
Công ty Cổ phần BCG GAIA	Bán cổ phần	76.280.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Helios Village	Góp vốn đầu tư vào công ty con	400.000.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	Cung cấp dịch vụ	88.522.391

c. Thu nhập Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và người quản lý khác

Họ tên	*Chức danh*	*Năm nay*	*Năm trước*
Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch HĐQT	780.000.000	780.000.000
Phạm Nguyễn Thiên Chương	Thành viên HĐQT	390.000.000	390.000.000
Nguyễn Tùng Lâm	Thành viên HĐQT	640.000.000	-
Tan Bo Quan, Andy	Thành viên HĐQT	35.500.000	-
Nguyễn Thế Tài	Tổng Giám đốc	715.000.000	715.000.000
Nguyễn Thanh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	195.000.000	195.000.000
Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	390.000.000	390.000.000
Hoàng Thị Minh Châu	Phó Tổng Giám đốc	650.000.000	650.000.000
Phạm Hữu Quốc	Kế toán trưởng	600.000.000	-
Đinh Hoài Châu	Trưởng ban kiểm soát	160.000.000	260.000.000
Nguyễn Việt Cương	Thành viên ban kiểm soát	195.000.000	195.000.000
Cộng		4.750.500.000	3.575.000.000

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

d. Số dư cuối năm với các bên liên quan

Đơn vị	*Mã số trên CĐKT*	*Số tiền*
Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA	136	4.028.816.318
Công ty TNHH B.O.T ĐT830	136	834.931.506
	216	40.500.000.000
Công ty Cổ phần BCG Financial	131	2.682.497
	319	372.612.329
	337	282.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	337	104.000.000.000
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	136	19.199.383.562
	215	253.000.000.000
Công ty Cổ phần BCG Energy	131	1.528.767.374
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	136	66.164.384
	312	609.635.084
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch	131	108.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	131	728.764.916
	135	2.500.000.000
	136	36.369.863
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	131	189.000.000
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	136	13.398.904.110
	215	247.000.000.000
Công ty Cổ phần BCG Land	131	5.291.113.738
	337	400.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	311	43.717.375.207
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	131	88.522.391

2. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh của Công ty. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty trình bày báo cáo bộ phận của mình theo loại hình kinh doanh.

Chỉ tiêu	Bán hàng hoá	Cung cấp dịch vụ	Cộng
Doanh thu thuần	6.113.951.250	38.486.717.888	44.600.669.138
Giá vốn	5.835.259.250	10.104.381.225	15.939.640.475
Lợi nhuận thuần	278.692.000	28.382.336.663	28.661.028.663

3 THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Lập, ngày 10 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Huỳnh Minh Trường	Phạm Hữu Quốc	Nguyễn Hồ Nam

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực 01092 quyển số ...4/... SCT/BS
Ngày 10-08-2023
CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Thanh

BẢN SAO

12

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh - Tel: 028.38205944 - Fax: 028.38205942

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	03 - 05
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	06 - 07
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	15 - 71

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311315769 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/11/2011 và thay đổi lần thứ 27 ngày 07/10/2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 5.334.676.220.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 5.334.676.220.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật) Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản) Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Lập trình máy vi tính. Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động khác liên quan. Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Bán buôn cao su mủ cốm, phân bón (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất sử dụng trong nông nghiệp. Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Bán mô tô, xe máy. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy. Cho thuê ô tô. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Xây dựng nhà các loại Xây dựng công trình công ích. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chuẩn bị mặt bằng Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Hoàn thiện công trình xây dựng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác. Sản xuất thảm, chăn, đệm. Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống). Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Bán buôn thực phẩm. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Khai thác gỗ. Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ. Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mộng khác. Sản xuất đồ gỗ xây dựng. Bán lẻ phân bón. Khai thác quặng sắt. Khai thác quặng uranium và quặng thorium. Bảo hiểm phi nhân thọ.

4. Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2022 của Công ty được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

5. Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Đại diện theo Pháp luật

Hội đồng Quản trị

Ông	Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch HĐQT
Ông	Nguyễn Thế Tài	Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám Đốc
Ông	Nguyễn Thanh Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám Đốc
Ông	Phạm Minh Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám Đốc
Ông	Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên HĐQT
Ông	Bùi Thành Lâm	Thành viên HĐQT
Ông	Phạm Nguyễn Thiên Chương	Thành viên HĐQT
Ông	Tan Bo Quan, Andy	Thành viên HĐQT
Ông	Khuất Tuấn Anh	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 06/05/2022)
Ông	Nguyễn Tùng Lâm	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 06/05/2022)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Nguyễn Thế Tài	Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Thanh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Hoàng Thị Minh Châu	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Phạm Hữu Quốc	Kế toán trưởng (bổ nhiệm từ 01/07/2022)

Ban Kiểm soát

Ông	Đinh Hoài Châu	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 22/07/2022)
Ông	Đồng Hải Hà	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 22/07/2022)
Ông	Nguyễn Việt Cương	Thành viên
Ông	Koo Kok Yiow	Thành viên

Đại diện theo pháp luật

Ông	Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch HĐQT
Ông	Nguyễn Thế Tài	Tổng Giám đốc

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và thành viên Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị với Báo cáo tài chính hợp nhất

Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất này;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác

Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan

9. Cam kết khác

Chủ tịch Hội đồng Quản trị cam kết rằng Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2023

TM. Hội đồng Quản trị,
Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

Nguyễn Hồ Nam

Số: 376/BCKT/TC/2023/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital được lập ngày 20/03/2023 từ trang 08 đến trang 71, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Chủ tịch Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3820 5944 - (028) 3820 5947 - Fax: (028) 3820 5942
Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Phó Tổng Giám đốc

Lê Đình Ái
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 1770-2023-142-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Vũ
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 0699-2023-142-1

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực 010095 quyển số 03-SCT/BS
Ngày 10-08-2023
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG TRẦN THỊ THU HẰNG
CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Thanh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		17.761.709.186.975	16.238.689.244.477
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	629.496.375.653	1.044.039.648.431
1. Tiền	111		540.796.375.653	653.309.648.431
2. Các khoản tương đương tiền	112		88.700.000.000	390.730.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.04	510.594.134.175	1.583.414.128.890
1. Chứng khoán kinh doanh	121		43.541.748.890	1.001.401.748.890
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		467.052.385.285	582.012.380.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.461.025.497.288	10.285.205.921.122
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	805.844.968.489	520.123.014.077
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	4.156.530.289.385	1.265.926.628.464
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	178.769.485.975	513.326.232.039
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	8.417.728.411.826	8.216.216.084.455
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.07	(97.936.214.038)	(230.474.595.564)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		88.557.651	88.557.651
IV. Hàng tồn kho	140	V.08	2.754.762.193.315	2.866.554.053.670
1. Hàng tồn kho	141		2.793.060.545.800	2.866.554.053.670
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(38.298.352.485)	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		405.830.986.544	459.475.492.364
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13	59.914.273.264	37.387.174.879
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		342.369.166.566	420.724.094.059
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.16	3.547.546.712	1.364.223.426

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**26.058.695.158.301**	**21.450.636.661.248**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**11.036.158.545.330**	**9.771.775.848.219**
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.03	56.400.000.000	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.05	50.000.000.000	190.000.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.06	10.929.758.545.330	9.581.775.848.219
II. Tài sản cố định	**220**		**8.112.831.678.532**	**5.832.109.332.974**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	7.266.358.008.785	5.818.528.552.748
- Nguyên giá	*222*		*8.899.057.038.021*	*6.292.017.516.316*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(1.192.699.029.236)*	*(473.488.963.568)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	11.043.524.438	11.117.573.462
- Nguyên giá	*225*		*17.888.753.803*	*14.440.036.237*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*226*		*(6.845.229.365)*	*(3.322.462.775)*
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	395.430.145.309	2.463.206.764
- Nguyên giá	*228*		*446.657.218.165*	*44.529.603.435*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(51.227.072.856)*	*(42.066.396.671)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**	V.09	**2.617.616.475.893**	**3.329.674.728.246**
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		41.300.000.000	1.238.246.917.941
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.576.316.475.893	2.087.427.810.305
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	V.04	**3.694.273.964.370**	**1.631.136.383.061**
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		3.452.319.693.819	1.500.659.371.036
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		126.119.156.293	20.119.156.293
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.144.885.742)	(522.144.268)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		116.980.000.000	110.880.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**597.817.494.176**	**894.940.368.748**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	210.679.868.799	311.214.809.552
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		140.731.838.981	70.054.964.575
5. Lợi thế thương mại	269		246.355.786.396	513.670.594.621
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**43.820.407.345.276**	**37.689.325.905.725**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		30.021.280.555.257	29.339.761.323.132
I. Nợ ngắn hạn	310		11.380.169.032.120	10.197.137.592.712
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	1.981.773.747.641	1.300.912.821.941
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	3.259.131.147.761	2.168.725.582.720
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	265.277.761.505	291.604.195.632
4. Phải trả người lao động	314		32.150.747.905	28.154.675.762
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	542.831.438.466	265.990.760.280
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		10.127.380.682	6.494.791.812
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	1.916.981.921.631	5.152.519.316.049
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	3.035.520.410.292	2.798.470.330.553
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19	330.545.000.866	177.865.968.145
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.829.495.371	6.399.129.818
II. Nợ dài hạn	330		18.641.111.523.137	19.142.623.730.420
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.14	191.037.276.046	2.577.764.790.902
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.15	-	40.000.000.000
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		18.454.994	
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	6.547.555.089.529	5.159.205.072.090
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	11.687.767.651.941	10.863.983.426.593
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	V.21	-	365.750.000.000
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		213.008.644.651	114.555.550.620
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.19	1.724.405.975	1.364.890.215

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**13.799.126.790.020**	**8.349.564.582.593**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	V.22	**13.799.126.790.020**	**8.349.564.582.593**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		5.334.676.220.000	2.975.371.740.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*5.334.676.220.000*	*2.975.371.740.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		866.926.422.000	(233.004.000)
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		21.404.860.000	21.404.860.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.908.796.261	3.908.270.221
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		468.287.634	463.478.572
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		426.546.946.425	571.767.743.807
Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*17.252.315.476*	*(37.162.457.328)*
- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	*421b*		*409.294.630.949*	*608.930.201.135*
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		7.145.199.257.700	4.776.881.493.993
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		43.820.407.345.276	37.689.325.905.725

Lập ngày 20 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Huỳnh Minh Trường	Phạm Hữu Quốc	Nguyễn Hồ Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	4.595.934.767.679	2.618.253.996.316
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.01	64.741.593.534	28.795.402.541
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		4.531.193.174.145	2.589.458.593.775
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	3.211.621.946.872	1.630.466.787.299
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.319.571.227.273	958.991.806.476
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	2.548.093.885.636	2.346.063.037.042
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	2.401.761.378.741	1.483.743.470.592
+ Trong đó: chi phí lãi vay	*23*		*1.434.853.960.245*	*1.012.043.165.222*
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		50.582.466	(56.409.574.561)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.05	215.786.591.177	98.413.395.312
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	483.455.987.491	369.133.623.849
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		766.711.737.967	1.277.354.799.204
12. Thu nhập khác	31	VI.07	44.714.922.024	11.749.421.741
13. Chi phí khác	32	VI.08	21.191.509.543	23.145.374.511
14. Lợi nhuận khác	40		23.523.412.481	(11.395.952.770)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		790.235.150.447	1.265.958.846.434
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	216.053.166.535	252.025.403.877
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	33.489.231.668	13.590.810.341
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		540.692.752.244	1.000.342.632.216
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		349.549.655.182	608.930.201.135
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		191.143.097.062	391.412.431.081
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	715	2.678
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	715	2.678

Lập, ngày 26 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Huỳnh Minh Trường	Phạm Hữu Quốc	Nguyễn Hồ Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		790.235.150.447	1.265.986.846.714
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		566.386.689.760	401.110.136.762
- Các khoản dự phòng	03		192.476.630.354	8.916.830.921
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		20.242.145.210	(4.671.694.109)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.162.208.331.661)	(2.136.646.251.389)
- Chi phí lãi vay	06		1.451.109.984.220	1.012.043.165.222
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.858.242.268.330	545.839.633.441
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(8.583.824.213.769)	429.573.743.279
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(330.748.471.038)	(692.296.393.213)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		3.851.178.620.167	(7.228.785.804.732)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		26.296.300.012	(3.826.859.596)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		819.670.000.000	(994.560.000.000)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.161.735.291.273)	(959.815.359.608)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(242.739.909.108)	(94.573.446.636)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		6.850.000	3.780.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(44.977.435.135)	(13.638.137.314)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.608.631.481.817)	(9.012.078.644.379)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.452.957.149.419)	(2.153.024.873.461)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		83.490.601.635	420.218.181
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.132.363.638.280)	(1.397.259.208.509)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.395.193.588.340	142.927.850.420
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(6.518.373.547.253)	(3.278.704.111.290)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		5.647.734.264.366	4.758.125.089.086
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		(53.303.838.734)	556.503.458.628
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.030.579.719.345)	(971.013.576.945)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		5.512.837.775.380	1.563.417.396.000
3. Tiền thu từ đi vay	33		9.431.687.871.882	14.524.415.245.151
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(7.351.320.245.270)	(5.543.760.597.576)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(4.530.894.648)	(2.970.639.710)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(364.018.932.212)	(417.581.080.874)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		7.224.650.575.132	10.123.520.320.991
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		**(414.560.626.030)**	**140.428.099.667**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		**1.044.039.648.431**	903.386.455.277
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		17.353.251	225.093.487
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	VII	629.496.375.653	1.044.039.648.431

Tp. ngày 20 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Huỳnh Minh Trường	Phạm Hữu Quốc	Nguyễn Hồ Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311315789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/11/2011 và thay đổi lần thứ 27 ngày 07/10/2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:	5.334.676.220.000 VND
Vốn góp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:	5.334.676.220.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản). Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Lập trình máy vi tính. Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính. Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi. Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động khác liên quan. Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Bán buôn cao su mủ cốm, phân bón (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất sử dụng trong nông nghiệp. Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Bán mô tô, xe máy. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy. Cho thuê ô tô. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Xây dựng nhà các loại. Xây dựng công trình công ích. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chuẩn bị mặt bằng. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Hoàn thiện công trình xây dựng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Sản xuất vải dệt kim, vải dan móc và vải không dệt khác. Sản xuất thảm, chăn, đệm. Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống). Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Bán buôn thực phẩm. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Khai thác gỗ. Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ. Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Sản xuất đồ gỗ xây dựng. Bán lẻ phân bón. Khai thác quặng sắt. Khai thác quặng uranium và quặng thorium. Bảo hiểm phi nhân thọ.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không có.

6. Số lượng nhân viên: Tại ngày 31/12/2022, Công ty có 73 nhân viên.

7. Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31/12/2022, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital có 01 (một) văn phòng đại diện, 09 (chín) Công ty con kiểm soát trực tiếp và 32 (ba mươi hai) Công ty con kiểm soát gián tiếp thông qua Công ty con. Ngoài ra, Công ty có 02 (hai) Công ty liên kết sở hữu trực tiếp và 11 (mười một) Công ty liên kết sở hữu gián tiếp thông qua Công ty con.

Tổng số các Công ty con:

- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 41 Công ty
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0 Công ty
- Số lượng các Công ty liên kết hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu: 13 Công ty

a. Danh sách văn phòng đại diện

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital tại Tp. Hà Nội	Số 44 Nguyễn Thái Học, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội.

b. Danh sách các Công ty con kiểm soát trực tiếp được hợp nhất trong báo cáo

Tên đơn vị	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.	51,63%	51,63%
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	Khu TTCN Nhơn Hòa, Phường Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định.	66,69%	65,17%
Công ty Cổ phần BCG Land	22A Đường số 7, Phường An Phú, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	71,53%	66,97%
Công ty Cổ phần BCG Energy	27C Quốc Hương , Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	82,18%	82,18%
Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh	Thôn Phong An, Xã Cát Trinh, Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định	80,00%	80,00%
Công ty Cổ phần BCG Financial	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	80,00%	80,00%
Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA	117-119 Lý Chính Thắng, Phường 7, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.	80,64%	78,71%
Công ty TNHH MTV Helios Village	Thôn 7, Xã Đắk Ha, Huyện Đắk Glong, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam	100%	100%
Công ty TNHH Phoenix Mountain	Quốc lộ 1D, Khu vực 2, Phường Ghềnh Ráng, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.	100%	86,72%

7. Cấu trúc Công ty (Tiếp theo)

c. Danh sách các Công ty con kiểm soát gián tiếp được hợp nhất trong báo cáo

Tên đơn vị	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Liên doanh Khai thác và Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang	Ấp Rò Leng, Xã Châu Lăng, Huyện Tri Tôn, Tỉnh An Giang.	51,00%	25,82%
Công ty Cổ phần Nước Sạch Life Purity	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	51,00%	26,33%
Công ty Cổ phần TCD Plus	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.	80,00%	41,31%
Công ty Cổ phần Thành Phúc	Lô D4, D5, D9, D10 – KCN Đông Bắc Sông Cầu, Xã Xuân Hải, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên.	95,00%	61,91%
Công ty Cổ phần Tapiotek	Tổ 7, Khu phố 4, Thị trấn Châu Thành, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh.	51,00%	33,24%
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Quốc lộ 1D, Khu phố 1, Bãi Xép, Phường Ghềnh Ráng, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.	70,00%	46,88%
Công ty Cổ phần Thương Mại Vxperia	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	65,00%	41,53%
Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn	L17-11, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh.	65,00%	43,53%
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Khối 1, Phường Điên Dương, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam	89,00%	59,60%
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Hẻm 1, Đường TL 934, Ấp Hòa Mỹ, Tt Mỹ Xuyên, Huyện Mỹ Xuyên, Tỉnh Sóc Trăng.	90,00%	73,96%
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thanh Hóa	31 Đường số 10, Ấp 4, KDC Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	90,00%	73,96%
Công ty Cổ phần Skylar	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	99,00%	81,36%
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch	Tỉnh lộ 639, thôn 8 Đông, Xã Mỹ Thắng, Huyện Phù Mỹ, Tỉnh Bình Định.	51,00%	33,92%
Công ty Cổ phần Greensky Infinitive	27C Quốc Hương , Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	74,90%	60,94%
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Buôn Chu Jut, Xã Chư Gu, Huyện Krông Pa, Tỉnh Gia Lai.	100%	67,21%

7. Cấu trúc Công ty (Tiếp theo)

c. Danh sách các Công ty con kiểm soát gián tiếp được hợp nhất trong báo cáo (Tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	Căn PG02-09, Khóm 3, Phường 2, Tp. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.	100%	82,10%
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	Căn PG02-09, Khóm 3, Phường 2, Tp. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.	100%	82,12%
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	25/10 Đường số 3, Khu phố 2, Phường An Khánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	99,00%	81,36%
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	Căn PG3-17, Dãy SH4, Đường số 7A, Khóm 5, Phường 1, Tp. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau.	51,00%	41,49%
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	Căn PG3-17, Dãy SH4, Đường số 7A, Khóm 5, Phường 1, Tp. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau.	99,98%	41,48%
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	Số 356, tổ 13, ấp Phú Tân, Xã Trung Nghĩa, Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long.	50,50%	41,50%
Công ty Cổ phần Casper Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	99,00%	80,54%
Công ty Cổ phần Cosmos Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	99,00%	80,54%
Công ty Cổ phần Herb Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp Hồ Chí Minh.	69,00%	56,14%
Công ty Cổ phần Orchid Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	69,00%	56,14%
Công ty Cổ phần Violet Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	69,00%	56,14%
Công ty Cổ phần BCG GAIA	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	50,82%	41,77%
Công ty Cổ phần Bất Động Sản An Giang	59 Trần Hưng Đạo, P. Mỹ Bình, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang.	85,71%	67,47%
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Bàng Dương	Số 31 Đường số 10, Ấp 4, Khu dân cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	100%	41,86%
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bàng Dương	Số 90 Đường số 10, Ấp 4, Khu dân cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	100%	41,86%
Công ty Cổ phần E power 1	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	99,80%	82,01%
Công ty TNHH Cơ điện Skylar5	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	81,36%

7. Cấu trúc Công ty (Tiếp theo)

d. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết sở hữu trực tiếp

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	90 Đường số 10, Ấp 4, Khu dân cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	48,00%	48,00%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	Lô 08, 09 Cụm Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, Phường 9, Tp Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.	21,01%	21,01%

e. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết sở hữu gián tiếp thông qua công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Taxi Việt Nam	Lô IV - 15B đường số 4, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh.	30,00%	15,49%
Công ty TNHH Skylight Power	Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.	50,00%	41,09%
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản Bắc Hà	Thôn Nà Pán 1, Xã Vũ Sơn, Huyện Bắc Sơn, Tỉnh Lạng Sơn.	43,85%	28,58%
Công ty Cổ phần 3K Plus Việt Nam	43 Phan Bội Châu, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng.	20,00%	10,33%
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	49,00%	40,27%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	218 Võ Văn Ngân, Phường Bình Thọ, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	49,00%	32,81%
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	50,00%	40,68%
Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Cồn Bắp	Cồn Bắp, Phường Cẩm Nam, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	48,10%	32,21%
Công ty Cổ phần Bãng Dương E&C	Số 19, đường số 37, Khu phố 5, P. An Phú, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	49,00%	25,30%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát Triển Sơn Long	Tổ 21, khu 4B, đường Hậu Cần, Phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	40,63%	20,98%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helioc	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	20,00%	10,33%

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá bình quân gia quyền di động.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác…

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;

- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi …

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh,

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác : khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

d. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc,

- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn,

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường;
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Đối với hàng hóa nhập bán sỉ theo lô, công ty ghi nhận giá trị hàng xuất theo phương pháp thực tế đích danh

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí bán hàng tăng lên thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu không bao gồm thuế GTGT đầu vào.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Đối với máy móc thiết bị mục riêng sản xuất được trích khấu hao theo sản lượng. Thời gian khấu hao được ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao ước tính
- Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 50
- Phương tiện vận tải	06 - 10
- Máy móc thiết bị	03 - 20
- Thiết bị văn phòng	03 - 10
- Phần mềm máy tính	03 - 05
- Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 25

6. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau.

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát,

- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát,

- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau.

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn;

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

8. Ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;

- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

d. Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau.

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

e. Doanh thu phí bảo hiểm

Doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực (khi phát sinh trách nhiệm bảo hiểm) cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc hoặc khi nhận được xác nhận thanh toán tái bảo hiểm từ các công ty nhượng tái bảo hiểm cho hoạt động nhận tái bảo hiểm. Khoản doanh thu này bao gồm phí bảo hiểm phải thu đến hạn và không bao gồm doanh thu phí bảo hiểm nhận được nước ngày đến hạn và phí bảo hiểm phải thu bị quá hạn trên 30 ngày.

Trong trường hợp rủi ro đã được hủy bỏ và hoàn trả phí bảo hiểm là cần thiết, doanh thu phí bảo hiểm đã ghi nhận được điều chỉnh bằng cách trừ số tiền hoàn phí bảo hiểm phát sinh một cách phù hợp

e. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

14. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;

- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

16. Chi phí bồi thường bảo hiểm

Chi phí bồi thường và chi phí giám định tổn thất được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi các sự kiện được bảo hiểm xảy ra. Chi phí bồi thường, chi phí giám định tổn thất được ghi nhận trong năm tài chính dựa trên số tiền bồi thường ước tính cuối cùng và các chi phí giám định tổn thất có liên quan.

Những thay đổi trong các ước tính chi phí bồi thường (chi phí giám định tổn thất và bồi thường) được thường xuyên rà soát lại, và chênh lệch giữa các ước tính bồi thường phải trả với số tiền thực phải thanh toán bồi thường bảo hiểm được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm khi mà các ước tính đó bị thay đổi hay các khoản thanh toán đó được thực hiện.

Các khoản thu đòi bồi thường, như thanh lý tài sản tổn thất đã xử lý bồi thường hoặc thu đòi bên thứ ba bồi hoàn, được đánh giá theo giá trị thực tế có thể thực hiện được và được ghi nhận là các khoản giảm trừ chi phí bồi thường bảo hiểm trong năm.

17. Chi phí khai thác bảo hiểm

Toàn bộ các chi phí khai thác bảo hiểm trừ chi phí hoa hồng từ việc phát hành mới hoặc tái tục hợp đồng bảo hiểm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

19 Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

22. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

23. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

a. Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua một lần mua

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư của công ty mẹ vào công ty con và phần sở hữu của công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con tại ngày mua phải được loại trừ hoàn toàn, theo nguyên tắc:

- Công ty mẹ phải ghi nhận tài sản, nợ phải trả của công ty con theo giá trị hợp lý tại ngày mua;

- Công ty mẹ phải ghi nhận riêng rẽ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày mua.

- Công ty mẹ ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả đối với các tài sản, nợ phải trả của công ty con có giá trị hợp lý cao hơn giá trị ghi sổ; Ghi nhận tài sản thuế hoãn lại đối với các tài sản, nợ phải trả của công ty con có giá trị hợp lý nhỏ hơn giá trị ghi sổ.

Khoản lợi thế thương mại hoặc khoản lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ trong quá trình mua công ty con (nếu có) được ghi nhận đồng thời khi loại trừ khoản đầu tư của công ty mẹ vào công ty con.

b. Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của các Công ty con được xác định và trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định và trình bày riêng biệt trong mục "Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát". Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con. Thu nhập của cổ đông không kiểm soát trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được phản ánh trong mục "Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát – Mã số 62".

Ngoài những điều trên, lợi ích cổ đông không kiểm soát còn bị ảnh hưởng bởi các giao dịch nội bộ khác.

c. Phương pháp kế toán ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty Con

Nếu sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu công ty mẹ tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm phải được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu (không ghi nhận như lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ). Trong trường hợp này, công ty mẹ không thực hiện việc ghi nhận tài sản thuần của công ty con theo giá trị hợp lý như tại thời điểm kiểm soát công ty con.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, trước khi thực hiện việc loại trừ khoản đầu tư của công ty mẹ về công ty con, kế toán phải thực hiện một số điều chỉnh đối với giá phí khoản đầu tư của công ty mẹ trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

d. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ

- Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất, doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

- Các khoản vay trong nội bộ

Nếu các đơn vị trong một tập đoàn có quan hệ vay mượn lẫn nhau thì số dư tiền vay trong nội bộ tập đoàn đang phản ánh trong các khoản mục "Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn", "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn", khoản mục "Phải thu về cho vay ngắn hạn", "Phải thu về cho vay dài hạn khác" phải được loại trừ toàn bộ. Theo đó, các khoản thu nhập từ cho vay và chi phí đi vay cũng phải loại trừ toàn bộ trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

– Điều chỉnh các khoản mục nội bộ khác

Số dư các khoản mục phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong nội bộ tập đoàn, như phải thu, phải trả, doanh thu chưa thực hiện, chi phí trả trước...phải được loại trừ hoàn toàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản doanh thu, thu nhập, giá vốn, chi phí phát sinh từ các giao dịch khác trong nội bộ tập đoàn, như các khoản doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, doanh thu cho thuê, cung cấp dịch vụ... trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ toàn toàn

e. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên doanh và liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ phân bổ luỹ kế. Giá gốc lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại trong việc mua lại công ty con được ghi giảm đến giá trị có thể thu hồi khi Ban điều hành xác định rằng khoản này không thể thu hồi đầy đủ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
- Tiền mặt	9.207.597.196	11.327.850.334
- Tiền gửi ngân hàng	531.429.243.437	641.671.850.394
- Tiền đang chuyển	159.535.020	309.917.503
- Các khoản tương đương tiền (*)	88.700.000.000	390.730.000.000
Cộng	629.496.375.653	1.044.039.648.431

Ghi chú:

(*) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại của Công ty và các Công ty con. Trong đó, có 46.600.000.000 VND đã được thế chấp cho khoản vay tại các ngân hàng (xem Thuyết minh V.20).

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a. Ngắn hạn	***805.844.968.489***	***520.123.014.077***
- Dragon Lane Investment Holding Limited	-	66.488.234.400
- Công ty Mua Bán Điện Tập đoàn Điện lực Việt Nam	139.630.721.557	51.858.797.405
- Công ty Cổ phần Đầu Tư Dịch Vụ VHM	176.420.010.000	-
- Các khách hàng khác	489.794.236.932	401.775.982.272
b. Dài hạn	-	-

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a. Ngắn hạn	***1.156.530.289.383***	***1.265.926.628.464***
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Orchid	98.375.000.000	156.202.000.000
- Công ty Powerchina International Group Limited (PCI)	142.937.642.745	-
- Công ty TNHH TMDV MTV Huỳnh Phát Huy	738.937.900.000	-
- Công ty Cổ phần Plus Investment	363.791.307.230	497.811.000.000
- Công ty Cổ phần Thương Mại Vũ Tuấn	116.151.000.000	182.963.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu Tư Dịch Vụ VHM	426.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư NNT	588.039.990.000	-
- Powerchina Jiangxi Electric Power Engineering Co.,Ltd	188.659.183.656	-
- Các khách hàng khác	1.443.638.265.754	428.950.628.464
b. Dài hạn	***56.400.000.000***	-
- Các khách hàng khác	56.400.000.000	-

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

		Số cuối năm			*Số đầu năm*		
		Giá trị gốc	*Giá trị hợp lý*	*Dự phòng*	*Giá trị gốc*	*Giá trị hợp lý*	*Dự phòng*
a. Chứng khoán kinh doanh		***43.541.748.890***		-	***1.001.401.748.890***		-
- Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu Khí	(1)	853.200	2.592.000	-	853.200	853.200	-
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	(1)	53.000.000	70.000.000	-	53.000.000	53.000.000	-
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha	(1)	445.939.200	594.000.000	-	445.939.200	445.939.200	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang	(1)	451.655.840	1.014.990.000	-	451.655.840	451.655.840	-
- Công ty Cổ phần Viễn Liên	(1)	257.400	428.400	-	257.400	257.400	-
- Công ty Cổ phần Vật tư kỹ thuật Cần Thơ	(1)	43.250	18.960	-	43.250	43.250	-
- Công ty Cổ phần Phú Tam Khởi	(2)	3.100.000.000	3.100.000.000	-	5.890.000.000	5.890.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị VINAHUD	(1)	4.560.000.000	7.797.600.000	-	4.560.000.000	4.560.000.000	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Điện Gia Huy	(2)	34.930.000.000	34.930.000.000	-	-	-	-
- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Tiên Phong	(1)	-	-	-	990.000.000.000	1.662.525.000.000	-
Cộng		43.541.748.890		-	1.001.401.748.890		-

Ghi chú:

(1) Giá trị hợp lý được trình bày căn cứ theo số lượng cổ phiếu và giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn chứng khoán HNX, HOSE, UpCom tại thời điểm 31/12/2022 và ngày 31/12/2021 nhằm mục đích tham khảo.

(2) Tại ngày 31/12/2022 và ngày 31/12/2021, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính vì khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý tạm tính bằng theo giá trị sổ sách của doanh nghiệp

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

		Số cuối năm		*Số đầu năm*	
		Giá trị gốc	*Giá trị ghi sổ*	*Giá trị gốc*	*Giá trị ghi sổ*
b.1 Ngắn hạn		467.052.385.285	467.052.385.285	582.012.380.000	582.012.380.000
- Tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng	(3)	467.052.385.285	467.052.385.285	582.012.380.000	582.012.380.000
b.2 Dài hạn		116.980.000.000	116.980.000.000	110.880.000.000	110.880.000.000
- Trái phiếu Doanh nghiệp	(4)	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
- Trái phiếu Ngân hàng	(5)	10.880.000.000	10.880.000.000	10.880.000.000	10.880.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng	(6)	6.100.000.000	6.100.000.000	-	-
Cộng		584.032.385.285	584.032.385.285	692.892.380.000	692.892.380.000

Ghi chú:

(3) Khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng và dưới 12 tháng của Công ty và các Công ty con tại các Ngân hàng. Trong đó, có 341,4 tỷ đồng đang được cầm cố cho nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng

(4) Khoản đầu tư mua Trái phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios của Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải. Kỳ hạn trái phiếu là 05 năm. Lãi suất năm đầu tiên 8,5%/ năm, các kỳ tính lãi tiếp theo bằng lãi suất tiền gửi cá nhân 12 tháng cộng với biên độ 3%/ năm. Ngoài ra, khoản trái phiếu này cũng được Công ty con dùng để đảm bảo cho khoản vay của bên thứ ba.

(5) Trong đó bao gồm:

- Khoản đầu tư 10.500.000.000 đồng của Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land vào trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, kỳ hạn 8 năm với lãi suất được tính bằng lãi suất tham chiếu +0,9%/năm và được trả lãi định kỳ hàng năm.

- Khoản đầu tư 380.000.000 đồng của Công ty con - Công ty Cổ phần Tapiotek vào trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam (BIDV) phát hành kỳ hạn 10 năm.

(6) Khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng của các Công ty con tại các Ngân hàng. Trong đó, có 100 triệu đồng đang được cầm cố cho nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

		Số cuối năm	
		Giá trị gốc	*Giá trị hợp lý*
c.1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		3.540.579.811.914	3.452.319.693.819
- Công ty Cổ phần Aussino Highland Agriculture	(7)	-	-
- Công ty TNHH B.O.T ĐT830		103.200.000.000	15.699.822.600
- Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Bình Dương	(8)	-	-
- Công ty Taxi Việt Nam		34.256.228.875	31.492.095.018
- Công ty TNHH Skylight Power		24.952.712.350	22.794.509.743
- Công ty Cổ phần Hanwha - BCG Bình Dương	(9)	-	-
- Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng Sản Bắc Hà		61.790.000.000	61.790.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ An Khang Land	(10)	-	
- Công ty Cổ phần BCG-SP Greensky		208.562.000.000	230.424.776.393
- Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Cồn Bắp	(11)	494.178.082.192	505.267.752.672
- Công ty Cổ phần Đầu Tư Thương Mại Dịch vụ Gia Khang	(12)	1.017.663.263.769	981.947.585.700
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ HeLios	(13)	545.000.000.000	547.297.615.314
- Công ty Cổ phần 3K Plus Việt Nam		20.400.000.000	20.736.595.335
- Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M		2.205.000.000	10.050.000.905
- Công ty Cổ phần Bình Dương E&C	(14)	28.823.524.728	23.517.050.458
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	(15)	29.194.000.000	30.978.509.752
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sơn Long	(16)	970.355.000.000	970.323.379.930
- Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	(17)	-	-

	Số đầu năm		
Dự phòng	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
-	1.590.321.096.516	1.500.659.371.036	-
-	1.104.000.000	637.181.951	-
-	103.200.000.000	18.570.851.481	-
-	136.500.000.000	147.228.250.349	-
-	34.256.228.875	30.894.730.894	-
-	24.942.712.350	23.817.138.388	-
-	256.000.000.000	248.928.354.287	-
-	61.790.000.000	61.790.000.000	-
-	840.923.155.291	833.717.339.978	-
-	50.000.000.000	50.145.925.563	-
-	-	-	-
-	-	-	-
-	-	-	-
-	20.400.000.000	20.695.175.387	-
-	2.205.000.000	4.246.686.359	-
-	-	-	-
-	-	-	-
-	-	-	-
-	60.000.000.000	59.987.736.400	-

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)

		Số cuối năm			Số đầu năm		
		Giá trị gốc	*Giá trị hợp lý*	*Dự phòng*	*Giá trị gốc*	*Giá trị hợp lý*	*Dự phòng*
c.2 Đầu tư vào các đơn vị khác		126.119.156.293	124.974.270.551	(1.144.885.742)	20.119.156.293	19.597.012.025	(522.144.268)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Năng lượng Việt Nam		360.000.000	360.000.000	-	360.000.000	360.000.000	-
- Công ty Cổ phần Bamboo Financial Corp		30.000.000.000	28.855.114.258	(1.144.885.742)	19.000.000.000	18.477.855.732	(522.144.268)
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam		69.210.933	69.210.933	-	69.210.933	69.210.933	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn lực & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam		99.945.360	99.945.360	-	99.945.360	99.945.360	-
- Công ty Cổ phần Tracodi Power		590.000.000	590.000.000	-	590.000.000	590.000.000	-
- Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	(18)	59.400.000.000	59.400.000.000	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	(17)	21.600.000.000	21.600.000.000	-	-	-	-
- Công ty TNHH Pegas	(19)	14.000.000.000	14.000.000.000	-	-	-	-
Cộng		3.666.698.968.207	3.577.293.964.370	(1.144.885.742)	1.610.440.252.809	1.530.256.383.061	(522.144.268)

Ghi chú:

(7) Thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 31/2022/NQ/HĐQT-BCG ngày 29/3/2022, Công ty đã thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Austino Highland Agriculture.

(8) Trong năm, Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Energy và Công ty Cổ phần BCG GALA đã mua thêm để sở hữu 99,9% cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Bảng Dương ("BCG - Bảng Dương"). Theo đó, BCG - Bảng Dương trở thành Công ty con kiểm soát gián tiếp.

(9) Trong năm, Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Energy và Công ty Cổ phần BCG GALA đã mua thêm để sở hữu 99,9% cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bảng Dương ("Hanwha - BCG Bảng Dương"). Theo đó, Hanwha - BCG Bảng Dương trở thành Công ty con kiểm soát gián tiếp.

(10) Trong năm, Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land đã thoái một phần góp vốn tại Công ty con kiểm soát gián tiếp - Công ty Đầu Tư Thương Mại Dịch vụ Gia Khang nên Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch Vụ An Khang Land không còn là công ty liên kết gián tiếp thông qua Công ty con.

(11) Trong năm, Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land đã thoái một phần góp vốn tại Công ty con kiểm soát gián tiếp - Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Cần Bắp ("Cần Bắp"). Theo đó, Cần Bắp không còn là Công ty con kiểm soát gián tiếp của Công ty và trở thành Công ty liên kết.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(12) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ở Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land, thông qua việc góp thêm và nhận chuyển nhượng cổ phần từ các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang ("Gia Khang") làm tăng tỷ lệ sở hữu lên 99,41%. Trong năm, Công ty con đã chuyển nhượng 50,41% cổ phần tại Gia Khang. Theo đó, Gia Khang trở thành Công ty liên kết sở hữu gián tiếp thông qua công ty con.

(13) Trong năm, Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp và Vận Tải đã đầu tư mua cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios ("Helios"), chiếm 20% vốn điều lệ. Theo đó, Helios trở thành Công ty liên kết sở hữu gián tiếp thông qua công ty con.

(14) Trong năm, Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp và Vận Tải đã đầu tư mua cổ phần của Công ty Cổ phần Băng Dương E&C ("Băng Dương E&C"), chiếm 49% vốn điều lệ. Theo đó, Băng Dương E&C trở thành Công ty liên kết sở hữu gián tiếp thông qua công ty con

(15) Thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 71/2022/NQ/HĐQT-BCG ngày 04/03/2022, Công ty đã nhận chuyển nhượng vốn góp với tỷ lệ sở hữu 21,01% trên vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco

(16) Trong năm, Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp và Vận Tải đã mua cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sơn Long ("Sơn Long"), chiếm 40,625% vốn điều lệ. Theo đó, Sơn Long trở thành Công ty liên kết sở hữu gián tiếp thông qua công ty con.

(17) Trong năm, Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Energy đã thoái một phần góp vốn tại Công ty liên kết sở hữu gián tiếp thông qua công ty con - Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong ("Dương Phong"). Hiện tại, Dương Phong không còn là Công ty liên kết sở hữu gián tiếp thông qua công ty con và được trình bày là Đầu tư vào các đơn vị khác.

(18) Trong năm, Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Energy đã nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Điện gió BCG Kizuri Long 1, chiếm 18% vốn điều lệ.

(19) Trong năm, Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land đã chuyển nhượng phần vốn góp tương đương 90% vốn điều lệ của Công ty TNHH Pegas. Theo đó, Công ty TNHH Pegas không còn là Công ty con kiểm soát gián tiếp và được trình bày là Đầu tư vào các đơn vị khác.

5. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	*178.769.483.975*	*513.326.232.039*
- Nguyễn Thanh Lịch	-	162.000.000.000
- Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bình Dương	-	53.634.878.890
- Công ty Cổ phần Green Solution	48.855.000.000	65.348.000.000
- Công ty Cổ phần Mega Solar	35.678.000.000	-
- Các khoản cho vay khác	94.236.483.975	231.343.353.149
b. Dài hạn	*50.000.000.000*	*190.000.000.000*
- Công ty TNHH TM Tổng hợp Phước Tiến	-	190.000.000.000
- Các khoản cho vay khác	50.000.000.000	-
Cộng	228.769.483.975	703.326.232.039

6. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	*8.417.728.411.826*	*(9.695.951.421)*	*8.216.216.084.455*	*(139.426.098.937)*
- Phải thu BHXH, BHYT	219.888.480	-	34.946.786	-
- Tạm ứng	844.277.412.911	(104.717.650)	790.287.621.721	(104.717.650)
- Ký cược, ký quỹ	20.987.791.425	(1.800.000.000)	16.707.472.910	(1.800.000.000)
- Phải thu khác	7.552.243.319.010	(7.791.233.771)	7.409.186.043.038	(137.521.381.287)
+ Công ty Cổ phần Artemis Investment (1)	*1.510.699.136.985*	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Chí Thủy (2)	*906.043.020.275*	-	*162.573.263.369*	-
+ Công ty Cổ phần Hibiscus	*180.173.319.725*	-	*911.510.493.151*	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Thanh Diamond	*323.669.846.546*	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Thắng Phương (3)	*477.640.000.000*	-	*107.675.593.802*	-
+ Công ty Cổ phần Tập Đoàn VNGROUP (4)	*360.000.000.000*	-	-	-
+ Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư Vạn Đạt	*194.420.376.271*	-	*622.713.439.200*	-
+ Công ty Cổ phần Năng Lượng Dương Phong (5)	*654.621.917.308*	-	-	-
+ Đối tượng khác	*2.944.975.701.400*	*(7.791.233.771)*	*5.604.507.933.321*	*(137.521.381.287)*

6. PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

		Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
b. Dài hạn		*10.929.758.545.330*	-	*9.581.775.848.219*	-
- Tạm ứng		400.000.000.000	-	315.548.000.000	-
- Phải thu khác		10.493.078.231.585	-	9.044.629.595.299	-
+ Công ty Cổ phần Plus Investment	*(6)*	*1.390.149.327.982*	-	*554.968.613.359*	-
+ Công ty Cổ phần White Magnolia	*(7)*	*830.000.000.000*	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Hibiscus		*406.000.000.000*	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Artemis Investment		*400.000.000.000*	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Orchid	*(8)*	*1.278.436.000.000*	-	*1.278.436.000.000*	-
+ Công ty Cổ phần Điện Gió BCG Khai Long 1	*(9)*	*2.500.000.000.000*	-	*2.500.000.000.000*	-
+ Công ty Cổ phần Thương mại Vũ Tuấn		*300.000.000.000*	-	*1.047.945.000.000*	-
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Chi Thuỷ	*(10)*	*679.030.000.000*	-		-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công trình Toàn Phát		*497.500.000.000*	-	-	
+ Đối tượng khác		*2.211.971.903.603*	-	*3.663.279.981.940*	
- Ký cược, ký quỹ		36.680.313.745	-	221.598.252.920	
Cộng		19.347.486.957.156	(9.695.951.421)	17.797.991.932.674	(139.426.098.937)

Ghi chú:

Chi tiết của các khoản phải thu chính như sau:

(1) Khoản phải thu theo các Hợp đồng:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1810/HTKD/TCD-ATEMIS ngày 17/10/2022 và hợp đồng số 0712/HTKD/TCD-ARTEMIS giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp và Vận Tải và Công ty Cổ phần Artemis Investment, thời gian hợp tác là 01 năm. Công ty con sẽ được phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng

- Và các khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Artemis Investment, Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 và Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2.

(2) Khoản phải thu theo các Hợp đồng:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2908/2022/HTKD/CASA-CHITHUY ngày 29/08/2022 giữa Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort và Công ty Cổ phần Dịch vụ Chi Thủy, nhằm hợp tác mua cổ phần công ty dự án bất động sản với tổng số tiền hợp tác là 820.000.000.000 đồng. Thời gian hợp tác là 1 năm kể từ ngày ký kết Hợp đồng. Lợi nhuận được xác định theo kết quả kinh doanh của dự án nhưng không thấp hơn lãi suất theo thỏa thuận của hai bên.

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 200801/2021/HTKD/BCGKL2-CHITHUY ngày 20/08/2021 giữa Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2 và Công ty Cổ phần Dịch vụ Chi Thủy, số tiền 159 tỷ.

6. PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(3) Khoản phải thu theo các Hợp đồng:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1504/2022/HTKD/TCD-TP ngày 15/04/2022 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp và Vận Tải và Công ty Cổ phần Thắng Phương, thời gian hợp tác là 01 năm. Công ty con sẽ được phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng.

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0912/2022/BCGL-TP ngày 09 tháng 12 năm 2022 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land và Công ty Cổ phần Thắng Phương, nhằm hợp tác đầu tư vào các sản phẩm tài chính đã niêm yết trên sàn HOSE, HNX hoặc UpCom; với tổng số tiền hợp tác là 196.000.000.000 đồng, thời gian hợp tác là 1 năm. Kết quả kinh doanh được xác định dựa theo lợi nhuận của giao dịch tương ứng với tỷ lệ góp vốn.

(4) Khoản thanh toán theo tiến độ theo Thỏa thuận nguyên tắc số 02/2022/TTNT ngày 25 tháng 02 năm 2022 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land và Công ty Cổ phần Tập đoàn VINGroup về việc chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại Phường Cẩm Phổ, Tp. Hội An, Tỉnh Quảng Nam

(5) Khoản phải thu theo các Hợp đồng:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2204/HTKD/VINDSI-DPE ngày 22/04/2022 giữa Công ty Wind Sóc Trăng và Công ty Cổ phần Năng Lượng Dương Phong nhằm hợp tác đầu tư cho các dự án liên quan đến: bất động sản, Cơ sở hạ tầng, dự án sản xuất kinh doanh, kinh doanh mới phiếu, cổ phiếu. Thời gian hợp tác là 01 năm kể từ ngày ký kết Hợp đồng. Lợi nhuận được xác định theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án.

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2204/2022/HTKD/DT2-DP ngày 22/04/2022 giữa Công ty Đồng thành 2 và Công ty Cổ phần Năng Lượng Dương Phong nhằm hợp tác đầu tư cho các dự án liên quan đến: bất động sản, Cơ sở hạ tầng, dự án sản xuất kinh doanh, kinh doanh mới phiếu, cổ phiếu. Thời gian hợp tác là 01 năm kể từ ngày ký kết Hợp đồng. Lợi nhuận được xác định theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án.

(6) Khoản phải thu theo các Hợp đồng:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0506/2021/HDHTKD/TCD-PLUS ngày 05/01/2021 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp và Công ty Cổ phần Plus Investment. Công ty con sẽ được phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng. Lợi nhuận phân chia được tính dựa vào lợi nhuận dự án và tỷ lệ đầu tư thực tế của các bên tham gia.

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số số 1504/2021/BCGLAND-PLUS ngày 15 tháng 04 năm 2021 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land và Công ty Cổ phần Plus Investment, nhằm hợp tác phát triển dự án bất động sản tại Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh thời gian hợp tác 03 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lợi nhuận được xác định theo kết quả kinh doanh của dự án nhưng không thấp hơn lãi suất theo thỏa thuận của hai bên

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2802/2022/HD-HTKD/PMC-PLUS ngày 25/02/2022 giữa Công ty con - Công ty TNHH Phoenix Mountain và Công ty Cổ phần Plus Investment với số tiền hợp tác là 344 tỷ đồng. Thời gian hợp tác là 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. lợi tức đầu tư là 10,69%/năm

- Và hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Khu Công nghiệp Cát Tinh và Công ty Cổ phần Plus Investment, số tiền hợp tác là 300 tỷ đồng.

(7) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1105/2021/BCGLAND-WHITE ngày 11/05/2021 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 14/05/2021 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land và Công ty Cổ phần White Magnolia, nhằm hợp tác phát triển dự án bất động sản tại Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh với tổng số tiền hợp tác là 830.000.000.000 đồng. Thời gian hợp tác 03 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lợi nhuận được xác định theo kết quả kinh doanh của dự án nhưng không thấp hơn lãi suất theo thỏa thuận của hai bên

6. PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(8) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0204/2021/BCGLAND-ORCHID ngày 02 tháng 04 năm 2021 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land và Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Orchid, nhằm hợp tác phát triển dự án bất động sản tại Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh với tổng số tiền hợp tác là 1.278.436.000.000 đồng. Thời gian hợp tác là 03 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lợi nhuận được xác định theo kết quả kinh doanh của dự án nhưng không thấp hơn tỉ suất theo thỏa thuận của hai bên

(9) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 270421 BCG-KLI ngày 20/04/2021 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Energy với Công ty Cổ phần Điện Gió BCG Khai Long 1 về việc đầu tư phát triển Dự án Nhà máy điện gió KDL Khai Long-Giai đoạn 1, thời hạn hợp tác là 03 năm.

(10) Khoản phải thu theo các Hợp đồng.

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2405/2021/HTKD/CASA-CHITHUY ngày 24/05/2021 Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort và Công ty Cổ phần Dịch vụ Chi Thuỷ, với số tiền hợp tác là 300 tỷ đồng

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2304/2022/HTKD/PAC-CHI THUY ngày 20/04/2022 giữa Công ty TNHH Phoenix Mountain và Công ty Cổ phần Dịch vụ Chi Thuỷ với số tiền là 650 tỷ đồng. Thời gian hợp tác là 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

7. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị đã trích dự phòng	Giá gốc	Giá trị đã trích dự phòng
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	116.833.274.445	(97.936.214.038)	244.931.118.511	(230.474.595.564)
Trong đó:				
Phải thu khách hàng	104.610.898.535	(66.780.262.617)	104.874.898.835	(90.788.496.627)
- Tạm ứng	104.717.650	(104.717.650)	104.717.650	(104.717.650)
- Ký quỹ	1.800.000.000	(1.800.000.000)	1.800.000.000	(1.800.000.000)
- Phải thu khác	8.857.657.960	(7.791.233.771)	137.891.502.026	(137.521.381.287)
- Trả trước người bán	1.460.000.000	(1.460.000.000)	260.000.000	(260.000.000)
Cộng	116.833.274.445	(97.936.214.038)	244.931.118.511	(230.474.595.564)

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	73.090.971.560	-	136.712.412.262	-
- Công cụ, dụng cụ	680.355.171	-	478.642.620	-
- Chi phí SX kinh doanh dở dang (*)	2.599.500.198.825	(38.298.352.485)	2.582.064.892.189	-
- Thành phẩm	112.969.916.398	-	123.203.912.241	-
- Hàng hóa	6.818.503.846	-	24.094.194.358	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	2.793.060.545.800	(38.298.352.485)	2.866.554.053.670	-

Giải thích:

(*) Trong đó, bao gồm:

- Chi phí đầu tư dự án Malibu Hội An là 2.123.795.473.107 đồng theo Quyết định 2533/QĐ-UBND ngày 03/8/2009 của UBND Tỉnh Quảng Nam phê duyệt chi tiết quy hoạch 1/500 Khu Nghỉ mát dịch vụ và du lịch tại Xã Điện Dương huyện Điện Bàn Tỉnh Quảng Nam do Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas làm chủ đầu tư;

- Chi phí đầu tư Dự án King Crown là khu tổ hợp các biệt thự và căn hộ tại phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh là 132.830.815.327 đồng theo Quyết định số 434/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 của UBND Tp. Hồ Chí Minh phê duyệt do Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn làm chủ đầu tư;

- Và các khoản chi phí xây dựng khác tại các Công ty con.

9. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	*41.300.000.000*	*1.233.246.917.941*
- Dự án chung cư tại Công ty TNHH Pegas	-	9.045.000.000
- Dự án Kang Crown Infinity Thủ Đức	-	1.180.676.527.941
- Chi phí SXKD dở dang khác	41.300.000.000	43.525.390.000
b. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	*2.576.316.475.893*	*2.087.427.810.305*
- Xây dựng cơ bản dở dang	2.436.876.321.621	2.046.930.186.4[illegible]
** Dự án Khu du lịch sinh thái Cồn Bắp*	-	*270.721.880.0[illegible]*
** Dự án Nhà máy điện mặt trời Krông Pa 3*	*564.679.108.773*	*282.106.910.551*
** Dự án Nhà máy Điện Phú Mỹ*	*1.871.762.328.343*	*1.487.666.505.304*
** Dự án trung tâm thương mại Cù Chi*	*434.884.500*	*434.884.500*
- Mua sắm tài sản cố định	22.948.813.197	740.913.800
- Chi phí xây dựng khác	116.491.341.075	39.756.710.068
Cộng	2.617.616.475.893	3.320.674.728.246

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
1. Số dư đầu năm	4.634.162.669.179	1.271.868.608.627	376.751.727.846	9.090.733.960	143.716.704	6.292.017.516.316
2. Số tăng trong năm	**1.042.989.158.857**	**5.502.932.006.621**	**559.009.043.864**	**952.106.364**	**-**	**7.105.882.315.706**
- Mua trong năm	39.200.000	59.772.312.290	21.892.973.604	666.197.273	-	82.370.682.567
- Đầu tư XDCN hoàn thành	24.855.028.871	109.604.707.712	5.311.729.692	-	-	139.751.466.275
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	1 018.114.929.986	1 771.043 760.277	531.804.341.168	285.909.091	-	3 321 248.940 522
3. Số giảm trong năm	3.568.993.060.641	916.328.288.292	13.284.657.531	129.654.546	107.132.991	4.498.843.794.001
- Thanh lý, nhượng bán	214.484 986	150.014.201 111	2.632.539.091	-	31.650.000	152 892.895.188
- Giảm do hợp nhất kinh doanh	-	607.650.388.794	6.031.772.637	129 654.546	39.402.001	613 851.217.978
- Giảm khác	7.639.056.523	158.663.698.387	3.248.618.593	-	36.080.990	169.587.454.493
4. Số dư cuối năm	2.108.158.767.395	5.858,472.386.956	922.476.114.179	9.913.185.778	36.583.713	8.899.057.038.021
II. Giá trị hao mòn luỹ kế						
1. Số dư đầu năm	209.251.272.804	213.858.758.717	44.180.491.753	6.054.723.590	143.716.704	473.488.963.568
2. Khấu hao trong năm	185.983.405.956	628.871.236.928	87.664.727.118	928.614.480	-	903.447.984.482
- Khấu hao tăng trong năm	107.490.901.502	298.349.739.340	54.226.328.432	830 729.520	-	460.897.698.794
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	78.492 504.454	197.548 574.777	32.382.373.186	97.884.960	-	308 521.337 371
- Tăng khác	-	132.972.922.811	1.056.025.506	-	-	134 028.948 317
3. Giảm trong năm	134.975.509.572	46.963.350.774	2.187.544.148	4.391.329	107.132.991	184.237.918.814
- Thanh lý, nhượng bán	214.484.986	7.818.556.699	547.124.670	-	31.650.000	8.611.816.355
- Giảm do hợp nhất kinh doanh	-	38.138.794.154	1.329.093.548	4.331.329	39.402.001	39 511.671.032
- Giảm khác	732.076.269	1.005.999 921	311.325.930	-	36.080.990	2.085.483 110
4. Số dư cuối năm	260.259.169.189	795.766.644.871	129.657.674.723	6.978.956.741	36.583.713	1.192.699.029.236
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
1. Tại ngày đầu năm	4.424.911.396.375	1.058.009.909.910	332.571.236.093	3.036.010.370	-	5.818.528.552.748
2. Tại ngày cuối năm	1.847.899.598.207	5.062.705.742.085	792.818.439.456	2.934.229.037	-	7.706.358.008 785

Ghi chú:

- *Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay, nợ:* *7.348.217.328 789 VND*
- *Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:* *144 502 409 260 VND*

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính		
1. Số dư đầu năm	**14.440.036.237**	**14.440.036.237**
2. Số tăng trong năm	**3.448.717.566**	**3.448.717.566**
- Thuê TSCĐ tài chính trong năm	3.448.717.566	3.448.717.566
3. Số giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	**17.888.753.803**	**17.888.753.803**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế		
1. Số dư đầu năm	**3.322.462.775**	**3.322.462.775**
2. Khấu hao trong năm	**3.522.766.590**	**3.522.766.590**
- Khấu hao tăng trong năm	3.522.766.590	3.522.766.590
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	**6.845.229.365**	**6.845.229.365**
III. Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính		
1. Tại ngày đầu năm	**11.117.573.462**	**11.117.573.462**
2. Tại ngày cuối năm	**11.043.524.438**	**11.043.524.438**

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình				
1. Số dư đầu năm	513.520.000	-	44.016.083.435	44.529.603.435
2. Số tăng trong năm	-	399.518.014.730	2.907.100.000	402.425.114.730
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	399.518.014.730	-	399.518.014.730
3. Số giảm trong năm	-	-	297.500.000	297.500.000
- Giảm do hợp nhất kinh doanh	-	-	42.500.000	42.500.000
- Giảm khác	-	-	255.000.000	255.000.000
4. Số dư cuối năm	513.520.000	399.518.014.730	46.625.683.435	446.657.218.165
II. Giá trị hao mòn luỹ kế				
1. Số dư đầu năm	51.739.599	-	42.014.657.072	42.066.396.671
2. Khấu hao trong năm	12.167.272	8.427.616.619	755.718.678	9.195.502.569
- Khấu hao tăng trong năm	12.167.272	8.427.616.619	755.718.678	9.195.502.569
3. Giảm trong năm	-	-	34.826.384	34.826.384
- Giảm do hợp nhất kinh doanh	-	-	26.562.495	26.562.495
- Giảm khác	-	-	8.263.889	8.263.889
4. Số dư cuối năm	63.906.871	8.427.616.619	42.735.549.366	51.227.072.856
III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình				
1. Tại ngày đầu năm	461.780.401	-	2.001.426.363	2.463.206.764
2. Tại ngày cuối năm	449.613.129	391.090.398.111	3.890.134.069	395.430.145.309

Ghi chú:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: *10.713.927.389 VND*

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a. Ngắn hạn	*59.914.273.264*	*37.387.174.879*
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	6.855.231.320	2.649.003.237
- Chi phí bảo hiểm	3.305.556.758	2.653.939.765
- Chi phí phát hành trái phiếu	25.000.000.000	-
- Chi phí hoa hồng bảo hiểm chưa phân bổ	14.142.615.436	7.148.273.376
- Chi phí khác	10.610.869.750	24.935.958.501
b. Dài hạn	*210.679.868.799*	*311.214.809.552*
- Quyền sử dụng đất thuê	1.760.479.820	1.805.428.244
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	12.996.342.291	11.953.724.100
- Chi phí sửa chữa văn phòng, máy móc, thiết bị	13.063.959.600	8.557.539.940
- Chi phí Dự án Kang Crown chờ phân bổ	-	18.009.831.937
- Chi phí Dự án khu nghỉ mát Malibu chờ phân bổ	116.094.307.969	196.128.941.314
- Chi phí khác	66.764.779.125	74.559.334.197
Cộng	270.594.142.963	348.601.984.431

14. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
a. Ngắn hạn	*1.981.773.747.641*	*1.981.773.747.641*	*1.360.912.821.941*	*1.360.912.821.941*
- Powerchina Jiangxi Electric Power Engineering Co., Ltd	545.885.677.205	545.885.677.205	213.670.669.243	213.670.669.243
- Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I	-	-	29.070.558.738	29.070.558.738
- Công ty TNHH Powerchina Việt Nam	324.294.318.342	324.294.318.342	188.225.016.389	188.225.016.389
- Tổng Công ty Xây Dựng Số 1 - CTCP	186.279.636.427	186.279.636.427	-	-
- Công ty TNHH TM-DV Kỹ Nghệ Việt	-	-	81.336.008.145	81.336.008.145
- Các khách hàng khác	925.314.115.664	925.314.115.664	788.610.569.426	788.610.569.426
b. Dài hạn	*191.037.276.046*	*191.037.276.046*	*2.517.764.790.902*	*2.517.764.790.902*
- Công ty TNHH Nam Cường Sài Gòn	-	-	534.310.000.000	534.310.000.000
- Powerchina Jiangxi Electric Power Engineering Co., Ltd	103.964.826.965	103.964.826.965	1.662.587.332.563	1.662.587.332.563
- Nguyễn Văn Lực	-	-	162.627.982.231	162.627.982.231
- Công ty TNHH Powerchina Việt Nam	87.072.449.081	87.072.449.081	123.359.356.228	123.359.356.228
- Các khách hàng khác	-	-	94.880.119.880	94.880.119.880
Cộng	2.172.811.023.687	2.172.811.023.687	3.878.677.612.843	3.878.677.612.843

c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán

d. Phải trả người bán là các bên liên quan

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	*3.259.131.147.763*	*2.168.725.582.720*
- Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	904.279.060.078	689.800.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu Tư Thương Mại Dịch Vụ Gia Khang	746.224.936.944	-
- Các khách hàng khác	1.608.627.150.739	1.478.925.582.720
b. Dài hạn	-	*40.000.000.000*
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	-	40.000.000.000

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỘP CHO NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
a. Phải nộp	*291.604.195.632*	*497.491.173.015*	*523.817.607.142*	*265.277.761.505*
- Thuế giá trị gia tăng	15.471.337.762	119.240.891.774	91.844.445.974	42.867.783.562
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	21.667.756.871	21.667.756.871	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	232.998.672.899	210.291.485.971	242.238.924.950	201.051.233.920
- Thuế thu nhập cá nhân	5.413.828.391	37.834.761.049	36.789.651.537	6.458.937.903
- Thuế tài nguyên	7.508.999.462	53.330.984.904	49.719.239.191	11.120.745.175
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.032.713.800	1.032.713.800	-
- Thuế khác	11.347.230.230	38.514.554.141	48.806.726.252	1.055.058.125
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	18.864.126.888	15.578.024.499	31.518.148.567	2.724.002.820

	Số đầu năm	Phát sinh giảm trong năm	Phát sinh tăng trong năm	Số cuối năm
b. Phải thu	*1.364.223.426*	*271.209.552*	*2.454.532.838*	3.547.546.712
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	185.152.009	184.038.232	2.454.532.838	2.455.596.615
- Thuế khác	1.179.071.417	87.121.320	-	1.091.950.097

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	*542.831.418.466*	*265.990.760.280*
- Lãi vay, lãi trái phiếu, lãi hợp tác đầu tư	449.974.893.555	174.415.153.984
- Tạm trích chi phí giá vốn xây dựng	42.524.071.999	2.684.895.540
- Trích trước chi phí xây dựng cơ bản	-	10.654.958.242
- Chi phí phải trả khác	50.332.452.912	78.235.752.514
b. Dài hạn	-	-
Cộng	542.831.418.466	265.990.760.280

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

		Số cuối năm	*Số đầu năm*
a. Ngắn hạn		*1.916.961.921.631*	*3.152.519.316.049*
- Tài sản thừa chờ xử lý		40.402.115	22.041.239
- BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ		919.138.798	1.736.861.698
- Nhận ký cược, ký quỹ		600.000.000	52.086.604.391
- Các khoản phải trả, phải nộp khác		1.915.402.380.718	3.098.673.808.221
+ Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thiên Như Ý	*(1)*	*745.944.328.768*	-
+ Công ty Cổ phần White Magnolia		-	*681.245.931.507*
+ Công ty Cổ phần Thương mại Vũ Toàn	*(2)*	*350.000.000.000*	*700.000.000.000*
+ Khác		*819.458.051.950*	*1.717.428.876.714*
b. Dài hạn		*6.547.555.689.529*	*5.159.205.072.090*
- Nhận ký cược, ký quỹ		41.460.282.000	157.449.320.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác		6.506.094.807.529	5.001.759.752.090
+ Công ty Cổ phần BCG Land Gateway	*(3)*	*490.525.000.000*	*490.525.000.000*
+ Công ty Cổ phần Skylar Flagship	*(4)*	*420.000.000.000*	*680.000.000.000*
+ Công ty Cổ phần Daffodils	*(5)*	*350.000.000.000*	*350.000.000.000*
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Thanh Diamond		-	*647.162.911.425*
+ Công ty TNHH Dịch Vụ Đầu Tư Vạn Đạt		-	*550.000.000.000*
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Chí Thủy	*(6)*	*750.000.000.000*	-
+ Công ty Cổ phần Tư Vấn Thiết Kế Xây Dựng Tân Nam Mới	*(7)*	*1.425.000.000.000*	-
+ Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Dịch Vụ Thương Mại Phương Nam	*(8)*	*750.000.000.000*	
+ Khác		*2.320.569.897.529*	*2.284.071.849.669*
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán		-	

Ghi chú:

(1) Khoản phải trả theo Hợp đồng số 2908/2022/HĐ-HTĐT/TNY-CASA ngày 29/08/2022 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort và Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thiên Như Ý, với số tiền hợp tác là 820 tỷ đồng. Thời gian hợp tác là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

(2) Khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 200501/2021/HTKD/VUTUAN-BCGKL2 ngày 20/06/2021 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2 và Công ty Cổ phần Thương mại Vũ Toàn nhằm Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy điện gió Khai Long giai đoạn 2

(3) Khoản phải trả theo các hợp đồng:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 230601/2021/HTKD/GATEWAY-DT1 ký ngày 23/06/2021 giữa Công ty Cổ phần BCG Land Gateway và Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1. Số tiền hợp tác là 300 tỷ đồng, lợi nhuận được phân chia theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 230601/2021/HTKD/GATEWAY-DT2 ký ngày 23/06/2021 giữa Công ty Cổ phần BCG Land Gateway và Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2. Số tiền hợp tác là 190,525 tỷ đồng, lợi nhuận được phân chia theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án.

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(4) Khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh 29.11/2021/HĐ-HTĐT/DTI- SL ký ngày 29/11/2021 giữa Công ty Cổ phần Skylar Flagship và Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1. Số tiền hợp tác là 420 tỷ đồng. Lợi nhuận được phân chia theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án.

(5) Khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1506/2021/HĐ-HTĐT ngày 15/06/2021 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort và Công ty Cổ phần Daffodils, nhằm hợp tác phát triển dự án bất động sản tại Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định với tổng số tiền hợp tác là 600.000.000.000 đồng. Thời gian hợp tác là 04 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Lợi nhuận được xác định theo kết quả kinh doanh của dự án nhưng không thấp hơn lợi suất theo thỏa thuận của hai bên.

(6) Khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 25.04/2022/HĐ-HTĐT ngày 25/04/2022, Phụ lục số PL01/25.04/2022/HĐ-HTĐT và PL01/25.04/2022/HĐ-HTĐT giữa Công ty mẹ và Công ty Cổ phần Dịch vụ Chí Thiy. Mục đích đầu tư vào Dự án KDC Tổ 5, Phường Nghĩa Phú, tỉnh Đắk Nông. Thời gian thực hiện 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

(7) Khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HTKD/ECG-TNH ngày 20/04/2022 giữa Công ty mẹ và Công ty Cổ phần Tư Vấn Thiết Kế Xây Dựng Tân Hiệp Mới về việc tìm dự án năng lượng điện mặt trời và điện gió, dự án bất động sản tiềm năng trên địa bàn Việt Nam. Thời gian hợp tác là 03 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

(8) Khoản phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 25.02/2022/HĐ-HTĐT/PN-PMT ngày 25/02/2022 giữa Công ty con - Công ty TNHH Phoenix Mountain và Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Dịch Vụ Thương Mại Phương Nam với số tiền hợp tác là 750 tỷ đồng. Thời gian hợp tác là 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lợi tức đầu tư là 19,5%/năm.

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a. Ngắn hạn	*330.545.000.866*	*177.865.958.745*
- Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	134.594.973.032	84.796.785.335
- Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	168.151.894.608	67.332.951.849
- Dự phòng dao động lớn	27.798.133.226	25.736.250.961
b. Dài hạn	*1.724.405.975*	*1.364.890.215*
- Dự phòng phải trả khác	1.724.405.975	1.364.890.215

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

		Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn							
a.1 Vay ngắn hạn		1.316.759.657.763	1.316.759.657.763	3.087.903.044.509	2.187.410.701.700	2.217.252.000.572	2.217.252.000.572
- Leader Energy (Vietnam) LTE LTD		-	-	112.622.400.000	-	112.622.400.000	112.622.400.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	(1)	119.799.783.361	119.799.783.361	1.089.119.368.035	521.612.387.422	687.306.463.974	687.306.463.974
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	(1)	36.914.428.763	36.914.428.763	109.391.953.356	140.998.542.119	5.307.840.000	5.307.840.000
- Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	(1)	14.000.000.000	14.000.000.000	39.200.000.000	22.600.000.000	30.600.000.000	30.600.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	(1)	19.997.798.414	19.997.798.414	50.000.000.000	19.997.798.414	50.000.000.000	50.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	(1)	148.000.000.000	148.000.000.000	339.543.173.463	296.000.000.000	191.543.173.463	191.543.173.463
- Ngân hàng TMCP Nam Á	(1)	300.000.000.000	300.000.000.000	370.000.000.000	370.000.000.000	300.000.000.000	300.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	(1)	34.589.507.846	34.589.507.846	116.593.316.833	106.934.450.910	44.248.373.819	44.248.373.819
- Công ty TNHH Du Lịch Sinh Thái Cồn Bắp	(2)	-	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000	20.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam		-	-	9.700.000.000	9.700.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Năng Lượng Mặt trời Tân Thạnh Diamond		18.174.088.575	18.174.088.575	-	18.174.088.575	-	-
- Ngân hàng TMCP Sài gòn - Hà Nội		75.286.050.804	75.286.050.804	-	75.286.050.804	-	-
- Công ty Cổ phần Dịch Vụ Chí Thủy		549.998.000.000	549.998.000.000	-	549.998.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Phương Đông	(1)	-	-	25.304.600.039	15.341.324.469	9.963.275.570	9.963.275.570
- Công ty TNHH Sembcorp Energy Việt Nam	(3)	-	-	641.520.000.000	-	641.520.000.000	641.520.000.000
- Các đối tượng khác		-	-	164.908.532.733	40.768.058.987	124.140.473.746	124.140.473.746

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)						
a.2 Vay dài hạn đến hạn trả	844.395.020.803	844.395.020.803	828.019.036.416	952.958.612.339	719.455.444.880	719.455.444.880
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	178.350.000	178.350.000	178.350.000	178.350.000	178.350.000	178.350.000
- Ngân hàng TMCP Nam Á	420.442.018.481	420.442.018.481	102.505.313.516	396.517.916.573	126.429.435.424	126.429.435.424
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	122.040.723.555	122.040.723.555	166.198.944.908	164.392.035.003	123.847.633.460	123.847.633.460
- Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	2.400.000.000	2.400.000.000	-	2.400.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	112.998.563.304	112.998.563.304	273.352.500.000	113.228.563.304	273.122.500.000	273.122.500.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	115.780.000.000	115.780.000.000	61.600.000.000	146.580.000.000	30.800.000.000	30.800.000.000
- Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam-CN TP.HCM	-	-	271.144.000	-	271.144.000	271.144.000
- Công ty TNHH Du Lịch Sinh Thái Cồn Bắp	-	-	105.700.000.000	-	105.700.000.000	105.700.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài gòn - Hà Nội	28.618.165.463	28.618.165.463	-	28.618.165.463	-	-
- Ngân hàng VIB - Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh	157.200.000	157.200.000	-	157.200.000	-	-
- Ngân hàng TNHH Indovina	41.780.000.000	41.780.000.000	118.212.763.992	100.886.381.996	59.106.381.996	59.106.381.996
a.3 Nợ thuê tài chính đến hạn trả	2.148.985.320	2.148.985.320	51.176.173.260	32.148.985.320	31.176.173.260	31.176.173.260
- Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV-SuMi TRUST - Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh (13)	1.003.789.320	1.003.789.320	2.030.977.260	1.003.789.320	2.030.977.260	2.030.977.260
- Ngân hàng TMCP Phát Triển Tp.Hồ Chí Minh (14)	1.145.196.000	1.145.196.000	49.145.196.000	21.145.196.000	29.145.196.000	29.145.196.000
Cộng	2.163.303.663.886	2.163.303.663.886	3.967.098.254.185	3.162.518.299.359	2.967.883.618.712	2.967.883.618.712

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

		Số đầu năm		Phát sinh		Số cuối năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn							
b.1 Vay dài hạn		**2.715.516.843.108**	**2.715.516.843.108**	**3.340.013.792.420**	**1.626.904.581.912**	**4.428.626.053.616**	**4.428.626.053.616**
- Ngân hàng VIB - Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh		379.500.000	379.500.000	-	379.500.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	(4)	4.200.000.000	4.200.000.000	836.700.000	4.283.670.000	753.030.000	753.030.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	(5)	416.150.000	416.150.000	-	178.350.000	237.800.000	237.800.000
- Ngân hàng TMCP Nam Á	(6)	196.247.079.312	196.247.079.312	-	102.505.333.516	93.741.745.796	93.741.745.796
- Ngân hàng TNHH Indovina	(7)	-	-	680.763.387.353	60.146.382.000	620.617.005.353	620.617.005.353
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	(8)	1.239.202.500.000	1.239.202.500.000	789.661.436.696	1.202.500.000	2.027.661.436.696	2.027.661.436.696
- Ngân hàng TMCP Sài gòn - Hà Nội		-	-	-	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	(9)	94.938.523.142	94.938.523.142	-	61.600.000.000	33.338.523.142	33.338.523.142
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	(10)	698.733.090.654	698.733.090.654	522.026.206.678	133.498.846.396	1.087.260.450.936	1.087.260.450.936
- Ngân hàng TMCP Phát Triển Tp.Hồ Chí Minh	(11)	-	-	396.886.061.693	28.000.000.000	368.886.061.693	368.886.061.693
- Công ty Cổ Phần Artemis Investment		-	-	203.070.000.000	203.070.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần phát triển Lion City		481.400.000.000	481.400.000.000	-	481.400.000.000	-	-
- Công ty TNHH Du Lịch Sinh Thái Cồn Bắp	(12)	-	-	125.700.000.000	45.700.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000
- Các đối tượng khác		-	-	621.070.000.000	504.940.000.000	116.130.000.000	116.130.000.000
b.2 Nợ thuê tài chính dài hạn		**10.276.088.183**	**10.276.088.183**	**3.224.469.080**	**5.819.936.716**	**7.680.620.547**	**7.680.620.547**
- Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV Sumi Trust - Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh	(13)	6.101.729.294	6.101.729.294	1.340.893.080	3.300.601.868	4.142.020.506	4.142.020.506
- Ngân hàng TMCP Phát Triển Tp.Hồ Chí Minh	(14)	1.526.948.000	1.526.948.000	-	1.145.196.000	381.752.000	381.752.000
- Công ty Thuê Tài Chính TNHH BIDV	(15)	2.647.410.889	2.647.410.889	799.000.000	1.102.994.848	2.343.416.041	2.343.416.041
- Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam-CN TP.HCM	(16)	-	-	1.084.576.000	271.144.000	813.432.000	813.432.000
Cộng		**2.725.792.931.291**	**2.725.792.931.291**	**3.343.238.261.500**	**1.632.724.518.628**	**4.436.306.674.163**	**4.436.306.674.163**

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

		Số đầu năm	
		Giá trị	*Lãi suất*
c. Trái phiếu thường			
c.1 Trái phiếu ngắn hạn		635.166.666.667	
+ Loại phát hành theo mệnh giá		194.166.666.667	11,0%
+ Loại phát hành theo mệnh giá		441.000.000.000	11,0%
c.2 Trái phiếu dài hạn đến hạn trả		-	
+ Trái phiếu chuyển đổi không thực hiện quyền	(17)	-	
c.3 Trái phiếu dài hạn		8.158.190.495.302	
- Loại phát hành theo mệnh giá	(18)	-	
+ Mã trái phiếu BCG122006		-	
+ Chi phí phát hành trái phiếu		-	
- Loại phát hành theo mệnh giá		484.357.031.250	11,0%
- Loại phát hành theo mệnh giá	(19)	-	
- Loại phát hành theo mệnh giá	(20)	-	
+ Mã trái phiếu TCDH2227092		-	
+ Chi phí phát hành trái phiếu		-	
- Loại phát hành theo mệnh giá		49.666.666.666	11,0%
- Loại phát hành theo mệnh giá		69.413.333.333	11,0%
- Loại phát hành theo mệnh giá		99.063.333.333	11,0%
- Loại phát hành theo mệnh giá	(21)	998.444.444.448	10,0%
+ Mã trái phiếu là EBCCH2124002		*1.000.000.000.000*	
+ Chi phí phát hành trái phiếu		*(1.555.555.552)*	
- Loại phát hành theo mệnh giá	(22)	1.497.583.333.331	10,0%
- Loại phát hành theo mệnh giá	(23)	2.496.250.000.000	11,0%
+ Mã trái phiếu BCLCH2124001		*2.500.000.000.000*	
+ Chi phí phát hành trái phiếu		*(3.750.000.000)*	
- Loại phát hành theo mệnh giá	(24)		
- Loại phát hành theo mệnh giá		1.467.500.000.000	11,0%
- Loại phát hành theo mệnh giá		996.882.552.941	11,0%
Cộng		8.793.357.161.969	

d. Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

	Số cuối năm		
Kỳ hạn	*Giá trị*	*Lãi suất*	*Kỳ hạn*
	-		
1 năm	-		
1 năm 1 ngày	-		
	67.636.791.580		
	67.636.791.580	7,0%	3 năm
	7.251.460.977.778		
	497.141.666.663	11,5%	5 năm
	500.000.000.000		
	(2.858.333.337)		
2 năm	-		
	500.000.000.000	11,5%	3 năm
	972.708.200.000	11,0%	5 năm
	990.000.000.000		
	(17.291.800.000)		
3 năm	-		
5 năm	-		
7 năm	-		
3 năm	999.111.111.111	14,0%	5 năm
	1.600.000.000.000		
	(888.888.889)		
3 năm	1.284.583.333.336	14,0%	3 năm
3 năm	2.497.916.666.668	11,0%	3 năm
	2.500.000.000.000		
	(2.083.333.332)		
	500.000.000.000	13,0%	5 năm
3 năm	-		
3 năm	-		
	7.319.097.769.358		

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(1) Khoản vay từ các Ngân hàng thương mại theo các Hợp đồng tín dụng của Công ty và các Công ty con, các khoản vay được rút bằng đồng Việt Nam hoặc đồng Đô la Mỹ, dùng để bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo là nhà xưởng, máy móc thiết bị, khoản phải thu đã hình thành tuần chuyển và tiền gửi có kỳ hạn thuộc sở hữu của các Công ty con và tài sản của bên thứ ba (Xem Thuyết minh V.01, V.04 và V.10).

(2) Đây là khoản vay giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Energy và Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp theo hợp đồng vay số 3012/2022/HĐVT/CĐ-BCGE ngày 30/12/2022 để phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất 14%/năm

(3) Đây là khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng vay ngày 10/01/2022 giữa Công ty TNHH Sembcorp Energy Việt Nam và Công ty Cổ phần Amur Wind Energy, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 01 năm; lãi suất 8%/năm.

(4) Đây là khoản vay trung hạn từ Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 4603-LAV-202201817 ngày 21/06/2022. Khoản vay được rút bằng đồng Việt Nam, thời hạn vay 05 năm, trả gốc định kỳ 06 tháng/lần. Lãi suất 9%/năm, trả lãi theo từng quý. Đảm bảo bằng máy móc của Công ty con - Công ty Thành Phúc

(5) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín. Mục đích vay: mua xe ô tô doanh nghiệp. Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận tải của công ty (xem Thuyết minh V.10).

(6) Bao gồm các Hợp đồng vay của:
- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Nam Á - CN Đà Nẵng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital với số tiền vay 220 tỷ đồng, thời hạn vay 96 tháng, có tài sản đảm bảo.

- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Nam Á của Công ty Indochina với tổng hạn mức vay là 600.000.000.000 đồng nhằm mục đích đầu tư dự án bất động sản tại Tỉnh Quảng Nam, có thời hạn 36 tháng kể từ ngày giải ngân và chịu lãi suất theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trong tương lai thuộc dự án

(7) Khoản vay tại Ngân hàng TNHH Indovina - CN Bến Thành của Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Đăng Dương nhằm tài trợ một phần chi phí đầu tư Dự án Nhà máy điện mặt trời Gaia, thời hạn vay 08 năm. Lãi suất 03 tháng đầu là 10,7%/năm, sau đó sẽ được xem xét lại vào mỗi tháng đầu quý. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành từ dự án (xem Thuyết minh V.10).

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(8) Bao gồm các Hợp đồng vay dài hạn.

Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam của Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch. Hạn mức tín dụng là 2,623 tỷ đồng để thanh toán chi phí đầu tư Dự án Điện mặt trời Phù Mỹ - Giai đoạn 1. Thời hạn vay 126 tháng, khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành từ Dự án xem Thuyết minh V.10).

Khoản vay bằng Đồng Việt Nam của Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land với hạn mức vay là 6.000.000.000 đồng nhằm mục đích thanh toán các chi phí liên quan đến 2 xe ô tô, lãi suất được xác định bằng lãi suất cơ bản cộng (+) biên độ tối thiểu 4%/năm với thời hạn 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận tải theo Hợp đồng thế chấp động sản số 14/2022/HĐBĐ/NHCT944-BCGLAND ngày 29 tháng 04 năm 2022 (Xem Thuyết minh V.10)

(9) Bao gồm các Hợp đồng vay dài hạn với ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng:

Khoản vay của Công ty con - Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort với tổng hạn mức vay là 160.606.000.000 đồng nhằm mục đích đầu tư dự án bất động sản tại TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, có thời hạn 48 tháng kể từ ngày giải ngân và chịu lãi suất theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất thuộc dự án và toàn bộ phần vốn góp của các cổ đông Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort.

Khoản vay của Công ty con - Công ty Cổ phần Skystar nhằm đầu tư dự án Điện năng lượng mặt trời. Thời hạn vay 84 tháng, lãi suất được quy định theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp toàn bộ tài sản liên quan của Dự án (xem Thuyết minh V.10).

(10) Bao gồm các Hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Tiên Phong:

Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong với hạn mức tín dụng là 60 tỷ đồng, thời hạn vay 60 tháng. Tài sản đảm bảo là toàn bộ quyền và tài sản trong tại phát sinh từ Dự án nâng cấp, mở rộng ĐT 830 và ĐT 624 từ cầu An Thạnh đến thị trấn Đức Hòa, Tỉnh Long An và Hợp đồng cho vay kèm thế chấp xe ô tô với thời hạn cho vay 72 tháng.

Khoản vay theo Hợp đồng vay dài hạn số 69/2020/HDTD/TTKHDNL MN2/01 ngày 14/01/2021. Hạn mức vay 710.000.000.000 VND. Mục đích vay: tài trợ chi phí đầu tư Dự án Nhà máy điện mặt trời VNECO Vĩnh Long tại Cụm CN Trung Nghĩa, Ấp Phú Tân và ấp Phú Ân, Xã Trung Nghĩa, Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long. Thời hạn vay 180 tháng. Lãi suất theo từng khế ước nhận nợ. Hợp đồng vay được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp bằng máy móc thiết bị hình thành của Dự án số 69/2020/HĐĐB/TTKHDNL MN2/01 và 69/2020/HĐĐB/TTKHDNL MN2/02 ngày 14/01/2021.

Khoản vay theo Hợp đồng vay dài hạn số 03/2020/HDTD/TTKHDNLMN ngày 22/01/2020. Hạn mức vay 600.000.000.000 VND. Mục đích vay: tài trợ một phần chi phí đầu tư Dự án Nhà máy điện mặt trời GAIA tại Xã Thạnh An, Huyện Thạnh Hóa, Tỉnh Long An. Thời hạn vay 15 năm. Lãi suất là 10%/ năm của lần nhận nợ đầu tiên, sau đó lãi suất sẽ được xem xét lại. Hợp đồng vay được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp bằng máy móc thiết bị hình thành của Dự án số 36/0619/HĐTC-01 ngày 26/06/2019.

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(11) Khoản vay của Công ty con - Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Bình Dương theo Hợp đồng vay dài hạn số DI3042002174 GN 6577/19MQ/HĐTD/KUNN61 ngày 11/04/2019. Hạn mức vay 660.000.000.000 VND. Nhằm tài trợ đầu tư xây dựng Dự án nhà máy điện mặt trời BCG Bình Dương. Thời hạn vay là 180 tháng, lãi suất quy định theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trong tương lai của Nhà máy điện mặt trời BCG Bình Dương; quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện giữa Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Bình Dương và Công ty Mua bán Điện

(12) Khoản vay của Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land với hạn mức vay là 80.000.000.000 Đồng, lãi suất 11%/năm, thời hạn 24 tháng kể từ ngày hợp đồng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo

(13) Bao gồm các Hợp đồng thuê tài chính với Công ty Cho Thuê Tài chính TNHH MTV-Sumit TRUST.

- Khoản thuê tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải để mua xe ôtô. Số tiền vay và thời hạn vay được xác định theo từng hợp đồng.

- Khoản thuê tài chính của Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA nhằm mua xe ô tô , thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 8.5%/năm trong 6 tháng đầu, sau đó là Lãi suất tham chiếu.

(14) Khoản vay của Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải để thanh toán mua xe ô tô, thời hạn vay 60 tháng. Tài sản đảm bảo là ô tô hình thành từ vốn vay thuộc sở hữu của Công ty.

(15) Đây là khoản nợ thuê tài chính giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Tapiotek và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 2182100039S/HĐCTTC. Thời hạn cho thuê 36 tháng. Lãi suất thuê 7%/năm. Tài sản đảm bảo là khoản tiền ký cược bảo đảm: 325.835.186 VND.

(16) Đây là khoản thuê tài chính của Công ty con - Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy theo hợp đồng CTTC số 63 22.07/CTTC ký ngày 25/10/2022, thời hạn vay 04 năm.

(17) Trong năm 2022, trái chủ của trái phiếu chuyển đổi BOIDBE2019.01 đã có công văn đề chốt thực hiện quyền chuyển đổi khi đến hạn. Theo đó, Công ty xác định đây là trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại ngày 31/12/2022 (xem thuyết minh V.21). Theo văn bản thỏa thuận ký ngày 10/2/2023, trái chủ đã chấp thuận chi thanh toán từng đợt, thời hạn thanh toán khoản nợ gốc Trái phiếu cuối cùng của BCGE là ngày 30/06/2023. Tài sản đảm bảo là 16.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital.

(18) Trái phiếu chào bán ra công chúng và đã được niêm yết tại HNX với mã trái phiếu là BCG122006. Mệnh giá: 100.000 đồng/Trái phiếu. Kỳ hạn trái phiếu: 5 năm. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, và không có đảm bảo. Trái phiếu có lãi suất kết hợp lãi suất cố định và lãi suất thả nổi được xác định như sau: 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 11.5%/năm. Các kỳ tính lãi tiếp theo sau 2 kỳ tính lãi đầu tiên là lãi suất thả nổi được xác định theo công thức như sau. Lãi suất = lãi suất tham chiếu tại kỳ tính lãi đó + biên độ 6%/năm.

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(19) Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội làm đại lý lưu ký. Mã trái phiếu là TCDH2124002, số lượng 500.000 trái phiếu, mệnh giá: 1.000.000 đồng/ trái phiếu, thời hạn trái phiếu là 36 tháng. Loại hình trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo. Mục đích phát hành để tăng quy mô vốn cụ thể là nâng cao năng lực, tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng và bất động sản

(20) Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong tư vấn phát hành và đại lý lưu ký. Mã trái phiếu là TCDH2227002, số lượng 9.900 trái phiếu, mệnh giá: 100.000.000 đồng/ trái phiếu, thời hạn trái phiếu là 60 tháng. Loại hình trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo. Mục đích phát hành để cơ cấu lại nợ của Công ty

(21) Trái phiếu phát hành riêng lẻ do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh làm đại lý lưu ký, tư vấn phát hành. Mã trái phiếu là EBCCH2124002, phát hành từ ngày 26 tháng 4 năm 2021. Mệnh giá là 100.000.000 đồng/trái phiếu. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp quyền tài sản thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1 và các Hợp đồng thế chấp cổ phần của các cá nhân góp vốn tại Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1.

(22) Trái phiếu phát hành riêng lẻ do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh làm đại lý lưu ký, tư vấn phát hành. Mã trái phiếu là EBCCH2124003, phát hành từ ngày 24 tháng 5 năm 2021. Mệnh giá là 100.000.000 đồng/trái phiếu. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp quyền tài sản thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1 và các Hợp đồng thế chấp cổ phần của các cá nhân góp vốn tại Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1.

(23) Trái phiếu phát hành theo mệnh giá bằng Đồng Việt Nam nhằm mục đích hợp tác đầu tư và/hoặc đầu tư phát triển dự án bất động sản tại Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh (Thuyết minh 7(b)). Tổng mệnh giá là 2.500.000.000.000 đồng; kỳ hạn ba mươi sáu (36) tháng. Lãi suất trong bốn (4) kỳ tính lãi đầu tiên là 11%/năm, sau đó lãi suất được xác định bằng lãi suất tham chiếu công bố tại ngày xác định lãi suất có liên quan cộng (+) biên độ 4%/năm nhưng không thấp hơn 11%/năm. Kỳ tính lãi ba (3) tháng/lần.

Khoản trái phiếu này được đảm bảo bằng cổ phần thuộc sở hữu của bên thứ ba tại công ty sở hữu dự án bất động sản tại Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh; toàn bộ nguồn thu từ tài sản và quyền và lợi ích phát sinh từ và/hoặc có liên quan đến dự án; quyền sử dụng đất của khu vực đất thực hiện dự án.

(24) Trái phiếu phát hành riêng lẻ do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong làm đại lý lưu ký, tư vấn phát hành. Mã trái phiếu là TNECH2227001, phát hành từ ngày 09 tháng 12 năm 2022 có mệnh giá là 100.000.000 đồng/trái phiếu. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp quyền tài sản của dự án Krong Pa 2 thuộc sở hữu của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên và các Hợp đồng thế chấp cổ phần của các cá nhân, tổ chức góp vốn tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên và 19.284.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital thuộc sở hữu của (các) cá nhân/tổ chức khác. Mục đích phát hành là tăng quy mô vốn hoạt động.

21. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Phát sinh nội bộ	Đáo hạn trái phiếu		Số cuối năm
				Thực hiện quyền chọn chuyển đổi	Không thực hiện quyền chọn chuyển đổi	
1	Kỳ hạn gốc (tháng)					
	a Trái phiếu chuyển đổi TCD (22/01/2021)	36				
	b Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)	36				
2	Kỳ hạn còn lại (tháng)					
	a Trái phiếu chuyển đổi TCD (22/01/2021)	25				
	b Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)	8				
3	Số lượng (trái phiếu)					
	a Trái phiếu chuyển đổi TCD (22/01/2021)	250.000		250.000		-
	b Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)	1.157.500			1.157.500	-
4	Mệnh giá (đồng/ trái phiếu)					
	a Trái phiếu chuyển đổi TCD (22/01/2021)	1.000.000		1.000.000		-
	b Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)	100.000			100.000	
5	Lãi suất (%)					
	a Trái phiếu chuyển đổi TCD (22/01/2021)	6%		6%		
	b Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)	7%			7%	
6	Tỷ lệ chuyển đổi					
	a Trái phiếu chuyển đổi TCD (22/01/2021)			1:80		
	b Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)					
7	Lãi suất chiết khấu					
	a Trái phiếu chuyển đổi TCD (22/01/2021)					
	b Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)					
8	Nợ gốc trái phiếu	365.750.000.000	-	250.000.000.000	115.750.000.000	-
	a Trái phiếu chuyển đổi TCD (22/01/2021)	250.000.000.000		250.000.000.000		-
	b Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)	115.750.000.000			115.750.000.000	-
9	Quyền chọn chuyển đổi					
	a Trái phiếu chuyển đổi TCD (22/01/2021)					
	b Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)					

21. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(a) Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải đã phát hành trái phiếu chuyển đổi cho Nhà đầu tư trong nước. Mã trái phiếu: TCD-CB2020. Số lượng trái phiếu: 250.000 trái phiếu, có mệnh giá 1.000.000 đồng/trái phiếu. Trong năm, Công ty con đã tiến hành chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành 20.000.000 cổ phiếu cho nhà đầu tư.

(b) Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Energy phát hành trái phiếu riêng lẻ cho Nhà đầu tư nước ngoài là Công ty Hanwha Energy Corporation Singapore Pte. Ltd. theo Hợp đồng ngày 13/08/2019. Mã Trái phiếu: BONDBE/2019.01.

- Số lượng trái phiếu: 1.157.500 trái phiếu; Mệnh giá: 100.000 đồng/Trái phiếu; Thời hạn: 3 năm; Lãi suất danh nghĩa: 7%/năm; Lãi suất phát hành thực tế: 7%/năm; Thời gian phát hành: từ ngày 04/09/2019.

- Quyền chuyển đổi: sau kỳ hạn 03 năm kể từ ngày phát hành trái phiếu, toàn bộ trái phiếu phát hành sẽ được chuyển đổi thành cổ phiếu của Công ty Cổ phần BCG Energy, với trị giá mệnh giá chuyển đổi là 10.000 đồng/cổ phiếu. Tỷ lệ chuyển đổi bằng mệnh giá Trái phiếu chia cho giá chuyển đổi được xác định tại thời điểm chuyển đổi.

- Trong năm 2022, trái chủ của Trái phiếu này đã có công văn từ chối thực hiện quyền chuyển đổi khi đến hạn. Theo đó, Công ty xác định đây là trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại ngày 31/12/2022 (xem Thuyết minh V.20)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư tại 01/01/2021	1.360.057.600.000	(165.000.000)	-	481.158.791	306.707.661	215.211.939.444	1.387.415.624.996	2.963.308.030.892
- Tăng vốn	1.615.314.140.000	(68.004.000)	-	-	-	-	-	1.615.246.136.000
- Lợi nhuận tăng /(giảm) trong năm	-	-	-	-	-	608.930.201.135	391.412.431.081	1.000.342.632.216
- Tăng/(giảm) do hợp nhất Công ty con	-	-	-	(17.680.219)	(5.361.242)	(21.569.089.549)	3.058.073.487.432	3.036.481.356.122
- Chia cổ tức tại công ty mẹ		-	-	-	-	(203.464.852.000)	-	(203.464.852.000)
- Cổ tức đã chia tại công ty con	-	-	21.404.860.000	-	-	(21.404.860.000)	(53.312.881.264)	(53.312.881.264)
- Trích lập các quỹ tại Công ty con	-	-	-	-	3.606.923.802	(5.935.595.223)	(6.707.168.252)	(9.035.839.673)
Số dư tại 31/12/2021	2.975.371.740.000	(233.004.000)	21.404.860.000	463.478.572	3.908.270.221	571.767.743.807	4.776.881.493.993	8.349.564.582.593
Số dư tại 01/01/2022	2.975.371.740.000	(233.004.000)	21.404.860.000	463.478.572	3.908.270.221	571.767.743.807	4.776.881.493.993	8.349.564.582.593
- Tăng vốn (*)	2.057.682.630.000	867.159.426.000	-	-	-	-	-	2.924.842.056.000
- Công ty mẹ chia cổ tức (**)	251.621.850.000	-	-	-	-	(503.274.568.500)	-	(251.652.718.500)
- Phát hành cổ phiếu thưởng (**)	50.000.000.000	-	-		-	(50.000.000.000)	-	-
- Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	349.549.655.182	191.143.097.062	540.692.752.244
- Tăng/(giảm) do hợp nhất Công ty con	-	-	-	809.062	526.040	61.379.966.039	2.330.731.487.677	2.392.112.788.819
- Cổ tức đã chia tại công ty con	-	-	-	-	-	-	(145.293.084.082)	(145.293.084.082)
- Trích lập các quỹ tại Công ty con	-	-		-	-	(2.875.850.104)	(8.263.736.951)	(11.139.587.055)
Số dư tại 31/12/2022	5.534.676.220.000	866.926.422.000	21.404.860.000	464.287.634	3.908.796.261	426.546.946.425	7.145.199.257.700	13.799.126.790.020

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(*) Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 04/2021/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 15/05/2021 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 46/2021/NQ-HĐQT-BCG ngày 31/08/2021, Công ty đã thực hiện chào bán 148.765.263 cổ phiếu ra công chúng với tổng số vốn huy động là 1.467.682.630.000 đồng, nâng tổng số vốn điều lệ lên 4.463.054.370.000 đồng;

Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 04/2021/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 15/05/2021 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 02/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 22/04/2022, Công ty đã thực hiện chào bán 57 000 000 cổ phiếu ra công chúng với tổng số vốn huy động là 570.000.000.000 đồng, nâng tổng số vốn điều lệ lên 5.033.054.370.000 đồng.

(**) Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 04/2022/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 06/05/2022 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 79/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 11/08/2022 về việc chia cổ tức với tỷ lệ 10% trên vốn điều lệ, trong đó bao gồm 5% cổ tức bằng tiền mặt tương ứng với 251.652.718.590 đồng và 5% cổ tức bằng cổ phiếu tương ứng 25 162 185 cổ phiếu, với tổng số vốn quy đổi là 251.621 850 000 đồng. Đồng thời, Công ty đã phát hành 5.000 000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn của người lao động (ESOP) với số vốn là 50 000.000 000 đồng từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối, nâng tổng số vốn điều lệ lên 5.334.676.220.000 đồng.

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
- Tổ chức, cá nhân khác	5.334.676.220.000	2.975.371.740.000
Cộng	5.334.676.220.000	2.975.371.740.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	*Năm trước*
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	2.975.371.740.000	1.360.057.600.000
+ Vốn góp tăng trong năm	2.359.304.480.000	1.615.314.140.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	5.334.676.220.000	2.975.371.740.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	*503.274.568.500*	*203.464.852.000*

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	533.467.622	297.537.174
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	533.467.622	297.537.174
+ Cổ phiếu phổ thông	*533.467.622*	*297.537.174*
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	533.467.622	297.537.174
+ Cổ phiếu phổ thông	*533.467.622*	*297.537.174*

** Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.*

e. Cổ tức

	Năm nay	*Năm trước*
- Cổ tức đã công bố	*503.274.568.500*	*203.464.852.000*
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	*503.274.568.500*	*203.464.852.000*
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

f. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
- Quỹ đầu tư phát triển	3.908.796.261	3.908.270.221
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	464.287.634	461.478.572

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a. Ngoại tệ các loại		
- USD	92.299,73	33.782,15
- EUR	760,49	771,41
- JPY	-	9.461.027,0
b. Nợ khó đòi đã xử lý	*142.153.182.019*	*8.318.016.819*

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	*Năm trước*
a. Doanh thu	*4.595.934.767.679*	*2.678.253.996.316*
- Doanh thu cung cấp hàng hoá, thành phẩm	3.530.805.098.085	1.450.257.171.829
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	219.039.354.858	241.368.851.456
- Doanh thu hợp đồng xây lắp	600.668.294.822	908.446.317.266
- Doanh thu bảo hiểm	245.422.019.914	18.181.655.765
b. Các khoản giảm trừ doanh thu	*64.744.593.534*	*28.795.402.541*
- Giảm giá hàng bán	-	3.714.286
- Hàng bán bị trả lại	-	24.953.321.448
- Hoàn, giảm, nhượng tái bảo hiểm	64.744.593.534	3.838.366.807

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	*Năm trước*
- Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	2.545.688.494.090	715.675.655.756
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	93.497.050.367	65.008.842.537
- Giá vốn xây lắp	393.933.396.879	860.361.055.473
- Giá vốn bảo hiểm	178.503.005.536	9.421.233.533
Cộng	3.211.621.946.872	1.650.466.787.299

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	*Năm trước*
- Lãi tiền gửi, lãi cho vay	312.385.488.134	37.406.813.463
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	134.433.700	87.191.449
- Lãi hợp nhất kinh doanh	182.818.396.268	-
- Lãi đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	783.174.722.560	913.410.709.424
- Lãi phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư	1.257.010.021.437	1.351.483.247.742
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.355.392.083	4.058.739.814
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.211.389.556	5.466.016.202
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.341.898	34.150.238.948
Cộng	2.548.093.885.636	2.346.063.057.042

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	*Năm trước*
- Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	1.434.813.960.245	1.012.043.165.222
- (Hoàn nhập)/Dự phòng đầu tư tài chính	622.741.474	522.144.263
- Lỗ đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	104.535.316.926	6.200.981.235
- Chi phí phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư	605.893.081.871	305.055.970.242
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	61.926.244.771	702.218.672
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	22.806.007.549	791.322.093
- Chi phí tài chính khác	170.774.025.905	158.424.668.860
Cộng	2.401.761.378.741	1.483.743.470.593

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	*Năm trước*
a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	*215.786.591.177*	*98.413.395.312*
- Chi phí nhân viên	6.096.604.964	3.955.098.527
- Chi phí vật liệu, bao bì	1.173.382.670	899.840.226
- Chi phí đồ dùng, dụng cụ	51.473.357	34.879.613
- Chi phí khấu hao TSCĐ	7.820.004	9.918.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	169.137.366.153	88.506.243.120
- Chi phí bằng tiền khác	39.319.944.029	5.007.415.816
b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	*483.455.987.491*	*369.133.623.849*
- Chi phí nhân viên quản lý	201.263.091.007	109.074.507.849
- Chi phí vật liệu quản lý	7.137.716.839	2.064.477.710
- Chi phí đồ dùng văn phòng	3.878.691.540	2.706.479.401
- Chi phí khấu hao TSCĐ	20.510.661.795	10.867.479.348
- Thuế, phí và lệ phí	10.746.729.046	3.354.782.267
- Dự phòng / (hoàn nhập dự phòng)	8.992.175.730	7.523.286.653
- Phân bổ lợi thế thương mại	84.723.548.877	123.999.134.957
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	88.356.623.869	59.256.874.893
- Chi phí khác bằng tiền	57.846.548.848	50.286.600.271

6. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	*Năm trước*
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	486.163.915.841	273.955.880.466
- Chi phí nhân công	285.655.392.561	211.424.095.852
- Chi phí khấu hao	473.615.967.953	271.653.479.816
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.324.966.765.560	2.619.131.288.198
- Chi phí bằng tiền khác	224.593.096.951	179.712.776.018
Cộng	3.788.995.138.885	3.555.877.520.286

7. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	*Năm trước*
- Thanh lý nhượng bán TSCĐ	284.969.173	275.524.939
- Lãi mua rẻ Công ty con	29.436.519.133	-
- Các khoản khác	14.993.433.718	11.473.896.802
Cộng	44.714.922.024	11.749.421.741

8. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	*Năm trước*
- Thanh lý nhượng bán TSCĐ	-	318.051.173
- Tiền phạt, tiền thuế khác phải đóng do vi phạm hành chính	7.305.138.676	3.482.862.469
- Các khoản khác	13.886.370.867	19.344.460.864
Cộng	21.191.509.543	23.145.374.511

9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	*Năm trước*
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**790.235.150.447**	**1.265.958.846.434**
+ Các khoản điều chỉnh tăng / (giảm) lợi nhuận tính thuế	*407.644.809.386*	*264.406.809.518*
- Tổng thu nhập chịu thuế	**1.197.879.959.833**	**1.530.365.655.952**
+ Lỗ từ các năm trước chuyển sang	*(11.035.689.588)*	*(47.219.548.206)*
+ Thu nhập miễn, giảm thuế	*(137.278.937.626)*	*(177.967.724.457)*
- Tổng thu nhập tính thuế	**1.049.565.332.820**	**1.305.187.383.290**
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**216.053.166.535**	**252.025.403.877**
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	*209.913.066.564*	*261.037.476.655*
+ Khoản thuế truy thu, nộp bổ sung	*6.140.099.971*	*681.730.510*
+ Khoản thuế miễn giảm	-	*(9.693.803.291)*

10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	12.200.041.073	40.214.113.732
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.938.334.259	920.555.845
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(5.649.143.663)	(26.471.807.789)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(1.072.051.447)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	**33.489.231.668**	**13.590.810.241**

11. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	*Năm trước*
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	349.549.655.182	608.930.201.135
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	489.145.762	227.419.865
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**715**	**2.678**

12. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	*Năm trước*
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	349.549.655.182	608.930.201.135
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	489.145.762	227.419.865
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**715**	**2.678**

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các giao dịch phi tiền tệ ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm nay	*Năm trước*
- Chuyển trái phiếu chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu	250.000.000.000	900.000.000.000
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành ESOP từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối	301.621.850.000	-

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng

Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm khoản tiền gửi bị hạn chế sử dụng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty và các công ty con với số tiền là 46.600.000.000 đồng (xem **Thuyết minh V.01**).

3. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm nay	*Năm trước*
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	6.961.833.005.219	5.590.982.243.151
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	2.469.849.866.663	8.683.433.000.000
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi	-	250.000.000.000
Cộng	**9.431.682.871.882**	**14.524.415.243.151**

4. Số tiền đã trả thực gốc vay trong năm

	Năm nay	*Năm trước*
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	5.715.510.005.600	2.004.251.548.936
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	1.385.810.239.670	2.537.929.688.350
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu chuyển đổi	250.000.000.000	1.004.550.000.000
Cộng	**7.351.320.245.270**	**5.546.731.237.286**

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Các bên liên quan

Tên đơn vị	Quan hệ
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Land	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Energy	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Financial	Công ty con
Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA	Công ty con
Công ty TNHH Phoenix Mountain	Công ty con
Công ty TNHH MTV Helios Village	Công ty con
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Liên doanh Khai thác và Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thành Phúc	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ Phần Thương Mại Vxperia	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thanh Hóa	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Skylar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Greensky Infinitive	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Casper Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Cosmos Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Herb Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Orchid Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Violet Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Tapiotek	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Bất Động Sản An Giang	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG GAIA	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Nước Sạch Life Purity	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Đăng Dương	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Đăng Dương	Công ty con gián tiếp

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

a. Các bên liên quan (Tiếp theo)

Tên đơn vị	Quan hệ
Công ty Cổ phần TCD Plus	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Epower 1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Cơ điện Skylar5	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	Công ty liên kết
Công ty Taxi Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần 3K Plus Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH Skylight Power	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng Sản Bắc Hà	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Cốc Bộp	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Bảng Dương E&C	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Sơn Long	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Mega Solar	Người nội bộ công ty con liên quan
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	Người nội bộ công ty con liên quan
Group Công ty con của Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Biệt thự Nghỉ dưỡng Mỹ Khê	Người nội bộ công ty con liên quan
Công ty Cổ phần Thăng Phương	Người nội bộ công ty con liên quan
Công ty Cổ phần White Magnolia	Người nội bộ công ty con liên quan
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và người công bố thông tin	Ban điều hành và các cá nhân có liên quan

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Ngoại trừ các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm đã được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất, giao dịch với các bên liên quan còn lại là:

Đơn vị	Chỉ tiêu	Số tiền
Công ty TNHH B.O.T ĐT 330	Thu lãi tiền hợp tác	5.756.917.806
	Cung cấp dịch vụ xây lắp	2.635.717.356
Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Cồn Bắp	Tiền đi vay	140.000.000.000
	Lãi vay	14.805.369.864
Công ty Cổ phần 3K Plus Việt Nam	Mua dịch vụ xây lắp	60.893.987.646
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	Cung cấp dịch vụ xây lắp	341.224.291.287
	Cung cấp dịch vụ khác	21.724.320.668
	Lãi hợp tác kinh doanh phải trả	48.945.515.198
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	Mua trái phiếu	128.750.000.000
	Lãi hợp tác kinh doanh phải thu	21.014.262.602
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.398.677.863
	Cung cấp dịch vụ	18.816.007.259
Công ty Cổ phần Bãng Dương E&C	Doanh thu bán hàng hóa	7.053.555.600
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	Chi phí vận hành nhà máy điện	29.015.576.325
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	492.727.273
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	Cung cấp dịch vụ	88.522.397
Công ty Cổ phần Biệt thự Nghỉ dưỡng Mỹ Khê	Trả tiền hợp tác kinh doanh	2.169.863.013
	Chuyển tiền hợp tác kinh doanh	520.660.000.000
	Thu hồi tiền hợp tác kinh doanh	131.310.000.000
	Thu nhập lãi từ hợp tác kinh doanh	12.534.322.192
Công ty Cổ phần White Magnolia	Trả tiền hợp tác kinh doanh	716.267.054.794
	Chuyển tiền hợp tác kinh doanh	110.000.000.000
	Thu hồi tiền hợp tác kinh doanh	510.000.000.000
	Thu nhập lãi từ hợp tác kinh doanh	117.900.410.960
	Chi phí lãi hợp tác kinh doanh	35.007.123.287
Công ty Cổ phần Thắng Phương	Chuyển tiền hợp tác kinh doanh	196.000.000.000
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.612.540.000
	Lãi hợp tác kinh doanh	313.424.657.534
	Lãi cho vay	265.762.529
Công ty Cổ phần Mega Solar	Vay tiền	67.500.000.000
	Cho vay	35.678.000.000
Group Công ty con của Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	Bán tài sản cố định	110.529.103.744
	Mua tài sản cố định	22.677.483.294
	Nhận tiền hợp tác kinh doanh	77.256.383.422
	Lãi hợp tác kinh doanh	5.616.412.053
	Cho vay	18.351.000.000
	Thu hồi cho vay	22.611.602.779
	Lãi cho vay	3.844.172.454

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

c. Thu nhập Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và người quản lý khác

Họ tên	Chức danh	Số tiền
Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch HĐQT	917.500.000
Phạm Nguyễn Thiên Chương	Thành viên HĐQT	390.000.000
Bùi Thành Lâm	Thành viên HĐQT	276.500.000
Nguyễn Tùng Lâm	Thành viên HĐQT	498.000.000
Tân Bộ Quân, Andy	Thành viên HĐQT	59.500.000
Nguyễn Thế Tài	Tổng Giám đốc	715.000.000
Nguyễn Thanh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	628.169.800
Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	1.912.000.000
Hoàng Thị Minh Châu	Phó Tổng Giám đốc	1.105.000.000
Phạm Hữu Quốc	Kế toán trưởng	600.000.000
Đồng Hải Hà	Trưởng ban kiểm soát	495.809.554
Đinh Hoài Châu	Nguyên Trưởng ban kiểm soát	604.000.000
Nguyễn Việt Cương	Thành viên ban kiểm soát	623.333.332
Cộng		8.824.558.686

d. Số dư cuối năm với các bên liên quan

Tên đơn vị	Chỉ tiêu	Số tiền
Công ty TNHH B.O.T DT830	136	834.841.506
	216	40.500.000.000
Công ty Cổ phần 3K Plus Việt Nam	131	540.628.295
Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Cồn Bắp	319	16.536.756.168
	320	105.700.000.000
	338	80.000.000.000
Công ty Cổ phần Khai Thác Khoáng Sản Bắc Hà	135	6.270.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	255	100.000.000.000
	136	11.561.796.849
	216	120.000.000.000
	311	52.893.314.119
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	137	476.297.000.000
	312	746.224.936.964
	319	24.964.067.803
	131	1.451.000.000
Công ty TNHH Hanwha BCQE - O&M	311	17.617.332.662
Công ty Cổ phần Năng Lượng Dương Phong	136	654.621.917.808
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	131	88.522.391
Công ty Cổ phần White Magnolia	136	30.747.726.028
	216	830.000.000.000
	319	745.940.328.768
Công ty Cổ phần Thăng Phương	136	477.640.000.000

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

d. Số dư cuối năm với các bên liên quan (Tiếp theo)

Tên đơn vị	Chỉ tiêu	Số tiền
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	136	53.759.890.412
	216	2.500.000.000.000
	319	903.000.000
Công ty Cổ phần Mega Solar	135	35.678.000.000
	319	52.379.900.000
	337	387.167.000.000
	320	67.500.000.000
Group Công ty con của Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	131	20.192.231.336

2. CÁC CAM KẾT BẢO LÃNH

Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land đã cam kết bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho toàn bộ nghĩa vụ thanh toán của các lô trái phiếu phát hành như sau:

Bên được bảo lãnh	Bên nhận bảo lãnh	Ngày văn bản bảo lãnh	Kỳ hạn	Giá trị bảo lãnh
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong	21/06/2021	36 tháng	3.000.000.000.000
Công ty TNHH Du Lịch Sinh Thái Cồn Bắp	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-CN. Bắc Sài Gòn	25/05/2021	24 tháng	500.000.000.000

Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Energy đã cam kết bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho toàn bộ nghĩa vụ thanh toán của các lô trái phiếu phát hành như sau:

Bên được bảo lãnh	Bên nhận bảo lãnh	Ngày văn bản bảo lãnh	Kỳ hạn	Giá trị bảo lãnh
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong	08/12/2022	60 tháng	500.000.000.000

3. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin báo cáo bộ phận được trình bày chủ yếu là kết quả kinh doanh lợi nhuận thuần theo bộ phận khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh của Công ty. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh, được đưa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận lợi nhuận thuần bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp

Do trong kỳ công ty chủ yếu hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước nên báo cáo bộ phận về lợi nhuận thuần chủ yếu theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

Chỉ tiêu	Bán hàng hoá	Cung cấp dịch vụ	Xây lắp	Bảo hiểm
Doanh thu thuần	3.530.805.098.085	219.039.354.853	600.668.294.822	180.680.426.380
Giá vốn	2.545.688.494.090	93.497.050.367	393.933.396.879	178.503.[illegible]36
Lợi nhuận gộp	985.116.603.995	125.542.304.491	206.734.897.943	2.[illegible]44

4. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Lập, ngày 20 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Huỳnh Minh Trường	Phạm Hữu Quốc	Nguyễn Hà Nam

BẢN SAO

13

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASC)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh - Tel: 028.38205944 - Fax: 028.38205942

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

18. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Hội đồng Quản trị Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

Mẫu số B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
- Tiền mặt	-	62.704.476
- Tiền gửi ngân hàng	12.672.984.226	5.251.434.106
- Các khoản tương đương tiền (*)	10.410.000.000	20.410.000.000
Cộng	**23.082.984.226**	**25.724.138.582**

Ghi chú:

(*) Trong đó, khoản tiền gửi 10.410.000.000 VND là khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Khoản tiền gửi có kỳ hạn này được dùng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng (xem mục V.11 thuyết minh báo cáo tài chính này).

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a. Ngắn hạn	***20.913.010.602***	***34.804.903.300***
- Công ty Cổ phần BCG Energy	5.372.067.374	1.528.767.374
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	2.432.343.228	-
- Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	5.800.000.000	-
- Công ty Cổ phần Dầu tư và Dịch vụ Helios	4.100.000.000	-
- Công ty Cổ phần BCG Land	2.665.600.000	5.291.113.738
- Châu Ngọc Phương Thanh	-	26.730.000.000
- Các khách hàng khác	543.000.000	1.255.022.188
b. Dài hạn	-	-

c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

(Chi tiết khoản mục này được trình bày tại Thuyết minh VIII.1.c báo cáo tài chính này).

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a. Ngắn hạn	***5.843.111.360***	***5.864.684.523***
- Công ty Cổ phần Đầu tư D'SENSE ISLAND Hội An	5.000.000.000	5.000.000.000
- Các khách hàng khác	843.111.360	864.684.523
b. Dài hạn	-	-

4. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a. Ngắn hạn	***6.152.000.000***	***2.500.000.000***
- Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	-	2.500.000.000
- Công ty Cổ phần HTC Holding	6.152.000.000	-
b. Dài hạn	***594.100.000.000***	***500.000.000.000***
- Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2 (*)	247.000.000.000	247.000.000.000
- Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng (*)	253.000.000.000	253.000.000.000
- Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas (**)	62.500.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải (***)	31.600.000.000	-

Ghi chú:

(*) Đây là các khoản cho vay có thời hạn 5 năm cho các Công ty con vay đầu tư dự án, có lãi suất.

(**) Đây là khoản cho Công ty con vay thời hạn 24 tháng mục đích để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất 11%/năm.

(***) Đây là khoản cho Công ty con vay thời hạn 24 tháng mục đích để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh - cụ thể là: tham gia đầu tư dự án khai thác chế biến mỏ đá xây dựng Núi Kiết, lãi suất 10%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Giá trị gốc	*Giá trị ghi sổ*	*Dự phòng*	*Giá trị gốc*	*Giá trị ghi sổ*	*Dự phòng*
a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	***1.700.000.000***	***1.700.000.000***	-	***1.700.000.000***	***1.700.000.000***	-
a.1. Ngắn hạn	**1.700.000.000**	**1.700.000.000**	-	**1.700.000.000**	**1.700.000.000**	-
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Chiểu (1)	980.000.000	980.000.000	-	980.000.000	980.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	720.000.000	720.000.000	-	720.000.000	720.000.000	-
a.2. Dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	**1.700.000.000**	**1.700.000.000**	-	**1.700.000.000**	**1.700.000.000**	-

Ghi chú:

(1) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Chiểu. Toàn bộ khoản tiền gửi này được dùng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Chiểu (xem thuyết minh V.11).

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

		Số cuối năm			*Số đầu năm*		
		Giá trị gốc	*Dự phòng*	*Giá trị hợp lý*	*Giá trị gốc*	*Dự phòng*	*Giá trị hợp lý*
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		***9.973.145.177.738***	***(98.918.885.100)***		***10.375.930.169.706***	***(311.907.158.108)***	
b.1 Đầu tư vào công ty con		**9.860.571.501.445**	**(36.905.245.275)**		**10.241.856.493.413**	**(24.406.980.708)**	
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	(2)	1.348.987.070.067	-	(*)	1.577.712.770.000	-	(*)
+ Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	(3)	236.698.053.098	-	(*)	389.257.345.133	-	(*)
+ Công ty Cổ phần BCG Land		2.856.400.000.000	-	(*)	2.856.400.000.000	-	(*)
+ Công ty Cổ phần BCG Energy		3.698.000.000.000	-	(*)	3.698.000.000.000	-	(*)
+ Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh		384.000.000.000	-	(*)	384.000.000.000	-	(*)
+ Công ty Cổ phần BCG Financial		320.000.000.000	-	(*)	320.000.000.000	-	(*)
+ Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA		316.486.378.280	(36.905.245.275)	279.581.133.005	316.486.378.280	(24.406.980.708)	292.079.397.572
+ Công ty TNHH Phoenix Mountain		300.000.000.000	-	(*)	300.000.000.000	-	(*)
+ Công ty TNHH Một thành viên Helios Village		400.000.000.000	-	(*)	400.000.000.000	-	(*)
b.2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		**110.894.000.000**	**(62.013.639.825)**		**132.394.000.000**	**(87.500.177.400)**	
+ Công ty TNHH B.O.T ĐT830	(4)	81.700.000.000	(62.013.639.825)	19.686.360.175	103.200.000.000	(87.500.177.400)	15.699.822.600
+ Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco		29.194.000.000	-	(*)	29.194.000.000	-	(*)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Giá trị gốc	*Dự phòng*	*Giá trị hợp lý*	*Giá trị gốc*	*Dự phòng*	*Giá trị hợp lý*
b.3 Đầu tư vào các đơn vị khác	**1.679.676.293**			**1.679.676.293**		
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam	69.210.933	-	(*)	69.210.933	-	(*)
+ Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn lực & DV Dầu khí VN	99.945.360	-	(*)	99.945.360	-	(*)
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Năng lượng VN	360.000.000	-	(*)	360.000.000	-	(*)
+ Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Bình Dương	365.520.000	-	(*)	365.520.000	-	(*)
+ Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bình Dương	785.000.000	-	(*)	785.000.000	-	(*)
Cộng	**9.973.145.177.738**	**(98.918.885.100)**		**10.375.930.169.706**	**(111.907.158.148)**	

Ghi chú:

(*) Tại ngày 31/12/2022 và ngày 31/12/2023, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(2) Thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 49/2023/NQ-HĐQT-BCG ngày 05/06/2023, Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital đã thoái một phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp và Vận Tải.

(3) Thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 16/2023/NQ-HĐQT-BCG ngày 02/03/2023 và Nghị quyết 60/2023/NQ-HĐQT-BCG ngày 24/07/2023, Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital đã chấp nhận cho Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng mua lại phần vốn góp để giảm vốn chủ sở hữu.

(4) Thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 69/2023/NQ-HĐQT-BCG ngày 19/09/2023, Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital đã bán một phần giá trị đầu tư vào Công ty TNHH B.O.T ĐT 830.

6. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	*77.233.944.516*	-	*37.714.720.095*	-
- Tạm ứng	113.332.402	-	92.743.600	-
- Ký cược, ký quỹ	19.000.000	-	19.000.000	-
- Phải thu từ lãi cho vay	28.146.087.675	-	27.189.452.056	-
+ Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	*13.909.490.411*	-	*13.724.393.562*	-
+ Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	*12.022.427.400*	-	*13.398.904.110*	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	*576.767.124*	-	*66.164.384*	-
+ Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	*1.637.402.740*	-	-	-
- Phải thu từ gốc BCC	40.500.000.000	-	-	-
+ Công ty TNHH B.O.T ĐT830 (*)	*40.500.000.000*	-	-	-
Phải thu từ lãi BCC	913.301.369	-	834.931.506	-
+ Công ty TNHH B.O.T ĐT830 (*)	*913.301.369*		*834.931.506*	
- Phải thu khác	7.542.223.070	-	9.578.592.933	-
+ Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA	*2.028.816.318*	-	*4.028.816.318*	-
+ Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	*5.475.000.000*	-	*5.475.000.000*	-
+ Đối tượng khác	*38.406.752*	-	*74.776.615*	-
b. Dài hạn	*726.827.373*	-	*41.221.827.373*	-
- Phải thu khác	-	-	40.500.000.000	-
+ Công ty TNHH B.O.T ĐT830 (*)	-	-	*40.500.000.000*	-
- Ký cược, ký quỹ	726.827.373	-	721.827.373	-
Cộng	**77.960.771.889**	-	**78.936.547.468**	-

Ghi chú:

(*) Là khoản tiền chuyển cho Công ty TNHH B.O.T ĐT 830 để đầu tư Dự án nâng cấp mở rộng ĐT.830 và ĐT.824 tại Long An theo Hợp đồng hợp tác số 01/2019/HĐ-BOT830/IITDT ngày 18/12/2019 có thời hạn dự kiến là 05 năm. Tài sản đã được thế chấp cho khoản vay tại ngân hàng (xem mục V.11 thuyết minh báo cáo tài chính này). Tỷ lệ phân chia lợi nhuận căn cứ vào kết quả đầu tư thực tế nhưng không thấp hơn 11%/năm.

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng hóa	-	-	40.000.000	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	-	-	**40.000.000**	-

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	60.000.000	13.685.744.000	1.028.261.655	14.774.005.655
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	979.131.818	-	979.131.818
- Thanh lý, nhượng bán	-	979.131.318	-	979.131.818
4. Số dư cuối năm	60.000.000	12.706.612.182	1.028.261.655	13.794.873.837
II. Giá trị hao mòn luỹ kế				
1. Số dư đầu năm	60.000.000	5.696.252.060	709.837.951	6.466.090.011
2. Số tăng trong năm	-	1.652.825.355	134.438.485	1.787.263.840
- Khấu hao tăng trong năm	-	1.652.825.355	134.438.485	1.787.263.840
3. Giảm trong năm	-	421.570.643	-	421.570.643
- Thanh lý, nhượng bán	-	421.570.643	-	421.570.643
4. Số dư cuối năm	60.000.000	6.927.506.772	844.276.436	7.831.783.208
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	-	7.989.491.940	318.423.704	8.307.915.644
2. Tại ngày cuối năm	-	5.779.105.410	183.985.219	5.963.090.629

Giải thích:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay, nợ: 1.209.360.469 VND

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.551.249.655 VND

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Phần mềm máy tính	Cộng
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	**2.734.054.546**	**2.734.054.546**
2. Số tăng trong năm	-	-
- Mua trong năm	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	**2.734.054.546**	**2.734.054.546**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế		
1. Số dư đầu năm	**103.186.860**	**103.186.860**
2. Số tăng trong năm	**282.811.018**	**282.811.018**
- Khấu hao tăng trong năm	282.811.018	282.811.018
3. Giảm trong năm	-	
4. Số dư cuối năm	**385.997.878**	**385.997.878**
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	**2.630.867.686**	**2.630.867.686**
2. Tại ngày cuối năm	**2.348.056.668**	**2.348.056.668**

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a. Ngắn hạn	***168.310.422***	***512.019.336***
- Chi phí khác	168.310.422	512.019.336
b. Dài hạn	***2.934.991.618***	***2.666.774.221***
- Chi phí sửa chữa	1.442.871.415	1.554.775.365
- Chi phí công cụ, dụng cụ	312.120.203	1.111.998.856
- Chi phí bảo hiểm	1.180.000.000	-
Cộng	**3.103.302.040**	**3.178.793.557**

11. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

		Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		**52.016.794.319**	**52.016.794.319**	**50.199.014.081**	**60.930.168.622**	**41.285.639.778**	**41.285.639.778**
a.1 Vay ngắn hạn		***12.129.348.423***	***12.129.348.423***	***37.811.568.185***	***31.042.722.726***	***28.898.193.882***	***28.898.193.882***
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bà Chiểu	(1)	12.129.348.423	12.129.348.423	21.073.999.435	20.282.582.270	12.920.765.588	12.920.765.588
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam	(4)	-	-	16.737.568.750	760.140.456	15.977.428.294	15.977.428.294
a.2 Vay dài hạn đến hạn trả		***39.887.445.896***	***39.887.445.896***	***12.387.445.896***	***39.887.445.896***	***12.387.445.896***	***12.387.445.896***
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	(2)	178.350.000	178.350.000	178.350.000	178.350.000	178.350.000	178.350.000
- Ngân hàng TMCP Nam Á - CN Đà Nẵng		27.500.000.000	27.500.000.000	-	27.500.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	(3)	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	(5)	209.095.896	209.095.896	209.095.896	209.095.896	209.095.896	209.095.896
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		**578.704.480.343**	**578.704.480.343**	**699.999.996**	**81.137.445.896**	**498.267.034.443**	**498.267.034.443**
b.1 Vay dài hạn		***81.562.813.680***	***81.562.813.680***	-	***81.137.445.896***	***425.367.784***	***425.367.784***
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	(2)	237.800.000	237.800.000	-	178.350.000	59.450.000	59.450.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	(3)	12.000.000.000	12.000.000.000	-	12.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	(5)	575.013.680	575.013.680	-	209.095.896	365.917.784	365.917.784
- Ngân hàng TMCP Nam Á - CN Đà Nẵng		68.750.000.000	68.750.000.000	-	68.750.000.000	-	-
b.2 Trái phiếu thường		***497.141.666.663***	***497.141.666.663***	***699.999.996***	-	***497.841.666.659***	***497.841.666.659***
- Loại phát hành theo mệnh giá (Xem thuyết minh V.12)		500.000.000.000	500.000.000.000	-	-	500.000.000.000	500.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu		(2.858.333.337)	(2.858.333.337)	699.999.996	-	(2.158.333.341)	(2.158.333.341)

Ghi chú:

(1) Đây là khoản vay vốn lưu động tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bà Chiểu theo hợp đồng số 01/2023/76104000/HDTD ngày 5/4/2023. Mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận tải của Công ty và khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bà Chiểu (xem mục V.9). V.Qt thuyết minh báo cáo tài chính riêng này).

(2) Đây là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín theo hợp đồng tín dụng ký ngày 20/04/2020. Mục đích vay mua xe ô tô doanh nghiệp. Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận tải của công ty. Lãi suất 6 tháng đầu tiên là 10,8%/năm, từ tháng thứ 7 trở đi lãi suất sẽ được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi cá nhân 13 tháng lĩnh lãi cuối kỳ của số tiền huy động bậc thang cao nhất của Sacombank + biên độ 3%/năm và được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần.

11. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(3) Đây là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo hợp đồng vay số 60/2019/HĐTD/TTKHDNLMN2/01 ngày 23/12/2019. Hạn mức tín dụng là 60 tỷ đồng. Thời hạn vay 60 tháng. Mục đích là góp vốn hợp tác thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng ĐT 830 và ĐT 824 từ cầu An Thạnh đến thị trấn Đức Hoà tỉnh Long An theo hình thức hợp đồng BOT. Tài sản đảm bảo là dự án nâng cấp, mở rộng ĐT 830 và ĐT 824 từ cầu An Thạnh đến thị trấn Đức Hòa, Tỉnh Long An (xem mục V.06 thuyết minh báo cáo tài chính riêng này) Lãi suất 3 tháng đầu tiên là 10,4%/năm, lãi các kỳ tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần và bằng lãi suất cơ sở trung hạn 3 tháng (KHDN) của TPbank tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 4%/năm.

(4) Đây là khoản vay tại Công ty cổ phần chứng khoán ngân hàng Công Thương Việt Nam theo hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ ngày 23/11/2023. Hạn mức cho vay là 20 tỷ đồng. Thời hạn cho vay là 90 ngày kể từ ngày giải ngân khoản vay.

(5) Đây là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo hợp đồng vay số 213/2020/HDTD/GDH/01 ngày 9/9/2020 mục đích để vay mua 2 xe ô tô mục đích đi lại và chở cán bộ công nhân viên. Thời hạn vay là 72 tháng kể từ ngày 10/9/2020 đến ngày 9/9/2026. Lãi suất áp dụng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên cho đến ngày 09/09/2021 là 9,4%/năm, Lãi các kỳ tiếp theo sẽ được điều chỉnh 3 tháng 1 lần bằng lãi suất cơ sở 3 tháng VND của TPbank tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 4,6%/năm.

12. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

		Số đầu năm			*Số cuối năm*		
		Giá trị	*Lãi suất*	*Kỳ hạn*	*Giá trị*	*Lãi suất*	*Kỳ hạn*
- Loại phát hành theo mệnh giá	(1)	500.000.000.000	11,5%	5 năm	500.000.000.000	13,4%	5 năm
Cộng		**500.000.000.000**			**500.000.000.000**		

(1) Trái phiếu chào bán ra công chúng và đã được niêm yết tại HNX với Mã trái phiếu là BCG122006. Mệnh giá: 100.000 đồng/Trái phiếu. Kỳ hạn trái phiếu: 5 năm. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, và không có đảm bảo. Trái phiếu có lãi suất kết hợp lãi suất cố định và lãi suất thả nổi được xác định như sau :2 kỳ tính lãi đầu tiên là 11,5%/năm. Các kỳ tính lãi tiếp theo sau 2 kỳ tính lãi đầu tiên là lãi suất thả nổi được xác định theo công thức như sau: Lãi suất = lãi suất tham chiếu tại kỳ tính lãi đó + biên độ 6%/năm.

13. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	*19.229.406.817*	*19.229.406.817*	*52.201.237.994*	*52.201.237.994*
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	14.072.766.945	14.072.766.945	43.717.375.207	43.717.375.207
- Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting (Tên cũ: Công ty Cổ phần Indoba Trading)	2.621.757.602	2.621.757.602	2.477.817.602	2.477.817.602
- Các khách hàng khác	2.534.882.270	2.534.882.270	6.006.045.185	6.006.045.185
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	**19.229.406.817**	**19.229.406.817**	**52.201.237.994**	**52.201.237.994**

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỘP CHO NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Phải nộp trong năm	Đã nộp trong năm	Số cuối năm
a. Phải nộp	*294.834.903*	*6.772.680.586*	*6.690.042.870*	*377.473.619*
Thuế giá trị gia tăng	-	2.980.530.681	2.954.958.337	25.572.344
Thuế thu nhập cá nhân	294.834.903	3.759.987.905	3.702.921.733	351.901.075
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	28.162.000	28.162.000	-
Thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-

	Số đầu năm	Phát sinh giảm trong năm	Phát sinh tăng trong năm	Số cuối năm
b. Phải thu	*1.063.777*	-	-	*1.063.777*
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.063.777	-	-	1.063.777

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	*34.592.945.115*	*32.309.682.851*
- Trích trước chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	28.001.119.674	27.267.857.410
- Trích trước lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh	5.041.825.441	5.041.825.441
- Các khoản khác	1.550.000.000	-
b. Dài hạn	-	-
Cộng	**34.592.945.115**	**32.309.682.851**

16. PHẢI TRẢ KHÁC

		Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn		*2.232.720.193.960*	*16.856.401.449*
- KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN		236.472.640	145.894.800
- Phải trả khác		2.232.483.721.320	16.710.506.649
+ Công ty TNHH Kinh Doanh Dịch vụ BĐS Thăng Long	*(1)*	*378.000.000.000*	-
+ Công ty Cổ phần BCG Financial	*(2)*	*282.500.000.000*	-
+ Công ty Cổ phần Tư Vấn Thiết kế xây dựng Tầm Nhìn Mới	*(3)*	*1.425.000.000.000*	-
+ Nguyễn Thị Minh Thương	*(4)*	*100.075.000.000*	-
+ Trần Thuỳ Dung	*(5)*	*30.920.300.000*	-
+ Các đối tượng khác		*15.988.421.320*	*16.710.506.649*
b. Dài hạn		*1.563.052.000.000*	*3.973.460.000.000*
- Phải trả gốc từ BCC		1.563.052.000.000	3.452.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Chi Thảo	*(6)*	*520.000.000.000*	*750.000.000.000*
+ Công ty TNHH Kinh Doanh Dịch vụ BĐS Thăng Long		-	*378.000.000.000*
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	*(7)*	*104.000.000.000*	*104.000.000.000*
+ Công ty Cổ phần Tư Vấn Thiết kế xây dựng Tầm Nhìn Mới		-	*1.425.000.000.000*
+ Công ty Cổ phần BCG Land	*(8)*	*420.000.000.000*	*400.000.000.000*
+ Công ty Cổ phần Artemis Investment	*(9)*	*279.500.000.000*	-
+ Công ty Cổ phần Artemis Investment	*(10)*	*239.552.000.000*	*395.000.000.000*
- Phải trả khác		-	*521.460.000.000*
+ Nguyễn Thị Minh Thương		-	*100.275.000.000*
+ Trần Thùy Dung		-	*33.685.000.000*
+ Đặng Đình Quyết		-	*105.000.000.000*
+ Công ty Cổ phần BCG Financial		-	*282.500.000.000*

Ghi chú:

(1) Là khoản phải trả của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 07/2021/HĐHTKD-BCG-BDSTL ngày 10/03/2021 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital và Công ty TNHH Kinh Doanh Dịch vụ BĐS Thăng Long. Mục đích góp vốn đầu tư vào dự án bất động sản thuộc sở hữu hoặc phát triển bởi Công ty Cổ Phần BCG Khu công nghiệp Cái Trình. Căn cứ các biên bản làm việc trong năm 2022 thì các bên thống nhất không tiếp tục thực hiện hợp đồng, thời hạn hoàn trả toàn bộ dư nợ gốc tối đa 18 tháng kể từ ngày 16/12/2022.

(2) Là khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 1509/2021/HĐHTKD/BCG-BCGF ngày 15/09/2021 giữa Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital và Công ty Cổ phần BCG Financial. Mục đích để cùng hợp tác vào Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA. Căn cứ các biên bản làm việc trong năm 2022 thì các bên thống nhất không tiếp tục thực hiện hợp đồng, thời hạn hoàn trả toàn bộ dư nợ gốc tối đa 18 tháng kể từ ngày 31/12/2022.

(3) Là khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HTKD/BCG-TNM ngày 20/04/2022 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital và Công ty Cổ phần Tư Vấn Thiết Kế Xây Dựng Tầm Nhìn Mới về việc tìm dự án năng lượng điện mặt trời và điện gió, dự án bất động sản tiềm năng trên địa bàn Việt Nam. Căn cứ các biên bản làm việc trong năm 2022 thì các bên thống nhất không tiếp tục thực hiện hợp đồng, thời hạn hoàn trả toàn bộ dư nợ gốc tối đa 18 tháng kể từ ngày 30/12/2022.

(4) Đây là khoản phải trả theo Hợp đồng mượn tiền số 04/2022/HĐMT-BCG-NTMT ngày 14/04/2022 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital và Nguyễn Thị Minh Thương.

(5) Đây là khoản phải trả theo Hợp đồng mượn tiền số 05/2022/HĐMT-BCG-TTD ngày 21/09/2022 giữa Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital và Trần Thuỳ Dung.

16. PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP THEO)

(6) Đây là khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 25.04/2022/HĐ-HTĐT ngày 25/04/2022 và các Phụ lục hợp đồng giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital và Công ty Cổ phần Dịch vụ Chi Thủy. Mục đích đầu tư vào Dự án Khu dân cư Tổ 5, Phường Nghĩa Phú, tại Phường Nghĩa Phú, Thành phố Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông do Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital làm chủ đầu tư. Thời gian thực hiện 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lợi nhuận cam kết 10,03%/năm trên số tiền hợp tác từ ngày ký hợp đồng đến ngày 30/06/2022, lợi nhuận phân chia dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn hợp tác.

(7) Đây là khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2510/HTĐT-GK-BCG ngày 25/10/2021 giữa Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang về việc đầu tư vào Dự án Điểm du lịch số 2A do Công ty TNHH Phoenix Mountain làm chủ đầu tư. Thời gian hợp tác là 04 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Lợi nhuận phân chia dựa vào kết quả hoạt động kinh doanh của dự án tại thời điểm phân chia lợi nhuận, sau khi kết thúc dự án hai bên sẽ thống nhất tỷ lệ phân chia lợi nhuận bằng văn bản dựa theo tình hình kết quả hoạt động của dự án.

(8) Đây là khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 1805/2022/HĐ-HTĐT-BCG-HL ngày 18/05/2022 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital và Công ty Cổ phần BCG Land về việc đầu tư vào Dự án Khu dân cư Tổ 5, Phường Nghĩa Phú, tại Phường Nghĩa Phú, Thành phố Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông do Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital làm chủ đầu tư. Thời gian thực hiện 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lợi nhuận được tính theo: (1) phân chia bằng tiền mặt: lợi nhuận sẽ được chia theo tỷ lệ góp vốn trong tổng mức đầu tư sau khi dự án đưa vào vận hành thực tế; (2) phân chia bằng sản phẩm dự án: sau khi dự án hoàn tất xây dựng, có Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng và quyết toán thì các bên sẽ tiến hành phân chia sản phẩm theo tỷ lệ góp vốn của các bên.

(9) Đây là khoản nhận được theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 04/2023/HTKD-BCG-ART ngày 20/10/2023 giữa Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital và Công ty Cổ phần Artemis Investment về việc đầu tư vào Dự án Khu dân cư Tổ 5, Phường Nghĩa Phú, tại Phường Nghĩa Phú, Thành phố Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông do Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital làm chủ đầu tư. Thời gian hợp tác là 04 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Dựa vào kết quả đầu tư kinh doanh vào các dự án, các bên phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế của dự án, việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.

(10) Đây là khoản nhận được theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0512/HTKD/BCG-ART ngày 05/12/2022 và các phụ lục hợp đồng giữa Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital và Công ty Cổ phần Artemis Investment về việc hợp tác đầu tư các dự án năng lượng điện mặt trời và điện gió. Thời gian hợp tác là 03 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Lợi nhuận phân chia dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn hợp tác trên tổng mức đầu tư của dự án, việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Số dư tại ngày 01/01/2022
- Tăng vốn trong năm
- Lợi nhuận tăng trong năm
- Chi phí phát sinh khi phát hành cổ phiếu trong năm
- Chia cổ tức
Trong đó:
Bằng tiền mặt
Bằng cổ phiếu
- Phát hành ESOP
Số dư tại ngày 31/12/2022
Số dư tại ngày 01/01/2023
- Lợi nhuận tăng trong năm
Số dư tại ngày 31/12/2023

Vốn góp của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
2.975.371.740.000	(233.904.000)	139.064.087.871	3.114.202.823.871
2.057.682.630.000	867.536.526.000	-	2.925.219.156.000
-	-	435.203.531.237	435.203.531.237
-	(377.100.000)	-	(377.100.000)
251.621.850.000	-	(503.274.568.500)	(251.652.718.500)
-	-	*(251.652.718.500)*	*(251.652.718.500)*
251.621.850.000	-	*(251.621.850.000)*	-
50.000.000.000	-	(50.000.000.000)	-
5.334.676.220.000	866.926.422.000	20.993.050.608	6.222.595.692.608
5.334.676.220.000	866.926.422.000	20.993.050.608	6.222.595.692.608
-	-	882.176.263	882.176.263
5.334.676.220.000	866.926.422.000	21.875.226.871	6.223.477.868.871

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Tổ chức, cá nhân khác	5.334.676.220.000	5.334.676.220.000
Cộng	**5.334.676.220.000**	**5.334.676.220.000**

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	*Năm trước*
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	5.334.676.220.000	2.975.371.740.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	2.359.304.480.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	5.334.676.220.000	5.334.676.220.000
- Cổ tức lợi nhuận được chia	-	*503.274.568.500*

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	533.467.622	533.467.622
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	533.467.622	533.467.622
+ Cổ phiếu phổ thông	*533.467.622*	*533.467.622*
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	533.467.622	533.467.622
+ Cổ phiếu phổ thông	*533.467.622*	*533.467.622*

** Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu*

e. Cổ tức

	Năm nay	*Năm trước*
- Cổ tức đã công bố:	-	*503.274.568.500*
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	-	*503.274.568.500*
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngoại tệ các loại		
- USD	870,22	896,62

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Đơn vị tính: VND

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	*Năm trước*
a. Tổng doanh thu	***83.529.663.440***	***44.600.669.138***
- Doanh thu bán hàng	-	6.113.951.250
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	83.529.663.440	38.486.717.888

b. Doanh thu đối với các bên liên quan

(Chi tiết khoản mục này được trình bày tại Thuyết minh VIII.1.b báo cáo tài chính này).

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	*Năm trước*
- Giá vốn hàng hóa đã bán	-	5.835.259.250
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	12.231.841.121	10.104.381.225
Cộng	**12.231.841.121**	**15.939.640.475**

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	*Năm trước*
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	77.753.910.875	48.826.207.093
- Lãi phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư	4.455.000.001	5.756.917.806
- Lãi do bán các khoản đầu tư	62.431.250	77.469.663.804
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	663.500.000	455.022.816.318
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	261.214.771
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	879.250	518.412
- Các khoản khác	23.450	-
Cộng	**82.935.744.826**	**587.337.338.204**

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	*Năm trước*
- Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	75.442.091.543	81.907.222.061
- Chi phí phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư	-	5.041.825.441
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	36.129.002.168	14.648.944.867
- Dự phòng đầu tư tài chính	(12.988.273.008)	26.801.006.153
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	154.838.000
- Chi phí tài chính khác	699.999.996	641.666.663
Cộng	**99.282.820.699**	**129.195.503.185**

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	*Năm trước*
a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	-	-
b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	*53.425.297.096*	*51.591.832.445*
- Chi phí nhân viên quản lý	21.462.016.322	21.474.175.932
- Chi phí vật liệu quản lý	1.629.569.849	1.654.091.372
- Chi phí đồ dùng văn phòng	419.744.559	414.120.328
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.070.074.858	2.034.676.797
- Thuế, phí và lệ phí	16.633.387	27.499.312
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.708.001.872	23.878.958.775
- Chi phí bằng tiền khác	3.119.256.249	2.108.309.929

6. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	*Năm trước*
- Phạt vi phạm hành chính	-	7.500.000
- Lỗ thanh lý tài sản	561.175	
- Các khoản khác	614.549.912	
Cộng	**615.111.087**	**7.500.000**

7. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	*Năm trước*
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.629.569.849	1.654.091.372
- Chi phí nhân công	31.091.058.665	28.574.695.081
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.070.074.858	2.034.676.797
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.317.560.056	26.882.820.851
- Chi phí bằng tiền khác	3.555.634.195	2.549.929.569
Cộng	**65.663.897.623**	**61.696.213.670**

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	*Năm trước*
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**910.338.263**	**435.209.531.237**
- Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán trước thuế để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	719.849.916	(450.2[illegible]766.663)
+ Các khoản điều chỉnh tăng	*1.383.349.916*	*712.233.337*
+ Các khoản điều chỉnh giảm	*(663.500.000)*	*(450.994.000.000)*
- Tổng thu nhập chịu thuế	**1.630.188.179**	**(15.078.235.426)**
+ Lỗ từ các năm trước chuyển sang	*(1.630.188.179)*	-
- Tổng thu nhập tính thuế	-	**(15.078.235.426)**
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	**28.162.000**	-
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung của các năm trước	*28.162.000*	-

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

1. Các giao dịch phi tiền tệ ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm nay	*Năm trước*
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành ESOP từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối	-	301.621.850.000

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có thế chấp 10.410.000.000 đồng tại khoản mục tương đương tiền (xem mục V.01 phần thuyết minh báo cáo tài chính riêng này) để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng.

3. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm nay	*Năm trước*
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	50.199.014.081	82.236.416.876
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	-	500.000.000.000
Cộng	**50.199.014.081**	**582.236.416.876**

4. Số tiền đã trả thực gốc vay trong năm

	Năm nay	*Năm trước*
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	142.067.614.518	604.984.022.195
Cộng	**142.067.614.518**	**604.984.022.195**

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Các bên liên quan

Tên đơn vị	*Mối quan hệ*	
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	Công ty con	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Công ty con	
Công ty Cổ phần BCG Land	Công ty con	
Công ty Cổ phần BCG Energy	Công ty con	
Công ty CP BCG Khu công nghiệp Cát Trinh	Công ty con	
Công ty Cổ phần BCG Financial	Công ty con	
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA	Công ty con	
Công ty TNHH Phoenix Mountain	Công ty con	
Công ty TNHH MTV Helios Village	Công ty con	
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Công ty con gián tiếp	
Công ty TNHH Liên doanh Khai thác và Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần Thành Phúc	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần Thương Mại Vxperia	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thanh Hóa	Công ty con gián tiếp	
Công ty CP Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần Autrai Wind Energy	Công ty con gián tiếp	
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	Công ty con gián tiếp	
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	Công ty con gián tiếp	
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần Skylar	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần Greensky Infinitive	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần Casper Solar	Công ty con gián tiếp	(Đã thoái vốn từ ngày 20/12/2023)
Công ty Cổ phần Cosmos Solar	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần Herb Solar	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần Orchid Solar	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần Violet Solar	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần Tapiotek	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần BCG GAIA	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần Nước Sạch Life Purity	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Bàng Dương	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bàng Dương	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần TCD Plus	Công ty con gián tiếp	

a. Các bên liên quan (Tiếp theo)

Tên đơn vị	*Mối quan hệ*	
Công ty Taxi Việt Nam	Công ty con gián tiếp	(Công ty con từ ngày 10/01/2023)
Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Cồn Bắp	Công ty con gián tiếp	(Công ty con từ ngày 30/03/2023)
Công ty TNHH Tracodi E&C	Công ty con gián tiếp	(Công ty con từ ngày 11/05/2023)
Công ty CP Phát triển Điện Gia Huy	Công ty con gián tiếp	(Công ty con từ 30/11/2023)
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	Công ty con gián tiếp	(Đã thoái vốn từ ngày 12/06/2023)
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	Công ty con gián tiếp	(Đã thoái vốn từ ngày 12/06/2023)
Công ty Cổ phần E power 1	Công ty con gián tiếp	(Đã thoái vốn từ ngày 26/08/2023)
Công ty TNHH Cơ điện Skylar5	Công ty con gián tiếp	(Đã thoái vốn từ ngày 01/04/2023)
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	Công ty liên kết	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	Công ty liên kết	
Công ty TNHH Skylight Power	Công ty liên kết gián tiếp	
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	Công ty liên kết gián tiếp	
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	Công ty liên kết gián tiếp	
Công ty CP Đầu tư TMDV Gia Khang	Công ty liên kết gián tiếp	
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Sơn Long	Công ty liên kết gián tiếp	
Công ty Cổ phần Bất Động Sản An Giang	Công ty liên kết gián tiếp	(Công ty liên kết từ 20/12/2023)
Công ty CP Khai thác Khoáng sản Bắc Hà	Công ty liên kết gián tiếp	(Đã thoái vốn từ ngày 25/12/2023)
Công ty Cổ phần 3K Plus Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp	(Đã thoái vốn từ ngày 22/12/2023)
Công ty TNHH King Crown Riverside Residence	Công ty liên kết gián tiếp	(Đã thoái vốn từ ngày 28/12/2023)
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và người công bố thông tin	Ban điều hành và các cá nhân có liên quan	

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Tên đơn vị	*Giao dịch*	*Năm nay*
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	Cung cấp dịch vụ	2.880.000.000
	Góp cổ phần	132.000.000.000
	Trả tiền vay	2.500.000.000
	Lãi vay	8.716.438
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Cung cấp dịch vụ	5.760.000.000
	Cho vay	31.600.000.000
	Lãi vay	576.767.124
Công ty Cổ phần BCG Energy	Cung cấp dịch vụ	11.965.000.000
Công ty TNHH B.O.T ĐT830	Lãi hợp tác	4.455.000.001
Công ty Cổ phần BCG Land	Hợp tác kinh doanh	20.000.000.000
	Cung cấp dịch vụ	8.640.000.000
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	Cung cấp dịch vụ	300.000.000
Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA	Cung cấp dịch vụ	7.684.663.440
	Mua dịch vụ Bảo hiểm	1.542.100.329
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Lãi cho vay	37.595.106.849
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	Lãi cho vay	36.703.523.290
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	Dịch vụ thuê văn phòng	8.279.830.025
	Chuyển nhượng phần vốn góp	21.500.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Dịch vụ Khách sạn	11.017.593
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Cho vay	8.000.000.000
	Lãi cho vay	1.637.402.740
	Cung cấp dịch vụ	8.000.000.000
Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	Cung cấp dịch vụ	300.000.000

c. Thu nhập Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và người quản lý khác trong năm

Họ tên	*Chức danh*	*Năm nay*	*Năm trước*
Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch HĐQT	624.000.000	780.000.000
Phạm Nguyễn Thiên Chương	Thành viên HĐQT	130.000.000	390.000.000
Nguyễn Tùng Lâm	Thành viên HĐQT	832.000.000	640.000.000
Tan Bo Quan, Andy	Thành viên HĐQT	479.640.000	35.500.000
Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên HĐQT	43.541.667	-
Vũ Xuân Chiến	Thành viên HĐQT	130.625.000	-
Đặng Đình Tuấn	Thành viên HĐQT	60.000.000	-
Nguyễn Thế Tài	Tổng Giám đốc	572.000.000	715.000.000
Nguyễn Thanh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	195.000.000	195.000.000
Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	165.100.000	390.000.000
Hoàng Thị Minh Châu	Phó Tổng Giám đốc	120.000.000	650.000.000
Phạm Hữu Quốc	Kế toán trưởng	1.252.000.000	600.000.000
Đinh Hoài Châu	Trưởng ban kiểm soát	-	160.000.000
Đồng Hải Hà	Trưởng ban kiểm soát chỉ từ tháng 5/2023	90.000.000	-
Nguyễn Viết Cương	Thành viên ban kiểm soát	165.750.000	195.000.000
Kou Kou Yiow	Thành viên ban kiểm soát	36.000.000	
Cộng		**4.859.656.667**	**4.750.500.000**

d. Số dư cuối năm với các bên có liên quan

Tên đơn vị	*Mã số trên CĐKT*	*Số tiền*
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA	136	2.028.816.318
Công ty TNHH B.O.T ĐT830	136	913.301.369
	136	40.500.000.000
Công ty Cổ phần BCG Financial	319	282.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	337	104.000.000.000
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	136	19.384.490.411
	215	253.000.000.000
Công ty Cổ phần BCG Energy	131	5.372.067.374
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	131	2.432.343.288
	215	31.600.000.000
	136	576.767.123
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	131	516.000.000.000
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	136	12.022.427.400
	215	247.000.000.000
Công ty Cổ phần BCG Land	131	2.665.600.000
	337	420.000.000.000
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	215	62.500.000.000
	136	1.637.402.740
	131	5.800.000.000
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	131	27.000.000
Công ty Taxi Việt Nam (Vina Taxi)	311	2.125.300
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	131	4.100.000.000
	311	14.072.766.945

2. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty thực hiện chủ yếu là hoạt động cung cấp dịch vụ chỉ trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý cũng như lĩnh vực kinh doanh

3. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh (số liệu năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022) của một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital quyết định điều chỉnh do ảnh hưởng việc thay đổi chính sách kế toán về phân bổ chi phí kinh doanh bảo hiểm trực tiếp tại Công ty con - Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA - cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu 31/12/2022 (trước điều chỉnh)	Số liệu 31/12/2022 (sau điều chỉnh)	Chênh lệch
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG				
TÀI SẢN				
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(127.593.560.048)	(111.907.158.108)	15.691.401.940
NGUỒN VỐN				
LNST chưa phân phối kỳ này	421b	419.512.129.297	435.203.531.237	15.691.401.940

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2022 (trước điều chỉnh)	Năm 2022 (sau điều chỉnh)	Chênh lệch
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG				
Chi phí tài chính	22	144.886.905.125	160.578.307.065	15.691.401.940
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	419.512.129.297	435.203.531.237	15.691.401.940
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	419.512.129.297	435.203.531.237	15.691.401.940

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2022 (trước điều chỉnh)	Năm 2022 (sau điều chỉnh)	Chênh lệch
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG				
Các khoản dự phòng	03	42.492.408.093	26.801.006.153	(15.691.401.940)

Ghi chú:

Chênh lệch là do Công ty con - Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA - đã tự nguyện thay đổi chính sách kế toán theo phương pháp hồi tố đối với việc phân bổ chi phí kinh doanh bảo hiểm trực tiếp nhằm cung cấp thông tin tin cậy và thích hợp hơn về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Những điều chỉnh trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế trong năm tài chính 2022 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA có sự thay đổi. Theo đó, ảnh hưởng tương ứng đến báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital.

Số liệu so sánh (còn lại) là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phó Chủ tịch HĐQT
Huỳnh Minh Trường	Phạm Hữu Quốc	Phạm Minh Tuấn

BẢN SAO

14

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASC)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh - Tel: 028.38205944 - Fax: 028.38205942

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	03 - 05
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	06 - 08
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	09 - 12
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	13
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	14 - 15
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	16 - 85

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (gọi tắt là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311315789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/11/2011 và thay đổi lần thứ 27 ngày 07/10/2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:	5.334.676.220.000 VND
Vốn góp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:	5.334.676.220.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty hiện được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán "BCG".

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối quy định tại Thông tư 34/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013) Bán buôn thực phẩm, chi tiết: Bán buôn sữa, các sản phẩm từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, cà phê, cacao (trừ không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối quy định tại Thông tư 34/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013) (không hoạt động tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản (trừ: không thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng), quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Cho thuê ô tô. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, mi mạ điện tại trụ sở). Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Xây dựng nhà các loại. Xây dựng công trình công ích. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chuẩn bị mặt bằng. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Hoàn thiện công trình xây dựng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ. Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Sản xuất đồ gỗ xây dựng. Khai thác quặng sắt. Khai thác quặng uranium và quặng thorium. Cung cấp các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ và thực hiện các hoạt động đầu tư.

4. Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2023 của Tập đoàn được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

5. Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 02/2024/NQ-HĐQT-BCGE ngày 31 tháng 1 năm 2024, Tập đoàn đã ký kết hợp đồng nguyên tắc ngày 31 tháng 1 năm 2024 để sở hữu 45% cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa, một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0304374871 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 22 tháng 5 năm 2006. Theo đó, Tập đoàn sẽ thực hiện phát triển thêm Nhà máy đốt rác phát điện Tâm Sinh Nghĩa tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Tây Bắc - huyện Củ Chi, Nhà máy đốt rác Tâm Sinh Nghĩa - Long An, Xã Tân Đông, huyện Thạnh Hóa, Tỉnh Long An, Nhà máy xử lý rác Thành phố Rạch Giá - Kiên Giang tại Xã Mỹ Lâm, Huyện Hòn Đất, Tỉnh Kiên Giang, Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt Thủy Phương tại Xã Thủy Phương, Huyện Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế và Nhà máy xử lý rác thải tại Xã Duy Minh, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam từ việc mua cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa nói trên.

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất này.

6. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và Đại diện pháp luật

Hội đồng Quản trị

Ông	Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch HĐQT
Ông	Nguyễn Thế Tài	Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám Đốc
Ông	Phạm Minh Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám Đốc
Ông	Nguyễn Thanh Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám Đốc
Ông	Tan Bo Quan, Andy	Thành viên HĐQT
Ông	Nguyễn Tùng Lâm	Thành viên HĐQT
Ông	Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên HĐQT độc lập
Ông	Phạm Nguyễn Thiên Chương	Thành viên HĐQT độc lập
Ông	Vũ Xuân Chiến	Thành viên HĐQT độc lập (bổ nhiệm ngày 28/04/2023)
Ông	Đặng Đình Tuấn	Thành viên HĐQT độc lập (bổ nhiệm ngày 28/04/2023)
Ông	Bùi Thành Lâm	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 28/04/2023)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Nguyễn Thế Tài	Tổng Giám đốc
Ông	Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Thanh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Lưu Xuân Thủy	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 26/04/2023) & (miễn nhiệm ngày 24/11/2023)
Bà	Hoàng Thị Minh Châu	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/04/2023)
Ông	Phạm Hữu Quốc	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Ông	Đồng Hải Hà	Trưởng ban
Ông	Nguyễn Việt Cường	Thành viên
Ông	Kou Kok Yiow	Thành viên

Đại diện pháp luật

Ông	Nguyễn Hồ Nam
Ông	Nguyễn Thế Tài

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và thành viên Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị với Báo cáo tài chính hợp nhất

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Hội đồng Quản trị của Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Tập đoàn tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất này;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị của Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị của Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

9. Cam kết khác

Hội đồng Quản trị cam kết rằng Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2024

TM. Hội đồng Quản trị

Phó Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

Phạm Minh Tuấn

(Theo Giấy ủy quyền số 03/2023/UQ-BCG ngày 01/03/2023)

No. 415 /BCKT/TC/2024/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital được lập ngày 29 tháng 03 năm 2024 từ trang 09 đến trang 85, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo các tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3820 5944 - (028) 3820 5947 - Fax: (028) 3820 5942
Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc, tại Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land - do đơn vị kiểm toán khác phát hành ngày 28 tháng 03 năm 2024 có đoạn vấn đề cần nhấn mạnh: "Liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh có tổng giá trị là 2.550 tỷ đồng với ba công ty đối tác để đầu tư vào dự án Kinh Dương Vương ("Dự án"). Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Cổ phần BCG Land, các đối tác hợp tác kinh doanh và chủ đầu tư Dự án đang làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để gia hạn chủ trương đầu tư và hoàn tất các thủ tục pháp lý để tiếp tục phát triển Dự án. Do đó, khả năng thu hồi các khoản đầu tư này tùy thuộc vào khả năng phát triển của Dự án trong tương lai". Nội dung này được trình bày ở Ghi chú (12) của Thuyết minh V.06 báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm và không làm ảnh hưởng đến kết luận của báo cáo này.

Chúng tôi cũng muốn lưu ý người đọc tại Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Energy - do đơn vị kiểm toán khác phát hành ngày 29 tháng 02 năm 2024 có đoạn vấn đề cần nhấn mạnh:

(i) Như trình bày tại Thuyết minh V.02 báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty con của Tập đoàn đã ghi nhận khoản phải thu khách hàng ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 54.407.098.920 đồng liên quan đến doanh thu của sản lượng điện bán cho Công ty Mua Bán Điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN") được sản xuất từ phần công suất 83,10 MWp của dự án Điện mặt trời Phù Mỹ 1 Giai đoạn 2 và 31,10 MWp của dự án Điện mặt trời Phù Mỹ 3 Giai đoạn 2 được ước tính theo đơn giá trần quy định tại Quyết định số 21/QĐ-BTC ngày 07/01/2023. Đơn giá này được ước tính là hợp lý nhất dựa trên các thông tin hiện có của Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Công ty vẫn đang trong quá trình đàm phán và thống nhất với EVN về giá bán điện chính thức tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này.

(ii) Như trình bày tại Thuyết minh V.05; Ghi chú (i) và Ghi chú (15) của Thuyết minh V.06 của báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm liên quan đến khoản phải thu về cho vay ngắn hạn với Công ty Cổ phần E Power I trị giá 107.234.483.975 đồng và khoản phải thu từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") có giá trị vốn góp và lãi từ vốn góp lần lượt là 3.417.494.000.000 đồng và 256.396.933.083 đồng giữa Công ty và các đối tác để thực hiện đầu tư phát triển các dự án điện gió, điện mặt trời. Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty, các đối tác BCC và chủ đầu tư các dự án điện gió, điện mặt trời đang làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm hoàn tất các thủ tục pháp lý để tiếp tục phát triển các dự án điện gió, điện mặt trời nêu trên. Do đó, khả năng thu hồi khoản phải thu về cho vay ngắn hạn và các khoản BCC bao gồm vốn góp và lãi này tùy thuộc vào tính khả thi và khả năng phát triển của các dự án điện gió, điện mặt trời trong tương lai.

(iii) Như trình bày tại Ghi chú của Thuyết minh V.19 của báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, ngày 25/12/2023 Thanh tra Chính phủ đã ban hành Thông báo số 3116/TB-TTCP kết luận thanh tra về việc chấp hành chính sách, pháp luật trong quản lý, thực hiện quy hoạch và đầu tư xây dựng các công trình điện theo Quy hoạch điện VII và Quy hoạch điện VII điều chỉnh kèm theo phụ lục số 01 về thông báo kết luận thanh tra tại Tỉnh Long An, trong đó có đề cập đến các dự án điện mặt trời của hai Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương và Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề cần nhấn mạnh (Tiếp theo)

Chúng tôi lưu ý đến mục VIII.7 của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, trong đó có đề cập đến việc số liệu so sánh (số liệu năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022) của một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital quyết định điều chỉnh do ảnh hưởng việc thay đổi chính sách kế toán về phân bổ chi phí kinh doanh bảo hiểm trực tiếp tại Công ty con - Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA. Ý kiến của chúng tôi không bị thay đổi do ảnh hưởng của vấn đề cần nhấn mạnh này.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2024

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam
Phó Tổng Giám đốc

Lê Văn Tuấn
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề Kiểm toán số: 0479-2023-142-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Vũ
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề Kiểm toán số: 0699-2023-142-1

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực 07.0 quyển số 04 SCT/BS
Ngày 11-04-2024

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG TRẦN THỊ THU HẰNG
CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Thị Thu Hằng

Mẫu số B 01 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**19.478.597.669.890**	**17.783.998.782.736**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	V.01	**756.859.464.983**	**629.496.375.653**
1. Tiền	111		480.303.912.175	540.796.375.653
2. Các khoản tương đương tiền	112		276.555.552.808	88.700.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	V.04	**541.418.592.264**	**510.594.134.175**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		5.012.781.949	43.541.748.890
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		536.405.810.315	467.052.385.286
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**13.941.466.941.737**	**13.461.025.497.[illegible]**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	1.098.565.555.782	805.844.968.489
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	4.259.308.576.569	4.156.530.289.[illegible]
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	587.623.443.975	178.769.483.[illegible]
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	8.039.667.063.457	8.417.728.411.[illegible]
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.07	(43.788.575.674)	(97.936.214.[illegible]
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		90.877.628	88.557.651
IV. Hàng tồn kho	**140**	V.08	**3.775.256.086.691**	**2.754.762.193.315**
1. Hàng tồn kho	141		3.811.685.047.364	2.793.060.545.800
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(36.428.960.673)	(38.298.352.485)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**463.596.584.215**	**428.120.082.305**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13	283.441.392.588	82.2[illegible]69.025
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		173.565.426.157	342.3[illegible]66.568
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.16	6.589.765.470	3.547.546.712

Mẫu số B 01 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**22.530.737.452.373**	**26.058.698.158.301**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**8.128.982.721.257**	**11.036.158.545.330**
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.03	-	56.400.000.000
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.05	10.698.022.927	50.000.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.06	8.118.284.698.330	10.929.758.545.330
II. Tài sản cố định	**220**		**9.604.768.756.873**	**8.112.831.678.532**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	9.173.465.133.196	7.706.358.008.785
- Nguyên giá	*222*		*10.935.307.193.271*	*8.899.057.038.021*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(1.761.842.060.075)*	*(1.192.699.029.236)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	23.690.883.955	11.043.524.438
- Nguyên giá	*225*		*31.617.115.020*	*17.888.753.803*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*226*		*(7.926.231.065)*	*(6.845.229.365)*
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	407.612.759.722	395.430.145.309
- Nguyên giá	*228*		*468.651.373.837*	*446.657.218.165*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(61.038.654.115)*	*(51.227.072.856)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**	V.09	**1.609.462.496.210**	**2.617.616.475.893**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	41.300.000.000
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.609.462.496.210	2.576.316.475.893
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	V.04	**2.666.265.777.922**	**3.694.275.964.370**
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2.264.659.695.553	3.452.319.693.819
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		387.879.156.293	126.119.156.293
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.259.783.513)	(1.144.885.742)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		16.986.709.589	116.980.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**521.257.700.111**	**597.817.494.176**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	172.450.221.088	210.679.868.799
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		150.092.226.045	140.781.838.981
5. Lợi thế thương mại	269		198.715.252.978	246.355.786.396
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**42.009.335.122.263**	**43.842.696.941.037**

Mẫu số B 01 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**24.541.590.941.015**	**30.017.466.099.075**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**12.090.231.559.815**	**11.380.169.032.120**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	1.823.813.876.939	1.981.773.747.641
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	3.207.551.986.728	3.259.131.147.761
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	251.395.640.294	265.277.761.505
4. Phải trả người lao động	314		29.183.778.159	32.150.747.905
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	489.905.768.696	542.831.418.466
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		11.588.951.901	10.127.380.682
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	2.678.959.630.975	1.916.981.921.631
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	3.149.435.193.643	3.035.520.410.297
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19	439.871.998.269	330.545.000.866
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.524.734.211	5.829.495.371
II. Nợ dài hạn	**330**		**12.451.359.381.200**	**18.637.297.066.955**
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.14	105.627.982.231	191.037.276.046
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		13.640.642	18.454.994
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	2.962.815.808.780	6.547.555.089.529
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	9.014.925.610.537	11.687.767.651.941
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		365.692.903.941	209.194.188.469
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.19	2.283.435.069	1.724.405.975

Mẫu số B 01 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**17.467.744.181.248**	**13.825.230.841.963**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	V.21	**17.467.744.181.248**	**13.825.230.841.963**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		5.334.676.220.000	5.334.676.220.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*5.334.676.220.000*	*5.334.676.220.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		866.926.422.000	866.926.422.000
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		210.705.510.000	21.404.860.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.908.796.261	3.908.796.261
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		464.287.634	464.287.634
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		430.511.107.232	447.770.834.940
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*251.162.936.302*	*17.252.315.440*
- LNST chưa phân phối năm nay	*421b*		*179.348.170.931*	*430.518.519.500*
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		10.620.551.838.121	7.150.079.421.822
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**42.009.335.122.263**	**43.842.696.941.037**

Lập, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phó Chủ tịch HĐQT
Huỳnh Minh Trường	Phạm Hữu Quốc	Phạm Minh Tuấn

Mẫu số B 02 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	VI.01	**4.112.374.748.419**	**4.595.934.767.679**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.01	100.215.858.113	64.741.593.534
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**4.012.158.890.306**	**4.531.193.174.145**
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	2.812.461.806.552	3.189.332.351.341
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**1.199.697.083.754**	**1.341.860.823.034**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	2.087.198.400.598	2.548.093.885.686
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	2.396.172.246.990	2.401.761.378.741
+ Trong đó: chi phí lãi vay	*23*		*1.582.466.411.424*	*1.434.853.960.243*
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(35.203.331.204)	50.582.466
9. Chi phí bán hàng	25	VI.05	192.306.085.574	215.786.591.177
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	449.868.785.732	483.455.987.491
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**213.345.034.852**	**789.001.335.728**
12. Thu nhập khác	31	VI.07	69.983.442.479	44.714.922.024
13. Chi phí khác	32	VI.08	31.963.493.068	21.191.509.543
14. Lợi nhuận khác	**40**		**38.019.949.411**	**23.523.412.481**
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**251.364.984.263**	**812.524.748.209**
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	98.728.402.369	216.053.168.835
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	(18.440.753.399)	29.674.773.486
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**171.077.335.293**	**566.796.804.187**
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		58.983.129.855	370.773.543.503
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		112.094.205.438	196.023.260.684
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	VI.11	**111**	**758**
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**71**	VI.12	**111**	**758**

Lập, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phó Chủ tịch HĐQT
Huỳnh Minh Trường	Phạm Hữu Quốc	Phạm Minh Tuấn

Mẫu số B 03 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**		**251.364.984.263**	**812.524.746.208**
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		614.767.199.977	566.386.689.760
- Các khoản dự phòng	03		55.424.864.997	192.476.630.354
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		106.831.043.046	20.242.145.210
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(375.154.719.302)	(1.162.208.331.661)
- Chi phí lãi vay	06		1.603.169.098.685	1.451.109.984.220
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		**2.256.402.471.666**	**1.880.531.864.091**
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		3.048.703.276.222	(8.383.824.213.769)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		92.155.519.099	(330.748.471.038)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.666.983.883.769)	3.851.178.620.167
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(44.114.460.797)	4.006.504.251
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		35.428.966.941	819.670.000.000
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.660.071.613.553)	(1.161.735.291.273)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(139.283.446.996)	(242.739.909.108)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2.475.697.000	6.850.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(15.251.677.339)	(44.977.435.138)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(90.539.151.526)**	**(3.608.631.481.817)**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(132.426.497.608)	(3.452.957.149.419)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		25.596.924.251	83.490.601.635
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(449.020.765.144)	(2.132.563.638.280)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		552.329.649.170	2.395.193.588.340
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(519.998.921.364)	(6.518.373.547.253)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		947.476.334.528	5.647.734.264.366
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		221.378.683.332	(53.303.838.734)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**645.335.407.165**	**(4.030.579.719.345)**

Mẫu số B 03 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		2.899.428.979.979	5.512.837.775.380
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(228.540.000)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		5.046.094.985.650	9.431.682.871.880
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(8.312.097.710.940)	(7.351.320.245.230)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(8.460.041.673)	(4.530.894.648)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(52.441.903.673)	(364.018.932.212)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(427.704.230.657)	7.224.650.575.132
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		**127.092.024.982**	(414.560.626.601)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		**629.496.375.653**	**1.044.039.648.431**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		271.064.348	17.353.251
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	VII	**756.859.464.983**	**629.496.375.653**

Lập, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phó Chủ tịch HĐQT
Huỳnh Minh Trường	Phạm Hữu Quốc	Phạm Minh Tuấn

Mẫu số B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311315789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/11/2011 và thay đổi lần thứ 27 ngày 07/10/2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 5.334.676.220.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 5.334.676.220.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty hiện được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán "BCG".

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối quy định tại Thông tư 34/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013). Bán buôn thực phẩm, chi tiết: Bán buôn sữa, các sản phẩm từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, cà phê, cacao (trừ không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối quy định tại Thông tư 34/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013) (không hoạt động tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản (trừ không thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng), quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Cho thuê ô tô. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, mi mạ điện tại trụ sở). Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Xây dựng nhà các loại. Xây dựng công trình công ích. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chuẩn bị mặt bằng. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Hoàn thiện công trình xây dựng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ. Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Sản xuất đồ gỗ xây dựng. Khai thác quặng sắt. Khai thác quặng uranium và quặng thorium. Cung cấp các sản phẩm bảo hiểm chi nhân thọ và thực hiện các hoạt động đầu tư.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là trong vòng 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất: Không có.

6. Số lượng nhân viên:

Tại ngày 31/12/2023, Tập đoàn có 1.716 nhân viên. Tại ngày 31/12/2022, Tập đoàn có 1.762 nhân viên.

7. Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31/12/2023, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital có 01 (một) văn phòng đại diện, 09 (chín) Công ty con kiểm soát trực tiếp và 30 (ba mươi) Công ty con kiểm soát gián tiếp thông qua Công ty con. Ngoài ra, Công ty có 02 (hai) Công ty liên kết sở hữu trực tiếp và 06 (sáu) Công ty liên kết sở hữu gián tiếp thông qua Công ty con.

Tổng số các Công ty con:

- Số lượng các Công ty con được hợp nhất:	39	Công ty
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất:	0	Công ty
- Số lượng các Công ty liên kết hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:	8	Công ty

a. Danh sách văn phòng đại diện

Tên đơn vị	*Địa chỉ*
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital tại Tp. Hà Nội	Số 44 Nguyễn Thái Học, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội.

b. Danh sách các Công ty con trực tiếp

Tên đơn vị	Nơi đăng ký hoạt động	Ngành nghề kinh doanh chính	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
			Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải (*)	TP. Hồ Chí Minh.	Xây dựng công trình đường bộ	51,70%	43,90%	51,63%	51,63%
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	Tỉnh Bình Định	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	55,64%	53,29%	66,69%	65,17%
Công ty Cổ phần BCG Land	TP. Hồ Chí Minh.	Xây dựng nhà để ở	71,53%	66,24%	71,53%	66,97%
Công ty Cổ phần BCG Energy	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	50,66%	50,66%	82,18%	82,18%
Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh	Tỉnh Bình Định	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	80,00%	80,00%	80,00%	80,00%
Công ty Cổ phần BCG Financial	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)	80,00%	80,00%	80,00%	80,00%
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA	TP. Hồ Chí Minh.	Cung cấp các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ và thực hiện các hoạt động đầu tư	80,64%	78,71%	80,64%	78,71%
Công ty TNHH MTV Helios Village	Tỉnh Đắk Nông	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Phoenix Mountain	Tỉnh Bình Định.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	100,00%	86,59%	100,00%	86,72%

(*) Theo các văn bản ủy quyền biểu quyết trong năm 2023, các Cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải đã ủy quyền toàn bộ 7,8% quyền biểu quyết cho Công ty. Theo đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital nắm giữ 51,7% quyền biểu quyết trong Công ty này.

c. Danh sách các Công ty con gián tiếp

Tên đơn vị	Nơi đăng ký hoạt động	Ngành nghề kinh doanh chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Liên doanh Khai thác và Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang	Tỉnh An Giang	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	51,00%	21,95%	51,00%	25,82%
Công ty Cổ phần Nước Sạch Life Purity	TP. Hồ Chí Minh	Khai thác đá, xử lý và cung cấp nước	51,00%	22,39%	51,00%	26,33%
Công ty Cổ phần TCD Plus	TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	80,00%	35,12%	80,00%	41,31%
Công ty Taxi Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	51,00%	22,39%		
Công ty TNHH Tracodi E&C	TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng công trình đường bộ	99,80%	43,81%		
Công ty Cổ phần Thành Phúc	Tỉnh Phú Yên	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	95,00%	50,63%	95,00%	54,69%
Công ty Cổ phần Taplotek	Tỉnh Tây Ninh	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	51,00%	27,18%	51,00%	29,36%
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Tỉnh Bình Định	Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn	70,00%	46,37%	70,00%	46,88%
Công ty Cổ phần Thương Mại Vxperia	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo	65,00%	43,05%	65,00%	43,53%
Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản	65,00%	43,05%	65,00%	43,53%
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Tỉnh Quảng Nam	Kinh doanh bất động sản	89,00%	58,95%	89,00%	59,60%
Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Cồn Bắp	Tỉnh Quảng Nam	Kinh doanh bất động sản	50,10%	33,18%		
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Tỉnh Sóc Trăng	Sản xuất điện	90,00%	45,59%	90,00%	73,96%
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thạnh Hóa	Tỉnh Long An	Sản xuất đồ điện dân dụng	91,84%	46,52%	90,00%	73,96%
Công ty Cổ phần Skylar	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	99,00%	50,15%	99,00%	81,36%
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch (**)	Tỉnh Bình Định	Sản xuất điện	51,00%	20,91%	51,00%	33,92%
Công ty Cổ phần Greensky Infinitive	TP. Hồ Chí Minh	Lắp đặt hệ thống xây dựng điện	99,80%	50,05%	74,90%	60,94%
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Tỉnh Gia Lai	Sản xuất điện	100,00%	47,35%	100,00%	67,21%
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	Tỉnh Trà Vinh	Sản xuất điện	100,00%	50,61%	100,00%	82,10%
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	Tỉnh Trà Vinh	Sản xuất điện	100,00%	50,62%	100,00%	82,12%

c. *Danh sách các Công ty con gián tiếp (Tiếp theo)*

(**) Theo các văn bản uỷ quyền biểu quyết vô điều kiện và không huỷ ngang trong năm 2021, các Cổ đông của Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Sạch đã ủy quyền toàn bộ 9,72% quyền biểu quyết cho Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Energy. Theo đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital nắm giữ 51% quyền biểu quyết trong Công ty này.

Tên đơn vị	Nơi đăng ký hoạt động	Ngành nghề kinh doanh chính	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
			Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	99,00%	50,15%	99,00%	31,36%
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	Tỉnh Cà Mau	Sản xuất điện			51,00%	41,49%
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	Tỉnh Cà Mau	Sản xuất điện			99,98%	41,48%
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long.	Sản xuất điện	50,50%	25,58%	50,50%	41,50%
Công ty Cổ phần Casper Solar	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện			99,00%	80,54%
Công ty Cổ phần Cosmos Solar	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	99,00%	49,65%	99,00%	80,54%
Công ty Cổ phần Herb Solar	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	69,00%	34,60%	69,00%	56,14%
Công ty Cổ phần Orchid Solar	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	69,00%	34,60%	69,00%	56,14%
Công ty Cổ phần Violet Solar	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	69,00%	34,60%	69,00%	56,14%
Công ty Cổ phần BCG GAIA	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động tư vấn quản lý	50,97%	25,45%	50,82%	41,77%
Công ty Cổ phần Bất Động Sản An Giang	Tỉnh An Giang	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê			85,71%	67,47%
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Băng Dương	Tỉnh Long An	Sản xuất điện	100,00%	25,55%	100,00%	41,86%
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	Tỉnh Long An	Sản xuất điện	100,00%	25,55%	100,00%	41,86%
Công ty Cổ phần E power 1	TP. Hồ Chí Minh.	Tư vấn, quản lý			99,80%	82,01%
Công ty TNHH Cơ điện Skylar5	TP. Hồ Chí Minh.	Xây dựng công trình điện			100,00%	81,36%
Công ty CP Phát triển Điện Gia Huy	Hà Nội	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	99,80%	50,05%		

d. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát trực tiếp

Tên đơn vị	Nơi đăng ký hoạt động	Ngành nghề kinh doanh chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	Tỉnh Long An	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	38,00%	38,00%	48,00%	48,00%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	Tỉnh Tiền Giang	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	21,01%	21,01%	21,01%	21,01%

e. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát gián tiếp thông qua Công ty con

Tên đơn vị	Nơi đăng ký hoạt động	Ngành nghề kinh doanh chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Taxi Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)			30,00%	15,49%
Công ty TNHH Skylight Power	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	50,00%	25,33%	50,00%	41,09%
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản Bắc Hà	Tỉnh Lạng Sơn	Khai thác quặng sắt			43,85%	25,58%
Công ty Cổ phần 3K Plus Việt Nam	TP. Đà Nẵng	Xây dựng nhà để ở			20,00%	10,33%
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	49,00%	24,82%	49,00%	40,27%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản	49,00%	32,46%	49,00%	32,81%
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	50,00%	25,08%	50,00%	40,68%
Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Cồn Bảo	Tỉnh Quảng Nam	Kinh doanh bất động sản			48,10%	32,21%
Công ty Cổ phần Rạng Đương E&C	TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác			49,00%	25,30%
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Sơn Long	Tỉnh Quảng Ninh	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	40,63%	17,83%	40,63%	20,98%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động tư vấn quản lý			20,00%	10,33%
Công ty Cổ phần Bất Động Sản An Giang	Tỉnh An Giang	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	36,71%	28,90%		

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Tập đoàn áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tập đoàn đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá bình quân gia quyền di động.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác…

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;

- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

d. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty/Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

e. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:
- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty/Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu hoạt động xây lắp, bán hàng hóa, dịch vụ

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm

Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa trên tình trạng quá hạn của các khoản nợ và các khoản lỗ dự kiến đối với những khoản nợ trong hạn có thể phát sinh khi một tổ chức kinh tế bị phá sản hoặc giải thể; hoặc chủ nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị truy tố, ở tù, đang chờ thi hành án hoặc đã chết.

Tỷ lệ dự phòng phải thu khó đòi theo tình trạng quá hạn như sau:

Tình trạng quá hạn	*Tỷ lệ dự phòng*
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Việc lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên các khoản lỗ dự kiến đối với những khoản phải thu trong hạn được quyết định bởi Ban Quản trị Công ty sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản phải thu này.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường;

- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Đối với hàng hóa nhập bán sỉ theo lô, công ty ghi nhận giá trị hàng xuất theo phương pháp thực tế đích danh.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí bán hàng tăng lên thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCD, TSCD thuê tài chính

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCD thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu không bao gồm thuế GTGT đầu vào.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCD vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao ước tính
- Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 50
- Phương tiện vận tải	06 - 10
- Máy móc thiết bị	03 - 20
- Thiết bị văn phòng	03 - 10
- Phần mềm máy tính	03 - 05
- Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 25

6. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;

- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;

- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn;

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;

- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng nghiệp vụ được trích lập theo các quy định và hướng dẫn của Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/05/2017 ("Thông tư 50") do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn thi hành Nghị định 73 do Chính phủ Việt Nam ban hành hướng dẫn thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm và Thông tư số 01/2019/TT-BTC ngày 02/01/2019 ("Thông tư 01") do Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 50, và Công văn số 15193/BTC-QLBH ngày 06/12/2018 ("Công văn 15193") do Bộ Tài chính phê duyệt phương pháp dự phòng nghiệp vụ của Công ty.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

d. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà đầu tư xác định tại ngày lập Báo cáo;

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

e. Doanh thu phí bảo hiểm

Doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực (khi phát sinh trách nhiệm bảo hiểm) cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc hoặc khi nhận được xác nhận thanh toán tái bảo hiểm từ các công ty nhượng tái bảo hiểm cho hoạt động nhận tái bảo hiểm. Khoản doanh thu này bao gồm phí bảo hiểm phải thu đến hạn và không bao gồm doanh thu phí bảo hiểm nhận được trước ngày đến hạn và phí bảo hiểm phải thu bị quá hạn trên 30 ngày.

Trong trường hợp rủi ro đã được hủy bỏ và hoàn trả phí bảo hiểm là cần thiết, doanh thu phí bảo hiểm đã ghi nhận được điều chỉnh bằng cách trừ số tiền hoàn phí bảo hiểm phát sinh một cách phù hợp.

f. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật.

15. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

16. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư …

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

17. Chi phí bồi thường bảo hiểm

Chi phí bồi thường và chi phí giám định tổn thất được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi các sự kiện được bảo hiểm xảy ra. Chi phí bồi thường, chi phí giám định tổn thất được ghi nhận trong năm tài chính dựa trên số tiền bồi thường ước tính cuối cùng và các chi phí giám định tổn thất có liên quan.

Những thay đổi trong các ước tính chi phí bồi thường (chi phí giám định tổn thất và bồi thường) được thường xuyên rà soát lại, và chênh lệch giữa các ước tính bồi thường phải trả với số tiền thực phải thanh toán bồi thường bảo hiểm được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm khi mà các ước tính đó bị thay đổi hay các khoản thanh toán đó được thực hiện.

Các khoản thu đòi bồi thường, như thanh lý tài sản tổn thất đã xử lý bồi thường hoặc thu đòi bên thứ ba bồi hoàn, được đánh giá theo giá trị thực tế có thể thực hiện được và được ghi nhận là các khoản giảm trừ cho chi phí bồi thường bảo hiểm trong năm.

18. Chi phí khai thác bảo hiểm

Toàn bộ các chi phí khai thác bảo hiểm trừ chi phí hoa hồng từ việc phát hành mới hoặc tái tục hợp đồng bảo hiểm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

20. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

23. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

24. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

a. Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua một lần mua

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư của công ty mẹ vào công ty con và phần sở hữu của công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con tại ngày mua phải được loại trừ hoàn toàn, theo nguyên tắc:

- Công ty mẹ phải ghi nhận tài sản, nợ phải trả của công ty con theo giá trị hợp lý tại ngày mua;

- Công ty mẹ phải ghi nhận riêng lẻ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày mua;

- Công ty mẹ ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả đối với các tài sản, nợ phải trả của công ty con có giá trị hợp lý cao hơn giá trị ghi sổ; Ghi nhận tài sản thuế hoãn lại đối với các tài sản, nợ phải trả của công ty con có giá trị hợp lý nhỏ hơn giá trị ghi sổ.

Khoản lợi thế thương mại hoặc khoản lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ trong quá trình mua công ty con (nếu có) được ghi nhận đồng thời khi loại trừ khoản đầu tư của công ty mẹ vào công ty con

b. Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của các Công ty con được xác định và trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định và trình bày riêng biệt trong mục "Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát". Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con. Thu nhập của cổ đông không kiểm soát trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được phản ánh trong mục "Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát - Mã số 62".

Ngoài những điều trên, lợi ích cổ đông không kiểm soát còn bị ảnh hưởng bởi các giao dịch nội bộ khác.

c. Phương pháp kế toán ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty Con

Nếu sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu công ty mẹ tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm phải được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu (không ghi nhận như lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ). Trong trường hợp này, công ty mẹ không thực hiện việc ghi nhận tài sản thuần của công ty con theo giá trị hợp lý như tại thời điểm kiểm soát công ty con.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, trước khi thực hiện việc loại trừ khoản đầu tư của công ty mẹ và công ty con, kế toán phải thực hiện một số điều chỉnh đối với giá phí khoản đầu tư của công ty mẹ trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

d. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ

- Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất, doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

- Các khoản vay trong nội bộ

Nếu các đơn vị trong một tập đoàn có quan hệ vay mượn lẫn nhau thì số dư tiền vay trong nội bộ tập đoàn đang phản ánh trong các khoản mục "Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn", "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn", khoản mục "Phải thu về cho vay ngắn hạn", "Phải thu về cho vay dài hạn khác" phải được loại trừ toàn bộ. Theo đó, các khoản thu nhập từ cho vay và chi phí đi vay cũng phải loại trừ toàn bộ trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

- Điều chỉnh các khoản mục nội bộ khác

Số dư các khoản mục phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong nội bộ tập đoàn, như phải thu, phải trả, doanh thu chưa thực hiện, chi phí trả trước...phải được loại trừ hoàn toàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản doanh thu, thu nhập, giá vốn, chi phí phát sinh từ các giao dịch khác trong nội bộ tập đoàn, như các khoản doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, doanh thu cho thuê, cung cấp dịch vụ... trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ hoàn toàn.

e. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên doanh và liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ phân bổ luỹ kế. Giá gốc lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại trong việc mua lại công ty con được ghi giảm đến giá trị có thể thu hồi khi Ban điều hành xác định rằng khoản này không thể thu hồi đầy đủ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
- Tiền mặt	9.319.500.774	9.207.597.196
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	470.770.664.820	531.429.243.437
- Tiền đang chuyển	213.746.581	159.535.020
- Các khoản tương đương tiền	276.555.552.808	88.700.000.000
Cộng	**756.859.464.983**	**629.496.375.653**

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a. Ngắn hạn	*1.098.565.555.782*	*805.844.968.489*
- Công ty Mua Bán Điện (1)	295.338.153.305	139.630.721.557
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dịch vụ Thương mại Phương Nam (2)	118.883.891.478	
- Thu phí bảo hiểm	76.758.734.860	24.476.156.304
- Các khách hàng khác	607.584.776.139	641.738.090.628
b. Dài hạn	-	

Ghi chú:

(1) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn đã thế chấp quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện giữa các Tập đoàn và Công ty Mua bán điện cho các khoản vay từ ngân hàng (xem thuyết minh V.20).

Bao gồm trong số dư khoản phải thu khách hàng ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tập đoàn, có khoản phải thu ngắn hạn giữa Công ty Mua Bán Điện với Công ty con - Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng sạch, Công ty Cổ phần Hanwha - BCG Đăng Dương và Công ty Cổ phần BCG - Đăng Dương với tổng số tiền là 278.009.841.496 Đồng, chi tiết như sau:

- Giá bán điện chính thức đối với phần công suất 83,10 MWp của dự án Điện mặt trời Phù Mỹ 1 Giai đoạn 2 và 31,10 MWp của dự án Điện mặt trời Phù Mỹ 3 Giai đoạn 2 vẫn đang trong quá trình đàm phán với EVN. Trong thời gian chờ các cấp có thẩm quyền ban hành khung pháp lý, hướng dẫn chi tiết cách thức tính giá điện, ngày 16 tháng 5 năm 2023, được sự chấp thuận của Bộ Công thương, Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch ("Công ty con" của Tập đoàn) và EVN/EPTC đã ký Hợp đồng sửa đổi, bổ sung phụ lục số 03 của Hợp đồng mua bán điện nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ 1 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 03 Hợp đồng mua bán điện nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ 3 với giá tạm tính là 50% giá trần được quy định tại Quyết định số 21/QĐ-BTC ngày 07 tháng 01 năm 2023. Tiếp theo đó, trong khoảng thời gian nửa cuối năm 2023, Tập đoàn đã chỉ đạo Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch có các Văn bản đề nghị EVN/EPTC tiếp tục tiến hành đàm phán giá điện chính thức và chủ động tính toán, đề xuất giá điện đàm phán với EVN/EPTC dựa theo nguyên tắc của Thông tư số 15/2022/TT-BCT ngày 22 tháng 10 năm 2022 quy định phương pháp xây dựng khung giá phát điện nhà máy điện mặt trời, điện gió chuyển tiếp và Thông tư số 57/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định phương pháp xác định giá phát điện, hợp đồng mua bán điện. Tại ngày 08 tháng 12 năm 2023, Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch đã gửi công văn cho EVN về việc đàm phán giá điện chính thức theo đơn giá ước tính này. Qua các phiên làm việc, đàm phán ban đầu, hai Bên đã thống nhất về trình tự, cách thức triển khai và đang trong quá trình xem xét Tổng mức đầu tư (là đầu vào quan trọng nhất của việc tính toán), Ban điều hành Tập đoàn và Công ty con tin rằng khả năng Công ty có thể đàm phán thành công mức giá bán điện cao hơn mức giá trần nói trên cho sản lượng đã hòa vào lưới điện quốc gia. Ban điều hành đánh giá rằng việc đàm phán giá điện này dự kiến sẽ hoàn tất trong quý 1 năm 2024.

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG (TIẾP THEO)

Giá bán điện đàm phán tính toán được hiện đang cao hơn so với giá trần được quy định tại Quyết định số 21/QĐ-BTC ngày 7 tháng 1 năm 2023 ban hành khung giá phát điện nhà máy điện mặt trời, điện gió chuyển tiếp. Tuy nhiên, theo nguyên tắc thận trọng, Tập đoàn đã ghi nhận doanh thu và khoản phải thu EVN cho phần sản lượng điện được sản xuất tương ứng với công suất 83,10 MWp và 31,10 MWp của dự án Điện mặt trời Phù Mỹ 1 và Phù Mỹ 3 Giai đoạn 2 trong năm 2023 với giá bán điện bằng với giá trần được quy định tại Quyết định 21/QĐ-BTC ngày 7 tháng 1 năm 2023 và Tập đoàn xem đây là ước tính hợp lý nhất dựa trên các thông tin hiện có tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

- Theo Thông báo của Thanh tra Chính phủ số 3116/TB - TTCP ngày 25 tháng 12 năm 2023, Dự án Nhà máy Điện mặt trời GAIA do Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương (công ty con gián tiếp của Tập đoàn) là chủ đầu tư và Nhà máy Điện mặt trời BCG – Băng Dương do Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương (công ty con gián tiếp của Tập đoàn) là chủ đầu tư đã được vận hành thương mại khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo hoặc Sở Công Thương) kiểm tra công tác nghiệm thu và ra văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư. Ban điều hành Tập đoàn và Công ty con có các đánh giá chi tiết như sau:

Dự án được hoàn thành và vận hành thương mại cuối năm 2020. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID, đặc biệt nghiêm trọng trong năm 2021, dẫn đến khó khăn, chậm trễ trong việc tập hợp, hoàn thiện các hồ sơ dự án theo quy định. Theo đó, đến cuối năm 2021, các dự án mới đủ điều kiện về hồ sơ để mời Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu.

* Dự án Nhà máy Điện mặt trời GAIA

Ngày 15 tháng 11 năm 2021, chủ đầu tư có văn bản số 45/2021/CV-HANWHA.BCG kèm hồ sơ dự án gửi Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo mời kiểm tra công tác nghiệm thu công trình Nhà máy Điện mặt trời GAIA. Trên cơ sở Biên bản làm việc, Biên bản vi phạm hành chính liên quan đến dự án của đoàn kiểm tra ngày 05/4/2022 và Quyết định xử lý vi phạm hành chính số 17/QĐ-XPHC ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Thanh tra Sở Xây dựng Tỉnh Long An, chủ đầu tư đã hoàn tất các nghĩa vụ nộp phạt hành chính trong năm 2022 và tiến hành bổ sung các hồ sơ theo quy định. Đồng thời chủ đầu tư đã gửi báo cáo cho Cục Điện lực và Năng lượng về kết quả thực hiện tại Văn bản số 19/2022/CV-WBCG ngày 18 tháng 7 năm 2022

Tuy nhiên, việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất của nhà máy điện mặt trời GAIA chưa được phê duyệt (Thuyết minh V.10), cho nên Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo chưa thể chấp thuận công tác nghiệm thu, mặc dù về khía cạnh chủ đầu tư, Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ pháp lý theo quy định, bao gồm các thủ tục xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo hướng dẫn của các Sở, ngành địa phương. Ban điều hành Tập đoàn và Công ty con tin tưởng rằng thẩm quyền phê duyệt mục đích chuyển đổi sử dụng đất sẽ được làm rõ trong tương lai gần. Dựa trên các thông tin hiện có tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Ban điều hành đánh giá vấn đề được nêu bởi Thanh tra Chính phủ không ảnh hưởng đến hợp đồng mua bán điện Tập đoàn đã ký kết với EVN.

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG (TIẾP THEO)

* Dự án Nhà máy Điện mặt trời BCG - Bàng Dương

Ban điều hành của Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Bàng Dương đã hoàn thành các công tác nghiệm thu và các nghĩa vụ pháp lý theo quy định cho dự án. Theo đó, ngày 23 tháng 3 năm 2022, Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo đã có Thông báo số 20/TB-ĐL chấp thuận công tác nghiệm thu dự án. Theo đó, Ban điều hành đánh giá rằng các vấn đề nêu bởi Thanh tra Chính phủ đã được khắc phục. Dựa trên các thông tin trên, Ban điều hành tin rằng Tập đoàn đã hoàn tất các thủ tục cần thiết để được giao đất phát triển dự án, ngoài ra Tập đoàn cũng đã ký kết hợp đồng mua bán điện với EVN phù hợp với các yêu cầu của pháp luật Việt Nam.

Do đó, Tập đoàn đã ghi nhận doanh thu và khoản phải thu EVN cho phần sản lượng điện được sản xuất trong năm 2023 với giá bán điện ưu đãi theo hợp đồng đã ký kết trước đó với EVN.

(2) Khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh mua bán hàng hóa vật tư xây lắp.

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a. Ngắn hạn	***4.259.308.576.569***	***4.156.530.289.385***
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Orchid	-	98.375.000.000
- Công ty Powerchina International Group Limited (1)	142.937.642.745	142.937.642.745
- Công ty TNHH TM-DV-MTV Huỳnh Phát Huy (2)	670.937.900.000	788.937.900.000
- Công ty Cổ phần Plus Investment (3)	364.373.000.000	363.791.307.230
- Công ty Cổ phần Thương Mại Vũ Tuấn	-	116.151.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu Tư Dịch Vụ VHM (3)	289.045.350.000	426.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư NNT (3)	187.365.329.600	588.039.990.000
- Powerchina Jiangxi Electric Power Engineering Co.,Ltd	-	188.659.183.656
- Các đối tượng khác	2.604.649.354.224	1.443.638.265.754
b. Dài hạn	-	***56.400.000.000***
- Các khách hàng khác	-	56.400.000.000

Ghi chú:

(1) Khoản trả trước cho nhà thầu thi công gói thầu EPC thuộc dự án nhà máy điện gió Đông thành 1.

(2) Khoản trả trước cho nhà cung cấp để mua vật tư, trang thiết bị, thi công dự án nhà máy điện gió Đông thành 1, 2.

(3) Khoản trả trước liên quan hoạt động mua vật tư, thiết bị, chi phí nhà thầu cho hoạt động xây lắp.

4. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

		Số cuối năm			Số đầu năm		
		Giá gốc	*Giá trị hợp lý*	*Dự phòng*	*Giá trị gốc*	*Giá trị hợp lý*	*Dự phòng*
a. Chứng khoán kinh doanh							
- Công ty Cổ phần Phát triển Điện Gia Huy	(1)	-	-	-	34.930.000.000	34.930.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị VINAHUD	(2)	4.560.000.000	5.928.000.000	-	4.560.000.000	7.797.600.000	-
- Công ty Cổ phần Phú Tam Khối	(3)	-	-	-	3.100.000.000	3.100.000.000	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang	(2)	451.655.340	1.282.270.700	-	451.655.340	1.014.990.000	-
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha	(2)	1.126.109	1.560.000	-	445.939.200	594.000.000	-
- Đầu tư khác		-	-	-	54.153.850	73.039.360	-
Cộng		**5.012.781.949**		**-**	**43.541.748.890**		**-**

Ghi chú:

(1) Trong năm, Công ty con - Công ty Cổ phần Skylar ("Skylar") đã chuyển đổi mục đích đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Điện Gia Huy ("Gia Huy"), Công ty Skylar quyết định không tiếp tục tìm đối tác chuyển nhượng theo như kế hoạch ban đầu mà thay vào đó sẽ đổi mục đích đầu tư từ đầu tư chứng khoán kinh doanh sang đầu tư dài hạn. Theo đó, Công ty Gia Huy trở thành Công ty con của Công ty Skylar, chuyển mối quan hệ thành Công ty con gián tiếp với Công ty.

(2) Giá trị hợp lý được trình bày căn cứ theo số lượng cổ phiếu và giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn chứng khoán HNX, HOSE, UpCom tại thời điểm 31/12/2023 và ngày 31/12/2022 nhằm mục đích tham khảo.

(3) Khoản đầu tư tại Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải. Tại ngày 31/12/2022, Công ty con chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính vì khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường, giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ. Tại ngày 31/12/2023, Công ty con đã thay đổi mục đích đầu tư vào Công ty Cổ phần Phú Tam Khối từ Chứng khoán kinh doanh sang Đầu tư vào đơn vị khác.

4. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

		Số cuối năm		*Số đầu năm*	
		Giá gốc	*Giá trị ghi sổ*	*Giá gốc*	*Giá trị ghi sổ*
b.1 Ngắn hạn		**536.405.810.315**	**536.405.810.315**	**467.052.385.285**	**467.052.385.285**
- Tiền gửi có kỳ hạn	(4)	436.405.810.315	436.405.810.315	467.052.385.285	467.052.385.285
- Trái phiếu Doanh nghiệp	(5)	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-
b.2 Dài hạn		**16.986.709.589**	**16.986.709.589**	**116.980.000.000**	**116.980.000.000**
- Trái phiếu Doanh nghiệp	(5)	-	-	100.000.000.000	100.000.000.000
- Trái phiếu Ngân hàng	(6)	10.880.000.000	10.880.000.000	10.880.000.000	10.880.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	(7)	6.106.709.589	6.106.709.589	6.100.000.000	6.100.000.000
Cộng		**553.392.519.904**	**553.392.519.904**	**584.032.385.285**	**584.032.385.285**

Ghi chú:

(4) Khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng và dưới 12 tháng của Tập đoàn. Trong đó bao gồm

- Khoản tiền gửi có kỳ hạn với số tiền 307 tỷ đồng đã được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho khoản vay của các bên liên quan và các bên thứ ba.

- Một phần của khoản tiền gửi còn lại đang được cầm cố cho nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng; và bảo đảm cho nghĩa vụ thực hiện hợp đồng với bên thứ ba.

(5) Khoản đầu tư mua Trái phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios của Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải. Kỳ hạn trái phiếu là 05 năm. Lãi suất năm đầu tiên 8,5%/ năm, các kỳ tính lãi tiếp theo bằng lãi suất tiền gửi cá nhân 12 tháng cộng với biên độ 3%/ năm. Ngoài ra, khoản trái phiếu này cũng được Công ty con dùng để đảm bảo cho khoản vay của bên thứ ba.

(6) Trong đó bao gồm:

- Khoản đầu tư 10.500.000.000 đồng của Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land vào trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, kỳ hạn 8 năm với lãi suất được tính bằng lãi suất tham chiếu +0,9%/năm và được trả lãi định kỳ hàng năm.

- Khoản đầu tư 380.000.000 đồng của Công ty con - Công ty Cổ phần Tapiotek vào trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam (BIDV), kỳ hạn 10 năm.

(7) Khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng của Tập đoàn tại các Ngân hàng. Một phần của khoản tiền gửi này đang được cầm cố cho nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng

4. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

		Số cuối năm	
		Giá gốc	*Giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu*
c.1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		**2.433.510.547.548**	**2.264.659.695.553**
- Công ty TNHH B.O.T ĐT830	(8)	81.700.000.000	19.686.360.175
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang		1.017.663.263.769	944.022.116.347
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sơn Long	(9)	970.355.000.000	970.303.462.748
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hellos	(10)	-	-
- Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Cồn Bấp	(11)	-	-
- Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	(12)	256.012.000.000	247.889.449.419
- Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng Sản Bắc Hà	(13)	-	-
- Công ty Taxi Việt Nam	(14)	-	-
- Công ty TNHH Skylight Power		24.952.712.350	23.895.048.398
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco		29.194.000.000	37.131.849.181
- Công ty Cổ phần Băng Dương E&C	(15)	-	-
- Công ty Cổ phần 3K Plus Việt Nam	(16)	-	-
- Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M		2.205.000.000	6.731.409.284
- Công ty Cổ phần Bất Động Sản An Giang ("ARESCO")	(17)	51.428.571.429	15.000.000.000

Số đầu năm			
Dự phòng	*Giá gốc*	*Giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu*	*Dự phòng*
-	**3.540.579.811.914**	**3.452.319.693.819**	-
-	103.200.000.000	15.699.822.600	-
-	1.017.663.263.769	981.947.585.700	-
-	**970.355.000.000**	970.323.379.930	-
-	545.000.000.000	547.297.615.314	-
-	494.178.082.192	505.267.752.672	-
-	208.562.000.000	230.424.776.393	-
-	61.790.000.000	61.790.000.000	-
-	34.256.228.875	31.492.095.018	-
-	24.952.712.350	22.794.509.743	-
-	29.194.000.000	30.978.509.752	-
-	28.823.524.728	23.517.050.458	-
-	20.400.000.000	20.736.595.335	-
-	2.205.000.000	10.050.000.905	-
-	-	-	-

4. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)

		Số cuối năm			Số đầu năm		
		Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá trị hợp lý*	*Giá gốc*	*Dự phòng*	*Giá trị hợp lý*
c.2 Đầu tư vào đơn vị khác		**387.879.156.293**	**(3.259.783.513)**		**126.189.156.293**	**(1.144.885.742)**	
- Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khau Long 1		59.400.000.000	-	(*)	59.400.000.000	-	(*)
- Công ty Cổ phần Bamboo Financial Corp		30.000.000.000	(800.997.289)	(*)	30.000.000.000	(1.144.885.742)	(*)
- Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong		21.600.000.000	-	(*)	21.600.000.000	-	(*)
- Công ty TNHH Pegas	(18)	-	-		14.000.000.000	-	(*)
- Công ty Cổ phần Tracodi Power	(19)	-	-		590.000.000	-	(*)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Năng lượng Việt Nam		360.000.000	-	(*)	360.000.000	-	(*)
- Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn lực & Dịch vụ Dầu khí		99.945.360	-	(*)	99.945.360	-	(*)
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam		69.210.933	-	(*)	69.210.933	-	(*)
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	(10)	145.000.000.000	-	(*)	-	-	
- Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting (Tên cũ Công ty Cổ phần Indoba Trading)	(20)	128.250.000.000	-	(*)	-	-	
- Công ty Cổ phần Phú Tam Khôi	(3)	3.100.000.000	(2.458.786.224)	(*)	-	-	
Cộng		**2.821.389.703.841**	**(3.259.783.513)**		**3.666.698.968.207**	**(1.144.885.742)**	

4. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(*) Tại ngày 31/12/2023 và ngày 31/12/2022, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(8) Thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 69/2023/NQ-HĐQT-BCG ngày 19/09/2023, Công ty đã thoái một phần giá trị đầu tư khỏi Công ty TNHH B.O.T ĐT 830.

(9) Toàn bộ khoản vốn góp này được Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải dùng để đảm bảo cho các nghĩa vụ thanh toán liên quan đến Mã trái phiếu TCDH2227002 do Công ty con phát hành.

(10) Thực hiện Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 24/03/2023, Nghị quyết số 41/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 06/06/2023, và Nghị quyết số 66/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 22/09/2023 của Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải, Công ty con đã thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios ("Helios").

Số dư tại ngày 31/12/2023 thể hiện khoản đầu tư chiếm 7.25% vào cổ phần tại Công ty Helios của Công ty con - Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA. Theo đó, chuyển mối quan hệ với Công ty Helios từ Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết thành Đầu tư vào đơn vị khác.

(11) Trong năm, Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land đã nhận chuyển nhượng 2% vốn góp tại Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp ("Cồn Bắp"), nâng tổng tỷ lệ sở hữu tại Cồn Bắp thành 50,1% trên vốn điều lệ. Theo đó, chuyển mối quan hệ với Cồn Bắp từ Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết thành Đầu tư vào công ty con gián tiếp.

(12) Trong năm, Công ty con - Công ty Cổ phần Skylar đã thực hiện mua thêm 4.745.000 cổ phần, tương đương 47.450.000.000 VND, không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu, tương ứng 50% trên tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky.

(13) Trong năm, Công ty con - Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng đã thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng Sản Bắc Hà.

(14) Trong năm, Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải đã nhận chuyển nhượng 21% vốn góp tại Công ty Taxi Việt Nam ("Vinataxi"), nâng tổng tỷ lệ sở hữu thành 51% trên vốn điều lệ. Theo đó, chuyển mối quan hệ với Vinataxi từ Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết thành Đầu tư vào công ty con gián tiếp.

(15) Trong năm, Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải đã thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Bãng Dương E&C.

(16) Trong năm, Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải đã thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần 3K Plus Việt Nam.

4. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(17) Trong năm, Công ty con - Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA đã thoái một phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Bất Động Sản An Giang ("Aresco"), hiện tại Công ty con chỉ còn nắm giữ 36,74% cổ phần của Aresco. Theo đó, chuyển mối quan hệ từ Đầu tư vào Công ty con gián tiếp thành Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết.

(18) Trong năm, Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land đã thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH Pegas.

(19) Trong năm, Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Energy đã thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Tracodi Power.

(20) Thực hiện Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐQT-BCGL ngày 9 tháng 3 năm 2023, Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land đã thông qua việc mua cổ phần phát hành trong đợt tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting với tổng giá trị 128.250.000.000 VND, tương ứng với 12.825.000 cổ phần và chiếm 15% tổng vốn điều lệ.

5. PHẢI THU VỀ CHO VAY

		Số cuối năm	*Số đầu năm*
a. Ngắn hạn		*587.623.443.975*	*178.769.483.975*
- Nguyễn Thị Hoàng Yến	(1)	53.550.000.000	51.000.000.000
- Công ty Cổ phần Green Solution		-	48.855.000.000
- Công ty Cổ phần Mega Solar		-	35.678.000.000
- Công ty TNHH TMTH Phước Tiến	(2)	240.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần E Power 1	(3)	107.234.483.975	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dịch vụ Thương mại Phương Nam	(4)	76.800.000.000	-
- Công ty TNHH Lộc Tú	(5)	70.150.000.000	-
- Các khoản cho vay khác		39.888.960.000	43.236.483.975
b. Dài hạn		*10.698.022.927*	*50.000.000.000*
- Các khoản cho vay khác		10.698.022.927	50.000.000.000
Cộng		**598.321.466.902**	**228.769.483.975**

Ghi chú:

(1) Khoản cho vay với Bà Nguyễn Thị Hoàng Yến, thời hạn vay 1 năm, lãi suất 7,3%.

(2) Khoản cho vay với Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Phước Tiến ("Phước Tiến") có kỳ hạn 12 tháng và hưởng lãi suất từ 11%/năm đến 13,5%/năm. Khoản cho vay này được bảo đảm bằng một phần tài sản của bên thứ ba khác hiện có tại công ty con của Công ty tương ứng với giá trị khoản nợ để thực hiện nghĩa vụ cho Phước Tiến.

(3) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là khoản Công ty con - Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương cho Công ty Cổ phần E Power 1 vay với số tiền là 107.234.483.975 đồng. Mục đích của khoản cho vay này là để Công ty Cổ phần E Power 1 phục vụ hoạt động kinh doanh của chính Công ty và cho các Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Thạnh Diamond, Công ty Cổ phần Green Solution, Công ty Cổ phần Mega Solar vay lại để đầu tư vào các dự án điện gió, điện mặt trời. Để các dự án có thể được phê duyệt chủ trương đầu tư thì các dự án này phải được đưa vào quy hoạch điện VIII. Theo đó, các chủ đầu tư và các bên tham gia vào BCC đã hoàn tất hồ sơ để được Ủy ban Nhân dân các tỉnh đề xuất vào quy hoạch điện VIII. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các dự án điện gió, điện mặt trời của các Công ty này đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh đề xuất vào Kế hoạch triển khai Quy hoạch Điện VIII trong văn bản gửi cho Bộ Công Thương. Hiện tại, việc phê duyệt các dự án điện gió, điện mặt trời vào quy hoạch điện VIII đang chờ Bộ Công Thương phê duyệt cuối cùng. Tiếp theo đó, Tập đoàn sẽ tiếp tục làm việc với các cơ quan ban ngành có liên quan để có chấp thuận chủ trương đầu tư dự án cũng như hoàn tất các thủ tục pháp lý khác để có thể tiếp tục phát triển các dự án này.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban điều hành Tập đoàn và Công ty con đánh giá tính khả thi và khả năng phát triển của các Dự án điện gió, điện mặt trời trong tương lai là cao. Vì vậy, Ban điều hành tin rằng có thể thu hồi được toàn bộ các khoản phải thu về cho vay này.

(4) Khoản cho vay với Công ty Cổ phần Xây dựng Dịch vụ Thương mại Phương Nam có kỳ hạn 12 tháng và hưởng lãi suất 14%/năm. Khoản cho vay này được bảo đảm bằng các sản phẩm tài chính niêm yết trên sàn chứng khoán.

(5) Khoản cho vay không có tài sản bảo đảm với Công ty TNHH Lộc Tú có kỳ hạn 12 tháng và hưởng lãi suất từ 13,5%/năm đến 14%/năm. Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, khoản cho vay đang được tất toán.

6. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	***8.039.667.063.457***	***(4.666.774.671)***	***8.417.728.411.826***	***(9.695.951.421)***
- Phải thu BHXH, BHYT	43.954.740	-	219.888.480	-
- Tạm ứng	60.568.633.833	-	844.277.412.911	(104.717.650)
- Ký cược, ký quỹ	205.365.956.446	-	20.987.791.425	(1.800.000.000)
- Lãi phải thu từ hợp tác kinh doanh, lãi trái phiếu, lãi cho vay	814.153.975.410	-	662.110.717.861	-
- Phải thu gốc hợp đồng hợp tác kinh doanh	6.472.978.612.610	-	6.541.809.758.945	-
+ Công ty Cổ phần (1); (i) Artemis Investment	913.233.000.000	-	1.479.933.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Chi Thủy	-	-	875.062.054.793	-
+ Công ty CP Năng (2); (i) Lượng Dương Phong	1.094.942.000.000	-	650.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần (3) Thắng Phương	281.640.000.000	-	477.640.000.000	-
+ Công ty Cổ phần (4); (i) Mega Solar	786.120.000.000	-	450.000.000.000	
+ Công ty Cổ phần (5); (i) Plus Investment	90.000.000.000	-	270.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần (6) Tập Đoàn VNGROUP	160.000.000.000	-	360.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần (7); (i) Đầu tư Tân Thạnh Diamond	290.600.000.000	-	291.127.747.913	-
+ Công ty Cổ phần (8); (i) Đầu tư Dịch vụ Orchid	242.000.000.000	-	242.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần (9); (i) Hibiscus	65.556.000.000	-	130.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần (10) Điện Gió BCG Khai Long 1	2.111.495.000.000	-	-	-
+ Công ty Cổ phần (11) HCM Lou 68	177.529.250.000	-	-	-
+ Công ty Cổ phần (i) Điện gió BCG Khai Long 2	128.676.000.000	-	-	-
+ Các đối tượng khác	131.187.362.610	-	1.316.046.956.239	-
- Phải thu khác	486.555.930.418	(4.666.774.671)	348.322.842.204	(7.791.233.771)

6. PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

		Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
b. Dài hạn		*8.118.384.698.330*	-	*10.929.758.545.330*	-
- Tạm ứng		-	-	400.000.000.000	-
- Phải thu nợ gốc BCC		8.047.775.327.982	-	10.302.072.656.101	-
+ Công ty Cổ phần Điện Gió BCG Khai Long 1		-	-	2.500.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Orchid	(12)	1.278.436.000.000	-	1.278.436.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Plus Investment	(13)	987.576.327.982	-	948.576.327.982	-
+ Công ty Cổ phần White Magnolia	(12)	830.000.000.000	-	830.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Chi Thuỷ	(14)	606.450.000.000	-	679.030.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công trình Toàn Phát	(15); (i)	479.100.000.000	-	497.500.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Plus Investment	(12)	441.564.000.000	-	441.564.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Hibiscus	(16)	281.000.000.000	-	406.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Artemis Investment	(17)	200.000.000.000	-	400.000.000.000	-
+ Công ty CP Biệt thự Nghỉ dưỡng Mỹ Khê	(18)	475.390.000.000	-	389.350.000.000	-
+ Công ty Cổ phần HCM Lott 68	(11)	-	-	327.016.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Thương mại Vũ Tuấn	(19)	225.935.000.000	-	300.000.000.000	-
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Hòa	(20)	259.780.000.000	-	259.780.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	(21)	160.000.000.000		120.000.000.000	
- Công Ty Cổ Phần Phát Triển Lion City	(22)	147.980.000.000	-	112.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Thắng Phương	(23)	196.000.000.000	-	-	-
+ Bà Nguyễn Thị Ngọc Giàu	(24)	567.430.000.000	-	-	-
- Ông Lê Mai Long	(25)	625.000.000.000	-	-	-
+ Các đối tượng khác		286.134.000.000	-	812.820.328.119	-
- Phải thu khác		20.202.457.650		191.005.575.484	
- Ký cược, ký quỹ		50.306.912.698	-	36.680.313.745	-
Cộng		**16.157.951.761.787**	**(4.666.774.671)**	**19.347.486.987.156**	**(9.695.951.421)**

Ghi chú:

(i) Bao gồm trong số dư khoản phải thu BCC tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các dự án điện gió, điện mặt trời này ("Dự án") có tổng giá trị BCC là 3.417.494.000.000 đồng trong đó 2.938.394.000.000 đồng là BCC ngắn hạn và 479.100.000.000 đồng là BCC dài hạn (Ghi chú 15) đang trong giai đoạn xin chấp thuận chủ trương đầu tư trước khi tiến hành xây dựng. Để các dự án có thể được phê duyệt chủ trương đầu tư thì các dự án này phải được đưa vào quy hoạch điện VIII. Theo đó, các chủ đầu tư và các bên tham gia vào BCC đã hoàn tất hồ sơ để được Ủy ban Nhân dân các tỉnh đề xuất vào quy hoạch điện VIII. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các dự án điện gió, điện mặt trời này đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh đề xuất vào Kế hoạch triển khai Quy hoạch Điện VIII trong văn bản gửi cho Bộ Công Thương. Hiện tại, việc phê duyệt các dự án điện gió, điện mặt trời vào quy hoạch điện VIII đang chờ Bộ Công Thương phê duyệt cuối cùng. Tiếp theo đó, các Công ty sẽ tiếp tục làm việc với các cơ quan ban ngành có liên quan để có chấp thuận chủ trương đầu tư dự án cũng như hoàn tất các thủ tục pháp lý khác để có thể tiếp tục phát triển các dự án này.

(1) Khoản phải thu theo các Hợp đồng sau:

- Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0712/HTKD/TCD-ARTEMIS ngày 07/12/2022 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp và Vận Tải và Công ty Cổ phần Artemis Investment, thời gian hợp tác đến hết ngày 06/12/2024, để cùng hợp tác đầu tư vào các sản phẩm tài chính. Lợi nhuận phân chia được tính dựa vào lợi nhuận đầu tư và tỷ lệ đầu tư thực tế của các bên tham gia;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1312/2021/HTKD-DTI-Artemis ngày 13/12/2021 giữa Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 và Công ty Cổ phần Artemis Investment, thời gian hợp tác đến ngày 12/12/2024, nhằm đầu tư dự án nhà máy điện mặt trời Đức Huệ VNT3 tại tỉnh Long An. Các bên sẽ phân chia lợi nhuận của dự án theo tỷ lệ góp vốn vào ngày kết thúc hợp đồng;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 150201/2022/HTKD/Dt2-Artemis ngày 15/02/2022 giữa Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2 và Công ty Cổ phần Artemis Investment, thời gian hợp tác đến ngày 15/02/2024, nhằm đầu tư dự án nhà máy điện mặt trời Đức Huệ VNT3 tại tỉnh Long An. Các bên sẽ phân chia lợi nhuận của dự án theo tỷ lệ góp vốn sau khi dự án đi vào hoạt động.

(2) Khoản phải thu theo các Hợp đồng sau:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2204/2022/HTKD/WINDST-DPE ngày 22/04/2022, thời gian hợp tác đến ngày 22/04/2024 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Wind Sóc Trăng và Công ty Cổ phần Năng Lượng Dương Phong nhằm hợp tác đầu tư Dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 2. Lợi nhuận được phân chia theo lợi nhuận của dự án theo tỷ lệ góp vốn vào ngày kết thúc hợp đồng;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2204/2022/HTKD/DT2-DP ngày 22/04/2022, thời gian hợp tác đến ngày 22/04/2024 giữa Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2 và Công ty Cổ phần Năng Lượng Dương Phong nhằm hợp tác đầu tư Dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 2. Lợi nhuận được phân chia theo lợi nhuận của dự án theo tỷ lệ góp vốn vào ngày kết thúc hợp đồng;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 31/10/2021, thời gian hợp tác 01 năm, giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thanh Hóa và Công ty Cổ phần Năng Lượng Dương Phong nhằm hợp tác đầu tư Dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 2. Lợi nhuận được phân chia theo lợi nhuận của dự án theo tỷ lệ góp vốn vào ngày kết thúc hợp đồng.

(3) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1504/2022/HTKD/TCD-TP ngày 15/04/2022, thời gian hợp tác đến hết ngày 14/04/2024 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp và Vận Tải và Công ty Cổ phần Thắng Phương nhằm hợp tác đầu tư vào các sản phẩm tài chính. Lợi nhuận phân chia được tính dựa vào lợi nhuận đầu tư và tỷ lệ đầu tư thực tế của các bên tham gia.

6. PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

(4) Khoản phải thu theo các hợp đồng:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2309/HTKD/SOCTRANG-MEGASOLAR ngày 23/09/2020, thời gian hợp tác đến hết ngày 22/09/2024 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng và Công ty Cổ phần Mega Solar, nhằm đầu tư vào dự án Nhà máy điện mặt trời Điện Biên 1. Lợi nhuận được phân chia theo lợi nhuận của dự án theo tỷ lệ góp vốn vào ngày kết thúc hợp đồng;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh ký ngày 06/12/2023 giữa Công ty con - Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên và Công ty CP Mega Solar, nhằm hợp tác đầu tư Dự án nhà máy điện gió BCG Điện Biên 1, thời gian hợp tác là 12 tháng. Lợi nhuận được phân chia theo lợi nhuận của dự án theo tỷ lệ góp vốn vào ngày kết thúc hợp đồng;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1508/2023/ĐT1-MEGA ngày 15/8/2023 giữa Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 và Công ty CP Mega Solar, nhằm đầu tư Dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 1, thời gian hợp tác là 12 tháng. Lợi nhuận được phân chia dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ vốn góp;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1508/2023/ĐT2-MEGA ngày 15/8/2023 giữa Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2 và Công ty CP Mega Solar, nhằm đầu tư dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 1, thời gian hợp tác là 12 tháng. Lợi nhuận được phân chia dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ vốn góp.

(5) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 3011/2021/HTKD-ĐT1-Plus ngày 30/11/2021, thời gian hợp tác đến ngày 29/11/2024 giữa Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 và Công ty Cổ phần Plus Investment nhằm đầu tư Dự án nhà máy điện mặt trời Đức Huệ VNT2. Lợi nhuận được phân chia theo lợi nhuận của dự án theo tỷ lệ góp vốn vào ngày kết thúc hợp đồng.

(6) Khoản phải thu theo các Phụ lục hợp đồng giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land và Công ty Cổ phần Tập đoàn VNGroup về việc thanh lý Thỏa thuận nguyên tắc số 02/2022/TNTT ngày 25/02/2022 cho mục đích chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại Phường Cẩm Phổ, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam, thời hạn thu hồi đến ngày 30/06/2024.

(7) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2021/HTKD-TH-TT ngày 01/12/2021, thời gian hợp tác đến ngày 27/12/2024 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thanh Hóa và Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Thạnh Diamond, nhằm hợp tác đầu tư Dự án Nhà máy điện mặt trời Hoa Hướng Dương. Lợi nhuận được phân chia theo lợi nhuận của dự án theo tỷ lệ góp vốn nhưng không thấp hơn mức lợi nhuận tối thiểu đã thỏa thuận.

(8) Khoản phải thu theo các hợp đồng:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 3011/2021/HTKD-ĐT1-Orchid ngày 30/11/2021 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Orchid và Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1, thời hạn hợp tác đến ngày 29/11/2024, nhằm đầu tư dự án nhà máy điện mặt trời Đức Huệ VNT3 tại tỉnh Long An. Lợi nhuận sẽ được phân chia dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn nhưng không thấp hơn mức lợi nhuận tối thiểu đã thỏa thuận;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1801/HTKD/TCD-ORCHID ngày 18/01/2022, thời gian hợp tác đến hết ngày 17/01/2024 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Orchid và Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp và Vận Tải nhằm hợp tác đầu tư vào các sản phẩm tài chính. Lợi nhuận phân chia được tính dựa vào lợi nhuận dự án và tỷ lệ đầu tư thực tế của các bên tham gia.

(9) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 3011/2021/HTKD/ĐT1 - Hibiscus ngày 30/11/2021, thời gian hợp tác đến ngày 29/11/2024 giữa Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 và Công ty Cổ phần Hibiscus, nhằm đầu tư Dự án nhà máy Đức Huệ VNT4. Lợi nhuận được phân chia theo lợi nhuận của dự án theo tỷ lệ góp vốn vào ngày kết thúc hợp đồng.

6. PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

(10) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 270421/BCG-KL1 ngày 20/04/2021 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Energy với Công ty Cổ phần Điện Gió BCG Khai Long 1 về việc đầu tư phát triển Dự án Nhà máy điện gió Khu du lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn 1 do Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1 làm chủ đầu tư, thời gian hợp tác là 3 năm. Lợi nhuận được phân chia dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ vốn góp.

(11) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1507/2020/HTKD/LOTT-TRACODI ngày 15/07/2020, thời hạn 4 năm kể từ ngày ký giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải và Công ty Cổ phần HCM Lott 68, nhằm đầu tư mua trái phiếu doanh nghiệp. Lợi nhuận phân chia được tính dựa vào lợi nhuận đầu tư và tỷ lệ đầu tư thực tế của các bên tham gia.

(12) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư thể hiện các khoản phải thu theo hợp đồng BCC và các phụ lục hợp đồng giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land và Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Orchid, Công ty Cổ phần White Magnolia, và Công ty Cổ Phần Plus Investment với số tiền hợp tác lần lượt là 1.278.436.000.000 VND, 830.000.000.000 VND, và 441.564.000.000 VND nhằm hợp tác phát triển dự án bất động sản Kinh Dương Vương ("Dự án") tại Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh do Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cửu Long ("Cửu Long") làm chủ đầu tư. Thời gian hợp tác 3 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và đã được gia hạn thêm 2 năm đến năm 2026. Lợi nhuận được xác định theo kết quả kinh doanh của dự án nhưng không thấp hơn lãi suất theo thỏa thuận của Công ty và các đối tác BCC. Dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư và công nhận Cửu Long là chủ đầu tư theo quyết định của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh số 401/UBND-ĐT ngày 23/01/2017 với thời hạn 12 tháng, đến nay đã hết hạn. Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty con, các đối tác BCC và Cửu Long đang làm việc với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để gia hạn chủ trương đầu tư và hoàn tất các thủ tục pháp lý để phát triển Dự án. Do đó, khả năng để Công ty thu hồi các khoản đầu tư này tùy thuộc vào việc hoàn tất các thủ tục pháp lý cho sự phát triển của Dự án trong tương lai.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban điều hành Tập đoàn và Công ty con đánh giá tính khả thi và khả năng phát triển của Dự án trong tương lai là cao. Do đó, Ban điều hành tin rằng có thể thu hồi được toàn bộ khoản BCC này và Ban điều hành đánh giá là không có khoản dự phòng nào cần phải lập cho việc khó thu hồi khoản BCC nói trên.

(13) Khoản phải thu theo các Hợp đồng:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0501/2021/HĐHTKD/TCD-PLUS ngày 05/01/2021 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp và Vận tải và Công ty Cổ phần Plus Investment, thời gian hợp tác đến hết ngày 04/01/2026, nhằm đầu tư mua trái phiếu doanh nghiệp. Lợi nhuận phân chia được tính dựa vào lợi nhuận đầu tư và tỷ lệ đầu tư thực tế của các bên tham gia;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2802/2022/HĐ-HTKD/PMC-PLUS ngày 25/02/2022 giữa Công ty con - Công ty TNHH Phoenix Mountain và Công ty Cổ phần Plus Investment, nhằm đầu tư, sở hữu các thửa đất tại Phường Trường Thạnh, TP.Thủ Đức, thời gian hợp tác là 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lợi nhuận được phân chia dựa trên lợi nhuận thu được theo tỷ lệ góp vốn nhưng không thấp hơn mức lợi nhuận đã thỏa thuận;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2704/HTKD/CATTRINH-PLUS ngày 27/04/2022 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Khu Công nghiệp Cát Trinh và Công ty Cổ phần Plus Investment, nhằm đầu tư dự án nhà máy điện Đak Lak, thời gian hợp tác là 4 năm kể từ ngày ký. Lợi nhuận được phân chia dựa theo kết quả kinh doanh khi dự án đi vào vận hành.

(14) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2104/2022/HTKD/PMC-CHI THUY ngày 20/04/2022 giữa Công ty con - Công ty TNHH Phoenix Mountain và Công ty Cổ phần Dịch vụ Chí Thủy, nhằm đầu tư mua lại cổ phần của Công ty Cổ phần Miền Đất Hoàng Thịnh Phát - Dự án Bình Trưng Đông, thời gian hợp tác 03 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Lợi nhuận được xác định theo kết quả kinh doanh của dự án vào ngày kết thúc hợp đồng.

6. PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

(15) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số HTKD.2020.01/DT1-KL1 ngày 17/12/2020 giữa Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công trình Toàn Phát; và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số HTKD.2020.01/DT2-KL1 ngày 17/12/2020 giữa Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2 và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công trình Toàn Phát. Các hợp đồng nhằm mục đích hợp tác đầu tư dự án phát triển năng lượng tái tạo ("Dự án"), và đầu tư trái phiếu, cổ phiếu. Thời gian hợp tác 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Lợi nhuận được phân chia theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án, theo tỷ lệ góp vốn, việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.

Liên quan đến việc thực hiện phát triển Dự án Nhà máy Điện gió giữa các Công ty con và Công ty Toàn Phát. Dự án này đang trong giai đoạn xin chấp thuận chủ trương đầu tư trước khi tiến hành xây dựng. Để dự án có thể được phê duyệt chủ trương đầu tư thì dự án này phải được đưa vào quy hoạch điện VIII. Theo đó, các chủ đầu tư và các bên tham gia vào BCC đã hoàn tất hồ sơ cần thiết để được Ủy ban Nhân dân các tỉnh đề xuất vào quy hoạch điện VIII. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, dự án điện gió này đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh đề xuất vào Kế hoạch triển khai Quy hoạch Điện VIII trong văn bản gửi cho Bộ Công Thương. Hiện tại, việc phê duyệt các dự án điện gió, điện mặt trời vào quy hoạch điện VIII đang chờ Bộ Công Thương phê duyệt cuối cùng. Tiếp theo đó, Tập đoàn sẽ tiếp tục làm việc với các cơ quan ban ngành có liên quan để có chấp thuận chủ trương đầu tư dự án cũng như hoàn tất các thủ tục pháp lý khác để có thể tiếp tục phát triển các dự án này.

(16) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1404/2022/HĐ-HTKD/HIS-PMC ngày 12/04/2022 giữa Công ty con - Công ty TNHH Phoenix Mountain và Công ty Cổ phần Hibiscus, nhằm đầu tư, sở hữu các thửa đất tại Phường Trường Thạnh, TP.Thủ Đức, thời gian hợp tác là 4 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Lợi nhuận được phân chia dựa trên lợi nhuận thu được theo tỷ lệ góp vốn nhưng không thấp hơn mức lợi nhuận tối thiểu đã thỏa thuận

(17) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2101/2022/HTKD/BCGF-ARTEMIS ngày 21/01/2022 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Financial và Công ty Cổ phần Artemis Investment, nhằm đầu tư vào các sản phẩm tài chính, thời hạn là 4 năm. Lợi nhuận được phân chia dựa trên lợi nhuận thu được theo tỷ lệ góp vốn nhưng không thấp hơn mức lợi nhuận tối thiểu đã thỏa thuận.

(18) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2704/2022/BCGL-MK ngày 27/04/2022 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land và Công ty Cổ phần Biệt thự Nghỉ dưỡng Mỹ Khê, nhằm hợp tác phát triển dự án bất động sản tại Tỉnh Quảng Ngãi, thời gian hợp tác là 4 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Khoản lợi tức được hưởng được xác định theo kết quả kinh doanh của dự án sau khi kết thúc dự án.

(19) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2805/2021/HTKD/CASA-VUTUAN ngày 28/05/2021 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort và Công ty Cổ phần Thương mại Vũ Tuấn, nhằm mua cổ phần của công ty dự án bất động sản tại TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, thời gian hợp tác 04 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Lợi nhuận phân chia được tính dựa vào lợi nhuận đầu tư của dự án và khoản lợi tức cụ thể trong từng giai đoạn.

(20) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2001/2021/HTKD-SSSG-NTNH ngày 20/01/2030 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn và bà Nguyễn Thị Ngọc Hòa, nhằm hợp tác đầu tư vào các sản phẩm tài chính đã niêm yết trên sàn HOSE, HNX hoặc UpCom. Thời gian hợp tác đến ngày 20/01/2025. Kết quả kinh doanh được xác định dựa theo kết quả đầu tư thực tế tương ứng với tỷ lệ góp vốn.

6. PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

(21) Khoản phải thu theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 17/2019/HTĐT/TCD-Helios ngày 24/04/2019, thời gian hợp tác đến hết ngày 23/04/2025 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải và Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios, nhằm hợp tác đầu tư cổ phần vào Công ty TNHH Thanh An An. Lợi nhuận phân chia được tính dựa vào lợi nhuận đầu tư và tỷ lệ đầu tư thực tế của các bên tham gia;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0103/HTKD/TRACODI-HELIOS ngày 01/03/2020, thời gian hợp tác đến hết ngày 28/02/2026 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải và Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios, nhằm hợp tác đầu tư Bất động sản Khu du lịch Sinh Thái Cồn Bắp và đầu tư cổ phần vào Công ty TNHH Thanh An An. Lợi nhuận phân chia được tính dựa vào lợi nhuận đầu tư và tỷ lệ đầu tư thực tế của các bên tham gia;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2803/2022/HĐ-HTKD/VINATAXI-HELIOS ngày 28/03/2022, thời hạn 03 năm kể từ ngày ký giữa Công ty con - Công ty Taxi Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios, nhằm hợp tác mua bất động sản thuộc Dự án Cồn Bắp. Lợi nhuận được xác định dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn vào ngày kết thúc hợp đồng.

(22) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01.2022/NH-LI ngày 20/01/2022 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng và Công ty Cổ phần Phát Triển Lion City, nhằm đầu tư Dự án khu du lịch Biển Mỹ Khê, đầu tư xây dựng đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, thời gian hợp tác là 4 năm. Lợi nhuận được phân chia dựa trên kết quả kinh doanh của dự án nhưng không thấp hơn mức lợi nhuận tối thiểu đã thỏa thuận.

(23) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0912/2022/BCGL-TP ngày 09/12/2022 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land và Công ty Cổ phần Thắng Phương, nhằm hợp tác đầu tư vào các sản phẩm tài chính đã niêm yết trên sàn HOSE, HNX hoặc UpCom. Thời gian hợp tác được gia hạn đến năm 2025. Kết quả kinh doanh được xác định dựa theo lợi nhuận của giao dịch và tương ứng với tỷ lệ góp vốn.

(24) Khoản phải thu theo các hợp đồng:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0803/2023/HTĐT/SSSG-NTNG ngày 08/03/2023 và số 1603/2023/SSSG-PLH ngày 15/03/2023 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn và bà Nguyễn Thị Ngọc Giàu, nhằm đầu tư phát triển Dự án tại TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Thời gian hợp tác là 3 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lợi nhuận được phân chia dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0712/2023/HĐHTKD/CAT TRINH-NTNG ngày 07/12/2023 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh và bà Nguyễn Thị Ngọc Giàu, nhằm đầu tư, sở hữu các thửa đất tại phường Trường Thạnh, TP. Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh. Thời gian hợp tác là 3 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Sau khi các thửa đất đủ điều kiện chuyển giao sẽ tiến hành phân chia lợi tức.

(25) Khoản phải thu theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa các Công ty con - Công ty TNHH MTV Helios Village, Công ty TNHH Phoenix Mountain và ông Lê Mai Long, nhằm đầu tư sở hữu các bất động sản tại Phường Trường Thạnh, TP.Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh. Thời gian hợp tác là 3 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lợi nhuận được phân chia dựa trên lợi nhuận thu được theo thỏa thuận giữa các bên.

7. NỢ XẤU

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá gốc	*Giá trị đã trích dự phòng*	*Giá gốc*	*Giá trị đã trích dự phòng*
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	57.145.303.025	(43.788.575.674)	116.833.274.445	(97.936.214.038)
Trong đó:				
- Phải thu khách hàng	50.393.183.263	(37.721.801.003)	104.610.898.835	(86.780.262.617)
- Tạm ứng	-	-	104.717.650	(104.717.650)
- Ký quỹ	-	-	1.800.000.000	(1.800.000.000)
- Phải thu khác	5.352.119.762	(4.666.774.671)	8.857.657.960	(7.791.233.771)
- Trả trước người bán	1.400.000.000	(1.400.000.000)	1.460.000.000	(1.460.000.000)
Cộng	**57.145.303.025**	**(43.788.575.674)**	**116.833.274.445**	**(97.936.214.038)**

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
- Nguyên liệu, vật liệu	52.913.321.696	-	73.090.971.560	-
- Công cụ, dụng cụ	1.221.270.189	-	680.355.171	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	3.604.945.013.867	(36.428.960.673)	2.599.500.798.825	(38.298.352.485)
- Thành phẩm	147.181.041.455	-	112.969.916.398	-
- Hàng hóa	5.424.400.157	-	6.818.503.846	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	**3.811.685.047.364**	**(36.428.960.673)**	**2.793.060.545.800**	**(38.298.352.485)**

Ghi chú:

(*) Trong đó, bao gồm:

- Chi phí đầu tư Dự án Khu Nghỉ mát Malibu MGM Hội An theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với mã số dự án 5412511324 được cấp bởi Ủy ban Nhân dân Tỉnh Quảng Nam lần đầu ngày 10 tháng 1 năm 2016 và các lần thay đổi do Công ty con - Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas làm chủ đầu tư.

- Chi phí đầu tư Dự án Khu Nghỉ mát Hội An D'Or theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được cấp bởi Ủy ban Nhân dân Tỉnh Quảng Nam lần đầu ngày 10 tháng 1 năm 2016 và các lần thay đổi do Công ty con - Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp làm chủ đầu tư.

- Và các khoản chi phí sản xuất kinh doanh khác tại các Công ty con.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị là 3.277.594.718.693 đồng đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay từ ngân hàng.

9. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	-	***41.300.000.000***
- Chi phí SXKD dở dang khác	-	41.300.000.000
b. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	***1.609.462.496.210***	***2.576.316.475.893***
- Xây dựng cơ bản dở dang	1.507.643.497.896	2.436.876.321.621
+ Dự án Khu du lịch sinh thái Cồn Bắp	*565.399.350.040*	-
+ Dự án Nhà máy điện mặt trời Krông Pa 2	*788.839.571.965*	*564.679.108.773*
+ Dự án Nhà máy điện Phù Mỹ	15.057.093.230	*1.871.762.328.348*
+ Dự án trung tâm thương mại Cù Chi	*434.884.300*	*434.884.300*
+ Dự án điện gió Đông Thành 1, Đông Thành 2, Sóc Trăng	*137.912.598.161*	-
- Mua sắm tài sản cố định	92.018.095.372	22.948.813.197
- Chi phí xây dựng khác	9.800.902.942	116.491.341.075
Cộng	**1.609.462.496.210**	**2.617.616.475.893**

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	2.108.158.767.395	5.858.472.386.956	922.476.114.179	9.913.185.778	36.583.713	8.899.057.038.021
2. Số tăng trong năm	4.879.574.495	1.978.816.798.168	110.490.864.464	753.089.520	113.837.200	2.095.054.163.847
- Mua trong năm	1.071.780.000	3.193.314.388	7.039.711.324	-	113.837.200	11.418.642.912
- Đầu tư XDCN hoàn thành	-	1.896.880.455.687	1.089.090.909	-	-	1.897.969.546.596
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	3.807.794.495	78.743.028.093	101.942.062.231	713.989.520	-	185.206.874.339
- Phân loại lại	-	-	420.000.000	39 100.000	-	459.100.000
3. Số giảm trong năm	-	24.784.498.410	33.620.975.555	361.950.919	36.583.713	58.804.008.597
- Thanh lý, nhượng bán	-	15.403 157.005	19.572.283.747	-	36.583.713	35.012.024.465
- Giảm do hợp nhất kinh doanh	-	-	4.056.144.178	-	-	4.056.144.178
- Phân loại lại	-	459.100.000	-	-	-	459.100.000
4. Số dư cuối năm	2.113.038.341.890	7.812.504.686.714	999.346.003.088	10.304.324.379	113.837.200	10.935.307.193.271
II. Giá trị hao mòn luỹ kế						
1. Số dư đầu năm	360.259.169.188	795.766.644.871	129.657.674.723	6.978.956.741	36.583.713	1.192.699.029.236
2. Khấu hao trong năm	111.388.753.359	374.362.010.478	135.476.463.761	1.352.603.805	7.905.360	622.587.736.763
- Khấu hao tăng trong năm	107.577.782.098	360.982.851.126	57.969.713.183	955 932.349	7.905.360	527.494.184.116
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	3.807.794.495	10.793.565.720	73.961.983.458	387.873.951	-	88.951.217.624
- Phân loại lại	3.176.766	2.585.593.632	3.544.767.120	8.797.505	-	6.142.335.023
3. Giảm trong năm	-	18.112.313.460	34.933.857.832	361.950.919	36.583.713	53.444.705.924
- Thanh lý, nhượng bán	-	9.469.823.672	18.299.572.392	-	36.583.713	27.805.979.777
- Giảm do hợp nhất kinh doanh	-	-	4.056.144.178	-	-	4.056.144.178
- Phân loại lại	-	11.974.271	2.585.593.632	-	-	2.597.567.903
4. Số dư cuối năm	371.647.922.547	1.152.016.341.889	230.200.280.652	7.969.609.627	7.905.360	1.761.842.060.075
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	1.847.899.598.207	5.062.705.742.085	792.818.439.456	2.934.229.037	-	7.706.358.008.785
2. Tại ngày cuối năm	1.741.390.419.343	6.660.488.344.825	769.145.722.436	2.334.714.752	105.931.840	9.173.465.133.196

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay, nợ *8.812.334.965.764 VND*

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: *157 753.262.505 VND*

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

Ngày 25 tháng 12 năm 2023, Thanh tra Chính phủ đã ban hành Thông báo số 3116/TB-TTCP kết luận thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật trong quản lý, thực hiện quy hoạch và đầu tư xây dựng các công trình điện theo Quy hoạch điện VII và Quy hoạch điện VII điều chỉnh kèm theo phụ lục số 01 về thông báo kết luận thanh tra tại Tỉnh Long An.

Theo đó:

- Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương ("BCG - Băng Dương") đã nhận bàn giao diện tích đất 50 ha từ Ban quản lí Huyện Thạnh Hóa, Tỉnh Long An trước khi được Ủy ban Nhân dân Tỉnh Long An cho thuê đất; và vượt 1,29 ha so với hạn mức quy định tại Khoản 4 điều 10 Thông tư số 16/2017/TT-BCT ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Bộ Công Thương Quy định về phát triển dự án và Hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời. Để khắc phục vấn đề này, ngày 15 tháng 6 năm 2023, BCG - Băng Dương đã có Công văn số 05/2023/CV-BCGBD gửi UBND Tỉnh Long An cùng các cơ quan có liên quan, đề nghị trả lại UBND Tỉnh Long An phần đất được giao vượt quy định. Vì đây là đất thuê và chưa có tài sản hình thành trên phần đất vượt hạn mức, do đó, việc hoàn trả lại phần đất vượt hạn mức nói trên không dẫn đến việc xóa sổ tài sản nào trên báo cáo tài chính hợp nhất này.

- Phần đất có diện tích 124,8 ha đã cấp cho Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương ("Hanwha - BCG Băng Dương") có nguồn gốc đất, rừng sản xuất. Để nghiệm thu Dự án nhà máy điện mặt trời GALA Tập đoàn phải được phê duyệt chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất năng lượng. Tập đoàn đã trúng đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất theo Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 15 tháng 1 năm 2020. Theo đó, Tập đoàn đã ký Hợp đồng thuê đất và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính và cam kết theo quy định. Việc thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất đã được Tập đoàn thực hiện sau khi trúng đấu giá quyền sử dụng đất từ tháng 1 năm 2020 và đã được UBND Tỉnh Long An phê duyệt. Tuy nhiên theo Thông báo của Thanh tra Chính phủ thì thẩm quyền phê duyệt chuyển đổi mục đích sử dụng đất này thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ. Để tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất của Dự án, ngày 26 tháng 10 năm 2023, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có cuộc họp với UBND Tỉnh Long An và UBND Tỉnh Long An đã rà soát để thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo Luật bảo vệ và phát triển rừng năm 2004. Theo đó, thẩm quyền chuyển đổi mục đích sử dụng đất nói trên thuộc UBND Tỉnh Long An (theo Thông báo kết luận cuộc họp số 7731/TB-BNN-VP ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng sản xuất sang đất năng lượng là phù hợp theo các quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng thuê đất với Tỉnh Long An vẫn tiếp tục có hiệu lực.

Theo đó, Ban điều hành Tập đoàn và Công ty con đánh giá ảnh hưởng của vấn đề nêu trên bởi Thông báo của Thanh tra Chính phủ đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn là thấp.

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	**17.888.753.803**	**17.888.753.803**
2. Số tăng trong năm	**17.982.081.820**	**17.982.081.820**
- Thuê TSCĐ tài chính trong năm	12.807.245.456	12.807.245.456
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	5.174.836.364	5.174.836.364
3. Số giảm trong năm	**4.253.720.603**	**4.253.720.603**
- Giảm khác	4.253.720.603	4.253.720.603
4. Số dư cuối năm	**31.617.115.020**	**31.617.115.020**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế		
1. Số dư đầu năm	**6.845.229.365**	**6.845.229.365**
2. Khấu hao trong năm	**4.625.768.820**	**4.625.768.820**
- Khấu hao tăng trong năm	4.604.496.535	4.604.496.535
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	21.272.285	21.272.285
3. Giảm trong năm	**3.544.767.120**	**3.544.767.120**
- Giảm khác	3.544.767.120	3.544.767.120
4. Số dư cuối năm	**7.926.231.065**	**7.926.231.065**
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	**11.043.524.438**	**11.043.524.438**
2. Tại ngày cuối năm	**23.690.883.955**	**23.690.883.955**

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	**513.520.000**	**399.518.014.730**	**46.625.683.435**	**446.657.218.165**
2. Số tăng trong năm	**-**	**21.308.928.922**	**685.226.750**	**21.994.155.672**
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	21.308.928.922	685.226.750	21.994.155.672
3. Số giảm trong năm	**-**	**-**	**-**	**-**
4. Số dư cuối năm	**513.520.000**	**420.826.943.652**	**47.310.910.185**	**468.651.373.837**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế				
1. Số dư đầu năm	**63.906.871**	**8.427.616.619**	**42.735.549.366**	**51.227.072.856**
2. Khấu hao trong năm	**12.167.272**	**8.427.616.618**	**1.371.777.369**	**9.811.561.259**
- Khấu hao tăng trong năm	12.167.272	8.427.616.618	848.286.734	9.288.070.624
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	523.490.635	523.490.635
3. Giảm trong năm	**-**	**-**	**-**	
4. Số dư cuối năm	**76.074.143**	**16.855.233.237**	**44.107.326.735**	**61.038.634.115**
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	**449.613.129**	**391.090.398.111**	**3.890.134.069**	**395.430.145.309**
2. Tại ngày cuối năm	**437.445.857**	**403.971.710.415**	**3.203.583.450**	**407.612.739.722**

Ghi chú:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 42.219.355.639 VND.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a. Ngắn hạn	***283.441.392.568***	***82.203.869.025***
- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	18.321.163.281	6.855.231.320
- Chi phí bảo hiểm	3.430.461.513	3.305.556.758
- Chi phí phát hành trái phiếu	861.130.267	25.000.000.000
- Chi phí hoa hồng bảo hiểm chưa phân bổ	22.176.379.197	14.142.615.436
- Chi phí môi giới bán hàng	55.541.638.059	-
- Chi phí khác	183.110.620.271	32.900.465.511
b. Dài hạn	***172.450.221.088***	***210.679.868.799***
- Quyền sử dụng đất thuê	49.625.088.755	1.760.479.820
- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.504.118.145	12.996.342.291
- Chi phí nâng cấp sửa chữa văn phòng, máy móc, thiết bị	21.077.796.436	13.063.959.600
- Chi phí Dự án khu nghỉ mát Malibu chờ phân bổ	49.656.462.438	116.094.307.963
- Chi phí khác	47.586.755.314	66.764.779.125
Cộng	**455.891.613.676**	**292.883.737.824**

14. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
a. Ngắn hạn	***1.823.813.876.939***	***1.823.813.876.939***	***1.981.773.747.641***	***1.981.773.747.641***
- Powerchina Jiangxi Electric Power Engineering Co., Ltd	492.064.171.618	492.064.171.618	545.885.677.208	545.885.677.208
- Công ty TNHH Powerchina Việt Nam	423.223.088.490	423.223.088.490	324.294.318.342	324.294.318.342
- Tổng Công ty Xây Dựng Số 1 - CTCP	142.985.497.531	142.985.497.531	186.279.636.427	186.279.636.427
- Các nhà cung cấp khác	765.541.119.300	765.541.119.300	925.314.115.664	925.314.115.664
b. Dài hạn	***105.627.982.231***	***105.627.982.231***	***191.037.276.046***	***191.037.276.046***
- Powerchina Jiangxi Electric Power Engineering Co., Ltd	-	-	103.964.826.965	103.964.826.965
- Công ty TNHH Powerchina Việt Nam	-	-	87.072.449.081	87.072.449.081
- Các nhà cung cấp khác	105.627.982.231	105.627.982.231	-	-
Cộng	**1.929.441.859.170**	**1.929.441.859.170**	**2.172.811.023.687**	**2.172.811.023.687**

c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán

d. Phải trả người bán là các bên liên quan

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a. Ngắn hạn	***3.207.551.986.728***	***3.259.131.147.761***
- Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	728.079.060.078	904.279.060.078
- Công ty Cổ phần Đầu Tư Thương Mại Dịch Vụ Gia Khang	965.662.461.672	746.224.936.944
- Các khách hàng khác	1.513.810.464.978	1.608.627.150.739
b. Dài hạn	-	-

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỘP CHO NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	*Số phải nộp trong năm*	*Số đã thực nộp trong năm*	*Số cuối năm*
a. Phải nộp	***265.277.761.505***	***400.289.365.366***	***414.171.486.577***	***251.395.640.294***
- Thuế giá trị gia tăng	42.867.783.562	174.769.566.791	171.005.766.298	46.631.584.055
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	201.051.233.920	112.989.439.186	140.031.007.711	174.009.665.395
- Thuế thu nhập cá nhân	6.458.937.903	21.610.462.742	21.343.090.665	6.726.309.980
- Thuế tài nguyên	11.120.745.175	58.357.077.243	58.843.436.873	10.634.385.545
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.092.350.063	1.075.260.501	17.089.562
- Thuế khác	1.055.058.125	14.692.100.995	7.716.272.541	8.030.886.579
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.724.002.820	16.778.368.346	14.156.651.988	5.345.719.378

	Số đầu năm	*Phát sinh giảm trong năm*	*Phát sinh tăng trong năm*	*Số cuối năm*
b. Phải thu	***3.547.546.712***	***103.012.132***	***3.145.230.890***	***6.589.765.470***
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.455.596.615	-	3.081.067.118	5.536.663.733
- Thuế khác	1.091.950.097	103.012.132	64.163.772	1.053.101.737

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a. Ngắn hạn	***489.905.768.696***	***542.831.418.466***
- Trích trước lãi vay, lãi trái phiếu, lãi hợp tác đầu tư	243.403.579.829	449.974.893.555
- Tạm trích chi phí xây dựng	164.812.088.295	42.524.071.999
- Chi phí phải trả khác	81.690.100.572	50.332.452.912
b. Dài hạn	-	-
Cộng	**489.905.768.696**	**542.831.418.466**

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	*2.678.959.630.975*	*1.916.981.921.631*
- Tài sản thừa chờ xử lý	37.551.325	40.402.115
- BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	2.270.837.258	948.106.499
- Nhận ký cược, ký quỹ	10.505.905.838	600.000.000
- Phải trả lãi vay, lãi BCC	272.084.211.009	242.911.771.656
- Các khoản phải trả BCC	2.093.439.974.249	1.521.958.581.624
+ Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thiên Như Ý	-	745.944.328.768
+ Công ty Cổ phần Thương mại Vũ Tuấn	-	350.000.000.000
+ Công ty CP TV Thiết kế xây dựng Tầm Nhìn Mới (1)	1.425.000.000.000	-
+ Công ty TNHH Kinh Doanh Dịch vụ BĐS Thăng Long (2)	378.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Đầu Tư Thương Mại Dịch Vụ Gia Khang (9)	177.529.250.000	-
+ Các đối tượng khác	112.910.724.249	426.014.252.856
- Các khoản khác	300.621.151.296	150.523.059.737
b. Dài hạn	*2.962.815.808.780*	*6.547.555.089.529*
- Nhận ký cược, ký quỹ	42.839.190.000	41.460.282.000
- Các khoản phải trả BCC	2.908.407.000.000	6.496.144.669.000
+ Công ty Cổ phần BCG Land Gateway (3)	456.000.000.000	490.525.000.000
+ Công ty Cổ phần Skylar Flagship	-	420.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Daffodils (4)	203.355.000.000	350.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Chi Thủy (5)	520.000.000.000	750.000.000.000
+ Công ty Cổ phần TV Thiết kế xây dựng Tầm Nhìn Mới (1)	-	1.425.000.000.000
+ Công ty CP ĐT Xây Dựng Dịch Vụ Thương Mại Phương Nam (6)	625.000.000.000	750.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Mega Solar	-	387.167.000.000
+ Công ty CP MGM Hanbit (7)	400.000.000.000	400.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Artemis Investment (8)	519.052.000.000	395.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu Tư Thương Mại Dịch Vụ Gia Khang (9)	104.000.000.000	366.297.000.000
+ Các đối tượng khác	81.000.000.000	762.155.669.000
- Các khoản khác	11.569.618.780	9.950.138.529

c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán

Ghi chú:

(1) Khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HTKD/BCG-TNM ngày 20/04/2022 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital và Công ty Cổ phần Tư Vấn Thiết Kế Xây Dựng Tầm Nhìn Mới về việc tìm dự án năng lượng điện mặt trời và điện gió, dự án bất động sản tiềm năng trên địa bàn Việt Nam. Căn cứ các biên bản làm việc trong năm 2022 thì các bên thống nhất không tiếp tục thực hiện hợp đồng, thời hạn hoàn trả toàn bộ dư nợ tối đa 18 tháng kể từ ngày 30/12/2022.

(2) Khoản phải trả của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 07/2021/HĐHTKD-BCG-BDSTL ngày 10/03/2021 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital và Công ty TNHH Kinh Doanh Dịch vụ BĐS Thăng Long. Mục đích góp vốn đầu tư vào dự án bất động sản thuộc sở hữu hoặc phát triển bởi Công ty Cổ Phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh. Căn cứ các biên bản làm việc trong năm 2022 thì các bên thống nhất không tiếp tục thực hiện hợp đồng, thời hạn hoàn trả toàn bộ dư nợ tối đa 18 tháng kể từ ngày 16/12/2022.

18. PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP THEO)

(3) Khoản phải trả theo các hợp đồng:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 230601/2021/HTKD/GATEWAY-DT1 ngày 23/06/2021 giữa Công ty Cổ phần BCG Land Gateway và Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1, thời hạn 10 năm kể từ ngày ký hợp đồng để cùng hợp tác đầu tư vào Dự án nhà máy điện gió Đông Thành 1. Lợi nhuận được phân chia theo lợi nhuận của dự án theo tỷ lệ góp vốn nhưng không thấp hơn mức lợi nhuận tối thiểu đã thỏa thuận giữa các bên;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 230601/2021/HTKD/GATEWAY-DT2 ngày 23/06/2021 giữa Công ty Cổ phần BCG Land Gateway và Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2, thời hạn 10 năm kể từ ngày ký hợp đồng để cùng hợp tác đầu tư vào Dự án nhà máy điện gió Đông Thành 2. Lợi nhuận được phân chia theo lợi nhuận của dự án theo tỷ lệ góp vốn nhưng không thấp hơn mức lợi nhuận tối thiểu đã thỏa thuận giữa các bên.

(4) Khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1506/2021/HĐ-HTĐT ngày 15/06/2021 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort và Công ty Cổ phần Daffodils, nhằm hợp tác phát triển dự án bất động sản tại Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định. Thời hạn hợp tác là 04 năm kể từ ngày ký hợp đồng, lợi nhuận được xác định theo kết quả kinh doanh của dự án và khoản lợi tức cụ thể trong từng giai đoạn

(5) Khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 25.04/2022/HĐ-HTĐT ngày 25/04/2022 và các Phụ lục hợp đồng giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital và Công ty Cổ phần Dịch vụ Chi Thủy. Mục đích đầu tư vào Dự án tại Phường Nghĩa Phú, TP.Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông do Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital làm chủ đầu tư. Thời gian thực hiện 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lợi nhuận phân chia dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn hợp tác.

(6) Khoản phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 25.02/HĐ-HTĐT/PN-PMT ngày 25/02/2022 giữa Công ty con - Công ty TNHH Phoenix Mountain và Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Dịch Vụ Thương Mại Phương Nam. Thời gian hợp tác là 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích đầu tư điểm du lịch 2A, tuyến Quy Nhơn - Sông Cầu, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định. Lợi nhuận được phân chia dựa theo kết quả kinh doanh của dự án nhưng không thấp hơn mức lợi nhuận tối thiểu đã thỏa thuận giữa các bên.

(7) Khoản phải trả theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01.12/2021/HĐ-HTĐT/ĐTI-MGM ngày 01/12/2021 giữa Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 và Công ty Cổ phần MGM Hanbit, nhằm hợp tác đầu tư vào Dự án Nhà máy điện gió Đông Thành 1, thời hạn hợp tác 10 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Lợi nhuận được chia theo lợi nhuận của dự án theo tỷ lệ vốn góp nhưng không thấp hơn mức lợi nhuận tối thiểu đã thỏa thuận giữa các bên.

(8) Bao gồm khoản phải trả theo các hợp đồng sau giữa Công ty và Công ty Cổ phần Artemis Investment:
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 04/2023/HTKD-BCG-ART ngày 20/10/2023 về việc đầu tư vào Dự án tại Phường Nghĩa Phú, TP.Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông do Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital làm chủ đầu tư. Thời gian hợp tác là 04 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Dựa vào kết quả đầu tư kinh doanh vào các dự án, các bên phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế của dự án, việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0512/HTKD/BCG-ART ngày 05/12/2022, nhằm hợp tác đầu tư các dự án năng lượng điện mặt trời và điện gió. Thời gian hợp tác là 03 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Lợi nhuận phân chia dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn hợp tác trên tổng mức đầu tư của dự án, việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.

18. PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP THEO)

(9) Bao gồm các khoản phải trả theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng hợp tác số 1208/2020/HTKD/GK-TRACODI ngày 12/08/2020 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải và Công ty Cổ phần Đầu Tư Thương Mại Dịch Vụ Gia Khang, thời hạn hợp tác 04 năm kể từ ngày ký để cùng đầu tư vào các sản phẩm tài chính. Công ty sẽ phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng hợp tác đầu tư. Lợi nhuận phân chia được tính dựa vào lợi nhuận dự án và tỷ lệ đầu tư thực tế của các bên tham gia.

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2510/HTĐT-GK-BCG ngày 25/10/2021 giữa Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang về việc đầu tư vào Dự án Điểm du lịch số 2A do Công ty TNHH Phoenix Mountain làm chủ đầu tư. Thời gian hợp tác là 06 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Lợi nhuận phân chia dựa vào kết quả hoạt động kinh doanh của dự án tại thời điểm phân chia lợi nhuận, sau khi kết thúc dự án hai bên sẽ thống nhất tỷ lệ phân chia lợi nhuận bằng văn bản dựa theo tình hình kết quả hoạt động của dự án.

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a. Ngắn hạn	***439.871.998.269***	***330.545.000.868***
- Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	335.821.064.861	134.594.973.912
- Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	70.894.582.885	168.151.894.698
- Dự phòng dao động lớn	33.156.350.523	27.798.133.258
b. Dài hạn	***2.283.435.069***	***1.724.405.975***
- Dự phòng phải trả khác	2.283.435.069	1.724.405.975

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

		Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn							
a.1 Vay ngắn hạn		2.217.252.000.572	2.217.252.000.572	2.653.247.532.494	2.682.478.527.969	2.188.021.005.097	2.188.021.005.097
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	(1)	687.306.463.974	687.306.463.974	659.556.289.528	733.355.257.976	613.507.495.526	613.507.495.526
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	(1)	5.307.840.000	5.307.840.000	19.985.713.765	16.860.858.069	8.432.695.696	8.432.695.696
- Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	(1)	30.600.000.000	30.600.000.000	30.600.000.000	30.600.000.000	30.600.000.000	30.600.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	(1)	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	(1)	191.543.173.463	191.543.173.463	164.870.071.917	117.874.349.330	238.538.996.050	238.538.996.050
- Ngân hàng TMCP Nam Á	(1)	300.000.000.000	300.000.000.000	1.054.600.000.000	1.054.600.000.000	300.000.000.000	300.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	(1)	44.248.373.819	44.248.373.819	59.642.784.068	76.860.695.798	27.030.462.089	27.030.462.089
- Công ty TNHH Du Lịch Sinh Thái Cồn Bắp		20.000.000.000	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Phương Đông	(1)	9.963.275.570	9.963.275.570	6.833.268.958	10.463.275.570	6.333.268.958	6.333.268.958
- Công ty TNHH Sembcorp Energy Việt Nam	(2)	641.520.000.000	641.520.000.000	17.955.000.000	-	659.475.000.000	659.475.000.000
- Công ty TNHH Sembcorp Solar Việt Nam		-	-	11.300.000.000	11.300.000.000	-	-
- Leader Energy (Vietnam) Pte. Ltd.	(3)	112.622.400.000	112.622.400.000	3.152.100.000	-	115.774.500.000	115.774.500.000
- Ngân hàng TMCP An Bình		-	-	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-
- Ngân hàng MSB	(1)	-	-	8.888.888.904	-	8.888.888.904	8.888.888.904
- Các đối tượng khác		124.140.473.746	124.140.473.746	265.863.415.354	260.564.191.226	129.439.697.874	129.439.697.874

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)						
a.2 Vay dài hạn đến hạn trả	**719.455.444.880**	**719.455.444.880**	**1.198.150.977.191**	**1.260.559.761.177**	**657.046.660.894**	**657.046.660.894**
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	178.350.000	178.350.000	178.350.000	178.350.000	178.350.000	178.350.000
- Ngân hàng TMCP Nam Á	126.429.435.424	126.429.435.424	424.991.745.796	528.429.435.424	22.991.745.796	22.991.745.796
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	123.847.633.460	123.847.633.460	70.655.578.444	134.435.461.322	60.067.750.582	60.067.750.582
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	273.122.500.000	273.122.500.000	514.150.000.000	353.122.500.000	434.150.000.000	434.150.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	30.800.000.000	30.800.000.000	-	7.800.000.000	23.000.000.000	23.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam-CN TP.HCM	271.144.000	271.144.000	271.144.000	271.144.000	271.144.000	271.144.000
- Công ty TNHH Du Lịch Sinh Thái Cồn Bắp	105.700.000.000	105.700.000.000	-	105.700.000.000	-	-
- Ngân hàng TNHH Indovina	59.106.381.996	59.106.381.996	14.776.595.499	73.882.977.495	-	-
- Công ty TNHH MTV Tài Chính Toyota Việt Nam	-	-	1.141.600.032	570.800.016	570.800.016	570.800.016
- DBS Bank Ltd, Singapore	-	-	171.985.963.420	56.169.092.920	115.816.870.500	115.816.870.500
a.3 Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	**31.176.173.260**	**31.176.173.260**	**12.784.194.316**	**39.176.173.260**	**4.784.194.316**	**4.784.194.316**
- Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV-SuMi TRUST - Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh *(12)*	2.030.977.260	2.030.977.260	1.088.374.716	2.030.977.260	1.088.374.716	1.088.374.716
- Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín *(13)*	-	-	3.314.067.600	-	3.314.067.600	3.314.067.600
- Ngân hàng TMCP Phát Triển Tp.Hồ Chí Minh	29.145.196.000	29.145.196.000	8.381.752.000	37.145.196.000	381.752.000	381.752.000
Cộng	2.967.883.618.712	2.967.883.618.712	3.864.182.704.001	3.981.214.462.406	2.849.851.860.307	2.849.851.860.307

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

		Số đầu năm		*Trong năm*		*Số cuối năm*	
		Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Tăng*	*Giảm*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn							
b.1 Vay dài hạn		**4.428.626.053.616**	**4.428.626.053.616**	**3.049.289.093.984**	**2.953.246.449.832**	**4.524.598.697.768**	**4.524.598.697.768**
- Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	*(4)*	753.030.000	753.030.000	-	167.340.000	585.690.000	585.690.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	*(5)*	237.800.000	237.800.000	-	178.350.000	59.450.000	59.450.000
- Ngân hàng TMCP Nam Á		93.741.745.796	93.741.745.796	396.800.000.000	490.541.745.796	-	-
- Ngân hàng TNHH Indovina		620.617.005.353	620.617.005.353	-	620.617.005.353	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	*(6)*	2.027.661.436.696	2.027.661.436.696	364.481.666.343	515.350.000.000	1.876.793.103.039	1.876.793.103.039
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	*(7)*	33.338.523.142	33.338.523.142	-	23.000.000.000	10.338.523.142	10.338.523.142
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	*(8)*	1.087.260.450.936	1.087.260.450.936	349.590.870.031	536.520.004.304	900.331.316.663	900.331.316.663
- Ngân hàng TMCP Phát Triển Tp.Hồ Chí Minh		368.886.061.693	368.886.061.693	-	368.886.061.693	-	-
- Công ty TNHH MTV Tài Chính Toyota Việt Nam	*(9)*	-	-	2.246.066.672	570.800.040	1.675.266.632	1.675.266.632
- Công ty TNHH Du Lịch Sinh Thái Cồn Bắp		80.000.000.000	80.000.000.000	-	80.000.000.000	-	-
- DBS Bank Ltd., Singapore	*(10)*	-	-	1.887.733.453.940	190.985.513.000	1.696.747.940.940	1.696.747.940.940
- Ngân hàng MSB	*(11)*	-	-	37.037.036.998	9.629.629.646	27.407.407.352	27.407.407.352
- Các đối tượng khác		116.130.000.000	116.130.000.000	11.330.000.000	116.800.000.000	10.660.000.000	10.660.000.000

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

		Số đầu năm	
		Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*
b.2 Nợ thuê tài chính dài hạn		**7.680.620.547**	**7.680.620.547**
- Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV Sumi Trust - Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh	*(12)*	4.142.020.506	4.142.020.506
- Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương	*(13)*	-	-
- Ngân hàng TMCP Phát Triển		331.752.000	331.752.000
- Công ty Thuê Tài Chính TNHH BIDV	*(14)*	2.343.416.041	2.343.416.041
- Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam-CN TP.HCM	*(15)*	813.432.000	813.432.000
Cộng		**4.436.306.674.163**	**4.436.306.674.163**

Trong năm		*Số cuối năm*	
Tăng	*Giảm*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
16.384.484.292	**11.213.258.729**	**12.851.846.110**	**12.851.846.110**
-	1.375.829.092	2.766.191.414	2.766.191.414
16.384.484.292	8.157.179.100	8.227.305.192	8.227.305.192
-	381.752.000	-	-
-	1.027.354.537	1.316.061.504	1.316.061.504
-	271.144.000	542.288.000	542.288.000
3.065.603.578.276	**2.964.459.708.561**	**4.537.450.543.878**	**4.537.450.543.878**

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

		Giá trị	Số đầu năm Lãi suất
c. Trái phiếu thường			
c.1 Trái phiếu dài hạn đến hạn trả		**67.636.791.580**	
- Trái phiếu chuyển đổi không thực hiện quyền		67.636.791.580	7,0%
- Loại phát hành theo mệnh giá - Mã trái phiếu TCDH2124002	*(17)*		
- Loại phát hành theo mệnh giá	*(19)*	-	
+ Mã trái phiếu BCLCH2124001			
+ Chi phí phát hành trái phiếu			
c.2 Trái phiếu dài hạn		**7.251.460.977.778**	
- Loại phát hành theo mệnh giá	*(16)*	497.141.666.663	11,5%
+ Mã trái phiếu BCG122006		*500.000.000.000*	
+ Chi phí phát hành trái phiếu		*(2.858.333.337)*	
- Loại phát hành theo mệnh giá - Mã trái phiếu TCDH2124002	*(17)*	500.000.000.000	11,5%
- Loại phát hành theo mệnh giá	*(18)*	972.708.200.000	11,0%
+ Mã trái phiếu TCDH2227002		*990.000.000.000*	
+ Chi phí phát hành trái phiếu		*(17.291.800.000)*	
- Loại phát hành theo mệnh giá		999.111.111.111	14,0%
+ Mã trái phiếu là EBCCH2124002		*1.000.000.000.000*	
+ Chi phí phát hành trái phiếu		*(888.888.889)*	
- Loại phát hành theo mệnh giá		1.284.583.333.336	14,0%
+ Mã trái phiếu EBCCH2124003		*1.286.000.000.000*	
+ Chi phí phát hành trái phiếu		*(1.416.666.664)*	
- Loại phát hành theo mệnh giá	*(19)*	2.497.916.666.668	11,0%
+ Mã trái phiếu BCLCH2124001		*2.500.000.000.000*	
+ Chi phí phát hành trái phiếu		*(2.083.333.332)*	
- Loại phát hành theo mệnh giá	*(20)*	500.000.000.000	13,0%
Cộng		**7.319.097.769.358**	

d. Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

	Số cuối năm		
Kỳ hạn	*Giá trị*	*Lãi suất*	*Kỳ hạn*
	299.583.333.336		
3 năm	-		
	300.000.000.000	11,5%	3 năm
	(416.666.664)		
	(416.666.664)		
	4.477.475.066.659		
5 năm	497.841.666.659	11,5%	5 năm
	500.000.000.000		
	(2.158.333.341)		
3 năm			
5 năm	979.633.400.000	11,0%	5 năm
	990.000.000.000		
	(10.366.600.000)		
3 năm	-		
3 năm	-		
3 năm	2.500.000.000.000	11,0%	5 năm
	2.500.000.000.000		
5 năm	500.000.000.000	13,0%	5 năm
	4.777.058.399.995		

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

Chi tiết số dư tại ngày 31/12/2023 của các khoản vay và nợ thuê tài chính được trình bày như sau:

(1) Khoản vay từ các Ngân hàng thương mại theo các Hợp đồng tín dụng của Công ty và các Công ty con, các khoản vay được rút bằng đồng Việt Nam hoặc đồng Đô la Mỹ, dùng để bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo là nhà xưởng, máy móc thiết bị, khoản phải thu đã hình thành luân chuyển và tiền gửi có kỳ hạn thuộc sở hữu của các Công ty con và tài sản của bên thứ ba (Xem Thuyết minh V.01, V.04 và V.10).

(2) Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng vay ngày 10/01/2022 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy và Công ty TNHH Sembcorp Energy Việt Nam, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay là đến ngày 30/06/2024, lãi suất 8%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản của các bên bảo lãnh chi tiết như sau:

Bên bảo lãnh	Tài sản thế chấp
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	Vốn góp vào Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 Vốn góp vào Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2 Tất cả tài khoản ngân hàng của Công ty bao gồm các tài khoản tại Ngân hàng TMCP Nam Á, Ngân hàng TMCP Phương Đông, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Công ty Cổ phần BCG Energy	Vốn góp vào Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 Vốn góp vào Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2 Vốn góp vào Công ty Cổ phần BCG Gaia Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Bãng Dương Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bãng Dương
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	Tất cả tài sản thuộc Dự án Điện gió Đông Thành 1 Tất cả giấy tờ pháp lý liên quan đến Dự án Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Nam Á
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	Tất cả tài sản và giấy tờ pháp lý thuộc Dự án Nhà máy Điện gió Đông Thành 2 Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Nam Á
Công ty Cổ phần Điện gió Khai Long 1	Tất cả tài sản và giấy tờ pháp lý thuộc Dự án Nhà máy Điện gió khu du lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn 1 Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Nam Á
Công ty Cổ phần Điện gió Khai Long 2	Tất cả tài sản và giấy tờ pháp lý thuộc Dự án Nhà máy Điện gió khu du lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn 2 Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Nam Á
Công ty Cổ phần Điện gió Khai Long 3	Tất cả tài sản và giấy tờ pháp lý thuộc Dự án Nhà máy Điện gió khu du lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn 3 Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Nam Á

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

Bên bảo lãnh	Tài sản thế chấp
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Tất cả tài sản và giấy tờ pháp lý thuộc Dự án nhà máy Điện gió BCG Sóc Trăng 1 Các tài khoản ngân hàng của Công ty tại Ngân hàng TMCP Nam Á, Ngân hàng TMCP Phương Đông
Ông Nguyễn Hồ Nam	5 triệu cổ phiếu trong Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital
Ông Phạm Minh Tuấn	2,369 triệu cổ phiếu trong Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital 22 500 cổ phiếu Công ty Cổ phần BCG Gaia
Bà Hoàng Thị Minh Châu	2.500 cổ phiếu Công ty Cổ phần BCG Gaia

(3) Khoản vay tín chấp của Công ty con - Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch để thanh toán cho nhà thầu xây dựng cũng như các hoạt động kinh doanh của Công ty con. Thời hạn thanh toán dưới 1 năm, lãi suất áp dụng là từ 10,5% đến 12,5%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(4) Đây là khoản vay trung hạn của Công ty con - Công ty Cổ phần Thành Phúc ("Thành Phúc") theo Hợp đồng tín dụng số 4603-LAV-202201817 ngày 21/06/2022. Khoản vay được rút bằng đồng Việt Nam, thời hạn vay 05 năm, trả gốc định kỳ 06 tháng/lần. Lãi suất 9%/năm, trả lãi theo từng quý. Khoản vay được đảm bảo bằng máy móc của Công ty Thành Phúc.

(5) Khoản vay dài hạn của Công ty để mua xe ô tô. Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận tải của Công ty (xem Thuyết minh V.10).

(6) Bao gồm các Hợp đồng vay dài hạn của các Công ty con với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam:

Khoản vay của Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch. Hạn mức tín dụng là 2.623 tỷ đồng để thanh toán chi phí đầu tư Dự án Điện mặt trời Phù Mỹ 123 - Giai đoạn 1. Thời hạn vay đến ngày 05/05/2031, lãi suất được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND cộng biên độ tối thiểu 4%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai và toàn bộ động sản thuộc của công ty con; quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện; toàn bộ cổ phần và quyền tài sản phát sinh từ dự án (xem Thuyết minh V.02; V.10).

Khoản vay bằng Đồng Việt Nam của Công ty Cổ phần BCG Land với hạn mức vay là 6 tỷ đồng nhằm mục đích thanh toán các chi phí liên quan đến 2 xe ô tô, lãi suất được xác định bằng lãi suất cơ bản cộng (+) biên độ tối thiểu 4%/năm với thời gian được xác định theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận tải theo Hợp đồng thế chấp động sản số 14/2022/HDBĐ/NHCT944-BCGLAND ngày 29 tháng 4 năm 2022 (xem Thuyết minh V.10).

Khoản vay của Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp với hạn mức vay là 400 tỷ đồng nhằm mục đích thanh toán công nợ dự án với thời hạn 36 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 1 tháng một lần và được xác định bằng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 4,5%/năm nhưng không thấp hơn sàn lãi suất cho vay kinh doanh bất động sản của ngân hàng trong từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo là toàn bộ Quyền sử dụng đất thuộc một dự án tại Thành phố Hội An ("Dự án"), tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của Dự án và các tài sản khác đủ điều kiện nhận bảo đảm theo quy định.

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(7) Hợp đồng vay dài hạn

Khoản vay dài hạn của Công ty Cổ phần Skylar nhằm đầu tư Dự án điện năng lượng mặt trời. Thời hạn vay đến 19/12/2027, lãi suất được quy định theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ hệ thống điện năng lượng mặt trời mái nhà hình thành trong tương lai và đã hình thành trên các mái nhà theo các Hợp đồng thuê mái; toàn bộ quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê của công ty trong tập đoàn; Toàn bộ phần vốn góp của công ty trong Công ty cùng Tập đoàn; và Bảo lãnh cá nhân của chủ tịch.

(8) Bao gồm các Hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Tiên Phong:

Khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong với hạn mức tín dụng là 60 tỷ đồng. Thời hạn vay 60 tháng. Mục đích là góp vốn hợp tác thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng ĐT 830 và ĐT 824 từ cầu An Thạnh đến thị trấn Đức Hoà tỉnh Long An theo hình thức hợp đồng BOT. Tài sản đảm bảo là dự án nâng cấp, mở rộng ĐT 830 và ĐT 824 từ cầu An Thạnh đến thị trấn Đức Hòa, Tỉnh Long An (xem mục V.06 thuyết minh báo cáo tài chính riêng này). Lãi suất 3 tháng đầu tiên là 10,4%/năm, lãi các kỳ tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần và bằng lãi suất cơ sở trong hạn 3 tháng (KHDN) của TPbank tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 4%/năm.

Khoản vay của Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long theo Hợp đồng vay dài hạn số 69/2020/HDTD/TTKHDNL MN2/01 ngày 14/01/2021 với hạn mức vay 710 tỷ đồng để tài trợ chi phí đầu tư Dự án Nhà máy điện mặt trời VNECO Vĩnh Long. Thời hạn vay đến ngày 15/01/2036, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ. Hợp đồng vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai của Nhà máy điện mặt trời tại công ty con; quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện.

Khoản vay của Công ty con – Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas thể hiện khoản vay bằng Đồng Việt Nam với tổng hạn mức vay là 800.000.000.000 đồng nhằm mục đích đầu tư Dự án Khu nghỉ mát Malibu MGM Hội An, có thời hạn 24 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên. Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và được xác định bằng lãi suất cho vay cơ sở trung hạn kỳ hạn 03 tháng của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ cụ thể theo từng thông báo nhận nợ. Tài sản đảm bảo là thư bảo lãnh vay vốn của Ngân hàng TMCP Nam Á cho nghĩa vụ của Công ty trong quá trình vay vốn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong.

(9) Khoản vay dài hạn của Công ty con - Công ty Taxi Việt Nam theo chương trình tín dụng CP1909CO để mua xe ô tô. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất được quy định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo là xe ô tô hình thành từ vốn vay.

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(10) Khoản vay dài hạn nước ngoài giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Gaia và DBS Bank Ltd., Singapore. Giá trị khoản vay 77.500.000 USD được giải ngân toàn bộ vào 06/06/2023. Mục đích vay để tài trợ cho các dự án, hợp đồng hợp tác kinh doanh và kế hoạch kinh doanh. Thời hạn khoản vay 12 năm. Gốc + lãi thanh toán 03 tháng/lần. Ngày trả gốc + lãi đầu tiên là 15/08/2023. Đồng tiền trả Nợ gốc + lãi là USD. Lãi là lãi kép tích lũy với lãi suất bằng tổng phần trăm hàng năm của lãi biên và lãi suất tham chiếu kép (= SOFR +2.9%). Khoản vay được được thế chấp bằng những tài sản chi tiết sau:

Bên bảo lãnh	Tài sản thế chấp
Công ty Cổ phần BCG Energy	Vốn góp vào Công ty Cổ phần BCG GAIA Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bình Dương Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Bình Dương
Công ty Cổ phần BCG GAIA	Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha – BCG Bình Dương Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng BCG – Bình Dương Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng DBS Tất cả quyền và lợi ích phát sinh từ hợp đồng hợp tác kinh doanh
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bình Dương Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Bình Dương
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bình Dương	Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng DBS - Chi nhánh TP.HCM Toàn bộ bất động sản thuộc Dự án Tất cả quyền và lợi ích phát sinh từ Dự án
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Bình Dương	Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng DBS - Chi nhánh TP.HCM Toàn bộ động sản thuộc Dự án Tất cả quyền và lợi ích phát sinh từ Dự án
Công ty TNHH Sembcorp Energy Việt Nam	Vốn góp vào Công ty Cổ phần BCG GAIA
Ông Phạm Minh Tuấn	Vốn góp vào Công ty Cổ phần BCG GAIA
Bà Phạm Thị Hoàng Châu	Vốn góp vào Công ty Cổ phần BCG GAIA

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(11) Khoản vay theo hợp đồng cho vay số 2501/2021/MSB-GH/HDCV giữa Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam và Công ty Cổ phần Phát triển Điện Gia Huy với số tiền vay là 60.000.000.000 VND. Thời hạn vay: 84 tháng. Mục đích vay để tài trợ chi phí xây dựng dự án điện mặt trời mái nhà do Công ty là chủ đầu tư tại Kho B4, C2, C3, C4, C5, C6, Siêu Thị Gỗ Tây, khu ICD Tân Cảng Long Bình, phường Long Bình, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai - Tại kho xưởng của Công ty Cổ phần Tân Vĩnh Cửu, Long Bình, Biên Hòa, Đồng Nai. Lãi suất 7,3 %/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của Công ty Gia Huy (xem Thuyết minh V.10).

(12) Bao gồm các Hợp đồng thuê tài chính với Công ty Cho Thuê Tài chính TNHH BIDV-SuMi TRUST:

- Khoản thuê tài chính của Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải để mua xe ôtô. Số tiền vay và thời hạn vay được xác định theo từng hợp đồng.

- Khoản thuê tài chính của Công ty con - Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA để mua xe ô tô , thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 8,5%/năm trong 6 tháng đầu, sau đó là Lãi suất tham chiếu.

(13) Khoản vay dài hạn của Công ty con - Công ty Taxi Việt Nam để thuê xe ô tô phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty con. Thời hạn vay và lãi suất được quy định theo từng hợp đồng cho thuê tài chính. Tài sản đảm bảo là khoản tiền ký cược bảo đảm có giá trị tại 31/12/2023 là 883.750.000 đồng.

(14) Đây là khoản nợ thuê tài chính giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Tapiotek và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 21821000398/HĐCTTC. Thời hạn cho thuê 36 tháng. Lãi suất thuê 7%/năm. Tài sản đảm bảo là khoản tiền ký cược bảo đảm có giá trị tại 31/12/2023 là 389.755.186 đồng.

(15) Đây là khoản thuê tài chính của Công ty con - Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy theo hợp đồng CTTC số 63.22.07/CTTC ký ngày 25/10/2022, thời hạn vay 04 năm. Hợp đồng thuê tài chính này chịu lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng hình thức trả lãi sau áp dụng đối với cá nhân, do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm đó cộng biên độ 2,5%/năm.

(16) Trái phiếu chào bán ra công chúng và đã được niêm yết tại Sàn chứng khoán HNX với Mã trái phiếu là BCG122006. Mệnh giá: 100.000 đồng/Trái phiếu. Kỳ hạn trái phiếu: 5 năm. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, và không có đảm bảo. Trái phiếu có lãi suất kết hợp lãi suất cố định và lãi suất thả nổi được xác định như sau: 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 11.5%/năm. Các kỳ tính lãi tiếp theo sau 2 kỳ tính lãi đầu tiên là lãi suất thả nổi được xác định theo công thức như sau: Lãi suất = lãi suất tham chiếu tại kỳ tính lãi đó + biên độ 6%/năm.

(17) Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tư vấn phát hành và đại lý lưu ký. Mã trái phiếu là TCDH2124002, ngày phát hành 28/12/2021, số lượng 500.000 trái phiếu, mệnh giá: 1.000.000 đồng/trái phiếu, thời hạn trái phiếu là 36 tháng. Loại hình trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo. Mục đích phát hành để tăng quy mô vốn cụ thể là nâng cao năng lực, tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng và bất động sản. Trong năm, thực hiện Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, Công ty đã thực hiện mua lại 200.000 trái phiếu trước hạn.

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(18) Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong tư vấn phát hành và đại lý lưu ký. Mã trái phiếu là TCDH2227002, ngày phát hành 27/09/2022, số lượng 9.900 trái phiếu, mệnh giá: 100.000.000 đồng/trái phiếu, thời hạn trái phiếu là 60 tháng. Loại hình trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo. Mục đích phát hành để cơ cấu lại nợ của Công ty.

(19) Trái phiếu phát hành theo mệnh giá bằng Đồng Việt Nam nhằm mục đích hợp tác đầu tư và/hoặc đầu tư phát triển dự án bất động sản Kinh Dương Vương tại Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh. Tổng mệnh giá là 2.500.000.000.000 đồng, kỳ hạn ba mươi sáu (36) tháng kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2021 và được gia hạn thêm 2 năm đến ngày 31 tháng 3 năm 2026. Lãi suất trong bốn (4) kỳ tính lãi đầu tiên là 11%/năm, sau đó lãi suất được xác định bằng lãi suất tham chiếu công bố tại ngày xác định lãi suất có liên quan cộng (+) biên độ 4%/năm nhưng không thấp hơn 11%/năm. Kỳ tính lãi ba (3) tháng/lần.

Trái phiếu của Công ty đã được đăng ký và cấp mã trái phiếu tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam kể từ ngày 6 tháng 10 năm 2023. Tập đoàn được phép thu hồi một phần hoặc toàn bộ số trái phiếu sau mười hai (12) tháng kể từ ngày phát hành theo các quy định cụ thể.

Khoản trái phiếu này được đảm bảo bằng cổ phần thuộc sở hữu của Công ty và cổ đông khác tại Cốm Bắp, cổ phần thuộc sở hữu của bên thứ ba tại công ty sở hữu dự án bất động sản Kinh Dương Vương tại Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, toàn bộ nguồn thu cùng tất cả quyền và lợi ích phát sinh từ và/hoặc có liên quan đến dự án (khi phát sinh); quyền sử dụng đất của khu vực đất thực hiện (khi có).

(20) Trái phiếu phát hành riêng lẻ do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong làm đại lý lưu ký, tư vấn phát hành. Mã trái phiếu là TNECH2227001, phát hành từ ngày 09 tháng 12 năm 2022 có mệnh giá là 100.000.000 đồng/trái phiếu. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền. Mục đích phát hành là tăng quy mô vốn hoạt động, được đảm bảo bằng các tài sản chi tiết như sau:

- Toàn bộ phần góp vốn thuộc chủ sở hữu của các bên góp vốn tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên;
- Toàn bộ quyền và lợi ích phát sinh từ và liên quan đến Dự án Krông Pa 2 (bao gồm nhưng không giới hạn quyền kinh doanh, khai thác, phát triển Dự án Krông Pa 2, nguồn thu từ Dự án Krông Pa 2 và các quyền tài sản khác phát sinh từ Dự án Krông Pa 2;
- Toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc Dự án Krông Pa 2 (sau khi đủ điều kiện thế chấp theo quy định của pháp luật);
- 19.284.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital thuộc sở hữu của các cá nhân/tổ chức khác;
- Các tài sản và biện pháp bảo đảm khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của tổ chức phát hành và/ hoặc bên thứ ba theo thỏa thuận giữa các bên liên quan được bổ sung, thay thế tại từng thời điểm nhằm bảo đảm cho các nghĩa vụ được bảo đảm của trái phiếu.

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư tại 01/01/2022	2.975.371.740.000	(233.004.000)	21.404.860.000	463.478.573	3.908.270.221	571.767.743.697	4.776.351.493.993	8.349.564.582.593
- Tăng vốn trong năm	2.057.682.630.000	867.159.426.000	-	-	-	-	-	2.924.842.056.000
- Công ty mẹ chia cổ tức	251.621.850.000	-	-	-	-	(503.274.568.500)	-	(251.652.718.500)
- Phát hành cổ phiếu thưởng	50.000.000.000	-		-	-	(50.000.000.000)		-
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	370.773.543.305	196.023.260.684	566.796.804.187
- Tăng/(giảm) do hợp nhất Công ty con	-	-	-	809.062	526.040	61.379.966.040	2.330.731.487.677	2.392.112.788.819
- Cổ tức đã chia tại công ty con	-	-	-	-	-	-	(145.293.084.081)	(145.293.084.081)
- Trích lập các quỹ tại Công ty con	-	-	-	-	-	(2.875.850.104)	(8.263.736.951)	(11.139.587.055)
Số dư tại 31/12/2022	5.334.676.220.000	866.926.422.000	21.404.860.000	464.287.634	3.908.796.261	447.770.834.746	7.150.879.421.322	13.825.230.841.963
Số dư tại 01/01/2023	5.334.676.220.000	866.926.422.000	21.404.860.000	464.287.634	3.908.796.261	447.770.834.746	7.150.879.421.322	13.825.230.841.963
- Lợi nhuận trong năm						58.983.129.855	112.094.205.438	171.077.335.293
- Tăng/(giảm) do hợp nhất Công ty con						125.547.675.265	3.482.480.648.074	3.608.028.323.339
- Cổ tức đã chia tại công ty con			189.300.650.000			(198.270.676.451)	(111.585.678.979)	(120.555.705.430)
- Trích lập các quỹ tại Công ty con						(3.519.856.183)	(12.516.757.734)	(16.036.613.917)
Số dư tại 31/12/2023	5.334.676.220.000	866.926.422.000	210.705.510.000	464.287.634	3.908.796.261	430.511.107.232	10.620.551.838.121	17.467.744.181.248

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	5.334.676.220.000	5.334.676.220.000
Cộng	**5.334.676.220.000**	**5.334.676.220.000**

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	*Năm trước*
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	5.334.676.220.000	2.975.371.740.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	2.359.304.480.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	
+ Vốn góp cuối năm	5.334.676.220.000	5.334.676.220.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	*503.274.568.500*

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	533.467.622	533.467.622
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	533.467.622	533.467.622
+ Cổ phiếu phổ thông	*533.467.622*	*533.467.622*
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	533.467.622	533.467.622
+ Cổ phiếu phổ thông	*533.467.622*	*533.467.622*

** Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu*

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
- Quỹ đầu tư phát triển	3.908.796.261	3.908.796.261
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	464.287.634	464.287.634

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	40.841,53	92.299,73
- Đồng Euro (EUR)	606,95	760,49
b. Nợ khó đòi đã xử lý	*209.235.971.936*	*142.153.182.019*

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	*Năm trước*
a. Doanh thu	***4.112.374.748.419***	***4.595.934.767.679***
- Doanh thu cung cấp hàng hóa, thành phẩm	3.008.018.007.724	3.530.805.098.085
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	217.402.259.775	219.039.354.858
- Doanh thu hoạt động xây dựng	428.683.252.665	600.668.294.822
- Doanh thu bảo hiểm	458.271.228.255	245.422.019.914
b. Các khoản giảm trừ doanh thu	***100.215.858.113***	***64.741.593.534***
- Hàng bán bị trả lại	421.837.171	-
- Hoàn, giảm, nhượng tái bảo hiểm	99.794.020.942	64.741.593.534

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	*Năm trước*
- Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	1.990.623.697.642	2.545.688.494.090
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	96.790.342.965	93.497.050.367
- Giá vốn hoạt động xây dựng	362.447.114.785	393.933.396.879
- Giá vốn bảo hiểm	362.600.651.160	156.213.409.775
Cộng	**2.812.461.806.552**	**3.189.332.351.111**

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	*Năm trước*
- Lãi tiền gửi, lãi cho vay	46.717.647.147	312.385.488.134
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.665.675.500	134.433.700
- Lãi hợp nhất kinh doanh	-	182.818.396.268
- Lãi đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	300.483.702.280	783.174.722.560
- Lãi phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư	1.720.775.851.714	1.257.010.021.437
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	805.852.799	11.355.892.083
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	665.807.387	1.211.589.556
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	10.083.863.771	3.341.898
Cộng	**2.087.198.400.598**	**2.548.093.885.636**

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	*Năm trước*
- Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	1.582.466.411.424	1.434.853.960.245
- (Hoàn nhập)/ Dự phòng đầu tư tài chính	2.114.897.770	622.741.474
- Lỗ đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	366.263.865	104.885.316.926
- Chi phí phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư	456.682.914.417	605.893.081.871
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.231.306.924	61.926.244.771
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	107.311.643.372	22.806.007.549
- Chi phí tài chính khác	242.998.809.218	170.774.025.905
Cộng	**2.396.172.246.990**	**2.401.761.378.741**

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	*Năm trước*
a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	*192.386.085.574*	*215.786.591.177*
- Chi phí nhân viên	5.449.786.326	6.096.604.964
- Chi phí vật liệu, bao bì	3.195.485.628	1.173.382.670
- Chi phí đồ dùng, dụng cụ	16.135.474	51.473.357
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	71.570.001	7.820.004
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	162.244.380.797	169.137.366.153
- Chi phí bằng tiền khác	21.328.727.348	39.319.944.029
b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	*449.868.785.732*	*483.455.987.491*
- Chi phí nhân viên	193.127.188.610	201.263.091.007
- Chi phí vật liệu quản lý	6.117.000.191	7.137.716.839
- Chi phí đồ dùng văn phòng	4.362.376.523	3.878.691.540
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.803.902.496	20.510.661.795
- Thuế, phí và lệ phí	14.975.765.558	10.746.729.04
- Dự phòng / (hoàn nhập dự phòng)	12.969.202.551	8.992.375.730
- Phân bổ lợi thế thương mại	57.008.219.134	84.723.548.877
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	97.818.706.523	88.356.623.809
- Chi phí khác bằng tiền	44.696.424.146	57.846.548.848

6. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	*Năm trước*
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	398.212.156.985	480.160.915.841
- Chi phí nhân viên	286.683.673.747	285.655.392.581
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	541.386.751.275	473.615.967.955
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.481.764.241.741	2.324.966.765.560
- Chi phí bằng tiền khác	175.887.069.842	224.593.096.951
Cộng	**2.883.933.893.601**	**3.788.995.138.885**

7. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	*Năm trước*
- Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	4.258.026.416	284.969.173
- Lãi mua rẻ Công ty con	2.847.858.529	29.436.519.133
- Tiền phạt vi phạm hợp đồng	22.743.111.529	-
- Các khoản khác	40.134.446.005	14.993.433.718
Cộng	**69.983.442.479**	**44.714.922.024**

8. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	*Năm trước*
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	4.023.043.313	-
- Tiền phạt, tiền thuế khác phải đóng do vi phạm hành chính	15.799.727.387	7.305.138.676
- Các khoản khác	12.140.722.368	13.886.370.867
Cộng	**31.963.493.068**	**21.191.509.543**

9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Tập đoàn là 20% thu nhập chịu thuế. Riêng đối với các dự án đầu tư điện mặt trời sẽ áp dụng mức thuế suất và mức ưu đãi thuế theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư theo từng dự án và các quy định về ưu đãi thuế TNDN theo Điều 23, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ("Thông tư 78") - Hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật TNDN, cụ thể như sau:

Tại Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Sạch:

Đối với Nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ - giai đoạn 1 và 2: Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm, được miễn 4 năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2021 đến năm 2024) và giảm 50% trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2025 đến năm 2033).

Tại Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bình Dương:

Đối với Nhà máy điện mặt trời Hanwha - BCG Bình Dương: Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm, được miễn 04 năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2021 đến năm 2024) và giảm 50% trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2025 đến năm 2033).

Tại Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Bình Dương:

Đối với Nhà máy điện mặt trời BCG - Bình Dương: Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm, được miễn 04 năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2019 đến năm 2022) và giảm 50% trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2023 đến năm 2031).

	Năm nay	*Năm trước*
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	251.364.984.263	812.524.746.208
+ Các khoản điều chỉnh tăng / (giảm) lợi nhuận tính thuế	*501.169.394.812*	*407.644.809.386*
- Tổng thu nhập chịu thuế	752.534.379.075	1.220.169.555.594
+ Lỗ từ các năm trước chuyển sang	*(216.115.303.181)*	*(11.035.689.388)*
+ Thu nhập được ưu đãi	*(144.943.945.383)*	*(137.278.937.626)*
- Tổng thu nhập tính thuế	391.475.130.512	1.071.854.928.581
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	98.728.402.369	216.053.166.535
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	*94.078.359.739*	*209.913.066.564*
+ Khoản thuế truy thu, nộp bổ sung	*4.650.042.630*	6.140.099.971

10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	500.172.158	8.385.584.891
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(799.024.503)	26.938.334.259
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(18.141.901.054)	(5.649.143.663)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	**(18.440.753.399)**	**29.674.775.486**

11. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	*Năm trước*
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	58.983.129.855	370.773.543.503
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	533.467.622	489.145.762
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**111**	**758**

12. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	*Năm trước*
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	58.983.129.855	370.773.543.503
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	533.467.622	489.145.762
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**111**	**758**

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các giao dịch phi tiền tệ ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm nay	*Năm trước*
- Chuyển trái phiếu chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu	-	250.000.000.000
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành ESOP từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối ở Công ty con	193.324.350.000	301.621.850.000
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu	135.464.997.748	-

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng đang được đảm bảo, thế chấp cho các khoản vay

Các khoản tiền và tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm 20.830.000.000 đồng đã được bảo đảm, thế chấp cho khoản vay tại các ngân hàng.

3. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm nay	*Năm trước*
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	5.046.094.985.650	6.961.833.0[illegible]
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	-	2.469.849.8[illegible]
Cộng	**5.046.094.985.650**	**9.431.682.8[illegible]**

4. Số tiền đã trả thực gốc vay trong năm

	Năm nay	*Năm trước*
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	5.112.368.854.940	5.715.510.005.600
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	3.200.000.000.000	1.385.810.239.670
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu chuyển đổi	-	250.000.000.000
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	8.188.897.673	4.530.894.648
Cộng	**8.320.557.752.613**	**7.355.851.139.918**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Các bên liên quan

Tên đơn vị	Quan hệ	
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyên Hoàng	Công ty con	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Công ty con	
Công ty Cổ phần BCG Land	Công ty con	
Công ty Cổ phần BCG Energy	Công ty con	
Công ty CP BCG Khu công nghiệp Cát Trinh	Công ty con	
Công ty Cổ phần BCG Financial	Công ty con	
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA	Công ty con	
Công ty TNHH Phoenix Mountain	Công ty con	
Công ty TNHH MTV Helios Village	Công ty con	
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Công ty con gián tiếp	
Công ty TNHH Liên doanh Khai thác và Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần Thành Phúc	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần Thương Mại Vxperia	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thanh Hóa	Công ty con gián tiếp	
Công ty CP Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	Công ty con gián tiếp	
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	Công ty con gián tiếp	
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	Công ty con gián tiếp	
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần Skylor	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần Greensky Infinitive	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần Casper Solar	Công ty con gián tiếp	(đã thoái từ ngày 20/12/2023)
Công ty Cổ phần Cosmos Solar	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần Herb Solar	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần Orchid Solar	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần Violet Solar	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần Tapiotek	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần BCG GAIA	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần Nước Sạch Life Purity	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Bàng Dương	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bàng Dương	Công ty con gián tiếp	

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

a. Các bên liên quan (Tiếp theo)

Tên đơn vị	Quan hệ
Công ty Cổ phần TCD Plus	Công ty con gián tiếp
Công ty Taxi Việt Nam	Công ty con gián tiếp (mua từ ngày 10/01/2023)
Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Cồn Bắp	Công ty con gián tiếp (mua từ ngày 30/03/2023)
Công ty TNHH Traeodi E&C	Công ty con gián tiếp (mới thành lập ngày 11/05/2023)
Công ty CP Phát triển Điện Gia Huy	Công ty con gián tiếp (chuyển hình thức đầu tư từ 30/11/2023)
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	Công ty con gián tiếp (đã thoái từ ngày 12/06/2023)
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	Công ty con gián tiếp (đã thoái từ ngày 12/06/2023)
Công ty Cổ phần E power 1	Công ty con gián tiếp (đã thoái từ ngày 26/08/2023)
Công ty TNHH Co điện Skylar5	Công ty con gián tiếp (đã thoái từ ngày 01/04/2023)
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	Công ty liên kết
Công ty TNHH Skylight Power	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty CP Đầu tư Thương mại DV Gia Khang	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Sơn Long	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Bất Động Sản An Giang	Công ty liên kết gián tiếp (giảm tỷ lệ kiểm soát từ 20/12/2023)
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản Bắc Hà	Công ty liên kết gián tiếp (đã thoái từ ngày 25/12/2023)
Công ty Cổ phần 3K Plus Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp (đã thoái từ ngày 22/12/2023)
Công ty TNHH King Crown Riverside Residence	Công ty liên kết gián tiếp (đã thoái từ ngày 28/12/2023)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	Người nội bộ công ty con liên quan
Công ty Cổ phần Mega Solar	Người nội bộ công ty con liên quan
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	Người nội bộ công ty con liên quan
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	Người nội bộ công ty con liên quan
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	Người nội bộ công ty con liên quan
Group Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	Công ty liên kết của công ty con
Công ty Cổ phần Biệt thự Nghỉ dưỡng Mỹ Khê	Người nội bộ công ty con liên quan
Công ty Cổ phần Thắng Phương	Người nội bộ công ty con liên quan
Công ty Cổ phần White Magnolia	Người nội bộ công ty con liên quan
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và người công bố thông tin	Ban điều hành

I. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Ngoại trừ các giao dịch với các bên liên quan phát sinh trong năm đã được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất, giao dịch trọng yếu với các bên liên quan còn lại là:

Đơn vị	Chỉ tiêu	Số tiền
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	Thu lãi tiền hợp tác kinh doanh	4.455.000.001
	Cung cấp hàng hóa, dịch vụ	13.991.993.849
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	Cổ tức	663.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	Cung cấp dịch vụ khác	76.225.670.883
	Mua hàng hóa, dịch vụ	134.208.105
	Lãi hợp tác kinh doanh phải trả	35.425.962.729
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	Nhận chuyển nhượng khoản đầu tư tài chính	41.731.961.000
	Lãi hợp tác kinh doanh phải thu	11.915.000.000
	Lãi trái phiếu	8.793.698.630
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	642.472.392
	Thuê văn phòng	25.522.059.139
Công ty Cổ phần Thắng Phương	Lãi hợp tác kinh doanh phải thu	31.534.420.602
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.834.780.000
	Mua hàng hóa, dịch vụ	3.044.893.189
	Lãi cho vay	333.252.170
	Lãi hợp tác kinh doanh	418.691.264.655
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.550.000.000
	Mua hàng hóa, dịch vụ	2.282.771.756
	Lãi cho vay	68.883.285
	Lãi hợp tác kinh doanh	200.946.082
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.550.000.000
	Mua hàng hóa, dịch vụ	2.282.771.756
	Lãi cho vay	112.431.949
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.800.535.000
	Lãi vay	38.936.984
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	Chi phí vận hành nhà máy điện	34.633.869.870
	Cung cấp dịch vụ	866.401.273
	Cổ tức được chia	6.860.000.000
Công ty Cổ phần Mega Solar	Lãi hợp tác kinh doanh	17.901.861.765
	Lãi cho vay	3.149.998
	Lãi vay	4.355.171.232
Công Ty CP Năng Lượng Dương Phong	Lãi cho vay	28.218.082
Công ty Cổ phần White Magnolia	Thu nhập lãi từ hợp tác kinh doanh	124.500.000.000
Công ty Cổ phần Biệt thự Nghỉ dưỡng Mỹ Khê	Thu nhập lãi từ hợp tác kinh doanh	43.007.216.712
Công ty Cổ phần Bãng Dương E&C	Doanh thu cung cấp dịch vụ	400.000.000
	Mua hàng hóa, dịch vụ	467.978.991

I. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

c. Thu nhập Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và người quản lý khác

Họ tên	Chức danh	Số tiền
Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch HĐQT	624.000.000
Phạm Nguyễn Thiên Chương	Thành viên HĐQT	130.000.000
Bùi Thành Lâm	Thành viên HĐQT	14.000.000
Nguyễn Tùng Lâm	Thành viên HĐQT	912.666.667
Tan Bo Quan, Andy	Thành viên HĐQT	816.973.333
Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên HĐQT	43.541.667
Vũ Xuân Chiến	Thành viên HĐQT	120.625.000
Đặng Đình Tuấn	Thành viên HĐQT	60.000.000
Nguyễn Thế Tài	Tổng Giám đốc	572.000.000
Nguyễn Thanh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	845.000.000
Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	1.010.000.000
Hoàng Thị Minh Châu	Nguyên Phó Tổng Giám đốc	228.500.000
Phạm Hữu Quốc	Kế toán trưởng	1.396.333.332
Đồng Hải Hà	Trưởng ban kiểm soát	776.611.109
Kou Kou Yiow	Thành viên ban kiểm soát	36.000.000
Nguyễn Việt Cương	Thành viên ban kiểm soát	530.116.666
Cộng		**8.126.367.776**

d. Số dư cuối năm với các bên liên quan

Tên đơn vị	Chỉ tiêu	Số tiền
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	131	5.641.183.539
	216	40.500.000.000
	319	350.010.000
Công ty Cổ phần Bãng Dương E&C	131	4.373.982.180
	132	284.[illegible].429
	136	200.000.000
	311	17.[illegible].600
Công ty Cổ phần Khai Thác Khoáng Sản Bắc Hà	135	6.270.[illegible].000
	255	100.000.000.000
	131	4.532.059.071
	136	5.970.495.479
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	216	164.208.219.178
	337	40.000.000.000
	312	61.536.856.516
	311	30.896.807.138
	337	104.000.000.000
	311	88.378.088
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	312	965.662.461.672
	319	213.989.280.532
	131	2.020.000.000
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	131	556.200.000
	311	14.074.175.632
	315	1.274.728.000
Công ty Cổ phần Thắng Phương	136	300.961.341.149
	216	196.000.000.000
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	131	766.923.000
	319	260.443.833
	320	800.000.000

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

d. Số dư cuối năm với các bên liên quan (Tiếp theo)

Tên đơn vị	Chỉ tiêu	Số tiền
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	131	5.686.536.000
	312	728.079.060.078
	136	2.380.468.707.237
	215	7.360.022.927
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	131	3.009.000.000
	135	825.000.000
	136	128.744.883.285
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	131	2.709.000.000
	136	109.386.744
	215	2.513.000.000
Công ty Cổ phần Mega Solar	135	1.035.000.000
	136	806.375.746.967
	315	996.917.808
	319	15.362.534.246
	320	15.500.000.000
Công Ty CP Năng Lượng Dương Phong	135	607.000.000
	136	1.094.970.218.082
Công ty Cổ phần White Magnolia	136	400.300.000
	216	830.000.000.000
Công ty Cổ phần Biệt thự nghỉ dưỡng Mỹ Khê	136	1.785.216.712
	216	475.390.000.000
Ông Nguyễn Hồ Nam	319	4.560.000.000

Giá trị tài sản của bên liên quan được cam kết để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn

Ông Nguyễn Hồ Nam	5 triệu cổ phiếu trong Công ty CP Tập đoàn Bamboo Capital
Ông Phạm Minh Tuấn	2,369 triệu cổ phiếu trong Công ty CP Tập đoàn Bamboo Capital

2. CÁC CAM KẾT

a. Bảo lãnh

Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land đã cam kết bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho toàn bộ nghĩa vụ thanh toán của các lô trái phiếu phát hành như sau:

Bên được bảo lãnh	Bên nhận bảo lãnh	Ngày văn bản bảo lãnh	Kỳ hạn	Giá trị bảo lãnh
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong	21/06/2021	36 tháng	3.000.000.000.000

Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Energy đã cam kết bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho toàn bộ nghĩa vụ thanh toán của các lô trái phiếu phát hành như sau:

Bên được bảo lãnh	Bên nhận bảo lãnh	Ngày văn bản bảo lãnh	Kỳ hạn	Giá trị bảo lãnh
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong	08/12/2022	60 tháng	500.000.000.000

Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng đã thế chấp toàn bộ tài sản thuộc Dự án Nhà máy Điện gió BCG Sóc Trăng 1 và tất cả tài khoản ngân hàng của Công ty tại Ngân hàng TMCP Nam Á để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy từ Sembcorp Energy Vietnam Project I Pte Ltd.

b. Cam kết khác

Theo Thư Thỏa thuận Phí Dịch vụ Đại lý ngày 29 tháng 03 năm 2021 và các Phụ lục thay đổi Phí dịch vụ giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land và Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong, Công ty con phải thanh toán khoản tiền phí dịch vụ đại lý theo một tỷ lệ nhất định dựa trên giá trị mệnh giá trái phiếu của lô trái phiếu trị giá 2.500.000.000.000 đồng từ năm lưu hành thứ hai của trái phiếu bắt đầu từ ngày 31 tháng 03 năm 2022. Theo Thỏa thuận Phí Dịch vụ Trái phiếu ngày 30 tháng 9 năm 2023, mức phí là 3,3% trên giá trị mệnh giá trái phiếu. Tỷ lệ này có thể thay đổi trong tương lai tùy thuộc vào sự thỏa thuận của Công ty và đại lý lưu ký trái phiếu.

3. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty thực hiện toàn bộ hoạt động kinh doanh chỉ trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Chỉ tiêu	Bán hàng hoá	Cung cấp dịch vụ	Xây lắp	Bảo hiểm
Doanh thu thuần	3.008.018.007.724	216.980.422.604	428.683.252.665	358.477.207.313
Giá vốn	1.990.623.697.642	96.790.342.965	362.447.114.785	362.600.651.160
Lợi nhuận gộp	**1.017.394.310.082**	**120.190.079.639**	**66.236.137.880**	**(4.123.443.847)**

4. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 02/2024/NQ-HĐQT-BCGE ngày 31 tháng 1 năm 2024, Tập đoàn đã ký kết hợp đồng nguyên tắc ngày 31 tháng 1 năm 2024 để sở hữu 45% cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa, một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0304374871 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 22 tháng 5 năm 2006. Theo đó, Tập đoàn sẽ thực hiện phát triển thêm Nhà máy đốt rác phát điện Tâm Sinh Nghĩa tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Tây Bắc - huyện Củ Chi, Nhà máy đốt rác Tâm Sinh Nghĩa - Long An, Xã Tân Đông, huyện Thạnh Hóa, Tỉnh Long An, Nhà máy xử lý rác Thành phố Rạch Giá - Kiên Giang tại Xã Mỹ Lâm, Huyện Hòn Đất, Tỉnh Kiên Giang, Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt Thủy Phương tại Xã Thủy Phương, Huyện Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế và Nhà máy xử lý rác thải tại Xã Duy Minh, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam từ việc mua cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa nói trên.

5. NỢ TIỀM TÀNG

Tập đoàn đang có một số hợp đồng thuê đất trực tiếp từ Nhà Nước để phục vụ cho các dự án điện mặt trời và điện gió của Tập đoàn. Căn cứ theo các điều khoản trong hợp đồng thuê đất này, việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc hợp đồng thuê được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đánh giá rằng nghĩa vụ khôi phục và giải phóng mặt bằng liên quan đến các dự án điện mặt trời và điện gió là chưa chắc chắn.

Tập đoàn đang có các hợp đồng thuê mái nhà để phục vụ cho các dự án điện mặt trời áp mái của Tập đoàn. Căn cứ theo các điều khoản trong hợp đồng thuê mái nhà này, sau khi kết thúc hợp đồng thuê, Tập đoàn sẽ có nghĩa vụ thu hồi hệ thống điện mặt trời áp mái, khôi phục lại và hoàn trả lại mặt bằng khu vực lắp đặt về tình trạng như nêu tại biên bản bàn giao mặt bằng ban đầu nếu như bên cho thuê mái không mua lại hệ thống này. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đánh giá rằng nghĩa vụ khôi phục và giải phóng mái nhà liên quan đến các dự án điện mặt trời áp mái là chưa chắc chắn.

6. NGHĨA VỤ TÁI CHẾ TẤM QUANG NĂNG

Theo Điều 77 và 78 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP hướng dẫn Luật bảo vệ môi trường ("Nghị định") do Chính phủ ban hành ngày 10 tháng 01 năm 2022, Tập đoàn có trách nhiệm tái chế tấm quang năng sử dụng trong các dự án điện mặt trời khi hết thời hạn sử dụng. Theo hướng dẫn của Nghị định, việc tái chế có thể theo các hình thức là tự thực hiện tái chế, thuê đơn vị tái chế để thực hiện tái chế, ủy quyền cho tổ chức trung gian, hoặc có thể kết hợp các hình thức này. Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn vẫn chưa xác định được phương thức tái chế cũng như tính toán chi phí cho việc tái chế do Nghị định chưa có hướng dẫn cụ thể.

7. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh (số liệu năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022) của một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital quyết định điều chỉnh do ảnh hưởng việc thay đổi chính sách kế toán về phân bổ chi phí kinh doanh bảo hiểm trực tiếp tại Công ty con - Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA - cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu 31/12/2022 (trước điều chỉnh)	Số liệu 31/12/2022 (sau điều chỉnh)	Chênh lệch
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT				
TÀI SẢN				
Chi phí trả trước ngắn hạn		59.914.273.264	82.203.869.025	22.289.595.761
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		213.008.644.631	209.194.188.469	(3.814.456.162)
NGUỒN VỐN				
LNST chưa phân phối năm nay		409.294.630.949	430.518.519.270	21.223.888.321
Lợi ích cổ đông không kiểm soát		7.145.199.257.700	7.150.079.421.322	4.880.163.622

7. THÔNG TIN SO SÁNH (TIẾP THEO)

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2022 (trước điều chỉnh)	Năm 2022 (sau điều chỉnh)	Chênh lệch
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT				
Giá vốn hàng bán		3.211.621.946.872	3.189.332.351.111	(22.289.595.761)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		33.489.231.668	29.674.775.486	(3.814.456.182)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		540.692.752.244	566.796.804.187	26.104.051.943
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		349.549.655.182	370.773.543.503	21.223.888.321
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		191.143.097.062	196.023.260.684	4.880.163.622

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2022 (trước điều chỉnh)	Năm 2022 (sau điều chỉnh)	Chênh lệch
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT				
Lợi nhuận trước thuế		790.235.150.447	812.524.746.208	22.289.595.761
(Tăng)/giảm chi phí trả trước		26.296.100.012	4.006.504.251	(22.289.595.761)

Ghi chú:

Chênh lệch là do Công ty con - Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA - đã tự nguyện thay đổi chính sách kế toán theo phương pháp hồi tố đối với việc phân bổ chi phí kinh doanh bảo hiểm trực tiếp nhằm cung cấp thông tin tin cậy và thích hợp hơn về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Những điều chỉnh trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế trong năm tài chính 2022 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA có sự thay đổi. Theo đó, ảnh hưởng tương ứng đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital.

Số liệu so sánh (còn lại) là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Lập, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phó Chủ tịch HĐQT
Huỳnh Minh Trường	Phạm Hữu Quốc	Phạm Minh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

Báo cáo tài chính riêng
Quý I/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

Báo cáo tài chính riêng

Quý I/2024

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán riêng	1-2
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	3
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	4-5
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng	6-38

Mẫu số B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Ngày 31/3/2024	Ngày 1/1/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**100.353.183.400**	**135.094.424.903**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	V.01	**11.449.487.448**	**23.082.984.226**
1. Tiền	111		3.289.487.448	12.672.984.226
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.160.000.000	10.410.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	V.05	**4.700.000.000**	**1.700.000.000**
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		4.700.000.000	1.700.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**84.012.699.502**	**110.142.066.478**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	15.581.267.374	20.913.010.602
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	5.925.876.358	5.843.111.360
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	6.152.000.000	6.152.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	56.353.555.770	77.233.944.516
IV. Hàng tồn kho	**140**		-	
1. Hàng tồn kho	141	V.07	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**190.996.450**	**169.374.199**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	189.932.673	168.310.422
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	V.14	1.063.777	1.063.777
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**10.492.246.136.890**	**10.480.299.258.926**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**615,526.827.373**	**594.826.827.373**
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.04	614.800.000.000	594.100.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.06	726.827.373	726.827.373
II. Tài sản cố định	**220**		**7.843.744.538**	**8.311.147.297**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	5.562.115.370	5.963.090.629
- Nguyên giá	*222*		*13.829.328.382*	*13.794.873.837*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(8.267.213.012)*	*(7.831.783.208)*
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	2.281.629.168	2.348.056.668
- Nguyên giá	*228*		*2.734.054.546*	*2.734.054.546*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(452.425.378)*	*(385.997.878)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		-	
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	V.05	**9.866.194.799.100**	**9.874.226.292.638**
1. Đầu tư vào công ty con	251		9.653.629.601.445	9.860.571.501.445
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		306.894.000.000	110.894.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.679.676.293	1.679.676.293
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(96.008.478.638)	(98.918.885.100)
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**2.680.765.879**	**2.934.991.618**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	2.680.765.879	2.934.991.618
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**10.592.599.320.290**	**10.615.393.683.829**

Mẫu số B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Ngày 31/3/2024	Ngày 1/1/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**4.368.115.449.767**	**4.391.915.814.958**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**2.306.621.415.325**	**2.330.596.780.515**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	16.751.848.874	19.229.406.817
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	739.104.413	377.473.419
4. Phải trả người lao động	314		2.512.083.077	2.391.121.426
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	17.137.021.009	34.592.945.115
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	2.232.246.167.800	2.232.720.193.960
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11, 12	37.235.190.152	41.285.639.778
II. Nợ dài hạn	**330**		**2.061.494.034.442**	**2.061.319.034.443**
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	1.563.052.000.000	1.563.052.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11, 12	498.442.034.442	498.267.034.443
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**6.224.483.870.523**	**6.223.477.868.871**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	V.17	**6.224.483.870.523**	**6.223.477.868.871**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		5.334.676.220.000	5.334.676.220.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*5.334.676.220.000*	*5.334.676.220.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		866.926.422.000	866.926.422.000
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		22.881.228.523	21.875.226.871
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*21.875.226.871*	*20.993.050.608*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*1.006.001.652*	*882.176.263*
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**10.592.599.320.290**	**10.615.393.683.829**

Lập, ngày 12 tháng 04 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phó Chủ tịch HĐQT
Huỳnh Minh Trường	Phạm Hữu Quốc	Phạm Minh Tuấn

Mẫu số B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Quý I/2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I /2024	Quý I /2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	VI.01	**9.345.000.000**	**25.921.163.440**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**9.345.000.000**	**25.921.163.440**
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	6.350.929.651	3.199.663.032
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**2.994.070.349**	**22.721.500.408**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	24.103.780.888	18.004.811.318
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	12.390.940.638	28.087.023.677
• Trong đó: chi phí lãi vay	*23*		*15.126.347.101*	*17.009.368.811*
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	13.699.492.782	11.849.193.347
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**1.007.417.817**	**790.094.702**
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	VI.06	1.416.165	
13. Lợi nhuận khác	**40**		**(1.416.165)**	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**1.006.001.652**	**790.094.702**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.08	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**1.006.001.652**	**790.094.702**

Lập, ngày 12 tháng 04 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phó Chủ tịch HĐQT
Huỳnh Minh Trường	Phạm Hữu Quốc	Phạm Minh Tuấn

Mẫu số B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý I /2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I /2024	Quý I /2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**		**1.006.001.652**	**790.894.702**
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		501.857.304	552.627.948
- Các khoản dự phòng	03		(2.910.406.462)	-
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.805)	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(22.993.079.452)	(6.003.656.305)
- Chi phí lãi vay	06		15.301.347.100	17.184 368.810
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		**(9.094.282.663)**	**12.523.435.155**
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		9.040.246.753	109.718.627.242
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		-	1.049.600.000
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.858.473.687)	1.818.811.385.538
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		232 603.488	(2 672.111.705)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	33.000.000.000
- Tiền lãi vay đã trả	14		(33.192.788.978)	(65.985.201.906)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(34.872.695.087)**	**1.906.445.734.324**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(34.454.545)	(7 544.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(23.700.000.000)	(592.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(193.058.100.000)	(5.524.514.210.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		204.000.000.000	1.101.047.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		40.082.199.675	488.840.385.174
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**27.289.645.130**	**(4.534.670.824.826)**

Mẫu số B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý I /2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I /2024	Quý I /2023
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	2.924.842.056.000
3. Tiền thu từ đi vay	33		4.556.410.470	582.236.416.876
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(8.606.860.096)	(604.984.022.195)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(237.127.342.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(4.050.449.626)**	**2.664.967.107.781**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**(11.633.499.583)**	**36.742.017.279**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**		**23.082.984.226**	**23.839.085.895**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.805	514.412
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**VII**	**11.449.487.448**	**60.581.541.586**

Lập, ngày 12 tháng 04 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phó Chủ tịch HĐQT
Huỳnh Minh Trường	Phạm Hữu Quốc	Phạm Minh Tuấn

Mẫu số B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 1/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311315789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/11/2011 và thay đổi lần thứ 28 ngày 12/04/2024.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 5.334.676.220.000 VND.

Vốn góp của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2024: 5.334.676.220.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng lao động tại ngày 31/03/2024 là 17 người, tại ngày 31/12/2023 là 33 người.

Cổ phiếu của Công ty hiện được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán "BCG".

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh chính

Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối quy định tại Thông tư 34/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013). Bán buôn thực phẩm, chi tiết: Bán buôn sữa, các sản phẩm từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, cà phê, cacao (trừ không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối quy định tại Thông tư 34/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013) (không hoạt động tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản (trừ: Không thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng), quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Cho thuê ô tô. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Xây dựng nhà các loại. Xây dựng công trình công ích. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chuẩn bị mặt bằng. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Hoàn thiện công trình xây dựng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ. Sản xuất gỗ dán, gỗ lang, ván ép và ván mỏng khác. Sản xuất đồ gỗ xây dựng. Khai thác quặng sắt. Khai thác quặng uranium và quặng thorium. Cung cấp các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ và thực hiện các hoạt động đầu tư.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính : Không có.

6. Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31/03/2024, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital có 01 (một) văn phòng đại diện, 08 (tám) Công ty con kiểm soát trực tiếp và 29 (hai mươi chín) Công ty con kiểm soát gián tiếp thông qua Công ty con. Ngoài ra, Công ty có 03 (ba) Công ty liên kết sở hữu trực tiếp và 06 (sáu) Công ty liên kết sở hữu gián tiếp thông qua Công ty con.

a. Danh sách văn phòng đại diện

Tên đơn vị	*Địa chỉ*
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital tại Tp. Hà Nội	Số 44 Nguyễn Thái Học, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội.

b. Danh sách các Công ty con trực tiếp

Tên đơn vị	Nơi đăng ký hoạt động	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải (*)	TP. Hồ Chí Minh.	Xây dựng công trình đường bộ	51,70%	43,90%
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	Tỉnh Bình Định	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	55,64%	53,29%
Công ty Cổ phần BCG Land	TP. Hồ Chí Minh.	Xây dựng nhà để ở	71,53%	66,24%
Công ty Cổ phần BCG Energy	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	50,66%	50,66%
Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh	Tỉnh Bình Định	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	80,00%	80,00%
Công ty Cổ phần BCG Financial	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)	80,00%	80,00%
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA	TP. Hồ Chí Minh.	Cung cấp các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ và thực hiện các hoạt động đầu tư	75,79%	73,86%
Công ty TNHH Phoenix Mountain	Tỉnh Bình Định.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	100,00%	86,59%

(*) Theo các văn bản uỷ quyền biểu quyết trong năm 2023, các Cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải đã ủy quyền toàn bộ 7,8% quyền biểu quyết cho Công ty. Theo đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital nắm giữ 51,7% quyền biểu quyết trong Công ty này.

c. Danh sách các Công ty con gián tiếp

Tên đơn vị	Nơi đăng ký hoạt động	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Liên doanh Khai thác và Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang	Tỉnh An Giang	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	51,00%	21,95%
Công ty Cổ phần Nước Sạch Life Purity	TP. Hồ Chí Minh	Khai thác đá, xử lý và cung cấp nước	51,00%	22,39%
Công ty Cổ phần TCD Plus	TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	80,00%	35,12%
Công ty Taxi Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	51,00%	22,39%
Công ty TNHH Tracodi E&C	TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng công trình đường bộ	99,80%	43,81%
Công ty Cổ phần Thành Phúc	Tỉnh Phú Yên	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	95,00%	50,63%
Công ty Cổ phần Tapiotek	Tỉnh Tây Ninh	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	51,00%	27,18%
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Tỉnh Bình Định	Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn	70,00%	46,37%
Công ty Cổ phần Thương Mại Vxperia	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo	65,00%	43,05%
Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản	65,00%	43,05%
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Tỉnh Quảng Nam	Kinh doanh bất động sản	89,00%	58,95%
Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Cồn Bắp	Tỉnh Quảng Nam	Kinh doanh bất động sản	50,10%	33,18%
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Tỉnh Sóc Trăng	Sản xuất điện	90,00%	45,59%
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thạnh Hóa	Tỉnh Long An	Sản xuất đồ điện dân dụng	91,84%	46,52%
Công ty Cổ phần Skylar	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	99,00%	50,15%
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch (**)	Tỉnh Bình Định	Sản xuất điện	51,00%	20,91%
Công ty Cổ phần Greensky Infinitive	TP. Hồ Chí Minh	Lắp đặt hệ thống xây dựng điện	99,80%	50,05%

(**) Theo các văn bản ủy quyền biểu quyết vô điều kiện và không huỷ ngang trong năm 2021, các Cổ đông của Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Sạch đã ủy quyền toàn bộ 9,72% quyền biểu quyết cho Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Energy. Theo đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital nắm giữ 51% quyền biểu quyết trong Công ty này.

c. Danh sách các Công ty con gián tiếp (Tiếp theo)

Tên đơn vị	Nơi đăng ký hoạt động	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Tỉnh Gia Lai	Sản xuất điện	100,00%	47,35%
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	Tỉnh Trà Vinh	Sản xuất điện	100,00%	50,61%
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	Tỉnh Trà Vinh	Sản xuất điện	100,00%	50,62%
Công ty Cổ phần Autrai Wind Energy	Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	99,00%	50,15%
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long	Sản xuất điện	50,50%	25,58%
Công ty Cổ phần Herb Solar	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	69,00%	34,60%
Công ty Cổ phần Orchid Solar	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	69,00%	34,60%
Công ty Cổ phần Violet Solar	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	69,00%	34,60%
Công ty Cổ phần BCG GAIA	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động tư vấn quản lý	50,97%	25,45%
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Bình Dương	Tỉnh Long An	Sản xuất điện	100,00%	25,55%
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bình Dương	Tỉnh Long An	Sản xuất điện	100,00%	25,55%
Công ty CP Phát triển Điện Gia Huy	Hà Nội	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	99,80%	50,05%

d. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát trực tiếp

Tên đơn vị	Nơi đăng ký hoạt động	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	Tỉnh Long An	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	38,00%	38,00%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	Tỉnh Tiền Giang	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	21,01%	21,01%
Công ty TNHH Helios Village	Tỉnh Đắk Nông	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	49,00%	49,00%

c. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát gián tiếp thông qua Công ty con

Tên đơn vị	Nơi đăng ký hoạt động	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Skylight Power	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	50,00%	25,33%
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	49,00%	24,82%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản	49,00%	32,46%
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	50,00%	25,08%
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Sơn Long	Tỉnh Quảng Ninh	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	40,63%	17,83%
Công ty Cổ phần Bất Động Sản An Giang	Tỉnh An Giang	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	36,71%	28,90%

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá bình quân gia quyền di động.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác…

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;

- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi …

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời hạn từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

d. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ). Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường;

- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Đối với hàng hóa nhập bán sỉ theo lô, công ty ghi nhận giá trị hàng xuất theo phương pháp thực tế đích danh.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí bán hàng tăng lên thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

	Số năm khấu hao ước tính
- Phương tiện vận tải	06
- Máy móc thiết bị	03
- Thiết bị văn phòng	03 - 05
- Tài sản cố định vô hình	03 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá, khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy tính có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng là từ 03 đến 10 năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kể toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;

- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;

- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn;

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

8. Ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;

- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cùng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

18. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Hội đồng Quản trị Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

Mẫu số B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 31/3/2024	*Ngày 1/1/2024*
- Tiền mặt	-	
- Tiền gửi ngân hàng	3.289.487.448	12.672.984.226
- Các khoản tương đương tiền (*)	8.160.000.000	10.410.000.000
Cộng	**11.449.487.448**	**23.082.984.226**

Ghi chú:

(*) Trong đó, khoản tiền gửi 8.160.000.000 VND là khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Khoản tiền gửi có kỳ hạn này được dùng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng (xem mục V.11 thuyết minh báo cáo tài chính này).

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Ngày 31/3/2024	*Ngày 1/1/2024*
a. Ngắn hạn	***15.581.267.374***	***20.915.010.602***
- Công ty Cổ phần BCG Energy	3.563.467.374	5.372.067.374
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	1.036.800.000	2.432.343.228
- Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	5.800.000.000	5.800.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios		4.100.000.000
- Công ty Cổ phần BCG Land	3.698.400.000	2.665.600.000
- Các khách hàng khác	1.482.600.000	543.000.000
b. Dài hạn	-	-

c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

(Chi tiết khoản mục này được trình bày tại Thuyết minh VIII.1 của báo cáo tài chính này).

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Ngày 31/3/2024	*Ngày 1/1/2024*
a. Ngắn hạn	***5.925.876.358***	***5.843.111.360***
- Công ty Cổ phần Đầu tư D'SENSE ISLAND Hội An	5.000.000.000	5.000.000.000
- Các khách hàng khác	925.876.358	843.111.360
b. Dài hạn	-	-

4. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngày 31/3/2024	*Ngày 1/1/2024*
a. Ngắn hạn	***6.152.000.000***	***6.152.000.000***
- Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	-	-
- Công ty Cổ phần HTC Holding	6.152.000.000	6.152.000.000
b. Dài hạn	***614.300.000.000***	***594.100.000.000***
- Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2 (*)	247.000.000.000	247.000.000.000
- Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng (*)	253.000.000.000	253.000.000.000
- Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas (**)	62.500.000.000	62.500.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải (***)	52.300.000.000	31.600.000.000

Ghi chú:

(*) Đây là các khoản cho vay có thời hạn 5 năm theo các hợp đồng vay ngày 19/11/2021, cho các Công ty con vay đầu tư dự án. Lãi suất được các bên thoả thuận theo hợp đồng và các phụ lục điều chỉnh.

(**) Đây là khoản cho Công ty con vay thời hạn 24 tháng theo hợp đồng vay tiền số 05/2023/HĐVT-BCG-IHA ký ngày 22 tháng 08 năm 2023 mục đích để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất 11%/năm.

(***) Đây là khoản cho Công ty con vay thời hạn 24 tháng theo hợp đồng số 0510/2023/HĐVT-BCG-TCD mục đích để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh - cụ thể là: tham gia đầu tư dự án khai thác chế biến mỏ đá xây dựng Núi Kiết, lãi suất 10%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Ngày 31/3/2024			Ngày 1/1/2024		
	Giá trị gốc	*Giá trị ghi sổ*	*Dự phòng*	*Giá trị gốc*	*Giá trị ghi sổ*	*Dự phòng*
a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	***4.700.000.000***	***4.700.000.000***	-	***1.700.000.000***	***1.700.000.000***	-
a.1. Ngắn hạn	4.700.000.000	4.700.000.000	-	1.700.000.000	1.700.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Chiểu (1)	980.000.000	980.000.000	-	980.000.000	980.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	720.000.000	720.000.000	-	720.000.000	720.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi Nhánh Trung tâm Đầu tư và Khách hàng doanh nghiệp lớn 8	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	-	-
a.2. Dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	**4.700.000.000**	**4.700.000.000**	-	**1.700.000.000**	**1.700.000.000**	-

Ghi chú:

(1) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Chiểu. Toàn bộ khoản tiền gửi này được dùng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Chiểu (xem thuyết minh V.11).

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

		Ngày 31/3/2024			*Ngày 1/1/2024*		
		Giá trị gốc	*Dự phòng*	*Giá trị hợp lý*	*Giá trị gốc*	*Dự phòng*	*Giá trị hợp lý*
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		***9.962.203.277.738***	***(96.068.478.638)***		***9.973.145.177.738***	***(98.918.883.100)***	
b.1 Đầu tư vào công ty con		**9.653.629.681.445**	**(40.905.245.275)**		**9.860.571.581.445**	**(36.905.245.275)**	
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải		1.348.987.070.067	-	(*)	1.348.987.070.067	-	(*)
+ Công ty Cổ phần Phát triển Nguyên Hoàng		236.698.053.098	-	(*)	236.698.053.098	-	(*)
+ Công ty Cổ phần BCG Land		2.856.400.000.000	-	(*)	2.856.400.000.000	-	(*)
+ Công ty Cổ phần BCG Energy		3.698.000.000.000	-	(*)	3.698.000.000.000	-	(*)
+ Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh		384.000.000.000	-	(*)	384.000.000.000	-	(*)
+ Công ty Cổ phần BCG Financial		320.000.000.000	-	(*)	320.000.000.000	-	(*)
+ Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA	(1)	509.544.478.280	(40.905.245.275)	468.639.233.005	316.456.378.280	(36.905.245.275)	279.581.133.005
+ Công ty TNHH Phoenix Mountain		300.000.000.000	-	(*)	300.000.000.000	-	(*)
+ Công ty TNHH Helios Village	(2)	-	-	(*)	400.000.000.000	-	(*)
b.2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		**306.894.000.000**	**(55.163.233.363)**		**110.894.000.000**	**(62.013.639.825)**	
+ Công ty TNHH B.O.T ĐT830		81.700.000.000	(55.163.233.363)	26.596.766.637	81.700.000.000	(62.013.639.825)	19.686.360.175
+ Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco		29.194.000.000	-	(*)	29.194.000.000	-	(*)
+ Công ty TNHH Helios Village	(2)	196.000.000.000	-	(*)	-	-	(*)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Ngày 31/3/2024			*Ngày 1/1/2024*		
	Giá trị gốc	*Dự phòng*	*Giá trị hợp lý*	*Giá trị gốc*	*Dự phòng*	*Giá trị hợp lý*
b.3 Đầu tư vào các đơn vị khác	**1.679.676.293**			**1.679.676.293**		
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam	69.210.933	-	(*)	69.210.933	-	(*)
+ Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn lực & DV Dầu khí VN	99.945.360	-	(*)	99.945.360	-	(*)
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Năng lượng VN	360.000.000	-	(*)	360.000.000	-	(*)
+ Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Bắng Dương	365.520.000	-	(*)	365.520.000	-	(*)
+ Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bắng Dương	785.000.000	-	(*)	785.000.000	-	(*)
Cộng	**9.962.293.277.738**	**(96.008.478.638)**		**9.973.145.177.738**	**(98.918.885.180)**	

Ghi chú:

(*) Tại ngày 31/12/2022 và ngày 31/12/2023, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(1) Theo nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐQT-BCG ngày 18/01/2024, Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Bamboo Capital góp vốn bổ sung vào Tổng Công ty cổ phần Bảo Hiểm AAA theo phương thức chào bán cho cổ đông hiện hữu do Tổng Công ty cổ phần Bảo Hiểm AAA phát hành theo thông báo số 01/2024/TB-AAA/HĐQT

(2) Theo nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐQT-BCG ngày 11/01/2024, Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Bamboo Capital thoái phần vốn góp tương ứng 51% vốn điều lệ tại Công ty TNHH Helios Village, giảm tỷ lệ sở hữu xuống còn 49%. Theo đó, chuyển mối quan hệ với Công ty TNHH Helios Village từ đầu tư vào Công ty con sang đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

6. PHẢI THU KHÁC

	Ngày 31/3/2024		Ngày 1/1/2024	
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*
a. Ngắn hạn	*56.359.555.770*	-	*77.235.944.516*	-
- Tạm ứng	240.181.365	-	113.332.402	-
- Ký cược, ký quỹ	19.000.000	-	19.000.000	-
- Phải thu từ lãi cho vay	12.167.666.083	-	28.146.087.675	-
+ Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	*4.151.764.383*	-	*13.909.490.411*	-
+ Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	*3.375.358.907*	-	*12.022.427.400*	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	*1.105.044.599*	-	*576.767.124*	-
+ Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	*3.351.443.837*	-	1.637.402.740	-
+ Công ty Cổ Phần HTC Holding	*184.054.357*		-	-
- Phải thu từ gốc BCC	37.500.000.000	-	40.500.000.000	-
+ Công ty TNHH B.O.T ĐT830 (*)	*37.500.000.000*	-	40.500.000.000	-
Phải thu từ lãi BCC	913.301.369	-	913.301.369	-
+ Công ty TNHH B.O.T ĐT830 (*)	*913.301.369*		*913.301.369*	-
- Phải thu khác	5.513.406.753	-	7.542.223.070	-
+ Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	*5.475.000.000*	-	*5.475.000.000*	-
+ Đối tượng khác	*38.406.753*	-	*2.067.223.070*	-
b. Dài hạn	*726.827.373*	-	*726.827.373*	-
- Phải thu khác	-	-	-	-
+ Công ty TNHH B.O.T ĐT830 (*)	-	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ	726.827.373	-	726.827.373	-
Cộng	**57.086.383.143**	-	**77.960.771.889**	-

Ghi chú:

(*) Là khoản tiền chuyển cho Công ty TNHH B.O.T ĐT 830 để đầu tư Dự án nâng cấp mở rộng ĐT.830 và ĐT.824 tại Long An theo Hợp đồng hợp tác số 01/2019/HĐ-BOT830/HTĐT ngày 18/12/2019 có thời hạn dự kiến là 05 năm. Tài sản đã được thế chấp cho khoản vay tại ngân hàng (xem mục V.11 thuyết minh báo cáo tài chính này). Tỷ lệ phân chia lợi nhuận căn cứ vào kết quả đầu tư thực tế nhưng không thấp hơn 11%/năm.

7. HÀNG TỒN KHO

	Ngày 31/3/2024		Ngày 1/1/2024	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
- Hàng hóa	-	-	-	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	-	-		-

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu kỳ	**60.000.000**	**12.706.682.182**	**1.028.261.655**	**13.794.873.837**
2. Số tăng trong kỳ	-	-	34.454.545	34.454.545
- Mua trong kỳ	-	-	34.454.545	-
3. Số giảm trong kỳ	-		-	
4. Số dư cuối kỳ	**60.000.000**	**12.706.682.182**	**1.062.716.200**	**13.829.328.382**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế				
1. Số dư đầu kỳ	**60.000.000**	**6.927.506.772**	**844.276.436**	**7.831.783.208**
2. Số tăng trong kỳ	-	**403.007.049**	**32.422.755**	**435.429.804**
- Khấu hao tăng trong kỳ	-	403.007.049	32.422.755	435.429.804
3. Giảm trong kỳ	-		-	
4. Số dư cuối kỳ	**60.000.000**	**7.330.513.821**	**876.699.191**	**8.267.213.012**
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu kỳ	-	**5.779.105.410**	**183.985.219**	**5.963.090.629**
2. Tại ngày cuối kỳ	-	**5.376.098.361**	**186.017.009**	**5.562.115.370**

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay, nợ: 730.395.913 VND

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.157.617.091 VND

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Phần mềm máy tính	Cộng
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu kỳ	2.734.054.546	2.734.054.546
2. Số tăng trong kỳ	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-
4. Số dư cuối kỳ	2.734.054.546	2.734.054.546
II. Giá trị hao mòn luỹ kế		
1. Số dư đầu kỳ	385.997.878	385.997.878
2. Số tăng trong kỳ	66.427.500	66.427.500
- Khấu hao tăng trong kỳ	66.427.500	66.427.500
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Số dư cuối kỳ	452.425.378	452.425.378
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu kỳ	2.348.056.668	2.348.056.668
2. Tại ngày cuối kỳ	2.281.629.168	2.281.629.168

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Ngày 31/3/2024	*Ngày 1/1/2024*
a. Ngắn hạn	*189.932.673*	*168.310.422*
- Chi phí khác	189.932.673	168.310.422
b. Dài hạn	*2.680.765.879*	*2.934.991.618*
- Chi phí sửa chữa	1.256.750.419	1.442.871.415
- Chi phí công cụ, dụng cụ	304.015.460	312.120.203
- Chi phí bảo hiểm	1.120.000.000	1.180.000.000
Cộng	2.870.698.552	3.103.302.040

11. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

		Ngày 1/1/2024		Trong kỳ		Ngày 31/3/2024	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		**41.285.639.778**	**41.285.639.778**	**4.556.410.470**	**8.606.860.096**	**37.235.190.152**	**37.235.190.152**
a.1 Vay ngắn hạn		***26.898.193.882***	***26.898.193.882***	***4.556.410.470***	***8.509.998.622***	***24.944.605.730***	***24.944.605.730***
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bà Chiểu	(1)	12.920.765.588	12.920.765.588	4.556.410.470	8.503.499.163	8.973.676.895	8.973.676.895
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam	(4)	15.977.428.294	15.977.428.294		6.499.459	15.970.928.835	15.970.928.835
a.2 Vay dài hạn đến hạn trả		***12.387.445.896***	***12.387.445.896***		***96.861.474***	***12.290.584.422***	***12.290.584.422***
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	(2)	178.350.000	178.350.000		44.587.500	133.762.500	133.762.500
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	(3)	12.000.000.000	12.000.000.000			12.000.000.000	12.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	(5)	209.095.896	209.095.896		52.273.974	156.821.922	156.821.922
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		**498.267.034.443**	**498.267.034.443**	**174.999.999**		**498.442.034.442**	**498.442.034.442**
b.1 Vay dài hạn		***425.367.784***	***425.367.784***			***425.367.784***	***425.367.784***
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	(2)	59.450.000	59.450.000			59.450.000	59.450.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	(5)	365.917.784	365.917.784			365.917.784	365.917.784
b.2 Trái phiếu thường		***497.841.666.659***	***497.841.666.659***	***174.999.999***	-	***498.016.666.658***	***498.016.666.658***
- Loại phát hành theo mệnh giá (Xem thuyết minh V.12)		500.000.000.000	500.000.000.000			500.000.000.000	500.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu		(2.158.333.341)	(2.158.333.341)	174.999.999		(1.983.333.342)	(1.983.333.342)

Ghi chú:

(1) Đây là khoản vay vốn lưu động tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bà Chiểu theo hợp đồng số 01/2023/7610400/HĐTD ngày 5/4/2023. Mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận tải của Công ty và khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bà Chiểu (xem mục V.01, V.08 thuyết minh báo cáo tài chính riêng này).

(2) Đây là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín theo hợp đồng tín dụng ký ngày 20/04/2020. Mục đích vay mua xe ô tô doanh nghiệp. Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận tải của công ty. Lãi suất 6 tháng đầu tiên là 10,8%/năm, từ tháng thứ 7 trở đi lãi suất sẽ được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi cá nhân 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của số tiền huy động bậc thang cao nhất của Sacombank + biên độ 3%/năm và được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần.

11. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(3) Đây là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo hợp đồng vay số 60/2019/HDTD/TTKHDNLMN2/01 ngày 23/12/2019. Hạn mức tín dụng là 60 tỷ đồng. Thời hạn vay 60 tháng. Mục đích là góp vốn hợp tác thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng ĐT 830 và ĐT 824 từ cầu An Thạnh đến thị trấn Đức Hoà tỉnh Long An theo hình thức hợp đồng BOT. Tài sản đảm bảo là dự án nâng cấp, mở rộng ĐT 830 và ĐT 824 từ cầu An Thạnh đến thị trấn Đức Hòa, Tỉnh Long An (xem mục V.06 thuyết minh báo cáo tài chính riêng này). Lãi suất 3 tháng đầu tiên là 10,4%/năm, lãi các kỳ tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần và bằng lãi suất cơ sở trung hạn 3 tháng (KHDN) của TPbank tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 4%/năm.

(4) Đây là khoản vay tại Công ty cổ phần chứng khoán ngân hàng Công Thương Việt Nam theo hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ ngày 23/11/2023. Hạn mức cho vay là 20 tỷ đồng. Thời hạn cho vay là 90 ngày kể từ ngày giải ngân khoản vay.

(5) Đây là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo hợp đồng vay số 213/2020/HDTD/GDH/01 ngày 9/9/2020 mục đích để vay mua 2 xe ô tô mục đích đi lại và chở cán bộ công nhân viên. Thời hạn vay là 72 tháng kể từ ngày 10/9/2020 đến ngày 9/9/2026. Lãi suất áp dụng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên cho đến ngày 09/09/2021 là 9,4%/năm, Lãi các kỳ tiếp theo sẽ được điều chỉnh 3 tháng 1 lần bằng lãi suất cơ sở 3 tháng VND của TPbank tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 4,6%/năm.

12. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

		Ngày 1/1/2024			*Ngày 31/3/2024*		
		Giá trị	*Lãi suất*	*Kỳ hạn*	*Giá trị*	*Lãi suất*	*Kỳ hạn*
- Loại phát hành theo mệnh giá	(1)	500.000.000.000	11,5%	5 năm	500.000.000.000	13,4%	5 năm
Cộng		**500.000.000.000**			**500.000.000.000**		

(1) Trái phiếu chào bán ra công chúng và đã được niêm yết tại HNX với Mã trái phiếu là BCGI22006. Mệnh giá: 100.000 đồng/Trái phiếu. Kỳ hạn trái phiếu: 5 năm. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, và không có đảm bảo. Trái phiếu có lãi suất kết hợp lãi suất cố định và lãi suất thả nổi được xác định như sau :2 kỳ tính lãi đầu tiên là 11,5%/năm. Các kỳ tính lãi tiếp theo sau 2 kỳ tính lãi đầu tiên là lãi suất thả nổi được xác định theo công thức như sau: Lãi suất = lãi suất tham chiếu tại kỳ tính lãi đó + biên độ 6%/năm.

13. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Ngày 31/3/2024		*Ngày 1/1/2024*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
a. Ngắn hạn	***16.751.848.874***	***16.751.848.874***	***19.229.406.817***	***19.229.406.817***
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	10.354.828.995	10.354.828.995	14.072.766.945	14.072.766.945
- Công ty CP Đầu tư và Thương Mại Shuan	2.711.862.002	2.711.862.002	2.621.757.602	2.621.757.602
- Các khách hàng khác	3.685.157.877	3.685.157.877	2.534.882.270	2.534.882.270
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	**16.751.848.874**	**16.751.848.874**	**19.229.406.817**	**19.229.406.817**

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỘP CHO NHÀ NƯỚC

	Ngày 1/1/2024	*Phải nộp trong kỳ*	*Đã nộp trong kỳ*	*Ngày 31/3/2024*
a. Phải nộp	***377.473.439***	***1.537.465.461***	***1.175.834.467***	***739.104.413***
Thuế giá trị gia tăng	25.572.344	38.556.564	25.572.344	38.556.564
Thuế thu nhập cá nhân	351.901.075	1.498.908.897	1.150.262.123	700 547.849

	Ngày 1/1/2024	*Phát sinh giảm trong năm*	*Phát sinh tăng trong năm*	*Ngày 31/3/2024*
b. Phải thu	***1.063.777***	-	-	***1.063.777***
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.063.777	-	-	1 063.777

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 31/3/2024	*Ngày 1/1/2024*
a. Ngắn hạn	***17.137.021.009***	***34.592.945.115***
- Trích trước chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	11.010.195.568	28.001.119.674
- Trích trước lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh	5.041.825.441	5.041.825.441
- Các khoản khác	1.085.000.000	1.550 000.000
b. Dài hạn	-	-
Cộng	**17.137.021.009**	**34.592.945.115**

16. PHẢI TRẢ KHÁC

		Ngày 31/3/2024	*Ngày 1/1/2024*
a. Ngắn hạn		*2.232.246.167.860*	*2.232.720.193.960*
- KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN		462.446.480	236.472.640
- Phải trả khác		2.231.783.721.320	2.232.483.721.320
+ Công ty TNHH Kinh Doanh Dịch vụ BĐS Thăng Long	*(1)*	*378.000.000.000*	378.000.000.000
+ Công ty Cổ phần BCG Financial	*(2)*	*282.500.000.000*	282.500.000.000
+ Công ty Cổ phần Tư Vấn Thiết kế xây dựng Tầm Nhìn Mới	*(3)*	*1.425.000.000.000*	1.425.000.000.000
+ Nguyễn Thị Minh Thương	*(4)*	*100.075.000.000*	100.075.000.000
+ Trần Thuỳ Dung	*(5)*	*30.220.300.000*	30.920.300.000
+ Các đối tượng khác		*15.988.421.320*	*15.988.421.320*
b. Dài hạn		***1.563.052.000.000***	***1.563.052.000.000***
- Phải trả gốc từ BCC		1.563.052.000.000	1.563.052.000.000
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Chí Thảy	*(6)*	*460.000.000.000*	*520.000.000.000*
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	*(7)*	*104.000.000.000*	*104.000.000.000*
+ Công ty Cổ phần BCG Land	*(8)*	*420.000.000.000*	*420.000.000.000*
+ Công ty Cổ phần Artemis Investment	*(9)*	*339.500.000.000*	279.500.000.000
+ Công ty Cổ phần Artemis Investment	*(10)*	*239.552.000.000*	*239.552.000.000*

Ghi chú:

(1) Là khoản phải trả của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 07/2021/HĐHTKD-BCG-BDSTL ngày 10/03/2021 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital và Công ty TNHH Kinh Doanh Dịch vụ BĐS Thăng Long. Mục đích góp vốn đầu tư vào dự án bất động sản thuộc sở hữu hoặc phát triển bởi Công ty Cổ Phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh. Căn cứ các biên bản làm việc trong năm 2022 thì các bên thống nhất không tiếp tục thực hiện hợp đồng, thời hạn hoàn trả toàn bộ dư nợ gốc tối đa 18 tháng kể từ ngày 16/12/2022.

(2) Là khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 1509/2021/HĐHTKD/BCG-BCGF ngày 15/09/2021 giữa Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital và Công ty Cổ phần BCG Financial. Mục đích để cùng hợp tác vào Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA. Căn cứ các biên bản làm việc trong năm 2022 thì các bên thống nhất không tiếp tục thực hiện hợp đồng, thời hạn hoàn trả toàn bộ dư nợ gốc tối đa 18 tháng kể từ ngày 31/12/2022.

(3) Là khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HTKD/BCG-TNM ngày 20/04/2022 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital và Công ty Cổ phần Tư Vấn Thiết Kế Xây Dựng Tầm Nhìn Mới về việc tìm dự án năng lượng điện mặt trời và điện gió, dự án bất động sản tiềm năng trên địa bàn Việt Nam. Căn cứ các biên bản làm việc trong năm 2022 thì các bên thống nhất không tiếp tục thực hiện hợp đồng, thời hạn hoàn trả toàn bộ dư nợ gốc tối đa 18 tháng kể từ ngày 30/12/2022.

(4) Đây là khoản phải trả theo Hợp đồng mượn tiền số 04/2022/HĐMT-BCG-NTMT ngày 14/04/2022 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital và Nguyễn Thị Minh Thương.

(5) Đây là khoản phải trả theo Hợp đồng mượn tiền số 05/2022/HĐMT-BCG-TTD ngày 21/09/2022 giữa Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital và Trần Thuỳ Dung

16. PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP THEO)

(6) Đây là khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 25.04/2022/HĐ-HTĐT ngày 25/04/2022 và các Phụ lục hợp đồng giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital và Công ty Cổ phần Dịch vụ Chi Thủy. Mục đích đầu tư vào Dự án Khu dân cư Tổ 5, Phường Nghĩa Phú, tại Phường Nghĩa Phú, Thành phố Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông do Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital làm chủ đầu tư. Thời gian thực hiện 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lợi nhuận cam kết 10,03%/năm trên số tiền hợp tác từ ngày ký hợp đồng đến ngày 30/06/2022, lợi nhuận phân chia dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn hợp tác.

(7) Đây là khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2510/HTĐT-GK-BCG ngày 25/10/2021 giữa Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang về việc đầu tư vào Dự án Điểm du lịch số 2A do Công ty TNHH Phoenix Mountain làm chủ đầu tư. Thời gian hợp tác là 04 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Lợi nhuận phân chia dựa vào kết quả hoạt động kinh doanh của dự án tại thời điểm phân chia lợi nhuận, sau khi kết thúc dự án hai bên sẽ thống nhất tỷ lệ phân chia lợi nhuận bằng văn bản dựa theo tình hình kết quả hoạt động của dự án.

(8) Đây là khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 1805/2022/HĐ-HTĐT-BCG-HL ngày 18/05/2022 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital và Công ty Cổ phần BCG Land về việc đầu tư vào Dự án Khu dân cư Tổ 5, Phường Nghĩa Phú, tại Phường Nghĩa Phú, Thành phố Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông do Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital làm chủ đầu tư. Thời gian thực hiện 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lợi nhuận được tính theo: (1) phân chia bằng tiền mặt: lợi nhuận sẽ được chia theo tỷ lệ góp vốn trong tổng mức đầu tư sau khi dự án đưa vào vận hành thực tế; (2) phân chia bằng sản phẩm dự án: sau khi dự án hoàn tất xây dựng, có Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng và quyết toán thì các bên sẽ tiến hành phân chia sản phẩm theo tỷ lệ góp vốn của các bên.

(9) Đây là khoản nhận được theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 04/2023/HTKD-BCG-ART ngày 20/10/2023 giữa Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital và Công ty Cổ phần Artemis Investment về việc đầu tư vào Dự án Khu dân cư Tổ 5, Phường Nghĩa Phú, tại Phường Nghĩa Phú, Thành phố Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông do Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital làm chủ đầu tư. Thời gian hợp tác là 04 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Dựa vào kết quả đầu tư kinh doanh vào các dự án, các bên phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế của dự án, việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.

(10) Đây là khoản nhận được theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0512/HTKD/BCG-ART ngày 05/12/2022 và các phụ lục hợp đồng giữa Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital và Công ty Cổ phần Artemis Investment về việc hợp tác đầu tư các dự án năng lượng điện mặt trời và điện gió. Thời gian hợp tác là 03 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Lợi nhuận phân chia dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn hợp tác trên tổng mức đầu tư của dự án, việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu
Số dư tại ngày 01/01/2023	**5.334.676.220.000**
- Tăng vốn trong năm	-
- Lợi nhuận tăng trong năm	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	**5.334.676.220.000**
Số dư tại ngày 01/01/2024	**5.334.676.220.000**
- Lợi nhuận tăng trong năm	-
Số dư tại ngày 31/03/2024	**5.334.676.220.000**

Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
866.926.422.000	20.993.050.608	6.222.595.692.608
-	-	-
-	882.176.263	882.176.263
866.926.422.000	21.875.226.871	6.223.477.868.871
866.926.422.000	21.875.226.871	6.223.477.868.871
-	1.006.001.652	1.006.001.652
866.926.422.000	22.881.228.523	6.224.483.870.523

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

	Ngày 31/3/2024	*Ngày 1/1/2024*
b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Tổ chức, cá nhân khác	5.334.676.220.000	5.334.676.220.000
Cộng	**5.334.676.220.000**	**5.334.676.220.000**

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Quý I/2023	*Quý I/2022*
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	5.334.676.220.000	5.334.676.220.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	5.334.676.220.000	5.334.676.220.000
- Cổ tức lợi nhuận được chia	-	

d. Cổ phiếu

	Ngày 31/3/2024	*Ngày 1/1/2024*
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	533.467.622	533.467.622
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	533.467.622	533.467.622
+ Cổ phiếu phổ thông	*533.467.622*	*533.467.622*
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	533.467.622	533.467.622
+ Cổ phiếu phổ thông	*533.467.622*	*533.467.622*

** Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu*

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Ngày 31/3/2024	*Ngày 1/1/2024*
Ngoại tệ các loại		
- USD	863,62	870,22

Mẫu số B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Đơn vị tính: VND

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý I/2024	*Quý I/2023*
a. Tổng doanh thu	***9.345.000.000***	***25.921.163.440***
- Doanh thu bán hàng	-	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.345.000.000	25.921.163.440

b. Doanh thu đối với các bên liên quan

(Chi tiết khoản mục này được trình bày tại Thuyết minh VIII.1 b báo cáo tài chính này)

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý I/2024	*Quý I/2023*
- Giá vốn hàng hóa đã bán	-	-
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	6.350.929.651	3.199.663.032
Cộng	**6.350.929.651**	**3.199.663.032**

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý I/2024	*Quý I/2023*
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	22.993.079.452	16.906.311.172
- Lãi phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư	1.110.698.631	1.098.493.150
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.805	6.996
Cộng	**24.103.780.888**	**18.004.811.318**

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý I/2024	*Quý I/2023*
- Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	15.126.347.101	17.009.368.811
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	10.902.654.867
- Dự phòng đầu tư tài chính	(2.910.406.462)	-
- Chi phí tài chính khác	174.999.999	174.999.999
Cộng	**12.390.940.638**	**28.087.023.677**

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý I/2024	*Quý I/2023*
a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	-	-
b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	***13.699.492.782***	***11.849.193.347***
- Chi phí nhân viên quản lý	4.751.650.965	6.234.875.989
- Chi phí vật liệu quản lý	410.699.496	247.428.301
- Chi phí đồ dùng văn phòng	121.221.556	104.700.195
- Chi phí khấu hao TSCĐ	501.857.304	552.627.948
- Thuế, phí và lệ phí	4.400.000	4.400.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.017.428.031	3.722.388.733
- Chi phí bằng tiền khác	1.392.235.430	983.372.181

6. CHI PHÍ KHÁC

	Quý I/2024	*Quý I/2023*
- Các khoản khác	1.416.165	-
Cộng	**1.416.165**	

7. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Quý I/2024	*Quý I/2023*
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	410.699.496	247.428.301
- Chi phí nhân công	4.751.650.965	6.234.875.989
- Chi phí khấu hao TSCĐ	501.857.304	552.627.948
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.017.428.031	3.722.388.733
- Chi phí bằng tiền khác	2.017.856.986	1.091.872.376
Cộng	**13.699.492.782**	**11.849.193.347**

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý I/2024	*Quý I/2023*
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**3.006.001.652**	**790.094.702**
- Các khoản điều chỉnh tăng(giảm) lợi nhuận kế toán trước thuế để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	**193.616.166**	**192.200.001**
+ Các khoản điều chỉnh tăng	*193.616.166*	*192.200.001*
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	
- Tổng thu nhập chịu thuế	**1.199.617.818**	**982.294.703**
+ Lỗ từ các năm trước chuyển sang	*(1.199.617.818)*	(982.294.703)
- Tổng thu nhập tính thuế	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung của các năm trước		-

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

1. Các giao dịch phi tiền tệ ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng

Tại ngày 31/03/2024, Công ty có thế chấp 8.160.000.000 đồng tại khoản mục tương đương tiền (xem mục V.01 phần thuyết minh báo cáo tài chính riêng này) để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng.

3. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Quý I/2024	*Quý I/2023*
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	4.556.410.470	3.967.444.695
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường		
Cộng	**4.556.410.470**	**3.967.444.695**

4. Số tiền đã trả thực gốc vay trong năm

	Quý I/2024	*Quý I/2023*
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	8.606.860.096	13.115.305.340
Cộng	**8.606.860.096**	**13.115.305.340**

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

I. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Các bên liên quan

Tên đơn vị	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Land	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Energy	Công ty con
Công ty CP BCG Khu công nghiệp Cát Trinh	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Financial	Công ty con
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA	Công ty con
Công ty TNHH Phoenix Mountain	Công ty con
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Liên doanh Khai thác và Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thành Phúc	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thương Mại Vxperia	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thanh Hóa	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Aural Wind Energy	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	Công ty con gián tiếp

a. Các bên liên quan (Tiếp theo)

Tên đơn vị	*Mối quan hệ*	
Công ty Cổ phần Skylar	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần Greensky Infinitive	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần Cosmos Solar	Công ty con gián tiếp	(giải thể ngày 20/02/2024)
Công ty Cổ phần Herb Solar	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần Orchid Solar	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần Violet Solar	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần Tapiotek	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần BCG GAIA	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần Nước Sạch Life Purity	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Bàng Dương	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bàng Dương	Công ty con gián tiếp	
Công ty Cổ phần TCD Plus	Công ty con gián tiếp	
Công ty Taxi Việt Nam	Công ty con gián tiếp	
Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Cồn Bắp	Công ty con gián tiếp	
Công ty TNHH Tracodi F&C	Công ty con gián tiếp	
Công ty CP Phát triển Điện Gia Huy	Công ty con gián tiếp	
Công ty TNHH B.O.T ĐT 330	Công ty liên kết	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	Công ty liên kết	
Công ty TNHH Helios Village	Công ty liên kết	(Công ty liên kết từ ngày 29/02/2024)
Công ty TNHH Skylight Power	Công ty liên kết gián tiếp	
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	Công ty liên kết gián tiếp	
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	Công ty liên kết gián tiếp	
Công ty CP Đầu tư TMDV Gia Khang	Công ty liên kết gián tiếp	
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Sơn Long	Công ty liên kết gián tiếp	
Công ty Cổ phần Bất Động Sản An Giang	Công ty liên kết gián tiếp	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	Người nội bộ công ty con liên quan	
Công ty Cổ phần E Power I	Người nội bộ công ty con liên quan	
Công ty Cổ phần Mega Solar	Người nội bộ công ty con liên quan	
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	Người nội bộ công ty con liên quan	
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	Người nội bộ công ty con liên quan	
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	Người nội bộ công ty con liên quan	
Group Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	Công ty liên kết của công ty con	
Công ty Cổ phần Biệt thự Nghỉ dưỡng Mỹ Khê	Người nội bộ công ty con liên quan	
Công ty Cổ phần Thắng Phương	Người nội bộ công ty con liên quan	
Công ty Cổ phần White Magnolia	Người nội bộ công ty con liên quan	
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và người công bố thông tin	Ban điều hành và các cá nhân có liên quan	

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Tên đơn vị	*Giao dịch*	*Năm nay*
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	Cung cấp dịch vụ	720.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Cung cấp dịch vụ	1.440.000.000
	Cho vay	20.700.000.000
	Lãi cho vay	1.077.534.247
Công ty Cổ phần BCG Energy	Cung cấp dịch vụ	2.955.000.000
Công ty TNHH B.O.T ĐT830	Lãi hợp tác	1.110.698.631
Công ty Cổ phần BCG Land	Cung cấp dịch vụ	2.160.000.000
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	Cung cấp dịch vụ	75.000.000
Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA	Cung cấp dịch vụ	1.920.000.000
	Mua Bảo hiểm	49.028.000
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Lãi cho vay	10.092.273.972
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	Lãi cho vay	9.852.931.507
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	Thuê văn phòng	2.075.658.849
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Dịch vụ khách sạn	6.144.444
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Lãi cho vay	1.714.041.097
Công ty Taxi Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	13.603.834
Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	Nhận cung cấp dịch vụ	75.000.000

c. Thu nhập Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát trong kỳ

Họ tên	*Chức danh*	*Quý I/2024*	*Quý I/2023*
Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	204.000.000
Phạm Nguyễn Thiên Chương	Thành viên HĐQT	30.000.000	60.000.000
Nguyễn Tùng Lâm	Thành viên HĐQT	228.000.000	263.250.000
Tan Bo Quan, Andy	Thành viên HĐQT	30.000.000	-
Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên HĐQT	15.000.000	-
Vũ Xuân Chiến	Thành viên HĐQT	30.000.000	-
Đặng Đình Tuấn	Thành viên HĐQT	15.000.000	-
Nguyễn Thế Tài	Tổng Giám đốc	137.000.000	187.000.000
Nguyễn Thanh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	30.000.000	60.000.000
Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	30.000.000	68.100.000
Hoàng Thị Minh Châu	Phó Tổng Giám đốc	-	170.000.000
Phạm Hữu Quốc	Kế toán trưởng	300.000.000	351.000.000
Đồng Hải Hà	Trưởng ban kiểm soát chỉ từ tháng 5/2023	30.000.000	-
Nguyễn Việt Cường	Thành viên ban kiểm soát	30.000.000	53.250.000
Kou Kou Yiow	Thành viên ban kiểm soát	9.000.000	-
Cộng		974.000.000	1.416.600.000

d. Số dư cuối năm với các bên có liên quan

Tên đơn vị	*Mã số trên CĐKT*	*Số tiền*
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	131	777.600.000
Công ty TNHH B.O.T ĐT830	136	913.301.369
	136	37.500.000.000
Công ty Cổ phần BCG Financial	319	282.300.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	337	104.000.000.000
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	136	9.626.764.383
	215	253.000.000.000
Công ty Cổ phần BCG Energy	131	3.563.467.374
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	131	1.036.800.000
	215	52.300.000.000
	136	1.105.044.599
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	131	597.000.000
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	136	3.375.358.907
	215	247.000.000.000
Công ty Cổ phần BCG Land	131	3.698.400.000
	337	420.000.000.000
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	215	62.500.000.000
	136	3.351.443.837
	131	5.800.000.000
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	131	108.000.000
Công ty Taxi Việt Nam (Vina Taxi)	311	13.123.940
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	311	10.354.828.995
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	311	6.636.000

2. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty thực hiện chủ yếu là hoạt động cung cấp dịch vụ chỉ trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý cũng như lĩnh vực kinh doanh.

3. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh (còn lại) là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán và Báo cáo tài chính Quý I/2023.

Lập, ngày 12 tháng 04 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Huỳnh Minh Trường	Phạm Hữu Quốc	Phạm Minh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho giai đoạn tài chính quý 1 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho giai đoạn tài chính quý 1 năm 2024

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	02 - 05
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	06 - 07
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08 - 09
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 76

Mẫu số B 01 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Ngày 31/03/2024	Ngày 01/01/2024
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**22.645.141.073.537**	**22.530.737.452.373**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**7.802.149.529.323**	**8.128.982.721.257**
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.05	12.991.022.927	10.698.022.927
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.06	7.789.158.506.396	8.118.284.698.330
II. Tài sản cố định	**220**		**9.932.332.574.718**	**9.604.768.756.873**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	9.504.785.495.781	9.173.465.133.196
- Nguyên giá	*222*		*11.402.025.487.129*	*10.935.307.193.271*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(1.897.239.991.348)*	*(1.761.842.060.075)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	22.580.653.170	23.690.883.955
- Nguyên giá	*225*		*30.748.021.956*	*31.617.115.020*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*226*		*(8.167.368.786)*	*(7.926.231.065)*
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	404.966.425.767	407.612.739.722
- Nguyên giá	*228*		*468.651.373.837*	*468.651.373.837*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(63.684.948.070)*	*(61.038.634.115)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		**265.000.000.000**	-
- Nguyên giá	*231*		265.000.000.000	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**	V.09	**1.164.039.399.782**	**1.609.462.496.210**
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.164.039.399.782	1.609.462.496.210
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	V.04	**2.977.848.295.229**	**2.666.265.777.922**
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2.453.848.922.449	2.264.659.695.553
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		510.379.156.293	387.879.156.293
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.259.783.513)	(3.259.783.513)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		16.880.000.000	16.986.709.589
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**503.771.274.485**	**521.257.700.111**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	167.167.968.444	172.450.221.088
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		149.905.004.749	150.092.226.045
5. Lợi thế thương mại	269		186.698.301.292	198.715.252.978
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**42.592.098.437.807**	**42.409.335.122.263**

Mẫu số B 01 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Ngày 31/03/2024	Ngày 01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**24.918.774.873.661**	**24.541.590.941.015**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**12.641.545.787.505**	**12.898.231.559.815**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	2.276.001.412.590	1.823.813.876.939
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	3.257.783.219.874	3.207.551.986.728
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	211.493.817.260	251.395.640.294
4. Phải trả người lao động	314		26.410.576.197	29.183.778.139
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	574.045.192.395	489.905.768.696
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		12.543.706.357	11.588.951.901
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	2.470.588.935.960	2.678.959.630.975
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	3.285.003.491.946	3.149.435.193.643
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19	507.120.136.300	439.871.998.269
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		20.555.298.626	8.524.734.211
II. Nợ dài hạn	**330**		**12.277.229.086.157**	**12.451.359.381.200**
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.14	105.627.982.231	105.627.982.231
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		12.437.054	13.640.642
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	2.963.415.657.255	2.962.815.808.780
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	8.841.523.861.994	9.014.925.610.537
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		364.407.140.053	365.692.903.941
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.19	2.242.007.569	2.283.435.069

Mẫu số B 01 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Ngày 31/03/2024	Ngày 01/01/2024
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**17.673.323.564.146**	**17.467.744.181.248**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	V.21	**17.673.323.564.146**	**17.467.744.181.248**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		5.334.676.220.000	5.334.676.220.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*5.334.676.220.000*	*5.334.676.220.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		866.926.422.000	866.926.422.000
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		210.705.510.000	210.705.510.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.908.796.261	3.908.796.261
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		464.287.634	464.287.634
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		426.740.705.611	430.511.107.232
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*426.197.191.162*	*251.162.936.302*
- LNST chưa phân phối năm nay	*421b*		*543.514.450*	*179.348.170.931*
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		10.829.901.622.639	10.620.551.838.121
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**42.592.098.437.807**	**42.089.335.122.263**

Lập, ngày 12 tháng 04 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phó Chủ tịch HĐQT
Huỳnh Minh Trường	Phạm Hữu Quốc	Phạm Minh Tuấn

(Theo Giấy ủy quyền số 03/2023/UQ-BCG ngày 01/03/2023)

Mẫu số B 02 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính quý 1 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I.2024	Quý I.2023	Lũy kế đến quý I.2024	Lũy kế đến quý I.2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	999.276.150.119	726.503.748.399	999.276.150.119	726.503.748.399
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.01	13.838.910.415	25.235.788.304	13.838.910.415	25.235.788.304
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		985.437.239.704	701.267.960.095	985.437.239.704	701.267.960.095
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	709.191.197.187	494.833.889.819	709.191.197.187	494.833.889.819
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		276.246.042.517	206.434.070.276	276.246.042.517	206.434.070.276
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	375.911.464.214	484.517.753.862	375.911.464.214	484.517.753.862
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	408.049.867.359	546.379.860.471	408.049.867.359	546.379.860.471
+ Trong đó: chi phí lãi vay	*23*		*266.330.192.707*	*395.763.891.717*	*266.330.192.707*	*395.763.891.717*
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(21.010.773.104)	(2.994.094.840)	(21.010.773.104)	(2.994.094.840)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.05	46.942.306.860	24.602.777.193	46.942.306.860	24.602.777.193
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	102.480.538.348	83.838.611.515	102.480.538.348	83.838.611.515
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		73.674.021.059	33.136.480.119	73.674.021.059	33.136.480.119
12. Thu nhập khác	31	VI.07	51.189.618.314	9.140.383.584	51.189.618.314	9.140.383.584
13. Chi phí khác	32	VI.08	7.776.948.983	6.865.895.858	7.776.948.983	6.865.895.858
14. Lợi nhuận khác	40		43.412.669.331	2.274.487.726	43.412.669.331	2.274.487.726
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		117.086.690.390	35.410.967.845	117.086.690.390	35.410.967.845
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	20.003.947.559	23.595.600.616	20.003.947.559	23.595.600.616
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	(1.098.542.592)	3.015.507.552	(1.098.542.592)	3.015.507.552

Mẫu số B 02 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính quý 1 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I.2024	Quý I.2023	Lũy kế đến quý I.2024	Lũy kế đến quý I.2023
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**98.181.285.923**	**8.799.859.677**	**98.181.285.923**	**8.799.859.677**
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		13.634.044.334	13.009.796.619	13.634.044.334	13.009.796.619
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		84.547.241.589	(4.209.936.942)	84.547.241.589	(4.209.936.942)

Lập, ngày 12 tháng 04 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phó Chủ tịch HĐQT
Huỳnh Minh Trường	Phạm Hữu Quốc	Phạm Minh Tuấn
		(Theo Giấy ủy quyền số 03/2023/UQ-BCG ngày 01/03/2023)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

Mẫu số B 03 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn tài chính quý 1 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế đến quý I.2024	Lũy kế đến quý I.2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**		**117.086.690.890**	**35.410.967.845**
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		165.037.586.256	136.919.688.284
- Các khoản dự phòng	03		71.930.475.533	(41.515.606.542)
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		58.509.950.053	(2.119.276.757)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(11.226.016.490)	(50.768.763.243)
- Chi phí lãi vay	06		267.453.057.130	396.772.225.050
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		**668.791.743.372**	**474.699.234.537**
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(289.220.172.233)	(32.529.663.161)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		43.690.537.151	(15.768.461.594)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		357.749.453.582	409.884.633.416
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(27.551.968.798)	17.506.658.564
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		(489.998.873.891)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(295.639.950.407)	(393.206.865.362)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(55.588.330.283)	(20.628.244.597)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		105.430.000	900.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(10.633.900.000)	(8.198.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(98.295.981.507)**	**431.768.091.883**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(88.955.323.051)	(29.820.223.325)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		26.096.938.068	76.302.389.514
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(400.853.000.000)	(121.988.791.211)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		45.507.157.208	43.979.080.496
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(131.806.112.615)	(572.137.961.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		206.402.009.276	425.116.517.062
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		45.411.751.999	43.209.326.712
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(298.196.579.115)**	**(135.339.661.752)**

Mẫu số B 03 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn tài chính quý 1 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế đến quý 1.2024	Lũy kế đến quý 1.2023
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		145.070.360.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		340.632.813.650	368.682.575.842
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(462.837.805.163)	(692.755.520.801)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(1.113.373.842)	(1.184.805.606)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**61.751.994.645**	**(325.257.750.565)**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**(334.740.565.977)**	**(28.837.320.514)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**		**756.859.464.983**	**629.496.375.653**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		120.823.468	(2.546.253)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	VII	**422.239.722.474**	**600.656.508.886**

Lập, ngày 12 tháng 04 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phó Chủ tịch HĐQT
Huỳnh Minh Trường	Phạm Hữu Quốc	Phạm Minh Tuấn
		(Theo Giấy ủy quyền số 03/2023/UQ-BCG ngày 01/03/2023)

Mẫu số B 09 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính quý 1 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311315789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/11/2011 và thay đổi lần thứ 28 ngày 12/04/2024.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 5.334.676.220.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2024: 5.334.676.220.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty hiện được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán "BCG".

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối quy định tại Thông tư 34/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013). Bán buôn thực phẩm, chi tiết: Bán buôn sữa, các sản phẩm từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, cà phê, cacao (trừ không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối quy định tại Thông tư 34/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013) (không hoạt động tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản (trừ: không thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng), quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Cho thuê ô tô. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, mi mạ điện tại trụ sở). Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Xây dựng nhà các loại. Xây dựng công trình công ích. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chuẩn bị mặt bằng. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Hoàn thiện công trình xây dựng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ. Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Sản xuất đồ gỗ xây dựng. Khai thác quặng sắt. Khai thác quặng uranium và quặng thorium. Cung cấp các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ và thực hiện các hoạt động đầu tư.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là trong vòng 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất: Không có.

6. Số lượng nhân viên:

Tại ngày 31/03/2024, Tập đoàn có 1.789 nhân viên. Tại ngày 31/12/2023, Tập đoàn có 1.716 nhân viên.

7. Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31/03/2024, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital có 01 (một) văn phòng đại diện, 08 (tám) Công ty con kiểm soát trực tiếp và 29 (hai mươi chín) Công ty con kiểm soát gián tiếp thông qua Công ty con. Ngoài ra, Công ty có 03 (ba) Công ty liên kết sở hữu trực tiếp và 06 (sáu) Công ty liên kết sở hữu gián tiếp thông qua Công ty con.

Tổng số các Công ty con:

- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 37 Công ty
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0 Công ty
- Số lượng các Công ty liên kết hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu: 9 Công ty

a. Danh sách văn phòng đại diện

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital tại Tp. Hà Nội	Số 44 Nguyễn Thái Học, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội.

b. Danh sách các Công ty con kiểm soát trực tiếp được hợp nhất trong báo cáo

Tên đơn vị	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	51,70%	43,90%
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	Khu TTCN Nhơn Hòa, Phường Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định.	55,64%	53,29%
Công ty Cổ phần BCG Land	22A Đường số 7, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	71,53%	66,24%
Công ty Cổ phần BCG Energy	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	50,66%	50,66%
Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh	Thôn Phong An, Xã Cát Trinh, Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định.	80,00%	80,00%
Công ty Cổ phần BCG Financial	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	80,00%	80,00%
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA	Số 10-12, Đường số 52, Phường Thạnh Mỹ Lợi, TP Thủ Đức, TP. HCM	75,79%	73,86%
Công ty TNHH Phoenix Mountain	Quốc lộ 1D, Khu vực 2, Phường Ghềnh Ráng, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.	100%	86,59%

7. Cấu trúc Công ty (Tiếp theo)

c. Danh sách các Công ty con kiểm soát gián tiếp được hợp nhất trong báo cáo

Tên đơn vị	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Liên doanh Khai thác và Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang	Ấp Rò Leng, Xã Châu Lăng, Huyện Tri Tôn, Tỉnh An Giang	51,00%	21,95%
Công ty Cổ phần Nước Sạch Life Purity	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	51,00%	22,39%
Công ty Cổ phần TCD Plus	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	80,00%	35,12%
Công ty Taxi Việt Nam	Lô IV - 15B đường số 4, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.	51,00%	22,39%
Công ty TNHH Tracodi E&C	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	99,80%	43,81%
Công ty Cổ phần Thành Phúc	Lô D4, D5, D9, D10 – KCN Đông Bắc Sông Cầu, Xã Xuân Hải, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên.	95,00%	50,63%
Công ty Cổ phần Tapiotek	Tổ 7, Khu phố 4, Thị trấn Châu Thành, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh.	51,00%	27,18%
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Quốc lộ 1D, Khu phố 1, Bãi Xếp, Phường Ghềnh Ráng, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.	70,00%	46,37%
Công ty Cổ phần Thương Mại Vxperia	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	65,00%	43,05%
Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn	L17-11, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	65,00%	43,05%
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Khối 1, Phường Điện Dương, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam.	89,00%	58,95%
Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Cồn Bắp	Cồn Dắp, Phường Cẩm Nam, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	50,10%	33,18%
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Hẻm 1, Đường TL 934, Ấp Hòa Mỹ, TT Mỹ Xuyên, Huyện Mỹ Xuyên, Tỉnh Sóc Trăng.	90,00%	45,59%
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thạnh Hóa	31 Đường số 10, Ấp 4, KDC Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	91,84%	46,52%
Công ty Cổ phần Skylar	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	99,00%	50,15%
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch	Tỉnh lộ 639, thôn 8 Đông, Xã Mỹ Thắng, Huyện Phù Mỹ, Tỉnh Bình Định.	51,00%	20,91%
Công ty Cổ phần Greensky Infinitive	27C Quốc Hương , Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	99,80%	50,05%

7. Cấu trúc Công ty (Tiếp theo)

c. Danh sách các Công ty con kiểm soát gián tiếp được hợp nhất trong báo cáo (Tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Buôn Chư Jut, Xã Chư Gu, Huyện Krông Pa, Tỉnh Gia Lai.	100%	47,35%
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	Số 207, Ấp Giồng Giếng, Xã Dân Thành, Thị Xã Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh	100%	50,61%
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	Số 207, Ấp Giồng Giếng, Xã Dân Thành, Thị Xã Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh	100%	50,62%
Công ty Cổ phần Awai Wind Energy	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh	99,00%	50,15%
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	Số 356, tổ 13, ấp Phú Tân, Xã Trung Nghĩa, Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long.	50,50%	25,58%
Công ty Cổ phần Herb Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	69,00%	34,60%
Công ty Cổ phần Orchid Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	69,00%	34,60%
Công ty Cổ phần Violet Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	69,00%	34,60%
Công ty Cổ phần BCG GAIA	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	50,97%	25,45%
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Bàng Dương	Ấp 1, Xã Thạnh An, Huyện Thạnh Hoá, Tỉnh Long An	100%	25,55%
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bàng Dương	Ấp 1, Xã Thạnh An, Huyện Thạnh Hoá, Tỉnh Long An	100%	25,55%
Công ty CP Phát triển Điện Gia Huy	Số 44 Nguyễn Thái Học, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Hà Nội	99,80%	50,05%

7. Cấu trúc Công ty (Tiếp theo)

d. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết sở hữu trực tiếp

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	32A/3 Ấp 3, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	38,00%	38,00%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	Lô 08, 09 Cụm Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, Phường 9, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.	21,01%	21,01%
Công ty TNHH Helios Village	Thôn 7, Xã Đắk Ha, Huyện Đắk Glong, Tỉnh Đắk Nông.	49%	49%

e. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết sở hữu gián tiếp thông qua công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Skylight Power	Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	50,00%	25,33%
Công ty TNHH Hanwha BOGE - O&M	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	49,00%	24,82%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	218 Võ Văn Ngân, Phường Bình Thọ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	49,00%	32,46%
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	50,00%	25,08%
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Sơn Long	Tổ 21, khu 4B, đường Hậu Cần, Phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.	40,63%	17,83%
Công ty Cổ phần Bất Động Sản An Giang	59 Trần Hưng Đạo, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.	36,71%	27,12%

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Tập đoàn áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tập đoàn đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá bình quân gia quyền di động.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;

- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

d. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty/Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

e. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty/Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu hoạt động xây lắp, bán hàng hóa, dịch vụ

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm

Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa trên tình trạng quá hạn của các khoản nợ và các khoản lỗ dự kiến đối với những khoản nợ trong hạn có thể phát sinh khi một tổ chức kinh tế bị phá sản hoặc giải thể; hoặc chủ nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị truy tố, ở tù, đang chờ thi hành án hoặc đã chết.

Tỷ lệ dự phòng phải thu khó đòi theo tình trạng quá hạn như sau:

Tình trạng quá hạn	*Tỷ lệ dự phòng*
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Việc lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên các khoản lỗ dự kiến đối với những khoản phải thu trong hạn được quyết định bởi Hội Quản trị Công ty sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản phải thu này.

d. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường;

- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Đối với hàng hóa nhập bán sỉ theo lô, công ty ghi nhận giá trị hàng xuất theo phương pháp thực tế đích danh

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí bán hàng tăng lên thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu không bao gồm thuế GTGT đầu vào.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCD có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCD vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao ước tính
- Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 50
- Phương tiện vận tải	06 - 10
- Máy móc thiết bị	03 - 20
- Thiết bị văn phòng	03 - 10
- Phần mềm máy tính	03 - 05
- Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 25

6. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;

- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;

- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn;

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;

- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng nghiệp vụ được trích lập theo các quy định và hướng dẫn của Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/05/2017 ("Thông tư 50") do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn thi hành Nghị định 73 do Chính phủ Việt Nam ban hành hướng dẫn thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm và Thông tư số 01/2019/TT-BTC ngày 02/01/2019 ("Thông tư 01") do Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 50, và Công văn số 15193/BTC-QLBH ngày 06/12/2018 ("Công văn 15193") do Bộ Tài chính phê duyệt phương pháp dự phòng nghiệp vụ của Công ty.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

d. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

e. Doanh thu phí bảo hiểm

Doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực (khi phát sinh trách nhiệm bảo hiểm) cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc hoặc khi nhận được xác nhận thanh toán tái bảo hiểm từ các công ty nhượng tái bảo hiểm cho hoạt động nhận tái bảo hiểm. Khoản doanh thu này bao gồm phí bảo hiểm phải thu đến hạn và không bao gồm doanh thu phí bảo hiểm nhận được trước ngày đến hạn và phí bảo hiểm phải thu bị quá hạn trên 30 ngày.

Trong trường hợp rủi ro đã được hủy bỏ và hoàn trả phí bảo hiểm là cần thiết, doanh thu phí bảo hiểm đã ghi nhận được điều chỉnh bằng cách trừ số tiền hoàn phí bảo hiểm phát sinh một cách phù hợp.

f. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

15. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách

16. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

17. Chi phí bồi thường bảo hiểm

Chi phí bồi thường và chi phí giám định tổn thất được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi các sự kiện được bảo hiểm xảy ra. Chi phí bồi thường, chi phí giám định tổn thất được ghi nhận trong năm tài chính dựa trên số tiền bồi thường ước tính cuối cùng và các chi phí giám định tổn thất có liên quan.

Những thay đổi trong các ước tính chi phí bồi thường (chi phí giám định tổn thất và bồi thường) được thường xuyên rà soát lại, và chênh lệch giữa các ước tính bồi thường phải trả với số liệu thực phải thanh toán bồi thường bảo hiểm được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm khi mà các ước tính đó bị thay đổi hay các khoản thanh toán đó được thực hiện.

Các khoản thu đòi bồi thường, như thanh lý tài sản tổn thất đã xử lý bồi thường hoặc thu đòi bên thứ ba bồi hoàn, được đánh giá theo giá trị thực tế có thể thực hiện được và được ghi nhận là các khoản giảm trừ cho chi phí bồi thường bảo hiểm trong năm.

18. Chi phí khai thác bảo hiểm

Toàn bộ các chi phí khai thác bảo hiểm mà chủ yếu là hoa hồng từ việc phát hành mới hoặc tái tục hợp đồng bảo hiểm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

20. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

23. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

24. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

a. Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua một lần mua

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư của công ty mẹ vào công ty con và phần sở hữu của công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con tại ngày mua phải được loại trừ hoàn toàn, theo nguyên tắc:

- Công ty mẹ phải ghi nhận tài sản, nợ phải trả của công ty con theo giá trị hợp lý tại ngày mua;

- Công ty mẹ phải ghi nhận riêng rẽ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày mua;

- Công ty mẹ ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả đối với các tài sản, nợ phải trả của công ty con có giá trị hợp lý cao hơn giá trị ghi sổ; Ghi nhận tài sản thuế hoãn lại đối với các tài sản, nợ phải trả của công ty con có giá trị hợp lý nhỏ hơn giá trị ghi sổ.

Khoản lợi thế thương mại hoặc khoản lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ trong quá trình mua công ty con (nếu có) được ghi nhận đồng thời khi loại trừ khoản đầu tư của công ty mẹ vào công ty con.

b. Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của các Công ty con được xác định và trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định và trình bày riêng biệt trong mục "Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát". Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con. Thu nhập của cổ đông không kiểm soát trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được phản ánh trong mục "Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát - Mã số 62".

Ngoài những điều trên, lợi ích cổ đông không kiểm soát còn bị ảnh hưởng bởi các giao dịch nội bộ khác.

c. Phương pháp kế toán giá nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty Con

Nếu sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu công ty mẹ tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm phải được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu (không ghi nhận như lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ). Trong trường hợp này, công ty mẹ không thực hiện việc ghi nhận tài sản thuần của công ty con theo giá trị hợp lý như tại thời điểm kiểm soát công ty con.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, trước khi thực hiện việc loại trừ khoản đầu tư của công ty mẹ và công ty con, kế toán phải thực hiện một số điều chỉnh đối với giá phí khoản đầu tư của công ty mẹ trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

d. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ

- Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất, doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

- Các khoản vay trong nội bộ

Nếu các đơn vị trong một tập đoàn có quan hệ vay mượn lẫn nhau thì số dư tiền vay trong nội bộ tập đoàn đang phản ánh trong các khoản mục "Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn", "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn", khoản mục "Phải thu về cho vay ngắn hạn", "Phải thu về cho vay dài hạn khác" phải được loại trừ toàn bộ. Theo đó, các khoản thu nhập từ cho vay và chi phí đi vay cũng phải loại trừ toàn bộ trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

- Điều chỉnh các khoản mục nội bộ khác

Số dư các khoản mục phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong nội bộ tập đoàn, như phải thu, phải trả, doanh thu chưa thực hiện, chi phí trả trước... phải được loại trừ hoàn toàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản doanh thu, thu nhập, giá vốn, chi phí phát sinh từ các giao dịch khác trong nội bộ tập đoàn, như các khoản doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, doanh thu cho thuê, cung cấp dịch vụ... trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ hoàn toàn.

e. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên doanh và liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ phân bổ luỹ kế. Giá gốc lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại trong việc mua lại công ty con được ghi giảm đến giá trị có thể thu hồi khi Ban điều hành xác định rằng khoản này không thể thu hồi đầy đủ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 31/03/2024	*Ngày 01/01/2024*
- Tiền mặt	10.267.509.751	9.319.500.774
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	358.627.568.548	470.770.664.820
- Tiền đang chuyển	764.644.175	213.746.581
- Các khoản tương đương tiền	52.580.000.000	276.555.552.808
Cộng	**422.239.722.474**	**756.859.464.983**

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Ngày 31/03/2024	*Ngày 01/01/2024*
a. Ngắn hạn	***1.363.542.093.637***	***1.098.565.555.782***
- Công ty Mua Bán Điện (1)	501.663.353.086	295.338.153.305
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dịch vụ Thương mại Phương Nam (2)	118.883.891.478	118.883.891.478
- Thu phí bảo hiểm	100.412.478.152	76.758.734.860
- Các khách hàng khác	642.582.370.921	607.584.776.139
b. Dài hạn	-	-

Ghi chú:

(1) Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, Tập đoàn đã thế chấp quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện giữa các Tập đoàn và Công ty Mua bán điện cho các khoản vay từ ngân hàng (xem thuyết minh V.20).

Bao gồm trong số dư khoản phải thu khách hàng ngắn hạn tại ngày 31 tháng 03 năm 2024 của Tập đoàn, có khoản phải thu ngắn hạn giữa Công ty Mua Bán Điện với Công ty con - Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng sạch, Công ty Cổ phần Hanwha - BCG Bình Dương và Công ty Cổ phần BCG - Bình Dương với tổng số tiền là 466.727.375.125 Đồng, chi tiết như sau:

- Giá bán điện chính thức đối với phần công suất 83,10 MWp của dự án Điện mặt trời Phù Mỹ 1 Giai đoạn 2 và 31,10 MWp của dự án Điện mặt trời Phù Mỹ 3 Giai đoạn 2 vẫn đang trong quá trình đàm phán với EVN. Trong thời gian chờ các cấp có thẩm quyền ban hành khung pháp lý, hướng dẫn chi tiết cách thức tính giá điện, ngày 16 tháng 5 năm 2023, được sự chấp thuận của Bộ Công thương, Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch ("Công ty con" của Tập đoàn) và EVN/EPTC đã ký Hợp đồng sửa đổi, bổ sung phụ lục số 03 của Hợp đồng mua bán điện nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ 1 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 03 Hợp đồng mua bán điện nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ 3 với giá tạm tính là 50% giá trần được quy định tại Quyết định số 21/QĐ-BTC ngày 07 tháng 01 năm 2023. Tiếp theo đó, trong khoảng thời gian nửa cuối năm 2023, Tập đoàn đã chỉ đạo Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch có các Văn bản đề nghị EVN/EPTC tiếp tục tiến hành đàm phán giá điện chính thức và chủ động tính toán, đề xuất giá điện đàm phán với EVN/EPTC dựa theo nguyên tắc của Thông tư số 15/2022/TT-BCT ngày 22 tháng 10 năm 2022 quy định phương pháp xây dựng khung giá phát điện nhà máy điện mặt trời, điện gió chuyển tiếp và Thông tư số 57/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định phương pháp xác định giá phát điện, hợp đồng mua bán điện. Tại ngày 08 tháng 12 năm 2023, Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch đã gửi công văn cho EVN về việc đàm phán giá điện chính thức theo đơn giá ước tính này. Qua các phiên làm việc, đàm phán ban đầu, hai Bên đã thống nhất về trình tự, cách thức triển khai và đang trong quá trình xem xét Tổng mức đầu tư (là đầu vào quan trọng nhất của việc tính toán), Ban điều hành Tập đoàn và Công ty con tin rằng khả năng Công ty có thể đàm phán thành công mức giá bán điện cao hơn mức giá trần nói trên cho sản lượng đã hòa vào lưới điện quốc gia.

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG (TIẾP THEO)

Giá bán điện đàm phán tính toán được hiện đang cao hơn so với giá trần được quy định tại Quyết định số 21/QĐ-BTC ngày 7 tháng 1 năm 2023 ban hành khung giá phát điện nhà máy điện mặt trời, điện gió chuyển tiếp. Tuy nhiên, theo nguyên tắc thận trọng, Tập đoàn đã ghi nhận doanh thu và khoản phải thu EVN cho phần sản lượng điện được sản xuất tương ứng với công suất 83,10 MWp và 31,10 MWp của dự án Điện mặt trời Phù Mỹ 1 và Phù Mỹ 3 Giai đoạn 2 trong năm 2023 với giá bán điện bằng với giá trần được quy định tại Quyết định 21/QĐ-BTC ngày 7 tháng 1 năm 2023 và Tập đoàn xem đây là mức tính hợp lý nhất dựa trên các thông tin hiện có tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

- Theo Thông báo của Thanh tra Chính phủ số 3116/TB - TTCP ngày 25 tháng 12 năm 2023, Dự án Nhà máy Điện mặt trời GAIA do Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bình Dương (công ty con gián tiếp của Tập đoàn) là chủ đầu tư và Nhà máy Điện mặt trời BCG – Bình Dương do Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Bình Dương (công ty con gián tiếp của Tập đoàn) là chủ đầu tư đã được vận hành thương mại khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo hoặc Sở Công Thương) kiểm tra công tác nghiệm thu và ra văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư. Ban điều hành Tập đoàn và Công ty con có các đánh giá chi tiết như sau:

Dự án được hoàn thành và vận hành thương mại cuối năm 2020. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID, đặc biệt nghiêm trọng trong năm 2021, dẫn đến khó khăn, chậm trễ trong việc tập hợp, hoàn thiện các hồ sơ dự án theo quy định. Theo đó, đến cuối năm 2021, các dự án mới đủ điều kiện về hồ sơ để mời Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu.

* Dự án Nhà máy Điện mặt trời GAIA

Ngày 15 tháng 11 năm 2021, chủ đầu tư có văn bản số 45/2021/CV-HANWHA.BCG kèm hồ sơ dự án gửi Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo mời kiểm tra công tác nghiệm thu công trình Nhà máy Điện mặt trời GAIA. Trên cơ sở Biên bản làm việc, Biên bản vi phạm hành chính liên quan đến dự án của đoàn kiểm tra ngày 05/4/2022 và Quyết định xử lý vi phạm hành chính số 17/QĐ-XPHC ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Thanh tra Sở Xây dựng Tỉnh Long An, chủ đầu tư đã hoàn tất các nghĩa vụ nộp phạt hành chính trong năm 2022 và tiến hành bổ sung các hồ sơ theo quy định. Đồng thời chủ đầu tư đã gửi báo cáo cho Cục Điện lực và Năng lượng về kết quả thực hiện tại Văn bản số 19/2022/CV-WBCG ngày 14 tháng 7 năm 2022.

Tuy nhiên, việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất của nhà máy điện mặt trời GAIA chưa được phê duyệt (Thuyết minh V.10), cho nên Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo chưa thể chấp thuận công tác nghiệm thu, mặc dù về khía cạnh chủ đầu tư, Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bình Dương đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ pháp lý theo quy định, bao gồm các thủ tục xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo hướng dẫn của các Sở, ngành địa phương. Ban điều hành Tập đoàn và Công ty con tin tưởng rằng thẩm quyền phê duyệt mục đích chuyển đổi sử dụng đất sẽ được làm rõ trong tương lai gần. Ban điều hành đánh giá vấn đề được nêu bởi Thanh tra Chính phủ không ảnh hưởng đến hợp đồng mua bán điện Tập đoàn đã ký kết với EVN.

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG (TIẾP THEO)

" Dự án Nhà máy Điện mặt trời BCG - Bình Dương

Ban điều hành của Công ty Cổ phần Năng Lượng BCG - Bình Dương đã hoàn thành các công tác nghiệm thu và các nghĩa vụ pháp lý theo quy định cho dự án. Theo đó, ngày 23 tháng 3 năm 2022, Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo đã có Thông báo số 20/TB-ĐL chấp thuận công tác nghiệm thu dự án. Theo đó, Ban điều hành đánh giá rằng các vấn đề nêu bởi Thanh tra Chính phủ đã được khắc phục. Dựa trên các thông tin trên, Ban điều hành tin rằng Tập đoàn đã hoàn tất các thủ tục cần thiết để được giao đất phát triển dự án, ngoài ra Tập đoàn cũng đã ký kết hợp đồng mua bán điện với EVN phù hợp với các yêu cầu của pháp luật Việt Nam.

Do đó, Tập đoàn đã ghi nhận doanh thu và khoản phải thu EVN cho phần sản lượng điện được sản xuất trong kỳ với giá bán điện ưu đãi theo hợp đồng đã ký kết trước đó với EVN.

(2) Khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh mua bán hàng hóa vật tư xây lắp.

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Ngày 31/03/2024	*Ngày 01/01/2024*
a. Ngắn hạn	***4.369.689.206.097***	***4.259.308.576.569***
- Công ty Powerchina International Group Limited (1)	142.937.642.745	142.937.642.745
- Công ty TNHH TM-DV-MTV Huỳnh Phát Thủy (2)	670.937.900.000	670.937.900.000
- Công ty Cổ phần Plus Investment (3)	364.373.000.000	364.373.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu Tư Dịch Vụ VHM (3)	304.910.350.000	289.045.350.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư NNT (3)	147.365.329.600	187.365.329.600
- Công ty Cổ phần Mega Solar (3)	265.110.520.000	265.110.520.000
- Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Thương Mại Shusa (3)	537.056.316.549	422.556.830.465
- Các đối tượng khác	1.936.998.147.203	1.916.980.003.759
b. Dài hạn	-	-
- Các khách hàng khác	-	-

Ghi chú:

(1) Khoản trả trước cho nhà thầu thi công gói thầu EPC thuộc dự án nhà máy điện gió Đông thành 1.

(2) Khoản trả trước cho nhà cung cấp để mua vật tư, trang thiết bị, thi công dự án nhà máy điện gió Đông thành 1, 2.

(3) Khoản trả trước liên quan hoạt động mua vật tư, thiết bị, chi phí nhà thầu cho hoạt động xây lắp.

4. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

		Ngày 31/03/2024			*Ngày 01/01/2024*		
		Giá gốc	*Giá trị hợp lý*	*Dự phòng*	*Giá trị gốc*	*Giá trị hợp lý*	*Dự phòng*
a. Chứng khoán kinh doanh							
- Công ty CP Đầu Tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa	(1)	490.000.000.000	490.000.000.000	-			-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị VINAHUD		4.560.000.000	5.061.600.000	-	4.560.000.000	5.928.000.000	-
- Công ty CP Cơ khí An Giang		451.655.840	1.282.270.700	-	451.655.840	1.282.270.700	-
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha				-	1.126.109	1.560.000	-
Cộng		495.011.655.840		-	5.012.781.949		-

Ghi chú:

(1) Thực hiện theo Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐQT-BCGE ngày 31/01/2024 của Công ty con - Công ty CP BCG Energy phê duyệt thông qua việc ký kết và thực hiện liên quan đến việc mua bán cổ phần của BCGE với Công ty CP Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa và SUS Vietnam Holding Pte.Ltd

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Ngày 31/03/2024		*Ngày 01/01/2024*	
	Giá gốc	*Giá trị ghi sổ*	*Giá gốc*	*Giá trị ghi sổ*
b.1 Ngắn hạn	567.205.810.315	567.205.810.315	536.405.810.315	536.405.810.315
- Tiền gửi có kỳ hạn	467.205.810.315	467.205.810.315	436.405.810.315	436.405.810.315
- Trái phiếu Doanh nghiệp	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
b.2 Dài hạn	16.880.000.000	16.880.000.000	16.986.709.589	16.986.709.589
- Trái phiếu Doanh nghiệp	-	-	-	-
- Trái phiếu Ngân hàng	10.880.000.000	10.880.000.000	10.880.000.000	10.880.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	6.000.000.000	6.000.000.000	6.106.709.589	6.106.709.589
Cộng	584.085.810.315	584.085.810.315	553.392.519.904	553.392.519.904

4. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Ngày 31/03/2024			Ngày 01/01/2024		
	Giá gốc	*Giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu*	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu*	*Dự phòng*
c.1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	**2.643.710.547.548**	**2.453.848.922.449**	-	**2.433.510.547.548**	**2.264.659.695.553**	-
- Công ty TNHH B.O.T ĐT830	81.700.000.000	26.596.766.637	-	81.700.000.000	19.686.360.175	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	1.017.663.263.769	925.005.176.124	-	1.017.663.263.769	944.022.116.347	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sơn Long	970.355.000.000	970.301.518.760	-	970.355.000.000	970.305.462.748	-
- Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	270.212.000.000	251.668.948.104	-	256.012.000.000	247.889.449.419	-
- Công ty TNHH Skylight Power	24.952.712.350	23.831.883.238	-	24.952.712.350	23.895.048.398	-
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	29.194.000.000	38.037.790.130	-	29.194.000.000	37.131.849.181	-
- Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	2.205.000.000	7.406.839.456	-	2.205.000.000	6.731.409.284	-
- Công ty Cổ phần Bất Động Sản An Giang ("ARESCO")	51.428.571.429	15.000.000.000	-	51.428.571.429	15.000.000.000	-
- Công ty TNHH Helios Village (2)	196.000.000.000	196.000.000.000	-	-	-	-

4. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)

		Ngày 31/03/2024			Ngày 01/01/2024		
		Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
c2 Đầu tư vào đơn vị khác		**510.379.156.293**	**(3.259.783.513)**		**387.879.156.293**	**(3.259.783.513)**	
- Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1		59.400.000.000	-		59.400.000.000	-	
- Công ty Cổ phần Bamboo Financial Corp		30.000.000.000	(800.997.289)		30.000.000.000	(800.997.289)	
- Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong		21.600.000.000	-		21.600.000.000	-	
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Năng lượng Việt Nam		360.000.000	-		360.000.000	-	
- Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn lực & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam		99.945.360	-		99.945.360	-	
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam		69.210.933	-		69.210.933	-	
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios		145.000.000.000	-		145.000.000.000	-	
- Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Thương Mại Shuma		128.250.000.000	-		128.250.000.000	-	
- Công ty CP Đầu Tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa	(1)	122.500.000.000	-		-	-	
- Công ty Cổ phần Phê Tam Khôi		3.100.000.000	(2.458.786.224)		3.100.000.000	(2.458.786.224)	
Cộng		**3.154.089.783.841**	**(3.259.783.513)**		**2.921.389.703.841**	**(3.259.783.513)**	

Ghi chú:

(2) Theo nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐQT-BCG ngày 11/01/2024, Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Bamboo Capital thoái phần vốn góp tương ứng 51% vốn điều lệ tại Công ty TNHH Helios Village, giảm tỷ lệ sở hữu xuống còn 49%. Theo đó, chuyển mối quan hệ với Công ty TNHH Helios Village từ đầu tư vào Công ty con sang đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

5. PHẢI THU VỀ CHO VAY

		Ngày 31/03/2024	*Ngày 01/01/2024*
a. Ngắn hạn		***605.033.443.975***	***587.623.443.975***
- Nguyễn Thị Hoàng Yến	(1)	50.375.000.000	53.550.000.000
- Công ty TNHH TMTH Phước Tiến	(2)	240.000.000.000	240.000.000.000
- Công ty Cổ phần E Power 1	(3)	107.234.483.975	107.234.483.975
- Công ty CP ĐT Xây dựng DVTM Phương Nam	(4)	76.800.000.000	76.800.000.000
- Công ty TNHH Lộc Tú	(5)	20.150.000.000	70.150.000.000
- Các khoản cho vay khác		110.473.960.000	39.888.960.000
b. Dài hạn		***12.991.022.927***	***10.698.022.927***
- Các khoản cho vay khác		12.991.022.927	10.698.022.927
Cộng		**618.024.466.902**	**598.321.466.902**

Ghi chú:

(1) Khoản cho vay với Bà Nguyễn Thị Hoàng Yến, thời hạn vay 1 năm, lãi suất 7,3%.

(2) Khoản cho vay với Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Phước Tiến ("Phước Tiến") có kỳ hạn 12 tháng và hưởng lãi suất từ 11%/năm đến 13,5%/năm. Khoản cho vay này được bảo đảm bằng một phần tài sản của bên thứ ba khác hiện có tại công ty con của Công ty tương ứng với giá trị khoản nợ để thực hiện nghĩa vụ cho Phước Tiến

(3) Khoản Công ty con - Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bình Dương cho Công ty Cổ phần E Power 1 vay với số tiền là 107.234.483.975 đồng. Mục đích của khoản cho vay này là để Công ty Cổ phần E Power 1 phục vụ hoạt động kinh doanh của chính Công ty và cho các Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Thạnh Diamond, Công ty Cổ phần Green Solution, Công ty Cổ phần Mega Solar vay lại để đầu tư vào các dự án điện gió, điện mặt trời. Để các dự án có thể được phê duyệt chủ trương đầu tư thì các dự án này phải được đưa vào quy hoạch điện VIII. Theo đó, các chủ đầu tư và các bên tham gia vào BCC đã hoàn tất hồ sơ để được Ủy ban Nhân dân các tỉnh đề xuất vào quy hoạch điện VIII. Các dự án điện gió, điện mặt trời của các Công ty này đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh đề xuất vào Kế hoạch triển khai Quy hoạch Điện VIII trong văn bản gửi cho Bộ Công Thương. Hiện tại, việc phê duyệt các dự án điện gió, điện mặt trời vào quy hoạch điện VIII đang chờ Bộ Công Thương phê duyệt cuối cùng. Tiếp theo đó, Tập đoàn sẽ tiếp tục làm việc với các cơ quan ban ngành có liên quan để có chấp thuận chủ trương đầu tư dự án cũng như hoàn tất các thủ tục pháp lý khác để có thể tiếp tục phát triển các dự án này.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban điều hành Tập đoàn và Công ty con đánh giá tính khả thi và khả năng phát triển của các Dự án điện gió, điện mặt trời trong tương lai là cao. Vì vậy, Ban điều hành tin rằng có thể thu hồi được toàn bộ các khoản phải thu về cho vay này.

(4) Khoản cho vay với Công ty Cổ phần Xây dựng Dịch vụ Thương mại Phương Nam có kỳ hạn 12 tháng và hưởng lãi suất 14%/năm. Khoản cho vay này được bảo đảm bằng các sản phẩm tài chính niêm yết trên sàn chứng khoán.

(5) Khoản cho vay không có tài sản bảo đảm với Công ty TNHH Lộc Tú có kỳ hạn 12 tháng và hưởng lãi suất từ 13,5%/năm đến 14%/năm. Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, khoản cho vay đang được tất toán.

6. PHẢI THU KHÁC

	Ngày 31/03/2024		Ngày 01/01/2024	
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*
a. Ngắn hạn	***7.917.909.660.764***	***(4.666.774.671)***	***8.939.667.963.457***	***(4.666.774.671)***
- Phải thu BHXH, BHYT	21.146.353	-	43.954.740	-
- Tạm ứng	149.952.736.834	-	60.568.633.833	
- Ký cược, ký quỹ	262.708.999.749	-	205.365.956.446	
- Lãi phải thu từ hợp tác kinh doanh, lãi trái phiếu, lãi cho vay	607.438.859.178	-	814.153.975.410	-
- Phải thu gốc hợp đồng hợp tác kinh doanh	6.417.614.705.067	-	6.472.978.612.610	-
+ Công ty Cổ phần (1) Artemis Investment	818.033.000.000	-	913.233.000.000	-
+ Công ty CP Năng (2) Lượng Dương Phong	1.003.700.000.000	-	1.094.942.000.000	-
+ Công ty Cổ phần (3) Thắng Phương	281.640.000.000	-	281.640.000.000	-
+ Công ty Cổ phần (4) Mega Solar	756.000.000.000	-	786.120.000.000	-
+ Công ty Cổ phần (5) Plus Investment	90.000.000.000	-	90.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần (6) Tập Đoàn VNGROUP	160.000.000.000	-	160.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần (7) Đầu tư Tân Thạnh Diamond	290.600.000.000	-	290.600.000.000	-
+ Công ty Cổ phần (8) Đầu tư Dịch vụ Orchid	242.000.000.000	-	242.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần (9) Hibiscus	65.556.000.000	-	65.556.000.000	-
+ Công ty Cổ phần (10) Điện Gió BCG Khai Long 1	2.380.135.455.067	-	2.111.495.000.000	-
+ Công ty Cổ phần (11) HCM Loti 68	85.829.250.000	-	177.529.250.000	-
+ Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	128.676.000.000	-	128.676.000.000	-
+ Các đối tượng khác	113.445.000.000	-	131.187.362.610	-
- Phải thu khác	480.173.213.583	(4.666.774.671)	486.555.930.418	(4.666.774.671)

6. PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

		Ngày 31/03/2024		Ngày 01/01/2024	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
b. Dài hạn		***7.789.158.506.396***	-	***8.118.284.698.330***	-
- Tạm ứng		-	-	-	-
- Phải thu nợ gốc BCC		7.717.607.327.982	-	8.047.775.327.982	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Orchid	(12)	1.278.436.000.000	-	1.278.436.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Plus Investment	(13)	987.576.327.982	-	987.576.327.982	-
+ Công ty Cổ phần White Magnolia	(12)	830.000.000.000	-	830.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Chi Thuỷ	(14)	606.450.000.000	-	606.450.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công trình Toàn Phát	(15)	479.100.000.000	-	479.100.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Plus Investment	(12)	441.564.000.000	-	441.564.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Hibiscus	(16)	281.000.000.000	-	281.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Artemis Investment	(17)	200.000.000.000	-	200.000.000.000	-
+ Công ty CP Biệt thự Nghỉ dưỡng Mỹ Khê	(18)	475.390.000.000	-	475.390.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Thương mại Võ Tuấn	(19)	225.935.000.000	-	225.935.000.000	-
+ Bà Nguyễn Thị Ngọc Hòa	(20)	259.780.000.000	-	259.780.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	(21)	160.000.000.000		160.000.000.000	-
+ Công Ty Cổ Phần Phát Triển Lion City	(22)	147.980.000.000	-	147.980.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Thắng Phương	(23)	196.000.000.000	-	196.000.000.000	-
+ Bà Nguyễn Thị Ngọc Giàu	(24)	567.430.000.000	-	567.430.000.000	-
+ Ông Lê Mai Long	(25)	225.000.000.000	-	625.000.000.000	-
+ Các đối tượng khác		355.966.000.000	-	216.134.000.000	-
- Phải thu khác		20.625.769.716		20.202.457.650	
- Ký cược, ký quỹ		50.927.408.698	-	50.306.912.698	-
Cộng		**15.707.968.167.160**	**(4.666.774.671)**	**16.157.951.761.787**	**(4.666.774.671)**

Ghi chú:

(1) Khoản phải thu theo các Hợp đồng sau:

- Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0712/HTKD/TCD-ARTEMIS ngày 07/12/2022 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp và Vận Tải và Công ty Cổ phần Artemis Investment, thời gian hợp tác đến hết ngày 06/12/2024, để cùng hợp tác đầu tư vào các sản phẩm tài chính. Lợi nhuận phân chia được tính dựa vào lợi nhuận đầu tư và tỷ lệ đầu tư thực tế của các bên tham gia;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1312/2021/HTKD-DT1-Artemis ngày 13/12/2021 giữa Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 và Công ty Cổ phần Artemis Investment, thời gian hợp tác đến ngày 12/12/2024, nhằm đầu tư dự án nhà máy điện mặt trời Đức Huệ VNT3 tại tỉnh Long An. Các bên sẽ phân chia lợi nhuận của dự án theo tỷ lệ góp vốn vào ngày kết thúc hợp đồng;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 150201/2022/HTKD/Dt2-Artemis ngày 15/02/2022 giữa Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2 và Công ty Cổ phần Artemis Investment, thời gian hợp tác đến ngày 14/02/2025, nhằm đầu tư dự án nhà máy điện mặt trời Đức Huệ VNT3 tại tỉnh Long An. Các bên sẽ phân chia lợi nhuận của dự án theo tỷ lệ góp vốn sau khi dự án đi vào hoạt động.

(2) Khoản phải thu theo các Hợp đồng sau:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2204/2022/HTKD/WINDST-DPE ngày 22/04/2022, thời gian hợp tác đến ngày 22/04/2024 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Wind Sóc Trăng và Công ty Cổ phần Năng Lượng Dương Phong nhằm hợp tác đầu tư Dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 2. Lợi nhuận được phân chia theo lợi nhuận của dự án theo tỷ lệ góp vốn vào ngày kết thúc hợp đồng;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2204/2022/HTKD/DT2-DP ngày 22/04/2022, thời gian hợp tác đến ngày 22/04/2024 giữa Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2 và Công ty Cổ phần Năng Lượng Dương Phong nhằm hợp tác đầu tư Dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 2. Lợi nhuận được phân chia theo lợi nhuận của dự án theo tỷ lệ góp vốn vào ngày kết thúc hợp đồng;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 31/10/2023, thời gian hợp tác 01 năm, giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thanh Hóa và Công ty Cổ phần Năng Lượng Dương Phong nhằm hợp tác đầu tư Dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 2. Lợi nhuận được phân chia theo lợi nhuận của dự án theo tỷ lệ góp vốn vào ngày kết thúc hợp đồng.

(3) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1504/2022/HTKD/TCD-TP ngày 15/04/2022, thời gian hợp tác đến hết ngày 14/04/2024 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp và Vận Tải và Công ty Cổ phần Thắng Phương nhằm hợp tác đầu tư vào các sản phẩm tài chính. Lợi nhuận phân chia được tính dựa vào lợi nhuận đầu tư và tỷ lệ đầu tư thực tế của các bên tham gia.

6. PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

(4) Khoản phải thu theo các hợp đồng:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2309/HTKD/SOCTRANG-MEGASOLAR ngày 23/09/2020, thời gian hợp tác đến hết ngày 22/09/2024 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng và Công ty Cổ phần Mega Solar, nhằm đầu tư vào dự án Nhà máy điện gió Điện Biên 1. Lợi nhuận được phân chia theo lợi nhuận của dự án theo tỷ lệ góp vốn vào ngày kết thúc hợp đồng;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1508/2023/ĐT1-MEGA ngày 15/8/2023 giữa Công ty con – Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 và Công ty CP Mega Solar, nhằm đầu tư Dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 1, thời gian hợp tác là 12 tháng. Lợi nhuận được phân chia dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ vốn góp;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1508/2023/ĐT2-MEGA ngày 15/8/2023 giữa Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2 và Công ty CP Mega Solar, nhằm đầu tư dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 1, thời gian hợp tác là 12 tháng. Lợi nhuận được phân chia dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ vốn góp.

(5) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 3011/2021/HTKD-DT1-Plus ngày 30/11/2021, thời gian hợp tác đến ngày 29/11/2024 giữa Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 và Công ty Cổ phần Plus Investment nhằm đầu tư Dự án nhà máy điện mặt trời Đức Huệ VNT2. Lợi nhuận được phân chia theo lợi nhuận của dự án theo tỷ lệ góp vốn vào ngày kết thúc hợp đồng.

(6) Khoản phải thu theo các Phụ lục hợp đồng giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land và Công ty Cổ phần Tập đoàn VNGroup về việc thanh lý Thỏa thuận nguyên tắc số 02/2022/TNTT ngày 25/02/2022 cho mục đích chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại Phường Cẩm Phổ, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam, thời hạn thu hồi đến ngày 30/06/2024.

(7) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2021/HTKD-TH-TT ngày 01/12/2021, thời gian hợp tác đến ngày 27/12/2024 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thanh Hóa và Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Thạnh Diamond, nhằm hợp tác đầu tư Dự án Nhà máy điện mặt trời Hoa Hướng Dương. Lợi nhuận được phân chia theo lợi nhuận của dự án theo tỷ lệ góp vốn nhưng không thấp hơn mức lợi nhuận tối thiểu đã thỏa thuận.

(8) Khoản phải thu theo các hợp đồng.

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 3011/2021/HTKD-DT1-Orchid ngày 30/11/2021 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Orchid và Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1, thời hạn hợp tác đến ngày 29/11/2024, nhằm đầu tư dự án nhà máy điện mặt trời Đức Huệ VNT3 tại tỉnh Long An. Lợi nhuận sẽ được phân chia dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn nhưng không thấp hơn mức lợi nhuận tối thiểu đã thỏa thuận;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1801/HTKD/TCD-ORCHID ngày 18/01/2022, thời gian hợp tác đến hết ngày 17/01/2025 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Orchid và Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp và Vận Tải nhằm hợp tác đầu tư vào các sản phẩm tài chính. Lợi nhuận phân chia được tính dựa vào lợi nhuận dự án và tỷ lệ đầu tư thực tế của các bên tham gia.

(9) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 3011/2021/HTKD/DT1 - Hibiscus ngày 30/11/2021, thời gian hợp tác đến ngày 29/11/2024 giữa Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 và Công ty Cổ phần Hibiscus, nhằm đầu tư Dự án nhà máy Đức Huệ VNT4. Lợi nhuận được phân chia theo lợi nhuận của dự án theo tỷ lệ góp vốn vào ngày kết thúc hợp đồng.

6. PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

(10) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 270421/BCG-KL1 ngày 20/04/2021 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Energy với Công ty Cổ phần Điện Gió BCG Khai Long 1 về việc đầu tư phát triển Dự án Nhà máy điện gió Khu du lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn 1 do Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1 làm chủ đầu tư, thời gian hợp tác là 3 năm. Lợi nhuận được phân chia dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ vốn góp.

(11) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1507/2020/HTKD/LOTT-TRACODI ngày 15/07/2020, thời hạn 4 năm kể từ ngày ký giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải và Công ty Cổ phần HCM Lott 68, nhằm đầu tư mua trái phiếu doanh nghiệp. Lợi nhuận phân chia được tính dựa vào lợi nhuận đầu tư và tỷ lệ đầu tư thực tế của các bên tham gia.

(12) Số dư thể hiện các khoản phải thu theo hợp đồng BCC và các phụ lục hợp đồng giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land và Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Orchid, Công ty Cổ phần White Magnolia, và Công ty Cổ Phần Plus Investment với số tiền hợp tác lần lượt là 1.278.436.000.000 VND, 830.000.000.000 VND, và 441,564.000.000 VND nhằm hợp tác phát triển dự án bất động sản Kinh Dương Vương ("Dự án") tại Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh do Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cửu Long ("Cửu Long") làm chủ đầu tư. Thời gian hợp tác 3 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và đã được gia hạn thêm 2 năm đến năm 2026. Lợi nhuận được xác định theo kết quả kinh doanh của dự án nhưng không thấp hơn lãi suất theo thỏa thuận của Công ty và các đối tác BCC. Dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư và công nhận Cửu Long là chủ đầu tư theo quyết định của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh số 401/UBND-ĐT ngày 23/01/2017 với thời hạn 12 tháng, đến nay đã hết hạn. Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty con, các đối tác BCC và Cửu Long đang làm việc với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để gia hạn chủ trương đầu tư và hoàn tất các thủ tục pháp lý để phát triển Dự án. Do đó, khả năng để Công ty thu hồi các khoản đầu tư này tùy thuộc vào việc hoàn tất các thủ tục pháp lý cho sự phát triển của Dự án trong tương lai.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban điều hành Tập đoàn và Công ty con đánh giá tính khả thi và khả năng phát triển của Dự án trong tương lai là cao. Do đó, Ban điều hành tin rằng có thể thu hồi được toàn bộ khoản BCC này và Ban điều hành đánh giá là không có khoản dự phòng nào cần phải lập cho việc khó thu hồi khoản BCC nói trên.

(13) Khoản phải thu theo các Hợp đồng:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0501/2021/HĐHTKD/TCD-PLUS ngày 05/01/2021 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp và Vận tải và Công ty Cổ phần Plus Investment, thời gian hợp tác đến hết ngày 04/01/2026, nhằm đầu tư mua trái phiếu doanh nghiệp. Lợi nhuận phân chia được tính dựa vào lợi nhuận đầu tư và tỷ lệ đầu tư thực tế của các bên tham gia;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2802/2022/HĐ-HTKD/PMC-PLUS ngày 25/02/2022 giữa Công ty con - Công ty TNHH Phoenix Mountain và Công ty Cổ phần Plus Investment, nhằm đầu tư, sở hữu các thửa đất tại Phường Trường Thạnh, TP.Thủ Đức, thời gian hợp tác là 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lợi nhuận được phân chia dựa trên lợi nhuận thu được theo tỷ lệ góp vốn nhưng không thấp hơn mức lợi nhuận đã thỏa thuận;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2704/HTKD/CATTRINH-PLUS ngày 27/04/2022 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Khu Công nghiệp Cát Trinh và Công ty Cổ phần Plus Investment, nhằm đầu tư dự án nhà máy điện Đak Lak, thời gian hợp tác là 4 năm kể từ ngày ký. Lợi nhuận được phân chia dựa theo kết quả kinh doanh khi dự án đi vào vận hành.

(14) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2304/2022/HTKD/PMC-CHI THUY ngày 20/04/2022 giữa Công ty con - Công ty TNHH Phoenix Mountain và Công ty Cổ phần Dịch vụ Chi Thủy, nhằm đầu tư mua lại cổ phần của Công ty Cổ phần Miền Đất Hoàng Thịnh Phát - Dự án Bình Trưng Đông, thời gian hợp tác 03 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Lợi nhuận được xác định theo kết quả kinh doanh của dự án vào ngày kết thúc hợp đồng.

6. PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

(15) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số HTKD 2020.01/DT1-KL1 ngày 17/12/2020 giữa Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công trình Toàn Phát; và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số HTKD.2020.01/DT2-KL1 ngày 17/12/2020 giữa Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2 và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công trình Toàn Phát. Các hợp đồng nhằm mục đích hợp tác đầu tư dự án phát triển năng lượng tái tạo ("Dự án") và đầu tư trái phiếu, cổ phiếu. Thời gian hợp tác 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Lợi nhuận được phân chia theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án, theo tỷ lệ góp vốn, việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.

Liên quan đến việc thực hiện phát triển Dự án Nhà máy Điện gió giữa các Công ty con và Công ty Toàn Phát. Dự án này đang trong giai đoạn xin chấp thuận chủ trương đầu tư trước khi tiến hành xây dựng. Để dự án có thể được phê duyệt chủ trương đầu tư thì dự án này phải được đưa vào quy hoạch điện VIII. Theo đó, các chủ đầu tư và các bên tham gia vào BCC đã hoàn tất hồ sơ cần thiết để được Ủy ban Nhân dân các tỉnh đề xuất vào quy hoạch điện VIII. Hiện tại, dự án điện gió này đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh đề xuất vào Kế hoạch triển khai Quy hoạch Điện VIII trong văn bản gửi cho Bộ Công Thương. Hiện tại, việc phê duyệt các dự án điện gió, điện mặt trời vào quy hoạch điện VIII đang chờ Bộ Công Thương phê duyệt cuối cùng. Tiếp theo đó, Tập đoàn sẽ tiếp tục làm việc với các cơ quan ban ngành có liên quan để có chấp thuận chủ trương đầu tư dự án cũng như hoàn tất các thủ tục pháp lý khác để có thể tiếp tục phát triển các dự án này.

(16) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1404/2022/HĐ-HTKD/HIS-PMC ngày 12/04/2022 giữa Công ty con - Công ty TNHH Phoenix Mountain và Công ty Cổ phần Hibiscus, nhằm đầu tư, sở hữu các thửa đất tại Phường Trường Thạnh, TP.Thủ Đức, thời gian hợp tác là 4 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Lợi nhuận được phân chia dựa trên lợi nhuận thu được theo tỷ lệ góp vốn nhưng không thấp hơn mức lợi nhuận tối thiểu đã thỏa thuận.

(17) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2101/2022/HTKD/BCGF-ARTEMIS ngày 21/01/2022 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Financial và Công ty Cổ phần Artemis Investment, nhằm đầu tư vào các sản phẩm tài chính, thời hạn là 4 năm. Lợi nhuận được phân chia dựa trên lợi nhuận thu được theo tỷ lệ góp vốn nhưng không thấp hơn mức lợi nhuận tối thiểu đã thỏa thuận.

(18) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2704/2022/BCGL-MK ngày 27/04/2022 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land và Công ty Cổ phần Biệt thự Nghỉ dưỡng Mỹ Khê, nhằm hợp tác phát triển dự án bất động sản tại Tỉnh Quảng Ngãi, thời gian hợp tác là 4 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Khoản lợi tức được hưởng được xác định theo kết quả kinh doanh của dự án sau khi kết thúc dự án.

(19) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2805/2021/HTKD/CASA-VUTUAN ngày 28/05/2021 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort và Công ty Cổ phần Thương mại Vũ Tuân, nhằm mua cổ phần của công ty dự án bất động sản tại TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, thời gian hợp tác 04 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Lợi nhuận phân chia được tính dựa vào lợi nhuận đầu tư của dự án và khoản lợi tức cụ thể trong từng giai đoạn.

(20) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2001/2021/HTKD-SSSG-NTNH ngày 20/01/2020 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn và bà Nguyễn Thị Ngọc Hòa, nhằm hợp tác đầu tư vào các sản phẩm tài chính đã niêm yết trên sàn HOSE, HNX hoặc UpCom. Thời gian hợp tác đến ngày 20/01/2026. Kết quả kinh doanh được xác định dựa theo kết quả đầu tư thực tế tương ứng với tỷ lệ góp vốn.

6. PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

(21) Khoản phải thu theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 17/2019/HTĐT/TCD-Helios ngày 24/04/2019, thời gian hợp tác đến hết ngày 23/04/2025 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải và Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios, nhằm hợp tác đầu tư cổ phần vào Công ty TNHH Thanh An An. Lợi nhuận phân chia được tính dựa vào lợi nhuận đầu tư và tỷ lệ đầu tư thực tế của các bên tham gia;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0103/HTKD/TRACODI-HELIOS ngày 01/03/2020, thời gian hợp tác đến hết ngày 28/02/2026 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải và Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios, nhằm hợp tác đầu tư Bất động sản Khu du lịch Sinh Thái Cồn Bắp và đầu tư cổ phần vào Công ty TNHH Thanh An An. Lợi nhuận phân chia được tính dựa vào lợi nhuận đầu tư và tỷ lệ đầu tư thực tế của các bên tham gia;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2803/2022/HĐ-HTKD/VINATAXI-HELIOS ngày 28/03/2022, thời hạn 04 năm kể từ ngày ký giữa Công ty con - Công ty Taxi Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios, nhằm hợp tác mua bất động sản thuộc Dự án Cồn Bắp. Lợi nhuận được xác định dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn vào ngày kết thúc hợp đồng.

(22) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01.2022/NH-LI ngày 20/01/2022 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng và Công ty Cổ phần Phát Triển Lion City, nhằm đầu tư Dự án khu du lịch Biển Mỹ Khê, đầu tư xây dựng đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, thời gian hợp tác là 4 năm. Lợi nhuận được phân chia dựa trên kết quả kinh doanh của dự án nhưng không thấp hơn mức lợi nhuận tối thiểu đã thỏa thuận.

(23) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0912/2022/BCGL-TP ngày 09/12/2022 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land và Công ty Cổ phần Thắng Phương, nhằm hợp tác đầu tư vào các sản phẩm tài chính đã niêm yết trên sàn HOSE, HNX hoặc UpCom. Thời gian hợp tác được gia hạn đến năm 2025. Kết quả kinh doanh được xác định dựa theo lợi nhuận của giao dịch và tương ứng với tỷ lệ góp vốn.

(24) Khoản phải thu theo các hợp đồng:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0803/2023/HTĐT/SSSG-NTNG ngày 08/03/2023 và số 1603/2023/SSSG-TTH ngày 15/03/2023 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn và bà Nguyễn Thị Ngọc Giàu, nhằm đầu tư phát triển Dự án tại TP.Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Thời gian hợp tác là 3 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lợi nhuận được phân chia dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0712/2023/HĐHTKD/CAT TRINH-NTNG ngày 07/12/2023 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh và bà Nguyễn Thị Ngọc Giàu, nhằm đầu tư, sở hữu các thửa đất tại phường Trường Thạnh, TP.Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh. Thời gian hợp tác là 3 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Sau khi các thửa đất đủ điều kiện chuyển giao sẽ tiến hành phân chia lợi tức.

(25) Khoản phải thu theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa các Công ty con - Công ty TNHH MTV Helios Village, Công ty TNHH Phoenix Mountain và ông Lê Mai Long, nhằm đầu tư sở hữu các bất động sản tại Phường Trường Thạnh, TP.Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh. Thời gian hợp tác là 3 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lợi nhuận được phân chia dựa trên lợi nhuận thu được theo thỏa thuận giữa các bên.

7. NỢ XẤU

	Ngày 31/03/2024		*Ngày 01/01/2024*	
	Giá gốc	*Giá trị đã trích dự phòng*	*Giá gốc*	*Giá trị đã trích dự phòng*
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	57.145.303.025	(43.113.505.822)	57.145.303.025	(43.788.575.674)
Trong đó:				
- Phải thu khách hàng	50.393.183.263	(37.046.731.151)	50.393.183.263	(37.721.801.003)
- Tạm ứng	-	-	-	-
- Ký quỹ	-	-	-	-
- Phải thu khác	5.352.119.762	(4.666.774.671)	5.352.119.762	(4.666.774.671)
- Trả trước người bán	1.400.000.000	(1.400.000.000)	1.400.000.000	(1.400.000.000)
Cộng	57.145.303.025	(43.113.505.822)	57.145.303.025	(43.788.575.674)

8. HÀNG TỒN KHO

	Ngày 31/03/2024		*Ngày 01/01/2024*	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
- Nguyên liệu, vật liệu	56.072.797.587	-	52.913.321.696	-
- Công cụ, dụng cụ	1.192.713.026	-	1.221.270.189	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	3.405.416.054.296	(32.520.601.848)	3.604.945.013.867	(36.428.960.673)
- Thành phẩm	314.193.722.472	-	147.181.041.455	-
- Hàng hóa	4.736.915.525	-	5.424.400.157	-
- Hàng hóa gửi bán	-	-	-	-
- Hàng hóa kho bảo thuế	-	-	-	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	3.781.612.202.704	(32.520.601.848)	3.811.685.047.364	(36.428.960.673)

Ghi chú:

(*) Trong đó, bao gồm:

- Chi phí đầu tư Dự án Khu Nghỉ mát Malibu MGM Hội An theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với mã số dự án 5412511324 được cấp bởi Ủy ban Nhân dân Tỉnh Quảng Nam lần đầu ngày 10 tháng 1 năm 2016 và các lần thay đổi do Công ty con - Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas làm chủ đầu tư.

- Chi phí đầu tư Dự án Khu Nghỉ mát Hội An D'Or theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được cấp bởi Ủy ban Nhân dân Tỉnh Quảng Nam lần đầu ngày 10 tháng 1 năm 2016 và các lần thay đổi do Công ty con - Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bấp làm chủ đầu tư.

- Và các khoản chi phí sản xuất kinh doanh khác tại các Công ty con.

9. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	Ngày 31/03/2024	*Ngày 01/01/2024*
a. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	-	-
- Chi phí SXKD dở dang khác	-	-
b. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	***1.164.039.399.782***	***1.609.462.496.210***
- Xây dựng cơ bản dở dang	1.062.796.279.306	1.507.643.497.896
+ Dự án Khu du lịch sinh thái Cồn Bắp	*524.838.901.710*	*565.399.350.040*
+ Dự án Nhà máy điện mặt trời Krông Pa 2	*330.345.283.485*	*788.839.571.965*
+ Dự án Nhà máy điện Phù Mỹ	15.057.093.230	*15.057.093.230*
+ Dự án trung tâm thương mại Củ Chi	*434.884.500*	*434.884.500*
+ Dự án điện gió Đông Thành 1, Đông Thành 2, Sóc Trăng	*192.120.116.881*	*137.912.598.161*
- Mua sắm tài sản cố định	91.295.086.355	92.018.095.372
- Chi phí xây dựng khác	9.948.033.621	9.800.902.942
Cộng	**1.164.039.399.782**	**1.609.462.496.210**

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu kỳ	**2.113.035.341.890**	**7.812.584.686.714**	**999.346.003.088**	**10.304.324.379**	**113.837.200**	**10.935.307.193.271**
2. Số tăng trong kỳ	**434.859.836.007**	**65.742.655.274**	**9.992.682.421**	**34.454.545**	**-**	**510.620.628.247**
- Mua trong kỳ	1.433.832.132	608.700.000	2.817.832.183	34.454.545	-	4.894.818.860
- Đầu tư XDCN hoàn thành	433.417.003.875	65.133.955.274	6.301.008.412	-	-	504.851.967.561
- Tăng khác	-	-	873.841.826	-	-	873.841.826
3. Số giảm trong kỳ	**-**	**32.213.881.162**	**11.688.453.227**	**-**	**-**	**43.902.334.389**
- Thanh lý, nhượng bán	-	32.213.881.162	11.688.453.227	-	-	43.902.334.389
4. Số dư cuối kỳ	**2.547.889.177.897**	**7.846.033.460.826**	**997.650.232.282**	**10.338.778.924**	**113.837.200**	**11.402.025.487.129**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế						
1. Số dư đầu kỳ	**371.647.922.547**	**1.152.016.341.889**	**230.200.280.652**	**7.969.609.627**	**7.905.360**	**1.761.842.060.075**
2. Khấu hao trong kỳ	**32.338.485.700**	**100.702.740.516**	**15.817.189.262**	**234.524.706**	**4.743.216**	**149.097.683.400**
- Khấu hao tăng trong kỳ	32.338.485.700	100.702.740.516	15.105.015 779	234.524.706	4.743.216	148.385.509.917
- Tăng khác	-	-	712.173.483	-	-	712.173.483
3. Giảm trong kỳ	**-**	**2.571.092.534**	**11.128.659.593**	**-**	**-**	**13.699.752.127**
- Thanh lý, nhượng bán	-	2.571.092.534	11.128.659 593	-	-	13.699.752.127
4. Số dư cuối kỳ	**403.986.408.247**	**1.250.147.989.871**	**234.888.810.321**	**8.204.134.333**	**12.648.576**	**1.897.239.991.348**
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu kỳ	**1.741.390.419.343**	**6.660.488.344.825**	**769.145.722.436**	**2.334.714.752**	**105.931.840**	**9.173.465.133.196**
2. Tại ngày cuối kỳ	**2.143.902.769.650**	**6.595.885.470.955**	**762.761.421.961**	**2.134.644.591**	**101.188.624**	**9.584.785.495.781**

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay, nợ: *8.655.855.081.579 VND*

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: *152.688.693.125 VND*

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

Ngày 25 tháng 12 năm 2023, Thanh tra Chính phủ đã ban hành Thông báo số 3116/TB-TTCP kết luận thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật trong quản lý, thực hiện quy hoạch và đầu tư xây dựng các công trình điện theo Quy hoạch điện VII và Quy hoạch điện VII điều chỉnh kèm theo phụ lục số 01 về thông báo kết luận thanh tra tại Tỉnh Long An.

Theo đó:

- Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Bắng Dương ("BCG - Bắng Dương") đã nhận bàn giao diện tích đất 50 ha từ Ban quản lí Huyện Thạnh Hóa, Tỉnh Long An trước khi được Ủy ban Nhân dân Tỉnh Long An cho thuê đất, và vượt 1,29 ha so với hạn mức quy định tại khoản 4 điều 10 Thông tư số 16/2017/TT-BCT ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Bộ Công Thương Quy định về phát triển dự án và Hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời. Để khắc phục vấn đề này, ngày 15 tháng 6 năm 2023, BCG - Bắng Dương đã có Công văn số 05/2023/CV-BCGBD gửi UBND Tỉnh Long An cùng các cơ quan có liên quan, đề nghị trả lại UBND Tỉnh Long An phần đất được giao vượt quy định. Vì đây là đất thuê và chưa có tài sản hình thành trên phần đất vượt hạn mức, do đó, việc hoàn trả lại phần đất vượt hạn mức nói trên không dẫn đến việc xóa sổ tài sản nào trên báo cáo tài chính hợp nhất này.

- Phần đất có diện tích 124,8 ha đã cấp cho Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bắng Dương ("Hanwha - BCG Bắng Dương") có nguồn gốc đất, rừng sản xuất. Để nghiệm thu Dự án nhà máy điện mặt trời GAIA Tập đoàn phải được phê duyệt chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất năng lượng. Tập đoàn đã trúng đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất theo Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 15 tháng 1 năm 2020. Theo đó, Tập đoàn đã ký Hợp đồng thuê đất và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính và cam kết theo quy định. Việc thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất đã được Tập đoàn thực hiện sau khi trúng đấu giá quyền sử dụng đất từ tháng 1 năm 2020 và đã được UBND Tỉnh Long An phê duyệt. Tuy nhiên theo Thông báo của Thanh tra Chính phủ thì thẩm quyền phê duyệt chuyển đổi mục đích sử dụng đất này thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ. Để tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất của Dự án, ngày 26 tháng 10 năm 2023, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có cuộc họp với UBND Tỉnh Long An và UBND Tỉnh Long An đã rà soát để thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo Luật bảo vệ và phát triển rừng năm 2004. Theo đó, thẩm quyền chuyển đổi mục đích sử dụng đất nói trên thuộc UBND Tỉnh Long An (theo Thông báo kết luận cuộc họp số 7731/TB-BNN-VP ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng sản xuất sang đất năng lượng là phù hợp theo các quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng thuê đất với Tỉnh Long An vẫn tiếp tục có hiệu lực.

Theo đó, Ban điều hành Tập đoàn và Công ty con đánh giá ảnh hưởng của vấn đề nêu trên bởi Thông báo của Thanh tra Chính phủ đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn là thấp.

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu kỳ	**31.617.115.020**	**31.617.115.020**
2. Số tăng trong kỳ		
- Thuê TSCĐ tài chính trong kỳ		
- Tăng do hợp nhất kinh doanh		
3. Số giảm trong kỳ	**869.093.064**	**869.093.064**
- Giảm khác	869.093.064	869.093.064
4. Số dư cuối kỳ	**30.748.021.956**	**30.748.021.956**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế		
1. Số dư đầu kỳ	**7.926.231.065**	**7.926.231.065**
2. Khấu hao trong kỳ	**953.311.204**	**953.311.204**
- Khấu hao tăng trong kỳ	953.311.204	953.311.204
- Tăng do hợp nhất kinh doanh		-
3. Giảm trong kỳ	**712.173.483**	**712.173.483**
- Giảm khác	712.173.483	712.173.483
4. Số dư cuối kỳ	**8.167.368.786**	**8.167.368.786**
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu kỳ	**23.690.883.955**	**23.690.883.955**
2. Tại ngày cuối kỳ	**22.580.653.170**	**22.580.653.170**

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu kỳ	**513.520.000**	**420.826.943.652**	**47.310.910.185**	**468.651.373.837**
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	**513.520.000**	**420.826.943.652**	**47.310.910.185**	**468.651.373.837**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế				
1. Số dư đầu kỳ	**76.074.143**	**16.855.233.237**	**44.107.326.735**	**61.038.634.135**
2. Khấu hao trong kỳ	**3.041.818**	**2.351.410.589**	**291.861.548**	**2.646.313.955**
- Khấu hao tăng trong kỳ	3.041.818	2.351.410.589	291.861.548	2.646.313.955
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	**79.115.961**	**19.206.643.826**	**44.399.188.283**	**63.684.948.070**
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu kỳ	**437.445.857**	**403.971.710.415**	**3.203.583.450**	**407.612.739.722**
2. Tại ngày cuối kỳ	**434.404.039**	**401.620.299.826**	**2.911.721.902**	**404.966.425.767**

Ghi chú:

- Nguyên giá TSCD vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 42.219.355.639 VND.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Ngày 31/03/2024	*Ngày 01/01/2024*
a. Ngắn hạn	***316.309.484.307***	***283.441.392.588***
- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	17.806.765.284	18.321.163.281
- Chi phí bảo hiểm	3.987.045.378	3.430.461.513
- Chi phí phát hành trái phiếu	556.005.022	861.130.267
- Chi phí hoa hồng bảo hiểm chưa phân bổ	26.378.504.169	22.176.379.197
- Chi phí môi giới bán hàng	41.992.588.306	55.541.638.055
- Chi phí kinh doanh bảo hiểm	113.907.139.675	94.382.505.412
- Chi phí khác	111.681.436.473	88.728.114.858
b. Dài hạn	***167.167.968.444***	***172.450.221.088***
- Quyền sử dụng đất thuê	44.209.832.391	49.625.088.755
- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.122.748.546	4.504.118.145
- Chi phí nâng cấp sửa chữa văn phòng, máy móc, thiết bị	22.439.077.846	21.077.796.436
- Chi phí Dự án Khu nghỉ mát Malibu chờ phân bổ	48.001.435.615	49.656.462.438
- Chi phí khác	48.394.874.046	47.586.755.314
Cộng	483.477.452.751	455.891.613.676

14. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Ngày 31/03/2024		*Ngày 01/01/2024*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
a. Ngắn hạn	***2.276.091.412.590***	***2.276.091.412.590***	***1.823.813.876.939***	***1.823.813.876.939***
- Powerchina Jiangxi Electric Power Engineering Co., Ltd	486.414.327.729	486.414.327.729	492.064.171.618	492.064.171.618
- Công ty TNHH Powerchina Việt Nam	423.223.088.490	423.223.088.490	423.223.088.490	423.223.088.490
- Tổng Công ty Xây Dựng Số 1 - CTCP	99.149.988.503	99.149.988.503	142.985.497.531	142.985.497.531
- Ngô Đức Thắng	494.900.000.000	494.900.000.000		
- Nguyễn Văn Lực	47.000.000.000	47.000.000.000	52.000.000.000	52.000.000.000
- Các nhà cung cấp khác	725.314.007.868	725.314.007.868	713.541.119.300	713.541.119.300
b. Dài hạn	***105.627.982.231***	***105.627.982.231***	***105.627.982.231***	***105.627.982.231***
- Nguyễn Văn Lực	105.627.982.231	105.627.982.231	105.627.982.231	105.627.982.231
Cộng	2.381.629.394.821	2.381.629.394.821	1.929.441.859.170	1.929.441.859.170

c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán

d. Phải trả người bán là các bên liên quan

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Ngày 31/03/2024	*Ngày 01/01/2024*
a. Ngắn hạn	***3.257.783.219.874***	***3.207.551.986.7***
- Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	717.438.060.078	728.079.060.078
- Công ty Cổ phần Đầu Tư Thương Mại Dịch Vụ Gia Khang	966.262.461.672	965.662.461.67
- Các khách hàng khác	1.574.082.698.124	1.513.810.464.9
b. Dài hạn	-	-

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỘP CHO NHÀ NƯỚC

	Ngày 01/01/2024	*Số phải nộp trong kỳ*	*Số đã thực nộp trong kỳ*	*Ngày 31/03/2024*
a. Phải nộp	***251.395.640.294***	***84.343.143.348***	***124.244.966.382***	***211.493.817.260***
- Thuế giá trị gia tăng	46.631.384.055	34.663.074.115	38.519.906.295	42.774.751.87
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	174.009.665.395	20.003.947.559	49.251.410.276	144.762.202.67
- Thuế thu nhập cá nhân	6.726.309.930	6.551.266.727	8.011.013.126	5.266.563.53
- Thuế tài nguyên	10.634.385.545	13.199.592.345	18.726.600.718	5.107.377.17
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	17.089.562	1.012.703.980	17.089.604	1.012.703.938
- Thuế khác	8.030.886.579	6.172.673.587	5.704.690.893	8.498.869.27
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.345.719.178	2.739.885.035	4.014.255.470	4.071.348.743

	Ngày 01/01/2024	*Phát sinh giảm trong kỳ*	*Phát sinh tăng trong kỳ*	*Ngày 31/03/2024*
b. Phải thu	***6.589.765.470***	***3.000.000***	***6.480.121.640***	***13.066.887.11***
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.536.663.733	-	6.336.920.007	11.873.583.740
- Thuế khác	1.053.101.737	3.000.000	1.000.000	1.051.101.73

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiề loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể c thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 31/03/2024	*Ngày 01/01/2024*
a. Ngắn hạn	***574.845.192.395***	***489.905.768.69***
- Trích trước lãi vay, lãi trái phiếu, lãi hợp tác đầu tư	327.355.607.498	243.403.579.82
- Tạm trích chi phí xây dựng	190.098.988.558	164.812.088.295
- Chi phí phải trả khác	56.590.596.339	81.690.100.57
b. Dài hạn	-	-
Cộng	**574.845.192.395**	**489.905.768.69**

18. PHẢI TRẢ KHÁC

		Ngày 31/03/2024	*Ngày 01/01/2024*
a. Ngắn hạn		***2.470.583.935.960***	***2.678.959.630.975***
- Tài sản thừa chờ xử lý		35.881.325	37.551.325
- BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ		3.371.524.547	2.270.837.258
- Nhận ký cược, ký quỹ		10.402.918.154	10.505.905.838
- Phải trả lãi vay, lãi BCC		212.512.973.118	272.084.211.009
- Các khoản phải trả BCC		1.889.974.389.334	2.093.439.974.249
+ Công ty CP TV Thiết kế xây dựng Tầm Nhìn Mới (1)		1.425.000.000.000	1.425.000.000.000
+ Công ty TNHH Kinh Doanh Dịch vụ BĐS Thăng Long (2)		378.000.000.000	378.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu Tư Thương Mại Dịch Vụ Gia Khang (9)		85.829.250.000	177.529.250.000
+ Các đối tượng khác		1.145.139.334	112.910.724.249
- Các khoản khác		354.291.249.474	300.621.151.296
b. Dài hạn		***2.963.415.657.255***	***2.962.815.808.780***
- Nhận ký cược, ký quỹ		42.739.190.000	42.839.190.000
- Các khoản phải trả BCC		2.908.407.000.000	2.908.407.000.000
+ Công ty Cổ phần BCG Land Gateway	(3)	456.000.000.000	456.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Daffodils	(4)	203.355.000.000	203.355.000.000
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Chi Thủy	(5)	520.000.000.000	520.000.000.000
+ Công ty CP ĐT Xây Dựng Dịch Vụ Thương Mại Phương Nam (6)		625.000.000.000	625.000.000.000
+ Công ty CP MGM Hanoi	(7)	400.000.000.000	400.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Artemis Investment	(8)	519.052.000.000	519.052.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu Tư Thương Mại Dịch Vụ Gia Khang (9)		104.000.000.000	104.000.000.000
+ Các đối tượng khác		81.000.000.000	81.000.000.000
- Các khoản khác		12.269.467.255	11.569.618.780

c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán

Ghi chú:

(1) Khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HTKD/BCG-TNM ngày 20/04/2022 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital và Công ty Cổ phần Tư Vấn Thiết Kế Xây Dựng Tầm Nhìn Mới về việc tìm dự án năng lượng điện mặt trời và điện gió, dự án bất động sản tiềm năng trên địa bàn Việt Nam. Căn cứ các biên bản làm việc trong năm 2022 thì các bên thống nhất không tiếp tục thực hiện hợp đồng, thời hạn hoàn trả toàn bộ dư nợ tối đa 18 tháng kể từ ngày 30/12/2022.

(2) Khoản phải trả của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 07/2021/HĐHTKD-BCG-BDSTL ngày 10/03/2021 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital và Công ty TNHH Kinh Doanh Dịch vụ BĐS Thăng Long. Mục đích góp vốn đầu tư vào dự án bất động sản thuộc sở hữu hoặc phát triển bởi Công ty Cổ Phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh. Căn cứ các biên bản làm việc trong năm 2022 thì các bên thống nhất không tiếp tục thực hiện hợp đồng, thời hạn hoàn trả toàn bộ dư nợ tối đa 18 tháng kể từ ngày 16/12/2022.

18. PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP THEO)

(3) Khoản phải trả theo các hợp đồng:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 230601/2021/HTKD/GATEWAY-DT1 ngày 23/06/2021 giữa Công ty Cổ phần BCG Land Gateway và Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1, thời hạn 10 năm kể từ ngày ký hợp đồng để cùng hợp tác đầu tư vào Dự án nhà máy điện gió Đông Thành 1. Lợi nhuận được phân chia theo lợi nhuận của dự án theo tỷ lệ góp vốn nhưng không thấp hơn mức lợi nhuận tối thiểu đã thỏa thuận giữa các bên;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 230601/2021/HTKD/GATEWAY-DT2 ngày 23/06/2021 giữa Công ty Cổ phần BCG Land Gateway và Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2, thời hạn 10 năm kể từ ngày ký hợp đồng để cùng hợp tác đầu tư vào Dự án nhà máy điện gió Đông Thành 2. Lợi nhuận được phân chia theo lợi nhuận của dự án theo tỷ lệ góp vốn nhưng không thấp hơn mức lợi nhuận tối thiểu đã thỏa thuận giữa các bên.

(4) Khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1506/2021/HĐ-HTĐT ngày 15/06/2021 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort và Công ty Cổ phần Daffodils, nhằm hợp tác phát triển dự án bất động sản tại Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định. Thời hạn hợp tác là 04 năm kể từ ngày ký hợp đồng, lợi nhuận được xác định theo kết quả kinh doanh của dự án và khoản lợi tức cụ thể trong từng giai đoạn.

(5) Khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 25.04/2022/HĐ-HTĐT ngày 25/04/2022 và các Phụ lục hợp đồng giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital và Công ty Cổ phần Dịch vụ Chi Thủy. Mục đích đầu tư vào Dự án tại Phường Nghĩa Phú, TP.Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông do Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital làm chủ đầu tư. Thời gian thực hiện 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lợi nhuận phân chia dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn hợp tác.

(6) Khoản phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 25.02/HĐ-HTĐT/PN-PMT ngày 25/02/2022 giữa Công ty con - Công ty TNHH Phoenix Mountain và Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Dịch Vụ Thương Mại Phương Nam. Thời gian hợp tác là 4 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích đầu tư điểm du lịch 2A, tuyến Quy Nhơn - Sông Cầu, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định. Lợi nhuận được phân chia dựa theo kết quả kinh doanh của dự án nhưng không thấp hơn mức lợi nhuận tối thiểu đã thỏa thuận giữa các bên.

(7) Khoản phải trả theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01.12/2021/HĐ-HTĐT/ĐTI-MGM ngày 01/12/2021 giữa Công ty con Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 và Công ty Cổ phần MGM Ranbit, nhằm hợp tác đầu tư vào Dự án Nhà máy điện gió Đông Thành 1, thời hạn hợp tác 10 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Lợi nhuận được chia theo lợi nhuận của dự án theo tỷ lệ vốn góp nhưng không thấp hơn mức lợi nhuận tối thiểu đã thỏa thuận giữa các bên.

(8) Bao gồm khoản phải trả theo các hợp đồng sau giữa Công ty và Công ty Cổ phần Artemis Investment:
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 04/2023/HTKD-BCG-ART ngày 20/10/2023 về việc đầu tư vào Dự án tại Phường Nghĩa Phú, TP.Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông do Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital làm chủ đầu tư. Thời gian hợp tác là 04 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Dựa vào kết quả đầu tư kinh doanh vào các dự án, các bên phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế của dự án, việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0512/HTKD/BCG-ART ngày 05/12/2022, nhằm hợp tác đầu tư các dự án năng lượng điện mặt trời và điện gió. Thời gian hợp tác là 03 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Lợi nhuận phân chia dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn hợp tác trên tổng mức đầu tư của dự án, việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.

18. PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP THEO)

(9) Bao gồm các khoản phải trả theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng hợp tác số 1208/2020/HTKD/GK-TRACODI ngày 12/08/2020 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải và Công ty Cổ phần Đầu Tư Thương Mại Dịch Vụ Gia Khang, thời hạn hợp tác 04 năm kể từ ngày ký để cùng đầu tư vào các sản phẩm tài chính. Công ty sẽ phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng hợp tác đầu tư. Lợi nhuận phân chia được tính dựa vào lợi nhuận dự án và tỷ lệ đầu tư thực tế của các bên tham gia.

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2510/HTĐT-GK-BCG ngày 25/10/2021 giữa Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang về việc đầu tư vào Dự án Điểm du lịch số 2A do Công ty TNHH Phoenix Mountain làm chủ đầu tư. Thời gian hợp tác là 04 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Lợi nhuận phân chia dựa vào kết quả hoạt động kinh doanh của dự án tại thời điểm phân chia lợi nhuận, sau khi kết thúc dự án hai bên sẽ thống nhất tỷ lệ phân chia lợi nhuận bằng văn bản dựa theo tình hình kết quả hoạt động của dự án.

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	Ngày 31/03/2024	*Ngày 01/01/2024*
a. Ngắn hạn	***507.120.136.300***	***439.871.998.269***
- Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	373.242.832.203	335.821.064.861
- Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	98.733.122.063	70.894.582.885
- Dự phòng dao động lớn	35.144.182.034	33.156.350.523
b. Dài hạn	***2.242.007.569***	***2.283.435.069***
– Dự phòng phải trả khác	2.242.007.569	2.283.435.069

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

		Ngày 01/01/2024		*Trong năm*		*Ngày 31/03/2024*	
		Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Tăng*	*Giảm*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn							
a.1 Vay ngắn hạn		2.188.021.005.097	2.188.021.005.097	396.547.513.650	357.932.459.204	2.226.636.059.543	2.226.636.059.543
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	*(1)*	613.507.495.526	613.507.495.526	258.880.244.732	213.887.619.361	658.500.120.897	658.500.120.897
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	*(1)*	8.432.695.696	8.432.695.696	7.891.017.682	7.754.160.136	8.569.553.242	8.569.553.242
- Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	*(1)*	30.600.000.000	30.600.000.000	10.600.505.375	30.600.000.000	10.600.505.375	10.600.505.375
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	*(1)*	50.000.000.000	50.000.000.000	-	50.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	*(1)*	238.538.996.050	238.538.996.050	-	300.000.000	238.238.996.050	238.238.996.050
- Ngân hàng TMCP Nam Á	*(1)*	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	*(1)*	27.030.462.089	27.030.462.089	12.692.745.861	16.647.499.163	23.075.708.787	23.075.708.787
- Ngân hàng TMCP Phương Đông	*(1)*	6.333.268.958	6.333.268.958	2.160.000.000	2.160.268.958	6.333.000.000	6.333.000.000
- Công ty TNHH Sembcorp Energy Việt Nam	*(2)*	659.475.000.000	659.475.000.000	16.146.000.000	-	675.621.000.000	675.621.000.000
- Leader Energy (Vietnam) Pte. Ltd.	*(3)*	115.774.500.000	115.774.500.000	-	-	115.774.500.000	115.774.500.000
- Ngân hàng MSB	*(1)*	8.888.888.904	8.888.888.904	-	2.222.222.226	6.666.666.678	6.666.666.678
- Các đối tượng khác		129.439.697.874	129.439.697.874	88.177.000.000	34.360.689.360	183.256.008.514	183.256.008.514

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Ngày 01/01/2024	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)		
a.2 Vay dài hạn đến hạn trả	**657.046.660.894**	**657.046.660.894**
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	178.350.000	178.350.000
- Ngân hàng TMCP Nam Á	22.991.745.796	22.991.745.796
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	60.067.750.582	60.067.750.582
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	434.150.000.000	434.150.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	23.000.000.000	23.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam-CN TP.HCM	271.144.000	271.144.000
- Công ty TNHH MTV Tài Chính Toyota Việt Nam	570.800.016	570.800.016
- DBS Bank Ltd, Singapore	115.816.870.500	115.816.870.500
a.3 Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	**4.784.194.316**	**4.784.194.316**
- Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV-SuMi TRUST - Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh *(12)*	1.088.374.716	1.088.374.716
- Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín *(13)*	3.314.067.600	3.314.067.600
- Ngân hàng TMCP Phát Triển Tp.Hồ Chí Minh	381.752.000	381.752.000
Cộng	**2.849.851.860.307**	**2.849.851.860.307**

Trong năm		*Ngày 31/03/2024*	
Tăng	*Giảm*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
215.232.147.436	117.273.445.617	755.005.362.713	755.005.362.713
-	44.587.500	133.762.500	133.762.500
-	22.991.745.796	-	-
23.929.327.343	23.981.601.317	60.015.476.608	60.015.476.608
162.281.666.343	37.800.000.000	558.631.666.343	558.631.666.343
-	7.700.000.000	15.300.000.000	15.300.000.000
-	67.786.000	203.358.000	203.358.000
-	142.700.004	428.100.012	428.100.012
29.021.153.750	24.545.025.000	120.292.999.250	120.292.999.250
-	1.422.124.626	3.362.069.690	3.362.069.690
-	307.308.726	781.065.990	781.065.990
-	828.516.900	2.485.550.700	2.485.550.700
-	286.299.000	95.453.000	95.453.000
611.779.661.886	476.623.029.447	2.985.003.491.946	2.985.003.491.946

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

		Ngày 01/01/2024	
		Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn			
b.1 Vay dài hạn		4.524.598.697.768	4.524.598.697.768
- Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	*(4)*	585.690.000	585.690.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	*(5)*	59.450.000	59.450.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	*(6)*	1.876.793.103.039	1.876.793.103.039
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	*(7)*	10.338.523.142	10.338.523.142
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	*(8)*	900.331.316.663	900.331.316.663
- Công ty TNHH MTV Tài Chính Toyota Việt Nam	*(9)*	1.675.266.632	1.675.266.632
- DBS Banic Ltd., Singapore	*(10)*	1.696.747.940.940	1.696.747.940.940
- Ngân hàng MSB	*(11)*	27.407.407.352	27.407.407.352
- Các đối tượng khác		10.660.000.000	10.660.000.000

Trong năm		*Ngày 31/03/2024*	
Tăng	*Giảm*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
37.609.011.260	212.465.079.686	4.349.742.629.342	4.349.742.629.342
-	-	585.690.000	585.690.000
-	-	59.450.000	59.450.000
-	162.281.666.343	1.714.511.436.696	1.714.511.436.696
-	-	10.338.523.142	10.338.523.142
-	23.929.327.343	876.401.989.320	876.401.989.320
-	-	1.675.266.632	1.675.266.632
37.609.011.260	26.254.086.000	1.708.102.866.200	1.708.102.866.200
-	-	27.407.407.352	27.407.407.352
-	-	10.660.000.000	10.660.000.000

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

		Ngày 01/01/2024	
		Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*
b.2 Nợ thuê tài chính dài hạn		**12.851.846.110**	**12.851.846.110**
- Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV Sumi Trust - Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh	*(12)*	2.766.191.414	2.766.191.414
- Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	*(13)*	8.227.305.192	8.227.305.192
- Công ty Thuê Tài Chính TNHH BIDV	*(14)*	1.316.061.504	1.316.061.504
- Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam-CN TP.HCM	*(15)*	542.288.000	542.288.000
Cộng		**4.537.450.543.878**	**4.537.450.543.878**

Trong năm		*Ngày 31/03/2024*	
Tăng	*Giảm*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
	451.988.116	**12.399.365.994**	**12.399.365.994**
-	78.396.648	2.687.794.766	2.687.794.766
-	-	8.227.305.192	8.227.305.192
-	373.583.468	942.478.036	942.478.036
-	-	542.288.000	542.288.000
37.609.011.260	**212.917.859.802**	**4.362.142.495.336**	**4.362.142.495.336**

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

		Ngày 01/01/2024	
		Giá trị	*Lãi suất*
c. Trái phiếu thường			
c.1 Trái phiếu dài hạn đến hạn trả		**299.583.333.336**	
- Loại phát hành theo mệnh giá - Mã trái phiếu TCDH2124002	*(17)*	300.000.000.000	11,5%
- Loại phát hành theo mệnh giá	*(19)*	(416.666.664)	
+ Mã trái phiếu BCLCH2124001			
+ Chi phí phát hành trái phiếu		*(416.666.664)*	
c.2 Trái phiếu dài hạn		**4.477.475.066.659**	
- Loại phát hành theo mệnh giá	*(16)*	497.841.666.659	11,5%
+ Mã trái phiếu BCG122005		*500.000.000.000*	
+ Chi phí phát hành trái phiếu		*(2.158.333.341)*	
- Loại phát hành theo mệnh giá	*(18)*	979.633.400.000	11,0%
+ Mã trái phiếu TCDH2127002		*990.000.000.000*	
+ Chi phí phát hành trái phiếu		*(10.366.600.000)*	
- Loại phát hành theo mệnh giá	*(19)*	2.500.000.000.000	11,0%
+ Mã trái phiếu BCLCH2124001		*2.500.000.000.000*	
+ Chi phí phát hành trái phiếu			
- Loại phát hành theo mệnh giá	*(20)*	500.000.000.000	13,0%
Cộng		**4.777.058.399.995**	

d. Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

	Ngày 31/03/2024		
Kỳ hạn	*Giá trị*	*Lãi suất*	*Kỳ hạn*
	300.000.000.000		
3 năm	300.000.000.000	11,5%	3 năm
	4.479.381.366.658		
5 năm	498.016.666.658	11,5%	5 năm
	500.000.000.000		
	(1.983.333.342)		
5 năm	981.364.700.000	11,0%	5 năm
	990.000.000.000		
	(8.635.300.000)		
3 năm	2.500.000.000.000	11,0%	5 năm
	2.500.000.000.000		
5 năm	500.000.000.000	13,0%	5 năm
	4.779.381.366.658		

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

Chi tiết số dư tại ngày 31/03/2024 của các khoản vay và nợ thuê tài chính được trình bày như sau:

(1) Khoản vay từ các Ngân hàng thương mại theo các Hợp đồng tín dụng của Công ty và các Công ty con, các khoản vay được rút bằng đồng Việt Nam hoặc đồng Đô la Mỹ, dùng để bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo là nhà xưởng, máy móc thiết bị, khoản phải thu đã hình thành luân chuyển và tiền gửi có kỳ hạn thuộc sở hữu của các Công ty con và tài sản của bên thứ ba (Xem Thuyết minh V.01, V.04 và V.10).

(2) Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng vay ngày 10/01/2022 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy và Công ty TNHH Sembcorp Energy Việt Nam, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay là đến ngày 30/06/2024, lãi suất 8%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản của các bên bảo lãnh chi tiết như sau:

Bên bảo lãnh	Tài sản thế chấp
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	Vốn góp vào Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 Vốn góp vào Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2 Tất cả tài khoản ngân hàng của Công ty bao gồm các tài khoản tại Ngân hàng TMCP Nam Á, Ngân hàng TMCP Phương Đông, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Công ty Cổ phần BCG Energy	Vốn góp vào Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 Vốn góp vào Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2 Vốn góp vào Công ty Cổ phần BCG Gaia Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Bình Dương Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bình Dương
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	Tất cả tài sản thuộc Dự án Điện gió Đông Thành 1 Tất cả giấy tờ pháp lý liên quan đến Dự án Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Nam Á
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	Tất cả tài sản và giấy tờ pháp lý thuộc Dự án Nhà máy Điện gió Đông Thành 2 Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Nam Á
Công ty Cổ phần Điện gió Khai Long 1	Tất cả tài sản và giấy tờ pháp lý thuộc Dự án Nhà máy Điện gió khu du lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn 1 Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Nam Á
Công ty Cổ phần Điện gió Khai Long 2	Tất cả tài sản và giấy tờ pháp lý thuộc Dự án Nhà máy Điện gió khu du lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn 2 Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Nam Á
Công ty Cổ phần Điện gió Khai Long 3	Tất cả tài sản và giấy tờ pháp lý thuộc Dự án Nhà máy Điện gió khu du lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn 3 Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Nam Á

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

Bên bảo lãnh	Tài sản thế chấp
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Tất cả tài sản và giấy tờ pháp lý thuộc Dự án nhà máy Điện gió BCG Sóc Trăng 1 Các tài khoản ngân hàng của Công ty tại Ngân hàng TMCP Nam Á, Ngân hàng TMCP Phương Đông
Ông Nguyễn Hồ Nam	5 triệu cổ phiếu trong Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital
Ông Phạm Minh Tuấn	2,369 triệu cổ phiếu trong Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital 22.500 cổ phiếu Công ty Cổ phần BCG Gaia
Bà Hoàng Thị Minh Châu	2.500 cổ phiếu Công ty Cổ phần BCG Gaia

(3) Khoản vay tín chấp của Công ty con - Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch để thanh toán cho nhà thầu xây dựng cũng như các hoạt động kinh doanh của Công ty con. Thời hạn thanh toán dưới 1 năm, lãi suất áp dụng là từ 10,5% đến 12,5%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(4) Đây là khoản vay trung hạn của Công ty con - Công ty Cổ phần Thành Phúc ("Thành Phúc") theo Hợp đồng tín dụng số 4603-LAV-202201817 ngày 21/06/2022. Khoản vay được rút bằng đồng Việt Nam, thời hạn vay 05 năm, trả gốc định kỳ 06 tháng/lần. Lãi suất 9%/năm, trả lãi theo từng quý. Khoản vay được đảm bảo bằng máy móc của Công ty Thành Phúc.

(5) Khoản vay dài hạn của Công ty để mua xe ô tô. Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận tải của Công ty (xem Thuyết minh V.10).

(6) Bao gồm các Hợp đồng vay dài hạn của các Công ty con với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam:

Khoản vay của Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch. Hạn mức tín dụng là 2.623 tỷ đồng để thanh toán chi phí đầu tư Dự án Điện mặt trời Phú Mỹ 123 - Giai đoạn 1. Thời hạn vay đến ngày 05/05/2031, lãi suất được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND cộng biên độ tối thiểu 4%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai và toàn bộ động sản thuộc của công ty con; quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện; toàn bộ cổ phần và quyền tài sản phát sinh từ dự án (xem Thuyết minh V.02; V.10).

Khoản vay bằng Đồng Việt Nam của Công ty Cổ phần BCG Land với hạn mức vay là 6 tỷ đồng nhằm mục đích thanh toán các chi phí liên quan đến 2 xe ô tô, lãi suất được xác định bằng lãi suất cơ bản cộng (+) biên độ tối thiểu 4%/năm với thời gian được xác định theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận tải theo Hợp đồng thế chấp động sản số 14/2022/HĐBĐ/NHCT944-BCGLAND ngày 29 tháng 4 năm 2022 (xem Thuyết minh V.10).

Khoản vay của Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp với hạn mức vay là 400 tỷ đồng nhằm mục đích thanh toán công nợ dự án với thời hạn 36 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 1 tháng một lần và được xác định bằng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 4,5%/năm nhưng không thấp hơn sàn lãi suất cho vay kinh doanh bất động sản của ngân hàng trong từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo là toàn bộ Quyền sử dụng đất thuộc một dự án tại Thành phố Hội An ("Dự án"), tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của Dự án và các tài sản khác đủ điều kiện nhận bảo đảm theo quy định.

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(7) Hợp đồng vay dài hạn của các Công ty con với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng:

Khoản vay dài hạn của Công ty Cổ phần Skylar nhằm đầu tư Dự án điện năng lượng mặt trời. Thời hạn vay đến 19/12/2027, lãi suất được quy định theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ hệ thống điện năng lượng mặt trời mái nhà hình thành trong tương lai và đã hình thành trên các mái nhà theo các Hợp đồng thuê mái; toàn bộ quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê của công ty trong tập đoàn; Toàn bộ phần vốn góp của công ty trong Công ty cùng Tập đoàn; và Bảo lãnh cá nhân của chủ tịch.

(8) Bao gồm các Hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Tiên Phong:

Khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo hợp đồng vay số 213/2020/HDTD/GDH/01 ngày 9/9/2020 mục đích để vay mua 2 xe ô tô mục đích đi lại và chở cán bộ công nhân viên. Thời hạn vay là 72 tháng kể từ ngày 10/9/2020 đến ngày 9/9/2026. Lãi suất áp dụng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên cho đến ngày 09/09/2021 là 9,4%/năm, Lãi các kỳ tiếp theo sẽ được điều chỉnh 3 tháng 1 lần bằng lãi suất cơ sở 3 tháng VND của TPbank tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 4,6%/năm.

Khoản vay của Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long theo Hợp đồng vay dài hạn số 69/2020/HDTD/TTKHDNL MN2/01 ngày 14/01/2021 với hạn mức vay 710 tỷ đồng để tài trợ chi phí đầu tư Dự án Nhà máy điện mặt trời VNECO Vĩnh Long. Thời hạn vay đến ngày 15/01/2036, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ. Hợp đồng vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai của Nhà máy điện mặt trời tại công ty con; quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện.

Khoản vay của Công ty con - Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas thể hiện khoản vay bằng Đồng Việt Nam với tổng hạn mức vay là 800.000.000.000 đồng nhằm mục đích đầu tư Dự án Khu nghỉ mát Malibu MGM Hội An, có thời hạn 24 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên. Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và được xác định bằng lãi suất cho vay cơ sở trung hạn kỳ hạn 09 tháng của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ cụ thể theo từng thông báo nhận nợ. Tài sản đảm bảo là thư bảo lãnh vay vốn của Ngân hàng TMCP Nam Á cho nghĩa vụ của Công ty trong quá trình vay vốn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong

(9) Khoản vay dài hạn của Công ty con – Công ty Taxi Việt Nam theo chương trình tín dụng CP1909CO để mua xe ô tô. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất được quy định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo là xe ô tô hình thành từ vốn vay.

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Chi tiết:

(10) Khoản vay dài hạn nước ngoài giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Gaia và DBS Bank Ltd., Singapore. Giá trị khoản vay 77.500.000 USD được giải ngân toàn bộ vào 06/06/2023. Mục đích vay để tài trợ cho các dự án, hợp đồng hợp tác kinh doanh và kế hoạch kinh doanh. Thời hạn khoản vay 12 năm. Gốc + lãi thanh toán 03 tháng/lần. Ngày trả gốc + lãi đầu tiên là 13/08/2023. Đồng tiền trả Nợ gốc + lãi là USD. Lãi là lãi kép tích lũy với lãi suất bằng tổng phần trăm hàng năm của lãi biên và lãi suất tham chiếu kép (= SOFR +2.9%). Khoản vay được được thế chấp bằng những tài sản chỉ tiết sau:

Bên bảo lãnh	Tài sản thế chấp
Công ty Cổ phần BCG Energy	Vốn góp vào Công ty Cổ phần BCG GAIA Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bắng Dương Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng BCG – Bắng Dương
Công ty Cổ phần BCG GAIA	Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bắng Dương Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Bắng Dương Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng DBS Tất cả quyền và lợi ích phát sinh từ hợp đồng hợp tác kinh doanh
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bắng Dương Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Bắng Dương
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bắng Dương	Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng DBS – Chi nhánh TP.HCM Toàn bộ bất động sản thuộc Dự án Tất cả quyền và lợi ích phát sinh từ Dự án
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Bắng Dương	Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng DBS - Chi nhánh TP.HCM Toàn bộ động sản thuộc Dự án Tất cả quyền và lợi ích phát sinh từ Dự án
Công ty TNHH Sembcorp Energy Việt Nam	Vốn góp vào Công ty Cổ phần BCG GAIA
Ông Phạm Minh Tuấn	Vốn góp vào Công ty Cổ phần BCG GAIA
Bà Phạm Thị Hoàng Châu	Vốn góp vào Công ty Cổ phần BCG GAIA

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(11) Khoản vay theo hợp đồng cho vay số 2501/2021/MSB-GH/HDCV giữa Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam và Công ty Cổ phần Phát triển Điện Gia Huy với số tiền vay là 60.000.000.000 VND. Thời hạn vay: 84 tháng. Mục đích vay để tài trợ chi phí xây dựng dự án điện mặt trời mái nhà do Công ty là chủ đầu tư tại Kho B4, C2, C3, C4, C5, C6, Siêu Thị Gỗ Tây, khu ICD Tân Cảng Long Bình, phường Long Bình, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai - Tại kho xưởng của Công ty Cổ phần Tân Vĩnh Cửu, Long Bình, Biên Hòa, Đồng Nai. Lãi suất 7,3 %/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của Công ty Gia Huy (xem Thuyết minh V.10).

(12) Bao gồm các Hợp đồng thuê tài chính với Công ty Cho Thuê Tài chính TNHH BIDV-SuMi TRUST:

- Khoản thuê tài chính của Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải để mua xe ôtô. Số tiền vay và thời hạn vay được xác định theo từng hợp đồng.

- Khoản thuê tài chính của Công ty con - Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA để mua xe ô tô , thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 8.5%/năm trong 6 tháng đầu, sau đó là Lãi suất tham chiếu.

(13) Khoản vay dài hạn của Công ty con - Công ty Taxi Việt Nam để thuê xe ô tô phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty con. Thời hạn vay và lãi suất được quy định theo từng hợp đồng cho thuê tài chính. Tài sản đảm bảo là khoản tiền ký cược bảo đảm có giá trị tại 31/03/2024 là 833.750.000 đồng.

(14) Đây là khoản nợ thuê tài chính giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Tapiotek và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 2182100039&/HĐCTTC. Thời hạn cho thuê 36 tháng. Lãi suất thuê 7%/năm. Tài sản đảm bảo là khoản tiền ký cược bảo đảm có giá trị tại 31/03/2024 là 389.755.186 đồng.

(15) Đây là khoản thuê tài chính của Công ty con - Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy theo hợp đồng CTTC số 63.22.07/CTTC ký ngày 25/10/2022, thời hạn vay 04 năm. Hợp đồng thuê tài chính này chịu lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng hình thức trả lãi sau áp dụng đối với cá nhân, do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm đó cộng biên độ 2,5%/năm.

(16) Trái phiếu chào bán ra công chúng và đã được niêm yết tại Sàn chứng khoán HNX với Mã trái phiếu là BCG122006. Mệnh giá: 100.000 đồng/Trái phiếu. Kỳ hạn trái phiếu: 5 năm. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, và không có đảm bảo. Trái phiếu có lãi suất kết hợp lãi suất cố định và lãi suất thả nổi được xác định như sau :2 kỳ tính lãi đầu tiên là 11.5%/năm. Các kỳ tính lãi tiếp theo sau 2 kỳ tính lãi đầu tiên là lãi suất thả nổi được xác định theo công thức như sau: Lãi suất = lãi suất tham chiếu tại kỳ tính lãi đó + biên độ 6%/năm.

(17) Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tư vấn phát hành và đại lý lưu ký. Mã trái phiếu là TCDH2124002, ngày phát hành 28/12/2021, số lượng 500.000 trái phiếu, mệnh giá: 1.000.000 đồng/trái phiếu, thời hạn trái phiếu là 36 tháng. Loại hình trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo. Mục đích phát hành để tăng quy mô vốn cụ thể là nâng cao năng lực, tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng và bất động sản.

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(18) Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong tư vấn phát hành và đại lý lưu ký. Mã trái phiếu là TCDH2227002, ngày phát hành 27/09/2022, số lượng 9.900 trái phiếu, mệnh giá: 100.000.000 đồng/trái phiếu, thời hạn trái phiếu là 60 tháng. Loại hình trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo. Mục đích phát hành để cơ cấu lại nợ của Công ty.

(19) Trái phiếu phát hành theo mệnh giá bằng Đồng Việt Nam nhằm mục đích hợp tác đầu tư và/hoặc đầu tư phát triển dự án bất động sản Kinh Dương Vương tại Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh. Tổng mệnh giá là 2.500.000.000.000 đồng, kỳ hạn ba mươi sáu (36) tháng kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2021 và được gia hạn thêm 2 năm đến ngày 31 tháng 3 năm 2026. Lãi suất trong bốn (4) kỳ tính lãi đầu tiên là 11%/năm, sau đó lãi suất được xác định bằng lãi suất tham chiếu công bố tại ngày xác định lãi suất có liên quan cộng (+) biên độ 4%/năm nhưng không thấp hơn 11%/năm. Kỳ tính lãi ba (3) tháng/lần.

Trái phiếu của Công ty đã được đăng ký và cấp mã trái phiếu tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam kể từ ngày 6 tháng 10 năm 2023. Tập đoàn được phép thu hồi một phần hoặc toàn bộ số trái phiếu sau mười hai (12) tháng kể từ ngày phát hành theo các quy định cụ thể.

Khoản trái phiếu này được đảm bảo bằng cổ phần thuộc sở hữu của Công ty và cổ đông khác tại Cồn Bắp, cổ phần thuộc sở hữu của bên thứ ba tại công ty sở hữu dự án bất động sản Kinh Dương Vương tại Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, toàn bộ nguồn thu cùng tất cả quyền và lợi ích phát sinh từ và/hoặc có liên quan đến dự án (khi phát sinh); quyền sử dụng đất của khu vực đất thực hiện (khi có).

(20) Trái phiếu phát hành riêng lẻ do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong làm đại lý lưu ký, tư vấn phát hành. Mã trái phiếu là TNECH2227001, phát hành từ ngày 09 tháng 12 năm 2022 có mệnh giá là 100.000.000 đồng/trái phiếu. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền. Mục đích phát hành là tăng quy mô vốn hoạt động, được đảm bảo bằng các tài sản chi tiết như sau:
- Toàn bộ phần góp vốn thuộc chủ sở hữu của các bên góp vốn tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên;
- Toàn bộ quyền và lợi ích phát sinh từ và liên quan đến Dự án Krông Pa 2 (bao gồm nhưng không giới hạn quyền kinh doanh, khai thác, phát triển Dự án Krông Pa 2, nguồn thu từ Dự án Krông Pa 2 và các quyền tài sản khác phát sinh từ Dự án Krông Pa 2;
- Toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc Dự án Krông Pa 2 (sau khi đủ điều kiện thế chấp theo quy định của pháp luật);
- 19.284.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital thuộc sở hữu của các cá nhân/tổ chức khác;
- Các tài sản và biện pháp bảo đảm khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của tổ chức phát hành và/ hoặc bên thứ ba theo thỏa thuận giữa các bên liên quan được bổ sung, thay thế tại từng thời điểm nhằm bảo đảm cho các nghĩa vụ được bảo đảm của trái phiếu.

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư tại 01/01/2023	**5.334.676.220.000**	**866.926.422.000**	**21.404.860.000**	**464.287.634**	**3.908.796.261**	**426.546.946.425**	**7.145.199.257.700**	**13.799.126.790.020**
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	13.009.796.619	(4.209.936.942)	8.799.859.677
- Tăng/(giảm) do hợp nhất Công ty con	-	-	-	-		(1.940.016.768)	598.636.500.900	596.696.484.133
- Cổ tức đã chia tại công ty con	-	-	-	-	-	-	(11.937.657.385)	(11.937.657.385)
- Trích lập các quỹ tại Công ty con	-	-	-	-	-	(2.764.540.475)	(7.943.389.440)	(10.708.429.915)
Số dư tại 31/03/2023	**5.334.676.220.000**	**866.926.422.000**	**21.404.860.000**	**464.287.634**	**3.908.796.261**	**434.852.185.801**	**7.719.744.274.833**	**14.381.977.046.529**
Số dư tại 01/01/2024	**5.334.676.220.000**	**866.926.422.000**	**210.705.510.000**	**464.287.634**	**3.908.796.261**	**430.511.107.232**	**10.628.551.838.121**	**17.467.744.181.248**
- Lợi nhuận trong kỳ						13.634.044.334	84.547.241.589	98.181.285.923
- Tăng/(giảm) do hợp nhất Công ty con						(11.569.052.037)	163.131.241.300	151.562.189.264
- Cổ tức đã chia tại công ty con						(863.011.627)	(20.646.696.245)	(21.509.707.872)
- Trích lập các quỹ tại Công ty con						(4.972.382.291)	(17.682.002.126)	(22.654.384.417)
Số dư tại 31/03/2024	**5.334.676.220.000**	**866.926.422.000**	**210.705.510.000**	**464.287.634**	**3.908.796.261**	**426.740.705.612**	**10.829.901.622.639**	**17.673.323.564.146**

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 31/03/2024	*Ngày 01/01/2024*
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	5.334.676.220.000	5.334.676.220.000
Cộng	**5.334.676.220.000**	**5.334.676.220.000**

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Lũy kế đến quý 1.2024	*Lũy kế đến quý 1.2023*
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	5.334.676.220.000	5.334.676.220.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	5.334.676.220.000	5.334.676.220.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Ngày 31/03/2024	*Ngày 01/01/2024*
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	533.467.622	533.467.622
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	533.467.622	533.467.622
+ Cổ phiếu phổ thông	*533.467.622*	*533.467.622*
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	533.467.622	533.467.622
+ Cổ phiếu phổ thông	*533.467.622*	*533.467.622*

** Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu*

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	Ngày 31/03/2024	*Ngày 01/01/2024*
- Quỹ đầu tư phát triển	3.908.796.261	3.908.796.261
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	464.287.634	464.287.634

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Ngày 31/03/2024	*Ngày 01/01/2024*
a. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	14.345,79	40.841,53
- Đồng Euro (EUR)	606,95	606,95
b. Nợ khó đòi đã xử lý	*209.235.971.936*	*209.235.971.936*

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Lũy kế đến quý 1.2024	*Lũy kế đến quý 1.2023*
a. Doanh thu	***999.276.150.119***	***726.503.748.399***
- Doanh thu cung cấp hàng hóa, thành phẩm	748.087.513.560	480.968.144.873
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	38.644.972.743	55.211.163.078
- Doanh thu hoạt động xây dựng	13.072.489.650	111.495.234.172
- Doanh thu bảo hiểm	199.471.174.166	78.829.206.276
b. Các khoản giảm trừ doanh thu	***13.838.910.415***	***25.235.788.304***
- Hàng bán bị trả lại	116.609.444	-
- Hoàn, giảm, nhượng tái bảo hiểm	13.722.300.971	25.235.788.304

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Lũy kế đến quý 1.2024	*Lũy kế đến quý 1.2023*
- Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	480.747.532.064	313.170.268.783
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	23.281.204.437	24.805.056.021
- Giá vốn hoạt động xây dựng	11.272.415.919	99.665.101.154
- Giá vốn bảo hiểm	193.890.044.767	57.193.463.861
Cộng	**709.191.197.187**	**494.833.889.819**

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Lũy kế đến quý 1.2024	*Lũy kế đến quý 1.2023*
- Lãi tiền gửi, lãi cho vay	23.003.047.497	47.403.188.133
- Cổ tức, lợi nhuận được chia		-
- Lãi hợp nhất kinh doanh	-	11.398.124.310
- Lãi đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	16.263.125.522	56.081.008.348
- Lãi phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư	332.181.231.150	367.350.953.924
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	591.680.297	83.398.478
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	71 641 386	2.200 690.669
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.797.738.362	390.000
Cộng	**375.911.464.214**	**484.517.753.862**

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Lũy kế đến quý 1.2024	*Lũy kế đến quý 1.2023*
- Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	266.330.192.707	395.763.891.717
- (Hoàn nhập)/ Dự phòng đầu tư tài chính	0	(522.144 269)
- Chi phí phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư	55.995.762.844	141.023.798.987
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.391.926.971	315.657.553
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	58.740.251.905	62.289.901
- Chi phí tài chính khác	25.588.732.932	9.736.366.582
Cộng	**408.049.867.359**	**546.379.860.471**

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Lũy kế đến quý 1.2024	*Lũy kế đến quý 1.2023*
a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	***46.942.306.860***	***24.602.777.193***
- Chi phí nhân viên	1.346.620.152	1.423.753.528
- Chi phí vật liệu, bao bì	224.379.637	81.799.072
- Chi phí đồ dùng, dụng cụ	-	5.081.167
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.526.167	1.955.001
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.269.612.134	21.341.881.244
- Chi phí bằng tiền khác	2.077.168.770	1.748.307.181
b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	***102.480.538.348***	***83.838.611.515***
- Chi phí nhân viên	48.811.151.082	44.000.668.079
- Chi phí vật liệu quản lý	880.457.670	435.919.945
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.788.546.667	1.704.194.897
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.812.100.692	4.949.801.294
- Thuế, phí và lệ phí	4.108.876.926	1.601.592.472
- Dự phòng / (hoàn nhập dự phòng)	780.354.891	(121.812.723)
- Phân bổ lợi thế thương mại	12.016.951.686	13.055.124.065
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.798.232.402	9.373.334.894
- Chi phí khác bằng tiền	10.483.866.332	8.839.788.592

6. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Lũy kế đến quý 1.2024	*Lũy kế đến quý 1.2023*
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	36.348.047.457	49.419.450.320
- Chi phí nhân viên	90.463.356.025	65.802.013.261
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	151.935.135.076	124.186.760.244
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	305.700.189.376	239.664.288.490
- Chi phí bằng tiền khác	42.536.965.749	37.958.157.506
Cộng	627.033.693.683	517.030.669.821

7. THU NHẬP KHÁC

	Lũy kế đến quý 1.2024	*Lũy kế đến quý 1.2023*
- Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.501.024.550	-
- Lãi mua rẻ Công ty con	-	261.159.809
- Tiền phạt vi phạm hợp đồng	54.072.762	-
- Các khoản khác	48.634.521.502	8.879.223.775
Cộng	51.189.618.814	9.140.383.584

8. CHI PHÍ KHÁC

	Lũy kế đến quý I.2024	*Lũy kế đến quý I.2023*
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	40,633,864	-
- Tiền phạt, tiền thuế khác phải đóng do vi phạm hành chính	2.034.217.565	4.211.453.040
- Các khoản khác	5.702.092.554	2.654.442.518
Cộng	**7.776.968.983**	**6.865.895.558**

9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Tập đoàn là 20% thu nhập chịu thuế. Riêng đối với các dự án đầu tư điện mặt trời sẽ áp dụng mức thuế suất và mức ưu đãi thuế theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư theo từng dự án và các quy định về ưu đãi thuế TNDN theo Điều 23, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ("Thông tư 78") - Hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật TNDN, cụ thể như sau:

Tại Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Sạch:

Đối với Nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ - giai đoạn 1 và 2: Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm, được miễn 4 năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2021 đến năm 2024) và giảm 50% trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2025 đến năm 2033).

Tại Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bình Dương:

Đối với Nhà máy điện mặt trời Hanwha – BCG Bình Dương: Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm, được miễn 04 năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2021 đến năm 2024) và giảm 50% trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2025 đến năm 2033).

Tại Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Bình Dương:

Đối với Nhà máy điện mặt trời BCG - Bình Dương: Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm, được miễn 04 năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2019 đến năm 2022) và giảm 50% trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2023 đến năm 2031).

	Lũy kế đến quý I.2024	*Lũy kế đến quý I.2023*
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**117.086.690.890**	**35.410.967.845**
+ Các khoản điều chỉnh tăng / (giảm) lợi nhuận tính thuế	*97.435.497.529*	*49.855.601.440*
- Tổng thu nhập chịu thuế	**214.522.188.419**	**85.266.569.285**
+ Lỗ từ các năm trước chuyển sang	*(104.238.803.343)*	*(25.349.242.508)*
+ Thu nhập được ưu đãi	*(64.977.162.397)*	*(11.892.815.822)*
- Tổng thu nhập tính thuế	**45.306.222.680**	**48.024.510.955**
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**20.003.947.559**	**23.595.600.616**
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	*20.003.947.559*	*23.462.383.474*
+ Khoản thuế truy thu, nộp bổ sung	-	133.217.142

10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

	Lũy kế đến quý 1.2024	*Lũy kế đến quý 1.2023*
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(216.367.781)	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.248.608.192	132.194.975
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(3.130.783.003)	2.833.312.577
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	**(1.098.542.592)**	**3.015.507.552**

11. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Lũy kế đến quý 1.2024	*Lũy kế đến quý 1.2023*
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	13.634.044.334	13.009.796.619
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	533.467.622	533.467.622
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**26**	**24**

12. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Lũy kế đến quý 1.2024	*Lũy kế đến quý 1.2023*
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	13.634.044.334	13.009.796.619
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	533.467.622	533.467.622
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**26**	**24**

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các giao dịch phi tiền tệ ảnh hưởng tới báo cáo lưu chuyển tiền tệ

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng đang được đảm bảo, thế chấp cho các khoản vay

Các khoản tiền và tương đương tiền tại ngày 31 tháng 03 năm 2024 bao gồm 18.580.000.000 đồng đã được bảo đảm, thế chấp cho khoản vay tại các ngân hàng.

3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Lũy kế đến quý 1.2024	*Lũy kế đến quý 1.2023*
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	380.632.813.650	368.682.575.842
Cộng	**380.632.813.650**	**368.682.575.842**

4. Số tiền đã trả thực gốc vay trong năm

	Lũy kế đến quý 1.2024	*Lũy kế đến quý 1.2025*
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	463.951.179.005	693.940.326.407
Cộng	**463.951.179.005**	**693.940.326.407**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Các bên liên quan

Tên đơn vị	Quan hệ
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyên Hoàng	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Land	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Energy	Công ty con
Công ty CP BCG Khu công nghiệp Cần Thơ	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Financial	Công ty con
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA	Công ty con
Công ty TNHH Phoenix Mountain	Công ty con
Công ty TNHH Helios Village	Công ty liên kết trực tiếp (chuyển đổi từ Công ty con sang Công ty liên kết từ ngày 29/02/2024)
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Liên doanh Khai thác và Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thành Phúc	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thương Mại Vxperia	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thanh Hóa	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Skylar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Greensky Infinitive	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Cosmos Solar	Công ty con gián tiếp (giải thể ngày 20/02/2024)
Công ty Cổ phần Herb Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Orchid Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Violet Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Tapiotek	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG GAIA	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Nước Sạch Life Purity	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Bình Dương	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha – BCG Bình Dương	Công ty con gián tiếp

8. CHI PHÍ KHÁC

	Lũy kế đến quý 1.2024	*Lũy kế đến quý 1.2023*
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	40.638.864	-
- Tiền phạt, tiền thuế khác phải đóng do vi phạm hành chính	2.034.217.565	4.211.453.040
- Các khoản khác	5.702.092.554	2.654.442.318
Cộng	**7.776.948.983**	**6.865.895.358**

9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Tập đoàn là 20% thu nhập chịu thuế. Riêng đối với các dự án đầu tư điện mặt trời sẽ áp dụng mức thuế suất và mức ưu đãi thuế theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư theo từng dự án và các quy định về ưu đãi thuế TNDN theo Điều 23, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ("Thông tư 78") - Hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật TNDN, cụ thể như sau:

Tại Công ty Cổ phần Phát triển Tiềm năng Năng lượng Sạch:

Đối với Nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ - giai đoạn 1 và 2: Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm, được miễn 4 năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2021 đến năm 2024) và giảm 50% trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2025 đến năm 2033).

Tại Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bình Dương:

Đối với Nhà máy điện mặt trời Hanwha - BCG Bình Dương: Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm, được miễn 04 năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2021 đến năm 2024) và giảm 50% trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2025 đến năm 2033).

Tại Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Bình Dương:

Đối với Nhà máy điện mặt trời BCG - Bình Dương: Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm, được miễn 04 năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2019 đến năm 2022) và giảm 50% trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2023 đến năm 2031).

	Lũy kế đến quý 1.2024	*Lũy kế đến quý 1.2023*
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**117.686.690.890**	**35.410.967.845**
+ Các khoản điều chỉnh tăng / (giảm) lợi nhuận tính thuế	*97.435.497.529*	*49.855.601.440*
- Tổng thu nhập chịu thuế	**214.522.188.419**	**85.266.569.285**
+ Lỗ từ các năm trước chuyển sang	*(104.238.803.343)*	*(25.349.242.508)*
+ Thu nhập được ưu đãi	*(64.977.162.397)*	*(11.892.815.822)*
- Tổng thu nhập tính thuế	**45.306.222.680**	**48.024.510.955**
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**20.803.947.559**	**23.595.600.616**
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	*20.003.947.559*	*23.462.383.474*
+ Khoản thuế truy thu, nộp bổ sung	-	133.217.142

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

a. Các bên liên quan (Tiếp theo)

Tên đơn vị	Quan hệ
Công ty Cổ phần TCD Plus	Công ty con gián tiếp
Công ty Taxi Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Cồn Bắp	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Tracodi E&C	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Phát triển Điện Gia Huy	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	Công ty liên kết
Công ty TNHH Skylight Power	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH Hanwha DCGE - O&M	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty CP Đầu tư Thương mại DV Gia Khang	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Sơn Long	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Bất Động Sản An Giang	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	Người nội bộ công ty con liên quan
Công ty Cổ phần E Power 1	Người nội bộ công ty con liên quan
Công ty Cổ phần Mega Solar	Người nội bộ công ty con liên quan
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	Người nội bộ công ty con liên quan
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	Người nội bộ công ty con liên quan
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	Người nội bộ công ty con liên quan
Group Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	Công ty liên kết của công ty con
Công ty Cổ phần Biệt thự Nghỉ dưỡng Mỹ Khê	Người nội bộ công ty con liên quan
Công ty Cổ phần Thắng Phương	Người nội bộ công ty con liên quan
Công ty Cổ phần White Magnolia	Người nội bộ công ty con liên quan
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và người công bố thông tin	Ban điều hành

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Các bên liên quan

Tên đơn vị	Quan hệ
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyên Hoàng	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Land	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Energy	Công ty con
Công ty CP BCG Khu công nghiệp Cát Trinh	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Financial	Công ty con
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA	Công ty con
Công ty TNHH Phoenix Mountain	Công ty con
Công ty TNHH Helios Village	Công ty liên kết trực tiếp (chuyển đổi từ Công ty con sang Công ty liên kết từ ngày 29/02/2024)
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Liên doanh Khai thác và Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thành Phúc	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thương Mại Vxperia	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thanh Hóa	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Skylar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Greensky Infinitive	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Cosmos Solar	Công ty con gián tiếp (giải thể ngày 20/02/2024)
Công ty Cổ phần Herb Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Orchid Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Violet Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Taplotek	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG GAIA	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Nước Sạch Life Purity	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Bắng Dương	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bắng Dương	Công ty con gián tiếp

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Ngoại trừ các giao dịch với các bên liên quan phát sinh trong năm đã được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất, giao dịch trọng yếu với các bên liên quan còn lại là:

Đơn vị	Chỉ tiêu	Số tiền
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	Thu lãi tiền hợp tác kinh doanh	1.110.698.631
	Cung cấp hàng hóa, dịch vụ	701.804.966
Công Ty Cổ Phần E Power 1	Lãi cho vay	10.243.480
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	Cung cấp dịch vụ khác	4.500.000.000
	Lãi hợp tác kinh doanh phải trả	4.105.368.247
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	Lãi hợp tác kinh doanh phải thu	2.970.589.041
	Lãi trái phiếu	2.318.630.137
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	69.056.051
	Thuê văn phòng	6.506.247.912
Công ty Cổ phần Thắng Phương	Lãi hợp tác kinh doanh phải thu	7.021.709.589
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.938.320.000
	Lãi cho vay	198.247.090
	Lãi hợp tác kinh doanh	72.444.918.176
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.062.500.000
	Lãi cho vay	19.113.781
	Lãi hợp tác kinh doanh	3.047.682.247
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.062.500.000
	Lãi cho vay	56.387.589
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	Doanh thu cung cấp dịch vụ	766.923.000
	Lãi vay	16.953.424
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	Chi phí vận hành nhà máy điện	3.334.956.000
	Cung cấp dịch vụ	75.000.000
Công ty Cổ phần Mega Solar	Lãi hợp tác kinh doanh	12.050.893.151
	Lãi cho vay	1.278.342
	Lãi vay	483.047.946
Công Ty CP Năng Lượng Dương Phong	Lãi cho vay	16.931.589
Công ty Cổ phần White Magnolia	Thu nhập lãi từ hợp tác kinh doanh	31.039.726.027
Công ty Cổ phần Biệt thự Nghỉ dưỡng Mỹ Khê	Thu nhập lãi từ hợp tác kinh doanh	16.000.455.205
Công ty Cổ phần Bàng Dương E&C	Doanh thu cung cấp dịch vụ	400.000.000
	Mua hàng hóa, dịch vụ	467.978.991
Công ty TNHH Skylight Power	Lãi cho vay	7.211.202

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

c. Thu nhập Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát

Họ tên	Chức danh	Số tiền
Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch HĐQT	60.000.000
Phạm Nguyễn Thiên Chương	Thành viên HĐQT	30.000.000
Bùi Thành Lâm	Thành viên HĐQT	
Nguyễn Tùng Lâm	Thành viên HĐQT	241.500.000
Tan Bo Quan, Andy	Thành viên HĐQT	36.000.000
Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên HĐQT	15.000.000
Vũ Xuân Chiến	Thành viên HĐQT	30.000.000
Đặng Đình Tuân	Thành viên HĐQT	15.000.000
Nguyễn Thế Tài	Tổng Giám đốc	137.000.000
Nguyễn Thanh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	503.201.059
Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	222.900.000
Phạm Hữu Quốc	Kế toán trưởng	469.166.667
Đồng Hải Hà	Trưởng ban kiểm soát	150.000.000
Kou Kou Yiow	Thành viên ban kiểm soát	9.000.000
Nguyễn Việt Cương	Thành viên ban kiểm soát	90.000.000
Cộng		2.008.767.726

d. Số dư cuối năm với các bên liên quan

Tên đơn vị	Chỉ tiêu	Số tiền
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	136	38.413.301.369
	312	2.644.725.959
Công ty Cổ phần Bàng Dương E&C	131	4.356.530.680
	132	2.252.600
	136	200.000.000
Công ty CP Khai Thác Khoáng Sản Bắc Hà	135	6.270.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	123	100.000.000.000
	131	467.986.818
	136	10.259.714.657
	216	120.000.000.000
	337	40.000.000.000
	312	61.536.856.516
	311	31.433.954.751
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	337	104.000.000.000
	311	88.378.088
	312	966.262.461.672
	319	115.772.648.779
	131	4.580.000.000
Công ty TNHH HanWha BCGE - O&M	131	108.000.000
	311	5.972.585.100
Công ty Cổ phần Thắng Phương	136	296.283.050.738
	216	196.000.000.000
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	131	754.294.680
	319	38.936.984

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

A. Số dư cuối năm với các bên liên quan (Tiếp theo)

Tên đơn vị	Chỉ tiêu	Số tiền
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	131	6.945.133.200
	312	717.438.060.078
	136	2.433.170.872.503
	215	9.620.022.927
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	131	3.680.500.000
	215	858.000.000
	216	53.132.000.000
	136	132.012.625.395
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	131	3.380.500.000
	136	165.774.333
	215	2.513.000.000
Công ty Cổ phần Mega Solar	135	35.000.000
	136	781.099.891.215
	319	7.771.500.000
Công Ty CP Năng Lượng Dương Phong	135	822.000.000
	136	1.014.643.394.273
Công ty Cổ phần White Magnolia	136	2.880.026.027
	216	830.000.000.000
Công ty Cổ phần Biệt thự nghỉ dưỡng Mỹ Khê	136	12.785.671.917
	312	2.120.000.000
	216	475.390.000.000
Công ty Cổ phần E Power 1	135	507.967.483.975
	136	7.532.806.105
Công ty TNHH Skylight	135	406.000.000
	136	7.211.202
Ông Nguyễn Hồ Nam	319	4.560.000.000

Giá trị tài sản của bên liên quan được cam kết để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn

Ông Nguyễn Hồ Nam	5 triệu cổ phiếu trong Công ty CP Tập đoàn Bamboo Capital
Ông Phạm Minh Tuấn	2,369 triệu cổ phiếu trong Công ty CP Tập đoàn Bamboo Capital

2. CÁC CAM KẾT

a. Bảo lãnh

Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land đã cam kết bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho toàn bộ nghĩa vụ thanh toán của các lô trái phiếu phát hành như sau:

Bên được bảo lãnh	Bên nhận bảo lãnh	Ngày văn bản bảo lãnh	Kỳ hạn	Giá trị bảo lãnh
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong	21/06/2021	36 tháng	3.000.000.000.000

Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Energy đã cam kết bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho toàn bộ nghĩa vụ thanh toán của các lô trái phiếu phát hành như sau:

Bên được bảo lãnh	Bên nhận bảo lãnh	Ngày văn bản bảo lãnh	Kỳ hạn	Giá trị bảo lãnh
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong	08/12/2022	60 tháng	500.000.000.000

Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng đã thế chấp toàn bộ tài sản thuộc Dự án Nhà máy Điện gió BCG Sóc Trăng 1 và tất cả tài khoản ngân hàng của Công ty tại Ngân hàng TMCP Nam Á để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy từ Sembcorp Energy Vietnam Project I Pte Ltd.

b. Cam kết khác

Theo Thư Thỏa thuận Phí Dịch vụ Đại lý ngày 29 tháng 03 năm 2021 và các Phụ lục thay đổi Phí dịch vụ giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land và Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong, Công ty con phải thanh toán khoản tiền phí dịch vụ đại lý theo một tỷ lệ nhất định dựa trên giá trị mệnh giá trái phiếu của lô trái phiếu trị giá 2.500.000.000.000 đồng từ năm lưu hành thứ hai của trái phiếu bắt đầu từ ngày 31 tháng 03 năm 2022. Theo Thỏa thuận Phí Dịch vụ Trái phiếu ngày 30 tháng 9 năm 2023, mức phí là 3,3% trên giá trị mệnh giá trái phiếu. Tỷ lệ này có thể thay đổi trong tương lai tùy thuộc vào sự thỏa thuận của Công ty và đại lý lưu ký trái phiếu.

3. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty thực hiện toàn bộ hoạt động kinh doanh chỉ trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Chỉ tiêu	Bán hàng hoá	Cung cấp dịch vụ	Xây lắp	Bảo hiểm
Doanh thu thuần	748.087.513.560	38.528.363.299	13.072.489.650	185.748.873.195
Giá vốn	480.747.532.064	23.281.204.437	11.272.415.919	193.890.046.767
Lợi nhuận gộp	**267.339.981.496**	**15.247.158.862**	**1.800.073.731**	**(8.141.173.572)**

4. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 02/2024/NQ-HĐQT-BCGE ngày 31 tháng 1 năm 2024, Tập đoàn đã ký kết hợp đồng nguyên tắc ngày 31 tháng 1 năm 2024 để sở hữu 45% cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa, một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0304374871 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 22 tháng 5 năm 2006. Theo đó, Tập đoàn sẽ thực hiện phát triển thêm Nhà máy đốt rác phát điện Tâm Sinh Nghĩa tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Tây Bắc - huyện Củ Chi, Nhà máy đốt rác Tâm Sinh Nghĩa - Long An, Xã Tân Đông, huyện Thạnh Hóa, Tỉnh Long An, Nhà máy xử lý rác Thành phố Rạch Giá - Kiên Giang tại Xã Mỹ Lâm, Huyện Hòn Đất, Tỉnh Kiên Giang, Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt Thủy Phương tại Xã Thủy Phương, Huyện Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế và Nhà máy xử lý rác thải tại Xã Duy Minh, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam từ việc mua cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa nói trên

5. NỢ TIỀM TÀNG

Tập đoàn đang có một số hợp đồng thuê đất trực tiếp từ Nhà Nước để phục vụ cho các dự án điện mặt trời và điện gió của Tập đoàn. Căn cứ theo các điều khoản trong hợp đồng thuê đất này, việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc hợp đồng thuê được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đánh giá rằng nghĩa vụ khôi phục và giải phóng mặt bằng liên quan đến các dự án điện mặt trời và điện gió là chưa chắc chắn.

Tập đoàn đang có các hợp đồng thuê mái nhà để phục vụ cho các dự án điện mặt trời áp mái của Tập đoàn. Căn cứ theo các điều khoản trong hợp đồng thuê mái nhà này, sau khi kết thúc hợp đồng thuê, Tập đoàn sẽ có nghĩa vụ thu hồi hệ thống điện mặt trời áp mái, khôi phục lại và hoàn trả lại mặt bằng khu vực lắp đặt về tình trạng như nêu tại biên bản bàn giao mặt bằng ban đầu nếu như bên cho thuê mái không mua lại hệ thống này. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đánh giá rằng nghĩa vụ khôi phục và giải phóng mái nhà liên quan đến các dự án điện mặt trời áp mái là chưa chắc chắn.

6. NGHĨA VỤ TÁI CHẾ TẤM QUANG NĂNG

Theo Điều 77 và 78 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP hướng dẫn Luật bảo vệ môi trường ("Nghị định") do Chính phủ ban hành ngày 10 tháng 01 năm 2022, Tập đoàn có trách nhiệm tái chế tấm quang năng sử dụng trong các dự án điện mặt trời khi hết thời hạn sử dụng. Theo hướng dẫn của Nghị định, việc tái chế có thể theo các hình thức là tự thực hiện tái chế, thuê đơn vị tái chế để thực hiện tái chế, ủy quyền cho tổ chức trung gian, hoặc có thể kết hợp các hình thức này. Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn vẫn chưa xác định được phương thức tái chế cũng như tính toán chi phí cho việc tái chế do Nghị định chưa có hướng dẫn cụ thể.

7. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán và Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2023 tự lập.

Lập, ngày 12 tháng 04 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phó Chủ tịch HĐQT
Huỳnh Minh Trường	Phạm Hữu Quốc	Phạm Minh Tuấn

(Theo Giấy ủy quyền số 03/2023/UQ-BCG ngày 01/03/2023)

BẢN SAO

18

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

Báo cáo kết quả việc sử dụng vốn điều lệ đến ngày 28/04/2022 từ đợt phát hành thêm 57.000.000 cổ phiếu riêng lẻ của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 04/2021/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 15/05/2021

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Đơn vị kiểm toán : CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	03 - 06
2. Báo cáo Kiểm toán độc lập	07 - 09
3. Báo cáo kết quả việc sử dụng vốn điều lệ	10 - 15
4. Phụ lục	16 - 16

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị – Người đại diện pháp luật của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital - trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo kết quả việc sử dụng vốn điều lệ đến ngày 28/04/2022 từ nguồn phát hành riêng lẻ 57.000.000 cổ phiếu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 04/2021/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 15/05/2021 và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 10.1/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 18/02/2022, Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 12/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 18/02/2022, Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 32/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 05/04/2022, Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 37/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 16/04/2022, Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 40/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 18/04/2022 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital.

THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital (sau đây gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311315789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/11/2011. Thực hiện Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông, Công ty đã tiến hành đổi tên doanh nghiệp từ Công ty Cổ phần Bamboo Capital thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital và thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 26 ngày 05/09/2022.

- Địa chỉ trụ sở chính: 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP.Thủ Đức, TP.HCM, Việt Nam.
- Hoạt động kinh doanh chính: Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn kế toán, pháp luật); Khai thác đá; Hoàn thiện công trình xây dựng; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Sản xuất điện; Truyền tải và phân phối điện.
- Mã cổ phiếu niêm yết trên HOSE: BCG.
- Vốn điều lệ: 5.033.054.370.000 đồng.

CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO KẾT QUẢ VIỆC SỬ DỤNG VỐN ĐIỀU LỆ

Báo cáo kết quả việc sử dụng vốn điều lệ đến ngày 28/04/2022 từ nguồn phát hành riêng lẻ 57.000.000 cổ phiếu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 04/2021/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 15/05/2021 và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị có liên quan được lập trên các chứng từ pháp lý, các số liệu sổ sách, báo cáo tài chính; tuân thủ luật kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, luật chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan.

Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital cũng như một số văn bản pháp lý quan trọng bao gồm:

- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Bamboo Capital số 04/2021/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 15/05/2021;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 số 03/2021/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 15/05/2021;

- Tờ trình 15/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của Hội đồng Quản trị về việc Phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ;
- Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 10.1/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 18/02/2022 về việc triển khai phương án Phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ;
- Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 12/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 18/02/2022 về việc thông qua hồ sơ đăng ký chào bán;
- Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 32/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 05/04/2022 thông qua triển khai phân phối cổ phiếu chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư,
- Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 37/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 16/04/2022 về việc thông qua việc điều chỉnh thời gian phân phối cổ phiếu chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư;
- Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 40/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 18/04/2022 về việc thông qua kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ;
- Giấy xác nhận số dư tài khoản tiền gửi phong tỏa số tiền thu góp vốn số 582/CV-2022/NAB tại ngày 18/04/2022 của Ngân hàng TMCP Nam Á;
- Công văn số 1558/UBCK-QLCB ngày 29/03/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước V/v Đã nhận được hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo Giấy đăng ký chào bán số 44/2022/CV-BCG ngày 14/3/2022 của Công ty Cổ phần Bamboo Capital;
- Công văn số 2221/UBCK-QLCB ngày 21/04/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước V/v đã nhận Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty Cổ phần Bamboo Capital;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311315789 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp thay đổi lần thứ 25 ngày 05/05/2022;
- Các sổ sách, hồ sơ chứng từ liên quan đến việc giải ngân sử dụng vốn điều lệ từ đợt phát hành.
- Báo cáo kết quả việc sử dụng vốn điều lệ được lập trên cơ sở thực thu, thực chi và là một bộ phận trong tổng dòng tiền chi của Công ty.

MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG BÁO CÁO

Báo cáo Kết quả sử dụng vốn điều lệ từ đợt phát hành riêng lẻ 57.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital đến ngày 28/04/2022 này chỉ nhằm mục đích báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và các nhà đầu tư làm cơ sở phát hành, niêm yết cổ phiếu hoặc công bố thông tin của Công ty. Vì thế, báo cáo Kết quả việc sử dụng vốn điều lệ này có thể không phù hợp để sử dụng vào mục đích khác.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty vào ngày lập báo cáo này gồm có:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông	Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch
Ông	Nguyễn Thế Tài	Phó Chủ tịch - Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Thanh Hùng	Phó Chủ tịch - Phó Tổng Giám đốc
Ông	Phạm Minh Tuấn	Phó Chủ tịch - Phó Tổng Giám đốc
Ông	Bùi Thành Lâm	Thành viên HĐQT
Ông	Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên HĐQT độc lập
Ông	Nguyễn Tùng Lâm	Thành viên HĐQT độc lập
Ông	Phạm Nguyễn Thiên Chương	Thành viên HĐQT độc lập
Ông	Tan Bo Quan Andy	Thành viên HĐQT

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông	Nguyễn Thế Tài	Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Thanh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Hoàng Thị Minh Châu	Phó Tổng Giám đốc

BAN KIỂM SOÁT

Ông	Đồng Hải Hà	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông	Nguyễn Việt Cương	Thành viên
Ông	Kou Kok Yiow	Thành viên

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Ông	Nguyễn Hồ Nam
Ông	Nguyễn Thế Tài

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo kết quả việc sử dụng vốn điều lệ từ nguồn phát hành tăng vốn điều lệ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo tình hình sử dụng vốn điều lệ. Trong quá trình lập báo cáo, Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo kết quả việc sử dụng vốn điều lệ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo kết quả việc sử dụng vốn điều lệ hay không;
- Lập và trình bày Báo cáo kết quả việc sử dụng vốn điều lệ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo kết quả việc sử dụng vốn điều lệ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị Công ty đảm bảo rằng các hồ sơ tài liệu, sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình sử dụng vốn điều lệ của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo kết quả việc sử dụng vốn điều lệ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước.

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị cam kết rằng Báo cáo kết quả việc sử dụng vốn điều lệ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình sử dụng vốn điều lệ sau phát hành của Công ty phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan, phù hợp mục đích sử dụng được Đại Hội Đồng Cổ đông Công ty thông qua.

CAM KẾT KHÁC

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị Công ty cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

M.S.D.N: 0311315789 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN HỒ NAM

Số: 624 /BCKT/TV/2022/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Cổ đông**
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo kết quả việc sử dụng vốn điều lệ đến ngày 28/04/2022 từ nguồn phát hành riêng lẻ 57.000.000 cổ phiếu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 04/2021/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 15/05/2021 và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 10.1/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 18/02/2022, Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 12/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 18/02/2022, Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 32/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 05/04/2022, Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 37/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 16/04/2022, Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 40/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 18/04/2022 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital, tuân thủ theo các phương án đã được Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty thông qua và được Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị lập theo cơ sở kế toán như mô tả tại Mục III và Mục IV phần Báo cáo kết quả việc sử dụng vốn điều lệ đính kèm vào ngày 15 tháng 09 năm 2022 từ trang 10 đến trang 16.

Trách nhiệm của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo kết quả việc sử dụng vốn điều lệ nêu trên của Công ty theo cơ sở kế toán thực thu, thực chi như mô tả tại Mục III và Mục IV báo cáo đính kèm, bao gồm việc xác định cơ sở kế toán thực thu, thực chi là cơ sở có thể chấp nhận được cho việc lập và trình bày Báo cáo và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo kết quả việc sử dụng vốn điều lệ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn, tuân thủ mục đích sử dụng được thông qua tại Đại Hội Đồng Cổ Đông Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo kết quả việc sử dụng vốn điều lệ đến ngày 28/04/2022 từ đợt phát hành thêm 57.000.000 cổ phiếu riêng lẻ của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 04/2021/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 15/05/2021 và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị có liên quan dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo kết quả việc sử dụng vốn điều lệ của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3820 5944 - (028) 3820 5947 - Fax: (028) 3820 5942
Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo kết quả việc sử dụng vốn điều lệ. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo kết quả việc sử dụng vốn điều lệ do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo kết quả việc sử dụng vốn điều lệ, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo kết quả việc sử dụng vốn điều lệ.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo kết quả việc sử dụng vốn điều lệ đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình sử dụng vốn điều lệ đến ngày 28/04/2022 từ đợt phát hành thêm 57.000.000 cổ phiếu riêng lẻ của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 04/2021/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 15/05/2021, phù hợp với chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Vấn đề cần lưu ý

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc đến Mục III và Mục IV phần Báo cáo kết quả việc sử dụng vốn điều lệ đính kèm có mô tả cơ sở lập báo cáo.

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán này thay thế Báo cáo về các phát hiện thực tế số 580/BCKT/TV/2022/AASCS ngày 15/09/2022 về Báo cáo kết quả việc sử dụng vốn đến ngày 28/04/2022 của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital. Lý do là để đáp ứng yêu cầu cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, các nhà đầu tư làm cơ sở phát hành, niêm yết cổ phiếu hoặc công bố thông tin của Công ty. Vì thế, Báo cáo kết quả việc sử dụng vốn này có thể không phù hợp để sử dụng vào mục đích khác.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Phó Tổng Giám Đốc

TẠ QUANG LONG
Số GCN ĐKHN Kiểm toán: 0649-2018-142-1

Kiểm Toán Viên

NGUYỄN VŨ
Số GCN ĐKHN Kiểm toán: 0699-2018-142-1

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực 07008 quyển số 4 SCT/BS
Ngày 11-04-2024

CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Thị Thu Hằng

BÁO CÁO KẾT QUẢ VIỆC SỬ DỤNG VỐN ĐIỀU LỆ

Từ nguồn phát hành riêng lẻ 57.000.000 cổ phiếu đến ngày 28/04/2022 theo
Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 04/2021/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 15/05/2021
và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị có liên quan của
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital (sau đây gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311315789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/11/2011. Thực hiện Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông, Công ty đã tiến hành đổi tên doanh nghiệp từ Công ty Cổ phần Bamboo Capital thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital và thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 26 ngày 05/09/2022.

- Địa chỉ trụ sở chính: 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP.Thủ Đức, TP.HCM, Việt Nam.
- Hoạt động kinh doanh chính: Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn kế toán, pháp luật); Khai thác đá; Hoàn thiện công trình xây dựng; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Sản xuất điện; Truyền tải và phân phối điện.
- Mã cổ phiếu niêm yết trên HOSE: BCG.
- Vốn điều lệ: 5.033.054.370.000 đồng.

II. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các văn bản hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi khác có liên quan.

2. Nguyên tắc ghi nhận vốn điều lệ

Vốn điều lệ là số vốn được các cổ đông góp vốn thông nhất ghi vào Điều lệ hoạt động của Công ty. Công ty phải tổ chức hạch toán chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu theo từng nguồn hình thành vốn và theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Công ty không được ghi nhận vốn góp theo vốn điều lệ trên giấy phép đăng ký kinh doanh. Khoản vốn góp huy động, nhận từ các chủ sở hữu luôn được ghi nhận theo số thực góp, tuyệt đối không ghi nhận theo số cam kết sẽ góp của các chủ sở hữu. Trường hợp nhận vốn góp bằng tài sản phi tiền tệ thì công ty phải ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại ngày góp vốn.

Việc nhận vốn góp bằng các loại tài sản vô hình như bản quyền, quyền khai thác, sử dụng tài sản, thương hiệu, nhãn hiệu... chỉ được thực hiện khi có quy định cụ thể của pháp luật hoặc cơ quan có thẩm quyền cho phép. Khi pháp luật chưa có quy định cụ thể về vấn đề này, các giao dịch góp vốn bằng nhãn hiệu, thương hiệu được ghi nhận như việc đi thuê tài sản hoặc nhượng quyền thương mại.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của doanh nghiệp được xác định bằng ngoại tệ tương đương với một số lượng tiền Việt Nam Đồng, việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ (thừa, thiếu, đủ so với vốn điều lệ) được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp, không xem xét tới việc quy đổi ngoại tệ ra Việt Nam Đồng theo giấy phép đầu tư.

Trường hợp doanh nghiệp ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính bằng Việt Nam Đồng, khi nhà đầu tư góp vốn bằng ngoại tệ theo tiến độ, kế toán phải áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại từng thời điểm thực góp để quy đổi ra Việt Nam Đồng và ghi nhận vào vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần (nếu có).

Trong quá trình hoạt động, không được đánh giá lại số dư Vốn điều lệ có gốc ngoại tệ.

III. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO KẾT QUẢ VIỆC SỬ DỤNG VỐN ĐIỀU LỆ

1. Cơ sở lập Báo cáo kết quả việc sử dụng vốn điều lệ

Báo cáo kết quả việc sử dụng vốn điều lệ đến ngày 28/04/2022 từ nguồn phát hành riêng lẻ 57.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital được lập trên các chứng từ pháp lý, các số liệu sổ sách, báo cáo tài chính; tuân thủ luật kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, các quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán cũng như các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo kết quả việc sử dụng vốn điều lệ được thực hiện được căn cứ vào các văn bản pháp lý sau:

- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Bamboo Capital số 04/2021/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 15/05/2021;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 số 03/2021/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 15/05/2021;
- Tờ trình 15/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của Hội đồng Quản trị về việc Phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ.
- Biên Bản họp và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 10.1/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 18/02/2022 về việc triển khai phương án Phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ;
- Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 12/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 18/02/2022 về việc thông qua hồ sơ đăng ký chào bán;
- Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 32/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 05/04/2022 thông qua triển khai phân phối cổ phiếu chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư;
- Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 37/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 16/04/2022 về việc thông qua việc điều chỉnh thời gian phân phối cổ phiếu chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư;
- Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 40/2022/NQ-HĐQT-BCG ngày 18/04/2022 về việc thông qua kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ;
- Giấy xác nhận số dư tài khoản tiền gửi phong tỏa số tiền thu góp vốn số 582/CV-2022/NAB tại ngày 18/04/2022 của Ngân hàng TMCP Nam Á;

- Công văn số 1558/UBCK-QLCB ngày 29/03/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước V/v Đã nhận được hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo Giấy đăng ký chào bán số 44/2022/CV-BCG ngày 14/3/2022 của Công ty Cổ phần Bamboo Capital;
- Công văn số 2221/UBCK-QLCB ngày 21/04/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước V/v đã nhận Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty Cổ phần Bamboo Capital;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311315789 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP HCM cấp thay đổi lần thứ 25 ngày 05/05/2022;
- Các sổ sách, hồ sơ chứng từ liên quan đến việc giải ngân sử dụng vốn điều lệ từ đợt phát hành.
- Báo cáo kết quả việc sử dụng vốn điều lệ được lập trên cơ sở thực thu, thực chi và là một bộ phận trong tổng dòng tiền chi của Công ty.

2. Mục đích sử dụng báo cáo

Báo cáo Kết quả sử dụng vốn điều lệ từ đợt phát hành riêng lẻ 57.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital đến ngày 28/04/2022 này chỉ nhằm mục đích báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và các nhà đầu tư làm cơ sở phát hành, niêm yết cổ phiếu hoặc công bố thông tin của Công ty. Vì thế, báo cáo Kết quả việc sử dụng vốn điều lệ này có thể không phù hợp để sử dụng vào mục đích khác.

IV. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN ĐIỀU LỆ

Phương án sử dụng vốn điều lệ sau phát hành đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông Công ty thông qua là toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng với mục đích bổ sung vốn cho Công ty Cổ phần BCG Land để thực hiện các giao dịch liên quan đến dự án bất động sản, bao gồm nhưng không giới hạn việc mua bán sáp nhập, đầu tư, liên doanh, liên kết...

Đại Hội Đồng Cổ Đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty xây dựng phương án sử dụng vốn điều lệ chi tiết, đồng thời cho phép Hội đồng Quản trị việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn điều lệ thu được từ đợt chào bán phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và thực hiện các thủ tục công bố thông tin theo đúng quy định.

Cụ thể phương án sử dụng vốn điều lệ được thông qua như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Mục đích sử dụng	Số tiền theo phương án được ĐHĐCĐ, HĐQT thông qua	Thời điểm giải ngân	Ghi chú
1	Góp vốn vào Công ty Cổ phần BCG Land	1.200.000.000.000	Năm 2022	Công ty con – Công ty Cổ phần BCG Land sử dụng tiền góp vốn để thực hiện các giao dịch liên quan đến dự án bất động sản.

V. KẾT QUẢ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ THEO PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ

1. Phương án chào bán:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Bamboo Capital
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phiếu chào bán: 60.000.000 cổ phiếu, trong đó:
- Giá chào bán: 20.000 đồng/cổ phiếu.
- Tổng giá trị vốn huy động dự kiến:
  + Theo mệnh giá: 600.000.000.000 đồng (sáu trăm tỉ đồng).
  + Theo giá chào bán: 1.200.000.000.000 đồng (một ngàn hai trăm tỉ đồng).
- Tỷ lệ số cổ phiếu đăng ký chào bán thêm trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 13,44%.
- Đối tượng chào bán: là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định tại Luật chứng khoán 2019.
- Phương thức xử lý số cổ phiếu nhà đầu tư không đặt mua hết: Số lượng cổ phiếu nhà đầu tư không đặt mua hết sẽ bị hủy bỏ.
- Thời gian nhận đăng ký mua và nộp tiền: Từ ngày 06/04/2022 đến ngày 18/04/2022.
- Ngày chuyển giao cổ phiếu: 10/05/2022.
- Mục đích đợt phát hành tăng vốn: là để góp vốn vào Công ty Cổ phần BCG Land (Công ty Cổ phần BCG Land sử dụng tiền góp vốn thực hiện các giao dịch liên quan đến dự án bất động sản)
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

2. Kết quả tổng hợp từ đợt phát hành cổ phiếu từ ngày 29/03/2022 đến ngày 21/04/2022:

2.1 Tổng số lượng cổ phiếu đã phân phối

Số lượng cổ phiếu trước thời điểm phát hành	**: 446.305.437 cổ phiếu**
- Tổng số cổ phiếu đã phát hành	: 446.305.437 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	: 446.305.437 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ	: 0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu phát hành trong đợt này	**: 57.000.000 cổ phiếu**
- Số lượng cổ phiếu phát hành riêng lẻ	: 57.000.000 cổ phiếu
Tổng số cổ phiếu sau đợt phát hành từ ngày 29/03/2022 đến ngày 21/04/2022	**: 503.305.437 cổ phiếu**
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	: 503.305.437 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ	: 0 cổ phiếu

2.2 Tổng tiền thu từ đợt chào bán : **1.140.000.000.000 đồng**

2.3 Tổng chi phí từ đợt phát hành : **44.000.000 đồng**

Phí kiểm toán : 44.000.000 đồng.

2.4 Tổng tiền thu thuần từ đợt chào bán : **1.139.956.000.000 đồng**

2.5 Vốn điều lệ sau đợt phát hành tăng vốn

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Số vốn trước đợt phát hành	Số phát sinh tăng trong kỳ (Từ 29/03/2022 đến 21/04/2022)		Số vốn sau đợt phát hành
		Tăng	Giảm	
I. Vốn điều lệ	**4.463.054.370.000**	**570.000.000.000**	**-**	**5.033.054.370.000**
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu thường	4.463.054.370.000	570.000.000.000	-	5.033.054.370.000
II. Thặng dư vốn cổ phần	**297.060.422.000**	**570.000.000.000**	**44.000.000**	**867.016.422.000**
Cộng	4.760.114.792.000	1.140.000.000.000	44.000.000	5.900.070.792.000

Ghi chú: Tổng số tiền thu từ đợt phát hành là 1.140.000.000.000 đồng tương ứng 57.000.000 cổ phiếu được thực hiện thông qua tài khoản Ngân hàng.

VI. BÁO CÁO KẾT QUẢ VIỆC SỬ DỤNG VỐN ĐIỀU LỆ THEO PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH TỪ NGÀY PHÁT HÀNH ĐẾN NGÀY 28/04/2022

Từ ngày hoàn thành việc phát hành tăng vốn đến ngày 28/04/2022, Công ty đã giải ngân số vốn được huy động nêu trên theo nội dung như sau:

1./ Nguồn vốn huy động từ phát hành Cổ phiếu: 1.140.000.000.000 đồng

2./ Số tiền đã giải ngân đến ngày 28/04/2022: 1.140.000.000.000 đồng

3./ Nguồn vốn còn lại chưa giải ngân hết đến 28/04/2022 (3) = (1) - (2): 0 đồng

BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN ĐIỀU LỆ THỰC TẾ ĐẾN NGÀY 28/04/2022

Đơn vị tính : Đồng

STT	Mục đích sử dụng	Số tiền theo phương án được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua	Thực chi	Ghi chú
I	Góp vốn vào Công ty Cổ phần BCG Land (Công ty con – Công ty Cổ phần BCG Land sẽ sử dụng tiền góp vốn để thực hiện các giao dịch liên quan đến dự án bất động sản)	**1.200.000.000.000**	**1.140.000.000.000**	Thực chi ít hơn do số thực tế huy động thấp hơn số tiền theo phương án dự kiến tại đại hội cổ đông, Hội đồng Quản trị.

Ghi chú: Chi tiết xem phụ lục đính kèm tại trang 16.

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 15 tháng 09 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

NGUYỄN HỒ NAM

Phụ lục

BÁO CÁO CHI TIẾT KẾT QUẢ VIỆC SỬ DỤNG VỐN ĐIỀU LỆ THỰC TẾ

ĐẾN NGÀY 28/04/2022

Đơn vị tính : đồng

STT	NỘI DUNG SỬ DỤNG VỐN ĐƯỢC CHẤP THUẬN QUA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	GHI CHÚ	NGÀY THANH TOÁN QUA NGÂN HÀNG	SỐ TIỀN
1	Góp vốn vào Công ty Cổ phần BCG Land (Công ty con – Công ty Cổ phần BCG Land sẽ sử dụng tiền góp vốn để thực hiện các giao dịch liên quan đến dự án bất động sản)	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital chuyển tiền góp vốn vào công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land (Ủy nhiệm chi ngày 22/04/2022 số tiền 1.140.000.000.000 đồng qua Ngân hàng TMCP Nam Á) - để Công ty Cổ phần BCG Land thanh toán tiền mua Cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch Vụ Gia Khang (đơn vị đang thực hiện dự án bất động sản King Crown Infinity) cho Bà Phạm Thị Ngọc Thanh (253.300.000.000 đồng) và Bà Huỳnh Thị Kim Tuyến (335.250.000.000 đồng) ; Hợp tác kinh doanh với Công Ty TNHH Phoenix Mountain (đơn vị Chủ đầu tư dự án bất động sản Điểm Du lịch 2A Quy Nhơn Sông Cầu) số tiền 546.450.000.000 đồng. Chi tiết các lần chi từ Công ty Cổ phần BCG Land như sau.	22/04/2022	1.140.000.000.000
		- Ủy nhiệm chi qua tài khoản Ngân hàng TMCP Nam Á cho bà Phạm Thị Ngọc Thanh để thanh toán tiền mua 17.220.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư TM Dịch vụ Gia Khang	*22/04/2022*	*258.300.000.000*
		- Ủy nhiệm chi qua tài khoản Ngân hàng TMCP Nam Á cho bà Huỳnh Thị Kim Tuyến để thanh toán tiền mua 22.350.0000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư TM Dịch vụ Gia Khang	*22/04/2022*	*335.250.000.000*
		- Ủy nhiệm chi qua tài khoản Ngân hàng TMCP Nam Á theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1103/2022/BCGL-PMC ngày 11/03/2022 với Công Ty TNHH Phoenix Mountain	*22/04/2022*	*246.450.000.000*
		- Ủy nhiệm chi qua tài khoản Ngân hàng TMCP Nam Á theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1103/2022/BCGL-PMC ngày 11/03/2022 với Công Ty TNHH Phoenix Mountain	*22/04/2022*	*60.000.000.000*
		- Ủy nhiệm chi qua tài khoản Ngân hàng TMCP Nam Á theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1103/2022/BCGL-PMC ngày 11/03/2022 với Công Ty TNHH Phoenix Mountain (số tiền được Công ty xác định từ nguồn của đợt phát hành cổ phiếu chỉ là 240 tỷ đồng trong tổng số 300 tỷ của ủy nhiệm chi, phần chênh lệch 60 tỷ đồng được sử dụng từ nguồn vốn khác)	*27/04/2022*	*240.000.000.000*

TP. HCM, Ngày 15 tháng 09 năm 2022
Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

NGUYỄN TỐ NAM